100 chính Luận

Trần Trung Đạo

100 CHÍNH LUẬN

Tác phẩm của Trần Trung Đạo
Bìa: Uyên Nguyên
Biên tập và trình bày: Hoài An
Cổ Loa xuất bản
Bản quyền © 2018, Trần Trung Đạo

TRẦN TRUNG ĐẠO

100 CHÍNH LUẬN

Tập 2

CỔ LOA, 2018

"Như lịch sử đã chứng minh, chính nghĩa bao giờ cũng thắng. Không có vũ khí nào mạnh hơn sức mạnh đoàn kết dân tộc. Chỉ có sức mạnh Đoàn Kết Dân Tộc, chúng ta mới có khả năng bảo vệ được chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam, chỉ có sức mạnh Đoàn Kết Dân Tộc chúng ta mới có khả năng vượt lên những hệ lụy quá khứ để hướng vào tương lai tươi sáng cho đời đời con cháu mai sau và chỉ có sức mạnh Đoàn Kết Dân Tộc chúng ta mới có khả năng phục hồi sự kính trọng Việt Nam trong lân quốc cũng như trong bang giao quốc tế".

TRẦN TRUNG ĐẠO

"Không phải người đi xa mới thấm thía nỗi đau của kẻ thiếu quê hương mà cả những người sống trên đất nước vẫn đi tìm kiếm quê hương, và quê hương chúng tôi đang tìm kiếm, không chỉ là núi đồi, sông biển, ruộng vườn, cây trái nhưng còn là một quê hương có khối óc tự do, có tâm hồn nhân bản, có trái tim dân chủ, có đôi chân tiến về phía trước và đôi tay kiến tạo một xã hội thanh bình, thịnh vượng cho mãi mãi Việt Nam".

TRẦN TRUNG ĐẠO

CHÍNH LUẬN TRẦN TRUNG ĐẠO: THÔNG ĐIỆP GỬI QUÊ NHÀ VIỆT NAM*

GS. TRẦN VĂN THÀNH

Chính Luận là tập hợp các bài nghị luận tản mạn đa dạng về nhiều biến cố, dữ kiện, thông tin lịch sử, chính trị, và xã hội trên thế giới. Tác giả khéo léo dẫn giải để rút tỉa ra những bài học về tự do dân chủ và tương lai cho Việt Nam.

Rất tiếc tác giả hay nhà xuất bản đã không tổng kết những ý chính rút ra từ các bài nghị luận của từng phần để độc giả dễ hiểu và thu thập được ý chính của tác giả. Tuy nhiên độc giả sẽ phải công nhận Trần Trung Đạo là nhà văn nhậy cảm trước những biến cố lịch sử của nhân loại và luôn luôn quan tâm đến vận mệnh Việt Nam. Ông thu thập tài liệu từ nhiều nguồn rồi nghiền ngẫm tìm ra bài học hay câu trả lời liên quan đến tương lai Việt Nam. Độc giả cũng sẽ nhận ra ngay những quan tâm của ông về Việt Nam cũng chính là quan tâm của nhiều người trong chúng ta. Tôi thích ngay thông điệp ông gửi đi từ bài đầu tiên của tác phẩm: "…Trước khi thắng được ngoại xâm, một dân tộc phải biết vượt qua mọi bất đồng, biết hy sinh, biết đòan kết thành một mối, và nếu cần, phải biết chết cho các thế hệ tương lai của dân tộc được sống còn".

---

* Trích trong bài phát biểu của nhà thơ Trần Thu Miên tức Giáo sư Trần Văn Thành (Đại học Boston College), trong chương trình giới thiệu *Chính luận* Trần Trung Đạo tại Boston 16/11/2014.

Hay quá và nghe quen quá. Ông nói giùm chúng ta. Và điều ông nói phải làm chúng ta suy nghĩ. Ngoại xâm của chúng ta, của dân tộc Việt Nam, không phải chỉ là Tàu, nhưng chính là tà thuyết và bạo quyền Cộng Sản. Vậy muốn thắng được ngoại xâm của tà thuyết Cộng Sản ở Việt Nam chúng ta phải làm gì? Chúng ta đã làm được điều tác giả đưa ra chưa? Hay chúng ta vẫn mất quá nhiều sinh lực và thời gian để đánh phá lẫn nhau?

Những bài nghị luận của ông đều có sức lôi cuốn, nhưng tôi chú ý nhất là các bài viết trong phần ông bàn về tẩy não.

Tẩy não là một tiến trình thay đổi tư duy của cá nhân, tập đoàn, hay xã hội. Thật ra thì ở một độ mức nào ấy, tất cả chúng ta đều bị tẩy não vì quan niệm chính trị, đức tin tôn giáo, hay ý thức hệ. Sự khác biệt là chúng ta được tẩy não để làm những việc thiện để có can đảm sống tự do chết cho tự do hay đòi được sống tự do.

Tẩy não không chỉ xảy ra trong xã hội loài người nhưng cả thú vật và côn trùng nữa. Tạp chí National Geographic, tháng 11 năm 2014 có bài tường thuật của Carl Zimmer về sự tẩy não của côn trùng và súc vật. Thí dụ như loài dế vườn (house cricket) không sống dưới nước được, nhưng chả may ăn phải con mồi có trứng của một loài trùng nước, trứng trùng nước trưởng thành trong thân xác chú dế vườn; rồi đến lúc phải thoát ra khỏi xác dế để xuống nước, trùng đã điều khiển não bộ của dế để làm theo ý mình. Dù dế vườn vốn sợ nước, nay không còn sợ nữa, và tự động đi tìm vũng nước để lao đầu xuống. Con trùng nước đương nhiên chui ra khỏi xác dế để tiếp tục sinh trưởng còn chú dế chết tan thây trong nước hay làm mồi cho cá.

Tiến trình tẩy não của cộng sản là một tiến trình nhằm thay đổi toàn diện tư duy của cá nhân, tập đoàn, hay xã hội. Con người và xã hội bị tẩy não theo các phương pháp tẩy não của cộng sản không còn khả năng tư duy độc lập nhưng phải nghĩ và làm theo những

giáo điều hay quy luật định sẵn. Như tác giả dẫn chứng, từ vựng Brainwashing là từ được nhà báo Edward Hunter đặt ra ở giữa thế kỷ 20, sau khi đảng Cộng sản Trung Hoa thống nhất Hoa Lục năm 1951 và thực hiện chiến dịch "Cải cách Tư tưởng" của người dân Trung Hoa. Ông Hunter là nhà báo của CIA và cũng từng làm chủ bút cho tập san (Tatics), tập san chuyên về chiến tranh tâm lý của Hoa Kỳ. Ông Hunter dịch chữ "Hsin Nao" từ tiếng Tàu sang Anh văn là Brainwashing. Hsin Nao có nghĩa là "Scrub the brain" hay "cạo não bộ". Không biết ai là người đầu tiên đã dùng từ Tẩy Não trong tiếng Việt Nam.

Trong cuộc chiến Đại Hàn, chính phủ Hoa Kỳ và dân chúng Hoa Kỳ đã kinh ngạc vì trong số khoảng 5 ngàn lính Mỹ bị bắt làm tù binh chiến tranh đã ký tên vào những bản thú tội lên án tội ác chiến tranh của chính phủ Hoa Kỳ. Những người lính Mỹ bị tù đã thú tội vì bị hạch hỏi và tra tấn quá độ. Trong hoàn cảnh cực kỳ kinh hãi dưới sự tra tấn, ít ai có thể chống lại được sự áp chế của người tra tấn mình. Cũng may là chỉ trong thời gian ngắn sau khi được ra tù, đa số những cựu tù binh này đã vượt qua được kinh nghiệm tẩy não, và dĩ nhiên, là họ đã không trở thành những người cộng sản.

Cộng sản Việt Nam đã áp dụng những chính sách tẩy não mà cộng sản Tàu đã áp dụng. Kết quả là người dân Việt Nam đã bị đầu độc bằng tuyên truyền dối trá không ngừng. Nghe riết những lời dối trá rồi tin và không còn khả năng phân biệt giữa thiện và ác, giữa dối trá và sự thật.

Có ít nhất là hai loại người đã bị tẩy não tại Việt Nam. Những người tự nguyện được tẩy não để trở thành những đảng viên cộng sản chuyên chính, và đa số còn lại là bị cưỡng ép tẩy não. Như ông Trần Trung Đạo đã đưa trường hợp Võ Nguyên Giáp để minh dẫn một hậu quả của tẩy não ở Việt Nam, đấy là sự sợ hãi liên lỉ. Chúng ta cũng đã nghe trường hợp ông Trần Đức Thảo, một trí thức chuyên gia về

"Hiện tương luận" và chủ thuyết "Cộng sản", người được mặc những chiếc áo huyền thoại thiên tài triết học của Việt Nam. Ông Trần Đức Thảo sang tới Pháp rồi mà vẫn còn bị khiếp sợ, không dám nói và làm như ý mình.

Cũng theo lời trình bày của Trần Trung Đạo, muốn chữa được tâm bệnh sợ hãi vì đã bị tẩy não, người Việt Nam và nhất là giới trí thức Việt Nam phải tỉnh ngộ nhìn ra sự thật, và vượt qua được sự sợ hãi. Như vậy cộng đồng ly hương tỵ nạn chúng ta phải làm gì?

Thưa chúng ta phải nhất quán nói lên sự thật. Tìm đủ cách để chuyên trải, truyền đạt chính nghĩa tự do dân chủ về quê nhà Việt Nam. Muốn có một tiếng nói nhất quán trung thực, chúng ta phải vượt qua khỏi hàng rào nghi ngờ chống phá nhau. Chúng ta phải tỉnh ngộ để cùng gióng lên một tiếng nói chung. Tiếng nói đòi Tự do Dân chủ cho quê nhà Việt Nam. Hãy nghe lời tác giả tâm tình: "Ngọn nến trước khi tắt thường bật sáng, vì tương lai dân tộc, các ông các bà hãy sáng lên sự thật một lần trước ngày chết."

Cảm ơn Trần Trung Đạo đã miệt mài suy tư và quan tâm về vận mệnh và tương lai Việt Nam. Mời quí vị nhiệt tình đón nhận món quà tinh thần mà tác giả đã cống hiến cho chúng ta và cho Việt Nam.

Boston, ngày 16 tháng 11 năm 2014

VIỆT NAM KHÔNG PHẢI LÀ MIẾN ĐIỆN

Mỗi khi có một cuộc cách mạng dân chủ hay thắng lợi của phong trào dân chủ tại một nước độc tài nào đó, những người Việt quan tâm đến tương lai đất nước thường ngậm ngùi tự hỏi tại sao không phải là Việt Nam.

Đọc tin chiến thắng của Liên minh Dân tộc vì Dân chủ (National League for Democracy, NLD) dưới sự lãnh đạo của bà Aung San Suu Kyi và nền dân chủ tại Miến Điện đang được phục hồi lần đầu sau 25 năm dưới chế độ quân phiệt, những người Việt quan tâm đó chắc lại một lần nữa thở than tại sao sau bao nhiêu năm Việt Nam vẫn chưa có một Aung San Suu Kyi, chưa tạo được một phong trào đối kháng có khả năng lật đổ chế độ cộng sản Việt Nam.

Thật sự, điều kiện chính trị của Miến Điện khác nhiều so với Việt Nam.

Cơ sở hạ tầng của NLD hoạt động chặt chẽ, phong trào dân chủ Việt Nam chỉ mới hình thành

Đảng đối lập NLD có cơ sở hạ tầng vững chắc và đã thắng 396 trong tổng số 485 ghế Quốc hội trong cuộc bầu cử dân chủ công khai được quốc tế công nhận năm 1990, trước khi bị đám quân phiệt đàn áp. Cơ sở hạ tầng đó không bị tiêu diệt hay chết dần theo thời gian mà đã tiếp tục lớn lên. Ngay cả các đại diện ngoại giao và

quốc tế của NLD vẫn tiếp tục hoạt động ngoài Miến Điện sau khi bà Aung San Suu Kyi bị tù. Phong trào dân chủ Việt Nam chưa bao giờ có được cơ hội hoạt động công khai hay bán công khai. Các phong trào xã hội tại Việt Nam còn rất non trẻ và các lãnh đạo của phong trào lần lượt bị tù đày.

Quân phiệt Miến độc tài, cộng sản Việt Nam toàn trị

Tập đoàn lãnh đạo Miến Điện dù sao cũng chỉ là một tập đoàn quân phiệt tay ngang, võ biền chứ không phải là một chế độ độc tài toàn trị được tổ chức tinh vi, nắm trong tay không những quân đội, công an, nhà tù, sân bắn mà còn có khả năng kiểm soát từng ngôi chùa, nhà thờ, thánh thất, từng hộ khẩu, từng cân đường, cân gạo của mỗi người dân như đảng Cộng sản Việt Nam. Giới lãnh đạo Việt Nam đối với Trung Quốc thì rụt rè, khép nép nhưng trấn áp dân mình thì rất giỏi.

Quân phiệt Miến xa rời lịch sử, cộng sản Việt Nam sống bám vào lịch sử

Tập đoàn quân phiệt Miến không có chỗ dựa lịch sử. Lịch sử đứng về phía bà Aung San Suu Kyi và nhân dân Miến. Đảng Cộng sản Việt Nam thì khác, họ bám sâu vào cây đại thụ dân tộc Việt Nam, sinh sôi nẩy nở bằng nhựa nguyên và nhựa luyện Việt Nam. Đảng cộng sản đồng hóa đảng và dân tộc, lịch sử đảng và lịch sử dân tộc. Bộ máy tuyên truyền của đảng giải thích lịch sử theo quan điểm của đảng. Quá trình hình thành và phát triển của đảng Cộng sản Việt Nam là một quá trình đầy ngộ nhận lịch sử và họ tồn tại đến ngày nay, một phần cũng nhờ vào những ngộ nhận đó.

Quân phiệt Miến kiểm soát bậc đại học, cộng sản Việt Nam đầu độc tuổi trẻ từ khi biết nói

Quân phiệt Miến độc tài nhưng không theo đuổi chính sách tẩy não tận cùng như cộng sản Việt Nam đã và đang làm với các thế hệ

Việt Nam. Tuổi trẻ Việt Nam lớn lên trong nền giáo dục một chiều và phản khoa học. Họ được dạy sự có mặt của đảng cộng sản trong đời sống chính trị và sinh hoạt xã hội Việt Nam tự nhiên chẳng khác gì bốn mùa xuân hạ thu đông. Nói như Marx, tự do là sự thừa nhận các quy luật tất yếu, và sự tồn tại của đảng Cộng sản Việt Nam cũng được giải thích như là tất yếu. Nền giáo dục vẹt tồn tại trong xã hội Việt Nam từ bao nhiêu năm qua đã giết chết mọi mầm mống sáng tạo tự nhiên trong con người. Sự nô lệ trí thức như là một loại vi trùng sinh sôi và lan rộng trong từng con người, qua nhiều thế hệ, xói mòn và tàn phá tính khai phóng, làm thui chột tính sáng tạo trong con người. Suy nghĩ lạc hậu đó được tiêm vào nhận thức tuổi thơ từ khi các em mới tập nói và cũng tồn tại trong một số không ít những người được gọi là trí thức. Muốn tháo gỡ ra, muốn tách hệ ý thức lạc hậu đó ra, mà không phải làm ung thối đi nguồn nhựa sống hay làm ngã cây cổ thụ dân tộc, không phải là một chuyện dễ dàng.

Quân phiệt Miến bị thế giới cô lập, cộng sản Việt Nam được Tàu nuôi dưỡng

Không giống tập đoàn quân phiệt Miến cô đơn trong lòng dân tộc và bị cô lập về mặt quốc tế, cộng sản Việt Nam đang được Tàu nuôi dưỡng. Như đã phân tích trước đây trong bài Trung Cộng không đáng sợ, mặc dù không công khai tuyên bố, giới lãnh đạo cộng sản Trung Quốc cũng biết hiện nay chỉ còn năm quốc gia theo một loại chủ nghĩa mà giáo sư sử học Roderick Macfarquhar, thuộc Đại học Harvard, gọi là chủ nghĩa Lenin không có Marx, tức một nhà nước chuyên chính sắt máu nhưng không còn dựa trên nền tảng triết lý duy vật. Hai cơ chế chính trị cộng sản Trung Quốc và cộng sản Việt Nam có một mối quan hệ hữu cơ mật thiết với các yếu tố tương quan và phụ thuộc vào nhau. Sự lệ thuộc về chính trị của Việt Nam vào Trung Cộng không chỉ giúp để giữ an toàn phòng tuyến phía nam Trung Cộng mà còn tránh sự sụp đổ dây chuyền

trong trường hợp cách mạng dân chủ tại Việt Nam diễn ra trước. Không có bình sữa của Tàu, cộng sản Việt Nam chết khô, chết héo từ lâu rồi.

Bài học Miến Điện cho phong trào dân chủ Việt Nam

- Chọn lựa đúng thời điểm đấu tranh trực diện

Báo chí và dư luận ca ngợi bà Aung San Suu Kyi như một lãnh tụ tài ba và can đảm, và không ít người cũng ca ngợi Thein Sein như một lãnh đạo thức thời đã mở ra cánh cửa mới cho xứ sở ông ta. Vâng. Bà Aung San Suu Kyi là một lãnh tụ tài ba, can đảm và có tầm nhìn xa vào tương lai Miến Điện. Việc bà chấp nhận được trả tự do trong lúc hàng trăm bạn chiến đấu của bà vẫn còn đang bị tù và chỉ sáu ngày sau cuộc bầu cử trong đó cánh quân phiệt chiếm đại đa số trong quốc hội là một chọn lựa hết sức can đảm. Hai mươi năm trước đó, chiều ngày 11 tháng Giêng năm 1990, Nelson Mandela cũng chọn lựa để bước ra khỏi cổng nhà tù Victor Verster trong lúc các bạn chiến đấu của ông vẫn còn bị tù. Với bà Aung San Suu Kyi và Nelson Madela, tự do không phải là tự do cho riêng họ mà chỉ là bước đầu trong hành trình đầy gian nan phục hưng đất nước. Cả hai đã chọn đúng thời điểm để đấu tranh trực diện.

- Sức mạnh nhân dân là nền tảng

Không thể phủ nhận vai trò lãnh đạo về mặt tinh thần và tổ chức của bà Aung San Suu Kyi. Tuy nhiên những người quyết định vận mạng Miến Điện không phải là Aung San Suu Kyi hay Thein Sein mà chính là nhân dân Miến suốt 53 năm dài vẫn kiên trì tranh đấu cho tự do dân chủ. Cuộc đấu tranh đó bắt đầu từ 1962, 26 năm trước biến cố đẫm máu 8888 (8/8/1988) mà bà Aung San Suu Kyi tham gia. Nhắc lại, cuộc nổi dậy 8888 bắt đầu vào tuần lễ đầu tháng 7 năm 1988 của nhiều trăm ngàn dân Miến đòi dân chủ và đã bị tập đoàn quân phiệt đàn áp một cách dã man. Cảnh sát và quân

đội được lệnh bắn thẳng vào đoàn biểu tình. Bà Aung San Suu Kyi tham gia vào cuộc nổi dậy ngày 28 tháng 8 với diễn văn tại chùa Shwedagon và NLD được thành lập một tháng sau đó. Từ đó bà lãnh đạo cuộc đấu tranh dân chủ bằng phương pháp bất bạo động cho đến hôm nay. Trong suốt 53 năm, hay 25 năm nếu tính từ lần bầu cử tự do 1990, nhiều ngàn người dân Miến bị giết chết cùng nhiều ngàn người khác bị tù. Máu của họ không đổ xuống trong oan uổng mà đã tô thắm con đường dân chủ của Miến Điện hôm nay. Những người dân bình thường, không tên tuổi đó mới thật sự là những anh hùng dân chủ của dân tộc Miến.

- Chiến lược tranh cử thông minh

Cuộc bầu cử tại Miến không phải chỉ có hai đảng USDP (Union Solidarity and Development Party) và NLD (National League for Democracy) mà đã có tới 90 đảng lớn nhỏ tranh nhau vào quốc hội. Tuy nhiên, với mục đích loại đảng USDP do quân đội ủng hộ, cánh dân chủ đưa ra khẩu hiệu là chọn một trong hai, chọn quân đội (Military Selection) hay bầu cử dân chủ (Real Election). Hẳn nhiên không phải người dân nào cũng ủng hộ cánh dân chủ, và ngay cả không phải ai cũng ủng hộ bà Aung San Suu Kyi, nhưng đều ý thức đó là chuyện về sau, trước mắt phải tập trung dứt điểm độc tài quân phiệt bằng cách không bầu cho USDP. Cuộc đấu tranh giành độc lập tại các quốc gia vùng Baltic trong những năm đầu 1990 cũng vậy. Các lãnh tụ phong trào dân chủ ý thức rằng chỉ tập trung được sức mạnh toàn dân mới thắng được cộng sản. Trong cuộc bầu cử Quốc hội Latvia tháng 6 năm 1993 có tới 23 đảng ghi danh ứng cử nhưng khi đối đầu với Liên Xô hai năm trước họ chỉ đứng dưới hàng ngũ của Mặt trận Dân tộc (Popular Front).

Thành công của phong trào dân chủ tại Miến Điện hy vọng sẽ là bài học cho những ai quan tâm đến tương lai Việt Nam. Điều kiện văn hóa lịch sử, kinh tế, chính trị của mỗi quốc gia mỗi khác nhưng

học hỏi kinh nghiệm vận động dân chủ tại các nước độc tài trên thế giới bao giờ cũng cần thiết.

Dân tộc Miến may mắn có một Aung San Suu Kyi tài ba, đảm lược và xứng đáng với tất cả lời ca ngợi thế giới dành cho bà.

Việt Nam không có Aung San Suu Kyi, nhưng không phải vì thế mà cuộc vận động dân chủ phải dừng lại và các phong trào dân chủ phải đốt đuốc đi tìm cho ra được một minh quân để dẫn lối soi đường trước khi tiếp tục.

Đừng quên, hàng trăm quốc gia đã chiến đấu đầy hi sinh gian khổ để giành được độc lập từ chủ nghĩa thực dân suốt thế kỷ 19 và thế kỷ 20 nhưng không phải quốc gia nào cũng có một Mahatma Gandhi. Thay vì chờ đợi một nhân tài cứu nước hay đi vay mượn chiếc búa ngoại bang để về đập đổ bức tường chuyên chính, hãy bắt đầu từ những bàn tay Việt Nam nhỏ nhoi và kiên nhẫn để xoi mòn cơ chế độc tài đảng trị. Con đường có thể dài nhưng đích thực đó là con đường tự chủ.

VAI TRÒ MAO TRONG CHIẾN DỊCH TIẾN CHIẾM HOÀNG SA 1974

Luồng gió ngoại giao đã đổi chiều khi Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon bắt tay với Mao ngày 21 tháng 02 năm 1972. Chuyến viếng thăm Trung Cộng của Nixon nhắm vào 3 mục đích: (1) Hướng tới một giải pháp hòa bình tại Đài Loan; (2) Tìm một giải pháp hòa bình cho chiến tranh Việt Nam qua đàm phán; và (3) Giảm ảnh hưởng của Liên Xô. Như lịch sử đã chứng minh, ít nhất hai trong số ba mục đích của Tổng thống Richard Nixon đều không đạt được. Chỉ riêng vấn đề Việt Nam, chiến tranh không chấm dứt bằng giải pháp hòa bình mà bằng máu cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sự gần gũi giữa Mỹ và Trung Cộng đã đẩy cộng sản Việt Nam nghiêng xa hơn về phía Liên Xô. Bắc Việt cho rằng Trung Cộng đã phản bội đảng Cộng sản Việt Nam khi đặt mối quan hệ giữa Trung Cộng và Mỹ lên trên quyền lợi của Bắc Việt. Xuân Thủy, trưởng phái đoàn đàm phán của Bắc Việt, tố cáo Mỹ "âm mưu chia rẽ khối xã hội chủ nghĩa". Khoảng cách giữa Bắc Việt và Trung Cộng xa cách dần mặc dù Trung Cộng tuyên bố vẫn tiếp tục "ủng hộ cuộc chiến chống Mỹ đến mục đích cuối cùng".

Chủ trương chiếm Hoàng Sa trước khi chiến tranh chấm dứt

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quan hệ giữa cộng sản Bắc Việt và Trung Cộng trở nên tệ hại hơn. Học bài học tranh chấp biên

giới với Liên Xô phía bắc và phát xuất từ mối lo sợ bị bao vây ở phía nam, Mao nghĩ đến việc phải tiến chiếm các đảo ngoài Biển Đông trước khi cộng sản Bắc Việt chiếm toàn bộ Việt Nam và rơi hoàn toàn vào quỹ đạo của Liên Xô, lúc đó là kẻ thù số một của Trung Cộng. Mao càng lo lắng hơn khi thấy chính sách của Hoa Kỳ ngày càng trở lại với chủ trương tự cô lập (American Isolationism) trước đây trong lúc Liên Xô ngày càng mở rộng và có khả năng lấn chiếm sang châu Á.

Ngoài lý do lãnh thổ, việc tiến chiếm Hoàng Sa là một bước thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mao, chuyển từ giai đoạn đấu tranh cách mạng dựa trên quan điểm Marx - Lenin - Mao sang thực tế quốc tế. Để thực thi các chính sách này, Mao cần một lãnh đạo có đầu óc thực dụng, và người đó không ai khác hơn là Đặng Tiểu Bình. Ngày 22 tháng 12 năm 1973, Mao phục hồi họ Đặng.

Mặc dù già nua, bệnh hoạn, chủ trương "phục hồi các lãnh thổ Trung Quốc bị mất" là chủ trương của Mao.

Đặng Tiểu Bình đóng vai trò tích cực nhưng y chỉ mới được phục hồi chưa đầy một tháng sau sáu năm bị hạ bệ. Chu Ân Lai chủ tọa nhiều phiên họp của Bộ Chính trị nhưng trong thời gian đó họ Chu đang bị kết án hữu khuynh. Diệp Kiếm Anh được giao trách nhiệm chủ tịch của ủy ban nhưng họ Diệp đã 77 tuổi và thuộc thành phần tướng lãnh thời Vạn Lý Trường Chinh.

Tháng Giêng năm 1974, Mao quyết định tiến chiếm Hoàng Sa trước. Kế hoạch chiếm Hoàng Sa được nghiên cứu rất kỹ lưỡng và chi tiết, không chỉ về mặt quân sự mà cả chuẩn bị dư luận quốc tế để biện hộ cho hành động xâm lược Việt Nam.

- *Về mặt đối ngoại:* Để có lý do tấn công Hoàng Sa của Việt Nam Cộng hòa, bộ máy tuyên truyền Trung Cộng tố cáo Việt Nam Cộng

hòa vào tháng 11 năm 1973 đã bắt giữ tàu đánh cá Trung Cộng và hành động đó được xem như vi phạm chủ quyền Trung Cộng, buộc Trung Cộng phải "phản công tự vệ". Ngày 11 tháng Giêng năm 1974, Bộ Ngoại giao Trung Cộng ra thông báo xác định chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và vùng biển chung quanh quần đảo này: *"Các quần đảo Nam Sa, Tây Sa, Trung Sa đều là một phần của lãnh thổ Trung Quốc. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có chủ quyền không thể tranh cãi đối với những hòn đảo này".*

- *Về mặt tổ chức:* Một ủy ban đặc nhiệm của các lãnh đạo cao cấp nhất trong đảng và nhà nước Trung Cộng được thành lập để phác thảo kế hoạch tiến chiếm Hoàng Sa được thành lập trong phiên họp của Bộ Chính trị do Chu Ân Lai chủ tọa. Năm ủy viên Bộ Chính trị trong ủy ban gồm Thống chế Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying), Phó Chủ tịch Trung ương đảng Vương Hồng Văn (Wang Hongwen), Ủy viên Thường trực Bộ Chính trị phụ trách tuyên truyền Trương Xuân Kiều (Zhang Chunqiao), Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) và Đại tướng Tư lệnh Quân Khu Bắc Kinh Trần Tích Liên (Chen Xilian). Chu Ân Lai giao cho Diệp Kiếm Anh trách nhiệm điều hành ủy ban.

Mao phê chuẩn thành phần ủy ban

Một phiên họp mở rộng sau đó, ngoài Chu Ân Lai và năm thành viên còn có sự tham dự của Đô đốc Tô Chấn Hoa (Su Zhenhua), Chính ủy Thứ nhất của Hải quân Trung Cộng. Tô Chấn Hoa là một trong những tướng hải quân có quan hệ mật thiết với Đặng Tiểu Bình và cũng là người chủ trương bành trướng Biển Đông.

Với một thành phần lãnh đạo chiến dịch cao cấp và đầy đủ ban bộ như vậy chứng tỏ việc tiến chiếm Hoàng Sa không chỉ là một tranh chấp biển đảo bình thường mà còn mang một ý nghĩa chiến lược hàng đầu và phải chiếm Hoàng Sa bằng mọi giá.

- *Về mặt quân sự:* Đây là lần đầu tiên hải quân Trung Cộng thực hiện một cuộc viễn chinh hải quân chống lại nước ngoài và lực lượng tham chiến được chọn lựa hết sức cẩn thận. Bốn ngày sau khi Trung Cộng tuyên bố chủ quyền, 11 chiến hạm của hải quân Trung Cộng và 600 lính được lệnh tiến vào vị trí. Các phi đoàn chiến đấu cơ đặt trên đảo Hải Nam được lệnh sẵn sàng tham chiến. Đặng Tiểu Bình trong thời gian này vừa được giao phó chức vụ Tổng Tham mưu trưởng Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc và thay mặt ủy ban điều hợp các hoạt động của Quân ủy Trung ương cũng như các vấn đề quân sự khẩn cấp. Bộ Tư lệnh Hạm đội Nam Hải dưới quyền Tư lệnh Zhang Yuanpei trực tiếp chịu trách nhiệm tiến chiếm Hoàng Sa.

Kế hoạch được đệ trình lên Mao và Mao chấp thuận.

Ngày 19 tháng Giêng năm 1974, Hải quân Trung Cộng tiến chiếm Hoàng Sa. Sau trận hải chiến khoảng một giờ, Trung Cộng chiếm Hoàng Sa. Phía Trung Cộng công bố họ chỉ có 18 binh sĩ thiệt mạng và không có tàu nào chìm mặc dù báo chí Tây phương cho rằng ít nhất một chiến hạm của hải quân Trung Cộng đã bị bắn chìm. Người viết không trình bày chi tiết ở đây vì diễn biến của hải chiến Hoàng Sa đã được rất nhiều tài liệu và nghiên cứu Việt Nam cũng như quốc tế công bố. Rất nhiều thông tin quý giá đang được lưu trữ tại website hqvnch.org.

Thái độ bàng quan của Mỹ

Chính phủ Mỹ ra lệnh Đệ thất Hạm đội không được can thiệp vì đã đồng ý ngầm với Trung Cộng sẽ giữ thái độ bàng quan trong tranh chấp Hoàng Sa, và các chiến hạm và phi cơ của Mỹ sẽ không xâm phạm giới hạn 12 hải lý của quần đảo Hoàng Sa. Cam kết này của Mỹ đã được Ngoại trưởng Trung Cộng Hoàng Hoa nhắc lại trong diễn văn đọc trước Liên Hiệp Quốc ngày 12 tháng 4 năm 1972 với sự hiện diện của Ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger.

Bản tin của báo Time ngày 4 tháng 02 năm 1974 cũng xác định chính sách của Mỹ trong hải chiến Hoàng Sa là "tuyệt đối khoanh tay".

Ngoài ra, trước đó vào mùa xuân 1972, Trung Cộng đã thử ý định Mỹ bằng cách gởi công hàm phản đối khi một tàu chiến Mỹ vi phạm khu vực 12 hải lý của quần đảo Hoàng Sa. Mỹ đáp ứng bằng việc chỉ thị hải quân Mỹ sẽ không hải hành trong khu vực 12 hải lý do Trung Cộng quy định. Thái độ đó của Mỹ là dấu hiệu cho Trung Cộng biết Mỹ sẽ không can dự vào tranh chấp Hoàng Sa.

Tại sao Trung Cộng chọn ngày 19 tháng Giêng năm 1974?

Ngày 19 tháng Giêng năm 1974 là ngày kỷ niệm 24 năm Trung Cộng công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây không phải là sự kiện trùng hợp ngẫu nhiên mà là một cái tát chính trị vào mặt đảng Cộng sản Việt Nam.

Tối ngày 20 tháng Giêng, Chu Ân Lai triệu tập phiên họp để tổng kết thành quả chiến dịch, và ngay sau phiên họp y đã trình chiến thắng lên Mao. Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam bị sáp nhập vào địa phận tỉnh Quảng Đông. Các báo đảng và nhà nước Trung Cộng sau đó đã tung hô "chiến thắng vĩ đại của Mao Chủ tịch trên biển". Về phía cộng sản Việt Nam, ngoài tuyên bố ba điểm chung chung giống như người ngoài cuộc của cái gọi là "Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam" ngày 26 tháng 4 năm 1974, các lãnh đạo cộng sản Bắc Việt không có một lời phản đối nào trước hành động xâm lăng của Trung Cộng. Khi đất nước bị xâm lăng, những kẻ chọn thái độ im lặng cũng chẳng khác gì chọn đứng về phía xâm lăng.

Bài học lịch sử từ hải chiến Hoàng Sa

- Đừng trông cậy vào ngoại viện: Trong tổng kết mới nhất The U.S.-China Military Scorecard: Forces, Geography and the Evolving Balance of Power, 1996 - 2017 của RAND Corporation, tuy Trung

Cộng đạt nhiều tiến bộ trong hơn 30 năm hiện đại hóa, kỹ thuật chiến tranh của Mỹ vẫn còn dẫn trước rất xa. Ngay cả trong vũ khí nguyên tử, tỉ lệ giữa Mỹ so với Trung Cộng là 13 trên 1. Nghĩa là, dù bắn trước, Trung Cộng vẫn sẽ phải bị Mỹ đánh trả bằng bom nguyên tử nhiều lần.

Tuy nhiên, sự vượt trội kỹ thuật chiến tranh không có nghĩa Mỹ sẽ can thiệp vào xung đột Biển Đông nếu Việt Nam bị Trung Cộng tấn công lần nữa. Vì các lý do kinh tế, Mỹ có thể làm ngơ như họ đã từng làm ngơ vì lý do chính trị trong hải chiến Hoàng Sa năm 1974. Bài học của hai cuộc thế chiến cho thấy Mỹ chỉ tham chiến khi quyền lợi của họ bị va chạm trực tiếp và phải có lợi về đường dài. Không nên trách ai cả. Một con người hay một quốc gia cũng thế, phải tự đứng lên bằng đôi chân của chính mình trước khi trông cậy vào sự giúp đỡ của người khác.

- Dân chủ hóa hay mất nước: Tham vọng bành trướng trên Biển Đông của Trung Cộng quá rõ ràng và lộ liễu. Mặc dù có các áp lực quốc tế, không có dấu hiệu gì cho thấy Trung Cộng sẽ từ bỏ tham vọng chiếm đoạt Biển Đông. Chủ trương gặm nhấm Biển Đông của Trung Cộng đang được tiến hành từng bước và chúng hy vọng đến mức độ nào đó sẽ đặt Mỹ và cả thế giới vào thế đã rồi. Trung Cộng đã nuốt vô thì chỉ có cách mổ bụng chúng mới lấy ra được.

Để tránh đại họa mất nước, chọn lựa duy nhất của Việt Nam hiện nay là dân chủ hóa và phải dân chủ hóa gấp. Dân chủ là điều kiện tiền đề trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự tin cậy nơi các nước dân chủ Tây phương, nhưng quan trọng nhất là nền tảng của đoàn kết dân tộc và thăng tiến đất nước. Một dân tộc chia rẽ không thắng được Trung Cộng. Dân chủ là đôi cánh giúp đất nước có thể cất cao lên cùng thời đại. Đó không phải là lý thuyết mà là thực tế chính trị đang được hầu hết các quốc gia áp dụng. Mục tiêu đầu tiên

và quan trọng nhất trong tiến trình dân chủ hóa là tháo gỡ cho được cơ chế chính trị xã hội độc tài cộng sản hiện nay.

- Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia để khỏi bị "Phần Lan hóa" (Finlandization): Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Liên Xô cho phép Phần Lan được duy trì cơ chế dân chủ trong khi khống chế mọi chính sách đối nội và đối ngoại đi ngược với quyền lợi của Liên Xô. Phần Lan không có chọn lựa nào khác vì không nằm trong vị trí chiến lược.

Khác với trường hợp Phần Lan, một Việt Nam dân chủ có khả năng thoát ra khỏi khả năng bị "Phần Lan hóa", đưa đất nước vào vị trí chiến lược quốc tế và chủ động làm cho quốc tế quan tâm.

Chủ trương hiện nay của lãnh đạo cộng sản Việt Nam "không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia" là chủ trương tự sát, không đúng về lý thuyết lẫn thực tế chính trị. Chủ trương này là bản sao chính sách đối ngoại của Trung Cộng nhưng khác ở điểm Trung Cộng chỉ tuyên bố để tuyên truyền chứ không bao giờ áp dụng.

Kết luận

Robert D. Kaplan, nhà nghiên cứu chính trị quốc tế nổi tiếng và đã được tạp chí The Policy hai lần xếp vào danh sách 100 nhà tư tưởng hàng đầu của thế giới ("Top 100 Global Thinkers"), cho rằng Trung Cộng có khả năng cao sẽ "Phần Lan hóa" Việt Nam.

"Phần Lan hóa" là một loại chủ nghĩa thực dân trong thời đại toàn cầu. Chủ trương này ít tốn kém vì các quốc gia bị "Phần Lan hóa" được phép duy trì độc lập trên danh nghĩa nhưng chính sách đối ngoại sẽ được soạn thảo tại Bắc Kinh. Trung Quốc làm như vậy

để vừa thúc đẩy nền kinh tế đang tiến rất chậm và đồng thời cũng để giảm áp lực chống đối từ trong nước qua việc đề cao chủ nghĩa dân tộc. Công thức mà Trung Cộng đang sử dụng không có gì mới và mô hình phát triển hiện nay của Trung Cộng cũng không phải là một loại mô hình ngoại lệ (Chinese exceptionism) như một số lý thuyết gia của đảng Cộng sản Trung Quốc đang dùng để kết luận Trung Cộng sẽ không sụp đổ.

Một thành phần có ảnh hưởng trực tiếp vào sự thay đổi cơ chế chính trị nhưng Robert D. Kaplan không đưa vào phân tích của ông, đó là nhân dân, tức là thành phần những người dân của một quốc gia có ý thức cao về quyền hạn và trách nhiệm phải thực thi đối với đất nước. Trong thực tế cách mạng dân chủ, đóng góp của nhân dân là yếu tố âm thầm nhưng quyết định, tiềm tàng nhưng vô cùng mạnh mẽ như đã chứng tỏ tại nhiều quốc gia Đông Âu, Phi châu và tại Liên Xô cũ. Tại Việt Nam, yếu tố nhân dân còn giới hạn, chưa tập trung, thiếu tổ chức nhưng đã có và đang trên đà phát triển. Những hạt giống đã được gieo xuống. Mỗi người Việt, mỗi tổ chức, đoàn thể trong điều kiện và phương tiện sẵn có của mình nên tập trung chăm bón.

Tham khảo:

- Kuisong, Y. (2002). *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War, 1949 - 1973*. Woodrow Wilson International Center for Scholars.

- Elleman, B., Paine. (2011). *Naval Power and Expeditionary Warfare: Peripheral Campaigns and New Theatres of Navy Warfare*. Taylor and Francis Group.

- Zhai, Q. (2002). *China & The Vietnam Wars, 1950 - 1975*. University of North Carolina Press.

- Tonnesson, S. (2001, July). *The Paracels: The "other" South China Sea Dispute*. Asian Perspective, 26(4), 145-169

- Heginbotham, E. et al. (2015). *The U.S. China Military Scorecard: Forces, Geography, and the Evolving Balance of Power, 1996 - 2017*. RAND Corporation.

- Paracel (Xisha) Islands - 1974. http://www.globalsecurity.org/military/world/war/paracel.htm

- Brown, D. (2014, May 22). *Vietnam Faces "Finlandization" from China*. Asia Sentinel.

- Wortzel, L. (1999, September 30). *Dictionary of Contemporary Chinese Military History*. Greenwood Press.

- *The World: Storm in the China Sea*. (1974, February 4). Time.

- Kaplan, R. *The South China Sea is to China what the Greater Caribbean was to the United States*. (2015, June 19). The Globe and Mail.

- Garver, J. (2016, January 4). *China's Quest: The History of the Foreign Relations of the People's Republic of China*. Oxford University Press.

- Lee, L. (1999). *China and the South China Sea Dialogues*. Praeger.

– Hayton, B. (2014, October 28). *The South China Sea: The Struggle for Power in Asia*. Yale University Press.

- Trang sưu tầm tài liệu lịch sử Hải quân Việt Nam Cộng hòa. http://www.hqvnch.org

THAM VỌNG VÀ NỖI LO CỦA TẬP CẬN BÌNH

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2015, một viên chức Hoa Kỳ cho CNN biết các giàn pháo của Trung Cộng được tiết lộ trong bài báo của *The Wall Street Journal* đã không còn thấy trên không ảnh nữa, có thể đã được tháo gỡ hay che giấu.

Nhắc lại, một bài báo trên *The Wall Street Journal* ngày trước đó trích dẫn lời của một viên chức Hoa Kỳ tố cáo Trung Cộng đặt hai giàn pháo trên một trong hai đảo nhân tạo thuộc khu vực biển đang tranh chấp ở Trường Sa. Khám phá trên tờ *The Wall Street Journal* có kèm theo không ảnh cho thấy hàng trăm tàu bè Trung Cộng đang hoạt động trong vùng. Sau đó, hàng loạt các hãng tin và báo lớn của Hoa Kỳ đồng loạt đưa tin về sự hiện diện quân sự của Trung Cộng.

Điều này xác định sự nghi ngờ của Hoa Kỳ về việc Trung Cộng xây dựng các đảo nhân tạo cho các mục đích quân sự là đúng. Cũng theo tờ *The Wall Street Journal*, các giàn pháo Trung Cộng không đe dọa trực tiếp đối với các phi cơ hay tàu bè của Mỹ nhưng có khả năng bắn đến các quốc gia láng giềng đang tranh chấp với Trung Cộng. Trung Cộng không bình luận gì về những tố cáo do phía Hoa Kỳ đưa ra.

Hành động của Trung Cộng cho thấy "Giấc mơ Trung Hoa" để làm chủ Á Châu của Tập Cận Bình và lãnh đạo cộng sản Trung Quốc đang chuyển sang một giai đoạn mới.

Tham vọng Tập Cận Bình

Tập Cận Bình sinh ngày 15 tháng 6 năm 1953 trong một gia đình cộng sản truyền thống. Họ Tập là con út của Tập Trọng Huân, nguyên Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương đảng, kiêm Phó Thủ tướng Trung Cộng. Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, Tập Trọng Huân bị thanh trừng xuống làm phó giám đốc một công ty sản xuất máy cày. Sau Cách mạng Văn hóa y được phục hồi và đảm nhiệm chức vụ Bí thư tỉnh Quảng Đông từ năm 1979 đến 1981.

Tập Cận Bình gia nhập đoàn Thanh niên Cộng sản Trung Quốc năm 18 tuổi tại một nhà máy ở tỉnh Thiểm Tây và cũng tại nơi này y được kết nạp vào đảng Cộng sản Trung Quốc năm 21 tuổi. Chức vụ cuối cùng của Tập Cận Bình tại nhà máy là Bí thư Đảng bộ Khu sản xuất. Khi Tập Cận Bình rời nhà máy ở Thiểm Tây năm 22 tuổi, y được trao bằng khen Cá nhân xuất sắc về nghiên cứu tư tưởng Mao Trạch Đông.

Suốt thời gian trước khi gia nhập đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng Giêng năm 1974 đến cho khi nắm quyền chủ tịch đảng, Tập Cận Bình được trui rèn trong lý luận Mác-xít. Hầu hết hoạt động chính trị của y đều gắn liền với hệ thống đảng, từ chức vụ Bí thư Huyện ủy huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc năm 1982 cho đến Chủ tịch Quân ủy Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc. Bằng tốt nghiệp đại học đầu tiên của y cũng về tư tưởng và lý luận Mác.

Căn bản giáo dục Tập Cận Bình thừa hưởng từ gia đình cho đến xã hội đều được xây dựng trên nền tảng lý luận cộng sản. Trước khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch đảng và nhà nước Trung Cộng, Tập Cận Bình là Hiệu trưởng trường Đảng Trung ương. Do đó, không

lạ gì khi quan điểm chính trị tư tưởng họ Tập gần với Mao hơn là gần với Đặng.

Không giống như Giang Trạch Dân hay Hồ Cẩm Đào, những kẻ được Đặng Tiểu Bình chọn lựa và rèn luyện, Tập Cận Bình không muốn núp dưới bóng họ Đặng. Bằng chứng, tham vọng chỉ đứng sau Mao của Tập Cận Bình thể hiện trong ngày kỷ niệm sinh nhật Đặng Tiểu Bình. Ngày sinh nhật của các lãnh đạo tối cao Trung Cộng thường được xem như là một ngày lễ lớn. Nhất là sinh nhật của họ Đặng, ngày 22 tháng 8 năm 2014, càng quan trọng hơn vì đó là ngày kỷ niệm tròn 110 năm y ra đời tại Tứ Xuyên.

Tháng trước đó báo chí Trung Cộng chuẩn bị lên khuôn các bài viết ca ngợi Đặng, lãnh đạo các cấp chuẩn bị các chương trình kỷ niệm rầm rộ để tưởng nhớ Đặng. Tuy nhiên, chỉ vài tuần trước ngày sinh nhật của Đặng, ngoại trừ trong nội bộ trung ương đảng, các chương trình kỷ niệm ngoài công chúng đều bị hủy bỏ. Tập Cận Bình, dĩ nhiên chưa dám phê bình hay chỉ trích các chính sách của Đặng Tiểu Bình nhưng trong các phát biểu cho thấy y muốn nhấn mạnh Đặng dù tài ba thao lược cũng chỉ là con người của một giai đoạn, một thời đại. Với y, họ Đặng thuộc về một giai đoạn của quá khứ và trong thời đại Trung Cộng ngày nay chỉ có Tập Cận Bình sau Mao Trạch Đông.

Nhưng cũng giống như Mao trong xung đột Đài Loan, Tập Cận Bình đang phải đối phó với chính sách ngăn chận (Containment) của Mỹ không chỉ trong lãnh vực chính trị, kinh tế mà cả quân sự như đã từng áp dụng đối với Liên Xô trong Chiến tranh lạnh. Để thoát ra khỏi vòng vây, Tập Cận Bình chủ trương quân sự hóa Biển Đông.

Tham vọng Tập Cận Bình qua bài học Hitler

Tham vọng của họ Tập là bản sao chủ trương của Hitler đã thực hiện tại châu Âu trong những năm đầu thập niên 1930.

Học bài học Hitler để đương đầu với Trung Cộng là một điều cần thiết. Các điều kiện chính trị và phương tiện giúp Hitler nắm lấy quyền lực trong thập niên 1930 tại Đức và sự lớn mạnh của Trung Cộng hiện nay, có nhiều điểm giống nhau.

Tham vọng bành trướng trên phạm vi thế giới của Hitler về căn bản không khác nhiều so với tham vọng của lãnh đạo Trung Cộng; và chính sách nhân nhượng mà cố Thủ tướng Anh Neville Chamberlain đã áp dụng trong đàm phán với Hitler cũng tương tự như không khí chủ hòa trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Obama là cơ hội tốt cho Trung Cộng gia tăng khả năng quân sự trong vùng Á châu.

Mục đích của Hitler khi đưa quân vào vùng Rhineland năm 1936 là để thăm dò phản ứng của Anh và Pháp. Trước khi ra quân, Hitler chỉ thị các tướng lãnh Đức nếu quân đội Pháp can thiệp, không được đánh trả mà phải lập tức rút quân về. Quân Pháp không ngăn chận và thử nghiệm của Hitler thành công.

Sau đó y tiếp tục thử nghiệm Áo, rồi Tiệp cho đến khi Thế chiến thứ hai bùng nổ ngày 01 tháng 9 năm 1939. Câu hỏi mà nhiều sử gia, nhiều nhà phân tích đặt ra rằng Thế chiến thứ hai có thể đã tránh được không? Phần lớn các nhà phân tích cho rằng có thể tránh được nếu các lãnh đạo thế giới thời đó kịp thời ngăn chận tham vọng của Hitler. Các lãnh đạo châu Âu đã không ngăn chận Hitler nên sau đó phần lớn châu Âu bị tàn phá và khoảng 80 triệu người bị giết. Và tương tự, Trung Cộng sẽ thiêu đốt Á châu nếu tham vọng bành trướng của Tập Cận Bình và lãnh đạo cộng sản Trung Quốc không kịp thời bị ngăn chận.

Thay đổi trong chính sách ngoại giao hai mặt của Mỹ đối với Trung Cộng (Dual-Track Policy)

Giáo sư Aaron L. Friedberg, thuộc Đại học Princeton và nguyên

Phụ tá An ninh Quốc gia tại Văn phòng Phó Tổng thống vào năm 2005, giải thích chính sách này gồm hai mặt: vừa hợp tác xuyên qua ngoại giao, mậu dịch, khoa học kỹ thuật và văn hóa giáo dục nhưng đồng thời cũng tăng cường quân sự để đáp trả với sự gia tăng quân sự của Trung Cộng trong vùng Đông Á qua các hợp tác quân sự với Úc, Nhật, Nam Hàn và Philippines.

Chính sách này bị phê bình vì trong giai đoạn đầu Tổng thống Barack Obama tỏ ra mềm dẻo, nghiêng nặng về phía đàm phán, thương thuyết trong khi Trung Cộng không hành xử với tư cách một cường quốc có trách nhiệm, cụ thể qua việc Bắc Hàn thử nghiệm hỏa tiễn tầm xa và việc Iran thí nghiệm nguyên tử. Ngoài ra, trong lúc Hoa Kỳ cắt giảm ngân sách quốc phòng, Trung Cộng lại gia tăng với mục đích nắm phần ưu thế, nhất là tại Á châu. Trong thời gian qua, Hoa Kỳ đã điều chỉnh sách sách ngoại giao hai mặt và nghiêng về phần quân sự.

Tại Đại học Queensland (Brisbane, Úc) trong dịp họp Thượng đỉnh G20 tháng 11 năm 2014, Tổng thống Obama cam kết: *"Hoa Kỳ sẽ tiếp tục sự can thiệp bằng mọi phương tiện trong quyền lực của Hoa Kỳ, ngoại giao, quân sự, kinh tế, phát triển, sức mạnh về giá trị lý tưởng của Hoa Kỳ"*.

Sự kiện đưa máy bay thám thính tối tân nhất của Mỹ US P8-A Poseidon bay trên khu vực Trung Cộng đang xây đảo nhân tạo trên Biển Đông, bất chấp việc hải quân Trung Cộng khám phá và phát tín hiệu cảnh cáo 8 lần là một bằng chứng. Ngoài phi cơ thám thính, mới đây Khu trục hạm chiến đấu USS Forth Worth cũng tiến vào khu vực Trung Cộng cho là thuộc chủ quyền của họ. Mặc dù lên tiếng tố cáo Mỹ "khiêu khích", Trung Cộng đã thấy Mỹ có sự chuyển hướng trong chính sách đối ngoại của Mỹ qua các biện pháp cứng rắn và cụ thể trước chính sách bành trướng thô bạo của Trung Cộng trên Biển Đông.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ Ashton Carter cam kết Mỹ sẽ không giảm bớt các hoạt động quân sự chung quanh khu vực đảo nhân tạo thuộc phạm vi 600 dặm từ bờ biển Trung Quốc. Carter cũng nhấn mạnh Mỹ chẳng những tiếp tục hiện diện quân sự trong khu vực mà còn ủng hộ các quốc gia Đông Nam Á trong đó có đồng minh Philippines của Hoa Kỳ và Việt Nam.

Phản ứng trước những tuyên bố cứng rắn của Ashton Carter, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Trung Cộng Hoa Xuân Oánh (Hua Chunying) cũng chỉ trả đũa bằng những lời quen thuộc: *"Trung Quốc kêu gọi Mỹ nghĩ ba lần trước khi hành động, chấm dứt các phát biểu và hành động có tính khiêu khích và làm việc nhiều hơn cho lợi ích của hòa bình và ổn định khu vực thay vì làm ngược lại"*.

Nỗi lo lớn nhất trong nhận thức của các lãnh đạo Trung Cộng từ Mao Trạch Đông đến Tập Cận Bình là nỗi lo sợ bị bao vây, cả về quân sự lẫn kinh tế. Nỗi lo đó đã chi phối toàn bộ chính sách đối ngoại của Trung Cộng, không chỉ về chính trị, về kinh tế thương mại mà cả trong xung đột lãnh thổ, lãnh hải.

Tranh chấp Biển Đông là cuộc tranh chấp vô cùng phức tạp. Mỗi quốc gia trong cuộc đều có những khó khăn riêng. Quan hệ kinh tế rất lớn giữa Mỹ và Trung Cộng mang đặc tính phụ thuộc vào nhau sâu sắc, khác với quan hệ giữa Mỹ và Nhật hay giữa Mỹ và Đức trong Thế chiến thứ hai. Đồng ý rằng nước nào cũng có khó khăn nhưng Trung Cộng là nước đương đầu với nhiều khó khăn nhất, không phải chỉ đối ngoại mà quan trọng hơn là khó khăn nội bộ. Nếu có xung đột quân sự, các quốc gia dân chủ dù thiệt hại bao nhiêu vẫn có cơ hội phục hồi nhưng Trung Cộng thì khác, cơ chế chính trị Trung Cộng sẽ sụp đổ và lục địa Trung Hoa có nguy cơ vỡ thành nhiều mảnh nhỏ.

Trung Cộng theo đuổi chính sách đối ngoại chuột đồng

Để tiếp tục bành trướng nhưng tránh né các biện pháp cứng rắn của Mỹ, Trung Cộng có thể sẽ phải trở lại với chính sách đối ngoại như cách loài chuột đồng tàn phá mùa màng như họ đã áp dụng nhiều năm qua.

Trung Cộng không đánh chiếm những vùng lớn, phát động những trận đánh lớn như trong chiến tranh biên giới 1979 tại Việt Nam mà chỉ từ từ gặm nhấm dần mòn lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam như cách đám chuột đồng gặm nhấm từng bụi lúa.

Một mặt Trung Cộng lớn tiếng với quốc tế là luôn theo đuổi chính sách "hòa bình" và "ổn định" nhưng mặt khác lấn chiếm từng bãi san hô, từng hòn đảo nhỏ trên Biển Đông, đặt những giàn khoan trong thềm lục địa Việt Nam. Những hành vi ăn cắp vặt này không đủ va chạm quyền lợi nặng đến mức các cường quốc phải đặt vấn đề và các biến cố do loài chuột đồng Trung Cộng gây ra không đủ tác hại an ninh khu vực đến mức quốc tế phải quan tâm.

Thật vội vã khi chỉ nhìn vài hành vi quân sự nhỏ như máy bay thám thính của Mỹ US P8-A Poseidon bay trên khu vực đảo đang tranh chấp rồi kết luận rằng chiến tranh sắp sửa xảy ra. Tuy nhiên, rõ ràng Mỹ đang áp dụng chính sách ngăn chận và Trung Cộng sẽ phải làm tất cả những gì họ phải làm để thoát khỏi vòng vây.

Bài học Liên Xô vẫn còn rất mới, nếu không thoát được vòng vây, cơ chế chính trị sớm muộn cũng sẽ sụp đổ. Thế chiến thứ nhất làm tan rã hàng loạt nhiều đế quốc và Thế chiến thứ hai phân chia thế giới thành hai cực. Thật khó có thể tiên đoán một thời điểm chính xác cho sự bùng vỡ các mâu thuẫn đối kháng tại Á châu nhưng nhiều nhà phân tích đồng ý một trật tự mới đang hình thành.

Như người viết đã phân tích chính luận "Tranh chấp Mỹ - Trung, một cảnh giác cho lòng yêu nước", nhìn vào bản đồ Á châu, chúng

ta không khỏi nghĩ đến chiến tranh Mỹ - Trung rồi sẽ phải xảy ra. Các nhà bình luận có thể cho rằng quyền lợi của các siêu cường ngày nay đã phụ thuộc, quyện lẫn vào nhau đến mức độ không thể có một bên thắng, một bên bại nếu chiến tranh bùng nổ. Sau Thế chiến thứ nhất đã có nhiều người nói như thế nhưng chưa đầy 20 năm sau, nhân loại lại phải lao vào cuộc chém giết với hậu quả trầm trọng gấp nhiều lần hơn trước.

Cuộc Chiến tranh lạnh Mỹ và Liên Xô vừa qua để lại nhiều bài học quý giá về số phận của những sân sau, tiền đồn và vùng độn. Có những tiền đồn chìm đắm trong chiến tranh hận thù nghèo đói như Cu Ba, Việt Nam, Bắc Hàn, Afghanistan nhưng cũng có những tiền đồn nhờ xung đột đã trở nên giàu có như Nam Hàn, Tây Đức, Đài Loan.

Đặc điểm chung rõ nét của những quốc gia vượt qua được số phận sân sau, tiền đồn và vùng độn để trở nên thăng tiến giàu mạnh chính là dân chủ. Dân chủ là đôi cánh thời đại đã giúp cho nhiều quốc gia vượt qua những vị trí địa lý chính trị khó khăn và trở thành những nước giàu mạnh, được kính trọng, có tiếng nói độc lập trong bang giao quốc tế.

Không ai có thể tiên đoán một ngàn năm nữa Việt Nam sẽ ra sao. Nhưng dù ra sao thì đó cũng là trách nhiệm của các thế hệ sau này. Trách nhiệm của thế hệ hôm nay là giữ nguyên vẹn được mảnh đất mà tổ tiên để lại và xây dựng trên đó một căn nhà thương yêu, đoàn kết, tự do, dân chủ và giàu mạnh. Dân chủ sẽ là vũ khí hữu hiệu nhất để ngăn chận những đe dọa từ Trung Cộng và đồng thời cũng là phương tiện giúp Việt Nam thăng tiến cùng thế giới.

GỌI TÊN CUỘC CHIẾN

Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Giáo sư Drew Gilpin Faust, Viện trưởng Viện Đại học Harvard viếng thăm Đại học Fulbright Việt Nam. Nhân dịp này bà đọc một diễn văn tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh). Phần khá dài của diễn văn, bà dành để nói về Chiến tranh Việt Nam, nội chiến Hoa Kỳ và hòa giải Nam Bắc Mỹ.

Trong suốt diễn văn bà Drew Faust không hề nhắc đến sự chịu đựng của người dân miền Nam Việt Nam hay nhắc đến Việt Nam Cộng hòa - chính phủ đại diện cho hơn một nửa dân số Việt Nam ngày đó.

Người viết không nghĩ bà dè dặt hay không muốn làm buồn lòng quốc gia chủ nhà. Nhưng giống như một số khá đông các trí thức Mỹ trước đây, sau 44 năm từ khi các đơn vị trực tiếp chiến đấu Mỹ rút khỏi Việt Nam vào tháng 3 năm 1973, bà vẫn chưa nhìn sâu được vào bản chất của cuộc Chiến tranh Việt Nam.

Việt Nam trong diễn văn của bà Drew Faust là Cộng sản Việt Nam

Bà Drew Faust không hiểu được trên con đường Việt Nam đầy máu nhuộm chạy dài suốt 158 năm, từ khi viên đại bác của Rigault de Genouilly bắn vào Sơn Chà (Đà Nẵng) sáng ngày 01 tháng 9 năm 1859 cho tới hôm nay, nhiều triệu người Việt đã hy sinh vì độc lập

tự do dân tộc. Đảng cộng sản là một nhóm rất nhỏ và chỉ ra đời vào tháng 3 năm 1930. Cộng sản thắng chỉ vì họ có mục đích thống trị rõ ràng, dứt khoát, kiên trì và bất chấp mọi phương tiện để hoàn thành mục tiêu đã vạch ra.

Bà Drew Faust là người học nhiều, hiểu rộng, chắc chắn điều đó đúng. Nhưng nghe một câu chuyện và cảm thông với những nạn nhân trong câu chuyện là một chuyện khác. Ngôn ngữ không diễn tả được hết nỗi đau và đôi mắt thường không thấy được những vỡ nát bên trong một vết thương.

Là một sử gia, bà biết lịch sử được viết bởi kẻ cưỡng đoạt không phải là chính sử. Chính sử vẫn còn sống, vẫn chảy nhưng chỉ được hiểu bằng nhận thức khách quan, tinh tế, chia sẻ với những tầng lớp người đang chịu đựng thay vì đứng về phía giới cầm quyền cai trị.

Một ví dụ về chính sử. Năm 1949 tại Trung Cộng, trong cuộc bỏ phiếu bầu chức vụ Chủ tịch Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Mao tin tưởng tuyệt đối 547 đại biểu sẽ bỏ phiếu cho ông ta. Không, chỉ có 546 người bỏ phiếu thuận, nhà nghiên cứu triết học Zhang Dongsun bỏ phiếu chống lại Mao. Ông bị đày đọa và chết trong tù nhưng lịch sử Trung Hoa ngày sau sẽ nhớ đến ông như một người viết chính sử Trung Hoa.

Việt Nam cũng thế. Chính sử vẫn đang được viết không phải từ những người đang đón tiếp bà mà bằng những người đang ngồi trong tù, đang bị hành hạ, đày ải, trấn áp dưới nhiều hình thức. Khát vọng độc lập, tự do, từ những ngày đầu tháng 9 năm 1859 ở Cẩm Lệ (Đà Nẵng), nơi máu của Thống chế Lê Đình Lý chảy xuống cho đến hôm nay, vẫn cùng một dòng và chưa hề gián đoạn.

Nhân dịp tháng 4 năm 2017, người viết xin phân tích một số định nghĩa về nội dung của cuộc Chiến tranh Việt Nam. Bài này tổng hợp một số bài ngắn của người viết đã phổ biến trước đây.

Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh ủy nhiệm (Proxy War)?

Chiến tranh ủy nhiệm (Proxy War) là cuộc chiến tranh mà các quốc gia bên ngoài, thường là cường quốc, không tham gia trực tiếp cuộc chiến nhưng qua hình thức cung cấp võ khí, tài chánh cho các phe cánh, lực lượng trong quốc gia đó đánh nhau vì quyền lợi riêng của các phe nhóm này nhưng cũng tương hợp với quyền lợi của nước bên ngoài.

Chiến tranh đang diễn ra tại Syria thường được báo chí gọi là chiến tranh ủy nhiệm. Mỹ, Nga, Iran, Thổ, Anh, Pháp, Saudi Arabia và Qatar góp phần tàn phá Syria khi yểm trợ cho các phe nhóm, nhiều khi bất cần hành vi khủng bố của các phe nhóm này, để tranh giành ảnh hưởng và tài nguyên của vùng Trung Đông.

Không ít báo chí quốc tế và nhà nghiên cứu Chiến tranh lạnh gọi chiến tranh Việt Nam trước khi Mỹ đổ bộ vào tháng 5 năm 1965 là chiến tranh ủy nhiệm, trong đó Trung Cộng, Liên Xô một bên, Mỹ và đồng minh một bên.

Định nghĩa chiến tranh Việt Nam là chiến tranh ủy nhiệm chỉ đúng khi nhìn cuộc chiến từ quan điểm đế quốc dù là Mỹ, Liên Xô hay Trung Cộng chứ không phải từ vết thương, từ vị trí của nạn nhân buộc phải chiến đấu để sống còn như dân và quân miền Nam Việt Nam.

Như có lần người viết dẫn chứng, một người lính nghĩa quân gác chiếc cầu ở đầu làng để mấy anh du kích khỏi về giựt sập cũng là một biểu hiện hùng hồn của lý tưởng tự do và chủ quyền. Chiếc cầu là huyết mạch kinh tế của làng, là trục giao thông chính của làng, là vẻ đẹp của làng, và bảo vệ chiếc cầu là nhiệm vụ sống còn mà người lính nghĩa quân phải làm cho bằng được.

Không ai "ủy nhiệm" anh lính nghĩa quân cả. Anh không bảo vệ chiếc cầu giùm cho Mỹ mà cho chính anh và bà con trong thôn

xóm của anh. Lý tưởng tự do của một dân tộc dù thiêng liêng to lớn bao nhiêu cũng bắt nguồn từ những hình ảnh nhỏ nhoi nhưng đầy ý nghĩa đó.

Trong phần lớn chiều dài của cuộc chiến, quyền lợi của Mỹ ở Đông Nam Á và quyền lợi của Việt Nam Cộng hòa tương hợp. Việt Nam Cộng hòa đã nhận hầu hết viện trợ quân sự của Mỹ kể cả nhân lực nhưng không đánh thuê cho Mỹ như cộng sản tuyên truyền.

Sau Thông cáo chung Thượng Hải năm 1972 và Hiệp định Paris năm 1973, chính sách của Mỹ tại Đông Nam Á thay đổi, quyền lợi Việt Nam Cộng hòa và Mỹ do đó không còn tương hợp nữa. Mỹ rút quân và cắt giảm viện trợ quân sự vốn đã quá chênh lệch so với nguồn viện trợ quân sự cộng sản Việt Nam nhận từ Liên Xô, Trung Cộng và phong trào cộng sản quốc tế.

Cho dù cạn kiệt nguồn cung cấp, quân và dân Việt Nam Cộng hòa vẫn chiến đấu và hy sinh cho tự do của họ, không phải chỉ sau Hiệp định Paris 1973, không phải đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 mà cả sau 30 tháng 4 năm 1975, hôm nay và cho đến khi chế độ cộng sản còn hiện diện tại Việt Nam.

Chiến tranh Việt Nam là nội chiến (Civil War)?

Nhiều người chỉ nhìn vào mái tóc, màu da, khuôn mặt, chủng tộc, dòng máu và kết luận chiến tranh Việt Nam là nội chiến. Thật ra, mái tóc, màu da, khuôn mặt, dòng máu chỉ là hình thức.

Thế nào là nội chiến?

Theo các định nghĩa chính trị học, nội chiến (Civil War) là cuộc chiến tranh giữa hai thành phần có tổ chức trong cùng một quốc gia vốn trước đó thống nhất, mục đích của một bên là chiếm đoạt bên kia để hoàn thành ý định chinh phục lãnh thổ hay thay đổi chính sách nhưng không thay đổi thể chế.

Theo định nghĩa này, chiến tranh Nam - Bắc Mỹ là nội chiến, hoặc xung đột võ trang giữa chính phủ da trắng và Nghị hội toàn quốc Nam Phi (African National Congress) gọi tắt là ANC chống chính sách Phân biệt Chủng tộc tại Nam Phi là nội chiến.

Bắc Mỹ dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Abraham Lincoln thắng cuộc nội chiến Mỹ nhưng chỉ thay đổi chính sách nô lệ, trong lúc cơ chế chính trị và chính phủ cấp tiểu bang gần như không thay đổi nhiều.

Tại Nam Phi cũng vậy. Sau cuộc đấu tranh dài dưới nhiều hình thức, cuối cùng ANC đã thắng nhưng cũng chỉ hủy bỏ chính sách Phân biệt Chủng tộc (Apartheid) tại Cộng hòa Nam Phi nhưng không xóa bỏ nền kinh tế thị trường tư hữu. Không chỉ cựu Tổng thống de Klerk trở thành cố vấn của Tổng thống Nelson Madela trong suốt nhiệm kỳ mà nhiều viên chức trong chính phủ của de Klerk, các tư lịnh quân binh chủng, lực lượng cảnh sát quốc gia đều tiếp tục nhiệm vụ của họ.

Sau Hiệp định Geneva 1954, Việt Nam Cộng hòa không có ý định chiếm đoạt lãnh thổ miền Bắc hay lật đổ cơ chế cộng sản miền Bắc. Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn không muốn chiến tranh. Sau một trăm năm chịu đựng không biết bao nhiêu đau khổ dưới ách thực dân, mục đích trước mắt của nhân dân miền Nam là có được cơm no, áo ấm, có được cuộc sống tự do và xây dựng miền Nam thành một nước cộng hòa hiện đại.

Giấc mơ tươi đẹp của nhân dân miền Nam đã bị ý thức hệ cộng sản với vũ khí của Liên Xô, Trung Cộng tàn phá vào buổi sáng 30 tháng 4 năm 1975.

Sau khi Việt Nam Cộng hòa bị cưỡng chiếm, đảng Cộng sản Việt Nam không phải chỉ thay đổi về chính sách như trường hợp Mỹ hay Nam Phi mà thay đổi toàn bộ cơ chế. Nói theo lý luận cộng sản đó

là sự thay đổi tận gốc rễ từ thượng tầng kiến trúc chính trị đến hạ tầng cơ sở kinh tế bằng các phương pháp dã man không thua kém Hitler, Mao, Stalin.

Do đó, gọi chiến tranh Việt Nam là nội chiến chỉ đúng về hình thức, nội dung vẫn là chiến tranh của các chính phủ và nhân dân miền Nam chống ý thức hệ cộng sản xâm lược.

Chiến tranh Việt Nam là "Chiến tranh chống Mỹ cứu nước"?

Stalin, trong buổi họp với Mao và Hồ Chí Minh tại Moscow giữa tháng 02 năm 1950 đã phó thác sinh mạng cộng sản Việt Nam vào tay Trung Cộng. Theo William J. Duiker trong *Ho Chi Minh: A Life,* Stalin nói với Hồ Chí Minh tại Moscow: *"Từ bây giờ về sau, các đồng chí có thể tin tưởng vào sự giúp đỡ của Liên Xô, đặc biệt hiện nay sau thời kỳ chiến tranh, thặng dư của chúng tôi còn rất nhiều, và chúng tôi sẽ chuyển đến các đồng chí qua ngả Trung Quốc. Tuy nhiên vì điều kiện thiên nhiên, chính yếu vẫn là Trung Quốc sẽ giúp đỡ các đồng chí. Những gì Trung Quốc thiếu chúng tôi sẽ cung cấp"*. Sau đó tới phiên Mao, y cũng lần nữa xác định với Hồ: *"Bất cứ những gì Trung Quốc có mà Viêt Nam cần, chúng tôi sẽ cung cấp"*.

Theo Trương Quảng Hoa trong *Hồi ký của những người trong cuộc*, Hồ Chí Minh thưa với Mao trên xe lửa từ Liên Xô về Trung Cộng: "Mao Chủ tịch, Stalin không chuẩn bị viện trợ trực tiếp cho chúng tôi, cũng không ký hiệp ước với chúng tôi, cuộc chiến tranh chống Pháp từ nay về sau chỉ có thể dựa vào viện trợ của Trung Quốc".

Cộng sản Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng, không chỉ phương tiện chiến tranh, kinh tế, quốc phòng, hệ ý thức, cơ sở lý luận mà cả cách nói, cách ăn mặc, cách chào hỏi. Mao gần như đơn phương quyết định mọi hoạt động quân sự của Việt Minh kể cả việc chọn ngày, chọn tháng cần phải chiếm Điện Biên Phủ.

Sau xung đột Eo biển Đài Loan và trầm trọng hơn, sau chiến tranh Triều Tiên với gần 400 ngàn quân Trung Cộng bị giết, trong số đó có Mao Ngạn Anh (Mao Anying), con trai trưởng và gần gũi nhất của Mao, từ đó kẻ thù lớn nhất của Mao Trạch Đông là Mỹ. Mao chỉ thị toàn bộ bộ máy tuyên truyền tại Trung Cộng phải chống Mỹ bằng mọi giá. Chống Mỹ từ xa, chống Mỹ ở gần, chống Mỹ trong lý luận, chống Mỹ trong thực tế, chống Mỹ khi có mặt Mỹ và chống Mỹ khi không có mặt Mỹ.

Tuân lệnh Mao, trong Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 15 đến 17 tháng 7 năm 1954, Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng Cộng sản Việt Nam đã nghĩ đến chuyện đánh Mỹ: *"Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ"*.

Khẩu hiệu "Chống Mỹ cứu nước" được thai nghén từ quan điểm và thời điểm này.

Nhưng "nước" trong khẩu hiệu "Chống Mỹ cứu nước" phải hiểu là nước Tàu chứ không phải nước Việt, lý do trong thời điểm này chưa có một người lính hay một cố vấn Mỹ nào ở Việt Nam. Hôm đó, ngay cả Hiệp định Geneva 1954 cũng còn chưa ký.

Với chỉ thị của Mao và kiên trì với mục đích cộng sản hóa Việt Nam đề ra từ 1930, vào tháng 5 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương đảng Lao động sau khi biết rằng việc chiếm miền Nam bằng phương tiện chính trị không thành, đã quyết định đánh chiếm miền Nam bằng võ lực dù phải "đốt cháy cả dãy Trường Sơn" như Hồ Chí Minh đã nói. Gần hết đồng bào miền Bắc bị đảng lừa vào cuộc chiến "giải phóng dân tộc" và hàng triệu người đã uống phải viên thuốc độc bọc đường "chống Mỹ cứu nước" nên bỏ thây trên khắp hai miền.

Lý luận chính phủ Việt Nam Cộng hòa không thực thi "thống nhất đất nước" theo tinh thần Hiệp định Geneva chỉ là cái cớ tuyên truyền.

Thực tế chính trị thế giới của giai đoạn sau Thế chiến thứ hai là thực tế phân cực và sự chọn lựa của thời đại là chọn lựa giữa ý thức hệ quốc gia và cộng sản. Không chỉ các quốc gia bị phân chia như Nam Hàn, Tây Đức mà cả các quốc gia không bị phân chia như Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ… cũng chọn thế đứng dân chủ Tây phương để làm bàn đạp phát triển đất nước.

Giả sử, nếu có bầu cử để "thống nhất đất nước" và đảng cộng sản thua, liệu họ sẽ giải nhiệm các cấp chính trị viên và sáp nhập vào quân đội quốc gia, giải tán bộ máy công an chìm nổi, đóng cửa các cơ quan tuyên truyền, từ chức khỏi tất cả chức vụ điều hành đất nước? Trừ phi mặt trời mọc ở hướng tây và lặn ở hướng đông điều đó không bao giờ xảy ra.

Trên trời có đám mây xanh,

Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng…

Câu ca dao quen thuộc mà ai cũng biết. Đó là chưa kể đến mây xám, mây đen, mây hồng, mây tím trong thơ và nhạc. Nhưng mây màu gì? Mây thực sự chỉ là màu trắng. Màu mây thay đổi do ánh nắng mặt trời tùy theo mỗi khoảnh khắc trong ngày.

Cuộc chiến Việt Nam cũng vậy. Tên gọi của cuộc chiến khác nhau tùy theo quan điểm, góc nhìn, quyền lợi và mục đích, nhưng với nhân dân miền Nam, đó chỉ là cuộc chiến tự vệ của những người Việt yêu tự do dân chủ chống lại ý thức hệ cộng sản độc tài toàn trị xâm lược.

Không thấy rõ bản chất xâm lược của ý thức hệ cộng sản sẽ khó có thể chọn con đường đúng để phục hưng Việt Nam.

AI CÓ QUYỀN VIẾT SỬ VIỆT NAM?

Từ hậu bán thế kỷ 19 đến nay có bao nhiêu cuộc chiến, trong đó các bên đã đổ máu, diễn ra trên đất nước Việt Nam?

Câu trả lời tùy thuộc vào người bạn hỏi là ai.

Nếu bạn hỏi một sử gia người Mỹ có thể ông hay bà sẽ trả lời, chiến tranh Việt Nam (Second Indochina War hay Vietnam War) là cuộc chiến tranh chống cộng sản bành trướng xuống vùng Đông Nam Á bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 1955 khi nhóm Cố vấn Quân sự Hoa Kỳ (U.S. Military Assistance Advisory Group) được thành lập tại Sài Gòn và chấm dứt khi Thượng sĩ Max Beilke, người lính tác chiến cuối cùng bước lên chiếc C-130 tại phi trường Tân Sơn Nhất để về quê anh ở Minnesota ngày 29 tháng 3 năm 1973.

Đối với các sử gia Mỹ, cuộc xung đột quân sự tại Việt Nam là xung đột giữa Mỹ một bên và cộng sản Việt Nam một bên. Việt Nam Cộng Hòa chỉ là một phần phụ thuộc vào Mỹ.

Nếu bạn hỏi Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam, ông ta sẽ trả lời cuộc chiến "chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa, thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản trên toàn lãnh thổ Việt Nam chính thức bắt đầu vào tháng Giêng năm 1930 tại Cửu Long, Hương Cảng và chấm dứt vào sáng 30 tháng 4 năm 1975".

Đối với Nguyễn Phú Trọng, chính Bí thư thứ nhất đảng Lao động (cộng sản) Lê Duẩn, trong tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang của đảng* đã xác định cuộc chiến từ sau 1954 đến 1975 là chiến tranh của đảng cộng sản. Trong diễn văn đọc tại Sài Gòn đầu tháng 5 năm 1975, Lê Duẩn khẳng định: "Vinh quang này thuộc về đảng Lao động Việt Nam quang vinh, người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam". Lê Duẩn không che giấu mục đích của đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập vào năm 1930 cho đến nay, tuy khác nhau về chiến lược của mỗi thời kỳ và hoạt động dưới nhiều tên gọi nhưng hoàn toàn nhất quán về tư tưởng và mục đích chính trị: chiếm Việt Nam bằng bạo lực và cai trị Việt Nam bằng sắt máu.

Tuy nhiên, nếu bạn tìm được cách vào tù để hỏi Trần Huỳnh Duy Thức có thể anh sẽ trả lời khác. Cuộc chiến giành độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam bắt đầu vào ngày 01 tháng 9 năm 1858, khi quân Pháp dưới quyền Đô đốc Charles Rigault de Genouilly tấn công Đà Nẵng chính thức mở đầu cuộc chiến tranh vì độc lập tự do và cuộc chiến đó vẫn còn đang tiếp diễn cho đến hôm nay.

Người viết tin anh Trần Huỳnh Duy Thức trả lời như thế, bởi vì trong *Con đường Việt Nam*, anh khẳng định: "Sẽ không có sự độc lập nếu không có tự do. Và sẽ không có độc lập dân tộc nếu không có độc lập cá nhân. Điều này là chân lý".

Đúng vậy, độc lập cá nhân có quan hệ hỗ tương và nhân quả với độc lập dân tộc và do đó, cuộc chiến chống thực dân Pháp và cuộc đấu tranh chống độc tài cộng sản là một cuộc vận động vì độc lập, tự chủ, dân chủ, tự do liên tục của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Đó là con đường đầy máu nhuộm, đầy hy sinh nhưng rạng ngời chính nghĩa.

Bộ máy tuyên truyền của đảng cộng sản nhuộm đỏ nhận thức người dân Việt Nam bằng lý luận chỉ có đảng Cộng sản Việt Nam

mới là đảng duy nhất thật sự mang lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam.

Không phải.

Đừng quên rằng, bảy mươi mốt năm trước khi đảng Cộng sản Việt Nam thành lập năm 1930, con đường chiến đấu vì độc lập, tự do của toàn dân tộc Việt đã bắt đầu. Bắt đầu với máu của Thống chế Lê Đình Lý bị trọng thương ở Đà Nẵng, bằng thanh gươm của Tổng đốc Võ Duy Ninh tự sát sau khi thành Gia Định thất thủ, được tiếp tục lót bằng sự hy sinh của Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Trương Công Định, Thiên Hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thiệp, Tôn Thất Đạm, Nguyễn Duy Hiệu, Tống Duy Tân, Đinh Công Tráng, Hoàng Hoa Thám và vô số anh hùng dân tộc khác.

Đừng quên rằng, bốn mươi năm trước khi Hồ Chí Minh đặt chân trở lại Việt Nam lần đầu năm 1941, các tư tưởng dân chủ khai phóng của Jean-Jacques Rousseau, Montesquieu, Voltaire, Duy Tân Nhật Bản đã được các nhà cách mạng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và các nhà cách mạng của phong trào Duy Tân truyền bá khắp ba miền. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do các nhà tân học miền Bắc như Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ đề xướng được đông đảo đồng bào ủng hộ. Phong trào Đông Du do cụ Phan Bội Châu kêu gọi đã thúc giục hàng trăm người Việt yêu nước như Lương Ngọc Quyến, Hoàng Trọng Mậu lên đường sang Nhật theo học tại các trường đại học quân sự Nhật.

Đừng quên rằng, hai mươi năm trước khi đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã có rất nhiều đảng phái chính trị chống thực dân Pháp được thành lập như Việt Nam Quang Phục Hội do cụ Phan Bội Châu lãnh đạo, đảng Lập Hiến của nhà cách mạng Bùi Quang Chiêu, Thiên Địa Hội của Phan Xích Long, Việt Nam Quốc Dân

Đảng do nhà cách mạng Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Các tổ chức cách mạng đó có khác nhau về phương pháp thực hiện nhưng đều đặt cơ sở trên nền tảng dân tộc và hướng tới một chế độ cộng hòa. Hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh chỉ khác nhau về đường lối tiến hành cách mạng chứ không khác nhau về mục đích và thể chế chính trị sau khi cách mạng dân tộc thành công. Ngay từ thời điểm đó, hai cụ Phan cũng đã khẳng định chế độ Cộng hòa là con đường thời đại và là chế độ mang lại tự do, dân chủ và thịnh vượng cho dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh của Việt Nam Quang Phục Hội do cụ Phan Bội Châu lãnh đạo vạch rõ mục tiêu của cách mạng là "đánh đuổi thực dân Pháp giành lại nước Việt Nam độc lập, thành lập Cộng hòa Dân Quốc Việt Nam".

Đừng quên rằng, chín mươi năm trước khi tạp chí *Cộng sản* ra đời 1955, mấy mươi tờ báo đã được phát hành khắp nước như *Gia Định báo* (1865), *Tiếng Dân* (1876), *Nông cổ Mín đàm* (1901), *Đông Dương tạp chí* (1913), *Nam Phong tạp chí* (1917), *An Nam tạp chí* (1926), *Phụ nữ Tân văn* (1929), *Tiểu thuyết Thứ Bảy* (1934) và nhiều báo Pháp ngữ. Dù khác nhau lập trường chính trị, lề lối điều hành nhưng tất cả đều nhằm thúc đẩy tiến trình khai dân trí tại Việt Nam.

Đừng quên rằng, năm 1945, theo tài liệu chính thức của đảng Cộng sản Việt Nam, tổng số đảng viên cộng sản chỉ vào khoảng năm ngàn người trong khi con số người Việt yêu nước bị tù đày trên Côn Đảo qua nhiều thời kỳ, đã lên đến hai trăm ngàn người. Điều đó cho thấy, dù số lượng đảng viên cộng ản có tăng dần, đại đa số những thế hệ Việt Nam chống Pháp là những người không cộng sản. Bức ảnh bi thương của ba chiếc đầu Đặng Đình Nhân, Nguyễn Trị Bình và Nguyễn Văn Cốc đựng trong rọ sau khi bị chém ngày 08 tháng 7 năm 1908 trong vụ Hà Thành Đầu Độc là một trong vô số bằng chứng hùng hồn truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Nhưng tại sao cộng sản thắng?

Cộng sản thắng chỉ vì họ không từ chối bất cứ một thủ đoạn nào dù bất nhân đến bao nhiêu, không hề tính toán cân nhắc phải chết hay phải giết chết bao nhiêu người, miễn là đạt được mục đích cộng sản hóa Việt Nam. Song song đó, đảng cộng sản áp dụng một chính sách tuyên truyền tẩy não, lợi dụng lòng yêu nước, bưng bít thông tin một cách tinh vi và tàn nhẫn nhất trong lịch sử loài người.

Một trong những ông tổ tuyên truyền thời hiện đại là Joseph Goebbels cũng đã phải bái phục bộ máy giết người và hệ thống tuyên truyền cộng sản. Trong diễn văn khá dài đọc trước đại hội đảng Quốc Xã vào tháng 9 năm 1935, Joseph Goebbels phân tích chủ trương tuyên truyền cộng sản "bắt đầu với nguyên tắc cứu cánh biện minh cho phương tiện", và tố cáo đó là "sự giả dối và vu khống, khủng bố con người và quần chúng, trộm cắp và đốt phá, đình công, phá hoại, gián điệp…". Tuyên truyền cộng sản, theo Goebbels nhằm "ám sát cá nhân, ám sát con tin, giết người tập thể là các phương pháp được cộng sản ưa thích để loại bỏ đối kháng…". Joseph Goebbels nghiên cứu và tố cáo chính sách tuyên truyền tẩy não, trấn áp, khủng bố cộng sản nhưng trong thực tế y đã áp dụng hầu hết các biện pháp cộng sản với một mức độ dã man không kém.

Các đảng phái quốc gia Việt Nam không làm được điều đó. Họ nhân ái quá. Họ Việt Nam tính quá. Chính vì lòng nhân ái và Việt Nam tính đó mà phần đông những nhà cách mạng độc lập và dân chủ đã chết, không chỉ chết dưới máy chém thực dân mà còn do cộng sản thủ tiêu như Đức Huỳnh Giáo chủ, Trương Tử Anh, Phạm Quỳnh, Khái Hưng, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Thế Nghiệp...

Và hôm nay, một trăm năm mươi chín năm từ buổi sáng ngày 01 tháng 9 năm 1858 ở Đà Nẵng những Trần Huỳnh Duy Thức,

Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, Trần Thị Nga... lại tiếp tục con đường Phạm Hồng Thái, Lương Ngọc Quyến, Tôn Thất Thiệp đã đi, để viết nên trang sử độc lập tự do cho mỗi người Việt Nam và cho dân tộc Việt Nam.

Không ai có quyền viết sử Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam đang chịu đựng dưới ách độc tài cộng sản. Con đường có thể còn xa nhưng là con đường chính sử. Chuyến xe có thể phải chậm vì chạy bằng máu của chính mình nhưng là chuyến xe tự chủ, không nô lệ cho bất cứ một ngoại bang nào.

TỪ "THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY" ĐẾN "NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM", NHỮNG ƯỚC MƠ BỊ PHẢN BỘI

Ôi miền Bắc xa xôi bao giờ ta trở lại?

Đó là dòng chữ hay tiếng nấc cuối cùng của một bác sĩ 28 tuổi ghi lại trong nhật ký của chị ngày 16 tháng 6 năm 1970. Một tuần sau, chị bị một đơn vị lính Mỹ phục kích và bị giết. Cuốn nhật ký của chị được chuyển đến Frederic Whitehurst, gọi tắt là Fred, sĩ quan quân báo Mỹ để phân tích. Và theo đề nghị của Nguyễn Trung Hiếu, một thượng sĩ quân đội Việt Nam Cộng hòa, Frederic Whitehurst đã giữ lại hai cuốn nhật ký thay vì đốt bỏ sau khi không tìm thấy các dữ kiện liên hệ đến tình báo quân sự. Năm 1972, Fred về nước, trong hành lý của anh có thêm hai kỷ vật chiến tranh: hai cuốn nhật ký của bác sĩ Đặng Thùy Trâm.

Mấy chục năm và nhiều lần cố gắng tìm thân nhân của chị Thùy Trâm để hoàn trả không thành công, Frederic Whitehurst đã tặng hai cuốn nhật ký cho Viện Lưu trữ về Việt Nam Lubblock tại Đại học Texas. Trong hội nghị hàng năm về chiến tranh Việt Nam vào trung tuần tháng 3 năm 2005, chính Frederic Whitehurst, chàng sĩ quan quân báo ngày xưa nay trở nên một tiến sĩ hóa học và một luật gia, đã đến dự và lần nữa nhắc đến nhật ký của chị. Cuối cùng, từ phòng họp của Trung tâm Việt Nam thuộc Đại học Texas này, một

bản sao cuốn nhật ký của chị Đặng Thùy Trâm đã tìm được đường về quê hương sau 35 năm lưu lạc. Ba tháng sau, hai cuốn nhật ký được in chung trong một tác phẩm dưới tựa *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*.

Hành trình của cuốn nhật ký, từ dòng chữ nghiêng nghiêng đầu tiên trên giấy trắng kẻ ô ngả vàng của chị cho đến ngày được in thành sách chẳng khác một cuốn phim truyện với nhiều tình tiết ly kỳ nhưng lại rất thật, rất cảm động và đầy ắp tình người.

Như bụi phong lan sinh ra và dưỡng nuôi bằng những hạt mưa rừng trên nhánh sồi khô giữa rặng Trường Sơn, nhật ký của chị Thùy Trâm sống sót trong khói lửa đạn bom do bàn tay săn sóc của đại diện cho cả ba bên tham dự cuộc chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử Việt Nam. Ba yếu tố: những dòng chữ chân thành có một chút mộng mơ của nữ bác sĩ trẻ tuổi, lòng nhân hậu của người lính miền Nam và sự trân trọng của viên sĩ quan quân báo Mỹ đã gặp nhau như một nhân duyên kỳ diệu để ngày nay *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*, dấu tích của một cuộc chiến tranh tàn khốc, có mặt trong tủ sách chúng ta. Điều đó cho thấy, những ý nghĩ chân thành, những rung động thật từ trái tim bao giờ cũng dễ được cảm thông, không chỉ trong những người cùng thời, cùng chiến tuyến mà ngay cả những người đứng bên kia chiến tuyến.

Thời gian qua, *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* được xem là cuốn sách bán chạy nhất tại Việt Nam. Theo báo *Tuổi trẻ*, chỉ trong vòng một tuần lễ kể từ ngày ra mắt sách, 14.200 cuốn đã được bán ra, riêng trong ngày Chủ nhật 31 tháng 7 đã phát hành 3.800 cuốn. Theo tổng kết mới nhất, *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* đã vượt tất cả kỷ lục sách Việt Nam với hàng trăm ngàn cuốn được in trong một thời gian rất ngắn. Đây không phải là lần đầu tiên một nhật ký chiến tranh được in ra, nhưng chưa nhật ký nào trở nên một hiện tượng trong sinh hoạt văn học và tạo nên một làn sóng tình cảm mạnh mẽ trong nước như nhật ký của chị Thùy Trâm. Tại sao? Ngoài những

suy nghĩ chân thành chị viết ra, một phần không nhỏ bởi vì chị là một trí thức trẻ, một người con gái tuổi hai mươi và hành trình khá gian nan của bản thân cuốn nhật ký.

Phản ứng và nhận xét về tác phẩm *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* thì rất nhiều, từ ông cựu Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, ông Thủ tướng Phan Văn Khải đến các nhà văn, nhà thơ, những người bạn cùng chiến đấu với chị trước đây và ngay cả một người như tôi, nhỏ hơn chị hơn một giáp tuổi và sống xa nửa vòng trái đất, cũng muốn viết vài cảm nghĩ về chị.

Đối với các cấp lãnh đạo đảng, đoàn, đây là cơ hội vàng son để đóng khung tô màu lên tấm bảng "Lý tưởng Cộng sản" mà chính họ cũng cảm thấy ngượng ngùng mỗi khi ngó đến. Ông Phan Văn Khải, trong lá thư gởi báo *Tuổi trẻ* ngày 4 tháng 8 viết: "*Tôi nhớ lại điều đã nêu thành chủ đề của bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước: "Đưa đất nước tiến kịp thời đại với ý chí mãnh liệt như ý chí giành độc lập thống nhất". Tấm gương của Thùy Trâm và Thạc làm cho khát vọng đổi mới và phát triển đất nước càng thấm sâu trong mọi người Việt Nam ở trong nước cũng như nước ngoài, tạo khí thế mới trong lao động học tập và rèn luyện vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc*".

Trên báo *Tuổi trẻ* ngày 23 tháng 8 năm 2005, ông cựu Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng viết những lời kêu gọi thanh niên như được trích ra từ một nghị quyết nào đó: *"Lớp tuổi 20 hiện nay hãy thể hiện lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ của mình với những người đi trước, những anh hùng, liệt sĩ bằng hành động và trái tim của tuổi trẻ. Đó là sự cống hiến sức lực, trí tuệ, tài năng của mình cùng cả dân tộc đưa Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, đưa vinh quang, hạnh phúc cho mọi người, của mọi người. Nối tiếp truyền thống anh hùng của cha anh, góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho dân tộc ta bước lên lâu đài hạnh phúc. Đó chính*

là giá trị đích thực của lẽ sống tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ mới".

Những khẩu hiệu tuyên truyền thời chiến tưởng đã quên đi chợt bừng bừng sống dậy. Gần hai tháng qua, báo lớn, báo nhỏ, báo già, báo trẻ trong nước, những bài viết nặng mùi tuyên truyền lại được đăng ngay trên trang nhất để ca ngợi chị Đặng Thùy Trâm.

Thế nhưng không phải ai cũng nhắm mắt vỗ tay theo những lời hô hào, ngợi ca sáo rỗng: "Đưa đất nước tiến kịp thời đại", "Chủ nghĩa anh hùng cách mạng", "Bước lên lâu đài hạnh phúc"… của ông cựu Tổng Bí thư và ông Thủ tướng, những tiếng nói bộc trực, thẳng thắn của những người cùng thế hệ với chị Thùy Trâm cũng vang lên từ trong nước như những lời cảnh giác dành cho thế hệ trẻ.

Báo *Tuổi trẻ* ngày 07 tháng 8 ghi lại câu trả lời của nhà văn Bảo Ninh: "*Lần đầu tiên nhìn thấy cuốn nhật ký, tôi đã rất xúc động. Đó là một phần tuổi trẻ của tôi. Đó là những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời tôi. Cái đẹp của sự xả thân. Cái sự xả thân của chị Trâm, anh Thạc hồi ấy sao mà đơn giản thế. Đừng vội gán cho chị Trâm những lý tưởng to tát như vì Đảng, vì dân, cũng đừng cường điệu chị lên, đừng bắt chị phải vác cái huy hiệu "anh hùng". Bởi theo tôi, chị rất đỗi bình thường. Trước cái chết, nếu "không run sợ" tức là đang nói dối! Có lẽ chị Trâm chỉ nghĩ đơn giản là mình nổ súng đánh lạc hướng thì mấy người thương binh sẽ có chút thời gian chạy vào rừng... Phản ứng của độc giả trẻ là hoàn toàn chân thật. Đừng nghĩ thanh niên Việt Nam không thèm quan tâm đến quá khứ mà chẳng qua vì "chúng" không thích những bài giảng sáo rỗng đấy thôi!*"

Nhà thơ Bùi Minh Quốc viết trên talawas: "*Tôi, người may mắn sống sót sau những hy sinh của Dương Thị Xuân Quý, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Giá, Chu Cẩm Phong cùng hàng triệu đồng bào đồng chí của tôi, từ 1975 trở đi càng ngày càng thấy nhân dân tôi đã lâm vào một bi kịch thê thảm nhất, cay đắng nhất, quái gở nhất: vì*

độc lập tự do mà cuồng nhiệt tự nguyện dốc cả sông máu núi xương để rồi "tự do" tự nguyện choàng lên cổ mình một cái ách nô lệ "vàng son" mang tên là sự lãnh đạo của Đảng, mà thực chất chỉ là sự cai trị độc đoán của hơn một trăm Ủy viên Trung ương, thậm chí chủ yếu là mười mấy Ủy viên Bộ Chính trị. Nô lệ đến mức người ta bảo bỏ phiếu cho ai là ngoan ngoãn bỏ cho người ấy, chẳng biết người ấy tốt xấu thế nào. Nô lệ đến mức muốn nói điều mình nghĩ, mình thấy, mình biết cũng không báo nào đăng cho, cỡ như cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt trả lời phỏng vấn mà cũng không được đăng trọn vẹn. Nô lệ đến mức người ta áp đặt cái đường lối sai lầm dựa trên một kiểu lý luận nói lấy được (chữ dùng của tướng Trần Độ) là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" cũng không biết mà cãi, hoặc biết mà không dám cãi, hoặc muốn cãi thì cũng không có diễn đàn mà cãi".

Thật vậy, thế hệ trẻ ngày nay hình như không thể tìm thấy chút thành thật nào từ những kẻ đang sống, đang lãnh đạo đất nước nên quay sang lắng nghe tâm sự của những người chết, vì ít ra, người chết không nói dối và không biết sợ.

Giống như nhà văn Bảo Ninh, nhà thơ Bùi Minh Quốc và có lẽ rất nhiều người khác, tôi đọc *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* với một tấm lòng trĩu nặng. Tôi nghĩ về chị như một người thân dù chúng tôi xa cách nhau về mọi mặt. Tôi hình dung căn hầm nhỏ nơi chị ngồi, mái tóc học trò của chị, những giọt mưa rơi trên mái lá, tiếng trực thăng bay trên đầu. Chị trải lòng mình trên trang giấy trong những phút riêng tư và cô đơn tột cùng như thế. Tương tự như nhận xét của anh cựu chiến binh Mỹ Robert Whitehurst, tôi nghĩ chị không viết để gởi lại cho đời sau, và cũng không cần ai thương hại, xót xa hay vinh danh mình.

Ngoại trừ hai chữ Th. và M., viết tắt tên của chị và người yêu, có lẽ những chữ lập lại nhiều nhất trong hai cuốn nhật ký của chị là hai chữ "buồn" và "nhớ". Ngày 4/6/1968, chị viết: "*Mưa vẫn cứ rơi*

hoài. Mưa càng thêm buồn thắm thía, và mưa lạnh làm cho người ta thèm khát vô cùng một cảnh sum họp gia đình. Ước gì có cánh bay về căn nhà xinh đẹp để cùng ba má và các em ăn một bữa cơm rau muống và nằm trong tấm chăn bông ấm áp ngủ một giấc ngon lành", và trong nhật ký ngày 18/12/1968 chị viết những dòng rất tội, rất đau: "*Đêm nay ngồi trực, ngọn đèn mờ trong căn nhà nhỏ, tiếng rên của người bệnh nhân làm mình buồn lạ lùng. Hơn bao giờ hết nỗi nhớ thương trào lên thiết tha cháy bỏng. Hỡi những người thân yêu, đêm nay có ai hiểu hết lòng mình hay không?*"

Không giống như chị Sứ trong *Hòn Đất* của Anh Đức, chị Diệu trong phim *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm* của Hải Ninh được tiểu thuyết hóa đến mức thần thánh và dàn dựng thành phim ảnh chỉ nhằm mục đích tuyên truyền, chị Đặng Thùy Trâm là một người có thật và chính tay mình ghi lại những suy nghĩ rất thật của mình. Nữ bác sĩ 28 tuổi xinh đẹp và hiền từ Đặng Thùy Trâm đã sống và đã chết trên đất nước Việt Nam thân yêu. Nhật ký chị viết dưới những cơn mưa rừng hòa lẫn tiếng mưa bom ở Bệnh xá Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, như số phận giọt nước mưa lăn trên mái tóc học trò của chị, trôi xa nhiều ngàn dặm trước khi về lại với quê hương.

Chị dành trang đầu để trang trọng ghi lại câu văn trích từ tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* của Nikolai Ostrovsky, một nhà văn Xô Viết qua đời vì bạo bệnh vào tuổi 32: "*Cái quí nhất của con người là cuộc sống, đời người ta chỉ sống một lần, phải sống sao cho khỏi phải xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài sống phí, cho khỏi phải hổ thẹn vì những năm tháng sống hoài sống phí, để khi nhắm mắt xuôi tay ta có thể nói rằng: 'Cả đời ta, cả sức ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời: Sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người'*".

Nhân vật Pavel Korchagin, chiếc bóng của cuộc đời nhà văn

Nikolai Ostrovsky, một thời là biểu tượng cho ý chí vươn lên của tuổi trẻ tại nhiều quốc gia cộng sản. Tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* được xem như là viên đá tảng của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và là cuốn sách gối đầu giường của thanh niên cộng sản khắp thế giới. Stalin đã tận dụng từng ý, từng câu trong tác phẩm để kích thích các thế hệ thanh niên Xô Viết lao vào những cuộc chém giết đẫm máu. Nikolai Ostrovsky bệnh nặng rồi chết sớm nên không có dịp chứng kiến tội ác của Stalin đối với dân tộc Ba Lan mùa xuân năm 1940, với đối thủ chính trị của ông ta và với 20 triệu người dân Xô Viết bình thường bị đày ải vào những trại tù xa xôi miền cực Bắc, một nửa số đó đã không bao giờ trở lại.

Không ai trách Nikolai Ostrovsky đã viết nên tác phẩm có tác dụng tiếp tay cho tội ác. Khát vọng bao giờ cũng là một màu xanh vô tội, chỉ có những kẻ lợi dụng khát vọng hồn nhiên của tuổi hai mươi, xô đẩy những mái đầu xanh vào vực thẳm hận thù mới là những kẻ có tội. Ngày nay tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy*, bảng tiếng Anh *How the Steel Was Tempered*, vẫn còn bày trong nhiều thư viện, vẫn còn được đọc, khác chăng, không phải đọc để hun đúc chí thanh niên mà để học từ những hoang phí đắng cay của một thời thanh xuân lầm lỡ.

Cả Nikolai Ostrovsky và chị Đặng Thùy Trâm đều phấn đấu để trở thành người cộng sản, nhưng cuộc đời của Nikolai Ostrovsky khác nhiều so với đời chị Thùy Trâm. Nikolai Ostrovsky hi sinh cho chủ nghĩa cộng sản, ngoài khát vọng tuổi trẻ mà ông tin, còn là một hình thức trả ơn. Trong lá thư gởi cám ơn Stalin sau khi được trao tặng Huân chương Lenin, Nikolai Ostrovsky bày tỏ lòng biết ơn đảng cộng sản đã vực ông dậy từ những nghèo nàn và bạc đãi của xã hội và biến một kẻ thiếu học như ông thành một nhà văn Xô Viết. Chị Thùy Trâm thì khác, chị sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức. Gia đình chị bị xếp vào giai cấp tiểu tư sản, thành phần xã

hội mà Friedrich Engels trong tác phẩm *Cách mạng và phản cách mạng ở Đức* định nghĩa là những kẻ chỉ biết: "*khoe khoang, không có khả năng hành động và lẩn tránh một cách nhút nhát khi cần phải làm một cái gì nguy hiểm*".

Đa số các buổi chỉnh huấn đảng được ghi lại trong nhật ký, chị đều bị phê bình: "*Tính tiểu tư sản vẫn còn*". Chính chị cũng thừa nhận điều đó khi viết cho Thuận, em nuôi của chị, trong nhật ký ngày 18/5/1969 những dòng lãng mạn và tinh nghịch: "*Em ơi, bao giờ chị cũng thương em vô hạn, nhưng tình thương đâu phải chỉ là những buổi sáng nắng hồng rực rỡ, những buổi chiều êm ả hay những đêm trăng mênh mông trên đồng lúa yên lành. Mà tình thương còn là những cơn giông sau những ngày hè êm ả. Vậy đó, làm bạn với một đứa tiểu tư sản thật là phức tạp*".

Dù chế độ có nhào nặn thế nào vẫn không xóa hết được những tình cảm tự nhiên trong tâm hồn người con gái nhiều mơ mộng Đặng Thùy Trâm. Trong nhật ký ngày 01/9/1968, mặc dù phần trên chị chép lại một câu văn nặng tính đảng của ai đó: "*Hãy giữ vững tinh thần của người cộng sản, tinh thần trong suốt như pha lê, cứng rắn như kim cương và chói lọi muôn ngàn hào quang của lòng tin tưởng*", thì ngay trong hàng kế chị lại viết: "*Nói vậy mà vẫn thấy xót xa, cay đắng và cô đơn lạ thường*".

Chị Thùy Trâm phấn đấu để được vào đảng, vì đơn giản đó là nơi duy nhất chị được dạy để tin vào, để dựa vào, để vươn lên và đó cũng là chiếc thang xã hội mà mọi người, trong đó có chị, phải tìm cách trèo lên chứ chưa hẳn phát xuất từ tình yêu giai cấp. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy chị viết về tình yêu, tình người, tình chị, tình em tự nhiên, ngọt ngào hơn nhiều khi viết về tình đảng. Cái nhiệt tình, đúng ra là háo hức mang tính thời thượng của một người trẻ mong được trở thành đảng viên cộng sản cũng nguội lạnh dần ngay khi chị đưa tay tuyên thệ làm một đảng viên. Nhật ký của chị

trong ngày gia nhập đảng 27/9/1968: "*Còn niềm vui, sao nhỏ nhoi quá so với ý nghĩa của ngày vui. Vì sao vậy hả Thùy? Phải chăng như hôm nào Thùy đã nói như một đứa con khát sữa mẹ khóc đã mệt rồi, miếng sữa nuốt vào không còn nguyên hương vị thơm ngon và cái thú vị của nó nữa*".

Trong những ngày phấn đấu gian nan, chị đã cảm thấy đảng không phải là nơi tập trung những kẻ "sống vì mọi người" như chị được dạy trong môi trường giáo dục ở miền Bắc. Ngày 15/6/1968, chị viết những dòng đanh thép: "*Điều đáng buồn nhất là trong những hy sinh gian khổ ấy, Th. chưa thấy được sự công bằng, sự trung thực. Chưa có sự đấu tranh để thắng được những cái ti tiện, đớn hèn cứ xảy ra làm sứt mẻ danh dự của hai chữ Đảng viên và làm mòn mỏi niềm vui say công tác của mọi người trong bệnh xá. Cả mùa khô ác liệt không một lúc nào mình thấy bi quan, mình luôn cười trong gian khổ vậy mà bây giờ mình đau khổ quá đi. Kẻ thù phi nghĩa mình không sợ, mà sợ những nọc độc của của kẻ thù còn rớt lại trong đồng chí của mình*".

Đọc đoạn văn trên tôi chợt nhớ đến câu trả lời của nhà văn Dương Thu Hương với phóng viên Evan Williams của Đài truyền hình Úc trước đây. Giống như chị Thùy Trâm, chị Dương Thu Hương cũng nói về những con người ti tiện: "*Tôi không thể tin tưởng một chút gì về chính phủ của mình vì đây là những con người cực kỳ hèn hạ và thấp kém. Họ không có một tí nhân cách nào để tôi tin tưởng cả. Tôi hiểu rất rõ về họ. Họ chỉ hoàn toàn là những con người ti tiện. Những lớp người tốt mà ngày xưa còn chút lý tưởng đã chết, chết hết rồi. Bây giờ chỉ còn lại những người thế chân; đấy là những kẻ đê tiện, những kẻ ăn cắp một cách trắng trợn gian manh*".

Và tôi chợt tiếc, phải chi chị Đặng Thùy Trâm còn sống đến hôm nay, trong văn giới Việt Nam hẳn có thêm một Dương Thu Hương can đảm khác.

Như hàng triệu thanh niên lớn lên trong một đất nước qua phân, ngăn cách, chị Thùy Trâm khao khát một ngày hòa bình. Chị viết trong nhật ký ngày 04/6/1968: "*Đêm qua mơ thấy hòa bình lập lại, mình trở về gặp lại mọi người. Ôi, giấc mơ hòa bình, độc lập đã cháy bỏng trong lòng cả ba mươi triệu đồng bào ta từ lâu rồi. Vì nền hòa bình độc lập ấy mà chúng ta đã hy sinh tất cả*".

Vâng, không riêng gì chị Thùy Trâm mà tuyệt đại đa số người Việt Nam đều mơ ước hòa bình. Giọt nước mắt già nua của mẹ đợi chờ bao nhiêu năm chỉ để khóc trong mừng vui cho ngày con trở lại. Tiếc thay, chị Đặng Thùy Trâm chết sớm nên không có dịp chứng kiến một đất nước hòa bình trong máu và nước mắt chứ không phải trong nụ cười đoàn viên dân tộc mà chị hằng mơ ước.

Đất nước không còn tiếng súng nhưng hàng triệu người dắt nhau đi ăn xin trên quê hương vừa thống nhất trong điêu tàn đổ nát. Bóng đêm của nghèo đói phủ trùm lên số phận một dân tộc đã phải chịu đựng hơn một phần tư thế kỷ chiến tranh và tàn phá. Những chuyến đi đày vào những trại tập trung xa xôi đã thay thế cho những giấc mơ hồi hương trong ấm êm hạnh phúc. Những đêm mưa gió bão bùng trên vùng kinh tế mới đã thay cho những giờ phút an vui, quây quần bên bếp lửa gia đình. Là một người có trái tim nhân hậu, nếu còn sống, chị Thùy Trâm sẽ nghĩ sao và làm gì trước những cảnh này?

Không phải chỉ người dân miền Nam thôi mà cả thanh niên miền Bắc cũng là nạn nhân của chế độ. Đọc đoạn nhật ký nói lên ước mơ hòa bình của chị tôi chợt nghĩ đến tâm sự cô đơn, trống vắng của người lính miền Bắc trở về trong bài thơ "Ngày hòa bình đầu tiên" của nhà thơ Phùng Khắc Bắc:

Những sợi nắng xuyên qua nhà mình

Thành những mũi tên

Thành những viên đạn,

Bắn tiếp vào anh không gì che chắn

Phải nhận tất cả,

Van anh.

Hôm qua chưa nhận được một viên đạn

Hôm nay nhận những lỗ thủng

Anh về quê không mang súng

Vũ khí lúc này hai bàn tay

Mẹ giục:

- Ăn cơm, con!

Hòa bình trong canh cua, mồng tơi, cà

Và

Mùi ổ rơm.

Tôi vẫn nhớ ngày đọc xong bài thơ của Phùng Khắc Bắc, tôi dò hỏi về tiểu sử của anh và biết anh đã qua đời sau một thời gian sống trong bịnh hoạn, nghèo nàn, túng quẫn. Đọc tâm sự của một nhà thơ bộ đội trong ngày hòa bình đầu tiên của đất nước để hiểu rằng những xót xa này không phải của riêng ai.

Chị Đặng Thùy Trâm chết trên mảnh đất miền Nam, nơi mà chị cảm thấy "thiết tha gắn bó vô cùng" nhưng chị chưa thực sự sống trong lòng một miền Nam đúng nghĩa. Những công sự tối tăm, những căn lán nhỏ ở Đức Phổ không thể đại diện cho miền Nam. Miền Nam thật sự không có những người "đang rên siết dưới gọng kèm đế quốc", đang thoi thóp chờ "hạt gạo chẻ làm đôi" mang vào từ miền Bắc như giới lãnh đạo đảng nhồi nhét vào tâm hồn đa cảm

của chị. Chị và hàng ngàn thanh niên miền Bắc tình nguyện vào "giải phóng miền Nam" cũng chỉ vì tin như thế.

Miền Nam chị chưa gặp là những cánh đồng bát ngát, những dòng sông nhuộm đỏ phù sa, những vườn cây sai trái, những con người chơn chất hiền hòa. Miền Nam chị chưa đến có những con đường phượng đỏ, hàng me xanh tình tự, những tà áo trắng hồn nhiên, những bài hát đượm tình yêu quê hương và đôi lứa.

Miền Nam có hàng triệu người như anh thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu, những người phải chiến đấu trong một cuộc chiến tự vệ vô cùng khắc nghiệt nhưng lúc nào cũng có trái tim nhân hậu dành cho chị và những người cùng máu mủ dù đang phải đứng đâu trong cuộc chiến đau lòng này. Chị Đặng Thùy Trâm chết sớm nên không có dịp nhìn thấy hàng triệu đồng bào miền Nam thân yêu của chị phải dắt dìu nhau ra biển tìm tự do, và chị không còn sống để có cơ hội hiểu được thực chất của chế độ mà chị đã đem hết tuổi thanh xuân để phục vụ.

Chị căm thù lính Mỹ, những người mà chị có lần hằn học miêu tả trong nhật ký ngày 19-01-1969 là "*bọn quỷ khát máu vẫn đang giày xéo lên quê hương*". Đó cũng là điều dễ hiểu. Là một bác sĩ trẻ, rất dễ buồn và đa cảm, mỗi ngày chứng kiến cái chết của bạn bè, anh em, của Khiêm, của Thuận, những người thân thiết nhất trong ngày tháng xa nhà của chị, lòng thù hận dâng cao trong lòng chị là điều không tránh khỏi.

Thế nhưng, sinh ra và lớn lên trong môt xã hội đóng khung trong bốn bức tường chuyên chính như con chim non trong lồng sắt, làm sao chị biết được ngoài kia trời đang nắng hay mưa.

Suốt 28 năm bị rèn dũa trong một hệ thống giáo dục chỉ trang bị cho chị những câu trả lời mà không cho chị cái quyền được hỏi, làm sao chị hiểu được ai thực sự là những kẻ đang giày xéo quê hương.

Làm sao chị hiểu được rằng năm 1959, khi giới lãnh đạo đảng Lao động Việt Nam quyết định mở đường Trường Sơn "giải phóng miền Nam bằng phương tiện võ lực", số lượng "giặc Mỹ xâm lược" tại miền Nam cũng chẳng nhiều hơn so với số cố vấn Trung Quốc, cố vấn Liên Xô ở miền Bắc.

Làm sao chị hiểu được rằng, vào những năm đầu của thập niên 1960, võ khí của Mỹ viện trợ cho miền Nam cũng không nhiều hơn so với võ khí của Trung Quốc và Liên Xô đang ào ạt vận chuyển vào cảng Hải Phòng.

Làm sao chị hiểu được rằng, khẩu hiệu "Độc lập tự do" chỉ là chiếc bánh vẽ mà dân tộc ta mấy chục năm nay chẳng thể nào ăn được.

Làm sao chị hiểu được rằng dù có Mỹ hay không có Mỹ, dù bằng phương tiện hòa bình hay phải "đốt cháy cả dải Trường Sơn" thì chủ nghĩa cộng sản độc tài chuyên chính vẫn phải được thiết lập trên toàn cõi Việt Nam.

Và chị làm sao hiểu được nỗi đau của đồng chí, bè bạn, anh em chị còn sống sót, những người đã một thời tin vào đảng như tin vào ánh sao Hôm sẽ dẫn lối về nhà. Ba mươi năm qua họ vẫn thức dậy mỗi đêm nhìn ánh sao Hôm mà thầm trách lấy chính mình. Trên giá sách họ cũng có những cuốn nhật ký dày và chân thật như của chị, dấu tích của những tháng ngày bão lửa chưa phai, nhưng khác chăng những nhật ký như thế sẽ không bao giờ xuất bản.

Cầu xin hương linh chị phò hộ cho đất nước chúng ta sớm qua đi thời đại của độc tài, hận thù, rẽ chia, ghen ghét, xin chị phò hộ cho các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau được sống trong dân chủ, tự do, no ấm, biết yêu thương nhau và che chở cho nhau.

Nếu giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam còn chút tình nghĩa

TÂM TÌNH CÙNG TUỔI TRẺ

Sáng ngày 02 tháng 7 năm 2004, tôi được Ban Tổ chức Đại hội sinh viên Bắc Mỹ mời đến nói chuyện với các bạn trẻ đại diện của khoảng 50 tổ chức thanh niên sinh viên Hoa Kỳ và Canada về tham dự đại hội lần thứ nhất, được tổ chức tại Đại học Emerson, thành phố Boston.

Trong buổi sáng tâm tình đó, tôi có dịp chia sẻ niềm vui khi biết các em đã trưởng thành. Sự trưởng thành của các em, không chỉ chứng tỏ một cách đơn giản bằng tiếng hô "Tôi là người Việt Nam" nhưng bằng việc theo dõi công việc các em đã và đang làm. Tôi sung sướng tự nhủ, những nhánh sông, những con nước trôi lạc loài trên biển ngày nào đang trên đường trở về nguồn cội.

Nếu chúng ta xuống khu người Ý để hỏi một thanh niên Mỹ gốc Ý anh là ai, chắc chắn sẽ anh sẽ trả lời rất gọn "Tôi là người Mỹ." Tương tự, nếu chúng ta qua khu người Đức để hỏi một phụ nữ Mỹ gốc Đức chị là ai, chị cũng sẽ trả lời "Tôi là người Mỹ". Nhưng một cô bé Việt Nam ở Atlanta đã trả lời với chúng tôi em là người Việt Nam. Em nói một cách chân thành.

Các em là người Việt Nam và hãnh diện là người Việt Nam, dù đa số các em có mặt đã sinh ra tại hải ngoại, và thậm chí có em chưa bao giờ đặt chân lên đất nước Việt Nam. Tôi xúc động khi biết nhiều em đã dành suốt mùa hè để học tiếng Việt. Nhiều em lo lắng không biết bao giờ mới có đủ khả năng tiếng Việt để đọc được

Kiều. Nhiều em phân vân không biết các tác phẩm về chiến tranh Việt Nam do các tác giả ngoại quốc viết có phản ảnh trung thực và khách quan cuộc chiến Việt Nam hay không.

Nghe các em nói, tôi cảm thấy trách nhiệm đè nặng trên vai mình.

Qua nhiều lần tiếp xúc với các bạn trẻ, tôi hiểu được rằng, trong các thế hệ Việt Nam tỵ nạn, thế hệ của chúng tôi có nhiều may mắn nhất. Trong thời kỳ chiến tranh đẫm máu, chúng tôi còn ngồi trong trường trung học hay một, hai năm đầu đại học. Trong thời kỳ đói khổ sau 1975, chúng tôi đã vào tuổi hai mươi và có khả năng bương chải qua ngày. Khi đặt chân sang nước ngoài, chúng tôi lại là thế hệ sở hữu những kinh nghiệm sống cần thiết để đương đầu với những khó khăn trong đời sống mới và có số vốn liếng Việt ngữ, tuy khiêm tốn nhưng cũng tạm đủ để tiếp tục học hỏi và duy trì văn hóa Việt.

Các em thì không.

Tuổi thơ của các em được ru, không phải bằng những câu ầu ơ ví dầu thân thương tha thiết nhưng là các chương trình truyền hình Mister Rogers' Neighborhood, bằng Sesame Street, Mickey Mouse. Thế nhưng các em đã ngồi lại với nhau, học hỏi lẫn nhau, tìm cách giúp đỡ cho nhau và cho quê hương của cha mẹ em đang cần được giúp.

Điều đó cho thấy, tình yêu nước Việt là một thôi thúc kỳ diệu, không đơn giản được xác định bằng tấm giấy khai sinh, bằng quốc tịch nhưng bằng máu huyết luân lưu suốt mấy nghìn năm, bằng đời sống và giáo dục gia đình, bằng truyền thống và tập tục văn hóa đã không ngừng được duy trì và phát triển tại hải ngoại. Đặc tính kế thừa và gắn bó với quê cha đất tổ đó rất khó tìm thấy trong cộng đồng của một sắc dân nào khác.

Một bằng chứng rất hùng hồn và dễ thương mà tôi chứng kiến cũng trong ngày đại hội là cách trả lời của một thí sinh trong giải Hoa hậu Nhân ái, một tiết mục giải trí bên cạnh chương trình đại hội. Chúng tôi đặt câu hỏi tại chỗ và hoàn toàn bất ngờ cho các thí sinh. Câu hỏi thế này: *"Nếu em chỉ có 24 giờ để sống trên đời, em sẽ làm gì trong 24 giờ đó?"*

Và đây là nguyên văn câu trả lời của thí sinh trúng giải: *"Nếu em chỉ có 24 giờ để sống, em sẽ dành 24 giờ đó cho ba mẹ em. Em sẽ thưa với ba mẹ em rằng em cám ơn ba mẹ đã sinh em ra, đã trải qua nhiều cực khổ từ những ngày mới đặt chân đến Mỹ để nuôi em nên người như ngày hôm nay. Em có một đứa em, nếu còn thời gian em sẽ dành cho nó, dặn dò nó chăm lo học hành, có hiếu với ba mẹ và thay em chăm sóc ba mẹ trong tuổi già".*

Cô bé đứng trên khán đài cao, nhìn xuống ba mẹ em ở dưới, vừa trả lời vừa rưng rưng nước mắt, tưởng chừng 24 giờ tới đây em sẽ ra đi thật.

Em có thể đã có người yêu. Em có thể đã có hàng trăm nhu cầu, ham muốn khác của tuổi mười tám, hai mươi. Nhưng không, cuối cùng em chỉ muốn trở về với nơi em đã sinh ra. Ý thức về nguồn, qua câu trả lời không chuẩn bị trước nhưng rất tự nhiên, chân thành bằng tiếng Việt, đã cho thấy sức sống kỳ diệu của dân tộc Việt Nam. Sức mạnh của văn hóa dân tộc Việt Nam như một dòng sông dài, có lúc trôi êm ả và cũng có lúc phải vượt qua nhiều ghềnh đá cheo leo, nhưng chưa bao giờ gián đoạn.

Câu nói "Tôi là người Việt Nam" thoạt nghe qua rất đơn giản, ai cũng có thể nói được, người Việt Nam nào, dù trong nước hay đang sống ở ngoài nước cũng có thể nói như thế. Nếu chúng ta hỏi một em du học sinh từ trong nước vừa ra đến hải ngoại, em sẽ trả lời một cách hãnh diện "Tôi là người Việt Nam" và tương tự nếu chúng ta hỏi một sinh viên Việt Nam lớn lên ở Mỹ, Canada, Đức, Pháp,

Úc hay xứ nào khác, em cũng sẽ vui sướng trả lời "Em là người Việt Nam".

Tuy nhiên nếu chúng ta hỏi tiếp "Việt Nam của em là Việt Nam nào?" thì thái độ, phản ứng và cách trả lời của mỗi em sẽ khác.

Em sinh viên ở hải ngoại sẽ ngập ngừng, vì trước hết, em không thể tin được trên thế giới này có thể có hơn một nước Việt Nam.

Nước Việt Nam duy nhất mà em biết là một dân tộc tuy có lịch sử anh hùng, bất khuất, có tinh thần tự chủ cao độ, truyền thống giáo dục gia đình tốt đẹp nhưng hiện nay đã trở thành lạc hậu.

Việt Nam mà em biết là quốc gia có lợi tức đầu người thấp xa so với nhiều quốc gia kém phát triển khác ở châu Phi, và với một nền kinh tế sống nhờ vào khu vực nông nghiệp và dịch vụ.

Việt Nam mà em biết là quốc gia có những người lãnh đạo đất nước già nua, độc tài, cực đoan, bảo thủ ngồi trên ghế quyền lực tròn nửa thế kỷ nhưng vẫn còn muốn duy trì quyền chuyên chế ngay cả trong lúc đang nằm trên giường bệnh chờ chết.

Việt Nam mà các em biết là một trong năm nước trên thế giới vẫn tiếp tục bám vào chủ nghĩa cộng sản, một ý thức hệ một thời bành trướng nhờ vào chiến tranh, đấu tố, ám sát, hiện nay đã lùi xa vào quá khứ con người.

Việt Nam mà các em biết là quốc gia có hàng trăm ngàn phụ nữ chỉ vì chén cơm manh áo mà phải bán thân lưu lạc xứ người, bị đánh đập, xô đuổi, ném ra đường phố như những nô lệ tình dục thời Trung Cổ.

Việt Nam mà các em biết là quốc gia hai phần ba trong tuổi thanh niên nhưng đa số không có sức sống, không có hoài bão cho tương lai của đời mình và cho đất nước mình, sống trong chờ đợi một bình minh chưa đến và có thể sẽ không bao giờ đến trong đời họ.

Tóm lại, Việt Nam mà thế hệ trẻ ở hải ngoại biết là một dân tộc đáng yêu nhưng cũng là quốc gia đang cần một cuộc thay đổi toàn diện để hy vọng có thể hội nhập vào dòng tiến hóa của loài người.

Trái lại với một Việt Nam bi thảm đó, đối với đa số các em du học sinh từ trong nước mới sang hay đang ngồi trong trường đại học tại Việt Nam, Việt Nam mà các em được dạy là *"xứ sở của anh hùng, độc lập, tự do, hạnh phúc, một đất nước, dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam, đã liên tục đánh gục ba tên đế quốc đầu sỏ Pháp, Nhật và Mỹ. Cả thế giới nghiêng mình kính phục khi nghe nhắc đến hai chữ Việt Nam"*.

Nói chung, ý thức của các em là bản sao của một bài hát tuyên truyền được lặp đi lặp lại suốt mấy chục năm qua, nhiều đến nỗi đã trở thành tự nhiên như một đặc tính bẩm sinh.

Thật khó có thể tin được, giữa lúc cả nước chìm trong nạn đói của những năm sau 1975, trong đó hàng triệu người dân bị đày đi kinh tế mới, hàng triệu người không có ngay cả mỗi ngày chén cháo để ăn, nhưng trên các loa phóng thanh đầu làng cuối phố, người dân Việt Nam vẫn sáng chiều hai buổi nghe toàn là những thành quả vượt chỉ tiêu, những khẩu hiệu đầy hứa hẹn.

Khi nói đến tình trạng vong thân trí thức trong giới trẻ Việt Nam, tôi không có ý cho rằng tất cả thế hệ trẻ Việt Nam đều đánh mất quê hương trên chính quê hương mình, đều ngoảnh mặt làm ngơ trước sự chịu đựng của cha mẹ và bà con thân thuộc mình. Không. Trên kẽ đá hẹp giữa lòng núi, dù cheo leo nguy hiểm, dù gai góc bao nhiêu vẫn mọc lên những bông hoa rừng tuyệt mỹ.

Đất nước chúng ta cũng thế. Lịch sử đã chứng minh, thời đại nào người yêu nước cũng đông hơn kẻ phản dân hại nước. Trong cơn lũ độc tài áp bức kéo dài mấy chục năm qua, những búp măng non vẫn cố vươn mình lên. Nhiều khuôn mặt trẻ can đảm vẫn còn sáng

suốt, bằng nhiều cách khác nhau, đang cố đánh thức thế hệ họ, đồng bào họ đang chìm trong cơn mê dài.

Thành phố nơi tôi ở là thành phố đại học nên tôi có cơ hội gặp khá nhiều sinh viên từ trong nước sang. Trong những lần gặp gỡ đó, có khi tôi cũng nghe vài em thao thao bất tuyệt về một "Bác Hồ anh minh và vĩ đại", nghe các em đọc dăm bài thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên đầy sắc máu hận thù, và cũng có khi nghe các em nói lên niềm hãnh diện về nước Việt Nam, nơi đó, cái gì cũng vượt trên tầm thời đại. Bạn bè tôi, nhiều người cảm thấy khó chịu, đứng dậy đi ra, một số khác e ngại và từ đó tìm cách tránh xa, nhưng tôi thì không. Tôi ngồi lại.

Tôi ngồi lại và kiên nhẫn chờ đợi một cơ hội để nói với em những điều em chưa hề được nghe, cơ hội để mang các em về với thực tế đầy đau xót của đất nước, về với cái chung của anh em chúng tôi đang bị chìm khuất phía sau đám mây đen vong bản.

Tôi ở lại với các em vì tôi thật sự không tin những điều các em nói phát xuất từ trái tim trong sáng Việt Nam hay những bài thơ các em đọc phát xuất từ tâm hồn đầy ắp thi ca và nhân bản Việt Nam.

Ý thức của các em khi sinh ra giống như một tờ giấy trắng, đảng cộng sản vẽ lên đó hình gì, sẽ hiện lên hình đó, chế độ độc tài sơn lên màu gì, sẽ hiện ra màu đó. Trách nhiệm lương tâm và đạo đức của những ai còn nghĩ đến tương lai dân tộc, không phải xé bỏ tờ giấy đó đi nhưng chỉ nên xóa đi màu đỏ của hận thù, xóa bỏ bức hình độc ác trong tâm thức của các em. Nếu làm được vậy, tấm giấy kia vẫn sẽ là tấm giấy Việt Nam. Thay vì đẩy các em về phía bóng tối, hãy giúp các em đi về phía ánh sáng của tình đồng bào, tình đất nước.

Tôi muốn nói với các em về một nước Việt Nam mà có thể các em chưa biết, một Việt Nam đang bị bỏ rơi tận đàng sau đuôi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật không ngừng của nhân loại. Thế giới

mà các em đang đối diện không phải là thế giới mà các em đã học ở trong nước.

Sau 1975, những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam tự mãn với hào quang chiến thắng của họ đến nỗi trở nên cô lập với thế giới bên ngoài. Hậu quả của căn bịnh kiêu căng đầy hoang tưởng đó là một Việt Nam suy thoái về mọi phương diện.

Tôi muốn nói với các em về lòng yêu nước, một đức tính vô cùng cao quý và đáng ca ngợi của dân tộc Việt Nam. Chúng ta hãnh diện với truyền thống yêu nước và tinh thần tự chủ đã được may mắn kế thừa từ tổ tiên suốt bốn ngàn năm lịch sử. Nếu không nhờ tinh thần đó thì ngày nay Việt Nam không phải là nước Việt Nam mà là tỉnh Việt Nam, giống như tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây hay đã chịu chung số phận của Mãn Châu, Nội Mông, Tây Tạng. Nhưng yêu nước là một tình yêu cần được soi sáng và hướng dẫn bằng trí tuệ chứ không phải là một thứ tình yêu cực đoan và mù quáng.

Hãy nhìn lại cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp đầy gian khổ của dân tộc Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh đó, không phải chỉ miền Bắc chống Pháp và miền Nam theo Pháp, không phải chỉ những người cộng sản hô hào đánh Pháp và người quốc gia chạy theo chân Pháp. Không. Từ sông lạch miền Nam đến núi rừng Việt Bắc, nhân dân Việt Nam đã tùy theo điều kiện địa lý, hoàn cảnh chính trị của mỗi miền, và cả của mỗi người để đánh đuổi thực dân. Có vị chủ trương cứng rắn, có vị chủ xướng ôn hòa, có vị chủ trương võ lực, có vị chủ xướng Duy Tân. Nhưng nếu họ cùng có một tấm lòng vì nước, một đức tính trung thành và chung thủy với quê hương, nhân dân Việt Nam vẫn biết ơn họ và lịch sử Việt Nam sẽ ghi công họ.

Giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam thì khác, chưa đánh đuổi được ngoại xâm đã tàn sát không nương tay những người Việt Nam yêu nước mà họ nghĩ sẽ tranh quyền đoạt lợi với họ sau này. Và trong

suốt nửa thế kỷ qua, giới lãnh đạo cộng sản lại một lần nữa lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam, đẩy hàng triệu thanh niên Việt Nam vào chỗ chết cho các mục tiêu bành trướng ý thức hệ cộng sản, cho quyền lợi của đàn anh Trung Cộng, Liên Xô dưới hình thức cuộc chiến tranh gọi là "Chống Mỹ cứu nước" vô cùng ngu xuẩn. Hôm nay, cơn lũ chiến tranh tuy đã qua đi nhưng trên cánh đồng Việt Nam vẫn còn phơi đầy thân xác anh em, máu xương của đồng bào ruột thịt.

Tôi muốn nói với các em về những kẻ trước đây đã từng ca ngợi chế độ cộng sản Việt Nam như "ngọn hải đăng thời đại", những kẻ "mơ sáng mai thức dậy biến thành người Việt Nam" và họ là ai?

Họ là đảng Cộng sản Liên Xô thời chế độ này còn thoi thóp, họ là đảng Cộng sản Trung Hoa, họ là những nhà văn, nhà thơ chống chiến tranh và họ là lãnh tụ các phong trào phản chiến châu Âu.

Đảng Cộng sản Liên Xô ca ngợi cộng sản Việt Nam bởi vì chiến tranh Việt Nam đã giúp làm chậm lại cuộc chạy đua vũ khí với Mỹ mà chính họ đang dần dần kiệt quệ. Trung Cộng ca ngợi cộng sản Việt Nam đơn giản vì nhân dân Việt Nam đã chết thay cho họ để bảo vệ biên giới phía Nam. Trong ly rượu sâm-banh của các tên lái buôn chiến tranh đế quốc chúc tụng nhau ở Nhân dân đại sảnh Bắc Kinh, ở điện Kremlin có máu của đồng bào Việt Nam đổ xuống khắp ba miền. Trong tiếng cười rạng rỡ của các chủ tịch nhà nước, các tổng bí thư trong đêm liên hoan mừng chiến thắng, không phải chiến thắng của nhân dân Việt Nam nhưng vì các mục tiêu riêng của họ đã đạt được, có nước mắt của hàng triệu bà mẹ Việt Nam khóc cho những đứa con của mẹ đã gởi xác ở Trường Sơn, Khe Sanh, Bình Long, Trị Thiên, An Lộc.

Tôi muốn nói với các em, dân tộc chúng ta đã được gì sau cuộc chiến Việt Nam. Một thành quả của đảng cộng sản mà các em nghe hàng triệu lần là thống nhất dân tộc. Vâng, thống nhất dân tộc là

một nhu cầu cần thiết. Không một người Việt yêu nước nào không muốn dân tộc Việt Nam thống nhất, nhưng liệu cần thiết đến nỗi phải đổi bằng thân xác của hơn ba triệu người, hủy diệt mầm sống của bao nhiêu triệu người còn lại trong suốt nửa thế kỷ qua và hậu quả xã hội sẽ kéo dài không biết đến bao giờ. Tại sao Đông Đức không chọn con đường võ lực? Tại sao Bắc Hàn, sau cuộc thử lửa với Mỹ vào năm 1953, đã không tiếp tục chọn con đường võ lực?

Nếu Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cộng sản thật sự là những người yêu nước, họ ít nhất phải học ở Erich Honecker và Kim Nhật Thành, dù độc ác bao nhiêu cũng biết sợ hậu quả không thể đo lường được khi phải đương đầu với Mỹ, một cường quốc mạnh nhất thế giới về khoa học kỹ thuật, kinh tế và quốc phòng.

Nếu Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cộng sản miền Bắc thật sự là những người yêu nước, họ phải biết dừng lại ở Hiệp định Geneve và chờ một cơ hội hòa bình, một giải pháp không đổ máu để thống nhất đất nước, thay vì thống nhất bằng xe tăng T54, bằng đại pháo, bằng trại tập trung, bằng nhà tù và sân bắn.

Và tôi cũng muốn nói với các em một điều hệ trọng hơn tất cả những điều đã nói, rằng, dù em sinh ra ở Huế, Hà Nội hay Sài Gòn, ở San Diego, Santa Ana, San Jose, Sydney, Victoria, Oslo, Berlin, Paris hay một nơi nào khác, em cũng nên hãnh diện để nói lớn rằng "Tôi là người Việt Nam".

Định mệnh lịch sử khắc nghiệt đã đẩy các em vào nhiều hoàn cảnh khác nhau, điều kiện trưởng thành khác nhau, nhưng tôi tin rằng, một ngày không xa, tất cả những người con yêu của mẹ Việt Nam sẽ gặp lại nhau tại một điểm hẹn huy hoàng của lịch sử, đó là ngày phục hưng dân tộc Việt Nam. Em đang ở đâu và đang làm gì, hãy nỗ lực cho ngày đẹp trời đó của dân tộc. Những buồn đau chia cắt sẽ qua đi và một nước Việt Nam mới, tự do, dân chủ, nhân bản, khai phóng sẽ ra đời.

TUYÊN TRUYỀN ĐỨC QUỐC XÃ VÀ TUYÊN TRUYỀN CỘNG SẢN

Buổi sáng ngày 19 tháng 8 năm 1934 là ngày nhân dân Đức đi bỏ phiếu để hợp thức hóa vai trò lãnh đạo tối cao của Adolf Hitler. Một cột báo lớn trên trang nhất long trọng công bố "Hôm nay Hitler là biểu tượng của nhân dân Đức". Tổng thống Paul von Hindenburg qua đời hai này trước đó. Hitler được chọn làm Thủ tướng vào tháng Giêng năm 1933 và chỉ cần hơn một năm để thực hiện hàng loạt các hoạt động vừa hợp pháp và bất hợp pháp để củng cố quyền lực. Sau cái chết của Tổng thống Hindenburg, Hitler nắm lấy cơ hội hủy bỏ chức vụ tổng thống và thay bằng quốc trưởng, lãnh đạo tối cao của toàn dân và toàn quân. Gần chín chục phần trăm nhân dân Đức đã bỏ phiếu cho Adolf Hitler vào chức vụ quốc trưởng và lãnh tụ tối cao.

Nhiều lý do giúp Hitler thôn tính quyền hành đã được thảo luận, trong đó gồm tham vọng chinh phục thế giới của y, đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1928, Hiệp ước Versailles và khuynh hướng chủ hòa của phe đồng minh Anh, Pháp. Tuy nhiên, các lý do đó không đủ để đưa một chính trị gia chỉ được 32% số phiếu bầu hai năm trước trở thành "lãnh tụ anh minh" với gần 98,9% cử tri Đức ủng hộ trong lần bầu cử năm 1934, và không đủ để đưa một Adolf Hitler bốn năm trước chưa phải là công dân Đức trở nên một "cứu tinh dân tộc".

Lý do chính là tuyên truyền.

Vũ khí tư duy thâm độc này đã giúp Hitler nắm được quyền hành tuyệt đối tại Đức. Theo sử gia Sebastian Haffner ngay cả một số người Đức bỏ phiếu chống Hitler trước đó cũng quay sang ủng hộ Hitler. Bộ máy tuyên truyền đã dựng Hilter thành một một anh hùng dân tộc, một thiên tài quân sự, một con người thiêng liêng đầy huyền nhiệm.

Trong diễn văn tại đại hội Quốc xã Đức ngày 28 tháng 4 năm 1938, Hitler tóm tắt các công trạng của y: "*Tôi đã vượt qua những hỗn loạn tại Đức, tái lập trật tự, gia tăng sản xuất một cách ồ ạt trong mọi lãnh vực kinh tế quốc gia… Tôi đã thành công trong việc đưa vào sản xuất 7 triệu người thất nghiệp… Tôi chẳng những đoàn kết nước Đức về mặt chính trị mà còn tái võ trang và bước xa hơn trong việc xóa bỏ Hiệp ước Versailles. Tôi đã sáp nhập Đức các tỉnh bị chiếm đoạt từ năm 1919… Tôi đã hoàn thành các mục đích đó mà không nhỏ một giọt máu của nhân dân và không gây ra sự chịu đựng cho người dân Đức cũng như các dân tộc khác*".

Câu "không nhỏ một giọt máu của nhân dân và không gây ra sự chịu đựng cho người dân Đức cũng như các dân tộc khác" là những lời đường mật rót vào tai người dân Đức cho đến khi thế chiến thứ hai bùng nổ mọi hối hận đã trễ tràng.

Người có công lớn nhất trong việc đưa Hitler lên ngôi vị lãnh tụ tối cao và Quốc trưởng Đức (Führer und Reichskanzler) không ai khác hơn là Joseph Goebbels, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền Đức từ 1933 đến 1945.

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ tại Heidelberg University năm 1921 với luận án nghiên cứu kịch nghệ lãng mạn Đức, Goebbels gia nhập đảng Quốc xã Đức năm 1923. Joseph Goebbels ủng hộ chính sách diệt chủng Do Thái và là một trong những cố vấn của đề án này.

Trong tất cả phụ tá thân cận Hitler, Joseph Goebbels gần gũi với Hitler cho đến giờ phút cuối cùng.

Dù được ca ngợi là một "thiên tài đen", Goebbels không phải là cha đẻ của chính sách tuyên truyền tẩy não. Cha đẻ của kỹ thuật tuyên truyền thời hiện đại là các tổ cộng sản trong đó có Lenin, Stalin và Mao Trạch Đông. Joseph Goebbels "học hỏi, vận dụng một cách sáng tạo" phần lớn các phương pháp tuyên truyền cộng sản tại Liên Xô và ngay cả từ cộng sản Trung Quốc dù lúc đó chưa chiếm toàn lục địa, để áp dụng tại Đức.

Dưới đây là những mục đích chính của tuyên truyền cộng sản:

Xóa bỏ nền văn hóa

Xóa bỏ nền văn hóa giáo dục cũ và thiết lập nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là mục tiêu đầu tiên và được tiến hành liên tục dưới chế độ cộng sản.

Ngày 10 tháng 5 năm 1933, một buổi đốt sách do "đạo quân áo nâu" dưới quyền của Joseph Goebbels tổ chức tại Bebelplatz với khoảng 20 ngàn tác phẩm của các tác giả được yêu thích bị đem ra đốt. Thật ra, đốt sách là một trong những biện pháp xóa bỏ quá khứ mà các chế độ độc tài từ thời vua Jehoiakim xứ Judah trước Tây lịch đến Tần Thủy Hoàng từng sử dụng.

Khác với Đức Quốc xã, tại các nước cộng sản, chiến dịch đốt sách như một biện pháp đầu tiên và được thực hiện liên tục để xóa bỏ tận gốc rễ một nền văn hóa giáo dục.

Trong tác phẩm *Quần đảo ngục tù,* Aleksandr Solzhenitsyn có nhắc đến các chiến dịch đốt sách tại Liên Xô. Tại Trung Cộng sau, ngay sau khi chiếm Trung Hoa lục địa năm 1949 cũng như nhiều năm trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa sau đó, không chỉ sách vở mà các di tích văn hóa đều bị phá hủy.

Trong số 20 ngàn tác phẩm bị Joseph Goebbels đem đi đốt tại Bebelplatz có một tác giả rất quen thuộc với độc giả Việt Nam. Đó là Erich Maria Remarque. Các tác phẩm của ông được dịch sang tiếng Việt và được tuổi trẻ miền Nam trước 1975 yêu thích như *Chiến hữu*, *Một thời để yêu và một thời để chết*, *Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh*. Chỉ trong vài ngày sau ngày 30 tháng Tư, 1975, các tác phẩm của Erich Maria Remarque lần nữa lại nằm trong số những sách bị đem ra đốt. Erich Maria Remarque qua đời năm 1970 nên không biết tin buồn từ cộng sản Việt Nam.

Thuần khiết lãnh đạo

Hitler và Stalin, như cả thế giới biết là hai trong những kẻ sát nhân tập thể tàn bạo nhất nhân loại nhưng chính Hitler đã nhiều lần bày tỏ sự thán phục dành cho Stalin và ca ngợi y trong việc làm thuần khiết hóa đảng Cộng sản Liên Xô qua việc loại bỏ các mầm mống Do Thái như Leon Trotsky, Grigory Zinoviev, Lev Kamenev, Karl Radek khỏi nội bộ lãnh đạo đảng.

Không ai phủ nhận Joseph Goebbels có một năng khiếu đặc biệt về tuyên truyền và được nhiều nhà phân tích xem như là một "thiên tài đen" vì y đã khá thành công trong việc tiêm chích chủ nghĩa dân tộc cực đoan vào tâm lý nhân dân Đức. Tuy nhiên, so với Lenin, Joseph Goebbels chỉ thuộc vào lớp học trò.

Lenin đưa kỹ thuật tuyên truyền lên mức độ cao nhất khi khai thác mâu thuẫn giữa các thành phần xã hội thành cuộc đấu tranh giai cấp đẫm máu, không khoan nhượng. Các cán bộ tuyên truyền cộng sản không chỉ tuyên truyền mà còn những chuyên viên sách động, tố cáo. Bắc Hàn, cộng sản Việt Nam thừa hưởng các kỹ thuật tuyên truyền của Liên Xô và Trung Cộng, và đã vận dụng một cách tinh vi để thích hợp với điều kiện văn hóa Á châu.

Trong diễn văn khá dài đọc trước đại hội đảng Quốc xã vào tháng 9 năm 1935, Joseph Goebbels phân tích chủ trương tuyên

truyền cộng sản "bắt đầu với nguyên tắc cứu cánh biện minh cho phương tiện. Đối với các đảng cộng sản tại Á châu, Joseph Goebbels cho biết: "Tháng 11 năm 1934, Thống chế Tưởng Giới Thạch công bố trước dư luận, riêng tại tỉnh Giang Tây khoảng một triệu người đã bị cộng sản giết và sáu triệu người khác bị cướp sạch tài sản". Cũng trong diễn văn này, Joseph Goebbels tố cáo rất nhiều tội ác khác của cộng sản diễn ra sau năm 1917 tại nhiều nơi ở châu Âu.

Xây dựng "con người mới"

Cộng sản tin tưởng vào việc tái sản xuất con người. Lý lịch ba đời không chỉ duy trì tính kế tục về dòng giống mà còn bảo đảm mục đích của chế độ được hoàn thành trong chính sách ngắn hạn cũng như dài hạn. Stalin phê bình quan điểm chủng tộc của Hitler và gọi đó là phát xít nhưng chính trị lý lịch qua đặt tính giai cấp xã hội vốn là nền tảng cho tính kế thừa của chế độ cộng sản.

Không lấy làm lạ khi các lãnh tụ cộng sản thích hôn nhi đồng. Hình ảnh "hiền từ" của họ bên cạnh nhi đồng là hình ảnh tuyên truyền phổ biến nhất trong thế giới cộng sản bởi vì mục tiêu hàng đầu của tuyên truyền tẩy não cộng sản là đào tạo những con người tuân phục từ khi mới ra đời. Lenin từng nói: "*Trao cho chúng tôi một em bé và trong vòng tám năm, em bé đó sẽ mãi mãi là người cộng sản*".

Từ khi biết nói, tuổi thơ tại các nước cộng sản đã bắt đầu được đoàn ngũ hóa dưới tổ chức Thiếu nhi Tiền phong. Các cháu được giáo dục để tuân phục và hãnh diện được thuộc về lãnh tụ. Các cháu thi đua sống và làm việc theo gương lãnh tụ vĩ đại. Sự phát triển tâm lý xã hội đóng vai trò quan trọng trong đời sống của thiếu nhi. Lễ gia nhập vào đội Thiếu nhi Tiền phong là biến cố quan trọng đầu tiên trong đời một em bé vì đó là bước thay đổi đầu tiên trong đời em bé. Mỗi em bé được nhận một cà-vạt đỏ và lớn lên với niềm kiêu hãnh vì đã trở thành một phần không thể thiếu trong xã hội cộng sản.

Joseph Goebbels áp dụng hầu hết các phương pháp tuyên truyền của Lenin vào việc phát triển chủ nghĩa Quốc xã tại Đức.

Xây dựng "trật tự xã hội mới"

Trước các hung thần khát máu Heinrich Himmler, Heinrich Müller của Đức Quốc xã, hung thần đầu sỏ của các chính sách trấn áp tại Liên Xô là Felix Dzerzhinsky.

Tên đồ tể khát máu này gốc Ba Lan nhưng là người thành lập cơ quan mật vụ Cheka khủng khiếp nhất tại Nga ngay sau Cách mạng cộng sản năm 1917. Sau khi một lãnh đạo tổ chức Cheka bị ám sát hụt tại St. Petersburg, Dzerzhinsky ra lệnh bắt 800 người và tất cả đều bị xử bắn không qua một phiên tòa nào. Chỉ trong vòng một tháng từ tháng 9 đến tháng 10 năm 1918, ước lượng đã có 10 ngàn đến 15 ngàn người bị giết. Danh từ "Khủng bố Đỏ" xuất hiện trong giai đoạn này.

Dzerzhinsky kiêm nhiệm hàng loạt chức vụ cấp bộ trưởng ngoài việc điều hành ngành an ninh Xô Viết. Y thông thạo nhiều ngoại ngữ mặc dù học hành bị dang dở vì tham gia hoạt động cộng sản, bị tù nhiều lần trong đó có lần bị lưu đày tận vùng băng tuyết Siberia. Sau đó y vượt thoát khỏi Siberia và hoạt động cộng sản tại Đức. Là nhân vật nổi tiếng trong phong trào cộng sản Đông Âu, sau 1917, Felix Dzerzhinsky thay vì hồi cư về Ba Lan đã quyết định ở lại Nga và được bầu vào Đảng ủy Cộng sản thủ đô Moscow. Felix Dzerzhinsky chia sẻ quan điểm của Lenin về vai trò toàn trị của Xô Viết và là người đầu tiên nhận trọng trách thành lập cơ quan an ninh cộng sản.

Joseph Goebbels cũng rập theo khuôn mẫu đó và tung ra chiến dịch tôn sùng cá nhân với khẩu hiệu "Hitler vì nước Đức" và "Toàn nước Đức của Hitler".

Những điểm khác nhau giữa tuyên truyền Đức Quốc xã và tuyên truyền cộng sản

- Bộ máy tuyên truyền Đức Quốc xã đặt nặng vai trò của trung ương tức Bộ Tuyên truyền, nơi kiểm soát, phân phát chỉ thị và điều hành mọi hoạt động tuyên truyền trong lúc dưới các chế độ cộng sản tuyên truyền là cả một hệ thống hiệu quả từ trung ương cho đến từng tổ ba người.

- Mặc dù sở hữu và khai triển hệ lý luận Quốc xã trong đó có cả sự quan tâm về một "chủ nghĩa xã hội" trong tương lai Đức, Joseph Goebbels không có nhiều thời gian để thực hiện chủ trương vừa tận diệt tàn tích cũ và để trồng lên một lớp người mới với nhận thức mới như chủ trương của Lenin và các thế hệ lãnh đạo cộng sản đàn em ở Liên Xô cũng như tại các nước cộng sản khác.

- Hàng ngũ cán bộ tuyên truyền của Đức Quốc xã đều là những cán bộ mới được đào tạo, vừa học tập vừa tuyên truyền, không sở hữu một căn bản lý luận vững chắc, trong lúc đó, tại các nước C cộng sản khả năng tuyên tuyền là tiêu chuẩn xác định trình độ chính trị và chủ nghĩa cộng sản của mỗi đảng viên.

- Tuyên truyền Quốc xã chỉ trở nên hữu hiệu khi sau khi Hitler nắm được chính quyền, trong lúc đó, khi hoạt động trong bí mật các đảng viên cộng sản đã thực hiện công tác tuyên truyền, sống sót nhờ vũ khí tuyên truyền, tờ báo bí mật *Pravda* của Trung ương đảng Cộng sản Nga cũng ra đời trong thời gian hoạt động bí mật.

- Đối tượng tuyên truyền của Đức Quốc xã là nhân dân Đức và đối tượng để tiêu diệt là người Đức gốc Do Thái, trong khi đó đối tượng tuyên truyền lẫn tiêu diệt tại các nước cộng sản đều là dân của các nước đó.

Lý thuyết Marx, kể cả Tuyên ngôn Đảng cộng sản do Mác và Friedrich Engels soạn, cũng còn trong phạm vi triết học và lý luận,

chỉ được thực tế hóa một trách triệt để sau khi Lenin và đảng Cộng sản Nga chiếm được quyền lực sau Cách mạng cộng sản tháng 10 năm 1917.

Boris Efimov, họa sĩ hí họa tuyên truyền chính trị thời cộng sản Liên Xô thú nhận ông đã dành 70 năm chỉ để làm công việc bôi đen nhận thức của bao nhiêu thế hệ con người trong mười lăm nước thuộc Liên Xô. Ông không có chọn lựa. Anh ruột của ông bị Stalin xử bắn nhưng có lẽ nhờ tài năng ông được cho phép sống để vẽ hí họa tuyên truyền. Theo Boris Efimov, hệ thống tuyên truyền cộng sản vô cùng khủng khiếp và có khả năng thôi miên cả một dân tộc. Không ít người Việt Nam đã từng và đang bị thôi miên như thế.

Hôm nay, bức tường tuyên truyền cộng sản Việt Nam còn dày nhưng so với 42 năm trước đã có nhiều kẽ hở. Ánh sáng tự do dân chủ theo cuộc cách mạng tin học tràn vào và giúp làm thay đổi nhận thức của một số người. Có thể chưa đủ làm nên một lực lượng cách mạng nhưng rõ ràng mỗi ngày một đông và sẽ đông hơn.

Một ngày không xa, những con nước nhỏ hôm nay sẽ làm nên thác lũ.

Tham khảo:

- Ian Kershaw, *The Führer Myth: How Hitler Won Over the German People*, SPIEGEL ONLINE International.

- Joseph Goebbels, *Communism with the Mask Off*, speech was delivered to the annual congress of the Nazi Party on 13 September 1935.

- Jean Marie *Domenach, Political Propaganda*, *Kỹ Thuật Tuyên Truyền Chính Trị, bản dịch của Thế Uyên, nxb Thái Độ Sài Gòn 1969.*

- Michael Mccarty, *The Historical Roots Of Chinese, Communist Propaganda, Baylor University.*

- Archie Brown, *The Rise and Fall of Communism,* HarperCollins, New York, 2011.

TÂM LÝ PHẢN CHIẾN

Tôi không coi phim *The Vietnam War* của PBS. Vài người bạn rủ đi dự buổi chiếu giới thiệu ở một đài PBS địa phương, tôi suy nghĩ và cuối cùng không đi.

Nhưng điều đó không có nghĩa tôi chống lại việc coi phim *The Vietnam War*. Thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên sau cuộc chiến, nhất là các em ở trong nước có cơ hội nhìn vài góc cạnh mà đảng cộng sản từng che giấu.

Dù không gian rất hẹp, thời lượng rất ngắn, hình ảnh thiếu khách quan cũng giúp cho các em suy nghĩ, nghi ngờ các khẩu hiệu tuyên truyền của đảng và tự mình tìm hiểu thêm. Đường còn dài, một bộ phim 18 giờ không nhất thời có thể làm thay đổi một nhận thức đã bị nhiều năm nhào nặn trong nền giáo dục một chiều nhưng đâu đó trong ý thức của các em sẽ vang lên một vài câu hỏi mà trước đó các em chưa từng nghĩ đến.

Một trong những khẩu hiệu quen thuộc mà các em thường nghe, cuộc chiến Việt Nam là cuộc chiến "Chống thực dân mới đế quốc Mỹ". Suốt hơn nửa thế kỷ, "Thực dân mới Đế quốc Mỹ" đồng nghĩa với tất cả xấu xa, tội ác trên đời, nhưng bao nhiêu em sinh viên, học sinh Việt Nam thật sự hiểu khẩu hiệu đó có nghĩa gì?

Tinh thần của Hiến chương Đại Tây Dương do Tổng thống Franklin Roosevelt soạn thảo kêu gọi tôn trọng quyền tự quyết dân tộc, sau Thế chiến thứ hai được thay bằng chủ thuyết Truman với

các biện pháp cứng rắn nhằm ngăn chận sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản.

Nam Hàn, Nhật Bản, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Đức và hàng loạt các nước châu Âu khác nằm trong ảnh hưởng của chủ thuyết Truman sau Thế chiến thứ hai và ngày nay chẳng những không bị "thực dân mới hóa" mà đều trở thành cường quốc kinh tế.

Có gì sai trong chủ trương của Tổng thống Truman nhằm ngăn chận Trung Cộng chiếm đoạt và đồng hóa cả Việt Nam?

Một người có nhận thức chính trị căn bản và biết cảm phẫn khi một phần lãnh thổ chiến lược về kinh tế và quân sự của Việt Nam đang bị Trung Cộng chiếm đoạt đều hiểu chính sách của Tổng thống Harry Truman là cần thiết.

Tuổi trẻ Việt Nam đến tuổi biết đọc đều chỉ đọc những câu trả lời có sẵn, đây là lúc để các em đặt câu hỏi cho mình và sau đó đặt ra cho đảng Cộng sản Việt Nam.

Tôi không xem vì tôi tin mình đã đọc, hiểu và tiếp xúc đủ với cách nhìn về cuộc chiến Việt Nam qua lăng kính của Mỹ.

Các bình luận từ phía truyền thông Mỹ cũng như các phản ứng từ cộng đồng Việt Nam sau đó cho tôi thấy quyết định không xem phim của mình là đúng.

Tôi không muốn ám chỉ trực tiếp đến những người làm phim nhưng rõ ràng phần đông những người Mỹ hoạt động tích cực sau chiến tranh Việt Nam là những người trước đây cũng tích cực trong các phong trào phản chiến. Tương tự, những người Mỹ đã và đang nỗ lực để "hòa giải" với kẻ thù, "hàn gắn" những vết thương do chiến tranh gây ra cũng là những người trước đây hoạt động tích cực trong các phong trào phản chiến Mỹ.

Nhớ lại vào hai mùa hè năm 1999 và năm 2000, tôi được tổ chức Cộng đồng Việt Nam Massachusetts đề cử cùng một số nhà văn

khác ở hải ngoại tham dự các buổi hội luận về chiến tranh và hậu quả xã hội tại Đại học Massachusetts ở Boston. Qua những buổi thảo luận đó tôi có cơ hội lắng nghe quan điểm của nhiều nhà văn, nhà thơ Mỹ. Phần đông trong số họ là những người có quan điểm phản chiến và đã từng sinh hoạt trong các phong trào phản chiến tại Mỹ trước năm 1975. Tâm lý phản chiến vì thế cũng phản ảnh sâu đậm trong thơ văn của họ.

Một đặc điểm của tâm lý phản chiến là chọn đứng về phía kẻ thù thay vì phía bạn. Những người phản chiến luôn ca ngợi hòa bình, tình nhân ái, lòng bao dung, tinh thần hòa giải nhưng thường dành cảm tình cho những kẻ gây ra tội ác hơn là cho phía nạn nhân.

Khi nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam họ chỉ dựa trên hai quan điểm, quan điểm của người Mỹ và quan điểm của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, trong khi đó, gần như hoàn toàn bỏ quên quan điểm thứ ba, cũng không kém phần quan trọng, đó là quan điểm từ phía Việt Nam Cộng hòa. Thái độ đó phản ảnh mặc cảm bại trận, thiếu khách quan về điều kiện chính trị xã hội tại Việt Nam và thiếu đạo đức đối với những người đã một thời cùng chiến đấu với họ.

Khi mời các nhà thơ, nhà văn mang được nhà cầm quyền cộng sản chỉ định hay cho phép sang tham dự hàng năm, họ không biết rằng, những người họ thật sự cần hòa giải là những thương phế binh đang vá xe nuôi một bầy con ở góc đường Hà Nội, là những "cô gái Trường Sơn" ngồi khóc tuổi thanh xuân không bao giờ trở lại trong căn nhà tập thể chật hẹp ở Thanh Hóa, Hải Phòng.

Khi chọn đứng về phía những người bên kia chiến tuyến, họ hoàn toàn không quan tâm đến những người đã từng nằm chung trong một căn hầm, dựa lưng nhau trên từng bao cát, cõng họ vượt qua vùng lửa đạn, sớt chia họ họ từng giọt nước. Có bao giờ họ hỏi những người đó bây giờ ở đâu, còn sống hay đã chết? Gác qua

một bên các mục tiêu chính trị, ai đúng ai sai, nếu không có những người lính Việt Nam Cộng hòa đó liệu họ còn sống để lên máy bay về với gia đình chăng?

Buổi chiều mùa hè năm 1999 tại Boston, những người phản chiến Mỹ ngạc nhiêu khi tôi giới thiệu những người đang ngồi trước mặt họ trong căn phòng ở Đại học UMASS-Boston là những người đã nhiều năm bị đày đọa trong những nhà tù cộng sản và cũng là những người từng sát cánh bên họ trong những đoạn đường sinh tử.

Khi nghiên cứu một cuộc chiến cũng giống như những bồi thẩm đoàn đang tìm hiểu một tội ác, tiếng nói quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định của bồi thẩm đoàn, ảnh hưởng đến phán xét của bồi thẩm đoàn, không phải là tiếng nói của bị can, cũng không phải do lời kết tội hùng hồn của biện lý mà là từ nỗi đau, sự thiệt hại và bằng chứng từ phía nạn nhân. Nạn nhân của chiến tranh Việt Nam là ai nếu không phải chính nhân dân Việt Nam, nhất là nhân dân miền Nam Việt Nam bởi vì nơi đó là trận địa.

Phong trào phản chiến ở Mỹ trước 1975 cũng lan rộng sang các nước châu Âu. Lãnh tụ các phong trào phản chiến châu Âu ca ngợi cộng sản Việt Nam bằng giọng điệu gần như rập khuôn theo bộ máy tuyên truyền cộng sản. Một nhà thơ châu Âu nào đó từng mơ ước sáng mai thức dậy trở thành người Việt Nam và câu nói đó đã được phát tới phát lui mỗi sáng trên loa đầu phố.

Hành động nhân đạo bao giờ cũng cần được khuyến khích nhưng hành động đó phải phát xuất từ tình người chân thật thay vì từ mặc cảm cá nhân hay ganh tỵ quốc gia như các phong trào phản chiến châu Âu đối với chính quyền Mỹ.

Thái độ của những người phản chiến châu Âu đối với chiến tranh tại Việt Nam trước đây không khác gì đối với chiến tranh tại Iraq mới đây.

Chính những phong trào được mệnh danh hòa bình này đã vận động người sang Iraq làm thành những vòng chắn người (Human shields) để bảo vệ cho chế độ Saddam Hussein khi liên quân Anh Mỹ chuẩn bị dội bom Baghdad. Các lãnh tụ hòa bình, phản chiến đó ở đâu khi tên đồ tể Saddam Hussein và tập đoàn tàn sát hàng trăm ngàn người dân Kurds, kể cả trẻ em vừa mới ra đời, bằng những phương tiện vô cùng phi nhân như hơi ngạt và vũ khí vi khuẩn.

Chiến tranh tại Việt Nam là một cuộc chiến đầy ngộ nhận và được nhìn từ những lăng kính khác nhau. Bộ phim *The Vietnam War* của PBS cũng thế. Bộ phim lần này có thể khác với bộ phim ba chục năm trước nhờ kỹ thuật và tiếp cận với các nguồn thông tin, nhưng về quan điểm, vẫn còn quá sớm để giới sử học Mỹ có cái nhìn sâu xa, khách quan và toàn diện về cuộc chiến. Ai cũng có thể viết, có thể nhìn về một cuộc chiến tranh nhưng lịch sử đích thực của một dân tộc, trong trường hợp này là Việt Nam, cuối cùng, vẫn phải do chính dân tộc Việt Nam viết.

CHU KỲ THÙ HẬN VIỆT - TRUNG - MIÊN

Khi nhắc đến quan hệ giữa Việt Nam và Trung Cộng, giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam thường nhấn mạnh đến 16 chữ vàng "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" do Giang Trạch Dân thay mặt lãnh đạo Trung Cộng tặng Lê Khả Phiêu, đại diện giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam đầu năm 1999 nhưng không hề nhắc đến 12 lời nguyền rủa "Việt Nam là côn đồ, phải dạy cho Việt Nam bài học" do Đặng Tiểu Bình, thay mặt Trung Cộng tặng cộng sản Việt Nam vào cuối năm 1978 trong chuyến đi thăm các quốc gia Đông Nam Á của y.

Gọi là lời nguyền rủa vì họ Đặng không viết ra để gởi Bộ Chính trị đảng Cộng sản Việt Nam qua đường ngoại giao mà do chính giọng Tứ Xuyên của y phát biểu trên đài truyền hình cho nhân dân Đông Nam Á và thế giới cùng nghe.

Lý do nguyền rủa

Phải công tâm mà nói, mặc dù dùng chữ "Việt Nam" họ Đặng nhắm vào đảng Cộng sản Việt Nam chứ không hàm ý dân tộc Việt Nam hay nhân dân Việt Nam. Và cũng công tâm mà nói, sau khi tìm hiểu kỹ mối quan hệ giữa hai đảng cộng sản, việc Đặng Tiểu Bình rủa đảng Cộng sản Việt Nam là "côn đồ" không phải là quá đáng.

Trung Cộng đổ quá nhiều xương máu, góp quá lớn công sức và của cải cho chiến thắng của đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tác phẩm *Trung Quốc lâm chiến: Một bộ bách khoa* (China at War: An Encyclopedia) tác giả Xiaobing Li liệt kê các đóng góp cụ thể của 320 ngàn quân Trung Cộng trong chiến tranh Việt Nam:

"*Mặc dù đang mạnh dần, Trung Quốc vẫn lo ngại sự hiện diện ngày càng mở rộng của Mỹ tại Đông Nam Á. Trong chiến tranh Việt Nam giai đoạn năm 1964 đến năm 1973, quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã lần nữa can thiệp. Tháng Bảy năm 1965, Trung Cộng bắt đầu đưa quân vào Bắc Việt, bao gồm các đơn vị hỏa tiễn địa - không (SAM), phòng không, làm đường rầy xe lửa, công binh, vét mìn, hậu cần. Quân đội Trung Cộng điều khiển các giàn hỏa tiễn phòng không, chỉ huy các đơn vị SAM, xây dựng và sửa chữa đường sá, cầu cống, đường xe lửa, nhà máy. Sự tham gia của Trung Cộng giúp cho Việt Nam có điều kiện gởi thêm gởi nhiều đơn vị Bắc Việt vào Nam đánh Mỹ. Giữa năm 1965 và năm 1968, Trung Quốc gởi sang Bắc Việt 23 sư đoàn, gồm 95 trung đoàn, tổng số lên đến 320 ngàn quân. Vào cao điểm năm 1967, có 170,000 quân Trung Quốc hiện diện*".

Nội dung này cũng phù hợp với con số do hãng tin *Reuter* loan đi ngày 16 tháng 5 năm 1989 dựa theo tin của *China News Service* "Hãng tin bán chính thức của Trung Quốc trong một thông báo được theo dõi tại Hong Kong cho biết Trung Cộng đã gởi 320 ngàn quân sang Việt Nam trong thập niên 1960". Về con số thương vong, bản tin còn cho biết hơn 4 ngàn lính Trung Cộng đã chết trong cuộc chiến Việt Nam. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý dưới các chế độ cộng sản, con số thương vong là một thống kê có tính cách chính trị, con số thật sự không được tiết lộ. Giống như cách cộng sản Việt Nam tổng kết thương vong trong chiến tranh Việt Nam, khi nghĩ đến chuyện Mỹ bồi thường chiến tranh, họ đưa ra con số quá cao nhưng khi khoe khoang chiến thắng họ lại hạ con số tổn thất xuống thấp.

Trung Cộng, trong lúc dành dụm từng ký gạo gởi giúp Việt Nam, phải trải qua nạn đói khủng khiếp nhất trong lịch sử loài người do Mao Trạch Đông gây ra trong thời kỳ Bước tiến nhảy vọt và Công xã nhân dân từ năm 1958 đến năm 1962.

Không có một con số chính xác số người chết đói tại Trung Cộng nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đã đồng ý con số lên đến vài chục triệu người. Tác giả Peng Xizhe dự đoán thấp nhất với 23 triệu người, và Frank Dikötter - Giáo sư môn Lịch sử Trung Quốc hiện đại, dự đoán ít nhất có 45 triệu người chết, trong đó khoảng 2 đến 3 triệu chết vì tra tấn. Phần lớn các nhà nghiên cứu còn lại cho rằng khoảng 30 triệu người đã chết đói. Viết trên *New York Times*, Giáo sư Frank Dikötter trích dẫn lá thư viết tay của viên Giám đốc Sở Anh ninh Công cộng tỉnh Tứ Xuyên báo cáo lên cấp trên tỉnh của y có 10,6 triệu người chết đói. Ở Cam Túc có 50 trường hợp ăn thịt người. Nhà báo Daniel Southerland viết trên *Washington Post*, tại công xã Fengyang có 63 trường hợp người ăn người, và tại công xã Damiao hai vợ chồng Chen Zhangying và Zhao Xizhen luộc chín đứa con 8 tuổi của mình để ăn. Riêng tại công xã Wudian có cả trường hợp bán thịt của chính mình như bán thịt heo. Nói chung, những năm cuối thập niên 1950 cho đến đầu 1960 là những năm dân số Trung Cộng giảm thấp nhất nhưng không phải vì hạn chế sinh đẻ nhưng chết quá nhiều.

Tuy nhiên, cũng ngay trong thời gian dân Trung Cộng có nơi phải ăn thịt người mà sống, giới lãnh đạo Trung Cộng đã vét kho gởi sang nuôi cộng sản Việt Nam.

Dưới đây là nội dung bản tổng kết của báo *Nhân dân* phát hành tại Hà Nội, số 2021 ra ngày 28 tháng 9 năm 1959 nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được dịch sang tiếng Anh và lưu trữ trong Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (Libray of Congress):

"Trong năm năm qua, Trung Quốc đã dành cho Việt Nam sự giúp đỡ nhiệt tình. Chỉ riêng tiền bạc, trong đó Trung Quốc viện trợ không hoàn lại, đã lên đến 900 triệu Yuan, đây là số lượng bằng thu nhập nội địa của ngân sách Việt Nam trong ba năm 1955, 1956, 1957 cộng lại… Trong công nghiệp, Trung Quốc đã giúp chúng ta trong lãnh vực khai thác hầm mỏ, sản xuất điện khí, cải thiện sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất phân bón và hóa chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp dầu khí, công nghiệp sắc thép… Mặc dù trong mười năm xây dựng, Trung Quốc đạt được nhiều thành quả vật chất, vẫn còn là một nước nghèo. Dù sao, Trung Quốc đã hết lòng viện trợ chúng ta. Do đó, chúng ta càng biết ơn sự trợ giúp đó".

Mối tình Việt - Trung đã vượt qua khỏi giới hạn quan hệ hai nước bình thường, như Dương Danh Dy, nguyên Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Quảng Châu, viết trong bài "Hồ Chí Minh với Trung Quốc": *"Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ đã đi tới nhiều nơi trên thế giới, nhưng có lẽ Trung Quốc là một trong mấy nước Bác lui tới nhiều lần nhất, sinh sống ở đó trong thời gian dài nhất, có cống hiến rất lớn cho phong trào cách mạng cũng như để lại ở đó nhiều tình cảm nhất".*

Nói chung, từ đời sống đến tình cảm, mặt nào cũng *"nhất"*.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã sống bằng cơm gạo Trung Cộng suốt ba năm ngân sách các năm 1955, 1956, 1957 trong khi cũng ngay thời gian đó quê hương Tứ Xuyên của Đặng Tiểu Bình chết trên 10 triệu người, chết không kịp chôn, chết đầy đường phố.

Từ thời gian thành lập năm 1930 đến cuối thập niên 1960, dây chùm gởi cộng sản Việt Nam sống bám vào thân cây cộng sản Trung Quốc từ vật chất đến tư tưởng. Câu nói quen thuộc trong bang giao quốc tế "quốc gia không có bạn hay thù mãi mãi mà chỉ có quyền

lợi" không áp dụng được với Việt Nam và Trung Cộng. Quan hệ Việt Trung không giống như quan hệ ngoại giao giữa bất cứ hai nước nào trong lịch sử cận đại. Những hy sinh của đảng Cộng sản Trung Quốc cho đảng Cộng sản Việt Nam quá lớn để quên và quá cao để đáp đền đầy đủ. Không có sự trợ giúp của đảng Cộng sản Trung Quốc, không biết số phận đảng Cộng sản Việt Nam giờ này trôi giạt về đâu.

Phân tích để thấy, Đặng Tiểu Bình nguyền rủa đảng Cộng sản Việt Nam "côn đồ" không phải là quá nặng lời.

Mối tình hữu nghị Việt - Hoa

Vừa là đồng chí vừa là anh em.

Trung Cộng quan tâm và lo lắng cho đảng Cộng sản Việt Nam chỉ vì, ngoài lý do an ninh phên dậu phía nam, họ còn luôn nghĩ đảng Cộng sản Việt Nam là một phần của đảng Cộng sản Trung Quốc.

Không chỉ phía Trung Cộng mà Việt Nam một thời rất lâu cũng thừa nhận điều đó. Tinh thần nô lệ Trung Cộng ăn sâu vào nhận thức của nhiều thế hệ lãnh đạo cộng sản Việt Nam như Dương Danh Dy kể lại *"Bác luôn coi sự nghiệp và lợi ích của cách mạng Trung Quốc như của chính mình"*. Công hàm Phạm Văn Đồng bây giờ là chuyện lớn nhưng trong thời buổi thở nhờ bình dưỡng khí của Trung Cộng như báo *Nhân dân* viết, công hàm chỉ là chuyện nhỏ. Nhiều người kết án 11 ủy viên trong Bộ Chính trị cộng sản Việt Nam thuộc Đại hội 2 năm 1951 ngu xuẩn khi viết công hàm 1958 nhưng đó là ngu xuẩn theo nhận thức ngày nay. Trong mắt lãnh đạo đảng thời kỳ 1958, công hàm Phạm Văn Đồng lại là một hành động hết sức sáng suốt, thông minh, biểu hiện tính giai cấp, phù hợp nhu cầu phát triển đất nước và xu hướng cách mạng vô sản toàn thế giới. Mấy tổ yến trên hoang đảo xa xôi cách Đà Nẵng 170 hải lý làm sao sánh được với 900 triệu Yuan, làm sao so được sự

hy sinh vô bờ bến của đảng Cộng sản Trung Quốc dành cho đảng cộng sản Việt Nam, làm sao so được với cả một lịch sử gần gũi như anh với em, vợ với chồng, nước với sữa, môi với răng giữa hai đảng. Toàn bộ nội dung công hàm còn được đăng trên báo *Nhân dân* ngày 22 tháng 9 năm 1958 như một cách nhấn mạnh đến tầm nhìn xa thấy rộng của Đảng.

Tình càng nặng, nhớ càng sâu mà khi thù cũng sẽ rất lâu. Cuộc tình giữa hai đảng Cộng sản Trung Quốc và Việt Nam diễn theo một chu kỳ có đủ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Từ những ngày còn trẻ hẹn hò bên bờ sông Mác, bên suối Lê Nin, đã thề nguyền sống chết có nhau, hơn một lần sớt chia nhau từng hạt gạo, viết tặng nhau những dòng thơ vô cùng thắm thiết rồi khi chia tay trong mùa đông lạnh rét họ trở thành thù địch chẳng những chém giết không một chút xót thương mà còn mượn tay hàng xóm để tàn sát gia đình, chặt đầu con cái và thả trôi sông người thân của kẻ từng thề vinh nhục có nhau.

Ngày 17 tháng 02 năm 1979, Đặng Tiểu Bình phát động cuộc chiến tranh giới hạn xâm lăng lãnh thổ Việt Nam để "dạy cho Việt Nam một bài học". Với số quân vượt trội nhiều lần và có yếu tố bất ngờ nhưng Trung Cộng đã chịu đựng tổn thất nặng nề ngay trong những ngày đầu của cuộc chiến. Sau tuần lễ đầu chịu đựng nhiều thiệt hại nhưng danh sách các vùng chiếm được chỉ là những làng xã dọc biên giới, Đặng Tiểu Bình bằng mọi giá phải chiếm cho được thành phố Lạng Sơn, thủ phủ tỉnh Lạng Sơn để lấy tiếng trước khi rút lui. Chiều ngày 4 tháng 3, sau nhiều trận giao tranh đẫm máu quân Trung Cộng tiến vào Lạng Sơn. Khi rút khỏi những nơi này, quân Trung Cộng san bằng tất cả nhà cửa để trả thù cho số thương vong quá lớn.

Ký giả Nayan Chanda thăm vùng giao tranh vài ngày sau cuộc chiến đã ghi nhận không chỉ các công sở nhà nước mà cả trường

học, bịnh viện đều bị quân Trung Cộng giựt sập. Theo nhận xét của Đại tá Russell D. Howard thuộc Học viện An ninh Quốc gia của Không quân Hoa Kỳ, Trung Cộng thiệt hại chỉ trong vài ngày bằng hơn một nửa số tổn thất của Mỹ trong 10 năm tham dự chiến tranh Việt Nam. Thật vậy, với vũ khí lạc hậu và đạo quân đông đảo nhưng không có kinh nghiệm chiến trường, Đặng Tiểu Bình đã "học" nhiều hơn "dạy".

Tái áp dụng chính sách cô lập Việt Nam

Mới đây Trung Cộng lần nữa mượn tay hàng xóm Campuchia để bao vây và cô lập Việt Nam như họ đã từng làm sau năm 1975. Cùng một mục tiêu nhưng khác về phương tiện. Vào năm 1978, phương tiện là vũ khí nhưng lần này tài chánh sẽ là phương tiện chính. Năm 1978, các quốc gia hội viên ASEAN ủng hộ quan điểm Đặng Tiểu Bình vì họ không muốn thấy một "Cu Ba phương đông" trong vùng Đông Nam Á. Năm 2012, ngoại trừ Philippines, các quốc gia như Thái, Miến, Brunei, Nam Dương, Mã Lai, Singapore đã nghiêng về phía Trung Cộng qua thái độ không muốn can thiệp vào xung đột biển Đông.

Lý do rất dễ hiểu. Nhìn vào cán cân ngoại thương cũng như vốn đầu tư của Trung Cộng vào các nước ASEAN sẽ biết ngay họ làm như thế phát xuất từ lý do kinh tế và nỗi lo sợ Trung Cộng trừng phạt. Kể từ khi Thỏa hiệp Mậu dịch Công bằng Trung Quốc - ASEAN (The China - ASEAN Fair Trade Agreement) được ký kết năm 2010, các công ty Trung Cộng đổ tiền như nước vào ASEAN và hiện nay là thành viên thương mại lớn nhất trong vùng. Tổng giá trị mậu dịch giữa Trung Cộng và các nước ASEAN được dự tính sẽ tăng gấp đôi từ 231 tỉ đô-la năm 2010 lên đến 500 tỉ đô-la vào năm 2015 bao gồm hầu hết các ngành công nghiệp, nhẹ như tơ sợi đến nặng như sắt thép. Làm ăn với ASEAN, Trung Cộng rất yên tâm vì

biết ASEAN không phải là một liên minh quân sự và trong nội bộ ASEAN chẳng nước nào tin tưởng nước nào.

Tham vọng khống chế ASEAN không phải là mới mà đã bắt đầu từ chuyến viếng thăm của Đặng Tiểu Bình đến các nước ASEAN từ năm 1978. Việc họ Đặng chọn Thái Lan như chặng đầu tiên chỉ vì vừa muốn ve vãn đồng minh thân cận Mỹ ở Đông Nam Á và cũng muốn dùng đất Thái để tiếp tục yểm trợ vũ khí cho Pol Pot. Tại mỗi chặng trên chuyến viếng thăm, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh Việt Nam, một "Cu Ba phương Đông" như một đe dọa cho hòa bình và ổn định trong vùng Đông Nam Á. Trong số các lãnh tụ ASEAN thời đó chỉ có Lý Quang Diệu là người hiểu được tâm địa của họ Đặng. Đặng Tiểu Bình ngạc nhiên khi nghe Lý Quang Diệu phát biểu rằng các quốc gia Đông Nam Á lo ngại Trung Cộng nhiều hơn là lo ngại Việt Nam. Dù bất đồng một số điểm Đặng và Lý rất thán phục nhau về khả năng lãnh đạo, tính thực tế và biết nhìn xa về tương lai đất nước họ và thế giới.

Điều kiện kinh tế chính trị năm 2012 khác với điều kiện kinh tế chính trị năm 1979 nhưng đều bất lợi cho cộng sản Việt Nam và cũng do bàn tay lông lá của Trung Cộng vận dụng từ bên trong. Chủ trương của Trung Cộng là khống chế Việt Nam, giữ Việt Nam trong vòng khốn đốn, lạc hậu, nghèo nàn, ăn không ngon và ngủ không yên như thời Trung Cộng xúi dục Khmer Đỏ quậy phá vùng biên giới Tây Nam Việt Nam. Lãnh đạo Trung Cộng vừa phải hành xử như một trong những cường quốc kinh tế nhưng cùng lúc không che giấu tham vọng thống trị biển Đông bằng mọi phương tiện. Và nếu phải chọn một đối tượng để dằn mặt các nước nhỏ trong vùng, không có đối tượng nào khác hơn là Việt Nam.

Sau một thời gian tương đối yên tĩnh, biết đâu trong những ngày tới, tiếng súng lại nổ vang ở Phú Quốc, Tây Ninh, An Giang và nạn "cáp duồn" lại xảy ra cho bà con đang làm ăn trên đất Campuchia.

Khác với tình trạng năm 1977 - 1978, lần này cộng sản Việt Nam nhiều lắm chỉ có thể phản ứng tự vệ dọc biên giới Việt Miên nhưng không thể, về cả điều kiện chính trị thế giới lẫn khả năng quân sự, đánh sập Campuchia trong một hai tuần như trước đây.

Trong cuộc chiến Việt - Miên năm 1979, phía Việt Nam chiếm nhiều ưu thế về cả phương tiện chiến tranh lẫn kinh nghiệm chiến trường. Hai ưu thế đó không còn nữa. Suốt 37 năm, giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam chỉ lo củng cố vai trò cai trị, tham nhũng, tập trung lực lượng an ninh vào việc trấn áp những người yêu nước mà bỏ qua một thế giới đang không ngừng thay đổi, đi lên và những lãnh đạo Campuchia gốc Kmer Đỏ đang mỗi ngày được hiện đại hóa về mọi mặt.

Pol Pot và Đặng Tiểu Bình

Nói đến Khmer Đỏ không thể không nhắc vai trò của Trung Cộng trong xung đột Việt Nam Campuchia. Pol Pot và đảng Cộng sản Campuchia là thủ phạm trực tiếp nhưng Đặng Tiểu Bình và đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã đóng vai trò quan trọng dẫn tới nạn diệt chủng Campuchia. Chính Hun Sen xác nhận điều này trong luận án của y: *"Trung Quốc có vai trò quan trọng trong việc ủng hộ cuộc diệt chủng của Polpot đối với nhân dân Campuchia cũng như việc Polpot xâm lược Việt Nam"*.

Quan hệ giữa Pol Pot và Trung Cộng bắt nguồn rất sớm và trở nên chặt chẽ về mặt lý luận sau khi Pol Pot bí mật viếng thăm Trung Cộng vào năm 1965. Y ở lại Trung Cộng nhiều tháng và làm việc với Đặng Tiểu Bình, lúc đó là Tổng Bí thư đảng Cộng sản Trung Quốc.

Pol Pot được Mao Trạch Đông chỉ dẫn nhiều điểm về lý luận cách mạng và chiến tranh nhân dân. Mao thậm chí còn tặng người học trò ngoan Pol Pot này ba chục cuốn sách của Marx, Engels,

Lenin và Stalin. Dòng máu hung bạo, ác độc trong người của Pol Pot được nhuộm đỏ bằng chủ nghĩa Mao và chủ nghĩa dân tộc cực đoan Campuchia. Quan điểm cách mạng liên tục của Mao ảnh hưởng Pol Pot rất nhiều trong việc hoạch định các chiến lược tấn công chế độ Lon Nol thân Mỹ.

Pol Pot trở lại Trung Cộng và tham khảo với Đặng Tiểu Bình từ 28 tháng Chín đến 22 tháng 10 năm 1977. Đây là lần đầu tiên báo chí quốc tế chính thức biết Saloth Sar và Pol Pot chỉ là một người. Họ Đặng rất vui khi được Pol Pot chia sẻ quan điểm triệt để chống cộng sản Việt Nam của y. Trung Cộng viện trợ cho Campuchia hàng trăm xe tăng, đại pháo và nhiều máy bay chiến đấu để chuẩn bị cho các trận đánh lớn có thể xảy ra. Trong giai đoạn này, Trung Cộng là đồng minh duy nhất của Khmer Đỏ. Pol Pot chủ trương chỉ cần một người Campuchia diệt được ba chục người Việt, dân Campuchia sẽ tiêu diệt toàn bộ dân tộc Việt Nam. Các cuộc đột kích vào đảo Thổ Châu, Phú Quốc, nhiều địa phương thuộc các tỉnh An Giang, Tây Ninh, đốt phát làng mạc, giết người, bắt cóc, bịt mắt thả sông của Khmer Đỏ trong giai đoạn 1977 - 1978 phát xuất từ chủ trương này.

Các trận đột kích liên tục của quân đội Pol Pot gây thiệt hại nặng cho dân Việt sống vùng biên giới đã dẫn đến cuộc phản tấn công của cộng sản Việt Nam vào nội địa Campuchia trong những ngày cuối năm 1978, đánh bật tập đoàn Pol Pot vào rừng và ngày 8 tháng Giêng năm 1979 thiết lập chế độ thân cộng sản Việt Nam Heng Samrin với Hun Sen là Bộ trưởng Ngoại Giao. Về mặt chiến lược, việc cộng sản Việt Nam đánh sập chế độ Pol Pot là đúng nhưng vì không có một đồng minh nào ngoại trừ khối Liên Xô xa xôi, bị Trung Cộng, Mỹ, ASEAN liên kết nhau cô lập nên cộng sản Việt Nam đã rơi vào vũng lầy Campuchia suốt mười năm.

Hun Sen là ai?

Hun Sen chẳng phải là người xa lạ. Y nguyên là Trung đoàn phó của một đơn vị Khmer Đỏ đào thoát theo Việt Nam và đóng vai Bộ trưởng Ngoại giao trong chính phủ Heng Samrin. Lý lịch của y cũng giống như các lãnh đạo co65ngs ản thay đổi tùy theo thời thế. Một số nghiên cứu cho rằng y tham gia Khmer Đỏ khá sớm, khoảng 1967, nhưng Hun Sen phủ nhận và tự khai y chỉ gia nhập vào năm 1970 đáp lời kêu gọi của Hoàng thân Norodom Sihanouk. Giống như nhiều lãnh đạo Campuchia có quá khứ Khmer Đỏ khác, Hun Sen cố tình che giấu lý lịch của mình càng nhiều càng tốt.

Luật sư Brad Adams, Giám đốc Khu vực Á châu của Human Rights Watch, nhận xét Hun Sen là một kẻ có bản chất độc tài thô bạo không khác gì các nhà độc tài trong cùng "câu lạc bộ 10 ngàn", ám chỉ một nhóm gồm những nhà độc tài thông qua bạo động, kiểm soát an ninh, dựa vào sự yểm trợ từ nước ngoài để kéo dài quyền lực cai trị trên 10 ngàn ngày. Sau sự sụp đổ của hàng loạt các nhà độc tài tại Tunisia, Egypt, Libya và Yemen, Hun Sen là một trong số rất ít hội viên của "câu lạc bộ 10 ngàn" còn nắm được quyền hành.

Tên danh dự đầy đủ của Hun Sen là Samdech Akeak Moha Sena Padei Techo Hun Sen còn dài hơn cả tên danh dự của nhà độc tài khát máu nhất Congo là Mobutu Sese Seko Nkuku Ngbendu wa Za Banga. Mới đây khi được hỏi liệu y có lo ngại sẽ bị lật đổ như các nhà độc tài Tunisia, Egypt, Libya, máu Khmer Đỏ trong người sục sôi lên và Hun Sen trả lời: *"Tôi chẳng những làm suy yếu đối phương mà còn tận diệt chúng… Nếu kẻ nào nghĩ mình đủ mạnh để biểu tình, tôi sẽ đánh gục bọn chó đó và nhốt chúng vào trong cũi".*

Hun Sen không chỉ đe dọa thôi nhưng trong quá khứ y đã trấn áp đối lập một cách thô bạo nhiều lần. Trong năm 1991, khi các đại diện Liên Hiệp Quốc vào Campuchia tổ chức tuyển cử, Hun Sen đã

ra lịnh cho an ninh dưới quyền tàn sát trên 100 đảng viên của một đảng đối lập ngay trước mắt của phái đoàn Liên Hiệp Quốc. Một lần khác, vào năm 1997, Hun Sen ra lịnh cho cận vệ tấn công bằng lựu đạn vào một buổi họp của lãnh tụ đối lập Sam Rainsy làm 16 người chết và hơn 150 người bị thương. Cũng trong năm 1997, lo ngại bị thất cử, Hun Sen tổ chức đảo chánh chống lại đảng Hoàng gia mà y đã liên minh. Hàng trăm người bị bắt và bị giết. Các nhân viên Liên Hiệp Quốc khi đào xác lên đã khám phá phần lớn đã bị bắn vào đầu trong lúc đang bị còng tay và bị bịt mắt. Những hình ảnh đó gợi lại cảnh tượng kinh hoàng của thời Pot Pot.

Hun Sen 1997 theo dấu chân Pol Pot 1977

Nhiều người cho rằng Hun Sen mới ngã về phía Trung Cộng mới đây. Điều đó không đúng. Khuynh hướng thân Trung Cộng của Hun Sen bắt đầu sau cuộc đảo chánh đẫm máu năm 1997. Cuộc đảo chánh đã làm y mất uy tín trong các lãnh đạo các quốc gia dân chủ Tây phương. Nhiều quốc gia đã ngưng viện trợ cho chính phủ Hun Sen hay tiếp tục viện trợ nhưng đưa ra các điều kiện phải tôn trọng nhân quyền.

Giống như Pol Pot trước đây, Hun Sen không còn đường nào khác ngoài việc đi tìm sự ủng hộ từ phía Trung Cộng. Dĩ nhiên giới lãnh đạo Trung Cộng nắm bắt cơ hội ngàn vàng này. Từ năm 1997 đến năm 2005, Trung Cộng cung cấp cho chính quyền Hun Sen 600 triệu đô-la qua đầu tư, viện trợ không hoàn lại, hủy bỏ nợ đến thời hạn trả. Từ năm 2000, hàng loạt lãnh đạo cao cấp cộng sản Trung Quốc lần lượt viếng thăm Campuchia. Tổng Bí thư Giang Trạch Dân thăm Campuchia năm 2000, cựu Thủ tướng Lý Bằng thăm Campuchia năm 2001, Thủ tướng Chu Dung Cơ thăm Campuchia năm 2002.

Đáp lại, trong cùng thời gian, Hun Sen đã thăm viếng Trung Cộng tất cả 6 lần. Hun Sen từng tuyên bố "Trung Quốc nói ít làm

nhiều" vì viện trợ của Trung Cộng không đặt ra các điều kiện nhân quyền trong khi nhân quyền lại là tiền đề thảo luận với các nước dân chủ. Trong bang giao quốc tế, chế độ Hun Sen nhiệt tình ủng hộ các chính sách của Trung Cộng qua việc ngăn cấm các viên chức trong chính quyền y thăm viếng Đài Loan, ủng hộ chính sách "Một Trung Quốc", y còn họa theo Trung Cộng khi lên tiếng kết án Mỹ trong vụ máy bay Mỹ ném bom lầm xuống tòa Đại sứ Trung Cộng tại Belgrade năm 1999.

Trong lãnh vực quân sự, Trung Cộng lần nữa đóng vai trò yểm trợ tích cực như đã từng làm đối với chế độ Pol Pot. Từ sau cuộc đảo chánh của Hun Sen năm 1997, Trung Cộng đã gởi các trang bị quân sự cho cánh Hun Sen, xây dựng các doanh trại quân đội, sửa chữa phi trường Kampong Chhnang, hàng năm đưa 40 sĩ quan trong quân đội Campuchia sang Trung Cộng huấn luyện. Năm 2011, Trung Cộng cho Campuchia vay 195 triệu đô-la để mua một số lượng máy bay trực thăng không được tiết lộ của Trung Cộng. Vào ngày 18 tháng 8 năm 2012, Trung Cộng viện trợ quân sự cho Campuchia thêm 19 triệu đô-la và sẽ giúp xây dựng các bệnh viện quân đội, trung tâm huấn luyện cho đạo quân 140 ngàn của Hun Sen.

Trong thời gian qua, nhiều người Việt phê bình Hun Sen và lãnh đạo hai nước láng giềng hữu nghị thân thiết Campuchia và Lào, có lịch sử gắn bó từ thời đảng Cộng sản Đông Dương, đã bí mật bắt tay Trung Cộng. Thật ra, không có chỗ cho các yếu tố đạo đức, ơn nghĩa trong bàn cờ chính trị. Hơn ai hết Hun Sen biết chính bản thân y trước đây khi được đặt vào chức Bộ trưởng Ngoại giao ở tuổi 27 cũng chỉ là con cờ chính trị của cộng sản Việt Nam mà thôi. Thời thế đã đổi thay và con người thay đổi theo thời thế là chuyện bình thường.

Nhiều nhà phân tích cho rằng Campuchia nên giữ vai trò độc lập trong xung đột Việt Trung để nhận được sự ủng hộ từ cả hai bên

nhưng đó chỉ là lý thuyết, lịch sử và thực tế kinh tế chính trị cho thấy, Campuchia phải chọn Trung Cộng và chia tay với cộng sản Việt Nam. Đi với Việt Nam, Hun Sen không được gì trong khi đi với Trung Cộng Hun Sen có lợi cho cả cá nhân lẫn đất nước của y. Việt Nam không thể cạnh tranh nổi với Campuchia và Bangladesh về sản phẩm tiêu dùng loại rẻ tiền nói chi là chuyện tranh đua với Trung Cộng để viện trợ cho Campuchia.

Đối với nội bộ Campuchia, càng đóng vai trò độc lập với Việt Nam bao nhiêu, Hun Sen, người vẫn còn bị phe đối lập tại Campuchia tố cáo là bù nhìn Việt Nam, sẽ càng được sự ủng hộ của nhân dân Campuchia bấy nhiêu. Thế hệ Campuchia được cộng sản Việt Nam cứu sống năm 1979 đã già và nhiều trong số họ đã chết. Thế hệ trẻ lớn lên chỉ biết đến Việt Nam là kẻ thù truyền thống của dân tộc Khmer.

Trong diễn văn kỷ lục dài trên 5 giờ trước Quốc hội vào đầu tháng 8 năm 2012, Hun Sen cứng rắn cam kết: "*Thật ra, tuy nhiên, biên giới đường biển giữa Campuchia và Việt Nam vẫn chưa xác định và không một giọt nước nào của nguồn hải lưu đã bị mất về tay Việt Nam*". Các lãnh tụ đối lập trong Quốc hội Campuchia từ nhiều năm nay liên tục tố cáo Việt Nam cướp đoạt đất đai trong đó có cả đảo Phú Quốc và vùng hạ lưu sông Cửu Long nơi có dân Khmer Krom đang sống. Khẩu hiệu chống Việt Nam cướp đất đầy tính khích động nhưng lại rất thu hút cử tri trong các mùa bầu cử. Sự cứng rắn đối với Việt Nam của Hun Sen đáp ứng "nguyện vọng" nhân dân nhằm binh vực tính chính danh của chế độ và tiếp tục là hội viên của "câu lạc bộ 10 ngàn" lâu hơn nữa.

Hun Sen tham nhũng

Vi trùng tham nhũng sinh sản rất nhanh trong các chế độ độc tài, nơi quyền lực tập trung trong tay một nhóm nhỏ người nắm

quyền cai trị. Tham nhũng là một trong những căn bịnh đang đè nặng lên xã hội Campuchia và gia đình bị tố cáo tham nhũng nhiều nhất là Hun Sen. Mặc dù chỉ làm việc cho chính phủ trong suốt hơn 30 năm, gia đình y có một đời sống sung túc hơn bất cứ người dân Campuchia nào.

Cũng theo lời của luật sư Brad Adams thuộc tổ chức Human Rights Watch, mười năm trước, một viên chức Bộ ngoại giao Mỹ đã tiết lộ cho ông biết tài sản của Hun Sen được ước lượng vào khoảng 500 triệu đô-la. Không ai biết chính xác giá trị bất động sản và dự trữ đô-la, vàng bạc của Hun Sen và gia đình tại các ngân hàng ngoại quốc hiện nay là bao nhiêu. Phản ứng trước những lời tố cáo tham nhũng, Hun Sen cho báo chí biết y và gia đình chỉ sống bằng đồng lương thủ tướng 1,150 đô-la mỗi tháng. Tuy nhiên không một nhà phân tích nào tin vào con số không thể nào đúng với thực tế này.

Không có cộng sản Việt Nam, Hun Sen không chỉ mù một mắt mà đã mồ hoang mã lạnh từ lâu rồi, nhưng với bản chất bạo động, háo danh, tham vọng quyền lực sẵn có của người cựu Khmer Đỏ, Hun Sen rất dễ dàng bị Trung Cộng khích động và mua chuộc. Lãnh đạo Trung Cộng thừa tiền bạc và cũng thừa kinh nghiệm làm ăn với các lãnh đạo độc tài. Cả một đám lãnh đạo châu Phi xa xôi và đắt tiền mà Trung Cộng còn mua chuộc được dễ dàng sá gì một Hun Sen hay một Choummaly Sayasone rẻ mạt ở sát bên nhà.

Chu kỳ thù hận Việt - Trung - Miên

Và tất cả những oan nghiệt đó, dùng chữ của Hun Sen trong luận án tiến sĩ chính trị của y, chỉ vì cùng "từ một bào thai" cộng sản. Lịch sử hiện đại của ba nước bị trói chặt bởi sợi xích oan nghiệt cộng sản. Thật vậy, ý thức hệ cộng sản là nguyên nhân sâu xa cho tất cả đau thương thảm khốc mà người dân vô tội trong ba quốc gia Việt, Trung, Campuchia đã chịu đựng. Cách mạng Văn hóa ở Trung

Cộng, Cải cách ruộng đất ở Việt Nam, Năm số không (Year Zero) ở Campuchia đều là sản phẩm của hệ tư tưởng Mác - Lê - Mao.

Chủ nghĩa cộng sản đã tàn trên phần lớn trái đất nhưng tại ba nước Việt, Trung, Campuchia bóng ma cộng sản vẫn còn ám ảnh thường xuyên trên số phận con người. Ngày nào đảng cộng sản còn cai trị hay có ảnh hưởng lớn, ba nước Việt - Trung - Miên lại sẽ đi vòng theo một chu kỳ thù địch, bắt đầu từ chỗ nợ máu xương và chấm dứt ở chỗ thanh toán nhau bằng xương máu.

Trung Cộng có tranh chấp biên giới với gần 20 quốc gia, lớn như Ấn Độ và nhỏ như Bhutan, nhưng chỉ có Việt Nam là hệ lụy nặng nề. Campuchia cũng tranh chấp biên giới với Thái Lan và thậm chí mới pháo kích vào đất nhau nhưng chỉ xung đột với Việt Nam là người ta hình dung ngay đến một viễn ảnh vô cùng thảm khốc.

Tại sao?

Chỉ vì cả ba nhánh sông này đều phát xuất từ một nguồn cộng sản. Những người như Hồ Chí Minh, Trần Phú, Norodom Sihanouk, Heng Samrin, Pol Pot, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong, Lý Tiên Niệm đã xác lạnh từ lâu nhưng tên tuổi họ vẫn được nhắc đi nhắc lại trong lịch sử ba nước như những oan hồn còn nặng nợ trần gian.

Thật vô cùng phi lý khi những đứa bé Campuchia sinh ra ở Nam Vang, đứa bé Việt Nam sinh ra ở Hà Nội hôm nay lại phải gánh chịu oan khiên từ thời đảng Cộng sản Đông Dương. Và cũng thật buồn cười khi quan hệ giữa hai quốc gia không đặt căn bản trên luật pháp quốc tế mà bị chi phối bởi bốn câu thơ *"Ổn định lâu dài, hướng tới tương lai, láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện"* đầy sáo ngữ, mỉa mai và phản thực tế.

Việt Nam chưa bao giờ bị cô lập hơn hôm nay. Trong giai đoạn xung đột biên giới Việt - Miên 1977 - 1979, ít ra còn có phe Liên

Xô ủng hộ, ngày nay một mình trên hoang đảo, chung quanh chẳng còn ai và ảnh hưởng mỗi ngày thêm hẹp. Giới lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam chẳng những biết rõ mà còn là đồng tác giả của thảm trạng Việt - Trung - Miên.

Trước năm 1975, cộng sản Việt Nam đã góp phần nuôi dưỡng tên đồ tể Pol Pot này. Năm 1965, Pol Pot đã từng đi bộ dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh ra Hà Nội để tham khảo Lê Duẩn về chiến lược chiếm Campuchia. Tháng 7 năm 1975, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ là hai trong số những quốc khách đầu tiên chính thức viếng thăm nước Campuchia Dân chủ.

Suốt hơn 30 năm, nhân dân Việt Nam phải chịu đựng từ thảm họa này sang thảm họa khác như một chu kỳ lập đi rồi lập lại nhưng giới lãnh đạo Đảng không có một sách lược cụ thể, dứt khoát nào để đưa Việt Nam ra khỏi vòng bế tắc. Lý do đơn giản chỉ vì việc duy trì quyền lực và quyền lợi của giới lãnh đạo đảng được xem là một ưu tiên hàng đầu, trên cả chủ quyền đất nước và tương lai dân tộc.

Một người có ý thức nào cũng biết, cách duy nhất để thoát ra khỏi chu kỳ máu xương thù hận Việt - Trung - Miên là Việt Nam trước hết phải thoát ra khỏi bóng tối của chủ nghĩa cộng sản độc tài bước ra phía ánh sáng của thời đại tự do dân chủ.

Chỉ khi nào Việt Nam đứng dưới bầu trời tự do dân chủ giới lãnh đạo Trung Cộng mới không có quyền nghĩ những đại diện của quốc gia Việt Nam không cộng sản kia là "đám côn đồ".

Chỉ khi nào Việt Nam đứng dưới bầu trời tự do dân chủ, Hun Sen cùng đảng Dân chủ Nhân dân của ông ta mới không còn nghi ngờ những đại diện của quốc gia Việt Nam không cộng sản thật ra chỉ là những tên cướp nước giả nhân giả nghĩa.

Tất cả sẽ đều bình đẳng trước Hiến chương Liên Hiệp Quốc và các công ước quốc tế mà ba bên đã ký kết. Ân oán nợ nần giữa các

đảng cộng sản không có liên hệ gì đến dân tộc Việt Nam. Những khẩu hiệu có tính tuyên truyền như "16 chữ vàng", "tình hữu nghị" sẽ bị gạch bỏ theo chế độ cộng sản đã sáng tác ra chúng.

Trong cuộc đàm phán đa phương hay ngay cả song phương với Trung Cộng và Campuchia, các đại diện của một nước Việt Nam dân chủ có thể thắng, có thể huề và cũng có thể thua, nhưng dù thắng, huề hay thua đều dựa trên cơ sở luật quốc tế và luôn hành xử xứng đáng với tư cách của một cấp lãnh đạo chính danh, thay mặt cho một nước Việt Nam dân chủ, độc lập, chủ quyền, và sẽ được sự ủng hộ của đại đa số con người yêu chuộng tự do, hòa bình trên thế giới.

Con đường giành lại Hoàng Sa và bảo vệ Trường Sa là một con đường dài, gian nan, đầy gai góc, bị chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Nhưng nếu không đi sẽ không bao giờ đến. Cho dù lâu dài và gian nan cũng phải bắt đầu và điểm bắt đầu mà một người Việt Nam yêu nước nào cũng có thể làm được, đó là tích cực đóng góp vào tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Tham khảo:

- Extraordinary Chambers in the Courts of Cambodia, the United Nations.

- Frank Dikotter, *Mao's Great Famine,* Walker & Company 2010

- Ian Storey, *China's Tightening Relationship with Cambodia*, The Jamestown Foundation.

- Behind the Bamboo Curtain: China, Vietnam, and the World beyond Asia, edited by Priscilla Roberts, tr. 260, 393-394, Stanford University Press 2007.

- Ezra F. Vogel, *Deng Xiaoping and the Transformation of China,* Harvard University/Belknap Press 2010, tr. 283.

- Philip Short, *Pol Pot: Anatomy of a Nightmare*, Macmillan, 2006, tr. 389.

- Francis Deron, *Several Improper Connections in Matters of Massacre: China, Cambodia, Indonesia, Monde Chinois,* 2008.

- Xiaobing Li, *China at War*: An Encyclopedia, ABC-CLIO LLC, 2012.

- Reuter, China admits 320,000 troops fought in Vietnam, May 16 1989.

- Daniel Southerland, *Uncounted Millions: Mass Death in Mao's China,* Washington Post, July 17, 1994.

- Brad Adams, *10,000 Days of Hun Sen*, The New York Times, May 31, 2012.

- Russell D. Howard, *The Chinese People's Liberation Army: "Short Arms and Slow Legs"*, USAF Institute for National Security Studies 1999.

- Cambodian Genocide Program, Yale University.

- Vũ Cao Đàm, *Bài học đáng giá từ Luận án Tiến sĩ của Thủ tướng Campuchia Hun Sen*, Bauxite Việt Nam, 14-8-2012.

- Wikipedia "Chiến dịch phản công biên giới Tây-Nam Việt Nam".

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN ĐỎ TRUNG CỘNG TẠI PHI CHÂU

Hai tháng trước ngày khai mạc Thế vận hội mùa hè 2008, Diêu Minh (Yao Ming), một trong những cầu thủ bóng rổ nổi tiếng tại Trung Cộng và Mỹ, trong một buổi lễ rước đuốc Olympic đã cùng với 150 ngàn người dành một phút im lặng để tưởng nhớ đến 70 ngàn người dân Trung Cộng bị thiệt mạng trong trận động đất tại Tứ Xuyên ngày 12 tháng 5 năm 2008. Các hệ thống truyền hình chiếu đi chiếu lại nhiều lần cảnh tượng đầy xúc động này cũng như khi nghe Diêu Minh tuyên bố: *"Ngày 12 tháng 5 người ta không còn nghĩ đến Olympic, không còn nghĩ đến rước đuốc mà chỉ nghĩ đến việc cứu người".*

Lời tuyên bố của Diêu Minh chắc đã phát xuất từ trái tim anh, giống như nỗi đau của gia đình 70 ngàn người dân Trung Cộng là nỗi đau có thật. Cảm tình của thế giới dành cho Trung Cộng lên cao nhất kể từ cuộc tàn sát Thiên An Môn năm 1989. Đối với gia đình 70 ngàn nạn nhân động đất, những mất mát của họ sẽ không thể nào thay thế được. Tuy nhiên, với Chính phủ Trung Cộng biến cố đó là một điều may mắn.

Suốt hai tháng sau ngày động đất xảy ra, Trung Cộng tận dụng cảnh hoang tàn ở Tứ Xuyên, thậm chí còn rước đuốc ngang qua những đống gạch vụn để khơi dậy lòng thương xót và cũng để xoa dịu sự công phẫn của thế giới trước tội ác nghiêm trọng của Trung

Cộng đối với các dân tộc châu Phi. Trên những cánh đồng ở Darfur, Sudan, không phải chỉ 70 ngàn người chết mà 300 ngàn người da đen bất hạnh bị chặt tay, chặt đầu, treo cổ, hiếp dâm và cũng không chỉ kéo dài trong hơn 3 phút như ở Tứ Xuyên mà đã và đang diễn ra từ hàng chục năm nay nhưng không ai cứu.

Ảnh hưởng và tội ác của Trung Cộng đối với châu Phi không phải là điều gì mới mẻ.

Tinh thần Bandung

Tháng 4 năm 1955, lãnh đạo của 29 quốc gia Á - Phi ngồi lại tại Bandung, Nam Dương, để tìm cách thúc đẩy các mục tiêu kinh tế - xã hội và hợp tác văn hóa giữa các nước chậm tiến, từng là thuộc địa và muốn giữ vị trí độc lập trong cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô. Hội nghị Bandung là một cơ hội lớn của Trung Cộng để gây ảnh hưởng với các quốc gia vừa giành được độc lập và đang đi tìm một chỗ đứng trên chính trường quốc tế.

Bản thân Trung Cộng trong giai đoạn đó cũng chưa thiết lập được mối quan hệ ngoại giao vững chắc với một nước tư bản nào. Chủ trương của Trung Cộng trong hội nghị rất mềm dẻo, như Chu Ân Lai xác định trong diễn văn tại Bandung: *"Không ai trong chúng ta phải từ bỏ các quan điểm riêng bởi vì đó là thực tế khách quan, nhưng không nên để những dị biệt làm cản trở việc hoàn thành các mục đích chung"*.

Bảy điểm do Chu Ân Lai đưa ra, từ điểm thứ nhất tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của nhau cho đến các điểm về tôn giáo, bình đẳng giữa các quốc gia không phân biệt lớn nhỏ,… đều được hội nghị ủng hộ hoàn toàn. Tinh thần đoàn kết của khối Á - Phi, tuy nhiên, không kéo dài được bao lâu vì sau đó chế độ Sukarno tại Nam Dương bị lật đổ, chiến tranh bùng nổ giữa Trung Cộng và Ấn Độ, một quốc gia có ảnh hưởng lớn trong khối

Á - Phi, đã tạo sự chia rẽ trong Phong trào Không Liên kết. Dù sao, hội nghị Bandung vẫn được xem như là một trong những thành tựu ngoại giao lớn của Trung Cộng.

Đầu năm 1964, một phái đoàn đông đảo do Thủ tướng Chu Ân Lai hướng dẫn để thực hiện chuyến công du 10 quốc gia lục địa châu Phi bao gồm Algeria, Morocco, Tunesia, Ghana, Mali, Kali, Guinea, Ethiopia, Sudan, Somali. Đây là lần đầu tiên một lãnh đạo nhà nước cao cấp của Trung Cộng viếng thăm châu Phi trong một thời gian khá dài từ 14 tháng 12 năm 1963 cho đến 4 tháng 01 năm 1964. Mục đích của chuyến đi, như trong bài bình luận của *Nhân dân Nhật báo* trước ngày tiễn Thủ tướng Chu Ân Lai và Bộ trưởng Ngoại giao Trần Di lên đường, là để "tăng cường hợp tác với các quốc gia châu Phi và củng cố hòa bình thế giới", nhưng thực chất là để tranh giành ảnh hưởng với Liên Xô và lót đường cho quan hệ Trung Cộng và châu Phi sau này.

Cuộc đấu tranh giữa hai đàn anh trong phe xã hội chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt. Phần lớn các tài liệu do phái đoàn Trung Cộng phổ biến trong chuyến viếng thăm cũng như được phát giác một cách tình cờ tại một phi trường Anh, đều nhằm chống Liên Xô. Cả Trung Cộng và Liên Xô đều ủng hộ công cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa tại châu Phi, tuy nhiên tại một số nước, sự ủng hộ của Liên Xô được thể hiện một cách cụ thể qua vũ khí và tiền bạc, đã đem lại các kết quả tích cực hơn là các ủng hộ có tính cách tinh thần của Trung Cộng.

Chu Ân Lai gặp phải một số chống đối tại Algeria hay vài quốc gia như Kenya, Uganda, Tanganyika, đã rút lại lời mời vào phút chót. Dù sao, cá tính ngoại giao mềm mỏng của Chu Ân Lai cũng gây được nhiều cảm tình với lãnh đạo các quốc gia mà họ Chu thăm viếng và chuyến đi với mục đích giới hạn được đặt ra từ đầu, cũng được đánh giá là thành công.

Sau những thảm trạnh kinh tế và biến động chính trị dồn dập trong thời gian dài từ 1964 đến 1976 đã làm 30 chục triệu người chết đói và những cuộc thanh trừng đẫm máu trong nội bộ lãnh đạo đảng, Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương đảng Cộng sản Trung Hoa lần thứ 11 tổ chức vào tháng 12 năm 1978 mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử chính trị Trung Cộng.

Sau ba năm nằm gai nếm mật ở chuồng bò Giang Tây và hai lần sống sót thanh trừng, Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại và đóng vai trò lãnh đạo của cánh cấp tiến trong Trung ương Đảng. Họ Đặng lần lượt loại bỏ các thành phần cực tả và giới hạn quyền hành của các thành phần đối lập, thiếu dứt khoát trong lãnh đạo Đảng mà một thời ông đã liên minh như Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng.

Để thu phục nhân tâm, Đặng Tiểu Bình đánh giá lại vai trò của Mao Trạch Đông trong lịch sử và phục hồi danh dự cho hàng triệu nạn nhân của Cách mạng Văn hóa, trong đó có Lưu Thiếu Kỳ.

Đặng Tiểu Bình và các phong trào Maoist

Về mặt kinh tế, Đặng Tiểu Bình chủ trương hàng loạt chính sách đổi mới kinh tế. Từ 1981, họ Đặng đưa các trợ thủ đắc lực vào các chức vụ then chốt trong Đảng và nhà nước như Hồ Diệu Bang nắm quyền Tổng Bí thư Đảng và Triệu Tử Dương lãnh đạo nhà nước trong cương vị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Các khẩu hiệu đấu tranh giai cấp được thay bằng "Bốn hiện đại hóa" (công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng, khoa học kỹ thuật). Các thành tựu về kinh tế là thước đo của lãnh đạo chính trị chứ không phải chính trị lãnh đạo kinh tế như trước nữa.

Đặng Tiểu Bình cũng đánh giá nhẹ các phong trào Maoist một thời được Trung Cộng cung cấp vũ khí và yểm trợ tài chánh. Một số phong trào cực tả đang đấu tranh võ trang chống chính phủ khắp nơi đã kết án họ Đặng phản bội tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng

Tiểu Bình không phủ nhận tư tưởng Mao nhưng như ông nhấn mạnh trong buổi phỏng vấn dành cho nhà báo Ý Oriana Fallcaci 1980: "Dân chúng cần sự ổn định và đoàn kết. Họ quá chán những cuộc biểu dương lực lượng ồ ạt". Ý Đặng Tiểu Bình muốn ám chỉ đến những cuộc biểu tình, tập trung đông đảo như đã diễn ra nhiều lần tại Thiên An Môn dưới thời Mao. Mục đích của họ Đặng rất rõ ràng và dứt khoát là cần ổn định để thực thi "Bốn hiện đại hóa".

Không giống như trường hợp Khrushchev hạ bệ Stalin sau Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20, Đặng xác nhận, cũng trong buổi phỏng vấn của Oriana Fallcaci: *"Tiếc thay, trong buổi hoàng hôn của cuộc đời, đặc biệt trong giai đoạn 'Cách mạng Văn hóa', chủ tịch Mao đã phạm phải sai lầm - và không phải là sai lầm nhỏ - đã mang đến nhiều bất hạnh cho Đảng, nhà nước và nhân dân, nhưng công lao của Mao đối với đảng và nhân dân Trung Cộng lớn hơn nhiều so với những sai lầm mà ông phạm phải".*

Những năm đầu thập niên 1990, Trung Cộng chính thức theo đuổi mục đích "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" với thị trường chứng khoán, các chương trình cải cách thuế má, trao đổi tiền tệ, kích thích sản xuất. Trước thời kỳ đổi mới, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước toàn quyền quyết định việc phân phối tư liệu sản xuất. Về giá cả, ngoài trừ một ít sản phẩm nông nghiệp do nông dân làm và bán trong các vùng nông thôn xa xôi, hầu hết giá cả hàng hóa đều do sự quyết định của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Việc quyết định giá của một sản phẩm nhiều khi không liên quan gì đến mức lợi nhuận cũng như chi phí sản xuất ra sản phẩm đó.

Tương tự, trước đổi mới, Trung Cộng không có thị trường lao động theo quan điểm kinh tế thị trường. Mức lương bổng của công nhân do nhà nước quyết định. Kết quả của chính sách do Đặng Tiểu Bình đề xướng đã thổi luồng gió mới vào nền kinh tế Trung Cộng và tức khắc đem lại nhiều thành quả cụ thể. Theo các tác giả thuộc

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược (Center For Strategic and International Studies) và Viện Peter G. Peterson về Kinh tế Quốc tế (Peter G. Peteson Institute for International Economics), các chính sách đổi mới kinh tế của họ Đặng tạo điều kiện tham gia của lực lượng lao động khổng lồ 803 triệu người, gia tăng tiết kiệm, hội nhập vào kinh tế toàn cầu, khuyến khích lượng đầu tư và nâng cao trình độ giáo dục phổ thông.

Đặng Tiểu Bình mất năm 1997, một thời gian ngắn trước khi Hong Kong được sáp nhập trở lại Trung Cộng. Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào, những người kế tục chính sách của Đặng, không dừng lại mà còn đẩy mạnh hơn các kế hoạch kinh tế của Trung Cộng vào thị trường kinh tế thế giới. Năm 2004, Trung Cộng vượt qua Nhật Bản để trở thành quốc gia mậu dịch đứng thứ ba trên thế giới. Trong giai đoạn 5 năm từ 2000 đến 2005, kinh tế Trung Cộng gia tăng trung bình 9,5%. Giá trị hàng hóa nhập cảng cũng gia tăng từ 225 tỉ đến 660 tỉ USD trong cùng giai đoạn. Trung Cộng chiếm 12% trong tổng mức gia tăng kinh tế toàn cầu. Song song với phát triển kinh tế, Trung Cộng, nơi cư ngụ của một phần năm nhân loại, cũng chuyển mình từ một một nền kinh tế tự túc xã hội chủ nghĩa để dần dần trở thành một xã hội tiêu thụ. Năm 2005, số lượng xe cộ lưu thông tại Trung Cộng là 20 triệu chiếc. Năm 2010, con số được ước lượng sẽ là 56 triệu và với đà tăng đó năm 2020 sẽ có ít nhất 140 triệu chiếc xe trên đường sá Trung Cộng.

Nhu cầu nguyên liệu tại Trung Cộng

Đòi hỏi đầu tiên của các kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội tiêu thụ đang hình thành là năng lượng. Mỗi ngày Trung Cộng tiêu thụ 6.93 triệu thùng dầu trong khi chỉ sản xuất được một nửa số đó. Năm 1985, Trung Cộng còn là nước xuất cảng dầu hỏa hàng thứ 2 tại châu Á, nhưng chỉ 5 năm sau Trung Cộng phải bắt đầu nhập

cảng dầu hỏa và đến năm 2005 Trung Cộng qua mặt Nhật Bản để trở thành quốc gia nhập cảng dầu hỏa thứ nhì thế giới.

Nhu cầu nhiên liệu quá cao tại Trung Cộng một phần cũng phát xuất từ sự sử dụng năng lượng thiếu hiệu quả trong các ban ngành và công ty nhà nước. Mặc dù GPD (tổng sản phẩm nội địa) của Trung Cộng chỉ bằng một phần bảy của Mỹ nhưng năng lượng được dùng tại Trung Cộng lại hơn một nửa của Mỹ. Không những chỉ dầu hỏa, Trung Cộng còn là nước nhập cảng hàng đầu các khoáng sản và nguyên liệu khác như bạch kim, đồng, sắt, vàng, bạc và gỗ.

Từ 1990 trở về trước, 60% nguồn năng lượng của Trung Cộng được nhập từ các quốc gia châu Á và phần còn lại là Trung Đông. Hiện nay, Trung Đông đã hạ thấp tỉ lệ này, chỉ còn 45%; dầu hỏa nhập từ châu Phi gia tăng từ con số không năm 1990 đến 28,7% năm 2004. Mậu dịch giữa Trung Cộng và các nước châu Phi vào khoảng 50 tỉ đô-la và ước lượng sẽ lên đến 100 tỉ vào 2010.

Tạo sao châu Phi?

Thứ nhất, các quốc gia châu Phi dễ gần Trung Cộng hơn là Mỹ và các cường quốc phương Tây vì phần lớn các nước này đều mới thoát khỏi ách thực dân không bao lâu. Không ít các lãnh tụ độc tài tại châu Phi hiện nay xuất phát từ các phong trào giải thực, lấy tư tưởng Mác - Lê làm vũ khí lý luận và coi kinh tế xã hội chủ nghĩa như mục tiêu kinh tế trong chiến tranh chống đế quốc để giành độc lập. Trung Cộng khai thác mọi bất đồng giữa các nước phương Tây và các quốc gia nghèo nhưng giàu tài nguyên, đặc biệt là tại châu Phi.

Các nhà lãnh đạo Trung Cộng nhiều lần nhắc đến tinh thần Bandung như là điểm hội tụ cho các quốc gia Á - Phi mặc dù vai trò của Trung Cộng sau 50 năm đã hoàn toàn đảo ngược. Trong diễn văn kỷ niệm 50 năm hội nghị Bandung tháng Tư 2005, Chủ tịch Nhà nước Hồ Cẩm Đào tố cáo các nhóm khủng bố, tội ác, các lực

lượng phiến loạn đã làm ảnh hưởng đến hòa bình ổn định tại châu Phi nhưng ông ta quên rằng khẩu súng các phiến quân đang cầm trên tay vốn được chế tạo tại Trung Cộng.

Thứ hai, hợp tác với Trung Cộng, lãnh đạo các nước châu Phi không phải bận tâm về các vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền. Bản thân Trung Cộng là một trong những nước vi phạm nhân quyền hàng đầu thế giới nên vấn đề nhân quyền không bao giờ được đặt ra trong các buổi thương thuyết hay đàm phán các thỏa hiệp kinh tế. Trong khi các vấn đề nhân quyền đã đẩy các công ty phương Tây ra khỏi châu Phi thì Trung Cộng trở thành nước độc quyền đầu tư và khai thác kinh tế.

Trung Cộng chủ trương chính sách không can thiệp vào nội bộ của các nước khác, nhưng chẳng qua cũng chỉ để che giấu cái lý lịch không mấy tốt đẹp của bản thân mình. Thứ trưởng Ngoại giao Trung Cộng Châu Trọng Văn trong buổi phỏng vấn dành cho báo *New York Times* tháng 8 năm 2004 biện hộ cho thái độ làm ngơ trước những bất công xã hội tại châu Phi: "Thương mại là thương mại. Trung Cộng tách rời thương mại khỏi chính trị".

Thứ ba, trong khi vay tiền của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế), các quốc gia con nợ phải thông qua hàng loạt thỏa thuận về nguyên tắc, phải báo cáo hàng năm, phải bị kiểm soát chặt chẽ các khoản chi dùng và phải thực hiện các cải cách xã hội, giáo dục, nhân quyền cần thiết, điều kiện vay tiền của Trung Cộng dễ chấp nhận hơn nhưng bù lại cũng có nhiều điều khoản thuận lợi cho phía Trung Cộng.

Ngoài ra, trong khi các công ty dầu khí phương Tây độc lập về thương mại nhưng lại lệ thuộc vào các chính sách đối ngoại của chính phủ họ thì cả ba công ty dầu khí lớn của Trung Cộng, gồm Tổng Công ty Dầu khí Ngoài khơi Trung Cộng (CNOOC),

PetroChina và Tổng Công ty Hóa dầu Trung Quốc, đều là những công ty quốc doanh. Thảo luận hay ký kết các hợp đồng thương mại với các công ty này cũng chẳng khác gì ký kết với chính phủ Trung Cộng và do đó không cần phải thông qua sự chấp thuận của chính phủ lần nữa, nếu có cũng chỉ là vấn đề thủ tục giấy tờ.

Trung Cộng ngày nay đã thay thế vai trò của các đế quốc Anh, Pháp, Bồ Đào Nha từng đóng tại châu Phi thế kỷ 19. Thay vì tạo sự bất ổn qua việc chi viện cho các nhóm phiến loạn, các mặt trận giải phóng dân tộc như đã làm trước đây, họ cố bám vào các lãnh đạo tham nhũng, độc tài để duy trì một chính quyền tập trung, cứng rắn và ổn định.

Để hút cạn nguồn dầu hỏa châu Phi, Trung Cộng không những nuôi dưỡng các tầng lớp lãnh đạo độc tài mà còn tiếp tay cho chúng để đàn áp các thành phần đối lập, tàn sát các tầng lớp nhân dân da đen thiếu học, không một tấc sắt trong tay bằng những phương tiện vô cùng ác độc. Giống như chế độ thực dân đế quốc trước đây, Trung Cộng bao che giới lãnh đạo, cung cấp cho chúng tiền bạc, súng đạn, che chở an ninh cá nhân và bảo vệ chế độ bằng quyền phủ quyết trong các cơ quan quốc tế như Liên Hiệp Quốc.

Vài trường hợp điển hình

Tại Angola, cuộc nội chiến giữa hai phe UNITA (Liên minh quốc gia vì độc lập hoàn toàn của Angola) và MPLA (Phong trào nhân dân giải phóng Angola) với sự can thiệp từ các phe bên ngoài như Trung Cộng, Mỹ, Liên Xô, Cuba, trong thập niên 1980 để lại trên 350 ngàn người chết và trên một triệu người không nhà cửa. Phe MPLA, dưới quyền của lãnh tụ cộng sản José Eduardo dos Santos đã thắng cuộc nội chiến đẫm máu và cai trị dân tộc Angola bằng hệ thống an ninh khủng bố do các cố vấn Đông Đức giúp thành lập trước đây để nhằm tận diệt mọi mầm mống phản kháng.

Giống như Kim Nhật Thành và phần lớn lãnh đạo cộng sản khác, dos Santos xây dựng chung quanh ông ta một hệ thống sùng bái cá nhân với sự toa rập của một tập đoàn đặc quyền đặc lợi chia sẻ hầu hết các chức vụ quan trọng trong chính quyền. Sau khi Johna Savimbi, lãnh tụ UNITA, bị giết 2002, dos Santos rảnh tay hơn để củng cố chế độ độc tài, tham nhũng thối nát tại Angola.

Trong lúc giới lãnh đạo MPLA sống trong xa hoa, phung phí, con cái chúng được du học nước ngoài bằng tiền thu được từ các nguồn kim cương và dầu hỏa, hàng triệu dân Angola sống dưới mức nghèo quốc tế và mỗi ngày phải sắp hàng dài nhiều cây số chỉ để mua vài cân khoai tây. Từ 1997 đến 2001, các chương trình du học chiếm đến 18 phần trăm của toàn bộ ngân sách giáo dục, cao hơn cả ngân sách dành cho phát triển khoa học kỹ thuật, nhưng phần lớn du học sinh được tuyển chọn từ tầng lớp con ông cháu cha trong khi bốn chục phần trăm dân Angola trong nước không biết đọc biết viết.

Cũng trong cùng thời gian từ 1997 đến 2001, tổng thu nhập từ xuất cảng dầu hỏa của Angola là 17,8 tỉ USD, tuy nhiên con số tiền lời thật sự thì không ai biết. Một tường trình của IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế) năm 2002 cho biết 21 phần trăm chi phí, tương đương vào khoảng 4,1 tỉ USD, của chính phủ trong giai đoạn từ 1991 đến 2001 đã không được kết toán. Bản thân José Eduardo dos Santos, được quốc hội bù nhìn ca ngợi là "thông minh" và "thành thật", rất hiếm khi rời khỏi dinh thự nguy nga nhìn ra biển của y, trong khi phần lớn dân Angola phải chịu đựng nghèo nàn, bệnh tật trong các khu nhà bằng đất tồi tàn và tuổi thọ trung bình của người dân Angola chỉ 37 tuổi.

Đồng minh thân cận và cũng là người bảo trợ chính của chế độ độc tài tham nhũng dos Santos không ai khác hơn là Trung Cộng.

Trung Cộng cho Angola vay 2 tỉ USD để tài trợ cho các công trình xây dựng phi trường, đường sá tại Angola, và để đáp lại khách hàng ưu tiên và hàng đầu của dầu hỏa Angola là Trung Cộng. Năm 2004, Angola là nước thứ ba sau Saudi Arabia và Iran, cung cấp dầu hỏa cho Trung Cộng. Chỉ riêng trong tháng 3 năm 2006, Angola chuyên chở đến Trung Cộng 456 ngàn thùng dầu một ngày, vượt qua cả Saudi Arabia.

Tại Zimbabwe, tháng 3 năm 2008 vừa qua, đã tiến hành cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội. Ứng cử viên Morgan Tsvangirai của Phong trào vì Thay đổi Dân chủ (Movement for Democratic Change) thắng đủ đa số phiếu để buộc đương kim Tổng thống Magube, nhà chính trị có tư tưởng cộng sản, phải tham gia cuộc bầu cử vòng hai quyết định. Trước viễn ảnh thất bại sẽ xảy ra, trong ba tháng vận động tranh cử vòng hai, Magube sử dụng phương pháp khủng bố, đe dọa và ám sát các thành phần đối lập có khuynh hướng dân chủ. Kết quả là trên một trăm người ủng hộ ứng cử viên Morgan Tsvangirai bị giết, hàng ngàn người khác bị thương, nhà cửa, các cơ sở thương mại của phe đối lập bị đốt cháy. Morgan Tsvangirai cuối cùng đã phải quyết định rút ra khỏi vòng tranh cử. Không có đối thủ, Magube thắng vòng hai với 85 phần trăm số phiếu vào ngày 27 tháng 6 năm 2008.

Mỹ, Anh và phần lớn các quốc gia trong Liên minh châu Âu kết án Magube vi phạm nhân quyền và ăn cắp cuộc bầu cử. Ngày 11 tháng 7 năm nay, cố gắng của các nước phương Tây, Anh, Pháp, Mỹ nhằm tái lập dân chủ và ổn định tại Zimbabwe tan vỡ khi Trung Cộng tuyên bố sẽ phủ quyết các quyết nghị của Liên Hiệp Quốc để trừng phạt chính quyền độc tài của Tổng thống Mugabe. Đại sứ Trung Cộng tại Liên Hiệp Quốc Vương Quang Á lý luận: "*Về mặt quốc tế, sự sử dụng hay đe dọa sử dụng sự trừng phạt rất ít hay không giải quyết được vấn đề*".

Chính quyền Trung Cộng cho rằng họ chủ trương "chính sách không can thiệp" vào nội bộ các quốc gia khác, trong trường hợp này là Zimbabwe, nhưng thực chất họ đã can thiệp vào quốc gia này từ hai mươi năm trước. Theo Giáo sư David Shinn, thuộc Đại học George Washington, Trung Cộng bán chiến đấu cơ J-7 và radar cho Zimbabwe, và mới đây không lực Zimbabwe nhận thêm 6 phản lực cơ K-8. Để trao đổi, Magube hứa sẽ cho phép Trung Cộng sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú của quốc gia này. Trong suốt thời gian vận động tranh cử giữa Morgan Tsvangirai và Magube, các tàu chở vũ khí của Trung Cộng nhiều lần cố gắng nhập vào các cảng Zimbabwe.

Và bất hạnh nhất là Sudan. Nhắc đến Sudan, người ta sẽ nghĩ ngay đến cuộc diệt chủng vùng Darfur. Trong cuộc xung đột giữa các bộ tộc vùng Darfur, phía tây Sudan, bùng nổ vào đầu năm 2002, chính phủ Sudan cung cấp tài chánh, vũ khí cho nhóm quân sự Janjaweed, cũng như đã tham gia các cuộc tàn sát các bộ lạc Fur, Zaghawa và Massaleit. Cuộc xung đột đã giết chết trên 200 ngàn người và khoảng 2 triệu rưỡi người không nhà cửa, phải sống chen chúc trong các trại tỵ nạn. Đến nay, theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, đã có 400 ngàn người bị giết, trong khi các tài liệu khác phỏng đoán từ 200 ngàn cho đến 400 ngàn.

Sudan, dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Omar al-Bashir, đã tham gia trực tiếp vào cuộc tàn sát, hiếp dâm, đày ải hơn hai triệu người dân trong khu vực Darfur. Chính phủ Sudan bị Liên Hiệp Quốc và hầu hết các quốc gia hội viên kết án. Tháng 6.2008, biện lý Tòa án Quốc tế Luis Moreno-Ocampo, người Argentina, ngoài việc truy tố các viên chức trong chính quyền Sudan, đã có ý định truy tố chính Tổng thống Sudan Omar Hassan al-Bashir về tội diệt chủng chống lại nhân loại. Nếu điều đó xảy ra thì đây sẽ là lần đầu tiên Tòa án Quốc tế tại The Hague sẽ xử một nguyên thủ quốc gia. Phản ứng

trước tin tức này, ngày 15 tháng 7.2008, đại sứ Trung Cộng tại Liên Hiệp Quốc bày tỏ "sự lo ngại trầm trọng" nếu tòa án quốc tế bắt giữ Tổng thống Sudan và đe dọa phủ quyết bất cứ quyết nghị Liên Hiệp Quốc nào chống lại chính quyền độc tài Bashir.

Trung Cộng bằng mọi giá bảo vệ chế độ diệt chủng Bashir cũng chỉ vì dầu hỏa. Công ty dầu khí quốc doanh của Trung Cộng là khách hàng đầu tư số một vào kỹ nghệ dầu khí Sudan. Trung Cộng sở hữu nhiều mỏ dầu chung quanh khu vực Darfur. Trung Cộng mua 70 phần trăm dầu của Sudan và thậm chí giúp Sudan xây dựng các xưởng chế tạo vũ khí. Theo tạp chí *Sudan Tribune* trong bài bình luận nhân chuyến viếng thăm của Chủ tịch Nhà nước Trung Cộng tháng 5 năm 2007: *"Không có quốc gia nào có nhiều ảnh hưởng đối với Khartoum hơn Trung Cộng, khách hàng tiêu thụ 70 phần trăm tổng sản xuất dầu của Sudan, và đã nhiều lần dùng quyền phủ quyết để ngăn cản trừng phạt chế độ Bashir"*. Mặc dù quyết nghị 1591 được Liên Hiệp Quốc thông qua năm 2005 ngăn cấm việc cung cấp vũ khí cho chính quyền độc tài Bashir, theo một điều tra của phái viên Hilary Anderson của đài BBC công bố ngày 12 tháng 7 vừa qua, Trung Cộng đã cung cấp huấn luyện và trang bị vũ khí, kể cả các hỏa tiễn phòng không cho quân đội Sudan tại Darfur. BBC đã phỏng vấn trực tiếp các nhân chứng trong phe chống chính phủ và được xác nhận các vũ khí mà họ tịch thu được từ chính phủ Sudan vào tháng 12 năm 2007 được nhập từ Trung Cộng. Bà Abakar Mohammed, mẹ của bảy đứa con, đã tận mắt chứng kiến ba đứa con nhỏ của bà bị các chiến đấu cơ Trung Cộng bắn nát thành những mảnh thịt nhỏ.

Hôm nay 8 tháng 8 năm 2008, lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Cộng tưng bừng khai mạc Thế vận hội mùa hè lần thứ 29 với chi phí tổ chức ước lượng lên đến khoảng 44 tỉ USD. Thế vận hội cũng đánh dấu một chặng đường dài của Trung Cộng từ một nước khép

kín trở thành một đế quốc đỏ đầy quyền lực. Con đường thành công của Trung Cộng, giống như hầu hết các đế quốc trước đây, đã nhuộm bằng máu, lót bằng xương của hàng triệu người dân các nước nhược tiểu nghèo nàn và bất hạnh. Một tuần trước ngày Thế vận hội khai mạc, nhà báo Corey Hunt trong một bài bình luận trên tờ *Contra Costra Times*, đã kêu gọi toàn thế giới khi ngọn đuốc Olympic vừa đi đến chặng cuối cùng trước khi được thắp lên trên quảng trường Olympic ở Bắc Kinh, hãy dành một phút im lặng để tưởng nhớ đến những nạn nhân của chính sách khủng bố Mugabe ở Zimbabwe, Omar al-Bashir ở Sudan, José Eduardo dos Santos ở Angola và nhiều chế độ độc tài khác trên lục địa châu Phi với sự ủng hộ và bao che của Trung Cộng.

Tham khảo:

- Martin Meredith, *The Fate of Africa***,** Public Affairs 2005.

- John Ghazvinian, *Unatpped, the scamble for Africa 's oil,* Harvest Book 2005.

- Martin Meredith, *Magube***,** Public Affairs, 2007.

- Center for Strategic and International Studies and the Peter G . Peterson Institute for International Economics, *China: The Balance Sheet*, Public Affairs 2007.

- David H. Shinn, *China, Africa and Chinás Global Activism* , The George Washington University.

- Open Society Archives http://www.osa.ceu.hu

- Deng Xiaoping answers to Italian Journalist Oriana Fallacia, August 21 and 23, 1980 http://english.peopledaily.com.cn/dengxp/vol2/text/b1470.html

- China and Sudan: Deadly Partnership http://www.savedarfur.org/pages/china_and_sudan

- Brett D. Schaefer and John J. Tkacik, Jr, *Zimbabwes's Enabler: How Chinese Arms keep Magube in Power*, http://www.heritage.org/Research/africa/wm1997.cfm#_ftn4

- Princeton Lyman, Director of Africa Policy Studies, Council on Foreign Relation, China's Rising Role in Africa, July 2005 http://www.cfr.org/publication/8436/

CÁCH MẠNG DÂN CHỦ QUA KINH NGHIỆM MÔNG CỔ

Cách mạng dân chủ từ Âu sang Á đều phát xuất từ sức mạnh của các tầng lớp nhân dân lựa chọn sự dứt khoát với quá khứ, đồng hành về phía tương lai tự do dân chủ của dân tộc và thời đại. Trong lịch sử hiện đại chưa có sự thay đổi căn bản của một xã hội từ độc tài cộng sản sang dân chủ tự do bằng những lời van xin, những thư thỉnh nguyện.

Người viết đã trình bày khá nhiều về các cuộc cách mạng Liên Xô, Đông Âu, các nước Bắc Phi và gần đây là Miến Điện, nơi đó các lãnh tụ cách mạng là những nhân vật được thế giới quan tâm theo dõi và độc tài lo ngại khi phải nặng tay với họ. Lần này, xin giới thiệu với bạn đọc một lãnh tụ dân chủ còn khá xa lạ với chúng ta.

Tsakhiagiin Elbegdorj và cách mạng dân chủ Mông Cổ

Anh tên là Tsakhiagiin Elbegdorj, sinh năm 1963, lãnh tụ của phong trào dân chủ Mông Cổ. Năm 1989, Elbegdorj, người được ca ngợi như là Thomas Jefferson của Mông Cổ còn là một thanh niên 26 tuổi mới từ Liên Xô trở lại quê hương sau khi hoàn tất chương trình đại học báo chí và triết học Mác - Lê.

Trên đường từ Moscow về lại Ulaanbaatar, hành trang của Elbegdorj không phải là sách vở về chủ nghĩa cộng sản mà anh học ở trường đảng nhưng là những đổi thay từ chính sách Glasnost

(Cởi mở) của Mikhail Gorbachev. Anh đã suy nghĩ rất nhiều khi nhìn những hạt mưa dân chủ đang bắt đầu nhỏ giọt xuống vùng đất bảy mươi bốn năm hạn hán trong độc tài cộng sản và mơ ước những đổi thay sẽ đến cho dân tộc anh ta.

Mông Cổ có một vị trí địa lý chính trị rất khó khăn. Quốc gia vùng trái độn này nằm giữa hai siêu cường cộng sản Liên Xô và Trung Quốc, phía tây là một nhóm các quốc gia Trung Á độc tài và xa hơn phía Đông là một Bắc Hàn cô lập. Trung Cộng có thể sẽ áp lực chính trị và ngay cả có khả năng can thiệp bằng quân sự để ngăn chận phong trào dân chủ như vết dầu loang.

Trong các giáo trình kinh tế chính trị của các trường đảng Cộng sản Trung ương, Mông Cổ thường được dùng làm ví dụ để chứng minh cho quan điểm "đột biến cách mạng" của Lenin khi ông ta cho rằng một nước lạc hậu, phong kiến có thể nhảy vọt lên xã hội chủ nghĩa không phải qua giai đoạn tư bản. Điều đó cho thấy, ngay cả các nước cộng sản cũng thừa nhận Mông Cổ còn trong vòng lạc hậu.

Tuy nhiên, nỗi lo lắng lớn nhất của Elbegdorj là hơn suốt 71 năm, quê hương của Đại đế Thành Cát Tư Hãn chưa hề nghe đến hai chữ "tự do", "dân chủ". Ngoại trừ nền độc lập ngắn ngủi năm 1911, chiều dài lịch sử của Mông Cổ hiện đại bị che phủ trong bóng đen của tư tưởng độc tài cộng sản. Nhưng anh cũng tin rằng nếu nhân dân Mông Cổ đoàn kết vì tương lai dân chủ, Mông Cổ sẽ vượt qua được những khiếm khuyết bên trong cũng như đe dọa từ bên ngoài.

Những "đổi mới" tại Liên Xô hay một số nước cộng sản Đông Âu chỉ là những biện pháp vá víu tạm thời. Theo Elbegdorj chỉ có dân chủ mới cứu được Mông Cổ. Dân chủ là đôi cánh đưa Mông Cổ ra khỏi vòng nghèo đói, độc tài, bế tắc của một quốc gia vùng độn. Trong diễn văn ngày 28 tháng 11 năm 1989, Elbegdorj phát biểu

"Mông Cổ cần dân chủ và minh bạch" và kêu gọi các tầng lớp nhân dân ủng hộ mục đích này.

Từ quan điểm đó, thay vì viết thư thỉnh nguyện lãnh đạo cộng sản Mông Cổ thực hiện các chính sách tương tự như Glasnost của Mikhail Gorbachev, Elbegdorj và các bạn chủ trương Mông Cổ phải dứt khoát thay đổi từ cộng sản sang dân chủ bằng một cuộc cách mạng bất bạo động. Tờ báo Elbegdorj phát hành đầu tiên năm 1989 được anh đặt tên là *Dân chủ*.

Nhóm bạn của Elbegdorj tổ chức các cuộc biểu tình, các buổi tuyệt thực đòi dân chủ và minh bạch. Cuộc biểu tình tuyệt thực đầu tiên ngày 10 tháng 12 năm 1989 chỉ vỏn vẹn 13 người. Ngày nay lịch sử Mông Cổ gọi họ một cách kính trọng là "13 nhà dân chủ Mông Cổ đầu tiên" nhưng dĩ nhiên trong năm 1989, bộ máy tuyên truyền cộng sản Mông Cổ gọi họ là "mười ba tên phản động".

Nhưng những nhà dân chủ Mông Cổ đầu tiên đó không phải là những người làm nên lịch sử. Cuộc cách mạng dân chủ không làm rơi một giọt máu nào ở Mông Cổ là do đại đa số trong số 2.8 triệu dân Mông Cổ chọn đứng về phía tương lai, chọn dứt khoát với quá khứ, chọn đi trên con đường thời đại, trong số đó có cả Tổng Bí thư cộng sản thức thời Jambyn Batmönkh.

Sau cách mạng dân chủ thành công, năm 1998, Elbegdorj được bầu vào chức vụ Thủ tướng Cộng hòa Mông Cổ và lần nữa nhiệm kỳ 2004 - 2006, và năm 2009, ông được bầu làm Tổng thống Cộng hòa Mông Cổ.

Có một Elbegdorj Việt Nam?

Việt Nam chẳng những có một mà rất nhiều Elbegdorj đang sống khắp nơi, một số đang ở trong tù, một số vừa ra khỏi tù, một số đang đấu tranh tích cực dù chưa bị tù.

Hành trang nhận thức cũng thế. Không giống như Elbegdorj sau cách mạng dân chủ thành công mới sang Mỹ học về lãnh đạo, Việt Nam có rất nhiều nhà dân chủ trẻ đã được trang bị những kiến thức sâu rộng về kinh tế, tài chánh, khoa học, luật pháp và lãnh đạo chính phủ. Đó là chưa tính khối chuyên viên khổng lồ về mọi lãnh vực đang chờ cơ hội để cùng phục hưng và phát triển Việt Nam.

Chỉ riêng Trần Huỳnh Duy Thức, trẻ hơn Elbegdorj và Lưu Hiểu Ba (một trong những lãnh tụ Phong trào Thiên An Môn) nhưng về kiến thức khoa học, nhận thức chính trị, lý luận dân chủ, đức tính can đảm và lòng yêu nước đều không thua kém Lưu Hiểu Ba hay Elbegdorj nếu không muốn nói vượt qua. Trần Huỳnh Duy Thức đã gác qua nhiều cơ hội để thành một người giàu có và gác qua cơ hội để có tự do cho bản thân mình, bởi vì không có gì quan trọng hơn là đất nước. Một con người, một cuộc sống không thể đặt trên sự lầm than khốn khó của chín chục triệu đồng bào. Nếu có cơ hội, Trần Huỳnh Duy Thức và các bạn chắc chắn sẽ đóng một vai trò quan trọng và tích cực trong tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Việt Nam đang thiếu ai?

Không được như Mông Cổ, Việt Nam đang thiếu thành phần những người dứt khoát với quá khứ để cùng đi với dân tộc và thời đại. Họ chiếm một số khá đông và đa số đều có học. Đặc điểm của thành phần chưa dứt khoát này là chỉ tập trung phê bình hiện tượng nhưng tránh nhắc đến bản chất, chỉ trích hậu quả nhưng cố tình bỏ qua nguyên nhân và không tìm đưa ra những biện pháp giải quyết.

Nhan nhản trong các bài viết, họ tập trung vào các mặt xấu trong xã hội để chứng tỏ họ cũng biết đau cái đau của ngư dân, đồng bào, đồng loại nhưng chỉ dừng lại ở chỗ nỗi đau mà thôi. Đừng quên, nỗi đau không bao giờ dứt nếu không biết tại sao đau.

Một người có hiểu biết căn bản nào cũng phải hiểu chính cơ chế

độc tài đảng trị cộng sản đã biến con người Việt Nam vốn hiền hòa, chơn chất, yêu thương trong tinh thần "lá lành đùm lá rách", "chị ngã em nâng" thành những kẻ tham lam, hẹp hòi, kiếm tiền bằng cách đầu độc đồng bào cùng máu mủ với mình.

Không ít trong số những người không dứt khoát này là sản phẩm của nền giáo dục cộng sản. Họ sẽ không thừa nhận nhưng chính những cây đinh tuyên truyền đóng vào nhận thức sâu đến mức làm họ hoài nghi tất cả những đổi thay không đến từ chủ trương của đảng.

Họ đồng ý rằng đảng cộng sản đang có nhiều khiếm khuyết nhưng trong đường dài đảng có thể thay đổi. Sau bao nhiêu năm bị trui rèn, lòng tin đó đã bị điều kiện hóa và nở to thành một thói quen lệ thuộc vào đảng cộng sản, trông chờ nơi đảng. Thành phần đó đang là vật cản đường cho cách mạng dân chủ tại Việt Nam.

Niềm hy vọng Elbegdorj

Học bài học đấu tranh dân chủ của Elbegdorj và nhân dân Mông Cổ để củng cố niềm tin và hy vọng cho cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Anh Elbegdorj đã không cô đơn khi ngồi tuyệt thực đòi minh bạch giữa mùa đông Mông Cổ và rồi người Việt cũng sẽ không cô đơn khi xuống đường đòi minh bạch trên khắp nẻo đường Việt Nam.

Elbegdorj không phải là con của khai quốc công thần như Aung San Suu Kyi, không phải là luật sư nổi tiếng như Nelson Mandela, không phải là lãnh tụ của phong trào Solidarity Ba Lan được cả Đức Giáo hoàng và Tổng thống Reagan ủng hộ như Lech Wałęsa, không phải là người được trao giải Nobel Hòa Bình như cả ba người được nhắc trên đây. Trước 1989 không ai biết gì về Elbegdorj vì anh ta chỉ là một người thợ mỏ, con trai của một người dân du mục chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ.

Nhưng Elbegdorj có tình yêu sâu đậm dành cho đất nước và khát vọng tự do cho quê hương. Tình yêu nước và lương tri thời đại đã là ngọn đuốc thắp sáng quê hương anh và sáng cả tâm hồn người Việt cùng khát vọng như anh.

Trong buổi phỏng vấn dành cho báo *The New York Times* năm 2004, Thủ tướng Elbegdorj nhắc lại kỷ niệm buổi tuyệt thực đầu tiên "Chúng tôi muốn cho thế giới thấy rằng các giá trị thường được gọi là giá trị Tây phương không phải thuộc về Hoa Kỳ, châu Âu, Nam Hàn và Nhật Bản thôi nhưng còn thuộc về Mông Cổ". Và hôm nay, các thế hệ trẻ Việt Nam đang tiếp lời Elbegdorj, "Giá trị tự do dân chủ không phải thuộc về Hoa Kỳ, châu Âu, Nam Hàn và Nhật Bản hay Mông Cổ mà còn là của Việt Nam nữa".

TIẾNG HÁT LỘC VÀNG

Boston, nơi tôi ở, trời đã cuối thu. Những cơn mưa đêm tuốt đi những chiếc lá cuối cùng. Lá rơi đầy trên những con đường trong xóm, trên mặt hồ và hàng cây trước mặt nhà chỉ còn những cành trơ trụi. Sáng thức dậy là nghe tiếng chổi vọng về từ phía sân thiền viện bên kia đường. Những cánh chim Cardinal màu đỏ thắm, Blue jay màu xanh mới hôm nào nhộn nhịp đã không về nữa. Bầy ngỗng không còn kêu trên mặt hồ lạnh giá. Khu vườn chỉ còn là một thảm lá dày. Cô con gái út lặng lẽ đem cất bình đựng thức ăn dành cho chim vào trong kho đựng đồ đạc góc vườn và bảo chúng đã di cư về miền nam, hy vọng sang mùa nắng ấm chúng sẽ nhớ đường về.

Hôm trước, ngồi nghe ca sĩ Ánh Tuyết hát *Lá đổ muôn chiều* của Đoàn Chuẩn lòng chợt nghĩ về một nghệ sĩ khác có lần đã hát bài hát đó mà tôi nghe qua youtube. Bỗng dưng muốn viết về anh.

Tên anh là Nguyễn Văn Lộc, chủ quán Cà phê Lộc Vàng ở ven Hồ Tây, Hà Nội. Tôi chưa gặp, chưa quen anh nhưng có thể tôi nghĩ về anh nhiều hơn những nghệ sĩ tôi đã gặp và quen. Hai tuần trước lại một lần nữa tâm sự với một người bạn trên facebook về anh. Mới biết, tâm hồn con người là một thế giới tinh thần kỳ diệu, có điểm hẹn hò và có lối đi riêng, tưởng như vô hình và xa xôi nhưng lại vô cùng cụ thể và gần gũi.

Con người và con vật giống nhau ở chỗ sống theo bản năng nhưng khác nhau ở chỗ con người có tâm hồn mà con vật thì

không. Trong một góc kín của tâm hồn có những người tôi thương mến dù biết có thể không bao giờ gặp nhau, vẫn nghe ấm lòng khi nghĩ đến dù có thể sẽ chẳng bao giờ được cầm lấy bàn tay nhau. Bởi vì, trong không gian vô cùng của ý thức có một sợi nhân duyên nối lại những tâm hồn mang nặng tình thương, tình yêu, tình đồng bào và tình nhân loại.

Nếu anh Nguyễn Văn Lộc sống ở các nước Đông Âu hay một trong 15 nước thuộc Liên Xô cũ, có thể nhiều tác phẩm đã viết về anh và nhiều phim ảnh được dựng quanh cuộc đời gian nan, cay nghiệt, đầy nước mắt nhưng cũng đầy huyền thoại của anh, nhưng tại Việt Nam, anh chỉ là một nghệ sĩ và chắc anh cũng chỉ mơ ước làm một nghệ sĩ cho đến cuối đời.

Những lời ca của anh chảy ra từ dòng suối tự do bất tuyệt. Giữa tiếng đạn réo bom rơi của hận thù, tiếng nước vẫn reo róc rách. Không một Joseph Goebbels hay Heinrich Himmler của Đức Quốc xã, không một Nikolai Ivanovich Yezhov hay Lavrentiy Beria của Liên Xô, không một Lê Đức Thọ hay Trần Quốc Hoàn của Việt Nam có thể làm suối tự do khô cạn trong lòng người khao khát tự do.

Tại Việt Nam, dòng suối tự do trong lòng các Phan Thắng Toán, Nguyễn Văn Đắc, Nguyễn Văn Lộc đã chảy dù nhiều khi chảy rất cô đơn. Các anh cô đơn bởi vì tuy giống nhau về khát vọng so với phong trào Nhân văn giai phẩm, các anh lẻ loi và đơn độc hơn nhiều. Những Phan Khôi, Trần Dần, Hữu Loan… có trong tay võ khí là cây bút, có trong tay phương tiện là tạp chí *Nhân v*ăn, có ảnh hưởng ít nhiều trong quần chúng, các anh không có gì cả ngoài tiếng hát, lời ca.

Những người tôi quen đều biết đến anh và hẹn nhau nếu có dịp về Hà Nội sẽ đến quán Lộc Vàng nghe anh hát. Tôi cũng vậy, mơ được ngồi trong góc của quán Lộc Vàng để nghe anh hát như những ngày trước năm 1975 lang thang ở Sài Gòn với cà phê Hân

trên đường Đinh Tiên Hoàng, cà phê Da Vàng gần cổng xe lửa số 6 và vô số quán không tên dọc Thư viện Quốc gia, trường Luật hay hẻm 220 trên đường Trương Minh Giảng. Sài Gòn ngày đó là Sài Gòn chiến tranh, Sài Gòn biểu tình, Sài Gòn "đại bác ru đêm" nhưng vẫn có một Sài Gòn với trái tim rung động theo từng nốt nhạc trong những tình ca của Đoàn Chuẩn, Văn Cao.

Nghe anh Lộc Vàng hát, tôi chợt nghĩ đến tiếng dương cầm của nhạc sĩ Do Thái Władysław Szpilman trổi lên từ căn gác nơi ông đang trốn ở Warsaw trong Thế chiến thứ hai. Phim *The Pianist* được dựng từ câu chuyện thật của đời ông. Nhạc sĩ Do Thái Władysław Szpilman may mắn hơn nghệ sĩ Việt Nam Nguyễn Văn Lộc. Viên sĩ quan Đức đứng nghe Władysław Szpilman chơi đàn có một trái tim nhân bản và lòng yêu âm nhạc nên Władysław Szpilman được cung cấp bánh mì và cho phép sống yên ở đó, nhưng những tên công an rình nghe nghệ sĩ Nguyễn Văn Lộc hát là những kẻ không có trái tim mà chỉ có cái đầu u mê cuồng tín nên anh phải chịu bản án mười năm lao động khổ sai trong các trại tù.

Cay nghiệt của đời anh bắt đầu từ thập niên 1960 khi anh và hai người bạn đam mê âm nhạc thường gặp nhau trong những tối và đàn hát nhau nghe những bản tình ca, nhiều nhất là của Đoàn Chuẩn. Mùa thu Hà Nội đi vào tâm hồn anh qua những ca từ lãng mạn "*Anh mong chờ mùa thu, dìu thế nhân dần vào chốn thiên thai, và cánh chim ngập ngừng không muốn bay, mùa thu quyến rũ anh rồi.*" Anh không vào chốn thiên thai mà vào Hỏa Lò. Anh bị bắt ngày 27 tháng 3 năm 1968, mới 23 tuổi và ba năm sau bị kết án 10 năm tù cộng 4 năm mất quyền công dân chỉ vì cái tội hát tình ca. Quãng thời gian đẹp nhất của một đời người từ đó bị đóng khung trong bốn vách tường rêu.

Trong những bài phỏng vấn anh mà tôi được đọc, không ai hỏi anh hay vì không muốn gây khó cho anh, có bao giờ anh đã hát tình

ca trong tám năm sống trong tù. Chắc là có dù có thể không hát lớn. Anh hát khi đứng nhìn những chiếc lá vàng bay qua cửa sổ nhà tù. Anh hát khi thức dậy nửa đêm nhìn ánh trăng thu soi bóng trong sân nhà tù vắng lặng. Và anh hát vì biết ngoài kia có một người con gái đang vượt qua bao nhiêu khổ đau để chờ đợi anh về. Ngày đó anh chị chưa cưới nhau nên những bản tình ca, ngoài ước mơ về một mái ấm gia đình còn mang nhiều mơ mộng phiêu du của hai trái tim son trẻ.

Làm sao ngăn được nhất là những đêm trăng anh nghe lòng cất lên "*Chờ trăng lên ánh trăng e lệ mãi, vương vấn mong lá rơi bên thềm vắng, gió thu như cùng chia mối âu sầu của bóng cây tàn lá, trong đêm hờ hững, rồi trăng lên ánh trăng mơ huyền quá, âu yếm hoa ý tơ dịu dàng say*" trong nhạc phẩm Ánh trăng mùa thu, hay "*Gửi gió cho mây ngàn bay, gửi bướm muôn màu về hoa, gửi thêm ánh trăng màu xanh*" trong bài *Gởi gió cho mây ngàn bay*.

Chị đã chờ đợi và chờ đợi cho đến ngày anh ra khỏi nhà tù. Họ cưới nhau và sống với với nhau những ngày vô vàn khổ cực nhưng cũng vô vàn hạnh phúc. Hạnh phúc của anh chị không phải trong một lâu đài mà chỉ là căn phòng vỏn vẹn 9 mét vuông, nhưng không gian nhỏ hẹp đó đã chứa được cả quả địa cầu của tình yêu chung thủy. Chị qua đời về thể xác nhưng vẫn mãi mãi sống trong anh một tình yêu tròn như trăng mười sáu.

Các anh vào tù là phải. Những năm 1960 không phải là thời của tình ca mà là thời "chủ nghĩa anh hùng cách mạng" được tiêm vào trong máu, phà trong từng hơi thở của mỗi con người miền Bắc.

Đó là thời thịnh hành của những nhạc phẩm cỡ *Xin khắc tên anh trên vách chiến hào* của Huy Du để ca tụng một "liệt sĩ Nguyễn Văn Bé" "*như bông hoa rực sáng bầu trời, hương tỏa ngát nơi nơi, tiếng mìn anh vang dội...*" dù lúc đó anh Nguyễn Văn Bé đang sống bình

an ở Sài Gòn và cũng chưa hề ôm mìn, ôm bom gì cả mà chỉ trốn dưới con lạch nhỏ cho đến khi bị kéo lên.

Đó là thời của những bài thơ như *Hãy nhớ lấy lời tôi* của Tố Hữu vinh danh một "anh hùng Nguyễn Văn Trỗi", người thợ điện không phân biệt được cực âm dương nhưng lại có phép thần thông để "giật phắt mảnh băng đen" dù cảnh sát tư pháp Việt Nam Cộng hòa đã "trói Anh vào cọc, mấy vòng dây". Đất nước có một thời đã sống trong niềm tin ngoại cảm như thế và vẫn còn tiếp tục sống cho đến ngày nay.

Giống như tại Liên Xô chỉ trong vòng hai năm (1917 - 1918), Agitprop, Bộ Tuyên truyền của Liên Xô, đã phát hành 3.600 mẫu bích chương tuyên truyền, tại khắp nơi ở miền Bắc Việt Nam, từ mọi cửa hàng, đường phố, cơ quan, đâu cũng dán truyền đơn, bích chương, biểu ngữ tuyên truyền đập vào mắt, xoáy vào nhận thức người đọc bằng một khẩu hiệu, một mệnh lệnh, một giáo điều tuyệt đối. Chính sách tẩy não đạt đến mức triệt để và tận cùng.

Giữa một xã hội mà sự lừa dối chế ngự mọi lãnh vực của đời sống, các anh như dòng sông chảy ngược trong đau nhức để tìm lại cội nguồn nhân bản và sự thật từ trái tim mình.

Cách đây hai tuần, trên đường từ phi trường đến khách sạn ở Las Vegas, tôi bắt chuyện với anh tài xế taxi gốc Nam Mỹ vào tuổi trung niên. Anh đang tính đưa gia đình về miền tây nam vì sau 23 năm làm tài xế taxi ở Las Vegas anh vẫn chưa dành dụm được gì. Anh than thở, 23 năm ở khu sòng bài này thật là lãng phí. Tôi khuyên anh nên đi vì ở lại thành phố cờ bạc này đến cuối đời anh cũng chỉ là tài xế taxi nhưng đừng hối tiếc 23 năm lãng phí. Không ai biết được con đường ngày mai sẽ có ít hay nhiều gai góc nhưng nếu không gặp bất trắc anh sẽ có ít nhất 23 năm nữa để sống, và nếu có quyết tâm anh sẽ xây dựng cho anh chị và gia đình một cuộc sống

mới tốt đẹp hơn. Thời gian 23 năm tới mới là quan trọng chứ không phải 23 năm đã qua. Khi bước xuống xe, tôi khuyên anh một điều, thời gian không bao giờ mất khi chúng ta còn sống.

Thật vậy. Thời gian trôi trên sông đời bất tận và chúng ta cùng trôi với thời gian. Không mất gì cả. Bầy chim bay về hướng nam tìm nơi ấm, người tài xế taxi dời về nam để tiếp nối cuộc đời và anh Lộc Vàng mỗi đêm vẫn hát tình ca.

NGUỒN GỐC CỘNG SẢN CỦA NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8 THÁNG 3

Ngày Quốc tế Phụ nữ có một lịch sử dài gắn liền với các phong trào phụ nữ đòi quyền ứng cử và bầu cử, quyền lao động tại Hoa Kỳ trong thập niên đầu của thế kỷ 20, lẽ ra phải được vinh danh tại nhiều quốc gia, nhưng không, ngày này chỉ là lễ tại số rất ít nước, trong số đó là những nước cộng sản.

Lịch sử Ngày Quốc tế Phụ nữ

Ngày 28 tháng 02 năm 1909, các lãnh tụ đảng Xã hội Mỹ tổ chức tưởng niệm cuộc đình công của các thành viên thuộc Nghiệp đoàn May mặc Nữ Quốc tế (International Ladies' Garment Workers' Union) nhưng theo nhiều nghiên cứu, không có một cuộc đình công nào xảy ra tại New York trong ngày 08 tháng 3 năm trước đó.

Nghiệp đoàn May mặc Nữ Quốc tế thành lập năm 1900 và giải tán năm 1995 là một trong những nghiệp đoàn có đông đảo hội viên nhất nước Mỹ và đóng vai trò quan trọng trong lịch sử lao động Hoa Kỳ trong các thập niên 1920 và 1930. Phần lớn thành phần lãnh đạo nghiệp đoàn cũng là lãnh đạo Đảng Xã Hội Mỹ.

Năm 1919, đảng Xã hội Mỹ bị phân chia thành nhiều nhóm có khuynh hướng chính trị khác nhau. Một số nhóm cánh tả tách ra thành lập các đảng cộng sản nhưng sau đó thống nhất lại dưới tên đảng Cộng sản Mỹ với khoảng 50 ngàn đảng viên trong đó có cả các thành phần cực tả và vô chính phủ (anarchists).

Tháng 8 năm 1910, trước ngày Hội nghị Quốc tế đảng Xã hội được tổ chức tại Copenhagen, Denmark, các lãnh tụ đảng Xã hội Mỹ, Đức đề nghị chọn một ngày đoàn kết phụ nữ toàn thế giới. Đề nghị này được các lãnh tụ Xã hội và Cộng sản đồng ý và được đại hội với khoảng 100 đại biểu từ 17 quốc gia biểu quyết hoàn toàn đồng ý.

Một trong những người khởi xướng việc thành lập Ngày Quốc tế Phụ nữ và được hầu hết tài liệu về nguồn gốc Ngày Quốc tế Phụ nữ thừa nhận công lao sáng lập là bà Clara Zetkin.

Bà Clara Zetkin là ai?

Bà Clara Zetkin sinh năm 1857 tại Đức. Bà gia nhập đảng Công nhân Xã hội Đức năm 1878. Năm 1917, bà hoạt động tích cực trong đảng Dân chủ Xã hội Đức, sau đó gia nhập đảng Cộng sản Đức. Bà đại diện cho đảng Cộng sản tại Quốc hội Đức suốt 13 năm từ 1920 đến 1933.

Bà Clara Zetkin là nhà Marxist Đức nổi tiếng và là lãnh tụ đảng Cộng sản Đức trong thời kỳ tranh chấp giữa Hitler và đảng Cộng sản Đức. Năm 1920, bà Zetkin phỏng vấn Lenin về "Vấn đề của phụ nữ". Năm 1921 đến 1925, bà Zetkin là Ủy viên của Đệ Tam Quốc tế Cộng sản. Tháng 4 năm 1920, bà thành lập Quốc tế Phụ nữ Cộng sản, một bộ phận của Đệ Tam Quốc tế và là chủ tịch đầu tiên của phong trào. Mặc dù người Đức, bà đã tham gia cuộc biểu tình "Bánh mì và hòa bình" nổi tiếng được tổ chức St. Petersburg, Nga trước Cách mạng cộng sản 1917.

Sau khi lưu vong sang Liên Xô, bà Clara Zetkin được Stalin tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ (1927) và Huân chương Lenin (1932). Khi bà chết, 1933, tro được đặt dưới chân tường điện Kremlin.

Phong trào Quốc tế Phụ nữ sau khi thành lập

Vì hầu hết thành viên sáng lập, nếu không phải thuộc đảng Xã hội cũng là đảng Cộng sản nên các hoạt động của ngày Quốc tế Phụ nữ sau ngày thành lập đều tập trung vào các hoạt động ủng hộ cộng sản, chẳng hạn cuộc tuần hành tại Vienna để tưởng nhớ các "thánh tử đạo" của Công xã Paris.

Năm 1913, sau khi được thảo luận, ngày Quốc tế Phụ nữ được ấn định là ngày 8 tháng 3 và được duy trì cho đến ngày nay.

Năm 1917, phong trào phụ nữ Nga tổ chức cuộc đình công với khẩu hiệu "bánh mì và hòa bình" như đã từng dùng tại Mỹ, để chống việc Nga Hoàng tham gia Thế chiến thứ nhất gây ra cái chết của hàng triệu thanh niên Nga. Các cuộc biểu tình của phong trào phụ nữ Nga đã đóng góp một phần quan trọng dẫn đến việc Nga Hoàng thoái vị và đưa Cách mạng cộng sản tháng mười đến thành công.

Ngày Quốc tế Phụ nữ của Liên Hiệp Quốc

Mặc dù ngay từ khi thành lập đã bị cộng sản chi phối, phong trào phụ nữ quốc tế này cũng đã có những hoạt động mang sắc thái xã hội dân sự như đòi hỏi quyền bỏ phiếu và tham gia các chức vụ hành chánh công quyền tại Mỹ, Anh, chính sách đãi ngộ công nhân, lương bổng và giờ giấc làm việc.

Rất đông trong số phụ nữ qua các thế hệ từ những năm đầu thế kỷ 20 cho đến nay đã tham gia với tinh thần thiện nguyện để đấu tranh cho quyền lợi phụ nữ một cách chân thành, nhiệt tình và trong sáng.

Để ghi nhận những đóng góp đó, năm 1975, Liên Hiệp Quốc chọn là năm Phụ nữ Quốc tế và năm 1977, Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua quyết nghị công nhận vai trò của phụ nữ trong các nỗ lực hòa bình và phát triển.

"Ngày Quốc tế Phụ nữ" do các nước cộng sản tổ chức và ngày Quốc tế Phụ nữ của Liên Hiệp Quốc có ý nghĩa khác nhau

Một số người lầm lẫn giữa ngày Liên Hiệp Quốc dành cho Quyền Phụ nữ và Hòa bình Quốc tế 1977 và "ngày Phụ nữ Quốc tế" được các quốc gia cộng sản tổ chức sau Cách mạng cộng sản Nga 1917.

Như Liên Hiệp Quốc minh định: "*Vào tháng 12 năm 1977, Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua một nghị quyết công bố một ngày Liên Hiệp Quốc dành cho Quyền Phụ nữ và Hòa bình Quốc tế được cử hành vào bất cứ ngày nào trong năm do Quốc gia Hội viên chọn phù hợp với truyền thống và lịch sử của quốc gia đó*. (In December 1977, the UN General Assembly adopted a resolution proclaiming a United Nations Day for Women's Rights and International Peace to be observed on any day of the year by Member States, in accordance with their historical and national traditions).

Mỗi năm Liên Hiệp Quốc kỷ niệm hàng trăm ngày lễ, từ những ngày quan trọng như Human Rights Day 10 tháng 12 cho đến ngày Hiến máu 11 tháng 6 hay ngày Di dân 18 tháng 12, ngày Núi, ngày Đất... Ngày Phụ nữ Quốc tế 8 tháng 3 là một trong danh sách dài và chỉ chính thức từ 1977.

Việc Liên Hiệp Quốc vinh danh phong trào phụ nữ qua nhiều thế hệ đã hy sinh để đấu tranh cho quyền của phụ nữ là một điều chính đáng. Ngày đó đang được cử hành tại khắp nơi trên thế giới nhưng chỉ dưới hình thức phong trào xã hội như tại thư viện, các câu lạc bộ phụ nữ, các mạng xã hội...

Một mai khi chế độ cộng sản tại Việt Nam không còn, ngày Phụ nữ Quốc tế của Liên Hiệp Quốc vẫn được kính trọng và thực hiện nhưng cũng sẽ hoàn toàn mang tính cách xã hội dân sự chứ không phải là ngày do chính phủ chỉ đạo và hoàn toàn có mục đích chính

trị như dưới các chế độ cộng sản tại Liên Xô, Đông Âu trước đây hay như tại Trung Quốc, Bắc Hàn, Lào, Cu Ba, Việt Nam hiện nay.

Lenin, Trotsky, Stalin, Mao, Kim, Hồ và ngày Quốc tế Phụ nữ

Lenin biết ơn và xem trọng các đóng góp của phong trào phụ nữ trong cách mạng cộng sản. Ngay sau khi thiết lập nhà nước chuyên chế cộng sản, Lenin chỉ thị đặt ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 thành ngày lễ và các lãnh đạo cộng sản sau y đã sử dụng ngày đó như một phương tiện tuyên truyền suốt 74 năm cộng sản.

Ngày 4 tháng 3 năm 1920, Lenin khẳng định điều này: *"Nhưng các bạn không thể thu hút quần chúng vào chính trị nếu thiếu sự thu hút phụ nữ... Không có một đảng hay cách mạng nào trên thế giới có ước muốn đào sâu vào cội rễ áp bức và bất công của nữ giới hơn là cách mạng Soviet, Bolshevik đang làm. Tại Liên Xô, không còn một vết tích bất bình đẳng nam nữ nào căn cứ vào luật pháp"*. Lenin hô hào: *"Không có gì có thể ngăn được làn sóng giải phóng con người khỏi ách chủ nghĩa đế quốc và giải phóng nam và nữ giới khỏi ách tư bản"*.

Những đóng góp của các lãnh đạo phong trào phụ nữ quốc tế tại Nga lớn đến nỗi Leon Trotsky cũng phải ngạc nhiên. Trotsky viết: *"Ngày 8 tháng 3 là Ngày Quốc tế Phụ nữ với các phiên họp, các buổi mít-ting, các sinh hoạt, nhưng chúng tôi không thể tưởng tượng Ngày Quốc tế Phụ nữ đồng thời cũng là ngày phát động cách mạng tháng Mười Nga"*.

Ngày 8 tháng 3 năm 1925, trên tờ *Pravda*, Stalin chỉ thị: *"Ngày Quốc tế Phụ nữ phải trở nên phương tiện chuyển hóa tầng lớp phụ nữ lao động và phụ nữ nông dân từ một nguồn hậu thuẫn của giai cấp lao động thành một đạo quân của phong trào giải phóng của giai cấp vô sản. Ngày Quốc tế Phụ nữ muôn năm!"*

Nối gót Lenin và Stalin, năm 1927, Mao Trạch Đông trong tác phẩm *Sách Đỏ nhỏ* in những bài viết của mình, y viết: "*Tại Trung Quốc, một người đàn ông thường giữ vai trò thống trị trên ba quyền (chính quyền, gia quyền và tôn giáo quyền). Đối với phụ nữ, ngoài việc bị thống trị bởi ba quyền trên, họ còn bị trị bởi một quyền khác do người chồng định đoạt*". Mao đánh giá cao vai trò của phụ nữ và đã từng phát biểu *"Phụ nữ nâng cao một nửa bầu trời"*. Năm 1922, khi đảng Cộng sản Trung Quốc vừa mới ra đời, đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổ chức mừng ngày Quốc tế Phụ nữ và khi chính thức thành lập nhà nước cộng sản trên toàn lục địa vào năm 1949, Ngày Quốc tế Phụ nữ trở thành ngày lễ quốc gia.

Tại Bắc Hàn, cả ba đời họ Kim đều xem ngày Quốc tế Phụ nữ là ngày trọng đại. Sáng ngày 8 tháng 3, Kim Jong-un, lãnh đạo cộng sản Bắc Hàn và là tên độc tài dã man, bệnh hoạn nhất nhân loại hẳn phải thức dậy sớm hơn thường lệ. "Nguyên Soái Kim" phải tham gia hàng loạt sinh hoạt trong ngày này không chỉ để mừng ngày Quốc tế Phụ nữ mà còn là kỷ niệm 20 năm "lý thuyết khoa học về vai trò của người phụ nữ" do cha y, Kim Jong-il, khám phá. Báo chí cũng tràn ngập bài vở ca ngợi ông nội y, Kim Nhật Thành, là người đầu tiên trong lịch sử Bắc Hàn đã bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ. Báo chí đăng tải hình ảnh Kim Jong-un phân phát son phấn cho các phi công Bắc Hàn sáng ngày 8 tháng 3 và qua họ tặng lại cho các phụ nữ trong gia đình. Tuy nhiên trong cùng ngày, có bài bình luận do các phụ nữ đào thoát khỏi Bắc Hàn viết về phụ nữ tại Bắc Hàn, theo đó mặc dù được chính quyền Bắc Hàn gọi là "hoa của đất nước" nhưng trong thực tế, ngoài đời sống nghèo đói, phụ nữ Bắc Hàn còn phải làm nô lệ tình dục cho các sĩ quan cao cấp trong quân đội của Kim Jong-un. Phụ nữ Bắc Hàn không được giáo dục cách ngừa thai, khi có thai, đơn giản là phải đi phá.

Tại Việt Nam, không cần phân tích cũng biết đó là ngày lễ lớn. Hồ Chí Minh, một đệ tử trung thành của Lenin, Stalin và Mao Trạch Đông đã tích cực ủng hộ ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 từ khi thiết lập nhà nước cộng sản tại miền Bắc 1954 cũng như trên cả nước Việt Nam từ 1975.

Các quốc gia chọn ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 như ngày lễ

Một người Việt Nam chưa có dịp tìm hiểu có thể nghĩ rằng ngày Quốc tế Phụ nữ là ngày trọng đại trên toàn thế giới. Không phải. Các quốc gia chọn ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 như ngày lễ gồm: Afghanistan, Angola, Armenia, Azerbaijan, Belarus, Burkina Faso, Cambodia, China , Cuba, Georgia, Guinea-Bissau, Eritrea, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Laos, Macedonia, Madagascar, Moldova, Mongolia, Nepal, Nga, Tajikistan, Turkmenistan, Uganda, Ukraine, Uzbekistan, Zambia, Bắc Hàn và Việt Nam.

Nga là nước lớn không cộng sản vẫn còn duy trì ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3, một phần để ghi nhận nỗ lực hòa bình của phong trào phụ nữ Nga trước Thế chiến thứ nhất và được tổ chức trong hình thức ngày Mẹ với hoa và bánh mì theo truyền thống dân tộc hơn là các hình thức phô trương chính trị như thời cộng sản.

Trước đây, 15 "nước cộng hòa" thuộc Liên Xô và các quốc gia thuộc khối cộng sản Đông Âu cũng xem ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 như ngày lễ. Phong trào cộng sản châu Âu sụp đổ cũng đã cuốn theo ngày Quốc tế Phụ nữ tại các quốc gia này. Những lãnh đạo cộng hòa mới ra đời biết rõ ngày gọi là "ngày Quốc tế Phụ nữ," thực tế, chỉ là một hình thức tuyên truyền lừa bịp nhân dân nói chung và nữ giới nói riêng. Dưới chế độ cộng sản, giống như nam giới, người phụ nữ cũng bị tước đoạt mọi quyền căn bản nhất của con người. Nền Cộng hòa mà các quốc gia Đông Âu như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Romania... vừa gầy dựng lại đặt nền tảng trên

hiến pháp dân chủ chứ không bằng lời đường mật, những chiếc bánh vẽ dưới thời cộng sản.

Hầu hết quốc gia dân chủ tây phương và đại đa số các nước thành viên Liên Hiệp Quốc khác không công nhận ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 như ngày lễ chính thức của quốc gia họ mà chỉ xem như là một trong nhiều sinh hoạt mang hình thức xã hội dân sự trên phạm vi quốc tế.

Mới đây khi một số thành viên đảng Dân chủ Xã hội Tiệp Khắc đề nghị tái lập ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 đã bị nhiều người phản đối vì làm như thế là lập lại những hình thức tuyên truyền bỉ ổi thời cộng sản.

Phân tích để thấy đặc tính cộng sản bắt nguồn từ trong cội rễ của ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 từ thuở phôi thai thành lập và các lãnh đạo cộng sản quốc tế sử dụng ngày đó như một phương tiện tuyên truyền đã bị phần lớn nhân loại nhận diện.

Thực tế Việt Nam

Nên nhớ ngày Phụ nữ Quốc tế chỉ có từ năm 1977 chứ không phải đánh dấu "107 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3" như được tổ chức tại Việt Nam vào tháng 3, 2017.

Con người sinh ra thường chấp nhận những phong tục, tập quán thể hiện qua những hội hè, đình đám, lễ lộc và tiếp tục sống với những gì đã có mà không suy nghĩ hay thắc mắc. Họ không biết rằng, dưới chế độ cộng sản, không có một ngày hội, ngày lễ nào mà không mang một ý nghĩa chính trị và không phục vụ cho mục đích chính trị của đảng cộng sản trong mỗi thời kỳ.

Xóa bỏ ý thức dân tộc, trồng cấy nhận thức cộng sản là một trong những mục tiêu dài hạn và thường trực của bộ máy tuyên truyền cộng sản.

Có người sẽ cho tôi viết quá đáng. Không. Thực tế đã diễn ra đúng như vậy tại Việt Nam. Những năm ngay sau 1975 ngày sinh của Karl Marx 5 tháng 5 là ngày quan trọng. Từ sáng đến tối không biết bao nhiêu chương trình, bao nhiêu buổi mít-tinh để tưởng nhớ đến người được đảng ca ngợi như một vĩ nhân đã chỉ đường cho nhân loại bước ra khỏi những nhọc nhằn tăm tối của cảnh người bóc lột người để hướng đến xã hội cộng sản khoa học. Tiểu sử của Marx được đọc trên đài phát thanh, đài truyền hình, học tập tại mỗi tổ dân phố, sinh viên học sinh Việt Nam phải học thuộc lòng tiểu sử Marx. Thế nhưng, không ai được nhắc rằng trước đó vài tuần lễ, một ngày vô cùng trọng đại đối với dân tộc Việt Nam đã lặng lẽ trôi qua gần như trong quên lãng: Mùng 10 tháng 3 Âm lịch giỗ Tổ Hùng Vương. Ngay cả Nguyễn Huệ cũng gián tiếp được kết nạp vào đảng cộng sản qua những tập truyện "cờ đào khởi nghĩa" nhuộm đỏ tâm hồn trong trắng của thế hệ măng non dân tộc.

Tội ác của chế độ cộng sản không chỉ dâng đảo, bán đất cho Trung Cộng nhưng trầm trọng hơn vì đã và đang tàn phá, hủy hoại các giá trị tinh thần mà tổ tiên đã tạo dựng, hun đúc suốt bốn ngàn năm. Cuộc tranh đấu phục hưng các giá trị tinh thần, do đó, phải được thực hiện trong nhiều lãnh vực, thể hiện bằng nhiều phương cách và một trong những cách tích cực, dễ thực hiện nhất là tẩy chay những ngày lễ cộng sản như ngày Quốc tế Phụ nữ 8 Tháng 3 chẳng hạn.

Tham khảo:

- United Nations: History of International Women's Day *http://www.un.org/womenwatch/feature/iwd/history.html*

- Communist Party USA *http://en.wikipedia.org/wiki/Communist_Party_USA*

- Lenin on International Women's Day (1920, March 4). *https://www.marxists.org/archive/lenin/works/1920/mar/04.htm*

- Mao on Women 1919-1966 - *http://sfr-21.org/mao-women.html*

- International Ladies' Garment Workers' Union *http://en.wikipedia.org/wiki/International_Ladies%27_Garment_Workers%27_Union*

- Stalin on International Women's Day. (1925, March 8) – *https://www.marxists.org/reference/archive/stalin/works/1925/03/08.htm*

- Shim, E. (2015, March 7). North Korea prepares to observe International Women's Day. *UPI*.

- *http://www.upi.com/Top_News/World-News/2015/03/07/North-Korea-prepares-to-observe-International-Womens-Day/4471425705521/*

- International Women's Day *http://www.internationalwomensday.com/about.asp#.VQDjgOGYHYi*

- UN Holidays http://www.vercalendario.info/en/event/days-unitednations-year-calendar-2016.html

ĐỪNG ĐÁNH RƠI TUỔI TRẺ

Một đêm mơ tôi thấy mình và người thân đi dạo trên một ngọn đồi. Xa xa cuối chân đồi là một thành phố vừa lên đèn và trên trời đang treo một vầng trăng mười sáu. Cảnh đẹp như trong một cuốn phim tình cảm. Nếu đúng như các nhà tâm lý học nói, người ta thường mơ những cảnh mà họ đã thấy, những việc họ đã làm, thì ngọn đồi phải là một trong những nơi tôi đã sống hay đã đến.

Vâng. Khi ngồi thật yên lặng để hồi tưởng, tôi biết ngọn đồi đó ở Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, nơi tôi đã đến thăm trong những ngày còn nhỏ. Quế Sơn là nơi cha mẹ tôi đã gặp nhau, đã thương và cưới nhau. Những ngọn đồi chập chùng, không cao lắm, có những bụi sim thấp và những hoa màu tím, có thể là nơi họ đã từng hò hẹn. Các cụ trong vài thế hệ trước, dù có lãng mạn cũng ít khi kể cho con cháu nghe nhưng từ ngày mẹ tôi mất cha tôi rất ít về vùng đồi núi đó. Phải chăng để khỏi nghe lòng đau xót khi *"về đồi sim ta nhớ người vô bờ"* như thế hệ chúng tôi sau này. Dù sao, cảnh núi đồi thơ mộng đã góp phần để lại cho hai người một tác phẩm, là tôi, trong thế gian này, tuy không kể ra, tôi cũng đoán biết cha mẹ tôi mơ mộng đến dường nào.

Giấc mơ dễ thương là một ví dụ để giải thích điều tôi muốn nói rằng tuổi thơ, tuổi thanh niên là thời gian đẹp nhất của một con người và không bao giờ phai đi.

Nhiều khoảng không gian trong ý thức bị phủ dày dưới lớp bụi thời gian nhưng kỷ niệm của tuổi thơ, ký ức thời tuổi trẻ dù dấn thân, khai phá hay nông nổi, sai lầm không bao giờ bị che khuất. Đó là thời gian duy nhất mang đến cho ta nụ cười, niềm hãnh diện nhưng cũng là thời gian duy nhất làm ta tiếc nuối, ăn năn khi ngồi đếm những ngày cuối của đời mình trôi đi trong buồn bã, chậm chạp trong một nhà dưỡng lão ở nước ngoài hay trên một chiếc giường tre, giường gỗ nào đó ở quê hương.

Thời gian tôi sống ở Mỹ dài hơn thời gian tôi sống ở Việt Nam. Nếu tính luôn những năm còn quá nhỏ không giữ lại được gì trong ký ức, thì còn dài hơn nữa. Về trách nhiệm, tôi rất nặng nợ với xứ này nhưng thành thật mà nói, về tình cảm, tôi yêu đất nước Việt Nam không chỉ hơn nước Mỹ thôi mà còn hơn nhiều thứ khác.

Yêu nước thì nói mình yêu nước. Đó không phải là chức vụ, lương bổng, bạc vàng hay của cải gì mà sợ gọi khoe khoang. Tôi yêu Việt Nam, trước hết, cũng chỉ vì tôi yêu tôi trong một thời tuổi trẻ.

Với nước Mỹ, tôi nợ quá nhiều thứ. Tôi nợ đôi tay người lính hải quân Mỹ ôm tấm thân ốm o đói khát của tôi lên từ chiếc cầu dây mong manh đang đong đưa bên thành chiến hạm khi ghe tôi đang được vớt ngoài biển Đông. Tôi nợ cơ quan thiện nguyện chiếc áo ấm đầu tiên để che cơn rét khắc nghiệt miền Đông Bắc Mỹ. Tôi nợ người dân Boston bao dung, rộng lượng đã đưa vòng tay nhân ái ôm lấy tôi, một người tỵ nạn không thân nhân nào ở Mỹ. Thế nhưng dù nợ bao nhiêu, dù đã sống ở đây 36 năm và đã là công dân Mỹ có quốc tịch, khi viết về thành phố Boston và đất nước Hoa Kỳ tôi vẫn quen dùng hai chữ "xứ người" và "đất khách".

Bởi vì, trong trái tim, tôi là người Việt Nam.

Tôi là người may mắn, được học hỏi trong một nền giáo dục dân chủ, sống nhiều năm trong xã hội dân chủ để có cơ hội so sánh với

nền giáo dục và xã hội Việt Nam tôi đã từng trải qua trước và sau 1975. Nhiều triệu người cùng thế hệ tôi trước đây và nhiều triệu tuổi trẻ Việt Nam ngày nay không có may mắn đó.

Có thể các bạn trẻ không nhận ra, nhưng ngay trong phút giây các bạn đang sống, cuộc đấu tranh khốc liệt giữa khoa học và phản khoa học, giữa đúng và sai, giữa chân thật và giả dối, giữa cố gắng vươn lên và áp lực phục tùng đang diễn ra trong ý thức. Nếu không có điều kiện tiếp cận luồng ánh sáng văn minh khoa học, không được trợ lực từ các nguồn kiến thức khách quan, ý thức vươn lên của các bạn sẽ bị trấn áp, tinh thần độc lập sẽ bị triệt tiêu, các bạn sẽ không có cơ hội chọn đúng một lý tưởng tuổi trẻ và cuối cùng dẫn đến việc đánh mất cả cuộc đời mình.

Nói nhắc đến hai chữ lý tưởng, người ta thường nghĩ đến một con đường xứng đáng để đi, một mục đích để hiến dâng cuộc đời mình như Thomas Merton nói: *"Nếu bạn muốn biết tôi là ai, đừng hỏi tôi sống ở đâu, hay tôi ăn thích ăn món gì, hay tôi chải tóc cách nào, nhưng hãy hỏi tôi sống vì mục đích gì"*.

Lý tưởng được nhắc nhiều nhất tại Việt Nam là lý tưởng cộng sản. Từ chiếc loa treo trên trụ đèn đầu phố cho đến cương lĩnh chính thức của các đại hội đảng đều lập đi lập lại rằng con đường đẹp nhất là con đường cộng sản và lý tưởng đẹp nhất của một đời người là lý tưởng cộng sản.

Nhưng ý thức hệ cộng sản như đã chứng minh không phải là con đường đẹp nhất mà là chất độc tàn phá ý thức của con người một cách có hệ thống và bắt đầu ngay từ khi mới chập chững vào đời.

Hai phân đoạn dưới đây trích trong chương trình giáo dục mầm mon do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam phê duyệt 2009 so sánh với chương trình giáo dục mầm non tại Bắc Hàn dựa theo nghiên cứu của Andrea Matles Savada, *North Korea: A Country Study* lưu

trữ tại Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ:

Tại Việt Nam, ba đến bốn tuổi phải được dạy để biết "kính yêu Bác Hồ" và "thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ". Bốn đến năm tuổi phải "nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, thích và thuộc một số bài hát, bài thơ về Bác Hồ". Năm đến sáu tuổi phải "nhận ra hình ảnh Bác Hồ, chỗ ở, nơi làm việc của Bác Hồ, biết một số bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ".

Tại Bắc Hàn, tương tự như Việt Nam, một phần không nhỏ trong chương trình giảng dạy bậc tiểu học được dành để ca ngợi công ơn "Kim Nhật Thành vĩ đại" và "Đạo đức cộng sản". Những sách giáo khoa bậc mẫu giáo và tiểu học Bắc Hàn gồm "Thời thơ ấu của Nguyên soái Kim Nhật Thành", "Ca ngợi công ơn lãnh tụ", "Theo bước chân cha già Kim kính yêu", "Xem hình ảnh lãnh tụ Kim Chính Nhật".

Có tương lai nào, ngoài vong thân nô dịch, khác hơn dành cho các thế hệ măng non của đất nước?

Suốt gần 90 năm từ khi có đảng cộng sản, bao nhiêu thế hệ Việt Nam đã đánh mất tuổi thanh xuân trong "lý tưởng" hão huyền đó?

Con số có thể lên đến nhiều triệu. Đa số đã chết trong chiến tranh hay chết già nhưng một số không nhỏ vẫn còn sống.

Chủ nghĩa cộng sản như phần lớn nhân loại biết hôm nay là tai họa khủng khiếp nhất lịch sử nhân loại và bị hầu hết các quốc gia e ngại. Số người chết do chủ nghĩa cộng sản gây ra nhiều lần lớn hơn các cuộc chiến tranh thế giới cộng lại. Đừng nói gì đến ngục tù Gulad, nạn đói Ukraine, thảm sát rừng Katyn ở châu Âu xa xôi, chỉ đọc những thảm cảnh xảy ra bên cạnh nước mình do Mao Trạch Đông và Pol Pot gây ra, hay đọc ngay trong biến cố Việt Nam như Nhân văn Giai phẩm, Cải cách Ruộng đất và hỏi những người lớn tuổi tại miền Nam về Kinh tế mới, về Cải tạo Công Thương Nghiệp,

về chính sách Tù cải tạo để biết hậu quả của chủ nghĩa cộng sản trầm trọng đến mức nào.

Và hôm nay, các cựu chiến binh của thế hệ "Điện Biên" và cả "giải phóng miền Nam", những người đã đem tuổi thanh xuân hiến dâng cho "lý tưởng cộng sản" đang ngồi vuốt lấy nỗi đau riêng trong những khu nhà tập thể.

Họ cố ru giấc ngủ bằng niềm an ủi vì mình đã sống một cuộc đời có ý nghĩa. Họ tự nhủ lòng ít ra những hy sinh của họ cũng không oan uổng khi mục tiêu thống nhất đất nước cuối cùng đã đạt được.

Vâng. Thống nhất đất nước là mơ ước có thật nhưng chỉ có thật trong lòng các cựu chiến binh già, trong Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, trong những người băng rừng vượt suối vào "giải phóng miền Nam", trong những thanh niên miền Bắc đã chết ở Hạ Lào, An Lộc, chứ không có trong mục tiêu của đảng Cộng sản Việt Nam.

Có gia đình nào thật sự thương yêu nhau đã chọn lựa đoàn tụ bằng cách giết đi mười phần trăm số anh em, con cháu của mình không?

Chắc chắn là không.

Dân tộc Việt Nam có thể phải tạm thời sống trong xa cách để chờ một cơ hội thuận tiện hơn để đoàn tụ. Nước Đức đã chọn và cả Triều Tiên sau một lần thử lửa 1950, cũng phải chọn. Đoàn viên dân tộc là một ước mơ bùng cháy trong lòng mỗi người Việt Nam, không nhất thiết phải là Nam hay Bắc. Câu hát "Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về, lòng khách tha hương vương sầu thương" cất lên trong nước mắt ở Sài Gòn sau 1954.

Chỉ có đảng cộng sản vì mục tiêu tối hậu cộng sản hóa Việt Nam mới có thể hành động mà không cần quan tâm đến tương lai đầy thảm họa đang chờ đợi các thế hệ Việt Nam.

Khi phát động chiến tranh "thống nhất đất nước" bằng võ lực, lãnh đạo đảng biết họ phải đương đầu với Mỹ, về quân sự, là một siêu cường quốc hùng mạnh nhất thế giới, và về kinh tế, vừa bước ra khỏi thế chiến thứ hai như một quốc gia có lợi nhất. Nhưng mục đích cộng sản hóa đã ăn sâu vào từng huyết cầu, từng tế bào sống của lãnh đạo cộng sản làm ức chế mọi bâng khuâng, do dự, đo lường hậu quả mà hầu hết các nhà lãnh đạo quốc gia khác phải có.

Sau 42 năm, những biệt thự, những cao ốc, những khu nghỉ mát khang trang mà các cựu chiến binh già không bao giờ có khả năng đặt chân đến đã được xây bằng xương máu của các đồng chí, anh em họ đổ xuống trong các cuộc chiến tranh.

Ngoài một số rất ít quá công phẫn đã cất lên tiếng hét xung phong cuối cùng qua những lá thư tố cáo, phần lớn phải cam chịu để sống với số tiền hưu trí nhỏ nhoi mỗi tháng. Bán hết huân chương cũng không đủ tiền trả một tô phở 35 đô-la mà các ủy viên trung ương và gia đình vừa ăn đừng nói chi những chiếc Porsche đắt tiền của các "đầy tớ nhân dân" đang đậu ngoài sân tiệm.

Dù biết bài ca của giai cấp công nhân đã trở thành bài ai điếu, nói theo ngôn ngữ của Mác, và số người nghe mỗi ngày một ít dần, đảng Cộng Sản vẫn tiếp tục hát, tiếp tục hô nào lý tưởng cộng sản.

Đọc bài *Lý tưởng cộng sản sẽ thắp sáng thế kỷ 21* của tác giả Quang Thống đăng trong trang nhà của Hội Nhà báo Việt Nam, trong đó có những câu nhạt nhẽo đọc lên chỉ càng thêm bực bội như: *"tất cả thế giới đều công nhận sự nghiệp đổi mới đất nước ở Việt Nam do đảng cộng sản lãnh đạo đã đạt được những kỳ tích vang dội"* hay kết luận: *"Chúng ta phấn chấn bởi một niềm tin mãnh liệt, rằng lý tưởng mà dân tộc ta noi theo đang không ngừng tỏa sáng, con đường đi tới ấm no hạnh phúc mà nhân dân ta khai phá, đang nở hoa kết trái"*.

Bài viết được trao giải A của Giải báo chí 2006 do Hội Nhà báo

Việt Nam tổ chức. Thì ra, không phải chỉ một người vô lương tâm mà cả một tổ chức đại diện cho 600 tờ báo cũng không có lương tâm như tác giả. Thời của "trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ" hay "mơ sáng mai thức dậy thành người Việt Nam" đã qua quá xa rồi. Ngay cả trong quán nhậu, những mẫu chuyện cười mỉa mai chế độ như thế có lẽ cũng không còn nghe ai kể nữa vì chẳng có ai cười.

Vì chén cơm manh áo, một người nhiều khi phải nói những điều mình không muốn nói, viết những điều mình không muốn viết, tuy nhiên phải biết đâu là giới hạn, biết đâu nên dừng lại.

Nếu không giữ được chức năng nghề nghiệp và tư cách đạo đức của một người cầm bút, ít ra cũng không nên đầu độc con cháu trong gia đình mình. Tâm hồn tuổi thơ như những tờ giấy trắng trinh nguyên, hãy viết lên đó những câu ca dao đậm đà tình dân tộc, hãy vẽ lên đó hình trái tim thương yêu thay vì những khẩu hiệu giết người và búa liềm thù hận.

Với những tuổi trẻ may mắn học hỏi từ nhiều nguồn, những bài viết tuyên truyền đó là chẳng qua để quảng cáo cho một món thuốc giả, rẻ tiền, nhưng một số không ít các bạn cùng thế hệ sinh ra và lớn lên trong các quận huyện xa xôi, hẻo lánh như ở vùng rừng núi Quế Sơn quê tôi chẳng hạn, không có dịp tiếp xúc với ánh sáng khoa học, vẫn còn tin và tin đến độ chân thành.

Hôm nay, dù đang sống ở đâu trên trái địa cầu này và đang sinh hoạt trong một tổ chức chính trị nào, kể cả trong đảng Cộng Sản, một người Việt còn có chút ưu tư cho vận mệnh đất nước, còn biết tủi thẹn, xót đau trước quá nhiều thua thiệt của Việt Nam đối với phần lớn nhân loại, đều phải thừa nhận Việt Nam đang cần một sự thay đổi căn bản không chỉ trong hạ tầng cơ sở kinh tế xã hội mà quan trọng hơn trong thượng tầng kiến trúc chính trị tư tưởng. Nói một cách vắn tắt, cuộc cách mạng dân chủ triệt để là con đường không thể nào thay thế tại Việt Nam.

Nhiều người nghe tới hai chữ cách mạng là nghĩ ngay đến Công Xã Paris, Cách mạng Pháp, Cách mạng Tháng Mười đẫm máu.

Tôi, trái lại tin rằng, cuộc cách mạng dân chủ Việt Nam tuy sẽ rất khó khăn, đòi hỏi nhiều kiên nhẫn với các tác động từ bên ngoài và vận động từ bên trong, khi xảy ra sẽ xảy ra trong nhanh chóng và không đổ máu bởi vì tuyệt đại đa số người dân, ở mức độ khác nhau, đều thấy những bất công phi lý đang diễn ra hàng ngày trên đất nước, đều chán ghét chế độ và đều có trong lòng chung một khát vọng dân chủ tự do.

Dân chủ không phải chỉ là cơ sở lý luận, hệ thống lý thuyết mà còn là những gì cụ thể, có thể nắm bắt, cầm lấy trong tay.

Dân chủ không phải là món hàng tiêu dùng xa xỉ dành cho những kẻ dư thừa nhưng là tất cả góc cạnh gần gũi, bình thường, quen thuộc của đời sống.

Dân chủ không phải là sản phẩm tư tưởng của Mỹ, Pháp, Anh, hay một đặc tính văn hóa của một màu da, chủng tộc riêng nào mà của con người từ khi mới cất lên tiếng khóc chào đời.

Đất nước Việt Nam, trên từng ngọn núi, trong mỗi dòng sông, từ Chí Linh đến Bạch Đằng, từ Chi Lăng sang Vạn Kiếp đã thắm máu của bao thế hệ tổ tiên đổ xuống để giữ gìn trên bốn ngàn năm chứ không phải là gia tài của Mác, Lê Nin để lại. Do đó, đất nước Việt Nam là tài sản của dân tộc Việt Nam chứ không phải của đảng Cộng Sản Việt Nam. Tại sao người dân Việt phải cúi đầu để đảng ban phát từng chén cơm manh áo? Tại sao một trí thức trẻ muốn tiến thân trong xã hội phải tìm mọi cách kể cả luồn cúi, nịnh hót để được vào đảng cộng sản?

Lý luận ba dòng thác cách mạng (cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh cho hoà bình

dân chủ tại các nước bị trị) là cơ sở duy nhất để đảng Cộng sản Việt Nam biện hộ cho vai trò thống trị của mình. Đó là lý luận có tính áp đặt của kẻ cướp có súng đạn trên tay. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê về giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội không liên hệ gì đến bản chất của cuộc đấu tranh giành độc lập và mục tiêu xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, hãy tạm giả thiết rằng lý luận ba dòng thác là đúng và cuộc chiến chống Mỹ cũng đúng luôn, thì sau 42 năm đưa dân tộc vào con đường cùng không lối thoát với một chế độ chính trị chà đạp mọi quyền căn bản của con người, một xã hội tham nhũng thối nát, một chính sách giáo dục ngu dân, nô dịch, chạy theo hư danh bằng cấp nhưng thiếu thực tài, một nền kinh tế lạc hậu trì trệ đi sau các nước trong vùng hàng mấy chục năm, đảng Cộng sản Việt Nam có cần phải bị lật đổ và lật đổ càng sớm càng tốt hay không?

Lịch sử mang tính thời đại và tính liên tục. Giống như chính quyền trong các xã hội dân chủ, mỗi thế hệ có một trách nhiệm riêng, dù hoàn thành hay không, khi bước qua thời đại khác, vẫn phải chuyển giao trách nhiệm sang các thế hệ lớn lên sau. Sức đẩy để con thuyền dân tộc vượt qua khúc sông hiểm trở hôm nay không đến từ Mỹ, Anh, Pháp hay đâu khác, mà bắt đầu từ bàn tay và khối óc của tuổi trẻ Việt Nam.

Quyền tự do tôn giáo, tự do phát biểu, tự do đi lại, quyền được đứng ra lãnh đạo hay chọn lựa những người lãnh đạo đất nước là quyền dành cho mọi công dân và phải được tôn trọng bằng luật pháp chứ không phải là đặc quyền dành riêng cho đảng cộng sản.

Tuy nhiên, giới lãnh đạo đảng sẽ không tự nguyện trao trả những gì họ đã đánh cắp mà phải giành lại từ tay họ. Như lịch sử nhân loại chứng minh, những kẻ độc tài thường không bước xuống theo nguyện vọng nhân dân, họ chỉ chết già trong quyền lực hay bị lật đổ.

Một đời người trung bình sống bảy mươi năm, nhưng cho dù sống tám mươi, chín mươi hay một trăm năm cũng chỉ có một thời tuổi trẻ và khi qua đi, tuổi trẻ sẽ không bao giờ trở lại.

Trong bài viết về lý tưởng phụng sự xã hội được viết cách đây khá lâu tôi có phát biểu rằng, về ý nghĩa, lý tưởng là một mục đích sống cao đẹp của một đời người. Nếu chúng ta đặt qua một bên niềm tin tôn giáo hay sự giải thích dựa vào niềm tin tôn giáo, và nếu chúng ta không có một lý tưởng để sống, sự có mặt của chúng ta sẽ vô vị biết bao. Đời sống chỉ là sự lập lại một cách nhàm chán những công việc, những ngày, những tháng, những năm, những tiếng cười và nước mắt, những hơn thua và tranh chấp, cho đến cuối cùng một hơi thở hắt ra. Nhưng với một người sống có lý tưởng, sống có mục đích, những khoảnh khắc dù chỉ một vài giây phút cũng đầy ý nghĩa. Người có lý tưởng bao giờ cũng lạc quan và hy vọng bởi vì họ không chỉ sống cho hôm nay mà cho ngày mai và nhiều ngày mai sẽ tới.

Đừng đánh rơi tuổi trẻ.

NGÀY CUỐI CÙNG CỦA CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN LIÊN XÔ

"*Merry Christmas*!" Một viên chức trong đoàn tùy tùng của Tổng Bí thư Mikhail Gorbachev chào Ted Koppel và nhóm phóng viên của hãng tin ABC đang đứng chờ trước bậc thềm điện Kremlin. Ted Koppel chào lại nhưng anh chàng Rick Kaplan, phụ tá của Ted Koppel, phản đối: "*Với tôi anh phải chúc là Happy Hanukkah mới phải*". Rick Kaplan nói thế chỉ vì anh ta gốc Do Thái. Viên chức Liên Xô không hiểu Hanukkah nghĩa là gì và tưởng là Honecker nên hỏi ngược: "*Tại sao tôi phải chào Happy Honecker chứ nhỉ?*"

Thật ra, thắc mắc của viên chức Liên Xô không phải là không có lý do. Ngày 25 tháng 12 năm 1991 không chỉ là ngày cuối cùng của hệ thống cộng sản Liên Xô mà có thể cũng là ngày cuối của Erich Honecker nữa. Tên lãnh tụ cộng sản Đông Đức này bị truy tố tại Đức và được Gorbachev cho phép tỵ nạn chính trị tại Liên Xô. Erich Honecker sợ bị Boris Yeltsin tống cổ về Đức nên hôm qua đã chạy sang tòa Đại sứ Chile ở Moscow xin tỵ nạn. Báo chí loan tin sáng hôm đó Erich Honecker vừa xin tỵ nạn chính trị lần nữa nên viên chức trong đoàn tùy tùng Gorbachev liên tưởng đến y khi nghe "Happy Hanukkah".

Ngày 25 tháng 12 là ngày nhiều tỉ tín đồ Thiên Chúa giáo trên thế giới kỷ niệm ngày Chúa Jesus giáng trần, nhưng tại Moscow,

ngày 25 tháng 12 năm 1991 là ngày chính thức cáo chung của chế độ cộng sản. Thật khó tin nhưng đang diễn ra trước mắt nhân loại. Ngày cuối cùng của chế độ cộng sản Liên Xô được tường thuật theo từng giờ trong tác phẩm *Moscow, December 25, 1991, the last day of Soviet Union* của Conor O'Clery mà người viết tham khảo.

Tối ngày 24

Thời tiết Moscow lạnh xuống gần 0 độ F. Những lớp tuyết dày trên dưới chân tường điện Kremlin là dấu vết của cơn bão tuyết ba ngày trước. Nửa đêm 24 tháng 12, một đoàn hành hương đến cầu kinh dưới chân tháp Thánh Nicholas. Từ khi chính sách Glasnost ra đời, việc tiếp xúc tôn giáo có phần cởi mở. Nhiều đoàn hành hương có cơ hội đến thăm viếng các nhà thờ lớn ở Liên Xô. Phần đông người trong đoàn đến từ Hoa Kỳ. Dù Giáng sinh theo lịch Julian do Giáo hội Chính Thống giáo Nga dùng là ngày 7 tháng Giêng, những người hành hương này muốn đón Giáng sinh theo lịch Mỹ ở Moscow. Những ngọn đèn cầy được thắp lên trong đêm đông tại quốc gia cộng sản hàng đầu thế giới. Những người hành hương không biết một cách chi tiết những gì sắp xảy ra trên đất nước này trong vài giờ nữa.

Sáng sớm ngày 25

Mikhail Sergeyevich Gorbachev, Tổng Bí thư đảng Cộng sản kiêm Chủ tịch Cộng hòa Liên Bang Xô Viết thức dậy sớm. Ông ta ý thức ngay rằng, tất cả những gì ông sắp sửa làm từ bữa ăn sáng do đầu bếp Shura phục vụ và cả biệt điện nguy nga mà vợ chồng ông ta nghĩ trước đó sẽ ở cho đến chết đều sẽ là lần cuối. Chiếc xe đặc biệt ZIL-41047 chờ ông. Hai viên đại tá có khuôn mặt lạnh như tiền ngồi trên chiếc Volga theo sau xe của Gorbachev. Họ không phải là cận vệ nhưng là người mang chiếc cặp trong đó chứa các thông tin tuyệt mật để phát động chiến tranh nguyên tử. Hai đại tá này biết

chiều tối nay họ sẽ chào từ biệt Mikhail Gorbachev để phục vụ lãnh đạo Cộng hòa Nga Boris Yeltsin.

Mikhail Sergeyevich Gorbachev được thế giới ca ngợi như là người đã thổi vào không khí chính trị Liên Xô làn gió mới và được trao tặng giải Nobel Hòa bình 1990 nhưng trong nước dân chúng đổ hết công phẫn lên ông ta. Tên Gorbachev đồng nghĩa với suy thoái, thất nghiệp, vật giá leo thang, tem phiếu. Người dân thường dĩ nhiên vội biết và cũng không cần biết, Gorbachev là lãnh đạo cộng sản thứ bảy từ Lenin và cũng là người kế thừa một gia sản lạc hậu, ung thối từ trong máu của chế độ.

Nhiều câu chuyện cười ở Moscow về thái độ bất mãn của người dân đối với Gorbachev. Ví dụ, trong một tiệm rượu, một người khách đứng dậy bỏ đi, các bạn anh ta hỏi đi đâu, anh chàng đáp đi giết Gorbachev chứ đi đâu, anh ta mở cửa ra đi thật nhưng trở lại ngay, bạn bè hỏi sao giết Gorbachev mà nhanh thế, anh chàng đáp không giết được vì phải sắp hàng dài quá.

9 giờ sáng ngày 25

Mikhail Gorbachev và đoàn tùy tùng đến dinh chủ tịch ở điện Kremlin hơi trễ hơn thường lệ chút ít. Hãng tin Mỹ ABC gồm Ted Koppel và Rick Kaplan có mặt ngay tại chỗ dừng xe. Họ được Gorbachev cho phép tường thuật biến cố lịch sử này. Theo lời kể lại của Ted Koppel, Gorbachev rất trầm tĩnh. Nhân viên làm việc trong điện Kremlin vẫn tới đủ nhưng không có việc nào làm khác hơn là dọn dẹp. Thời khóa biểu tiếp khách trước đây được tính từng phút, hôm đó trống không. Mặc dù theo thỏa thuận, Gorbachev có đến cuối năm để dời ra khỏi điện nhưng thực tế Yeltsin đã tóm thu hết quyền hành và các phương tiện thông tin. Đơn vị phòng vệ điện Kremlin vẫn túc trực nhưng không đặt dưới quyền chỉ huy của Gorbachev mà trực thuộc thẳng Yeltsin. Chiếc điện thoại màu

trắng trên bàn làm việc của Gorbachev còn hoạt động nhưng không ai gọi vào.

10 giờ sáng ngày 25

Trong lúc điện Kremlin chìm trong im lặng, Tòa Nhà trắng Nga lại sôi nổi với hàng loạt chương trình hoạt động trong ngày mới của nền cộng hòa. Tòa nhà Quốc hội Nga này là biểu tượng của trận chiến chống chế độ toàn trị khi Yeltsin đứng trên xe tăng thách thức đám lãnh đạo cộng sản cực đoan hồi tháng 8 trước đó. Boris Yeltsin lãnh đạo Nga đến văn phòng làm việc. Ông lên văn phòng đặt trên tầng thứ năm bằng cầu thang riêng phía sau. Trên bàn làm việc hàng loạt sắc lịnh chờ ông ký. Một chế độ hình thành bằng máu, dao búa và súng đạn đang được giải thể bằng sắc lịnh. Một trong những sắc lịnh ông phải ký hôm nay là giải tán cơ quan KGB và thay bằng Federalnaya Sluzhba Bezopasnosti gọi tắt là FSB tức Cơ quan An ninh Liên Bang Nga. Không chỉ trong ngành an ninh, mật vụ mà cả sắc lịnh về các hí viện, nhạc viện, các viện hàn lâm, trường đại học, viện bảo tàng… từ nay đều trực thuộc Cộng hòa Nga.

Các cơ quan ngoại giao quốc tế cũng vậy. Bộ trưởng Ngoại Giao Eduard Shevardnadze nổi tiếng thời Gorbachev bị trục xuất ra khỏi nhiệm sở và thay bằng Bộ trưởng Ngoại giao Nga Andrey Kozyrev. Tại tất cả nhiệm sở ngoại giao khắp các múi giờ trên toàn thế giới, cờ Liên Xô bị hạ xuống và cờ Cộng hòa Nga ba màu được kéo lên. Nhiều đại sứ vội vã đánh điện cho Yeltsin tuyên bố trung thành. Tòa đại sứ lớn nhất của Liên Xô là tòa đại sứ tại Washington DC với hơn 300 nhân viên thuộc nhiều sắc tộc. Các nhân viên chia thành nhiều nhóm theo sắc dân và tự tuyên bố họ là đại diện cho cộng hòa của họ tại Hoa Kỳ.

Gần 11 giờ sáng Tổng thống Nga Boris Yeltsin qua phòng họp Quốc hội Nga ở lầu 1. Tổng cộng 252 đại biểu quốc hội đang tập

trung để chứng kiến ngày lịch sử. Nhân dịp này, Boris Yeltsin thông báo tin vui rằng 11 quốc gia cựu Liên Xô trong phiên họp tại Kazakhstan đã đồng ý thành lập Khối Thịnh vượng chung.

12 giờ trưa ngày 25

Mikhail Gorbachev ăn trưa xong. Phía sau phòng ăn có một phòng nhỏ bỏ trống. Tổng Bí thư Cộng sản Liên Xô vào, đóng cửa lại và nằm nghỉ. Các phụ tá của ông hớt hải đi tìm. Gorbachev phải có mặt để ký thư từ biệt gởi các lãnh đạo thế giới mà ông có quan hệ tốt. Một danh sách khá dài từ Tổng thống Hoa Kỳ George H. W. Bush cho đến Thủ tướng Anh John Major và cả các ông hoàng như Vua Juan Carlos và Nữ hoàng Sofia của Spain.

Bài bình luận trên báo Nga buổi sáng hôm đó chẳng tốt lành gì cho lãnh tụ cộng sản Mikhail Gorbachev. Tờ *Rossiyskaya Gazeta* tiết lộ các cam kết mật Yeltsin dành cho Gorbachev khi về hưu bao gồm số phụ cấp bằng với mức lương hiện nay của ông ta có điều chỉnh theo mức lạm phát, hai chiếc xe riêng và một đoàn tùy tùng 20 người kể cả tài xế và an ninh. Đây là thỏa thuận kín giữa Gorbachev và Yeltsin nhưng đã bị cánh Yeltsin tiết lộ cho báo chí biết. Các báo còn cho rằng Gorbachev đòi hỏi một đoàn phục vụ lên đến 200 người. Thật ra, theo Chernyaev, phụ tá của Gorbachev, ông ta chưa bao giờ đòi hỏi một số lượng nhân viên phục vụ đông như thế. Phe Yeltsin chỉ bịa ra để làm nhục Gorbachev.

4 giờ chiều ngày 25

Gorbachev và phụ tá Andrei Grachev xem lại diễn văn mà 4 giờ nữa ông sẽ đọc và quyết định thay chữ "từ chức" bằng chữ "ngưng các hoạt động" trong chức vụ chủ tịch Liên Bang Xô Viết. Diễn văn được sửa tới sửa lui nhiều lần chung quanh các điểm xung khắc giữa Yeltsin và Gorbachev.

Cũng trong buổi chiều cuối cùng này, Gorbachev gọi điện thoại chào từ giã Tổng thống Hoa Kỳ George H. W. Bush. Buổi điện đàm được truyền hình ABC thu. Gorbachev mở đầu trước bằng gọi một cách thân mật: "*George thân mến, chúc mừng Giáng sinh đến anh và Barbara!*"; và nói tiếp: "*George, tôi muốn báo anh biết một tin quan trọng. Trước mặt tôi là diễn văn từ nhiệm. Tôi sẽ rời khỏi chức vụ tổng tư lịnh và chuyển giao quyền sử dụng vũ khí nguyên tử sang Tổng thống Liên Bang Nga*". Buổi điện đàm diễn ra trong không khí rất thân mật và Tổng thống Hoa Kỳ mời Gorbachev viếng thăm Hoa Kỳ lần nữa. Cả hai đều tránh nhắc tới tên Yeltsin.

Trời đã về chiều. Gorbachev và hai phụ tá thân cận nhất của ông ngồi quanh nhau bên ly cà phê cuối cùng. Cả ba đồng ý, sau khi đọc diễn văn, Gorbachev sẽ ký quyết định từ nhiệm thay vì ký trước như dự tính.

Trong lúc nhắp cà phê, câu chuyện về số phận Nicolae Ceausescu của Romania được nhắc đến. Mặc dù Gorbachev ví Ceausescu như là Hitler của Romania, cả hai đã duy trì một quan hệ lãnh đạo các quốc gia trong khối cộng sản. Chỉ ba tuần trước khi vợ chồng Nicolae Ceausescu bị xử bắn, Gorbachev đã tiếp y tại điện Kremlin. Trong dịp đó Gorbachev khuyên Ceausescu đừng ngại thực hiện các cải cách dân chủ và tiên đoán "*đồng chí sẽ còn sống trong dịp hội nghị các lãnh đạo cộng sản Liên Xô và Đông Âu*" tổ chức ngày 9 tháng Giêng năm 1991. Ngày đó không bao giờ đến và Nicolae Ceausescu cũng đã chết rồi.

7 giờ tối ngày 25

"*Kính thưa toàn thể nhân dân*", giọng Mikhail Gorbachev hơi lạc đi vì xúc động, gò má ông rung lên. Trong chốc lát, ông lấy lại bình tĩnh và đọc tiếp "*Số phận đã quyết định rằng, khi tôi trở nên lãnh đạo đất nước, hiển nhiên đã có những sai trái trầm trọng trong quốc gia*

này. Chúng ta có đầy đủ mọi thứ, đất đai, dầu khí, tài nguyên thiên nhiên và tạo hóa đã ban cho chúng ta trí tuệ và tài năng - Tuy nhiên, mức sống của chúng ta tệ hại hơn nhiều so với các quốc gia kỹ nghệ khác và khoảng cách mỗi ngày rộng thêm. Lý do rõ ràng vì xã hội bị bóp ngặt trong tay của một hệ thống quan quyền được tạo ra để phục vụ một ý thức hệ, và phải chịu gánh nặng chạy đua vũ trang, căng thẳng tột cùng. Tất cả cố gắng để thực hiện các cải cách nửa vời đều lần lượt dẫn đến thất bại. Đất nước không còn hy vọng gì nữa".

Gorbachev tiếp tục nói về các cải cách ông thực thi từ 1985, dù sao, đã là những viên gạch cần thiết lót lên con đường dẫn đến chế độ dân chủ và theo ông "*xã hội đã đạt được tự do, tự do về chính trị và tự do về tinh thần*". Gorbachev chấm dứt diễn văn lúc 7:12 phút tối. Ông nhìn lên ống kính truyền hình và thêm vào câu nữa "*Chúc quý vị mọi điều tốt đẹp*".

Tại sao Liên Xô sụp đổ?

Các lý do làm Liên Xô sụp đổ là nguồn thúc đẩy sự nghiên cứu của nhiều sử gia, nhà nghiên cứu, nhà phân tích và vẫn còn đang được nghiên cứu, phân tích. Tuy nhiên, như nhiều người đồng ý, nguyên nhân sâu xa vẫn là (1) những mâu thuẫn có tính triệt tiêu trong bản chất của chế độ cộng sản độc tài toàn trị, (2) sự chuyển hóa không ngừng của xã hội và (3) các nguyên nhân trực tiếp gồm tình trạng tham nhũng thối nát, chạy đua vũ trang và trung ương không giữ được địa phương.

Mâu thuẫn có tính triệt tiêu của chế độ cộng sản

Nếu chỉ nhìn từ bên ngoài, chế độ cộng sản Liên Xô không thể nào sụp đổ. Sau Thế chiến thứ hai, Liên Xô có một đạo quân khổng lồ gồm 500 sư đoàn trong đó có 50 sư đoàn thiết giáp. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh với Mỹ và Tây phương, Liên Xô duy trì một đạo quân từ 3 triệu người đến 5 triệu người. Khoảng thời gian Liên Xô

sụp đổ, Liên Xô có 210 sư đoàn với một phần tư là các sư đoàn thiết giáp. Kho vũ khí hạt nhân Liên Xô có 27 ngàn đầu đạn nguyên tử trong đó 11 ngàn đầu đạn có tầm bắn xa đến tận nước Mỹ. Mỗi đầu đạn nguyên tử có thể tàn phá một thành phố của Mỹ.

Bên ngoài hùng mạnh nhưng bên trong, Liên Xô là một cơ chế chính trị chứa đựng các mâu thuẫn nội tại dẫn đến thối rữa. Chủ nghĩa Marx - Lenin đề cao "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" nhưng thật sự từ Cách mạng cộng sản tại Nga, Trung Cộng, Cu Ba, Bắc Hàn, Việt Nam… đều phát xuất từ một nhóm nhỏ cán bộ cộng sản biết vận dụng các lý do lịch sử và bất đồng nhất thời trong xã hội để phát động chiến tranh và sau đó tiếp tục cai trị nhân dân bằng súng đạn, nhà tù, sân bắn. Người dân không có quyền chọn lựa. Mâu thuẫn đối kháng mang tính triệt tiêu nhau giữa chế độ độc tài toàn trị và quyền sống, quyền tự do chọn lựa của con người vì thế đã bắt đầu ngay khi cách mạng cộng sản thành công và sâu sắc dần theo thời gian.

Sự chuyển hóa tri thức xã hội

Như người viết đã có dịp phân tích bài "Trung Cộng không đáng sợ", sự chuyển hóa tri thức của xã hội là nguồn lực chính thúc đẩy cách mạng dân chủ tại các quốc gia cộng sản. Nguồn lực đó nhanh hay chậm tùy theo điều kiện mỗi nước nhưng là một tiến trình không thể bị ngăn chận bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào. Những nguồn đối kháng từ bên trong các nước cộng sản đã âm thầm lớn mạnh chỉ chờ cơ hội là bùng vỡ. Sức sống của đất nước cũng như của xã hội là một dòng chảy không bao giờ ngừng nghỉ, các thế lực cầm quyền độc tài chỉ là những khe đá, có thể làm chậm dòng thác văn minh nhưng không thể nào ngăn chận được.

Khi nhận thức con người được mở rộng, sự sợ hãi sẽ giảm dần. Điều này thể hiện không chỉ ở người dân Liên Xô lúc đó mà cả các

cấp lãnh đạo cộng sản Liên Xô cũng không còn sợ các biện pháp chế tài của trung ương đảng. Chưa bao giờ trong lịch sử đảng Cộng sản Liên Xô có một ủy viên bộ chính trị từ chức. Không cần phải tìm hiểu cũng biết điều gì sẽ xảy ra cho Boris Yeltsin nếu ông ta từ chức trong thời kỳ Lenin, Stalin.

Yếu tố chính tác động vào sự sụp đổ của Liên Xô, hệ thống cộng sản tại châu Âu và sẽ diễn ra tại Trung Cộng cũng như Việt Nam chính là nội lực phát xuất từ xã hội, kết quả của các phong trào xã hội và sự chuyển hóa không ngừng của xã hội. Các quốc gia cộng sản còn lại như Trung Cộng, Việt Nam tìm mọi cách để ngăn chặn sự phát triển tự nhiên của văn minh con người, cố tình che đậy, bưng bít thông tin nhưng chỉ làm chậm lại tiến trình cách mạng dân chủ một thời gian ngắn mà thôi. Cuộc chiến tranh xói mòn từng mảnh nhỏ này đang diễn ra từng giờ, từng phút và phần thắng đang nghiêng dần về phía người dân.

Tham nhũng thối nát, chạy đua vũ trang và trung ương không giữ được địa phương

Thập niên 1970, Liên Xô có vẻ trong vị trí ổn định và có ảnh hưởng quốc tế nhất. Vị trí của Liên Xô lên cao tại Phi châu, Trung Đông và Á châu. Tuy nhiên sau cuộc gặp thượng đỉnh Vladivostok giữa Leonid Brezhnev và Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford tình hình bắt đầu đổi khác. Nền kinh tế Liên Xô suy sụp dần vì hơn 30%, nhiều phân tích cho rằng hơn một nửa, ngân sách quốc gia phải đổ vào cuộc chạy đua vũ trang với Mỹ. Giống như đòn kinh tế Mỹ đang áp dụng hiện nay đối với Vladimir Putin, thập niên 1980, Hoa Kỳ cũng thỏa thuận với Saudi Arabia để giữ giá dầu thấp nhằm đánh vào nền kinh tế sống nhờ xuất cảng dầu khí của Liên Xô.

Gorbachev kế thừa một "sự nghiệp cách mạng" nhưng trong thực tế một gánh nặng của chủ nghĩa độc tài toàn trị kéo dài từ 1917

cho đến tháng 3 năm 1985, thời gian ông được chọn làm tổng bí thư đảng. Cơ chế chính trị trung ương không giữ được các cộng hòa địa phương. Trước Giáng sinh 1991 vài ngày, 11 nước cộng hòa Xô Viết gồm Ukraine, Liên Bang Nga, Belarus, Armenia, Azerbaijan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Turkmenistan, Tajikistan và Uzbekistan tuyên bố họ không còn là những tiểu quốc trong Liên Bang Xô Viết. Bốn nước Estonia, Lithuania, Latvia, Georgia chọn nghiêng hẳn về phía Tây phương thay vì theo Nga.

Không có con đường nào khác dành cho các lãnh đạo cộng sản

Chế độ cộng sản là một chế độ đi ngược dòng phát triển văn minh nhân loại và quyền con người như Mikhail Sergeyevich Gorbachev xác nhận trong diễn văn từ chức "*hệ thống toàn trị đã ngăn chận một quốc gia để trở nên giàu có và thịnh vượng, hệ thống đó phải bị giải thể.*" Điều đó đã xảy ra tại Nga, Đông Âu, Phi châu và đương nhiên sẽ xảy ra tại Trung Cộng và Việt Nam. Cách mạng dân chủ là một tiến trình không thể nào đảo ngược. Các lãnh đạo cộng sản Việt Nam chỉ có một trong hai chọn lựa, hoặc như Mikhail Gorbachev hoặc như bị lật đổ như Nicolae Ceausescu, Erich Honecker chứ không có chọn lựa thứ ba nào.

NƯỚC MẮT NGUYỄN BẢO NGUYÊN KHÔNG CHẢY QUA SÔNG POTOMAC

Hôm 26 tháng 10 năm 2017, từ Nha Trang, cháu Bảo Nguyên, con gái của Nguyễn Ngọc Như Quỳnh viết lá thư gởi bà Melania Trump, trong đó những đoạn đầy cảm động:

"*Con có đọc trên mạng và biết gia đình Bà sẽ tới thăm Việt Nam để dự đại hội APEC. Chỉ còn vài ngày nữa là đã tới ngày sinh nhật con và em con là Gấu, thế là một lần sinh nhật nữa mà không có mẹ bên cạnh chúng con. Chúng con yêu mẹ nhiều lắm và chỉ mong muốn mẹ về với chúng con. Xin Bà hãy giúp gia đình con được đoàn tụ vì con biết mẹ con chẳng làm gì sai cả và vì chính Bà cũng đã trao tặng giải thưởng "Phụ nữ can đảm" cho mẹ con, con và gia đình con xin thay mẹ cảm ơn Bà lần nữa…*".

Báo chí và các hãng tin lớn thế giới như *Reuters* sau đó đã loan tin. Tòa Đại sứ Mỹ tại Việt Nam cũng ghi nhận lá thư, nhưng tuyệt nhiên không có đáp ứng chính thức nào từ Washington DC.

Trước ngày Tổng thống Trump công du Á châu, không ít người Việt tin tưởng bà Melania Trump sẽ yêu cầu cộng sản Việt Nam thả Nguyễn Ngọc Như Quỳnh. Chẳng những thế, có vài nguồn tin còn cho rằng bà Melania Trump sẽ vào tận nhà tù cộng sản để thăm em.

Nước Mỹ xây dựng trên nền tảng dân chủ và luôn cổ võ cho các giá trị nhân quyền, dân chủ. Vâng, nhưng những giá trị đó luôn đứng sau quyền lợi của nước Mỹ. Chính sách đối ngoại của Tổng thống Trump gần một năm qua cho thấy ông là một nhà giao thương chuyên nghiệp (dealmaker) với mục đích tối hậu là quyền lợi của nước Mỹ (America First).

Trong tác phẩm *The America We Deserve*, Donald Trump chủ trương các biện pháp đối ngoại mềm dẻo với Nga và cứng rắn với Trung Cộng.

Sau khi đắc cử, ngày 3 tháng 12 năm 2016, Tổng thống Trump đã nhận điện thoại của Tổng thống Đài Loan Thái Anh Văn và điều đó mặc nhiên cho rằng chính sách của Hoa Kỳ từ năm 1979 nhìn nhận Đài Loan là một phần của Trung Quốc không còn giá trị. Chẳng những thế ông còn hứa trả đũa Trung Cộng về chính sách vận dụng tiền tệ có lợi quá nhiều cho Trung Cộng trước đây.

Những điều đó hôm nay đã thay đổi. Ưu tiên của Tổng thống Donald Trump là ổn định Bắc Hàn và làm ăn với Trung Cộng. Thương vụ 250 tỉ đô-la vừa qua đã nói lên điều đó. Do đó, đừng ngạc nhiên khi Mỹ chấp nhận trò ngoại giao "đu dây" của cộng sản Việt Nam đến khi nào trò "đu dây" còn phục vụ cho quyền lợi của Mỹ.

Giải Phụ nữ Quốc tế Can đảm không phải do Tổng thống Trump lập ra mà được thành lập từ năm 2007 và đã trở thành truyền thống. Số phụ nữ được giải mỗi năm mỗi khác và do các nhân viên phụ trách giải đệ trình. Năm 2017, con số lên đến mười ba vị. Nguyễn Ngọc Như Quỳnh là phụ nữ Việt Nam thứ hai được vinh danh.

Giống như các tuyên ngôn, tuyên cáo, áp lực quốc tế, lá thư của Nguyễn Bảo Nguyên là một việc nên làm, không phải vì gởi cho bà Melania Trump mà là để gióng lên tiếng động về thực tế tù ngục tại Việt Nam.

Tuy nhiên, nếu nghĩ rằng Mỹ sẽ đặt vấn đề nhân quyền như một điều kiện trên bàn hội nghị với cộng sản Việt Nam là một điều không đúng với thực tế chính trị dưới thời Donald Trump, đừng nói chi là vào tận nhà tù thăm em. Không có bà Melania Trump lần này hay bà Hillary Clinton, bà Laura Bush nào trước đây vào nhà tù để thăm một tù nhân dưới chế độ cộng sản Việt Nam.

Nguyễn Ngọc Già, Cấn Thị Thêu, Trần Thị Nga, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Văn Đài... là người Việt Nam, và chỉ người Việt mới biết đau từ vết thương của đồng bào mình đang rỉ máu trong nhà tù cộng sản.

Nước mắt của Nguyễn Bảo Nguyên chỉ chảy trong Sông Cái ở Nha Trang chứ không chảy qua sông Potomac ở Washington DC xa lạ.

SUY NGHĨ BÊN QUẢNG TRƯỜNG ANH HÙNG Ở BUDAPEST

Bên kia chỗ tôi đứng là Quảng trường Anh hùng (Heroes' Square) nổi tiếng của Hungary, nơi chứng kiến nhiều biến cố trọng đại của lịch sử quốc gia này. Cách đây ba năm, tôi có dịp đến đó và nhớ lại những gì đã đọc về đất nước đầy thay đổi, nhất là cuộc cách mạng năm 1956.

Hôm nay ngồi nhớ lại, cũng vào tuần lễ này, 61 năm trước, từ ngày 4 đến ngày 10 tháng 11 năm 1956, hàng trăm xe tăng T-54 và nhiều sư đoàn Liên Xô tấn công vào Hungary để tiêu diệt cuộc cách mạng vì tự do dân chủ của nhân dân Hung.

Máu của hàng ngàn người dân Hung vũ trang bằng súng đạn thô sơ đã nhuộm thắm đường phố thủ đô Budapest. Imre Nagy, người vừa lên làm thủ tướng và tuyên bố thành lập chính phủ đa đảng, bị bắt và hai năm sau bị xử bắn.

János Kádár, một lãnh tụ cộng sản Hung thân Liên Xô lên nắm quyền và tái lập chế độ cộng sản mãi cho đến năm 1989. Cuộc chiến không cân sức giữa nghĩa binh Hung và 17 sư đoàn thiện chiến Liên Xô dẫn đến kết quả cuộc khởi nghĩa bị dập tắt bằng máu. Điều đáng nói, ngoại trừ một số rất ít sĩ quan thân Liên Xô, đa số các đơn vị quân đội Hung đều đứng về phía chính phủ cách mạng. Theo nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc, không có đơn vị nào của quân đội

Hung đã đàn áp chính nhân dân họ. Họ bị quân Liên Xô bao vây và giải giới. Không quân của Hung cũng bị vô hiệu hóa sớm.

Trước và trong khi Liên Xô tấn công Hungary, chính phủ Imre Nagy đã liên tục cầu cứu Liên Hiệp Quốc và các chính phủ tự do can thiệp. Ngoại trừ các hoạt động có tính cách tình báo chiến thuật, các bản tin qua đài phát thanh *Châu Âu tự do*, tuyên cáo đòi hỏi Liên Xô rút quân, các nước Mỹ, Anh, Pháp và châu Âu dân chủ không có một phản ứng nào cụ thể.

Tổng thống Eisenhower, theo tài liệu trong Văn khố Quốc gia (National Security Archive Electronic Briefing Book), không muốn đẩy thế giới vào một chiến tranh có khả năng nguyên tử toàn cầu chỉ vì biến cố tại Hungary.

Số người Hungary bị quân Liên Xô giết ước lượng khoảng 2.500 người và 20.000 người khác bị thương. Khoảng một nửa số người bị thương là thanh niên dưới 30 tuổi và hơn một nửa số người bị giết là công nhân. Nhiều ngàn người đã bị chế độ cộng sản do Liên Xô dựng lên bắt giam và trong số đó 229 người bị xử bắn.

Quảng trường Anh hùng, ngoài các lễ nghi cộng sản, đã im vắng suốt 31 năm cho đến tháng 9 năm 1987, Diễn đàn Dân chủ Hungary (Hungarian Democratic Forum) được thành lập. Diễn đàn trở thành đầu tàu của nhiều cuộc biểu tình nhằm áp lực nhà cầm quyền cộng sản thực thi các quyền tự do căn bản, trong đó quyền ứng cử và bầu cử là những quyền ưu tiên. Trước sức mạnh của dân, János Kádár, người nắm trọn quyền hành suốt 31 năm phải từ chức và được thay thế bởi những lãnh tụ cộng sản có đầu óc cải tiến.

Cũng tại Quảng trường Anh hùng, ngày 16 tháng 6 năm 1989, lễ cải táng Imre Nagy, người bị János Kádár xử bắn 31 năm trước đã được tổ chức một cách trang trọng với sự tham dự của hàng trăm ngàn người dân Hung. Theo báo chí quốc tế, lễ tưởng niệm cũng là

ngày đánh dấu sự sụp đổ không thể nào tránh khỏi của chế độ cộng sản tại Hungary.

Ngày 6 tháng 7 sau đó, một đạo luật do quốc hội có khuynh hướng cải cách được ban hành để phục hồi danh dự cho Imre Nagy. Đặc biệt hơn, đó cũng là ngày János Kádár, người đã phản bội lời hứa bảo vệ an toàn nếu Imre Nagy đầu hàng, qua đời vì bịnh ung thư.

Lịch sử cho thấy, dù trong một điều kiện vô cùng khó khăn, tinh thần tranh đấu của người dân Hungary không chết, không tàn rụi trong cô đơn và không ngồi đó chờ đợi bàn tay Anh, Mỹ.

Ngọn lửa tự do vẫn cháy âm ỉ trong lòng người dân Hung để rồi 31 năm sau bộc phát thành cuộc cách mạng dân chủ đầu tiên của Đông Âu.

Để nhắc nhở các thế hệ sau về bài học đầy cay đắng, chính phủ Hungary thay vì phá hủy các tượng đài cộng sản, đã tập trung các Bác Hồ, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong, Phan Đăng Lưu, Võ Thị Sáu... của nước họ vào một công viên gọi là Memento Park.

Như Bộ trưởng Giáo dục Hungary Zoltán Pokorni phát biểu khi giới thiệu công viên này: "*Tôi thấy đây là một kế hoạch đầy hứa hẹn để giữ ký ức lịch sử còn sống và tăng cường ý thức của công dân về trách nhiệm và cam kết để giữ gìn nền dân chủ… Công viên sẽ được sinh viên học sinh, những em không có kinh nghiệm và ký ức riêng tư, thăm viếng thường xuyên, nhờ đó có cái nhìn sâu xa và ấn tượng của một thời đại được biểu hiện trong công viên*".

Người dân Hungary không đợi ông tổng thống Mỹ nào đến để khuyên họ phải biết yêu nước, phải biết đấu tranh. Họ viết lịch sử bằng máu xương của chính họ và dạy cho các thế hệ sau giá trị của sự hy sinh.

Người dân Hungary không đợi một Bill Clinton đến Budapest như ông đã đến Hà Nội ngày 17 tháng 11 năm 2000 để nhắc nhở "*Tương lai của các bạn nên nằm trong đôi bàn tay của mình, đôi bàn tay của nhân dân Việt Nam*".

Họ không chờ một Barack Obama đến để chỉ cho thấy "vận mệnh Việt Nam nằm trong tay người Việt" hay hôm 10 tháng 11 năm 2017, Tổng thống Donald Trump đến để kết luận giùm: *"Cuối cùng, đừng bao giờ quên rằng thế giới có nhiều nơi, nhiều ước mơ, và nhiều con đường. Nhưng trên khắp thế giới, không có nơi nào như nhà mình*".

Các tổng thống Mỹ mỗi vị có một lối diễn đạt khác nhau nhưng cùng một ý và ý đó cũng chẳng phải là mới lạ mà đã có từ ngàn xưa: *"Con người phải biết đứng trên đôi chân của mình*".

Câu nói của người xưa mà các tổng thống Mỹ nhắc lại cũng không chỉ nhắm vào đảng cộng sản mà cho tất cả người Việt biết thao thức vì đất nước.

Như các nhà sử học đã chứng minh sau khi phong trào cộng sản thế giới sụp đổ, sức mạnh để lay chuyển chế độ độc tài không bắt đầu từ tinh thần tự nguyện của các lãnh tụ độc tài mà bắt đầu từ sức mạnh của người dân. János Kádár của Hungary, Gustáv Husák của Tiệp, Erich Honecker của Đông Đức, Todor Zhivkov của Bulgaria và cả Mikhail Gorbachev của Liên Xô đều phải tránh sang bên nếu không muốn bị cày nát dưới bánh xe lịch sử.

TRUNG CỘNG
MỘT CƯỜNG QUỐC HÈN MỌN

Bangladesh là quốc gia có dân số 147 triệu ở vùng Nam Á. Sau cuộc chiến tạm gọi là nội chiến Pakistan dài phát xuất từ các lý do văn hóa, tôn giáo, địa lý, quốc gia Bangladesh được thành lập vào năm 1971. Về kinh tế, Bangladesh được xếp vào hạng thứ 151 trên thế giới, nghĩa là rất nghèo. Nhiều triệu trẻ em Bangladesh vẫn còn thiếu dinh dưỡng. Chẳng những thế, các nước chung quanh cũng là những nước nghèo không thua kém nên các quan hệ kinh tế thương mại trong khu vực chẳng phát triển gì nhiều.

Nhưng khi trận bão lụt Katrina xảy ra ở New Orleans, Mỹ, tháng 8 2005, Bangladesh là một trong những quốc gia đầu tiên đáp ứng về cả nhân lực lẫn tài chánh. Chính phủ Bangladesh đã tặng nạn nhân Katrina 1 triệu đô-la và sẵn sàng đưa chuyên viên sang giúp xây dựng các đê điều ở New Orleans mà họ vốn có nhiều kinh nghiệm.

Có người cho rằng việc Bangladesh tặng một triệu đô-la cho Mỹ chẳng khác gì "gánh củi về rừng" và cũng có người cho rằng đó là một cách đầu tư lòng nhân đạo. Một nước nghèo như Bangladesh, số tiền một triệu đó sớm muộn cũng được Mỹ viện trợ trở lại, có thể với cả vốn lẫn lời.

Nhưng đại đa số các nhà bình luận đều đồng ý, trên tất cả những khía cạnh chính trị, kinh tế, nghĩa cử của chính phủ Bangladesh

đã nói lên tấm lòng nhân ái của những người cùng cảnh ngộ. Năm 1974, Bangladesh vừa mới thành lập đã phải chịu một trong những cơn lụt lớn nhất trong lịch sử nhân loại với gần 30 ngàn người chết. Những cơn mưa mùa kéo dài suốt tháng đã làm xứ sở này sống với lũ lụt thường xuyên như chúng ta thấy trên các phóng sự truyền hình. Không ai hiểu được nỗi lòng của người chịu đựng lũ lụt hơn những người phải than thở "trời hành cơn lụt mỗi năm" như người dân Bangladesh.

Ngày 4 tháng 11 năm 2013, bão Haiyan hay Yolanda theo cách gọi của Philippines được cảnh báo, và ngày 7 tháng 11, Tổng thống Phi Benigno Aquino III kêu gọi dân chúng trong vùng bão sẽ đi qua di tản tức khắc. Nhưng nhiều khu vực không biết tin tức và dù có nhận được lịnh cũng không biết đi đâu. Và vài giờ sau, lúc 6 giờ sáng cơn bão với sức gió 275 kilomet giờ vào đất liền.

Theo ước lượng của các cơ quan thiện nguyện quốc tế nhiều chục ngàn người dân Phi tại các đảo miền trung Philippines đã chết do cơn bão Haiyan gây ra. Chỉ riêng đảo Leyte Island đã có 10 ngàn người chết. Theo ước lượng của cơ quan National Disaster Risk Reduction and Management Council (NDRRMC) thuộc chính phủ Phi, khoảng 9.5 triệu người bị ảnh hưởng và 630 ngàn người đang lâm cảnh màn trời chiếu đất. Theo phóng viên CNN có mặt tại chỗ trong những ngày đầu, nhiều làng đã trở thành ngôi mộ tập thể và nạn nhân sống sót phải uống nước dừa để sống. Với sức gió 275 kilomet một giờ số thiệt hại nhân mạng và tài sản cuối cùng sẽ còn cao hơn ước tính rất nhiều.

Trong điêu tàn đổ nát do siêu bão Haiyan gây ra những hạt giống tình thương đang được gieo trồng. Hàng trăm quốc gia, hàng ngàn tổ chức từ thiện khắp thế giới đang đổ về Philippines không chỉ với thuốc men, áo quần, thực phẩm mà cả nhân lực để góp phần hàn gắn vết thương. Chính phủ Mỹ chỉ vài giờ sau cơn bão đã thông báo

viện trợ khẩn cấp 20 triệu đô-la, Anh tặng 16 triệu đô-la, Nhật Bản tặng 10 triệu đô-la. Đó chỉ là tiền mặt, ngoài ra, các hàng không mẫu hạm HMS Illustrious của Anh, USS George Washington của Mỹ chuyên chở thuốc men và vật dụng cần thiết đến Phi.

Và Trung Cộng, quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới đã viện trợ 100 ngàn đô-la.

Đừng nói gì các công ty như IKEA cam kết 2,7 triệu đô-la, Coco-Cola cam kết 2,5 triệu đô-la, số tiền viện trợ của cường quốc thứ hai trên thế giới có thể còn thấp hơn số tiền do các cựu thuyền nhân và đồng hương Việt Nam tại hải ngoại đóng góp.

Báo *Times* bình luận 100 ngàn đô-la là một sỉ nhục đối với Philippines.

Trước phản ứng của dư luận thế giới mới đây Trung Cộng đã gia tăng viện trợ lên đến 1,64 triệu đô-la nhưng không phải tiền mặt mà là mùng mền, chăn chiếu. Những món "Made in China" này nghe qua là đã sợ.

Nhiều nhà bình luận dù phê bình Trung Cộng đã yểm trợ chỉ bằng sáu phần trăm số tiền New Zealand đã hứa nhưng không ai hiểu tại sao các lãnh đạo Trung Cộng lại có thể làm như thế, chẳng lẽ chúng không biết thế nào là xấu hổ hay sao. Ngay cả tờ *Global Times* có khuynh hướng dân tộc cực đoan cũng viết trong phần bình luận ngày 12 tháng 11 năm 2013: "*Trung Quốc như một cường quốc có trách nhiệm nên tham gia vào các hoạt động cứu trợ để giúp đỡ nạn nhân của quốc gia láng giềng. Nếu Trung Cộng làm nhục Philippines lần này, Trung Quốc sẽ chịu tổn thất lớn lao*".

Lãnh đạo Trung Cộng không phải là không nhận ra điều đó nhưng Trung Cộng ngày nay không phải là một Trung Cộng mà Chu Ân Lai từng thề nguyền sát cánh cùng các nước nghèo, bị trị láng giềng tại Hội nghị Bandung ở Nam Dương 1955. Trung Cộng

ngày nay cũng không phải là một Trung Cộng mà Đặng Tiểu Bình đã hứa chia ngọt sẻ bùi với các quốc gia Đông Nam Á bằng những lời đường mật trong chuyến viếng thăm của y năm 1978. Cơn bĩ cực đã qua, thời thái lai đang tới, lãnh đạo Trung Cộng ngày nay là một đám kiêu căng đang giương cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc Đại Hán và chủ nghĩa này sẽ là chảo dầu của chiến tranh thế giới lần thứ ba phát xuất tại Á châu.

Hơn ai hết, lãnh đạo Trung Cộng biết 3 trong số 20 cơn lụt lớn nhất nhân loại đều xảy ra tại Trung Hoa với khoảng 3 triệu người chết trong cơn lụt 1931, hai triệu người chết trong cơn lụt 1887 và khoảng bảy trăm ngàn người chết trong cơn lụt 1938, nhưng bản chất ti tiện, kiêu căng của giới lãnh đạo cộng sản đã giết chết đặc tính "nhân chi sơ tính bổn thiện" của con người, che khuất tình "đồng cảnh tương thân", bôi một lớp tro đen lên trên mấy ngàn năm văn hóa Trung Hoa và hủy hoại thể diện một của một quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới.

Trung Cộng là một trong những nước có nguồn dự trữ vàng lớn nhất thế giới, là nước chủ nợ lớn nhất thế giới và GDP có khả năng sẽ vượt qua Mỹ vào năm 2020 với ước lượng khoảng 24 ngàn tỉ đô-la. Trung Cộng có rất nhiều cái nhất nhưng những điều đó không làm nên giá trị của một quốc gia, không làm cho nhân loại kính trọng Trung Cộng hơn Bangladesh, bởi vì giá trị của một quốc gia không phải được xác định bằng của cải mà bằng các tiêu chuẩn đạo đức, dân chủ, văn minh và văn hóa.

Khi bàn về những phẩm chất để làm một quốc gia trở nên vĩ đại và được kính trọng, nhà văn Thomas Fann, trong một tiểu luận xuất sắc đã nêu ra 10 yếu tố gồm tự do, công lý, danh dự, đạo đức, lòng thương cảm, thành thật, giá trị cuộc sống, sáng tạo, vượt trội, bảo vệ môi trường cho các thế hệ tương lai. Thomas Fann nhấn mạnh đến việc nghĩ đến các thế hệ tương lại khi nhắc câu chuyện Disney

Land. Ông Walt Disney chết năm năm trước ngày Disney World ở Florida, Mỹ, khai mạc. Trong lễ khai mạc, có người than phải chi ông còn sống để thấy những khu chơi dành cho cho thiếu nhi huy hoàng tráng lệ như ngày nay. Thật ra, với tầm nhìn xa và tư duy khai phóng, ông Walt Disney đã thấy những nụ cười rạng rở, những ánh mắt vui tươi của trẻ em từ lâu trước ngày khai mạc Disney Land.

Trung Cộng không đạt bất cứ một phẩm chất nào trong mười phẩm chất nêu trên. Nhưng nếu phải xếp hạng, có lẽ nên được xếp Trung Cộng cùng thời đại với các nhóm dân bộ lạc bán khai ăn thịt người còn sống tản mát trong các khu rừng ở Congo, vùng West Indies và khu vực Amazon hoang dã.

Tại sao?

Cách đây không lâu Trung Cộng là một trong số ít quốc gia mà cha mẹ đã làm thịt con đẻ của mình để sống qua ngày. Cách đây không lâu đã có hơn ba chục triệu người dân Trung Cộng phải chết đói, ăn thịt nhau một cách công khai trong thời kỳ Bước tiến nhảy vọt và Công xã nhân dân, tức giai đoạn người dân phải đem nồi niêu xoong chảo ra các "nhà luyện kim sau vườn" để "đúc thép" theo chủ trương của Mao Trạch Đông. Và không chỉ trong 40 năm trước, mà ngay cả ngày nay cũng thế, trong lúc đại đa số nhân loại đã qua khỏi thời kỳ dã man cả ngàn năm nhưng tại Trung Cộng việc ăn thịt người là một thức ăn sang trọng. Tờ *Next Magazine* phát hành tại Hong Kong cho rằng tại Trung Cộng, thai nhi là thức ăn phổ biến.

Tháng Năm, 2012, trên tờ *Washington Times*, nhà văn và nhà nghiên cứu Youngbee Dale cho biết sở quan thuế Nam Hàn đã tịch thu 17 ngàn viên thuốc chế bằng thai nhi sản xuất tại Trung Cộng. Chính sách một con đã buộc các cặp vợ chồng chọn phá thai dù ở giai đoạn nào khi biết đứa bé sắp chào đời là con gái. Đài truyền

hình Nam Hàn chiếu một phóng sự kinh hoàng, trong đó, các bác sĩ người Hoa thực hiện các ca phá thai và ăn bào thai ngay tại chỗ. Một bác sĩ người Hoa khác để dành bào thai trong tủ lạnh như để dành tôm cá. Việc ăn thịt người xảy ra nhiều nơi ở các bộ lạc bán khai Phi châu, Nam Mỹ nhưng ăn thịt người được nhà nước cho phép chỉ xảy ra tại quê hương của Tập Cận Bình.

Trung Cộng như một cường quốc kinh tế và theo thông lệ chính trị quốc tế, phải hành xử đúng tư cách của một cường quốc dù đối với bạn hay thù. Nhưng không, lãnh đạo Trung Cộng không có trái tim và lòng nhân đạo và cũng không quan tâm đến sĩ diện của quốc gia. Đối với chúng tiền bạc là vũ khí, là cây gậy. Philippines là quốc gia tranh chấp với Trung Cộng về chủ quyền biển Đông nên những đứa bé Philippines đang hấp hối ở Tacloban phải chết thay cho chính phủ của các em.

Lãnh đạo Trung Cộng là những kẻ nói như Bá Dương nhận xét về nước của ông ta: *"Người Tây phương có thể đánh nhau vỡ đầu rồi vẫn lại bắt tay nhau, nhưng người Trung Quốc đã đánh nhau rồi thì cừu hận một đời, thậm chí có khi báo thù đến ba đời cũng chưa hết"*.

Tại sao người Nhật không ghét Mỹ dù Mỹ đã ném hai trái bom nguyên tử giết 240 ngàn người Nhật tại hai đảo Hiroshima và Nagasaki? Bởi vì đó là lịch sử. Con người cũng như quốc gia, không ai có thể quay ngược lại bánh xe thời gian và chỉ có thể vượt qua nỗi đau quá khứ bằng cách xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho các thế hệ mai sau. Trung Cộng thì khác. Mối nhục một trăm năm được ghi đậm ngay trong phần mở đầu của hiến pháp và lòng thù hận nước ngoài đã được đảng cộng sản khai thác tận tình.

Từ cơn bão lụt Katrina đến nay, mỗi khi cần phải tìm một ví dụ để nhắc đến tình người, để biểu dương tinh thần "đồng cảnh tương thân", Bangladesh lại được ca ngợi trong hầu hết bài viết, bài

diễn văn, từ tổng thống Mỹ cho đến một học sinh trung học và xem đó như "tấm gương Bangladesh". Từ cơn bão Haiyan về sau, Trung Cộng cũng sẽ được nhắc nhở nhưng hoàn toàn phản nghĩa với Bangladesh. Trung Cộng sẽ đồng nghĩa với bản chất ti tiện, dã man, kiêu căng, thù vặt và thù dai. Bản chất đó là "sự kết hợp hài hòa và nhuần nhuyễn" của dòng máu bành trướng Đại Hán và đặc tính cộng sản độc tài.

Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, Trung Cộng là quốc gia có tổng sản lượng nội địa năm 2012 hơn bảy ngàn tỉ đô-la nhưng trong mắt của phần lớn nhân loại, trị giá của cường quốc này chỉ đáng 100 ngàn.

NGUỒN GỐC CỘNG SẢN CỦA NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM

Phản ứng tự nhiên của một người sinh ra và lớn lên trong một nền giáo dục không có nhiều chọn lựa là chấp nhận nó theo kiểu "nắng mưa là bệnh của trời", trong lúc những người lớn lên trong một nền giáo dục tự do là phản kháng nó.

Những phản kháng của sinh viên có sự ủng hộ của nhiều nhà giáo Pháp mùa hè năm 1968 được xem như là một cuộc cách mạng dân sự (civil revolution) vì làm lung lay chính quyền của Tổng thống De Gaulle. Tổng thống De Gaulle sợ đến nỗi ông định di tản ra khỏi Élysée Palace để sinh viên không có lý do tàn phá cung điện lịch sử này. Các phản kháng của sinh viên, nghiệp đoàn lao động, giáo chức Pháp mang tính tả khuynh vẫn là các tổ chức xã hội dân sự trong một xã hội dân chủ.

Dưới chế độ cộng sản thì khác. Các hội chuyên nghiệp được lập ra không phải là để hoạt động, phát triển, tương thân tương trợ giữa những người cùng nghề nghiệp mà để cho đảng dễ kiểm soát. Hội Nhà giáo cũng trong cùng số phận và được chỉ đạo chặt chẽ từ trên cấp trung ương đến từng trường học, từng tổ giảng dạy. Tinh thần "Tôn sư trọng đạo", "kỹ sư tâm hồn" chỉ là những mỹ từ làm mát lòng các thầy cô.

Nội dung ngày Nhà giáo Việt Nam

Tại Việt Nam, ngày 20 tháng 11 được đảng chọn làm ngày Nhà giáo Việt Nam. Ngày này, từ nguồn gốc đến nội dung và ý nghĩa đều mang tính cộng sản.

Hai mệnh đề chính giải thích nội dung hoàn toàn có tính cách chính trị và đấu tranh giai cấp của ngày Nhà giáo Việt Nam do đảng đưa ra:

(1) "Đấu tranh chống mọi quan điểm và phương pháp giáo dục lạc hậu, phản động, phản dân chủ, phản khoa học của nền giáo dục tư sản, phong kiến nhằm xây dựng nền giáo dục tiến bộ, dân chủ và khoa học".

(2) "Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Công đoàn Giáo dục Việt Nam đã liên hệ với FISE với mục đích tranh thủ các diễn đàn quốc tế, tố cáo âm mưu tội ác của bọn đế quốc xâm lược đối với nhân dân ta cũng như đối với giáo viên và học sinh. Đồng thời, giới thiệu những thành tích của nền giáo dục cách mạng, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của toàn thể giáo viên trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta".

Nguồn gốc cộng sản của FISE

Trong nội dung của Bộ Giáo dục Việt Nam có nhắc đến tổ chức FISE theo tiếng Pháp của Fédération Internationale Syndicale des Enseignants (Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo viên) và xem đây là nguồn gốc dẫn đến ngày Nhà Giáo Việt Nam.

Nhắc lại, những thập niên đầu của thế kỷ hai mươi hàng loạt các tổ chức giáo dục quốc tế được ra đời, như một tổ chức có tên khá dài gọi là Ủy ban Quốc tế của các Liên đoàn Giáo chức Quốc gia trong Hệ thống Trung học (FIPESO) được thành lập tại Bỉ năm 1912, Liên Đoàn Thế giới các Hội Giáo dục Thế giới (WFEA) thành

lập tại San Francisco năm 1923,...

Sau Thế chiến thứ hai, với sự bành trướng của Liên Sô sang Đông Âu, sự phân cực về ý thức hệ Cộng sản và Tự do rõ nét và điều này cũng ảnh hưởng đến các tổ chức lao động, giáo dục trước đây hoạt động độc lập.

Được thành lập tại Paris, năm 1946, FISE là chữ viết tắt của tổ chức nhà giáo quốc tế có tên là Fédération Internationale Syndicale des Enseignants hay tiếng Anh là World Federation of Teachers' Unions (Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo viên). Giống như một số tổ chức lao động khác, FISE bị CS khuynh loát.

Tài liệu "Facts about International Communist Front Organizations" công bố tại Mỹ năm 1957 tiết lộ FISE là tổ chức ngoại vi cộng sản và hoàn toàn bị chi phối bởi Đệ Tam Quốc tế cộng sản. Chủ tịch đoàn của FISE do các đảng viên cộng sản quốc tế hay các nhà trí thức thân cộng sản điều khiển.

Ban lãnh đạo của FISE, sau khi tái tổ chức năm 1949, do các đảng viên cộng sản khắp nơi trên thế giới điều hành như Antonio Banfi, Thượng Nghị sĩ đảng viên Cộng sản Ý, Fan Ming, đảng viên đảng Cộng sản Trung Quốc, Cesar Godoy Urrutia, đảng viên đảng Cộng sản Chile,...

FISE không phải là thành viên của UNESCO và chỉ gián tiếp có quan hệ với UNESCO qua trung gian của Liên Hiệp Công Đoàn Thế Giới (World Federation of Trade Unions) gọi tắt là WFTU, trong đó FISE là thành viên.

Không phải chỉ thời kỳ phong trào cộng sản còn mạnh mà ngay cả ngày nay, WFTU vẫn còn khống chế bởi tư tưởng và đảng viên cộng sản. Các thành viên WFTU tham gia trong cuộc biểu tình mừng "Cách mạng Tháng Mười vĩ đại" tại Nga ngày 7 tháng 11 năm

2017 vừa qua. Đương kim chủ tịch của WFTU là George Mavrikos, lãnh tụ đảng Cộng sản Hy Lạp.

Ngày Nhà giáo Thế giới Liên Hiệp Quốc

Ngày Nhà giáo Thế giới do UNESCO quy định là ngày 5 tháng 10 và tuyên bố lần đầu năm 1994. UNESCO chọn 5 tháng 10 để vinh danh ngày công bố Đề nghị liên quan đến Định chế của các Nhà giáo (Recommendation concerning the Status of Teachers) được công bố vào ngày 5 tháng 10 năm 1966 do sự phối hợp của hai tổ chức UNESCO và ILO.

ILO là tên viết tắt của International Labour Organization (Tổ chức Lao động Quốc tế). Tổ chức này được thành lập năm 1919 với ý nguyện đoàn kết các lực lượng lao động để theo đuổi nền hòa bình lâu dài cho thế giới. Đây là tổ chức chuyên nghiệp đầu tiên hoạt động trong khuôn khổ của Liên Hiệp Quốc từ ngày thành lập năm 1946 và có 187 quốc gia hội viên.

Không giống WFTU cộng sản, ILO là một tổ chức độc lập với một lịch sử lâu đời. Ngay cả cộng sản Việt Nam cũng đã gia nhập ILO năm 1992 và văn phòng của ILO tại Việt Nam bắt đầu hoạt động vào năm 2003.

Một số quốc gia ủng hộ quyết định của Liên Hiệp Quốc nên dù có ngày khác họ cũng đổi sang ngày 5 tháng 10 như trường hợp Canada, Đức, Armenia, Azerbaijan, Bangladesh, Bulgaria, Cameroon, Lithuania, Macedonia, Pakistan, Philippines, Nga, Serbia,... Lưu ý, nhiều nước cựu cộng sản như Nga, Bulgari, Serbia, các nước Baltics đều đổi sang ngày do UNESCO công bố.

Việt Nam là nước duy nhất chọn ngày do tổ chức cộng sản quốc tế ấn định. Bảng tổng kết ngày Nhà giáo thế giới viết về trường hợp Việt Nam. "Lễ ngày Nhà giáo có nguồn gốc trong một hội nghị giữa các nhà giáo trong khối cộng sản được tổ chức tại Warsaw 1957".

Người viết tin rằng phần lớn những người làm nghề giáo tại Việt Nam không biết ý nghĩa thật sự của ngày Nhà giáo và dù biết họ cũng không mấy quan tâm. Với họ đó chỉ là ngày truyền thống, ngày để được tặng hoa, được nghe lời cám ơn. Thật khó trách, sống trong guồng máy phải cuốn theo guồng máy và dần dần yêu nó. Erich Maria Remarque viết trong tiểu thuyết của ông "hạnh phúc bắt đầu từ thói quen", tuy nhiên, lịch sử không chuyển động theo thói quen mà theo lẽ phải.

Tham khảo:

- Tài liệu "Facts about International Communist Front Organizations", 1957.

- Victor Yves Ghébali, Roberto Ago, Nicolás Valticos, The International Labour Organisation: A Case Study on the Evolution of U.N pp 33 - 45.

- World Federation of Trade Unions: What it is and what it wants, Ideological and Political issues of the International Trade Union Movement, 16 Speeches - by the General Secretary, First Edition - 2013, Printed in Johannesburg, South Africa.

- The ILO/UNESCO Recommendation concerning the Status of Teachers (1966) and The UNESCO Recommendation concerning the Status of Higher-Education Teaching Personnel (1997), Copyright © United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization and International Labour Organization 2008.

- Website of World Federation of Trade Unions http://www.wftucentral.org/

- Website of UNESCO (https://en.unesco.org/)

- Website of ILO (http://www.ilo.org/)

- The ILO in Viet Nam (http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/pu...)

- List of Teachers' Days https://en.wikipedia.org/wiki/List_...

NELSON MANDELA VÀ TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI TẠI NAM PHI

Một câu hỏi mà Mandela, lãnh tụ của Nghị hội Toàn quốc Nam Phi (African National Congress) gọi tắt là ANC, trăn trở suốt gần mười ngàn đêm trong tù từ đảo Robben đến Pollsmoor, và cũng là câu hỏi cho bất cứ ai mang lý tưởng cứu đời, rằng ông ta thật sự muốn gì và sẽ làm gì sau khi bước ra khỏi cánh cửa sắt nhà tù. Tiếp tục cuộc đấu tranh một mất một còn với chính quyền da trắng? Tiếp tục đi xin súng đạn ngoại bang như ông đã từng làm trong thập niên 1960 về tàn sát người dân Nam Phi? Tiếp tục cuộc khởi nghĩa võ trang để mong có ngày thu lại cả vốn lẫn lời bằng cách trả thù nặng nề và thảm khốc hơn những kẻ đã từng bỏ tù ông, hành hạ ông?

Và mỗi lần suy nghĩ về những câu hỏi như thế, trong nhận thức của Mandela lại vọng lên câu nói cuối cùng vào buổi sáng ngày 11 tháng 6 năm 1964 tại phiên tòa Rivonia: "*Tôi cống hiến cuộc đời cho cuộc tranh đấu của nhân dân Nam Phi. Tôi đấu tranh chống sự thống trị da trắng và cũng đấu tranh chống sự thống trị da đen. Tôi ôm ấp lý tưởng về một xã hội tự do và dân chủ trong đó con người sống hòa thuận và có cơ hội bình đẳng. Đó là lý tưởng tôi hy vọng sống và hoàn thành. Nhưng nếu cần, tôi cũng chuẩn bị để chết vì lý tưởng của mình*".

Câu nói đó suốt mấy mươi năm đã hòa trong tiếng sóng bên bờ Cape Town vọng về mỗi đêm như một lời nhắc nhở để rồi Mandela, dù trong lưu đày, bị khổ sai hay làm tổng thống, giải Nobel Hòa bình, lý tưởng của ông như ngọn hải đăng trên đảo Robben vẫn rực sáng một màu hy vọng. Không ai khuyên ông, không ai dạy ông, chính ước mơ được thấy "một xã hội tự do và dân chủ trong đó con người sống hòa thuận và có cơ hội bình đẳng" giúp ông có được những chọn lựa chính trị vượt qua tầm thời đại và vượt qua những khổ đau chịu đựng của riêng ông.

Nhắc lại, buổi trưa ngày 12 tháng 6 năm 1964, chánh án De Wet kết tội Mandela và các bạn chiến đấu của ông trong phong trào Umkhonto we Sizwe, cánh võ trang của ANC gọi tắt là MK hơn 200 tội trong đó có "phá hoại, phát động chiến tranh, tấn công Cộng hòa Nam Phi bằng các phương tiện võ trang, âm mưu lật đổ chính phủ" và nhận án tù chung thân khổ sai. Trong thời gian tòa luận án, biện lý chính phủ có nghĩ đến việc đề nghị án tử hình nhưng rút lại vì phản ứng quốc tế.

Mandela đến đảo Robben vào mùa đông 1964 và sống ở đó trong điều kiện vô cùng khắc khổ. Ban ngày phải đục đá làm cầu tàu, ban đêm nằm trên sàn xi măng ẩm thấp. Mỗi năm chỉ được một lần thăm nuôi và kéo dài vỏn vẹn 30 phút. Sáu tháng mới được phép viết một lá thư và cũng sáu tháng mới được phép nhận một lá thư. Mandela bị cai ngục và tù nhân da trắng hiếp đáp và hành hung. Những sự phản đối của ông và các bạn tù chỉ là những viên sỏi ném vào biển Nam Đại Tây Dương không vang vọng được đâu xa. Nelson Mandela đã chịu đựng suốt 17 năm và nhiễm vi trùng lao phổi trong thời gian này. Trong nỗi cô đơn tận cùng, người bạn đường thân thiết nhất của ông chính là lý tưởng "tự do, dân chủ và bình đẳng" mà ông ôm ấp.

Nam Phi trong thập niên 1980 là những năm đầy bạo động. Mặc

dù bản thân Mandela và nhiều cấp chỉ huy MK bị tù hay lưu đày nhưng cuộc đấu tranh bằng các phương tiện vũ trang chẳng những không giảm bớt mà ngày càng tăng. Năm 1981, các lực lượng chính phủ tấn công các căn cứ của ANC ở Maputo, Mozambique giết nhiều trẻ em và phụ nữ. Để trả thù, đầu tháng Chạp năm 1982, MK đặt chất nổ tại căn cứ nguyên tử Nam Phi trong vùng ngoại ô Cape Town. Cuối tháng Chạp cùng năm, chính phủ Botha tung hàng loạt các cuộc tấn công vào các căn cứ tiền phương của MK tại Maseru, Lesotho làm thiệt mạng 42 người, trong đó có hàng tá phụ nữ và trẻ em. Tháng Năm 1983, MK trả đũa bằng cách đặt bom tại một căn cứ không quân Nam Phi ngay trung tâm thành phố làm mười chín người chết và hàng trăm, trong đó rất đông thường dân vô tội bị thương. Và như thế, MK đặt bom và chính phủ lùng diệt, chính phủ tấn công và MK trả đũa, máu của nhân dân Nam Phi dù chiến đấu cho bên nào, đã đổ quá nhiều trong suốt hai mươi năm bạo động.

Năm 1982, Nelson Mandela được di chuyển từ đảo Robben đến nhà tù Pollsmoor, nơi ông có thể tiếp cận nhiều hơn với tin tức bên ngoài. Mandela viết trong hồi ký: *"Giết chết thường dân vô tội là một thảm kịch. Đọc con số người chết tôi cảm thấy vô cùng khủng khiếp"*. Ông nhận thức rằng trước khi bàn chuyện đúng hay sai, chính nghĩa hay phi nghĩa, dù đang ở trong tù, ông cũng là người chịu trách nhiệm cho những cái chết của thường dân vì cánh võ trang của ANC do chính ông chủ trương.

Trong giai đoạn này, chính phủ da trắng Nam Phi áp dụng chính sách "chia để trị" nhằm cô lập và phân hóa nội bộ các phong trào chống phân biệt chủng tộc tại Nam Phi bắt đầu từ cấp lãnh đạo các đảng phái, tổ chức, bộ lạc xuống tận các địa phương. Chính sách này là một con dao hai lưỡi không chỉ áp dụng đối với các thành phần da màu đang chống chính phủ bên ngoài nhà tù mà cũng áp dụng cho cả Mandela và các bạn đang ở tù cùng với ông. Từ năm

1973, ngay trong thời gian Mandela còn bị giam trên đảo Robben, Bộ trưởng đặc trách nhà tù Nam Phi Jimmy Kruger đã tìm cách thuyết phục Mandela để phủ nhận phương pháp bạo động, hứa sẽ giảm án và thậm chí được trả tự do với điều kiện ông chịu định cư luôn tại quê hương Transkei. Mandela không chấp nhận. Năm 1985, Tổng thống Nam Phi P. W. Botha lần nữa đề nghị trả tự do cho Mandela chỉ cần ông "phủ nhận một cách không điều kiện việc dùng bạo động như võ khí chính trị". Mandela lại lần nữa từ chối bởi vì tự do của ông phải gắn liền với tự do của đất nước.

Trong một lá thư gởi đến nhân dân Nam Phi qua trung gian con gái Zindzi Mandela đọc trong buổi mít tinh của ANC tại Soweto, Mandela viết: "*Tôi luôn ấp ủ giấc mơ được trả tự do cho cá nhân tôi, nhưng tôi quan tâm hơn là tự do của nhân dân Nam Phi… Tự do đem lại cho riêng tôi có nghĩa gì một khi ANC, tổ chức của nhân dân vẫn còn bị ngăn cấm? Tự do đem lại cho riêng tôi có nghĩa gì một khi vợ con tôi phải sống lưu đày tại Branfort? Tự do đem lại cho riêng tôi có nghĩa gì một khi quyền công dân của nhân dân Nam Phi không được tôn trọng? Chỉ có con người tự do mới có thể đàm phán. Tù nhân không thể ký kết một hợp đồng nào. Tôi không thể và sẽ không quyết định gì một khi nhân dân Nam Phi và bản thân tôi chưa được tự do. Tự do của tôi không thể tách biệt khỏi quyền tự do của nhân dân Nam Phi*".

Như đã viết trong bài trước, trong suốt cuộc đời tranh đấu từ khi gia nhập ANC, Nelson Mandela đã chọn nhiều phương pháp đấu tranh, trong đó có bất bạo động và cả bạo động. Tuy nhiên, sau nhiều năm suy tư về con đường đất nước đã trải qua và hy vọng nào đang chờ trước mặt, Mandela đã thay đổi phương pháp đấu tranh. Nelson Mandela viết trong hồi ký: *"Sự thay đổi, tôi quyết định, không phải chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội… Tôi đắn đo từ lâu về việc bắt đầu nói chuyện với phía chính phủ. Tôi kết luận thời gian đã đến*

và cuộc đấu tranh sẽ thuận lợi hơn khi cần được đẩy mạnh qua đàm phán. Nếu chúng ta không bắt đầu đàm phán sớm, cả hai bên phải lao vào đêm tối của áp bức, bạo động và chiến tranh".

Sau ba năm đàm phán ngay từ trong nhà tù giữa Mandela và ủy ban bí mật do chính Tổng thống Pieter Willem Botha lập ra, lúc 3:30 chiều ngày 11 tháng Giêng năm 1990, Nelson Mandela bước ra khỏi cổng nhà tù thứ tư và cuối cùng Victor Verster. Đây là một chiến thắng lớn nhưng chỉ là bước đầu tiên trong hành trình hòa giải quốc gia đầy gian nan mà Nelson Mandela vừa mới lên đường.

Ngày 12 tháng Giêng, Nelson Mandela họp báo để giải thích quan điểm của ông về tương lai Nam Phi. Dù sau 27 năm bị khổ sai, Mandela không chôn giấu trong lòng sự oán hận nào đối với thiểu số da trắng cai trị đất nước nhưng nhấn mạnh đến mục tiêu thay đổi cơ chế chính trị. Ông khẳng định: *"Chúng tôi không muốn tàn phá đất nước trước khi giải phóng đất nước, và loại bỏ da trắng cũng có nghĩa là tàn phá đất nước*". Tương lai của Nam Phi không đặt trên tiêu chuẩn màu da hay sắc tộc mà là tiêu chuẩn công dân.

Dù nhượng bộ, chính phủ của Tổng thống de Klerk vẫn còn nắm trong tay bộ máy công an, tình báo và lực lượng quân đội hùng mạnh nhất châu Phi. De Klerk không có ý định đầu hàng quyền lực trừ phi có một áp lực mạnh mẽ từ nhân dân và quốc tế. Sau một vòng thăm viếng các quốc gia Phi Châu để gây cảm tình trong vùng và gây áp lực quốc tế đối với chính phủ de Klerk, tháng 3 năm 1990, ANC và de Klerk bắt đầu vòng đầu đàm phán chính thức. Trước ngày họp, hai bên có lập trường khác biệt. Phía chính phủ de Klerk không muốn áp dụng phương pháp bầu cử kiểu Anh, theo đó đảng nào chiếm đa số ghế trong quốc hội sẽ là đảng cầm quyền. Ông ta muốn duy trì quyền thiểu số bằng cách tạo ra một hệ thống lãnh đạo quốc gia theo dạng san sẻ quyền lực.

Phái đoàn đại diện ANC trong cuộc đàm phán lịch sử gồm phần lớn là những người đã dâng hiến cả cuộc đời cho lý tưởng tự do chủng tộc Nam Phi, gồm Walter Sisulu, Joe Slovo, Alfred Nzo, Thabo Mbeki, Ahmed Kathrada, Joe Modise, Ruth Mompati, Archie Gumede, Reverend Beyers Naude, Cheryl Carolus, và Nelson Mandela.

Buổi đàm phán đầu tiên trái với lo lắng của cả hai bên. Thay vì với không khí nặng nề và thái độ quyết liệt, phiên họp diễn ra trong vòng thân mật và vui vẻ không ngờ. Đại biểu hai phái đoàn mừng rỡ bắt tay như gặp lại người thân quen sau nhiều năm xa cách chứ không phải những người cách đó vài hôm đã không đội trời chung. Tổng thống de Klerk làm mọi người ngạc nhiên khi tuyên bố bản chất của chế độ phân biệt chủng tộc vốn đã mang mầm xấu và thành thật xin lỗi. Tuy không phải là lời tuyên bố chính thức trước nhân dân, đó là những điều mà các đại biểu phái đoàn ANC chưa bao giờ nghe. Đại biểu ANC Thabo Mbeki, tổng thống Nam Phi dân chủ thứ hai sau Mandela, trả lời báo chí với giọng hài hước chiều hôm đó "hai bên đã khám xét nhau và đồng ý là không bên nào có sừng".

Mơ ước riêng tư nhất của Nelson Mandela sau ngày được trả tự do là được đi thăm mộ mẹ nhưng mãi tới tháng 4 ông mới có chút thời gian để về cố quận Qunu, quê hương của tuổi thơ và nơi mẹ ông, bà Noqaphi Nosekeni, yên nghỉ. Mẹ ông qua đời vào năm 1968 khi ông còn ở trong tù và nhà cầm quyền da trắng không cho phép ông về đưa tang mẹ. Mấy chục năm sau, quê hương Qunu vẫn nghèo nếu không muốn nói là nghèo hơn trước. Qunu là nơi chôn giấu kho tàng của tuổi hoa niên tươi đẹp của Nelson Mandela, nơi ông lớn lên và nơi ông chọn để an nghỉ sau khi chết.

Một biến cố khác là việc vợ ông, bà Winnie Mandela, bị đưa ra tòa về tội bắt cóc và đánh đập bốn thanh niên tại nhà bà vào năm 1988. Một thiếu niên 14 tuổi chết và ba thanh niên còn lại tố

cáo nhóm cận vệ của bà Winnie Madikizela Mandela đã khủng bố cả thành phố Soweto. Trước ngày tòa nghe nhân chứng, Gabriel Mekgwe, 22 tuổi và là một trong ba thanh niên sống sót bị mất tích. Hai nhân chứng còn lại từ chối cung khai. Sau ba tháng rưỡi, tòa kết tội bà Winnie đã có liên hệ đến việc bắt cóc và là tòng phạm đối với việc đánh đập các thanh thiếu niên. Nelson Mandela tuy bên ngoài ủng hộ vợ nhưng rất đau lòng trước sự thật được phô bày.

Nelson Mandela còn chịu đựng một vết thương riêng tư khác trong cuộc đời vốn đã đầy gian nan thương khó. Khi còn ở trong tù, Nelson Mandela đã biết vợ mình đang ngoại tình với Dali Mpofu, một luật sư nhỏ hơn bà 27 tuổi. Việc ngoại tình giữa Winnie Mandela và Dali Mpofu còn lén lút kéo dài ngay cả sau khi Mandela được tự do. Bà Winnie gặp Nelson Mandela khi chỉ mới 23 tuổi và Mandela đã gần 40 tuổi. Họ yêu nhau và cưới nhau trong vội vàng. Ba năm sau, Mandela rút vào hoạt động bí mật cho đến ngày bị bắt và vào tù. Winnie Mandela viết trong hồi ký "Tôi có rất ít thời gian để yêu chồng". Khi biết vợ ngoại tình, Mandela dĩ nhiên đau xót nhưng cảm thông và tha thứ. Ông chỉ viết thư yêu cầu bà Winnie đưa tình nhân ra khỏi nhà. Trong thời gian đó, sự chung thủy của Winnie đối với chồng chỉ còn trong lý tưởng đấu tranh chính trị, tình yêu nam nữ đã tàn phai. Tình cảm trong người phụ nữ này đã bị xói mòn và cạn kiệt theo năm tháng đợi chờ. Tuy nhiên về mặt hình thức, bà Winnie vẫn tiếp tục đóng trọn vai trò người phụ nữ can đảm, anh hùng, vợ của Nelson Mandela.

Sau khi Mandela ra tù, hai vợ chồng mới khám phá ra họ còn cách nhau xa hơn khi Mandela còn ở trong tù. Năm 1990, Mandela không còn là lực sĩ quyền Anh, một luật sư xông xáo và một thanh niên lãng mạn mà là một cụ già 72 tuổi, ốm yếu, bệnh hoạn. Ngay cả trong sinh hoạt hàng ngày hai người cũng khác. Mandela theo thói quen vẫn ăn ngủ đúng giờ giấc của nhà tù từng quy định trong

khi bà Winnie, trẻ hơn chồng 17 tuổi, còn sung sức, thức khuya và dậy trễ. Những ngôn ngữ tình yêu chất chứa trong những lá thư chỉ còn là kỷ niệm. Trong phòng ngủ của hai vợ chồng, tấm thiệp Giáng sinh cuối cùng Nelson Mandela gởi bà Winnie vào tháng Chạp năm 1989 với hàng chữ "Darling, I love you" được treo trịnh trọng nhưng cũng thật mỉa mai với thực tế lạnh lùng chăn gối giữa hai người. Về mặt hình thức, Mandela và Winnie vẫn tay trong tay xuất hiện trước công chúng nhưng họ không có ngay cả một đêm gần gũi nhau như Mandela tiết lộ với tòa án khi thỉnh nguyện được ly dị vợ "Winne chưa bao giờ vào phòng ngủ khi tôi còn thức".

Hai mươi bảy năm sống ngoài mọi sinh hoạt xã hội bình thường đã làm ông trở thành lạc lõng, cô độc giữa vinh quang của Nam Phi và nhân loại dành cho ông. Tuy nhiên, khi lá thư đánh ghen của bà Winnie viết gởi người yêu Dali Mpofu với những lời dâm ô hạ cấp như việc tố cáo Mpofu suốt ngày chỉ biết "chạy vòng vòng để làm tình với phụ nữ" đã bị báo *The Johannesburg Sunday Times* đăng tải nguyên văn vào tháng 9 năm 1992 là nhát búa đập vào trái tim rạn nứt. Chưa đầy tháng sau, Nelson Mandela ly thân với bà Winnie và ngày 20 tháng 3 năm 1996 tòa án cho phép Tổng thống Nelson Mandela chính thức được ly dị bà ta.

Mặc dù hạnh phúc gia đình tan nát, trong cuộc đấu tranh chống chính quyền phân biệt chủng tộc da trắng, Nelson Mandela chứng tỏ vô cùng sáng suốt, minh mẫn và cương quyết. Báo chí Nam Phi gọi Mandela là "con người sắt" trong tiến trình đàm phán. Cuộc đàm phán vòng đầu giữa ANC và chính phủ de Klerk chấm dứt với nhiều tiến bộ. Hai bên cam kết theo đuổi tiến trình giải thể chế độ phân biệt chủng tộc, hủy bỏ Tình trạng Khẩn cấp Quốc gia, soạn thảo hiến pháp mới, thành lập chính phủ chuyển tiếp gồm đại diện các đảng phái. Tuy nhiên trong thời gian sau đàm phán, bạo động lại tiếp tục tại nhiều nơi nhưng chính phủ de Klerk đã không có

những biện pháp ngăn chận hữu hiệu. ANC tuyên bố đình hoãn đàm phán với chính phủ.

Tháng 7 năm 1991, Nelson Mandela được chính thức bầu vào chức vụ Chủ tịch ANC tại đại hội toàn quốc được tổ chức lần đầu tiên trong lãnh thổ Nam Phi. Trong chức vụ mới, Nelson Mandela quyết tâm theo đuổi mục tiêu dân chủ Nam Phi bằng cách tái lập đàm phán với chính phủ de Klerk và cơ hội đầu tiên đã diễn ra tại CODESA gồm đại diện 18 đảng phái hoạt động tại Nam Phi để thảo luận về giải pháp dân chủ cho Nam Phi với sự quan sát của Liên Hiệp Quốc, Liên hiệp Anh, Cộng đồng Âu châu và Tổ chức Đoàn kết Phi châu. Tuy nhiên, đại hội đã không diễn ra như Mandela mong muốn, Tổng thống de Klerk dùng diễn văn bế mạc để tấn công vào uy tín của ANC. Mandela trả đũa bằng cách phê bình Tổng thống de Klerk che dấu nghị trình riêng, không thành thật và tìm cách để duy trì chế độ phân biệt chủng tộc dưới một hình thức khác. ANC tẩy chay cuộc đàm phán.

Sau bốn tháng ngưng trệ, tháng 5 năm 1992, cuộc đàm phán lại tiếp tục, gọi là CODESA 2 được khai mạc ngày 17 tháng 6 năm 1992. Qua cuộc đàm phán lần này, hai bên đồng ý việc chuyển tiếp dân chủ sẽ được tiến hành qua hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là thành lập một Hội đồng Chấp hành Chuyển tiếp đa đảng đại diện cho các thành phần tham dự CODESA 2 để hoạt động như một chính phủ lâm thời và soạn thảo hiến pháp. Giai đoạn hai là tổng tuyển cử. Tuy nhiên khi đi vào chi tiết của các điểm đã được thỏa thuận như tỉ lệ số phiếu cần thiết trong quốc hội để thông qua các đạo luật, ANC và chính phủ của Tổng thống de Klerk lần nữa rơi vào bế tắc.

Bên cạnh sự bế tắc liên quan đến nội dung của đàm phán, các thành thần cực hữu da trắng võ trang mà Mandela gọi là lực lượng thứ ba, cũng tìm mọi cách để phá hoại tiến trình đàm phán, đưa đất

nước vào vòng nội chiến trong đó có cả việc ám sát các thành viên uy tín và ưu tú của ANC như trường hợp Chris Hani, cựu Tham mưu trưởng của MK bị bắn ngay tại nhà.

Tháng 9 năm 1992, Mandela và Tổng thống de Klerk họp riêng và ký kết một văn thư thỏa thuận làm tiêu chuẩn chỉ nam cho các cuộc đàm phán theo sau. Vào tháng Chạp năm 1992, hai bên ANC và chính phủ lại ngồi vào bàn hội nghị lần nữa. Tổng thống de Klerk đồng ý thành lập Hội đồng Chấp hành Chuyển tiếp để chuẩn bị cho tổng tuyển cử và đồng ý với nội dung của hiến pháp tạm thời. Điểm quan trọng nhất đối với Tổng thống de Klerk là việc quy định thế nào là đa số và sự an toàn của thiểu số da trắng sau tổng tuyển cử. De Klerk đòi hỏi bên thắng phải nhận được hai phần ba tổng số phiếu bầu. ANC không đồng ý và đặt tỉ lệ đa số tại 60 phần trăm. Ngày hôm sau de Klerk đồng ý.

Mặc dù 85 phần trăm dân số Nam Phi là da đen, không phải người da đen nào cũng ủng hộ ANC. Các thành phần dân chúng rất ô hợp và phân tán theo từng địa phượng, bộ lạc, tôn giáo và thậm chí có nhiều đảng tuyên bố tẩy chay bầu cử, do đó, muốn thắng số phiếu trên 60 phần trăm không phải chuyện dễ dàng. ANC đã phát động một chiến dịch vận động quy mô mới với hơn một trăm văn phòng do các lãnh đạo dày kinh nghiệm phụ trách.

Nelson Mandela không phải là nhà hùng biện nên dù với sự giúp đỡ của một nhóm chuyên viên viết diễn văn xuất sắc, ông vẫn không thành công trong những buổi diễn thuyết như chính ông thú nhận trong hồi ký. Patti Waldmeir của báo *The Financial Times* nhận xét Mandela như "là một trong những nhà diễn thuyết buồn chán nhất Nam Phi". Những nơi ông dừng lại, hàng ngàn người tập trung chào đón nhưng sau khi ông nói nửa chừng, một phần hai dân chúng đã ra về. Dân chúng đến để được nhìn tận mắt một Nelson Mandela huyền thoại chứ không hẳn để nghe ông diễn thuyết. Khi tranh

luận với de Klerk trước hệ thống truyền hình, ANC đã phải mời Frank Greer, cựu cố vấn của Tổng thống Bill Clinton sang để chỉ dẫn cách ăn nói. Nelson Mandela vận động tranh cử với quan điểm hòa giải và hứa bảo đảm quyền của mọi người không phân biệt màu da. Ông dành thời gian để thăm viếng xã giao Tổng Giám đốc Cảnh sát, Tham mưu trưởng Quân đội và yêu cầu họ tiếp tục chức vụ trong trường hợp ANC thắng cử.

Quốc kỳ của Cộng hòa Nam Phi cũng là một vấn đề. Ngay khi ra khỏi tù, Nelson Mandela đã đề nghị Nam Phi phải có một lá cờ mới thật sự đại diện cho toàn dân chứ không phải chỉ đại diện cho thiểu số cai trị. Quốc hội lâm thời được trao trách nhiệm công bố một quốc kỳ mới trước ngày bầu cử tổng thống nhưng không một mẫu cờ nào trong số 7.000 phác họa được quốc hội lâm thời thông qua. Mãi cho tới 15 tháng 3 năm 1994, mẫu quốc kỳ do Frederick Brownell vẽ mới được công nhận. Quốc kỳ này cũng chỉ được gọi là quốc kỳ lâm thời và cần năm năm thử nghiệm trước khi quốc hội thông qua lần nữa. Và năm năm sau đó, quốc hội Nam Phi đã đồng ý mẫu cờ do Frederick Brownell vẽ là quốc kỳ Cộng hòa Nam Phi như đang bay hôm nay. Ngày 26 tháng 4 năm 1993 là một ngày đáng nhớ trong lịch sử Nam Phi vì hôm đó nhân dân Nam Phi tham dự tổng tuyển cử để chọn đảng lãnh đạo, thực tế là chọn tổng thống. Đối với đại đa số cử tri da đen, đây là lần đầu tiên trong đời họ được cầm lá phiếu trong tay. Cuộc bỏ phiếu diễn ra suốt 4 ngày và trong không khí tương đối êm đẹp.

Mandela bỏ phiếu vào ngày thứ hai một địa điểm gần ngôi mộ của John Dube, người sáng lập ra tổ chức ANC như một cách để biết ơn người đã dâng hiến đời mình cho cách mạng. Tại đây với John Dube như điểm bắt đầu và cũng tại đây với Nelson Mandela như điểm kết thúc của chu kỳ tranh đấu cho quyền con người. Lý tưởng của John Dube cuối cùng đã đạt được nhưng phải cần đến

82 năm gian khổ máu xương. Nelson Mandela viết trong hồi ký: *"Khi tôi đứng bên mộ John Dube, được xây gần một ngôi trường nhỏ, tôi không nghĩ đến hiện tại mà nghĩ về quá khứ… Tôi nghĩ đến bao anh hùng Nam Phi vĩ đại, những người đã cống hiến cuộc đời để cho nhiều triệu dân Nam Phi có quyền bỏ phiếu hôm nay. Tôi không đi bầu một mình mà cùng đi với những người đã hy sinh"*.

ANC nhận được 62,3 tổng số phiếu bầu, cao hơn mức đa số quy định và Nelson Mandela trở thành tổng thống da đen đầu tiên. Buổi tối ngày 2 tháng 5 năm 1994, Tổng thống de Klerk đọc diễn văn công nhận thất bại. Chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi chính thức cáo chung.

Tổng thống Nelson Mandela, ngoại trừ việc thích thay đồ nhiều lần trong ngày, sống một cuộc sống rất đạm bạc. Như đối thủ de Klerk nhắc lại: *"Mandela có một khả năng đặc biệt. Ông làm mọi người ông tiếp xúc cảm thấy rất thân tình"*. Thật vậy, mỗi lần đi xa về, Mandela không quên ra bắt tay thăm hỏi mọi người trong dinh tổng thống, từ các phụ tá, cận vệ cho đến các bác làm vườn. Khi đi kinh lý bằng trực thăng, Mandela thường ngồi gần phi công để bắt chuyện gia đình, đời sống và lương bổng. Ở tù quá lâu nên nhiều khi hành vi của Nelson Mandela chẳng khác gì còn đang ở trung tù. Một bạn tù của Mandela thú nhận "thật khó để lấy Robben ra khỏi tâm hồn họ". Ông dành một phần ba số lương tổng thống hàng năm cho quỹ từ thiện Nelson Mandela Children's Fund do chính ông sáng lập vào năm 1995. Là con người, ai không cảm thấy sung sướng khi được tôn vinh, ca ngợi, Nelson Mandela cũng vậy nhưng ông không bị chói mắt bởi hào quang danh vọng và quyền lực. Ông tiếp đón những nông dân và công nhân nghèo không khác gì khi tiếp đón các chủ tịch công ty lớn. Thỉnh thoảng Mandela vẫn về quê tham dự phiên họp của bộ lạc ông. Một lần đoàn làm phim Anh đến quay phim, Tổng thống Nelson Mandela làm hư cả đoạn phim

vì trong lúc đang phỏng vấn nửa chừng ông sực nhớ quên bắt tay người quay phim nên bước xuống bắt tay anh ta. Khi Tổng thống Mandela đi công vụ, ngoài đoàn tùy tùng, dĩ nhiên có rất nhiều phóng viên truyền hình đi theo, khi nhìn các phóng viên mang máy quay phim với chân cẳng nặng nề, ông thường dừng lại để chờ.

Sau khi chính thức ly dị với bà Winnie Mandela, Nelson Mandela quan hệ tình cảm với bà Graça Machel, nhà hoạt động chính trị Mozambique, góa phụ của cố Tổng thống Mozambique Samora Machel và trẻ hơn Mandela 27 tuổi. Bà Graça Machel là người phụ nữ Phi châu đầu tiên làm vợ của hai tổng thống châu Phi.

Thái độ hòa giải của Nelson Mandela thể hiện ở những việc nhỏ như đã không vội vã đổi ngay tên đường từ các tổng thống, tướng lãnh từng là hung thần của chế độ phân biệt chủng tộc như Botha hay Malan sang tên của các anh hùng trong chiến tranh giành độc lập của Nam Phi. Ông muốn sự thay đổi diễn ra trong tuần tự, bình thường và ổn định tinh thần dân chúng. Trong mọi buổi nói chuyện, Nelson Mandela nhấn mạnh đến ba nguyên tắc ảnh hưởng cả đời ông gồm hòa giải, nhân cách và tình thương.

Tinh thần hòa giải của Mandela thể hiện ngay trong thành phần lãnh đạo quốc gia. Ngoài việc ông là tổng thống, chức vụ Phụ tá Tổng thống Thứ nhất được trao cho cựu Tổng thống de Klerk và lãnh tụ ANC Thabo Mbeki được mời giữ chức Phụ tá Tổng thống Thứ hai. Nội các Đoàn kết Quốc gia của Tổng thống Nelson Madela bao gồm nhiều thành phần, sắc tộc. Ngoài Phụ tá Thứ nhất de Klerk, các chuyên viên da trắng nắm giữ các bộ quan trọng gồm cả bộ Nội vụ. Không ít viên chức chính phủ là những người bàn tay chưa khô máu da đen nhưng Nelson Mandela làm hòa với họ để họ cảm thấy thật sự là thành viên của một đại gia đình Nam Phi mới như khi ông ta phát biểu về khái niệm Quốc gia Cầu Vồng (Rainbow

Nation) "Nam Phi là một Quốc gia cầu vồng, hòa bình với chính mình và với thế giới".

Sau khi đắc cử, Tổng thống Nelson Mandela đến chào hỏi xã giao cựu tổng thống da trắng bảo thủ Pieter Willem Botha. Y chưa nguôi giận và Mandela lại phải lần nữa lắng nghe những lời hằn học của ông ta. Nelson đáp lại bằng nụ cười tha thứ. Khi Tổng giám đốc cơ quan tình báo thời phân biệt chủng tộc Niel Barnard về hưu Mandela tổ chức một tiệc tiễn đưa trịnh trọng và trong dịp đó ông còn mời cả Tướng Willemse, cựu chỉ huy trưởng nhà tù Robben và là người chịu trách nhiệm cho những cực hình ông đã chịu đựng suốt hơn 20 năm dài, đến tham dự. Tướng Willemse xúc động phát biểu "những cơ hội như thế này không diễn ra nhiều lần trong suốt một đời người".

Nelson Madela cũng tế nhị ngay cả trong việc chọn nơi làm dinh tổng thống bằng cách để de Klerk ở lại tư dinh tổng thống tại Groote Schuur trước đây còn ông dời sang một khu nhà khác ở Cape Town và đặt tên cho căn nhà mới là Thung Lũng Khoan Dung. Ông quan tâm đến việc chuyển tiếp quyền lực một cách ổn định đến nỗi bà Winnie, vợ cũ của ông, công khai phê bình Mandela quan tâm đến dân da trắng nhiều hơn dân da đen Nam Phi. Nelson Mandela tổ chức buổi gặp gỡ của những góa phụ có chồng bị giết trong cuộc phân tranh chủng tộc của cả hai bên để họ cảm thông nhau.

Tháng 8 năm 1995, Mandela đến viếng thăm góa phụ của cố Tổng thống Nam Phi Dr. Hendrik Verwoerd, người được xem là kiến trúc sư của chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi vô cùng tàn ác mà Mandela đã trực tiếp đương đầu trong giai đoạn 1960. Ba tháng sau đó, Nelson Mandela mời ông Percy Yutar, 84 tuổi, nguyên là biện lý chính phủ tại phiên tòa Rivonia đã xử Mandela chung thân, đi ăn trưa. Mandela còn đi xa hơn khi cử cựu Giám đốc nhà tù Robben làm Đại sứ Nam Phi tại Áo. Nhiều bạn tù lên tiếng phản

đối nhưng Mandela trả lời "Người can đảm không ngại tha thứ vì mục đích hòa bình".

Nhưng tha thứ không đồng nghĩa với lãng quên. Mandela và ANC đơn giản không thể tha thứ cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và xếp tất cả tội ác của chúng vào ngăn kéo lịch sử. Sự thật cần phải được kể lại. Tháng Giêng 1996, Ủy ban Sự thật và Hòa giải (TRC) ra đời và Mandela đề cử Giám mục Anh giáo Desmond Tutu làm chủ tịch. Lễ khai mạc TRC được tổ chức tại nhà thờ Anh giáo. Bộ trưởng Tư pháp Nam Phi nhấn mạnh trong diễn văn khai mạc "Tôi mời quý vị cùng chúng tôi tìm hiểu sự thật, bởi vì không có sự thật, sẽ không có hòa giải thật sự". Các đại diện tôn giáo trong đó có cả đạo Do Thái và Phật Giáo được mời lên đọc lời cầu nguyện và chúc lành cho TRC thành công.

Thật ra, không phải đợi đến 1996 mới có TRC mà ngay trong thời gian đàm phán giữa Mandela và de Klerk vấn đề hòa giải đã được đưa ra. Cựu Tổng thống de Klerk đòi hỏi, dù bên nào thắng trong cuộc tổng tuyển cử, một cuộc đại ân xá cũng phải được thực hiện. ANC không thể để chế độ phân biệt chủng tộc tự ân xá một cách dễ dàng. Cuối cùng hai bên đồng ý, sự ân xá đặt trên cơ sở cá nhân nếu đương sự trình bày hết sự thật và có thể chứng minh hành động của họ do các mục tiêu chính trị thúc đẩy chứ không phải hận thù cá nhân. Những tướng lãnh hay chính trị gia từ chối cung khai có thể bị truy tố theo thủ tục hình sự như trường hợp của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Magnus Malan.

Đa số tướng lãnh và các bộ trưởng trong nội các đều quy trách nhiệm cuối cùng lên cựu Tổng thống de Klerk. Đến phiên de Klerk, ông thay mặt chế độ thừa nhận sai lầm nhưng lại từ chối việc chính phủ chủ trương tra tấn, ám sát, hiếp dâm và các hành động tương tự. Tuy cho rằng phương cách "một lần kể lại để rồi thôi" là quá rộng lượng nhưng ANC không muốn tạo ra các thánh tử đạo cho

cánh cực hữu đang còn khá mạnh nếu tổ chức phiên tòa xử tội phạm chiến tranh theo kiểu Nuremberg.

Nhân loại từng lên án chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi, các cơ quan truyền thông quốc tế đã làm nhiều phim tài liệu về sự chịu đựng của người da đen tại Nam Phi nhưng không ai, kể cả Nelson Mandela có thể hình dung ra tội ác trầm trọng đến mức nào cho đến khi chính kẻ gây ra tội ác cung khai và nạn nhân chịu đựng kể lại. Vô cùng khủng khiếp. Những chiến dịch "giới hạn", "trung lập hóa", "loại khỏi xã hội" là tên gọi khác của việc chặt nhỏ thân thể nạn nhân hay đốt thành tro các xác chết. Cựu Tổng thống Pieter Willem Botha từ chối ra cung khai mặc dù Nelson Mandela hứa sẽ tháp tùng ông ta ra trước ủy ban. Tội ác không chỉ gây ra từ phía chính phủ da trắng mà cả ANC cũng là thủ phạm của những vụ tàn sát như đã từng xử tử một loạt 22 người vì tội phản bội. Chủ tịch ANC Thabo Mbeki phản bác những tội lỗi do ANC gây ra nhưng chính Mandela không đồng ý và cho rằng ANC cũng đã phải chịu trách nhiệm một phần. Sau hai năm lắng nghe trong nỗi đau nhức chung của đất nước, TRC hoàn thành nhiệm vụ, một tổng kết dày năm chương được công bố.

Dĩ nhiên Nelson Mandela không phải là thánh. Ông có nhiều khuyết điểm về cá nhân cũng như về các chính sách đối nội và đối ngoại trong nhiệm kỳ duy nhất làm tổng thống. Tổng thống Nelson Mandela không theo đuổi một chính sách đối ngoại phù hợp với quan điểm hòa bình, công lý như ông từng nhấn mạnh. Tình cảm "chống chủ nghĩa đế quốc" khi hoạt động trong ANC bên cạnh đảng Cộng Sản Nam Phi trong thập niên 1950, 1960 còn rất sâu đậm trong ý thức của Mandela. Ông thường lớn tiếng phê bình các yếu tố tiêu cực trong các xã hội dân chủ tây phương nhưng lại im lặng trước sự chà đạp nhân quyền của những tên độc tài bị nhân loại rẻ khinh như Fidel Castro, Muammar Gaddafi, Saddam

Hussein. Lý do vì những tên độc tài này tích cực ủng hộ ANC về mọi mặt trong khi các quốc gia dân chủ cũng lên án chủ nghĩa phân biệt chủng tộc nhưng lại không ủng hộ tranh đấu võ trang. Nelson Mandela đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc tại Nam Phi nhưng làm ngơ trước chính sách diệt chủng của Suharto tại Nam Dương đối với thiểu số Đông Timor. Thậm chí, kiểu áo Batik mà Mandela ưa thích và thường mặc trong các dịp lễ và các buổi tiếp tân quốc tế cũng do Suharto tặng. Trong thời gian Nelson Mandela làm tổng thống 11.7 phần trăm thanh niên Nam Phi bị mắc HIV/AIDS nhưng ông không có biện pháp nào hữu hiệu để ngăn chận mãi cho đến khi chính con trai ông ta chết vì bịnh AIDS năm 2005 ông mới nhiệt tình ủng hộ các chiến dịch ngăn ngừa AIDS.

Dù sao, với chỉ một nhiệm kỳ tổng thống trong đó dành phần lớn thời gian để hòa giải và ổn định đất nước thật khó có thể ưu tiên hóa mọi kế hoạch. Khi nhận chức tổng thống, Nelson Mandela thừa hưởng một đất nước phân cực đen trắng trầm trọng. Trong tổng số dân số 40 triệu, 23 triệu sống không có điện nước và hệ thống vệ sinh, 2 triệu trẻ em không có trường học và một phần ba dân số không biết chữ. Tỉ lệ thất nghiệp lên đến 33%. Năm 1994, chính phủ Mandela công bố chính sách y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai. Vào năm 1999, ANC thông báo 3 triệu người đã có đường dây điện thoại, 1,5 triệu trẻ em có trường học, 500 bịnh viện được xây. Đạo luật cải cách ruộng đất 1994 cho phép người dân đòi lại quyền sở hữu đất đai bị tước đoạt dưới thời phân biệt chủng tộc. Từ ngay giai đoạn đầu của nhiệm kỳ tổng thống, Nelson Mandela đã chuẩn bị cho giai đoạn sau Mandela, một sự kiện hiếm thấy trong chính trị Phi châu. Mandela khẳng định dù dân chúng có đòi hỏi, ông cũng sẽ không tái cử.

Như bà Graça, hiện nay là vợ của Nelson Madela, kết luận dựa theo kinh nghiệm của bà tại Mozambique, không có Nelson

Mandela, Nam Phi đã là một hỏa diệm sơn. Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon phát biểu: *"Nelson Mandela là biểu hiện sống của giá trị cao cả nhất của Liên hiệp quốc. Qua những năm trong tù ông đã duy trì được niềm tin kiên định vào công lý và bình đẳng. Sau khi được tự do, ông đã hòa giải trước hết với những người đã truy tố ông, và dẫn đường hướng đến một Nam Phi đa chủng, dân chủ"*. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc biểu quyết chọn ngày 18 tháng 7, sinh nhật ông làm ngày Quốc tế Nelson Mandela.

Giữa một xã hội đầy những hố sâu ngăn cách, mục tiêu hòa giải mà Mandela chủ trương và thành công như nhân loại biết hôm nay không phải là con đường tráng nhựa rộng thênh thang nhưng đã trải qua nhiều khó khăn, chướng ngại đến nỗi đã phải bị gián đoạn nhiều lần. Chữa một vết thương trên da thịt đã khó nói chi chữa lành một căn bịnh tinh thần thấm sâu vào trong máu hơn nửa thế kỷ, như trường hợp của Nelson Mandela, hẳn còn khó hơn nhiều. Nelson Mandela chịu đựng cả hai, thân thể và tinh thần, nhưng ông đã tự chữa lành bịnh của mình và dùng phương thuốc bao dung như hành trang lên đường chữa trị căn bệnh của đất nước ông. Tiến trình hòa giải đầy thử thách đó bắt đầu từ chính Nelson Mandela.

Người kêu gọi hòa giải trước hết phải hòa giải được với chính mình, nếu không, đó chỉ là khẩu hiệu tuyên truyền chính trị được dùng để lừa gạt người khác.

Nelson Mandela đã hòa giải được với một Nelson Mandela trong lòng chất chứa hận thù chủng tộc, với một Nelson Mandela từng chủ trương khởi nghĩa võ trang như con đường duy nhất để xóa bỏ ách thống trị của thiểu số da trắng, với một Nelson Mandela 27 năm sống trong xà lim chật hẹp đầy bóng tối, với một Nelson Mandela đang bị vi trùng lao đục phá hai lá phổi, với một Nelson Mandela thân cộng sản, trước khi hòa giải cả đất nước Nam Phi.

Một đức tính của Mandela có lẽ sẽ mãi mãi gắn liền với lịch sử nhân loại là đức tính khoan dung. Khi còn trẻ Mandela là một thanh niên rất hiếu động đã từng là võ sĩ quyền Anh, luôn phát biểu với giọng sách động nhưng những suy nghiệm trong 27 năm tù đã làm ông thay đổi. Nelson Mandela là người sáng lập quốc gia Nam Phi dân chủ, giống như George Washington của Mỹ, Giuseppe Garibaldi của Ý hay Símon Bolívar của châu Mỹ La Tinh, nhưng khác họ, Nelson Mandela đạt đến dân chủ không bằng những cuộc chiến tranh đẫm máu.

Các cựu tù nhân khi nắm được quyền lực thường đi tìm những kẻ đã từng hại mình, Mandela cũng đi tìm nhưng khác ở điểm không phải để kể tội, trả thù mà để tha thứ.

Cuộc đời rất mong manh và ngắn ngũi, những ai đang sống hôm nay, dù quyền uy hay hèn yếu, dù giàu sang hay nghèo khó, rồi sẽ chết nhưng đất nước sẽ phải còn và mãi mãi còn cho các thế hệ mai sau. Nelson Mandela, vì thế, mãi mãi là ngọn hải đăng của lương tri nhân loại và tấm gương sáng cho lãnh đạo các quốc gia đang chìm đắm trong hận thù phân hóa để mưu cầu một nền hòa bình thịnh vượng lâu dài cho đất nước.

VIỆN KHỔNG TỬ

Các nước trên thế giới, dù nhỏ hay lớn đều muốn nhân loại biết đến những cái hay cái đẹp của nước mình. Viện Goethe (Goethe-Institut), đặt tên theo nhà văn và chính khách Đức Johann Wolfgang von Goethe, có 159 cơ sở hoạt động gần khắp thế giới để trao đổi văn hóa và ngôn ngữ. Viện Goethe tự trị về tài chánh và độc lập điều hành với Chính phủ Đức. Hội Liên minh Pháp (Alliance Française) do một số trí thức Pháp trong đó có nhà khoa học Louis Pasteur, nhà văn Jules Verne, sáng lập từ 1883, có mặt trên 137 quốc gia với tổng số gồm 850 trung tâm cũng hoạt động độc lập với chính phủ Pháp.

Các nước Phi châu tuy nghèo nàn, lạc hậu về kỹ thuật, bị thực dân xâm lược rồi nội chiến triền miên nhưng không phải vì thế mà họ không kiêu hãnh với nền văn hóa và cũng luôn tìm mọi cách để giới thiệu cùng nhân loại những nét đặc thù của dân tộc họ. Hiến chương Phục hưng văn vóa Phi châu được Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc chuẩn y ngày 24 tháng Giêng năm 2006 đã tạo điều kiện phục hưng các giá trị và giới thiệu văn hóa Phi châu đến các quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc. Ngày nay nhiều viện văn hóa Phi châu do tư nhân tài trợ có mặt nhiều nơi trên thế giới.

Phát huy văn hóa là lẽ tự nhiên và đáng ca ngợi. Ngoại trừ những kẻ tự thu mình trong góc tối, sống trong ảo tưởng "quê hương mình là đẹp hơn cả" dù suốt đời không ra khỏi nhà để rồi trở nên ngày

thêm u mê lạc hậu, phần lớn các lãnh đạo và con người trên thế giới đều biết trong cái riêng bao giờ cũng có cái chung, văn hóa của một dân tộc là một phần của văn minh nhân loại.

Thế nhưng, những khái niệm văn hóa, độc lập, tự trị, phi chính phủ của các trung tâm, các viện văn hóa nêu trên không áp dụng trong trường hợp các Viện Khổng Tử của Trung Cộng, bởi vì thực chất của các viện này chỉ là cơ quan tuyên truyền, tình báo và được đặt dưới sự lãnh đạo của Cục Tuyên truyền Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tuyên truyền là xương sống của chế độ cộng sản. Từ khi thành lập đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1921 đến nay, tuyên truyền luôn đóng một vai trò quyết định trong việc thực thi các chính sách của đảng. Cục Tuyên truyền Trung ương do Lý Trường Xuân, Ủy viên Bộ Chính trị đứng hàng thứ năm, làm Cục trưởng.

Tại sao là Viện Khổng Tử mà không là Viện Mao Trạch Đông hay Viện Đặng Tiểu Bình?

Bản chất của cộng sản từ Âu sang Á là giấu mặt và vận dụng ảnh hưởng của các nhân vật lịch sử trong đó Khổng Tử là một trong những nạn nhân.

Trong thời kỳ sau 1949 đến 1966, lãnh đạo Trung Cộng dựa vào Khổng Tử như biểu tượng của quyền hạn gia đình bởi vì trong giai đoạn đó Mao chủ trương phân tán quyền sở hữu đất đai xuống các đơn vị gia đình qua trung gian các chính sách Cải cách Ruộng đất và Bước tiến Nhảy vọt đầy thảm họa.

Mao ca ngợi Khổng Tử: *"Nhiệm vụ của chúng ta là nghiên cứu các thành tựu lịch sử và đánh giá chúng với quan điểm Mác Lê. Trung Hoa có một lịch sử dài nhiều ngàn năm với đặc tính riêng và là những kho tàng quý báu... Chúng ta phải tổng hợp từ Khổng Tử đến Tôn Dật Tiên và kế thừa các truyền thống giá trị này"*. Lưu Thiếu Kỳ còn đi

xa hơn khi cho rằng Khổng Tử có nhiều đặc điểm của một người cộng sản tốt.

Tuy nhiên, trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, bao nhiêu thất bại, sai lầm của Mao đều được đổ lên đầu Khổng Tử khi chiến dịch Chống bốn cũ (nhận thức cũ, văn hóa cũ, truyền thống cũ, tập quán cũ) được phát động. Nội dung của Cách Mạng Văn Hóa được tóm tắt là "cái mới" chống "cái cũ" và trong đó Khổng Tử đại diện cho mọi "cái cũ" và biểu tượng của xã hội giai cấp.

Không chỉ chống Khổng Tử về mặt tư tưởng mà cả đền thờ, di tích, sách vở đều bị đục bỏ hay đốt phá. Mao phát biểu "*đọc sách nhiều quá sẽ làm tê liệt khả năng nhận thức*". Mục đích chống Khổng Tử của Mao là để đương đầu với sự thất bại kinh tế do chính y gây ra và chống lại những lãnh đạo thực tâm sùng bái Khổng Tử trong đó có Lưu Thiếu Kỳ. Kết quả, 60 phần trăm lãnh đạo cộng sản các cấp bị thanh trừng qua nhiều hình thức.

Khi nhân loại bước vào thiên niên kỷ thứ ba, thế giới thay đổi và sẽ thay đổi một cách nhanh chóng trong thời gian tới. Sự toàn cầu hóa không chỉ diễn ra trong lãnh vực kinh tế mà cả văn hóa, xã hội. Nhân vật lịch sử cần được đánh bóng không phải là hai hồn ma cộng sản Mao hay Đặng mà chính là Khổng Tử. Lãnh đạo Trung Cộng Hồ Cẩm Đào khi giới thiệu Khổng Tử đã ca ngợi ông ta chủ trương một "xã hội hài hòa." Bộ máy tuyên truyền Trung Cộng in *Luận ngữ* và là tác phẩm phát hành nhiều nhất ở Trung Quốc, và các ấn bản ngoại ngữ cũng được giới thiệu nhiều nơi trên thế giới.

Theo Giáo sư Gilbert Rozman thuộc khoa Xã hội học, Đại học Princeton, Trung Cộng: *"Muốn thế giới nhìn vào lịch sử Trung Quốc và những vinh quang quá khứ để khuyến khích họ chấp nhận một Trung Quốc hiện nay nhiều hơn"*. Phê bình quan điểm của Hồ Cẩm Đào, Giáo sư Perry Link, ban Đông Á, Đại học Princeton cho rằng

có sự mâu thuẫn về căn bản là cái cách chính phủ Trung Cộng sử dụng Khổng Tử để đại diện cho văn hóa Trung Hoa hài hòa ở nước ngoài trong khi đó đảng áp dụng chính sách toàn trị hà khắc đối với người dân trong nước.

Lịch sử hình thành Viện Khổng Tử

Kế hoạch Viện Khổng Tử được chính thức ra đời vào tháng 6 năm 2004. Sau vài lần thử nghiệm tại Uzbekistan, viện đầu tiên được khánh thành ngày 21 tháng 11 năm 2004 tại Seoul, Nam Hàn. Đến nay, 2014, đã có 480 Viện Khổng Tử rải rác khắp sáu lục địa. Lãnh đạo Trung Cộng tuyên bố vào năm 2020 con số Viện Khổng Tử sẽ lên đến một ngàn viện.

So với Hội Liên minh Pháp (Alliance Française) được thành lập 131 năm trước, con số một ngàn đầy tham vọng và cấp bách của Trung Cộng rõ ràng không phải chỉ thuần mục đích văn hóa. Tạp chí *The Economist* nhận xét Viện Khổng Tử chỉ là "cơ quan nhà nước" cộng sản và do đó chấp hành một cách nghiêm chỉnh các chủ trương của đảng. Với điều kiện thông tin ngày ngay, nhận xét của tạp chí *The Economist* có thể kiểm chứng một cách dễ dàng.

Các chức năng mặt nổi của Viện Khổng Tử

Theo tài liệu chính thức, Viện Khổng Tử là bộ phận của Hán Ban (汉办) "một cơ quan của Hội đồng Quốc tế Hoa Ngữ, một tổ chức không lợi nhuận, phi chính phủ, liên kết với Bộ Giáo dục Trung Quốc". Nhiệm vụ công khai của Viện Khổng Tử là "giảng dạy Hoa ngữ " và "đóng góp vào sự thành hình một thế giới đa dạng và hài hòa".

Hán Ban, về cơ cấu trực thuộc Hội đồng Quốc tế Hoa Ngữ, trong thực tế chẳng phải phi lợi nhuận, tự trị gì mà do một lãnh đạo cộng sản cấp trung ương điều hành. Chủ tịch Hội đồng Quốc tế Hoa Ngữ là bà Chen Zhili.

Bà Chen sinh tháng 11 năm 1942, nguyên Cố vấn Nhà nước kiêm Bộ trưởng Giáo dục Trung Cộng. Bà gia nhập đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1961. Nguyên là Bí thư đảng bộ Ban Khoa học Kỹ thuật Thượng Hải, sau đó được thăng cấp giữ chức Giám đốc Ban Tuyên truyền Thượng Hải kiêm Phó Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ Thượng Hải. Từ năm 2008, bà Chen là Phó Chủ tịch Quốc hội Trung Cộng. Về cấp bậc đảng, bà Chen là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc tại các đại hội 15, 16, 17 đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tổng giám đốc hiện nay của Hán Ban là bà Xu Lin, cấp thứ trưởng trong chính phủ, thành viên của Hội đồng Nhà nước và ủy viên Hội đồng Tham vấn Chính trị. Điều đó cho thấy cả hai lãnh đạo Viện Khổng Tử đều là cán bộ tuyên truyền cao cấp chứ chẳng thuần túy văn hóa, ngôn ngữ gì.

Về tài chánh, theo *China Digital Times*, Viện Khổng Tử được sử dụng một ngân sách rất cao lên đến nhiều tỉ yuan và website của Viện Khổng Tử cũng được xếp vào một trong những website tốn kém nhất tại Trung Cộng.

Bà Chen Zhili ra ngoại quốc được quyền sử dụng tiền bạc một cách rộng rãi so với các ngân sách giáo dục khác. Mặc dù rất ngạc nhiên trước thái độ yểm trợ tài chánh dồi dào của Trung Cộng, nhiều đại học quốc tế, kể cả Hoa Kỳ, cần tiền bảo trợ cho các chương trình Hoa ngữ nên cũng không khó khăn lắm trong việc chấp nhận sự thành lập Viện Khổng Tử.

Các chức năng mặt chìm của Viện Khổng Tử

- **Thực hiện chủ trương tuyên truyền "sức mạnh mềm"**: Theo Giáo sư Joseph Nye Jr., sức mạnh mềm được định nghĩa như là khả năng đạt được mục tiêu bằng ảnh hưởng, hợp tác với đối phương thay vì ép buộc đối phương phải tuân hành. Người viết đã phân tích

chi tiết trong bài "Từ Hồ Cẩm Đào đến Obama, bài học về chính sách Sức mạnh mềm (Soft power)".

Joseph Nye Jr. tóm tắt quan điểm này trong tác phẩm *Sức mạnh mềm*: Phương tiện để Thành công trong Chính trị Thế giới (Soft Power: The Means to Success in World Politics): *"Một quốc gia có thể đạt được kết quả mong muốn trong chính trị thế giới bởi vì các quốc gia khác khâm phục giá trị của nó, tích cực noi gương các thành tựu nó đạt được, khát vọng để đạt đến mức độ thịnh vượng và mở rộng của nó, muốn theo chân nó. Trong ý nghĩa đó, quan trọng là đặt ra một nghị trình và thu hút các quốc gia khác trong chính trị thế giới, và không chỉ buộc họ thay đổi bằng các đe dọa quân sự hay trừng phạt kinh tế"*.

Cũng theo Joseph Nye Jr., sức mạnh mềm của một quốc gia đặt trên ba nguồn: văn hóa, giá trị chính trị và chính sách đối ngoại. Áp dụng chính sách sức mạnh mềm trong phạm vi thế giới đã trở thành mục tiêu hàng đầu trong chính sách tuyên truyền quốc tế của Hồ Cẩm Đào và các lãnh đạo Trung Cộng hiện nay.

Trung Cộng có hai đường lối tuyên truyền tương đối độc lập gồm tuyên truyền đối nội nhằm kiểm soát nhận thức người dân và tuyên truyền đối ngoại tập trung vào việc ảnh hưởng dư luận quốc tế một cách phù hợp với chính sách đối ngoại của đảng Cộng sản Trung Quốc. Tạp chí *Economist* giải thích các Viện Khổng Tử được sử dụng nhằm giành được sự đồng thuận của dư luận thế giới.

Mục đích cụ thể của đường lối tuyên truyền đối ngoại gồm (1) trấn an dư luận thế giới về một Trung Cộng đe dọa, (2) bảo đảm nguồn nguyên vật liệu cung ứng cho nền kinh tế, (3) xây dựng các liên minh quốc tế và làm yếu vai trò của Đài Loan trong cộng đồng thế giới, và (4) phát huy một thế giới đa phương và giới hạn sức mạnh của Mỹ.

Khi Hồ Cẩm Đào công bố chủ trương áp dụng "sức mạnh mềm" trên thế giới đầu năm 2009, Lý Trường Xuân không giấu giếm khi cho rằng các Viện Khổng Tử là "*cửa ngõ quan trọng để làm sáng danh văn hóa Trung Quốc, giúp mở rộng văn hóa Trung Quốc, đó là phần của chiến lược tuyên truyền quốc tế*".

Mặc dù luôn bào chữa là "khách quan", "độc lập", các vấn đề nhạy cảm như biến cố Thiên An Môn, Pháp Luân Công, Tây Tạng v.v... đều bị gạch bỏ khỏi các chương trình giảng dạy tại các Viện Khổng Tử và các học viên không được phép bàn đến các vấn đề này. Do đó, khác với nội dung do Joseph Nye phác họa, chính sách của cộng sản Trung Quốc thực chất là một chính sách tuyên truyền và mua chuộc, tương tự như chính sách thực dân trước đây.

- **Hang ổ tình báo**: Trung Cộng hiện có 60 triệu Hoa kiều sinh sống gần như tại hầu hết quốc gia trên thế giới và việc sử dụng nguồn lực của đạo quân thứ năm này để phục vụ một cách hữu hiệu đường lối đảng là một quan tâm lớn của lãnh đạo Trung Cộng.

Tờ báo có uy tín của Mỹ *Forbes*, trong tháng 10 năm 2014, tố cáo một trong những trường đại học rất uy tín tại Hoa Kỳ, Đại học Stanford, đã hợp tác với Trung Cộng qua trung gian Viện Khổng Tử. Ngân sách của viện do Trung Cộng tài trợ. Tác giả bài viết trên *Forbes* trích lời phát biểu của Arthur Waldron khi nói rằng: "*Viện Khổng Tử có thể đóng vai trò then chốt trong việc ảnh hưởng chính sách tình báo của Trung Cộng*".

Cũng trên *Forbes*, tác giả Eamonn Fingleton, chỉ trích các trường đại học Mỹ bán rẻ lương tâm trí thức qua việc im lặng trước sự kiện Thiên An Môn. Lý do, tiền của Bộ Giáo dục Trung Cộng đổ vào các đại học này một cách ồ ạt qua cửa Viện Khổng Tử. Hiện nay có khoảng 220 ngàn sinh viên Hoa Kỳ theo học các Viện Khổng Tử. Tuy nhiên, điều ngạc nhiên và nguy hiểm là các hợp đồng giữa Bộ Giáo dục Trung Cộng và các đại học Hoa Kỳ đều phải được giữ kín.

Theo Fabrice de Pierrebourg, một cựu chuyên viên ngành tình báo Pháp, nhiều "chuyên viên ngôn ngữ Trung Quốc" lại có lý lịch gốc an ninh tình báo. Chức năng của những người này không phải là giáo dục mà là kiểm soát sinh viên gốc Hoa sinh ra ở nước ngoài và đồng thời tuyển dụng tình báo để làm việc cho Trung Cộng.

Phóng viên Omid Ghoreishi của báo *The Epoch Times*, trong điều tra Bắc Kinh sử dụng Viện Khổng Tử cho mục đích gián điệp *(Beijing Uses Confucius Institutes for Espionage*) đã trích dẫn lời của Michel Juneau-Katsuya, cựu Trưởng Cơ quan An ninh Tình báo đặc trách Á châu Thái Bình Dương của Chính phủ Canada rằng với kinh nghiệm nhiều chục năm của ông hoạt động trong khu vực, cho thấy Trung Cộng không ngừng nỗ lực để gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác.

Cũng theo lời ông Michel Juneau-Katsuya, đương kim Chủ tịch Chấp hành Công ty An ninh Northgate SSI và một trong những chuyên viên an ninh được trích dẫn nhiều nhất tại Canada, Viện Khổng Tử là một đe dọa đối với chính phủ và nhân dân Canada. Ông khẳng định: *"Có những thông tin cho thấy rõ ràng các cơ quan tình báo Tây phương đã xác định Viện Khổng Tử như hình thức của cơ quan tình báo do Trung Cộng sử dụng và cũng do Trung Cộng tuyển dụng"*.

Bài báo trên tờ *The Epoch Times* cũng nhắc lại lời tuyên bố của Hồ Cẩm Đào như một bằng chứng cho thấy các Viện Khổng Tử thực chất là hang ổ gián điệp. Họ Hồ phát biểu: *"Sau nhiều năm nỗ lực, chúng ta đã tìm ra cách để trồng cấy và chuẩn bị những người ủng hộ đảng chúng ta"*. Dĩ nhiên các lãnh đạo Trung Cộng luôn bác bỏ những lời tố cáo của các chuyên viên tình báo quốc tế và uy tín như Michel Juneau-Katsuya.

Các lãnh đạo Trung Cộng hãnh diện khi nhắc đến Viện Khổng Tử như một phần của "mặt trận đoàn kết" chống kẻ thù. Nhưng kẻ

thù của "mặt trận" này là ai? Không ai khác hơn là "năm nọc độc" gồm Đài Loan, Tây Tạng ly khai, thiểu số Uighurs, Falun Gong, các nhà tranh đấu dân chủ, và "thế lực thù địch Tây phương" đứng đầu là Mỹ.

Một chế độ dựa trên lừa dối và khủng bố sớm muộn cũng sẽ sụp đổ

Mặc dù phát triển kinh tế nhanh trong hai chục năm qua, Trung Cộng đang đương đầu với những khó khăn khách quan về lâu dài không thể vượt qua bao gồm yếu tố dân số thặng dư và mất cân đối, y tế công cộng thiếu hụt trầm trọng, môi sinh độc hại nhưng quan trọng nhất vẫn là cơ chế chính trị độc tài toàn trị, bóp nghẹt hầu hết các quyền căn bản của con người và tham nhũng đã trở thành một đặc tính trong mọi ngành, mọi cấp từ trung ương đến địa phương.

Lãnh đạo cộng sản Trung Quốc đã và đang làm mọi cách để tồn tại bất chấp dư luận và thể diện của một đất nước có nhiều ngàn năm văn hóa.

Sự lừa dối bỉ ổi thể hiện khi Ủy ban Thế vận Quốc tế đến kiểm nghiệm điều kiện môi sinh tại Bắc Kinh vào năm 2001 trước khi chấp thuận cho Trung Cộng làm quốc gia tổ chức.

Ngày trước đó, lãnh đạo Trung Cộng đã ra lịnh xịt nước xanh lên hai hàng cây dọc đường phố có đoàn xe của Ủy ban Thế vận chạy qua để đánh lừa họ rằng Bắc Kinh là thành phố cây xanh. Hành động này giống hệt chuyện xảy ra hơn nửa thế kỷ trước khi các lãnh đạo cộng sản tỉnh Hồ Bắc cho dời các ruộng lúa ra sát đường nơi có xe lửa của Mao chạy qua để gây tượng cho Mao rằng mùa màng dư dả.

Bản chất lừa dối của chế độ cộng sản không thay đổi và một chế độ dựa trên lừa dối và khủng bố để tồn tại, chế độ đó sớm hay muộn rồi sẽ sụp đổ.

Tham khảo:

- Meisner, M. (1977). *Mao's China: A history of the People's Republic*. The Free Press.

- Terrill, R. (2004, August 4) *The New Chinese Empire: And what it means for the United States*. Basic Books.

- *Charter for African Cultural Renaissance* (2006, January 24). UNESCO. *http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Dakar/pdf/CharterAfricanCulturalRenaissance.PDF*

- Chen Zhili *http://en.wikipedia.org/wiki/Chen_Zhili*

- Confucius Institute *(http://en.wikipedia.org/wiki/Confucius_Institute)*

- Zhang, T., Schwartz, B. (1997). Confucius and the Cultural Revolution: A Study in Collective Memory. *International Journal of Politics, Culture and Society*, 11(2).

- Propaganda in the People's Republic of China, *https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda_in_the_People%27s_Republic_of_China*

- Fingleton, E. (2014, June 1). *Follow The (Chinese) Money: The Tiananmen Anniversary And A Scandalous Silence On U.S. Campuses.* Forbes.

- Ghoreishi, O. (2014, October 14). Beijing Uses Confucius Institutes for Espionage. *Epoch Times.*

Nye, J. (2006, October 27). *Soft Power, Hard Power and Leadership.* Harvard University.

GIẶC ÂN NGÀY NAY KHÔNG Ở ĐÂU XA

Theo *Niên giám Thống kê Di dân* (Yearbook of Immigration Statistics) của Chính phủ Mỹ, tôi là một trong 280.728 người Việt Nam đến Mỹ trong thập niên 1980 - 1990. Nói như vậy để phân biệt với 135 ngàn đồng hương trong đợt di dân đầu tiên vào những ngày trước 30 tháng 4 năm 1975, với khoảng 100 ngàn chú bác anh chị cựu tù nhân chính trị, với diện ODP và nhiều diện khác đến sau. Chúng tôi được báo chí gọi chung cho một cái tên là Thuyền nhân (Boat people). Hai chữ đó đã là nguồn sáng tác của nhiều bài thơ, bút ký, nhạc phẩm mang đầy ký ức bi thương và hãi hùng trên Biển Đông.

Nhưng cũng từ những khó khăn vất vả đó, những người tị nạn như tôi đã tìm đến nhau, giúp đỡ nhau và xây dựng nên một tập thể được gọi là Cộng đồng Việt Nam.

Không giống như cộng đồng các sắc dân khác tại Mỹ, cộng đồng Việt Nam được ra đời sau một cuộc chiến tranh dài với quá nhiều đau thương và chịu đựng.

Đọc lịch sử nước Mỹ, chúng ta biết rằng những người Đức, người Ý, người Ba Lan khi đặt chân đến Mỹ, họ chỉ mang trên vai gánh nặng của tương lai. Khi còi tàu rú lên báo hiệu giờ vào cảng Boston, New York, San Francisco, cuộc đời họ được lật sang một chương

khác. Họ dễ dàng hội nhập vào xã hội kỹ nghệ Hoa Kỳ bởi vì họ đến từ một quốc gia kỹ nghệ. Họ dễ dàng hội nhập vào lối sống, tập tục, văn hóa Mỹ bởi vì chính họ cũng từ phong tục tập quán châu Âu.

Cộng đồng Việt Nam thì khác.

Đa số người Việt đến đây từ một nền văn hóa phương Đông khép kín, với những phong tục tập quán hoàn toàn khác với các sinh hoạt trong xã hội Tây phương. Người Việt ra đi mang trên hai vai cả quá khứ đầy u uất và một tương lai còn nhiều bất định. Trong hàng triệu người Việt vượt biên bằng đường biển, bao nhiêu người khi ngồi trên ghe biết mình sẽ trôi dạt về đâu? Tôi tin không ai biết chắc. Nhiều trong số họ đến được bến bờ tự do khi chiếc áo chưa phai mùi khói súng và những vết thương trên da thịt vẫn còn đang mưng mủ. Bom đạn đã thôi rơi nhưng sức chấn động như vẫn còn nghe trong giấc ngủ quê người.

Sau 42 năm, đội ngũ người Việt như tôi đến trước hay đến sau thuộc nhiều diện khác nhau, đã lên đến khoảng 3 triệu người, sống rải rác trên hàng trăm quốc gia, từ Brazil đến Moroco, từ Cộng hòa Nam Phi đến Do Thái. Họ đã góp phần làm thay đổi khuôn mặt của những nơi họ ở, biến những khu thải phế liệu thành những trung tâm thương mại khang trang, biến những con đường vốn đầy tội ác thành những khu phố sầm uất. Họ đứng trước những hàng rào về ngôn ngữ, văn hóa, thói quen, tập quán nhưng đa số đã vượt qua. Họ tận dụng mọi cơ hội trong xã hội mới, đi làm hai ba việc một ngày để lo cho con cái ăn học thành tài. Nhiều người Việt hải ngoại thành công bởi vì họ biết rõ một điều rằng không ai có thể thay đổi quá khứ nhưng chắc chắn sẽ làm chủ được tương lai.

Dù thành công ở xứ người, tình yêu quê hương trong lòng người Việt bao giờ cũng thể hiện rất rõ nét và sâu đậm. Những ngày mới ra đi nhớ quê hương là chuyện đã đành, nhưng càng đi xa, càng sống lâu trong êm ấm càng thấy thương những người còn chịu

đựng gian nan. Mỗi dịp Tết, hàng trăm ngàn đồng hương về thăm gia đình, cha mẹ, bà con.

Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn vào việc bà con về thăm nhà hay gởi tiền về cho thân nhân mà gọi đó là "đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước" hay chấp nhận chế độ chính trị tại Việt Nam thì quả thật là những đánh giá hời hợt. Bầy cá hồi nhớ đường về sông cũ và những chiếc lá thường rơi về cội. Dòng sông và nguồn cội của của người Việt là gia đình cha mẹ, mồ mả tổ tiên, thân bằng quyến thuộc chứ không phải chế độ đang cai trị đồng bào họ.

Người Do Thái có khẩu hiệu *"Người Do Thái mua hàng Do Thái"* để khuyến khích sản xuất cho nước họ, nhưng tôi tin không bao nhiêu người Việt đi chợ ở Mỹ có được tinh thần đó. Chẳng những thế, cái gì có bàn tay cộng sản Việt Nam dính vào là đại đa số người Việt hải ngoại không ưa.

Thật đáng đau buồn cho một dân tộc với hơn bốn ngàn năm văn hiến, đã giữ được nền văn hóa riêng sau một ngàn năm Bắc thuộc, đã giành được quyền tự chủ sau gần trăm năm trong bàn tay sắt của thực dân nhưng lại không vượt qua được sự lạc hậu chậm tiến của chính mình. Sức cản chính trên con đường phát triển Việt Nam về mọi lãnh vực cho đến nay vẫn là cơ chế chính trị độc tài lạc hậu và tư duy hẹp hòi thiển cận của giới cầm quyền cộng sản Việt Nam.

Giới cầm quyền cộng sản đã đặt quyền lợi đảng lên trên quyền lợi dân tộc. Với họ, độc quyền cai trị là ưu tiên tối thượng, và tất cả chính sách, dù đổi mới kinh tế hay cải cách văn hóa xã hội, đều nhằm phục vụ cho quyền cai trị hay ít ra không đi ngược với quyền lợi của đảng. Họ thà để cho đất nước lạc hậu hay tiến chậm còn hơn thực hiện các cải cách chính trị căn bản có thể đe dọa quyền cai trị.

Đảng chăn dân như chăn một bày cừu, cho ăn tạm đủ no, cho uống bớt khát, nhưng đàn cừu tội nghiệp kia 42 năm qua vẫn chưa

thấy một thảo nguyên xanh tươi hay một dòng suối mát. Sống như thế không phải là sống trong "hòa bình" và "ổn định" như một vài người nhắm mắt bưng tai biện minh cho đảng. Kết luận như thế là khinh thường nhận thức chính trị của người dân Việt Nam.

Người dân trong nước không có điều kiện thực thi nhân quyền và dân chủ chứ không phải họ không hiểu thế nào là nhân quyền và dân chủ.

Không phải đợi đọc xong Jean-Jacques Rousseau, Alexis Tocqueville, John Locke, John Stuart Mill mới hiểu rằng con người có quyền phát biểu những gì họ nghĩ, có quyền sống nơi họ chọn lựa, có quyền bầu ra người đại diện cho mình trong chính phủ và quốc hội.

Nhân quyền là quyền bẩm sinh của con người chứ không phải do ai ban phát. Việc cho rằng người dân trong nước đang "yên vui hưởng phúc thái bình" là lặp lại giọng điệu tuyên truyền của ba đời họ Kim ở Bắc Hàn.

Một dân tộc bốn ngàn năm không ngừng tranh đấu nhưng cho đến hôm nay, ngoại trừ một thời gian ngắn ở miền Nam, vẫn chưa có được những quyền tự do chính trị căn bản mà các bộ lạc ở Ghana, Congo đang có.

Đó là nói về nhận thức, còn trong thực tế thì sao?

Sau 42 năm qua nhân dân Việt Nam có thật sự "yên vui hưởng phúc thái bình" không? Đánh tư sản mại bản chưa xong là cải tạo công thương nghiệp, kinh tế mới, trại tập trung, chiến tranh Kampuchia 1979, chiến tranh với Trung Cộng lần thứ nhất 1979, nạn đói từ 1976 đến 1981, đụng độ với Trung Cộng lần nữa và mất một phần lãnh thổ phía Bắc trong trận Lão Sơn 1984, bị hải quân Trung Cộng đánh bại tại Trường Sa 1988.

Có một thời cây kim đồng hồ tại Việt Nam như đứng lại, dân tộc Việt như một đàn chim bay tán loạn bốn phương trời. Và khi nội lực tiêu tan, khả năng kiệt quệ, cố mở mắt nhìn ra bên ngoài thì than ôi nhân loại đã bỏ xa mình hàng thế kỷ.

Giang sơn gấm vóc nhuộm bằng mồ hôi nước mắt của tổ tiên, từ biên giới phía Bắc đến các hải đảo thân yêu, đang từng mảnh rơi vào tay Trung Cộng.

Sở dĩ đến hôm nay Việt Nam còn giữ được vài đảo trong quần đảo Trường Sa bởi vì cuộc tranh chấp chủ quyền của quần đảo liên quan đến nhiều nước, nếu đó chỉ là cuộc tranh chấp giữa Trung Cộng và Việt Nam thôi thì Trường Sa đã mất lâu rồi. Làm người Việt Nam mà không biết cái nhục yếu hèn, không lo cái họa mất nước, mà còn gọi đó là "thái bình" và "ổn định" sao?

Với chủ trương bảo vệ quyền cai trị bằng mọi giá nên mặc dù ngoài miệng hô hào hòa giải để cùng nhau xây dựng đất nước, trong mắt của giới cầm quyền đảng, khối người Việt nước ngoài vẫn là những kẻ đáng nghi ngờ, vẫn là lực lượng phản động đang chờ cơ hội lật đổ quyền cai trị của đảng.

Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để, vì thế, là một tiến trình không thể nào tránh khỏi tại Việt Nam. Nỗ lực của những người Việt yêu nước, dù trong hay ngoài nước, dù tạm thời còn trong đảng hay đang trực diện đấu tranh chống đảng, không phải là ngăn cản hay đẩy lùi tiến trình đó, nhưng nên chung lưng góp sức với nhau để cách mạng được diễn ra trong hòa bình, thuận lợi và ít lãng phí tài nguyên dân tộc.

Việt Nam hơn bao giờ hết đang cần nhiều Phù Đổng vươn vai cứu nước, nhưng để trở thành Phù Đổng, các thế hệ Việt Nam phải can đảm bước xuống khỏi chiếc nôi đang ru ngủ họ và nhận ra đâu là chướng ngại trên con đường phục hưng và phát triển Việt

Nam. Giặc Ân ngày nay không ở đâu xa mà đang đứng trước mặt và không ai khác hơn chính là giới cầm quyền cộng sản đang cai trị đất nước

KINH NGHIỆM "THOÁT NGA" CỦA CÁC NƯỚC VÙNG BALTIC VÀ CHỌN LỰA VIỆT NAM

Ngoại trừ các bậc thánh nhân, tiên tri có khả năng thấy xuyên nhiều thời đại, con người, tuyệt đại đa số, từ hành vi cho đến các phát minh khoa học vẫn không tách rời khỏi thời đại mình đang sống. Con người vẫn là con người của lịch sử, được quy định bởi lịch sử, và hành động giới hạn trong giai đoạn lịch sử nhất định mà họ sống.

Các nhà lãnh đạo quốc gia phân tích tiên đoán tương lai của một quốc gia dựa trên các điều kiện kinh tế chính trị quân sự đang diễn ra. Tuy nhiên như lịch sử đã chứng minh, khi quyết định, phần lớn các lãnh đạo dù độc tài hay chân chính đều nhìn về quá khứ. Lý do, quá khứ đã được chứng nghiệm giúp cho họ yên tâm và xem đó nguồn bảo đảm cho quyết định của họ. Kinh nghiệm "thoát Nga" của các quốc gia vùng Baltic gồm Estonia, Latvia, và Lithuania, sau khi Liên Xô sụp đổ là một kinh nghiệm quý giá mà người Việt Nam quan tâm đến tiền đồ đất nước cần phải học.

Cộng hòa Estonia

Estonia là một nước nhỏ có diện tích 45,226 kilômét vuông, nằm bên bờ biển Baltic trong vùng Đông Bắc Âu và có một lịch sử rất

dài bắt đầu từ nhiều ngàn năm trước Công nguyên. Dân số Estonia theo thống kê năm 2014 cũng chỉ 1 triệu 200 ngàn người nhưng dân tộc này đã trải qua những chặng đường lịch sử đầy bi tráng.

Vì giữ vị trí chiến lược nên suốt dòng lịch sử lãnh thổ Estonia đã là bãi chiến trường giữa các nước lớn trong vùng như Đan Mạch, Đức, Nga, Thụy Điển, Ba Lan. Estonia bị xâm lăng, chiếm đoạt và sang tay nhiều đế quốc. Đan Mạch cai trị Estonia suốt thế kỷ 13. Thế kỷ 14 Estonia trở nên một phần của Liên bang Livonia. Thế kỷ 16 Estonia rơi vào tay Thụy Điển. Thế kỷ 17 Estonia bị nhượng cho đế quốc Nga sau chiến tranh Nga - Thụy Điển. Dù chịu đựng âm mưu đồng hóa, sang nhượng, lệ thuộc, dân tộc nhỏ nhoi vùng Baltic này vẫn không mất gốc.

Vào thế kỷ 18, tinh thần dân tộc Estonia thức tỉnh và gần cuối Thế chiến thứ nhất, Estonia tuyên bố độc lập vào ngày 24 tháng 2 năm 1918.

Mười tháng sau, ngày 12 tháng 12 năm 1918 là ngày trọng đại đối với dân tộc Estonia sau nhiều thế kỷ bị xâm lăng. Hôm đó nhân dân Estonia chính thức được chào quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng đại diện cho Cộng hòa Estonia và hát quốc ca *Mu isamaa, mu õnn ja rõõm* (Quê hương, niềm kiêu hãnh và vui mừng). Một điểm đặc biệt, quốc ca Estonia cùng giai điệu với quốc ca Phần Lan được nhạc sĩ Fredrik Pacius phổ từ bài thơ *Đất nước tôi* (Our Land) của nhà thơ Johan Ludvig Runeberg. Vì Estonia và Phần Lan chia sẻ nhiều yếu tố văn hóa chung nên Cộng hòa Estonia khi thành lập 1918 cũng đã dùng bản nhạc này làm quốc ca.

Độc lập hòa bình không được bao lâu. Tháng 8 năm 1939, Stalin và Hitler ký thỏa ước bất can thiệp Molotov - Ribbentrop Pact với những điều khoản bí mật, trong đó Hitler đồng ý để Liên Xô chiếm Estonia cùng với Lithuania và Latvia. Sau khi hiệp ước được hai tên

độc tài ký kết, Stalin đưa quân đội và xe tăng chiếm đóng Estonia. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Estonia được dựng lên ngày 21 tháng 7 năm 1940 và đặt dưới sự cai trị trực tiếp bởi đảng Cộng sản Estonia, một chư hầu của Liên Xô.

Hitler xé bỏ Hiệp ước Molotov - Ribbentrop qua việc phát động mặt trận miền Đông tấn công Liên Xô ngày 22 tháng 6 năm 1941 và chiếm đóng Estonia từ tháng 7 năm 1941.

Cuối Thế chiến thứ hai, niềm hy vọng phục hồi nền độc lập vừa sáng lên một thời gian rất ngắn đã vụt tắt khi Estonia lần nữa bị Liên Xô chiếm với sự làm ngơ của Mỹ và Anh tại hội nghị Yalta.

Hai chính sách *Glasnost* (Cởi mở) và *Perestroika* (Công khai hóa) do Mikhail Gorbachev giới thiệu vào năm 1985 đã tạo cơ hội cho nhân dân Estonia đứng lên đòi độc lập. Nhiều chương trình văn nghệ ngoài trời được tổ chức tại thủ đô Tallinn trong đó bài quốc ca bị cấm cũng đã được nhân dân tự động hát. Các lãnh đạo độc lập Estonia chính thức công bố lời kêu gọi độc lập Estonia khỏi ách thống trị của Liên Xô. Cách mạng hát hùng ca được phát động từ những ngày đêm lịch sử đó và đã trở thành cơn sóng lớn đánh sụp lâu đài cộng sản xây trên bờ cát phía đông biển Baltic.

Cộng hòa Latvia

Chiều thứ sáu ngày 6 tháng 9 năm 1991, các báo lớn trên khắp thế giới loan tin "Moscow chính thức công nhận quyền độc lập của ba quốc gia Lithuania, Latvia và Estonia sau nửa thế kỷ kiểm soát". Ngoại trưởng Liên Xô Boris N. Pankin tuyên bố: *"Chúng tôi công nhận chủ quyền độc lập của ba quốc gia vừa tách rời khỏi Liên Bang Xô Viết. Chúng ta đang chứng kiến một biến cố lịch sử ngay tại thời điểm này"*. Lời tuyên bố của Ngoại trưởng Liên Xô phát ra khi 250 ngàn quân Xô Viết vẫn còn đóng trên lãnh thổ ba quốc gia vùng Baltic: Latvia, Estonia và Lithuania.

Không tính 200 năm dưới sự cai trị hà khắc của các triều đại Nga Hoàng, thời gian từ 1939 đến 1990 là một thời gian khủng khiếp để một dân tộc với dân số chưa đến 2 triệu như Latvia phải chịu đựng từ Stalin sang Hilter, trở lại Stalin và thời kỳ cộng sản sau đó.

Năm 1939, Stalin thỏa thuận với Hitler qua Hiệp ước bất can thiệp Molotov -Ribbentrop xua quân chiếm đóng Latvia. Phần lớn sĩ quan cao cấp trong quân đội Cộng hòa Latvia đều bị giết chết. Hầu hết các lãnh đạo và viên chức chính phủ cộng hòa đều bị bắt và đày sang các trại tù miền Trung Á.

Năm 1941, khi Hitler xé Hiệp ước Molotov - Ribbentrop mở Mặt trận miền Đông tấn công Liên Xô, các quốc gia vùng Baltic rơi vào tay Hilter nhanh chóng. Latvia chịu đựng dưới chính sách hà khắc của Hitler. Lần này, không chỉ người Latvia mà nhất là người Latvia gốc Do Thái trở thành mục tiêu trấn áp. Theo các thống kê, chỉ còn 10 phần trăm dân Latvia gốc Do Thái sống sót sau Thế chiến thứ hai.

Khi Hitler thua, Stalin trở lại, cưỡng chiếm và sau đó sáp nhập Latvia vào Liên Xô. Khoảng 136 ngàn người Latvia bị kết tội là "kẻ thù nhân dân" và bị đày đến các tại tập trung lao động khổ sai nhiều nơi trên vùng Trung Á và Siberia. Tài sản bị tịch thu, ruộng đất bị tước đoạt. Các hình thức xét xử gọi là "Tòa án nhân dân" được dựng lên khắp nơi. Khi Stalin chết, Nikita Khrushchev lên và cho phép dân Latvia lưu đày được trở về nguyên quán, nhưng quá trễ, phần đông đã chết trong tù đày.

Trong trường học, Thỏa hiệp Molotov - Ribbentrop, chiếm đóng vùng Baltic không được nhắc đến và triết học Mác Lê là môn học chính. Một tầng lớp Latvia phản quốc được Liên Xô đào tạo để phục vụ cho chế độ cộng sản. Đảng Cộng sản Latvia lúc đầu chỉ 400 đảng viên đã phát triển thành một tập đoàn tham nhũng, bán

nước, tiếp tay với cộng sản Liên Xô đày đọa chính đồng bào mình. Chính thành phần phản quốc trong cái gọi là "Quốc hội Latvia" đã bỏ phiếu sáp nhập Latvia vào Liên Xô.

Nhưng dân tộc Latvia và Cộng hòa Latvia vẫn sống, vẫn tồn tại. Ngày 27 tháng 02 năm 1990, cả nước Latvia chào lá quốc kỳ hai màu trắng và huyết dụ được khai sinh trong thời kỳ độc lập 1918. "Cờ tổ quốc" nền đỏ búa liềm với ngôi sao vàng cộng sản bị ném vào sọt rác của quá khứ đáng quên.

Cộng hòa Lithuania

Sau thời gian nhiều thế kỷ dưới chế độ bộ lạc và phong kiến, Lithuania đoàn kết dưới thời vua Mindaugas năm 1251. Thông qua hôn nhân, một trong những vua sau đó cũng là vua của Ba Lan. Lithuania kết hợp với Ba Lan thành Cộng đồng Ba Lan - Lithuania (Polish - Lithuanian Commonwealth) năm 1569.

Sau hơn hai thế kỷ tồn tại, Cộng đồng Ba Lan - Lithuania tan rã năm 1795 và phần lớn lãnh thổ Lithuania rơi vào tay Nga. Sau Thế chiến thứ nhất, Lithuania tuyên bố độc lập và nước Cộng hòa Lithuania chính thức ra đời ngày 16 tháng 2 năm 1918. Năm 1922, Hoa Kỳ công nhận Lithuania.

Tháng 6 năm 1940, sau khi gởi một tối hậu thư ngắn, Liên Xô tiến chiếm Lithuania. Năm 1941, Hitler đánh bật Liên Xô và chiếm đóng Lithuania. Vào giai đoạn cuối của Thế chiến thứ hai, Liên Xô phản công Đức và tái chiếm đóng Lithuania, sau đó sáp nhập vào Liên Xô cho đến khi Lithuania được phục hưng vào tháng 02 năm 1990.

Dân số hiện nay của Lithuania là 2,9 triệu người. Lithuania là hội viên của Liên Hiệp châu Âu (EU), Hội đồng châu Âu (CoE) và Minh ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tổng sản lượng nội địa (GDP): 82,4 tỉ Mỹ kim, GDP theo đầu người: 28.359,00 Mỹ kim.

Cách mạng dân chủ được viết bằng xương máu của những người đã đổ xuống trong thời điểm lịch sử nhưng giữ được lâu dài nhờ những nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa vào tương lai đất nước.

Vytautas Landsbergis và phong trào Sajudis

Người viết đã có dịp giới thiệu tầm nhìn của một số chính khách như Nelson Mandela, Mustafa Kemal Atatür… Lần này xin giới thiệu Tiến sĩ Vytautas Landsbergis, giáo sư âm nhạc và là nhà lãnh đạo đầu tiên của Cộng hòa Lithuania sau cộng sản.

Vytautas Landsbergis là một tấm gương soi, một bài học quý giá về tầm nhìn đất nước, nhất là các nước nhỏ phải tồn tại và vươn lên bên cạnh một nước lớn đầy tham vọng. Người dân Lithuania gọi Vytautas Landsbergis là con người định hướng đi cho đất nước.

Giáo sư Vytautas Landsbergis sinh ngày 18 tháng 10 năm 1932 tại Kaunas, Lithuania. Ông tốt nghiệp Học viện Âm nhạc Lithuania năm 1955, và năm 1969 ông trình luận án Tiến sĩ Âm nhạc. Từ năm 1978 đến năm 1990, ông là giáo sư âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Lithuania và Đại học Vilnius Pedagogical. Giáo sư Vytautas Landsbergis là một trí thức nổi bật trong Phong trào Sajudis được thành lập năm 1988 với mục đích tối hậu là đưa Lithuania ra khỏi xích xiềng cộng sản Liên Xô. Ông được bầu làm chủ tịch của phong trào.

Phong trào bắt đầu bằng những hoạt động phi chính trị như yêu cầu ngưng xây dựng nhà máy hạt nhân, ủng hộ các cải cách văn hóa, xã hội, kinh tế của Mikhail Gorbachev. Nhóm bắt đầu chỉ với 35 thành viên, phần đông là văn nghệ sĩ, một số trong nhóm từng là đảng viên đảng Cộng sản Lithuania. Phong trào Sajudis tổ chức nhiều cuộc tập hợp lớn, trong đó có buổi tập hợp với hàng trăm ngàn người tham dự đánh dấu ngày Hitler và Stalin ký kết Hiệp ước Molotov - Ribbentrop Pact cưỡng chiếm ba nước nhỏ vùng Baltic trong đó có Lithuania.

Phong trào Sajudis mỗi ngày thêm lớn mạnh và được sự ủng hộ của dân chúng. Đảng Cộng sản Lithuania bị cô lập dần và cuối cùng đồng ý từ bỏ độc quyền cai trị. Cuộc bầu cử quốc hội tự do được tiến hành vào tháng 02 năm 1990 và Phong trào Sajudis chiếm được 101 trong số 141 ghế đại biểu quốc hội. Thời kỳ đó Lithuania chưa bầu tổng thống hay đề cử thủ tướng. Vytautas Landsbergis được bầu làm Chủ tịch Quốc hội và theo hiến pháp tạm thời, ông là Chủ tịch của Hội đồng Tối cao và được xem như Quốc trưởng của Cộng hòa Lithuania vừa được hồi sinh.

Tháng 3 năm 1990, Lithuania tuyên bố độc lập. Nhiệm vụ lịch sử của Phong trào Sajudis được xem như hoàn thành. Các thành viên của phong trào, có người ở lại, có người ra đi, có người thành lập các đảng phái tổ chức riêng.

Năm 1993, Vytautas Landsbergis và một số thành viên Phong trào Sajudis thành lập đảng chính trị Homeland Union (Tėvynes Sąjunga). Đảng Homeland Union thắng lớn trong cuộc bầu cử quốc hội lần thứ hai và Giáo sư Vytautas Landsbergis lần nữa là Chủ tịch Quốc hội nhiệm kỳ 1996 - 2000. Khi Lithuania gia nhập Cộng đồng Âu châu năm 2004, ông được bầu vào Quốc hội Âu châu và được tái đắc cử năm 2009.

Vytautas Landsbergis và tầm nhìn về lãnh thổ

Hôm đó là ngày 29 tháng 7 năm 1991, hai phái đoàn đại diện hai nước cộng hòa vừa được tái lập, Cộng hòa Lithuania do Quốc trưởng Vytautas Landsbergis cầm đầu và Cộng hòa Nga dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Boris Yeltsin, gặp nhau để ký thỏa hiệp công nhận và hợp tác giữa hai nước.

Khi hai bên sắp ký, Boris Yeltsin bỗng chỉ thị các nhân viên phái đoàn Nga rút một câu ra khỏi bản văn của thỏa hiệp trong đó thừa

nhận Liên Xô vào tháng 6 năm 1940 đã sáp nhập Lithuania vào Liên Xô một cách phi pháp.

Vytautas Landsbergis đứng dậy nhìn thẳng Boris Yeltsin và nói: *"Boris Nikolayevich, ông là một người đứng đắn, chúng ta đã đồng ý với nhau điều đó rồi"*. Boris Yeltsin đáp: *"Vâng, chúng ta đã đồng ý, vấn đề này không bàn nữa"*.

Với một người bình thường, sự kiện Lithuania từng bị Liên Xô sáp nhập có thể không còn đáng để bàn. Trước mắt mọi người lịch sử đang bước sang một chương mới, Liên Xô tan rã, cả phong trào cộng sản Đông Âu đang sụp đổ, Cộng hòa Lithuania hồi sinh và được hàng trăm quốc gia công nhận. Cả hai dân tộc nên nhìn về tương lai thay vì nhìn lại quá khứ. Nhắc lại chuyện cũ để làm gì.

Nhưng không. Vytautas Landsbergis phản đối Boris Yelstin bởi vì ông là một lãnh đạo nhìn xa trông rộng. Boris Yeltsin, một phần có cảm tình với phong trào độc lập của Lithuania nhưng phần lớn hơn muốn dùng Lithuania để chống Mikhail Gorbachev nên đã đồng ý thừa nhận Liên Xô cưỡng chiếm Lithuania trong lần gặp Vytautas Landsbergis trước đó ở Moscow. Tuy nhiên, đó chỉ là lời hứa miệng, không có gì để bảo đảm các nhà lãnh đạo Nga sau này cũng cam kết giống như Yeltsin nếu không có một văn bản được lãnh đạo hai quốc gia cùng ký.

Về mặt quốc tế, Nga cũng thừa hưởng mọi vị trí của Liên Xô đã giữ trước khi sụp đổ như vai trò trong Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, các hiệp ước quốc tế Liên Xô đã ký và chủ quyền lãnh thổ mà Liên Xô đang tranh chấp với các nước láng giềng. Do đó, nếu không có chữ ký của Yeltsin, Lithuania đã vướng vào một cuộc tranh chấp lãnh thổ và do đó không đủ tiêu chuẩn để gia nhập Liên hiệp châu Âu hay NATO. Trong văn khố của Nga vẫn còn các văn bản, dù bất bình đẳng, trong đó Chính phủ Lithuania vào năm 1940 đã chấp

nhận lệ thuộc vào Liên Xô. Xa hơn, Vladimir Putin có thể cho rằng Lithuania chưa bao giờ chính thức là một nước độc lập mà vẫn là một phần của Đế quốc Nga như trước Thế chiến thứ nhất.

Vytautas Landsbergis và tầm nhìn về xu hướng chính trị thời đại

Hôm đó là ngày 25 tháng 12 năm 1991. Aleksandr Ivanovich, sĩ quan phụ trách trạm canh điện Kremlin rời trạm canh đi ăn cơm tối. Khi anh đi lá cờ đỏ sao vàng với hình búa liềm vẫn còn bay trong gió chiều của mùa đông Moscow, nhưng khi anh trở lại và ngạc nhiên khi thấy lá cờ đã bị hạ xuống và thay vào đó lá quốc kỳ Cộng hòa Nga ba màu trắng, xanh, đỏ vừa được ai đó kéo lên.

Anh Aleksandr không xem TV nên không biết Liên Xô chính thức cáo chung vào lúc 7 giờ 12 phút tối ngày 25 tháng 12 năm 1991 sau khi Mikhail Gorbachev chấm dứt diễn văn từ chức và quốc kỳ Cộng hòa Nga được treo trước tòa nhà Hội đồng Bộ trưởng lúc 7 giờ 45 phút tối. Không chỉ riêng anh Aleksandr mà nhiều triệu dân Moscow cũng không quan tâm nhiều đến những gì đang diễn ra trên đất nước họ. Ngoài trừ tiếng chuông trên tháp Spassky Tower của điện Kremlin vang lên báo hiệu một thay đổi lớn, phần đông người dân Nga bàng quan với giờ phút lịch sử của đất nước mình. Không ai hoan hô và cũng không ai đả đảo.

Ngày 25 tháng 12, thật ra, chỉ là ngày trên danh nghĩa, trên giấy tờ và thực tế Liên Xô đã chấm dứt tồn tại ba tuần trước đó tại nhà nghỉ trong khu rừng Białowieża ở Belarussia. Tại đó, đại diện ba nước cộng hòa Nga, Ukraine và Belarus ký hiệp ước tuyên bố giải thể chế độ cộng sản Liên Xô và thành lập Cộng đồng các Quốc gia độc lập (Commonwealth of Independent States, gọi tắt là CIS).

Hiệp ước CIS bắt đầu bằng câu khẳng định: *"Liên Xô trên bình diện luật quốc tế cũng như thực tế địa lý chính trị đã ngừng tồn tại"*.

Các nước Azerbaijan, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, Gruzia sau đó cũng đã ký vào hiệp ước này, nâng tổng số lên 12 nước thành viên.

Thời điểm khi Liên Xô tan rã là thời điểm vô cùng quan trọng cho 15 nước thuộc Liên Xô để chọn một hướng đi. Họ chỉ có hai con đường để chọn. Gia nhập CIS có nghĩa là chọn đi về hướng Đông hay hướng Nga và từ chối CIS tức chọn đi về hướng Tây hay hướng thế giới tự do.

Vytautas Landsbergis và hai nhà lãnh đạo của Latvia và Estonia từ chối lời mời của Boris Yeltstin để tham gia hội nghị thành lập CIS. Ba quốc gia Latvia, Lithuania và Estonia ngay từ đầu đã không muốn liên hệ trực tiếp hay gián tiếp gì đến Nga và CIS. Thái độ của Vytautas Landsbergis trong thời gian giành độc lập 1990 đã dứt khoát với quá khứ cộng sản và lệ thuộc vào Nga dưới bất cứ hình thức nào. Ông chọn hướng đi dân chủ Tây phương cho nền cộng hòa non trẻ Lithuania.

Vytautas Landsbergis về cá nhân không có nhiều cảm tình với Anh, Mỹ, Pháp. Trong lịch sử cận đại các cường quốc phương Tây đã hơn một lần bỏ rơi họ. Trong suốt 50 năm, các cường quốc Tây phương cũng chưa hề công khai lên tiếng tố cáo Liên Xô đã chiếm đóng Lithuania. Sự thật cay đắng đó đến nay vẫn còn được nhắc. Tuy nhiên, cảm tình thương ghét là chuyện của cá nhân, còn hướng đi của dân tộc và thời đại là chuyện của đất nước. Ông đã chọn đi cùng đất nước.

Những bài học đau thương của các thế hệ Lithuania trong thời gian dài lệ thuộc dưới ách cai trị của đế quốc Nga là những lời khuyên dành cho Vytautas Landsbergis và các lãnh đạo Baltics biết nên tránh Nga càng xa càng tốt và càng sớm càng tốt. Các điều khoản về bình đẳng quyền hạn và trách nhiệm trong hiệp ước thành

lập CIS chỉ có trên giấy tờ. Gia nhập CIS là rơi vào chiếc bẫy bành trướng truyền thống của Nga.

Vytautas Landsbergis và chủ trương "thoát Nga"

Trong diễn văn trước Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc ngày 28 tháng 9 năm 1992, Vytautas Landsbergis tố cáo những khái niệm mà các lãnh đạo Nga hay dùng như "biên giới gần" hay "xung đột trong các quốc gia vùng Baltic" vẫn còn trong suy nghĩ của các lãnh đạo Nga sau cộng sản. Đó là những lý do giới lãnh đạo Nga viện dẫn để can thiệp vào nội bộ Latvia, Lithuania và Estonia. Chủ trương bành trướng truyền thống đã có từ thời các Nga Hoàng, sang cộng sản và sau cộng sản.

Phương pháp "thoát Nga" duy nhất là dân chủ hóa đất nước nhanh chóng để qua đó hội nhập vào dòng phát triển của kinh tế châu Âu. Ngay sau khi độc lập một hiến pháp dân chủ được công bố vào tháng 10 năm 1992 và các chính sách tư hữu hóa nền kinh tế được thực hiện sau đó để mong đuổi kịp các quốc gia phát triển.

Ngày 2 tháng 6 năm 1993, ba nhà lãnh đạo Baltics gặp nhau tại Jurmala, Latvia để soạn thảo chung một thỉnh nguyện thư gởi EU để được tham gia với tư cách thành viên phụ (Associate Members). Các nước Baltics phát hành tiền tệ riêng, đòi hỏi dân các quốc gia CIS phải có visa mới được nhập cảnh và chi tiết đến mức thay đổi số điện thoại vùng để tránh nhầm lẫn với CIS.

Vấn đề khó khăn nhất phải đàm phán với Nga là sự hiện diện của nhiều sư đoàn quân Nga trên lãnh thổ Baltics. Không giống trường hợp Đông Đức hay các nước Đông Âu, quân đội Nga có mặt trên lãnh thổ Baltics là kết quả của hiệp ước 1940. Dù bất bình đẳng, các quốc gia này đã chấp nhận để quân đội Liên Xô đồn trú trên lãnh thổ quốc gia họ. Vytautas Landsbergis nhắc lại và nhấn mạnh với phái đoàn Nga chính Boris Yeltsin đã thừa nhận trong hiệp ước

1991 rằng Liên Xô đã cưỡng chiếm vùng Baltics một cách phi pháp, do đó, quân đội Nga phải rút ra khỏi ba nước Baltic. Nga buộc phải rút quân.

Chọn lựa đi về hướng Tây của Lithuania là một chọn lựa khôn ngoan, đúng lúc. Không giống như trường hợp Georgia phải trải qua nhiều xung đột với Nga cho tới 2009 mới rút chân ra khỏi CIS với nhiều thương tích.

Vytautas Landsbergis và tầm nhìn về an ninh chiến lược

Lúc 1 giờ chiều ngày 29 tháng 3 năm 2004 tại Washington DC, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Colin Powell thay mặt Liên minh Bắc Đại Tây Dương (NATO) chấp nhận bảy quốc gia hội viên mới gồm Bulgaria, Estonia, Latvia, Lithuania, Romania, Slovakia và Slovenia. Đây là lần thứ năm NATO mở rộng và nâng tổng số hội viên lên đến 26 quốc gia.

Vytautas Landsbergis luôn nhấn mạnh Lithuania là một phần của châu Âu và hội nhập vào dòng sống của châu Âu là một định hướng căn bản trong nhận thức chính trị của ông. Vytautas Landsbergis phát biểu tại Bỉ năm 1997: *"Khi đứng bên bờ biển Baltic, người dân Lithuania luôn nhìn về hướng Tây"*. Hai tổ chức mà Vytautas Landsbergis luôn nhắm tới để trở thành hội viên ngay từ đầu là Cộng đồng châu Âu và NATO. Năm 2004, Lithuania hoàn thành cả hai mục đích.

Khối quân sự Warsaw chết không kèn, không trống vào ngày 25 tháng 02 năm 1991 tại Budapest, Hungary khi chỉ còn 5 quốc gia thành viên. Từ đó, Nga không có một liên minh quân sự nào đủ khả năng làm đối trọng với NATO. Các nhà chiến lược Nga tiên đoán sau Hungary, Ba Lan và Tiệp, sớm hay muộn các nước Đông Âu còn lại cũng sẽ trở thành hội viên của NATO. Tuy nhiên, các quốc gia vùng Baltic thì khác. Sự kiện ba nước Baltics gia nhập NATO

đã làm Nga giận dữ và công khai chống đối. Không giống các nước Đông Âu, các quốc gia Baltics vốn là một phần của Nga và sau đó là Liên Xô và chưa có quốc gia nào vốn thuộc Liên Xô tham gia NATO. Nga còn viện dẫn mặc dù đã rút quân nhưng các căn cứ quân sự của Liên Xô và sau đó Nga xây dựng vẫn còn trên lãnh thổ Lithuania. Chính phủ Lithuania cho Nga biết những căn cứ đó quá lạc hậu và không đủ tiêu chuẩn NATO.

Các lãnh đạo Nga từ Yeltsin và về sau, dĩ nhiên, muốn Lithuania là một nước trung lập nhưng lịch sử đã cho Vytautas Landsbergis thấy trung lập chỉ có trên danh nghĩa chứ không phải trên thực tế. Tháng 9 năm 1939, khi Hitler phát động Thế chiến thứ hai, Lithuania tức khắc tuyên bố trung lập nhưng kết quả đã bị hai chế độ độc tài Stalin và Hitler thay phiên nhau dày xéo trên mảnh đất chỉ 25 ngàn cây số vuông và kết quả khoảng một phần ba dân số bị giết, bị đày ải hay thất lạc trong suốt thời gian bị ngoại xâm chiếm đóng.

Việc Lithuania gia nhập NATO cũng gây nên rất nhiều tranh luận cho chính giới của quốc gia này nhưng Lithuania cần sự bảo vệ dưới một hàng rào an ninh tập thể châu Âu. Đó là ý do chính yếu và là một chọn lựa sống còn. Thủ tướng Ba Lan Alexandre Kwasnewski trả lời báo chí rằng quốc gia ông gia nhập NATO có cùng lý do như các nước khác không muốn rời NATO. Chủ quyền của Lithuania không thể được bảo vệ nếu chỉ đứng nhìn châu Âu như một người khách lạ.

Bốn thành quả hội nhập và thăng tiến của Lithuania

Phân tích tiến trình phát triển của Lithuania cho thấy có bốn thành quả giúp quốc gia này để giành độc lập, hội nhập và thăng tiến gồm:

1. Dân chủ hóa đất nước

2. Đoàn kết dân tộc

3. Chiến lược hóa vị trí của quốc gia

4. Tham gia các liên minh quân sự đáng tin cậy.

Bốn điều kiện tiền đề đó của Lithuania hoàn toàn thích hợp với trường hợp Việt Nam khi đương đầu với Trung Cộng mà người viết đã trình bày trong chính luận "Để thắng được Trung Cộng".

- *Dân chủ:* Ngay trong ngày tuyên bố độc lập 11 tháng 3 năm 1990, quốc hội vừa được bầu với phong trào độc lập Sajudis chiếm đa số đã công bố một hiến pháp tạm thời để điều hành guồng máy quốc gia. Vytautas Landsbergis, chủ tịch quốc hội và lãnh đạo tối cao của quốc gia thời đó công bố hàng loạt cải cách chính trị để dân chủ hóa Lithuania bởi vì đối với các quốc gia dân chủ tiên tiến châu Âu, dân chủ là tiền đề để đối thoại và là điều kiện tiên quyết để hội nhập. Một hiến pháp khác phối hợp các đặc điểm dân chủ từ các hiến pháp Mỹ, Pháp với truyền thống văn hóa Lithuania ra đời ngày 25 tháng 10 năm 1992. Mặc dù có nhiều tranh chấp chính trị nội bộ, các mục tiêu cải cách dân chủ và độc lập từ Nga không thay đổi trong nhận thức của các nhà lãnh đạo Lithuania.

Việt Nam dân chủ và dân chủ trước Trung Cộng. Phần đông các nhà phân tích chính trị Việt Nam đồng ý rằng Việt Nam phải có dân chủ mới bảo vệ được đất nước. Điều đó đúng nhưng cần phải nói thêm, dân chủ không chỉ giúp bảo vệ đất nước mà còn để thắng được Trung Cộng. Ngoài ra, dân chủ phải đến sớm, đừng đợi đến khi chiến tranh Á châu bùng nổ, máu đổ, thây phơi mới đến.

Chỉ có một Việt Nam đoàn kết dưới ngọn cờ dân chủ mới thật sự tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc và là nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài. Trung Cộng không sợ USS George Washington hay bom nguyên tử mà sợ dân chủ và rất lo "sân sau" cộng sản Việt Nam trở thành một nước dân chủ. Vũ khí dân chủ sẽ gây một phản ứng dây chuyền dẫn tới sự tan vỡ toàn

bộ cơ chế cộng sản. Một Trung Cộng mênh mông có nguy cơ tan thành nhiều mảnh, chủ quyền ngay tại lục địa còn không giữ được nói chi là chủ quyền trên hai nhóm đảo Hoàng Sa, Trường Sa xa xôi.

- *Đoàn kết dân tộc:* Phong trào Sajudis bắt đầu chỉ với 35 người nhưng tập hợp được nhiều trăm ngàn người dân Lithuania bởi vì họ theo đuổi một mục đích chung, cụ thể và khả thi, đó là giành độc lập. Sau thời kỳ độc lập, phong trào Sajudis tự nguyện phân chia thành nhiều tổ chức khác nhau nhưng trong giai đoạn hai năm từ 1989 đến 1991, Sajudis chỉ tập trung vào một mục tiêu duy nhất là tháo xích xiềng cộng sản Liên Xô. Niềm khao khát lớn nhất của người dân Lithuania trong giai đoạn này là "thoát Cộng" và vì thế họ đã đoàn kết sau lưng phong trào Sajudis. Con đường "thoát Cộng" rất gian nan và những thay đổi kinh tế chính trị cũng đã rất khó khăn nhưng chỉ trong vòng hơn mười năm Lithuania đã đáp ứng mọi tiêu chuẩn của EU và NATO đề ra để trở thành hội viên của cả hai tổ chức uy thế nhất châu Âu.

Dân chủ là điều kiện tiền đề trong chính sách đối ngoại nhằm tạo sự tin cậy nơi các nước dân chủ Tây Phương nhưng quan trọng nhất là nền tảng của đoàn kết dân tộc.

Một dân tộc chia rẽ không thắng được ai. Đây là thời điểm để xác định lại lòng yêu nước. Yêu nước ngày nay không phải là sản phẩm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan hay bùa mê cộng sản mà gắn liền với với quyền lợi sống còn của đất nước và hướng đi dân chủ nhân bản của thời đại.

- *Chủ động chiến lược hóa vị trí quốc gia:* Ba quốc gia Baltics giữ một vị trí chiến lược sườn phía tây của châu Âu trên bờ biển Baltic. Tuy nhiên, cũng vì vị trí chiến lược này mà ba nước đã luôn là chiến trường của các đế quốc. Trong suốt hàng trăm năm, Nga và Thụy Điển tranh nhau kiểm soát đường ra biển Baltic đã sử dụng các quốc gia Baltics như một bãi chiến trường.

Vị trí chiến lược, vì thế, chưa đủ nhưng phải đặt đúng vị trí trong tương quan chính trị và quân sự trong vùng. Lithuania ngày nay là một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược của NATO. Không giống như thời trước hai cuộc thế chiến, Lithuania ngày nay đóng một vai trò quan trọng và hỗ tương trong việc bảo vệ an ninh và ổn định của châu Âu.

Việt Nam chỉ trở thành một vị trí chiến lược sau khi Trung Cộng thôn tính toàn lục địa Trung Hoa 1949 nhưng trước đó thì không. Tương tự, Ai Cập trước 1976 không quan trọng hơn Thổ Nhĩ Kỳ hay Iran nhưng sau khi Tổng thống Anwar Sadat bỏ đồng minh Liên Xô để bước sang phía thế giới tự do, Ai Cập trở nên một đồng minh chiến lược của Hoa Kỳ ở Trung Đông và được viện trợ ít nhất 1,5 tỉ Mỹ kim hàng năm từ đó đến nay. Vì lợi ích kinh tế cũng như về các giá trị nhân quyền, Hoa Kỳ mong muốn được thấy Trung Cộng trở thành một quốc gia dân chủ trong một châu Á và Thái Bình Dương ổn định.

Trung Cộng là nhà băng của nhiều quốc gia trên thế giới kể cả Mỹ, nhưng không giống như các công ty tài chánh Lehman Brothers hay Merrill Lynch, khủng hoảng chính trị tại Trung Cộng sẽ gây tác hại vô cùng trầm trọng đối với nền kinh tế thế giới không thể đo lường được.

Biết chủ động chiến lược hóa, quốc tế hóa, quan trọng hóa vị trí của quốc gia cũng như biết khai thác mối lo của cường quốc sẽ làm cho vị trí của quốc gia quan trọng hơn trong tranh chấp quốc tế. Trái lại, chủ trương của lãnh đạo cộng sản Việt Nam "không tham gia các liên minh quân sự, không là đồng minh quân sự của bất kỳ nước nào, không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam và không dựa vào nước này để chống nước kia" là chủ trương tự cô lập, không đúng về lý thuyết lẫn thực tế chính trị và sẽ chết tức tưởi trong cô đơn mà không được ai ngó ngàng.

- Đoàn kết với láng giềng cùng hoàn cảnh và tham gia các liên minh đáng tin cậy: Trong khi nhiều nước châu Âu còn do dự, Tổng thống George Bush đã công khai ủng hộ quan điểm cứng rắn của Lithiunia đối với Nga và sau này cũng chính Tổng thống George Bush đã ủng hộ ba quốc gia Baltics gia nhập NATO. Đáp lại, các quốc gia Baltics đã nhiệt thành ủng hộ và đóng góp quân sự vào các cuộc chiến tranh do Hoa Kỳ phát động, cụ thể qua chiến tranh Iraq ngay cả trước khi các nước này gia nhập NATO. Các lãnh đạo Lithuania ý thức liên minh đáng tin cậy đã trở thành lá chắn vô cùng cần thiết để bảo vệ quốc gia họ và những hy sinh mà họ cần phải đáp lại.

Không giống như Belarus còn chìm trong độc tài lệ thuộc vào Nga hay Georgia, Ukraine quá chậm nên trễ chuyến tàu, Lithiunia đã "thoát Cộng" và có những chỗ dựa quốc tế vững vàng để "thoát Nga".

Thành quả đó trước hết nhờ tài lãnh đạo của Giáo sư Vytautas Landsbergis. Ông không thuộc đảng phái nào trước cả và cũng chưa hề làm chính trị nhưng ông có tầm nhìn xa rộng. Tuy nhiên chỉ có tầm nhìn của riêng cá nhân ông thôi chưa đủ mà còn cần phải có tầm nhìn chung của cả dân tộc. Trong giờ phút khó khăn và thử thách, đa số dân Lithuania đã bỏ phiếu cho ông, đã chọn ông làm người lãnh đạo và đã đứng sau ông.

Việt Nam đang đứng trước những ngả ba, ngả năm trong bang giao quốc tế nhưng dù bao nhiêu ngả cũng chỉ có thể đi trên một con đường trong một thời điểm nhất định. Sự liên minh khôn khéo trong nhiều trường hợp giúp quốc gia tránh được chiến tranh hay có thêm thời gian để chuẩn bị chiến tranh.

Giáo sư Alastair Smith thuộc Đại học Washington University đã công thức hóa toán học nhiều mô thức liên minh trong lịch sử bang

giao quốc tế và kết luận các quốc gia có những liên minh không đáng tin cậy sẽ dễ bị tấn công hơn là các quốc gia có sự liên minh tin cậy. Hiện nay tại Á châu có bốn liên minh quân sự gồm ba liên minh tin cậy Mỹ - Nhật, Mỹ - Phi, Mỹ - Nam Hàn và liên minh SCO về biên giới gồm Trung Cộng, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Nga, Tajikistan và Uzbekistan.

Khi chảo dầu Á châu được đun nóng hơn, nhiều liên minh quân sự mới tương tự như Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) trong thời chiến tranh Việt Nam sẽ ra đời. Đối với Hoa Kỳ, vùng biển Đông Á là huyết mạch kinh tế lẫn an ninh của các nước đồng minh với Hoa Kỳ như Nhật Bản, Nam Hàn, Philippines, Indonesia, liên minh được với Hoa Kỳ vừa có thể thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa đất nước vừa bảo đảm an ninh. Nhưng liên minh chiến lược chỉ có thể thực hiện trên cơ sở của một chế độ dân chủ.

Việt Nam cộng sản không so sánh được với Lithuania về cả thế lẫn lực. Lãnh đạo cộng sản Việt Nam là một đám mù lòa theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Khả năng cộng sản Việt Nam tự chuyển hóa sang một cơ chế dân chủ là điều không thể diễn ra.

Thật vậy, giữa lúc số phận của đất nước như chỉ mành treo chuông, lãnh đạo đảng thay vì tập trung ngân sách vào việc tăng cường quốc phòng lại lo đi xây những tượng đài tôn thờ lãnh tụ mà các quốc gia cựu cộng sản đang khổ sở không biết làm sao đập đổ cho hết.

Giữa một đất nước còn quá lạc hậu về mọi mặt, nghèo đói, tụt hậu kỹ thuật so với các quốc gia tiên tiến hàng thế kỷ, lãnh đạo cộng sản Việt Nam chỉ biết ăn, biết tham nhũng, biết sống xa hoa trên máu xương đồng bào. So sánh cảnh trang hoàng nội thất của cựu Tổng Bí thư cộng sản gốc thợ rừng Nông Đức Mạnh và cảnh hàng ngàn học sinh khắp ba miền phải lội sông, đu dây đi học mỗi ngày

để thấy các lãnh đạo cộng sản Việt Nam quả thật đui về thị giác và mù tận đáy lương tâm.

Một trong những lý do Cộng hòa Lithuania sớm trở thành hội viên NATO dù với một quân đội hiện dịch chỉ vỏn vẹn 15 ngàn người bởi vì quốc gia này cam kết xây dựng một chế độ dân chủ toàn diện. Lithuania có dân chủ trước Nga và các quốc gia thuộc khối Liên Xô cũ nên tránh được vòng ảnh hưởng của Nga và các biến động gây bất ổn trong vùng. Ngày nào Việt Nam còn nằm dưới sự cai trị của đảng cộng sản, ngày đó đừng hy vọng gì để trở thành một Lithuania ở Đông Nam Á.

Có người có thể cho rằng văn hóa, dân trí của người Việt khác với văn hóa, dân trí của người châu Âu. Văn hóa đương nhiên khác, dân trí có thể khác nhưng khát vọng tự do dân chủ của con người, dù sinh ra và lớn lên ở đâu, cũng giống nhau. Ngày nay, nhân loại đã bước vào kỹ nguyên dân chủ đa nguyên.Từ anh chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ cho đến người thợ mỏ Nam Phi đều đã có quyền chọn lựa người lãnh đạo cho đất nước mình, và điều đó cho thấy dân chủ là một tiến trình chứ không phải là một thành phẩm.

Chiến thắng của các nước vùng Baltic là bài học vô giá cho những quốc gia nhỏ có nền văn hóa lâu đời nhưng phải chịu đựng âm mưu đồng hóa của đế quốc cùng biên giới và chủ nghĩa cộng sản độc tài. Kinh nghiệm "thoát Nga" của họ cho những người Việt yêu nước một bài học quan trọng, đó là phải vượt qua quá khứ của bản thân và đất nước, tập trung sức mạnh dân tộc tổng hợp để tháo gỡ cơ chế chính trị, kinh tế và văn hóa độc quyền cộng sản, nguyên nhân tạo ra tình trạng chậm tiến trong hầu hết các lãnh vực của đất nước, và từ đó xây dựng một tương lai tự do, dân chủ và phát triển toàn diện cho dân tộc Việt Nam phù hợp với thời đại văn minh dân chủ.

Tham khảo:

- *The End Of The Soviet Union*: Stanislau Shushkevich's. *Eyewitness Account* For The First Time In English, This Issue Of Demokratizatsiya Publishes. The George Washington University Archives.

- *On Moscow's Streets, Worry And Regret*, By James F. Clarity, The New York Times, Published December 26, 1991.

- *From Soviet Federalism To The Creation Of The Commonwealth Of Independent States* (CIS). CVCE.eu 2016.

- *The International Politics Of Eurasia*: V. 1: The Influence Of History By S. Frederick Starr, Karen Dawisha.

- *Lithuania, The Move Toward Independence, 1987-91*. The Baltic States In U.S. - Soviet Relations, 1939 - 1942. Lithuanian Quarterly Journal Of Arts And Sciences. Volume 12, No.1 - Spring 1966.

- *The Baltic States In U.S.-Soviet Relations, The Years Of Doubt, 1943-1946*. Lithuanian Quarterly Journal Of Arts And Sciences. Volume 12, No.4 - Winter 1966. Editor Of This Issue: Thomas Remeikis.

- *The Baltic States In U.S.-Soviet Relations From Truman To Johnson*, Richard A. Schnorf, Cmdr, Us Navy, Lithuanian Quarterly Journal Of Arts And Sciences. Volume 14, No.3 - Fall 1968.

- *Identifies and Solidarity In Forein Policy: East Central Europe and the Eastern Neighbourhood*, Edited by Elsa Tumets, Published by Institute of International Relatiosn, Prague 2012 PP 94-112.

- *How Democracy is Latvia, Commission of Strategic Analysis*. (2005) Latvijas Universitate.

- *Why, How, Who, and When*: A Lithuanian Perspective on NATO Membership, Oskaras Jusys and Ksadauska. Fordham International Law Journal, Volume 20, Issue 5,

– 2017 Index Economic Freedom *http://www.heritage.org/index/country/lithuania*

– James S. Corum, *The Security Concerns of The Baltic States as Nato Allies*, Strategic Studies Institute And U.S. Army War College Press 2013.

– *Interview Interviews : Vytautas Landsbergis*, "Breaking with Moscow", "The Restoration of Lithuanian Independence", "Promoting Democracy". The Freedoom Collection.

– *The Polish-Lithuanian Commonwealth (1569-1795)* By H. Kozlowski http://www.conflicts.rem33.com/imag...

- Flag of Estonia *http://en.wikipedia.org/wiki/Flag_of_Estonia*

- Flag of the Estonian Soviet Socialist Republic from 1953 to 1990 *http://en.wikipedia.org/wiki/Flag_of_the_Estonian_Soviet_Socialist_Republic*

- History of Estonia *http://en.wikipedia.org/wiki/History_of_Estonia#Republic_of_Estonia*

- Forest Brothers *http://en.wikipedia.org/wiki/Forest_Brothers*

- Red Flag *http://en.wikipedia.org/wiki/Red_flag_%28politics%29*

- French revolution 1848 *http://en.wikipedia.org/wiki/French_Revolution_of_1848*

- Alphonse de Lamartine *http://en.wikipedia.org/wiki/Alphonse_de_Lamartine*

- Singing revolution *http://www.singingrevolution.com/cgi-local/db_images/files/uploads/15-filename.pdf*

- Movie Singing revolution *http://www.singingrevolution.com/cgi-local/content.cgi?pg=1*

- Estonian government-in-exile *http://en.wikipedia.org/wiki/Estonian_government-in-exile*

- Yalta Conference http://en.wikipedia.org/wiki/Yalta_...

- List of countries by military expenditures. http://en.wikipedia.org/wiki/List_o...

- On the Restoration of Independence of the Republic of Latvia. http://en.wikipedia.org/wiki/On_the...

- Latvia 1990 - 2010 Twenty years of Independence. *http://latvianhistory.com/2010/05/05/latvia-the-20-years-of-independent.*

BỆNH NGHIỆN RƯỢU DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

Sắp Tết, số lượng rượu bia được tiêu thụ chắc chắn sẽ tăng cao. Câu hỏi đặt ra tại sao Việt Nam là một trong những quốc gia dùng rượu bia cao nhất thế giới?

Nhắc lại, hôm 26 tháng 9 năm 2016, Báo *VietNamNet* đưa tin "đàn ông Việt uống rượu bia nhiều nhất thế giới". Theo lời Bác sĩ Trần Quốc Bảo, Cục Y tế Dự phòng dẫn chứng cho biết: "*Nếu tính trung bình, một người nam giới trưởng thành uống khoảng 27,4 lít cồn nguyên chất, đây là con số rất đáng báo động và là một trong số những quốc gia đứng hàng đầu thế giới về tỉ lệ này*".

Cùng lúc, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long cũng thốt lên: "*Dù nước ta mọi mặt kinh tế, xã hội đều có sự phát triển, nhưng tỉ lệ dùng rượu bia đang tăng quá nhanh so với các chỉ số khác. Nếu không có biện pháp mạnh tay để hạn chế, Việt Nam sẽ là quốc gia đứng đầu thế giới về sử dụng rượu bia*".

Kỷ lục dùng rượu bia tại Việt Nam không phải ngẫu nhiên.

Theo công bố của WHO (Tổ chức Y tế Thế giới) thuộc Liên Hiệp Quốc, năm 2015, chín trong số mười quốc gia tiêu thụ lượng rượu cao nhất thế giới là những nước cựu cộng sản. Các nước này gồm Belarus, Moldova, Lithuania, Russia, Romania, Ukraine, Hungary, Czech Republic và Slovakia.

Lấy nước Nga, từng là nước cộng sản lớn nhất châu Âu để phân tích trước.

Tiêu thụ rượu cao tại Nga có từ thời Sa Hoàng nhưng vượt cao sau Cách mạng cộng sản Nga 1917.

Rất nhiều lý do như thời tiết, chiến tranh, nghèo khó... được đưa ra để giải thích việc sử dụng rượu quá cao tại Nga cộng sản. Những giải thích này đều không đứng vững vì sau nội chiến, khi điều kiện sống tốt hơn và những mùa không quá lạnh số lượng rượu được tiêu thụ cũng không giảm bớt.

Tháng 5 năm 1985, Gorbachev tung ra chiến dịch toàn quốc chống nghiện rượu. Ông cho rằng nghiện rượu là một trong ba căn bệnh trầm trọng nhất tại Liên Xô, chỉ sau bệnh tim và ung thư.

Gorbachev hy vọng việc giảm lượng rượu được dùng sẽ giúp gia tăng năng xuất, nhưng kết quả trái ngược, thu nhập lợi tức từ rượu của chính phủ có giảm nhưng mức sản xuất không tăng một cách tương ứng.

Thực tế đó cũng đã xảy ra tại Ba Lan. Trong phóng sự điều tra của báo *Christian Science Monitor* phát hành ngày 3 tháng 3 năm 1981 khi chế độ cộng sản Ba Lan còn rất mạnh, một trong những căn bệnh xã hội trầm trọng nhất tại Ba Lan là nghiện rượu. Mười phần trăm trong số mười hai triệu công nhân Ba Lan say rượu mỗi ngày. Nhà cầm quyền cộng sản tăng giá rượu cao với hy vọng số lượng rượu được tiêu thụ sẽ giảm, nhưng không, lượng rượu được dùng đã không giảm bớt.

Theo nghiên cứu của sử gia Thomas Kochan trong tác phẩm *The Blue Strangler - Drinking habits in the GDR*, Đông Đức trong thời kỳ cộng sản tiêu thụ rượu cao nhất châu Âu và gấp đôi Tây Đức. Chữ "The Blue Strangler" trong tác phẩm của ông là hiệu rượu Vodka Đông Đức có 40% cồn. Lương trung bình của một công nhân Đông

Đức khoảng 500 Marks trong lúc một chai rượu Cognac giá 80 Marks. Trong số những người nghiện rượu hạng nặng có cả các ủy viên Trung ương đảng hay ủy viên Bộ Chính trị cộng sản Đông Đức như trường hợp Alfred Neumann.

Tại Trung Cộng, theo công bố của WHO vào tháng 12 năm 2012 "*Alcohol and alcohol-related harm in China: policy changes needed*", số người uống rượu tại Trung Cộng cao hơn phần lớn nhân loại với 55,6% đàn ông và 15% đàn bà uống rượu. Hiện nay, Trung Cộng là một trong những nước sản xuất bia nhiều nhất thế giới. Uống rượu trong giờ làm việc cũng là một tình trạng phổ biến tại Trung Cộng và tình trạng này gắn liền với tham nhũng, hối lộ trong giới chức nhà nước. Nhiều nghiên cứu cho thấy mức độ bệnh gan có liên quan đến rượu nơi giới viên chức nhà nước cộng sản cao hơn nhiều so với giới dân thường. Ngay cả báo đảng *Nhân dân Nhật báo* cũng thừa nhận tình trạng uống rượu trong lúc làm việc và viết hàng loạt phóng sự về vấn đề này.

Các phân tích đó cho thấy cơ chế chính trị cộng sản là một tương quan nổi bật giữa các nước cộng sản Liên Xô và Đông Âu trước đây cũng như Trung Cộng và cộng sản Việt Nam hiện nay. Các thể hiện của tương quan này:

Mượn rượu giải sầu: Nhiều công nhân, nông dân dưới các chế độ cộng sản mượn rượu để làm lối thoát cho lòng tổn thương, thất vọng. Sự thất bại của các chính sách cai nghiện rượu cho thấy việc giải quyết không đơn giản là tăng giá như chính phủ Ba Lan hay Liên Xô đã làm nhưng phải áp dụng các cải cách chính trị kinh tế căn bản.

Say rượu là một biểu hiện của thái độ trốn chạy thực tế (escapism): Lý do chính như Michael Binyon trong nghiên cứu Life In Russia xuất bản vào thập niên 1980 cho rằng nhiều người Nga

uống rượu chỉ để say. Họ tuyệt vọng khi đối diện với một "khoảng trống tinh thần", một xã hội không còn có những giá trị văn hóa mà đất nước họ đã từng có trong lịch sử trước đó.

Điều kiện sống: Nhà ở chật chội, lương bổng thấp, thiếu thốn mọi thứ cần thiết và sống trong bóng tối theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng đã đẩy người dân chọn rượu như là phương tiện "giải trí" dễ có nhất. Xã hội cộng sản là một xã hội thiếu thốn những món hàng căn bản trong đời sống hàng ngày của con người nhưng lại có đầy đủ rượu. Giới cầm quyền cộng sản từ chối nguyên nhân này nhưng thực tế đó đã được rất nhiều nghiên cứu rút ra khi so sánh đời sống của công nhân dưới hai xã hội tự do và cộng sản.

Giới cầm quyền cộng sản không quan tâm đến sức khỏe của người dân: Đối với giới cầm quyền cộng sản, thu nhập và thuế do việc tiêu thu rượu đem lại quan trọng hơn là sức khỏe của người dân. Vladimir Treml, một nhà kinh tế thuộc cựu Nga cộng sản đang làm việc tại Duke University cho biết "*hơn sáu mươi năm, thuế rượu đem lại 12 phần trăm đến 14 phần trăm thu nhập của nhà nước*" và do đó nhà nước cộng sản khuyến khích hơn là ngăn chận tệ nạn lạm dụng rượu tại Liên Xô.

Chế độ cộng sản đã sụp đổ tại châu Âu nhưng những căn bệnh xã hội do cơ chế gây ra đã trở thành một lối sống, một văn hóa xã hội chủ nghĩa tại những nước này và không thể dễ dàng thay đổi.

Giống như tại Liên Xô, Đông Đức, Ba Lan, giới cầm quyền cộng sản Việt Nam cũng sẽ từ chối và cho rằng chẳng lẽ tệ trạng nào cũng đổ lên đầu chế độ hay sao. Thế nhưng, các nghiên cứu cho thấy đúng vậy, cơ chế chính trị cộng sản là nguyên nhân tiềm ẩn sâu xa của bệnh nghiện rượu.

Giấu cơn giận trong men cay, ngăn nỗi buồn nơi đáy cốc là thái độ tìm quên tiêu cực nhưng rất phổ biến của người dân thường

trước những bất công đang đè lên số phận của họ. Bệnh xã hội như thế chỉ thuyên giảm khi các điều kiện vật chất và tinh thần thay đổi theo một chiều hướng tốt đẹp hơn.

NGƯỜI NÔNG DÂN XỨ SIERRA LEONE VÀ "TRÍ THỨC NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM"

Ngày 5 tháng 3 năm 2014, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon thăm viếng Cộng hòa Sierra Leone nhân dịp các lực lượng Liên Hiệp Quốc làm lễ chính thức chấm dứt các hoạt động bảo vệ hòa bình ở quốc gia này.

Phát biểu tại buổi lễ, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon cho rằng: *"Sierra Leone đại diện một trong những trường hợp phục hồi sau chiến tranh thành công nhất trong thế giới về bảo vệ và kiến tạo hòa bình"*. Ông cũng ca ngợi nhân dân Sierra Leone đã can đảm vươn lên từ điêu tàn đổ nát để có một quốc gia ổn định như hôm nay và nhắc nhở các quốc gia đã từng bị chiến tranh tàn phá nên học bài học Sierra Leone.

Lời phát biểu của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon làm sáng lên trong ký ức tôi hình ảnh anh nông dân Ismail Darramy, nụ cười chiến thắng của anh và thiên anh hùng ca dân chủ anh viết lên bằng đôi tay đẫm máu của mình.

Nhớ lại mười hai năm trước, khi đọc xong bản tin về ngày bầu cử tự do đầu tiên sau cuộc chiến tranh dài tại Cộng hòa Sierra

Leone trong đó có nhắc đến trường hợp của anh nông dân Ismail Darramy, tôi vội vã vào internet tìm tấm hình của anh , tải xuống máy, cất giữ kỹ lưỡng và thỉnh thoảng lại lấy ra xem. Tấm hình anh dùng chân phải để kẹp lá phiếu bỏ vào thùng trong buổi sáng đẹp trời ngày 14 tháng 2 năm 2002 trên quê hương Sierra Leone chưa phai mùi súng đạn của anh sẽ không bao giờ phai đi trong ý thức tôi. Tôi đã viết một bài ngắn về anh vào năm 2006 và hôm nay tôi lại muốn viết thêm.

Anh không phải là Albert Lutuli, Nelson Mandela, Desmond Tutu hay Kofi Annan tên tuổi của châu Phi. Anh Ismail Darramy chỉ là một nông dân bình thường và trước tháng 2 năm 2002, có lẽ ngoài gia đình anh, không ai biết đến anh. Nhưng nụ cười của anh, hai cánh tay cụt của anh, bàn chân trái kẹp lá phiếu của anh xuất hiện trên mặt báo đã trở thành biểu tượng cho khát vọng tự do dân chủ của những ai đang tranh đấu cho một trong những quyền căn bản của con người: quyền bầu cử tự do.

Anh Ismail Darramy tươi cười là phải. Hôm đó là ngày anh đi bỏ phiếu để bầu nên một chính phủ dân chủ đầu tiên cho quê hương anh sau một cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài suốt 11 năm. Nụ cười của anh đúng nghĩa là nụ cười chiến thắng. Vâng, anh Darramy cuối cùng đã chiến thắng trước súng đạn của quân phản loạn được mệnh danh là Mặt trận Đoàn kết Cách mạng Sierra Leone (RUF). Không có chiến thắng nào mà không phải hy sinh. Anh Ismail Darramy đã hy sinh cả hai bàn tay, không phải ngoài mặt trận mà trong phòng bỏ phiếu. Trong cuộc bầu phiếu cưỡng bách và gian lận lần trước, anh đã nhất định không bỏ phiếu cho quân phiến loạn RUF. Chúng đã trả thù bằng cách chặt đứt cả hai bàn tay của anh. Vì không có hai tay, anh đã phải dùng chân để bỏ phiếu.

Anh chịu đựng đớn đau, vợ con anh đói khổ khi anh không còn tay để canh tác cũng chỉ vì một lá phiếu. Thế nhưng, xin đừng

hỏi anh Ismail Darramy định nghĩa dân chủ là gì, đa nguyên là gì, thế nào là các nguyên tắc phân quyền trong một xã hội pháp trị. Anh Ismail chắc sẽ vô cùng lúng túng. Dân chủ đối với anh Ismail Darramy là quyền tự nhiên mà bất cứ một con người cũng phải có, như con nai được uống nước bên bờ suối, con cá được lội tung tăng dưới sông, con sâu đo mình trên cọng lá xanh, con chim hót trên cành. Bình thường và đơn giản như thế đó.

Thế kỷ hai mươi là thế kỷ của nhiều thảm họa nhân loại nhưng đồng thời cũng là thế kỷ đánh dấu khả năng của con người có thể vượt qua thảm họa bằng con đường dân chủ. Năm 1974, chỉ có 41 nước trong số 150 quốc gia trên thế giới theo chế độ dân chủ, phần lớn là các quốc gia kỹ nghệ tân tiến châu Âu. Năm 1990, ba phần năm tổng số quốc gia trên thế giới theo chế độ dân chủ. Từ anh chăn cừu trên thảo nguyên Mông Cổ cho đến người thợ mỏ da đen ở Nam Phi đều đã có quyền chọn lựa người lãnh đạo của mình. Và ngày nay, dân chủ đã trở thành một hiện tượng toàn cầu (a global phenomenon) như Giáo sư Larry Diamond của viện Hoover nhấn mạnh.

Đọc bảng liệt kê thể chế chính trị của các quốc gia trên thế giới tôi cảm thấy vui buồn lẫn lộn. Thật vui mừng khi biết trong danh sách các quốc gia theo thể chế dân chủ phân quyền có những nước cách đây không lâu còn rên xiết dưới gót độc tài như Congo, Botswana, Nigeria, Zambia, Ethiopia, Nicaragua, Guinea và Serria Leone, quê hương của anh Ismail Darramy, nhưng cũng buồn thay, trong bản liệt kê, một góc nhỏ như tách rời khỏi cộng đồng nhân loại, ghi tên những quốc gia đang bị cai trị bởi một đảng độc tài, trong đó có Việt Nam.

Sierra Leone giống Việt Nam vi đều chịu đựng một trăm năm dưới ách thực dân và nhiều năm trong chiến tranh tàn phá.

Cho đến đầu thế kỷ 17, Sierra Leone, quốc gia Tây Phi, chỉ là

trạm dừng chân của những tay buôn nô lệ. Thủ đô Freetown là nơi những người nô lệ được trả tự do từ châu Âu và châu Mỹ chọn làm quê hương. Vừa bước qua khỏi chế độ nô lệ, dân Sierra Leone lại phải chịu đựng hơn 100 năm dưới ách thực dân Anh cho đến khi được trao trả độc lập vào năm 1961. Được độc lập không bao lâu, quốc gia lạc hậu về mọi mặt này lại lâm vào nội chiến dài 11 năm với hàng trăm ngàn người bị chết.

Năm 1999, lịch sử Sierra Leone bước vào một giao đoạn thay đổi quan trọng. Với sự can thiệp mạnh mẽ của Liên Hiệp Quốc, nền hòa bình được tái lập và một chính phủ dân sự được bầu lên. Từ một nước bị xem như chậm tiến nhất thế giới, từ năm 2002, Sierra Leone đã chập chững bước đi trên con đường dân chủ hoá và đã đạt được những bước đầy khích lệ không ngờ. Việt Nam cũng chịu đựng không kém gì Sierra Leone. Trong gần 100 năm dưới ách thực dân, hàng ngàn người Việt Nam không phải chỉ bị mất hai tay nhưng còn bị mất cả đầu chỉ vì dám nói lên tiếng nói thật của lương tâm họ. Nhưng cho đến nay, sau nhiều thế kỷ đấu tranh bằng xương máu, người dân Việt vẫn chưa có cái quyền tối thiểu mà anh Ismail Darramy và phần lớn nhân loại đang có. Ước mơ độc lập tự do của bao thế hệ Việt Nam vẫn còn là mơ ước.

Sierra Leone khác Việt Nam vì Sierra Leone đang cố gắng xây dựng căn nhà dân chủ và Việt Nam còn chìm đắm trong chế đọc độc tài

Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, ngoài một số các hiện tượng tiêu cực còn tồn đọng, về nhân quyền, Chính phủ Sierra Leone không hề vi phạm một hành động giết người, bắt cóc hay mất tích vì các lý do chính trị. Về tự do báo chí, chính phủ tôn trọng quyền tự do ngôn luận, không có nạn sửa đổi nội dung tác phẩm, bỏ tù tác giả, kiểm duyệt sách báo, ngoại trừ các báo tự kiểm duyệt để phù hợp với luật pháp hay quan điểm riêng của họ. Các bài bình luận

chính trị trên các báo đều do chủ bút hay các cây bút bình luận chủ lực đích thân viết chứ không nhận bản sao từ Ban Tư tưởng Trung ương.

Mặc dù kỹ thuật, kinh nghiệm nghề nghiệp và tinh thần báo chí của các nhà báo còn thấp, tại thủ đô Freetown cũng đã có 36 tờ báo, phần lớn là báo độc lập, tư doanh hay cơ quan ngôn luận của các đảng phái chính trị. Báo chí có khuynh hướng phê bình các chính sách của nhà nước nhưng không có báo nào bị đóng cửa vì lý do chống đối nhà nước. Vì trình độ đọc chữ còn thấp nên các đài phát thanh vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong truyền thông đại chúng nhưng là những tiếng nói tự do, độc lập chứ không phải chỉ là cái loa của đảng cầm quyền. Luật pháp Sierra Leone tôn trọng quyền tự do hội họp và trong tổng quát, nhà nước tôn trọng quyền đó của người dân. Các cuộc biểu tình do các đảng phái đối lập tổ chức để phản đối một số chính sách của chính phủ thỉnh thoảng vẫn xảy ra nhưng không phải vì thế mà chính phủ lại mang đại pháo xe tăng ra ngăn chặn. Suốt năm 2005 có 11 người biểu tình bị bắt nhưng không phải vì chính kiến bất đồng mà vì cản trở lưu thông công cộng. Khoảng 60% dân Sierra Leone theo đạo Hồi nhưng các tôn giáo khác như Tin lành, Anh giáo... có ảnh hưởng qua trọng trong 40% còn lại.

Cũng theo báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, Chính phủ Sierra Leone nói chung tôn trọng quyền tự do tôn giáo và tự do hành đạo. Các xung đột tôn giáo trong một nước mà nhiều nơi còn sinh hoạt theo tập quán riêng của từng bộ lạc, hẳn nhiên khó mà tránh khỏi nhưng phần lớn các xung đột tôn giáo đều được giải quyết bởi một hội đồng liên tôn gồm đại diện các tôn giáo tại địa phương chứ không có bàn tay nhà nước dính vào. Người dân Sierra Leone đi lại trong nước không cần giấy phép, trình báo hay kê khai hộ khẩu khi ở lại đêm. Những người dân Sierra Leone lưu lạc khắp năm

châu trong thời chiến được quyền tự do hồi hương và chọn lựa nơi cư trú chứ không bị chỉ định cư trú và không phải đút lót cho các viên chức nhà nước khi mua nhà cửa. Cuộc bầu cử tự do lần đầu tiên năm 2002 dưới sự giám sát quốc tế được xem như công bằng và trong sạch. Vào năm 2004, các chức vụ cấp địa phương cũng đã được bầu bán một cách tự do chứ không còn do nhà nước trung ương chỉ định như trước nữa.

Sierra Leone còn rất lâu để trở thành một nước cường thịnh hay xây dựng cho họ một căn nhà dân chủ ổn định nhưng ít nhất họ đã đặt được những viên đá cần thiết làm nền móng cho một cơ chế chính trị nơi đó quyền của con người được luật pháp bảo vệ, một nền kinh tế có khả năng kích thích sản xuất, nâng cao đời sống, và một xã hội nơi các thế hệ măng non của Sierra Leon sẽ trưởng thành trong hy vọng. Họ có được điều đó nhờ sự giúp đỡ tận tình của các nước dân chủ qua trung gian của Liên Hiệp Quốc về kinh tế cũng như về quân sự nhưng chắn chắn phần chính vẫn nhờ vào những người như anh Ismail Darramy.

Sierra Leone không có bốn ngàn năm văn hiến, không có những thời đại hiển hách Lý, Trần, phá Tống bình Chiêm, Rạch Gầm Xoài Mút. Người dân xứ Sierra Leone không có nhiều quá khứ. Lịch sử của đất nước họ là một chuỗi ngày buồn. Tổ tiên họ là những nô lệ được trả tự do nhưng không có một nơi để trở về. Thậm chí, trong số 400 người đầu tiên đến Sierra Leone vào năm 1787, có 70 người là gái bán dâm lưu lạc. Theo tài liệu của Ngân hàng Thế giới, trong số 6 triệu người dân Sierra Leone chỉ có 29% dân số trên 15 tuổi là biết đọc biết viết và chỉ có 44% trẻ em trong tuổi đi học đã có cơ hội đến trường.

Thế nhưng tại sao Sierra Leone có dân chủ mà Việt Nam thì chưa?

Nhiều lý do nhưng tôi nghĩ một trong những lý do Việt Nam

chưa có dân chủ, không phải vì tỉ lệ người dân biết đọc và viết tại Việt Nam thấp hơn con số 29% hay số học sinh ghi danh đi học ít hơn con số 44% của Sierra Leone, mà trái lại vì thành phần trí thức, tạm gọi một cách tổng quát cho thành phần khoa bảng, có trình độ học vấn cao về các lãnh vực thuộc khoa học nhân văn, trong xã hội Việt Nam quá đông.

Lực lượng trí thức và văn nghệ sĩ Việt Nam chân chính còn quá ít để kéo nổi con tàu cách mạng với những toa sét rỉ và chất đầy quá khứ. Trong khi đó, đại đa số trí thức Việt Nam vẫn còn cong lưng phục vụ cho giới lãnh đạo đảng cộng sản, vẫn còn nặng ơn mưa móc của đảng mà thờ ơ trước những chịu đựng của đất nước.

Thành phần này, chẳng những không đóng góp được gì vào việc làm thăng tiến xã hội, thúc đẩy nhanh hơn cuộc cách mạng tự do và nhân bản, giúp đưa dân tộc chúng ta vượt qua những bế tắc tư tưởng và chính trị để hội nhập vào dòng thác tiến bộ của nhân loại, mà với khả năng bồi bút họ đã trở thành bức tường chắn ngang tiến hình đó.

Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Hà Kim Ngọc phát biểu tại phiên họp định kỳ Phổ quát (UPR) tại Geneva: *"Chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam là tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, coi đó là nguyên tắc cơ bản của các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước"*.

Là một quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc và là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, lãnh đạo cộng sản Việt Nam không thể không công nhận công ước quốc tế quan trọng hàng đầu và có tính cách chủ đạo về quyền cơ bản của con người là Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (Universal Declaration Of Human Rights) được công bố vào năm 1948 cùng với hai công ước liên hệ là Công ước Quốc tế về Những quyền Dân sự và Chính trị

(International Covenant On Civil And Political Rights, International Covenant On Economic, Social And Cultural Rights) được công bố năm 1966 và Công ước Quốc tế về Những quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (International Covenant On Economic, Social And Cultural Rights).

Cộng sản Việt Nam ký kết hầu hết các công ước quốc tế nhưng chưa thực hiện được một điều nào trong các công ước quốc tế nhân quyền gồm quyền tự do bầu cử, ứng cử, phát biểu, hội họp, đi lại, tín ngưỡng, bình đẳng trước pháp luật, thành lập công đoàn.

Trên rất nhiều bài viết, các dư luận viên cao cấp của chế độ suốt ngày ra rả: *"Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi việc thực hiện tự do tôn giáo là một biểu hiện cụ thể của vấn đề nhân quyền"*.

Nhưng tự do tôn giáo là gì?

Điều 18 của Tuyên ngôn Toàn thế giới về Nhân quyền của Liên Hợp Quốc (The universal Declaration of Human Rights) quy định rằng: *"Mọi người đều có quyền tự do suy nghĩ, ý thức và tôn giáo, kể cả tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng, và tự do thể hiện tôn giáo hoặc tín ngưỡng dưới hình thức truyền bá, thực hành, thờ phụng hoặc lễ tiết, với tư cách cá nhân hay tập thể, công khai hay riêng tư"*. (Everyone has the right to freedom of thought, conscience and religion; this right includes freedom to change his religion or belief, and freedom, either alone or in community with others and in public or private, to manifest his religion or belief in teaching, practice, worship and observance).

Tự do tôn giáo trong tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp Quốc là một trong những quyền căn bản không chỉ xác định trong niềm tin riêng tư mà còn bằng hành vi công cộng. Quyền đó không chỉ giới hạn trong mỗi cá nhân mà thể hiện cả bên ngoài cộng đồng xã hội. Một tín đồ có quyền tham gia bất cứ một tông phái hay giáo

hội nào, đi lễ tại bất cứ nhà thờ nào, chùa nào, thăm viếng hay đảnh lễ bất cứ lãnh đạo tôn giáo nào theo sự chọn lựa tự do của tín đồ đó. Pháp lệnh về tín ngưỡng tôn giáo nói riêng hay các luật pháp tại Việt Nam đều do lãnh đạo đảng cộng sản viết ra. Những luật pháp này thực chất chỉ là một công cụ để cai trị nhân dân chứ không phải là những quy định do chính người dân chấp nhận và tuân hành.

Điều 88 trong bộ luật Hình sự của cộng sản Việt Nam ngày nay là di sản của điều 58 thuộc bộ luật Hình sự Liên Xô (RSFSR Penal Code). Khi công bố luật Hình sự Liên Xô lần đầu vào năm 1927, điều 58 chỉ nhắm vào thành phần "phản cách mạng", tuy nhiên trong giai đoạn "Thanh trừng Vĩ đại" (Great Purge) từ 1934 đến 1939, Stalin đã thêm vào khoản quy định các tội "phản quốc" và "âm mưu phản nghịch" vì tên đồ tể này cần lý do để xử bắn Karl Radek, Yuri Piatakov, Grigory Sokolnikov và nhiều đồng chí khác của y.

Thật buồn khi giới trí thức Việt Nam thích nói những về những điều lẽ ra họ không nên nói nhưng lại im lặng trước những sự kiện đáng nói.

Trong suốt dòng lịch sử, trí thức luôn đóng một vai trò quan trọng đối với sự thịnh suy của dân tộc. Câu "sĩ, nông, công, thương" trong đó sĩ đứng hàng đầu không phải tự nhiên mà có. Sự kính trọng đó bắt nguồn từ những gắn bó của giới trí thức với đại đa số quần chúng và những giá trị mà họ đã dùng để dẫn dắt quần chúng.

Trong thời kỳ Pháp thuộc dù máy chém đang đợi, Côn Đảo đang chờ nhiều trí thức Việt Nam bằng trí tuệ và lòng yêu nước đã dấy lên Phong trào Duy Tân lịch sử. Miền Trung, năm 1905, Phó bảng Phan Châu Trinh đã cùng với hai tân tiến sĩ khoa 1904, Tiến sĩ Trần Quý Cáp và Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng, khăn gói lên đường đi khắp nước để vừa tìm bạn cùng chí hướng và vừa phổ biến tinh thần

"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Miền Nam có Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh, Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng hưởng ứng và lập ra các cơ sở Liên Thành. Miền Bắc có Lương Văn Can, Nguyễn Văn Vĩnh, Dương Bá Trạc đồng lòng và cùng dấy lên phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Những trí thức đó, phần lớn chỉ mới ngoài 30 tuổi, đã sống và đã chết một cách tuyệt vời như ngọn lúa Việt Nam.

Tiếc thay, đa phần trong giới trí thức ngày nay bị cuốn hút quá sâu vào bộ máy công danh và quyền lực để làm mất đi tác phong tư cách của một người trí thức, lẽ ra phải có tinh thần phê phán, khao khát mở mang trí tuệ, biết vui niềm vui của dân tộc và cũng biết đau cái đau, biết nhục cái nhục của dân tộc mình.

Không ít trí thức trẻ có cơ hội học tập ở nước ngoài, được làm quen với môi trường dân chủ, được sinh hoạt trong không khí tự trị đại học, nhưng khi về nước họ lại giống như những con ngựa chở rau ra tỉnh, chấp nhận bị bịt tai, che mắt để phục vụ cho tầng lớp lãnh đạo độc tài vừa thối nát mà cũng vừa dốt nát.

Với một đội ngũ trí thức đông gấp 5 lần Thái Lan, 6 lần Mã Lai mà đất nước vẫn chìm đắm trong độc tài đảng trị thì đội ngũ đó không phải là niềm hãnh diện mà là một nỗi bất hạnh cho đất nước Việt Nam.

MÙA XUÂN TRÊN QUÊ HƯƠNG NGOÀI KÝ ỨC

Dọc hành lang các công ty Mỹ thường treo tranh ảnh. Có khi là bản sao một danh họa và có khi chỉ là một tấm ảnh nghệ thuật để làm kín bức tường. Bức tranh treo bên ngoài phòng làm việc của tôi là một ngọn đồi xanh với những bụi hoa dại nhiều màu mọc đó đây, và xa hơn là một cánh rừng. Bức tranh đơn giản, không phải là một tuyệt phẩm hội họa nhưng với tôi lại quá đẹp. Mỗi ngày đi ngang qua, nhìn bức tranh, tự nhiên cảm thấy một chút gì đó ấm áp trong lòng.

Cảnh trong bức tranh rất giống ngọn đồi phía sau nhà, nơi cha mẹ tôi sống trong những ngày tản cư ở Quế Sơn, Quảng Nam. Nơi đó, những buổi chiều, tôi đứng lặng nhìn ngọn đồi như cố thu hết từng hoa sim tím, từng giọt nắng vàng vào trong trí nhớ còn rất nhiều chỗ trống của mình như để một ngày nào đó còn đem ra xem lại. Cuốn phim thời thơ ấu đầy bất trắc còn rất rõ. Tôi vẫn xem lại đoạn phim trong những ngày giỗ cha mẹ tôi, những chiều mưa rất buồn, những đêm trăng rất sáng.

Tôi thường chỉ bức tranh và hãnh diện khoe với các đồng nghiệp người Mỹ: *"Quê hương tao giống hệt như vậy đó"*. Các bạn Mỹ thường hỏi xã giao: *"Mày có về thăm quê mày lần nào chưa?" "Chưa"*. Tôi trả lời và rồi chỉ vào đầu: *"Nhưng không sao, quê hương là ở đây, trong ký ức của tao"*.

Nói thế vì tôi biết dù có trở về, quê hương cũng không còn như thế nữa. Ngọn đồi sim tím có thể đã bị san bằng và cụm rừng kia chắc đã bị khai hoang.

Nếu về lại, tôi sẽ làm gì? Tôi sẽ ngồi xuống như đang ngồi đây và hình dung một khoảng thời gian, một khoảng không gian đã mất. Tôi sẽ cảm thấy rất đau khi tất cả những gì gần gũi nhất của tôi trên thế gian không còn nữa. Mơ mộng thì ở đâu mà chẳng mơ mộng được. Ngày mới tới đây, tinh thần chưa ổn định, nhiều buổi chiều tôi thường đi bộ một mình dọc bờ biển Đại Tây Dương nhìn những chiếc tàu hàng đi qua mà nhớ ngày nào mình từng cầu mong một con tàu như thế đi qua trên Thái Bình Dương.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, quê hương là một trong những danh từ gây nhiều cảm xúc nhất. Một phần phát xuất từ tình yêu sâu đậm dành cho nơi chôn nhau cắt rốn và phần khác mang đặc tính rất con người, đó là quyền sở hữu. Khi nhắc đến quê hương, dù hai người cùng lớn lên trong cùng một tỉnh, một quận huyện hay cả một thôn xóm, vẫn cảm thấy quê hương là của riêng mình. Cũng một dòng sông, một bến đò, một đồi sim nhưng hình ảnh của chúng khác nhau trong mỗi tâm hồn.

Những nhạc phẩm quê hương bao giờ cũng đậm đà, tha thiết. Bài hát về quê hương tôi thích nhất là bài *Tình quê hương* của Việt Lang:

"Ngàn dâu xanh ngát mấy nếp tranh xa mờ

Tiếng sáo bay dập dìu đường về thôn xưa

Tình quê lai láng dưới trời thu

Khói xây thành chập chùng mây đưa

Cành tơ liễu thấp thoáng bên hồ

Mùa nhớ nhung dòng nước lững lờ"...

Quảng Nam là xứ trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ và dệt lụa nên tôi lại càng thấy gần gũi hơn với câu "Ngàn dâu xanh ngát mấy nếp tranh xa mờ" trong bài *Tình quê hương*. Làng tôi không trồng dâu nhiều bằng các nơi khác trong quận nhưng nuôi tằm và ươm tơ rất nhiều. Tuổi thơ tôi ở quê nội Duy Xuyên là những ngày quây quần bên những chiếc nia tròn nhìn những con tằm trắng cuộn mình trong những chiếc lá dâu xanh. Vì ươm tơ nên thức ăn chính trong bữa cơm gia đình ở làng tôi là nhộng. Nhộng xào, nhộng rang khô, nhộng xúc bánh tráng, nhộng nấu canh, nhộng làm gỏi. Cô tôi dạy tôi quay tơ và lớn hơn chút tôi được dạy ươm tơ. Quay tơ chỉ quay đều tay là được nhưng ươm thì kỹ thuật hơn, khéo tay hơn, đánh nhiều kén quá sợi tơ sẽ dày như sợi thao và ít quá tơ sẽ đứt đoạn nhiều, không đều. Học ươm tơ rất vui nhưng nếu bị bắt ngồi ươm suốt mấy giờ liên tục lại là chuyện khác. Phần lớn công việc ươm tơ là của các chị trong làng.

Đúng như các nhà thơ Quảng Nam thường hay tả thôn nữ Duy Xuyên, các chị trong làng tôi ngày ấy ai nấy cũng đẹp. Nghề ươm tơ phải ngồi bên nồi nước sôi nên đôi má của các chị lúc nào cũng ửng hồng. Tôi nghĩ hoài đến cái xứ Quảng nghèo nàn nhưng gặp quá nhiều khốn khó này. Hạnh phúc thường hiếm hoi và ngắn ngủi nhưng tai họa lại hay chọn nơi này để đến và ở lại rất lâu. Phải chi ngày xưa ông bà chúng tôi đi thẳng vào Sài Gòn, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu thì hay biết bao nhiêu. Dừng lại bên kia đèo Hải Vân làm chi để sáu thế kỷ trôi qua, bao nhiêu thế hệ đã sống và đã chết trên vùng đất định mệnh đó.

Đó chỉ là vài trong vô số kỷ niệm của tôi về một quê hương trong ký ức. Nhưng nếu quê hương chỉ là những gì trong ký ức thôi, thật là buồn tẻ, khô khan và giới hạn.

Tôi có thể viết cả cuốn sách về tuổi thơ và quê hương trong ký ức nhưng rồi để làm gì. Ký ức không chết khi nào con người còn sống

nhưng ký ức chỉ là quá khứ không thay đổi, không cũ đi và cũng chẳng mới hơn. Ký ức là chất nhựa, sức bật cần thiết để con người từ đó vươn lên chứ không phải từ đó dừng lại. Phải sống trong hy vọng vào một ngày mai. Nhưng hy vọng chưa đủ, phải hoạt động tích cực để hy vọng trở thành sự thật.

Câu chuyện của chuyên viên ngân hàng Andy Dufresne trong phim *The Shawshank Redemption* là một lời khuyên tốt. Andy Dufresne, nhân vật chính trong phim bị kết án hai bản án chung thân về tội giết người mà anh không gây ra. Oan ức nhưng anh không xem đó như số phận an bài. Andy dành gần 19 năm để khoét một đường hầm chỉ lớn đủ cho một người chui qua bức tường dày của nhà tù bằng chiếc búa rất nhỏ thường dùng để đục đẽo những con cờ bằng đá. Không giống như các bạn tù khác ở tù lâu năm nên nhận thức của họ bị cơ chế hóa, Andy sống trong hy vọng và đeo đuổi ước mơ mà anh hằng đêm thêu dệt như có lần anh ta nói với Red, một người bạn tù: *"Hy vọng, có thể không phải là điều tốt nhất, nhưng là điều tốt và trước nay chưa có điều tốt lành nào chết đi"*. Mơ ước của Andy là được đến Zihuatanejo, Mexico , một vùng biển anh ta chưa bao giờ đặt chân đến, để sống một cách tự do cho đến hết đời mình vì, như anh đọc đâu đó, miền đất ấm đó là nơi không giữ một dấu vết nào của quá khứ. Mỗi ngày Andy đục một chút vôi trên vách tường, bỏ vào túi quần và rải xuống đất khi đi bộ trong sân nhà tù. Cuối cùng, sau gần 19 năm, anh đục xuyên bức tường dày và vượt ngục thành công.

Trong thời gian Chính phủ Nam Hàn hiện đại hóa thủ đô Seoul bắt đầu từ thập niên 1970, rất nhiều cơ sở thương mại phải bị dời đi, nhiều tòa nhà bị phá hủy, ngay cả nhiều cảnh đẹp dọc dòng sông Hán cũng bị thay đổi nhường chỗ cho các con đập lớn, đại lộ, đường xe điện cắt ngang qua thành phố. Dòng sông Hán từ triều đại Baekje trước công nguyên đã gắn đã liền với lịch sử và đời sống

người dân Triều Tiên. Không phải ai cũng đồng ý. Nhiều nơi trong thành phố dân chúng biểu tình phản đối. Chính phủ Nam Hàn không thay đổi quyết định mặc dù đã xây thêm một số công viên để người dân giải trí. Thủ đô Seoul từ một thành phố gần như một đống gạch vụn sau bốn lần bị đổi chủ trong chiến tranh Triều Tiên với gần hai trăm ngàn tòa nhà bị san bằng và hơn một triệu người không nơi nương tựa, đã vượt qua ký ức đau thương, tang tóc để đạt đến một quê hương ngoài ký ức tự dọ, dân chủ, phồn vinh hiện đại như hôm nay. Những người phản đối chỉ vì họ sợ mất đi hình ảnh quá khứ mà họ trân quý nhưng đồng thời họ chưa hình dung được quê hương ngày mai sẽ đẹp đến mức nào. Giới lãnh đạo Nam Hàn, những người có tầm nhìn xa, biết rằng hiện đại hóa đất nước phải bắt đầu từ thủ đô Seoul. Kết quả, Seoul được phép tổ chức Olympics 1988 và người dân Nam Hàn hãnh diện về các công trình xây dựng, các kiến trúc tân kỳ, hiện đại của thủ đô họ.

Hai câu chuyện nhỏ, một hư cấu và một thực tế, cho thấy quá trình chuyển hóa giữa quá khứ, hiện tại và tương lai trong con người quan trọng đến dường nào. Đó là một chuỗi các chọn lựa can đảm bắt đầu từ mỗi con người cho đến phạm vi toàn đất nước. Tôi thật sự tin, con người và cả dân tộc Việt Nam cũng thế, hơn bao giờ hết, phải chọn lựa giữa tiếp tục đi trên một lối mòn của số phận hay vượt qua quá khứ, hành động cho tương lai để sải cánh vào bầu trời tự do của văn minh nhân loại.

Bốn mươi hai năm trước, ngồi trước chén bo bo, tô nước muối khuấy lỏng, dĩa rau muống luộc, niềm ao ước của mỗi người dân là thấy được chén cơm ngon, một tô canh ngọt, một dĩa thịt thơm. Nhưng ngày nay, giữa thời đại con người đang du lịch cung trăng, nếu vẫn tiếp tục mơ một chén cơm trắng, tô canh ngọt, dĩa thịt thơm, làm sao đất nước sẽ đuổi kịp đà tiến văn minh?

Bốn mươi hai năm trước, Việt Nam là một quốc gia cô lập từ thế giới, tiếng động nửa khuya là tiếng động của xích xiềng, ánh sáng le lói trong căn nhà tranh được thắp lên từ que diêm cuối cùng trong đêm dài lịch sử, mơ ước của người dân là được sống bình an dù bình an trong cơ chế, được xem phim ảnh dù đã được kiểm tra từng chi tiết, được hát một bài tình ca dù đã được chọn lọc kỹ càng. Nhưng ngày nay, ngoại trừ các nhóm thổ dân trong thung lũng Javari vùng Amazon, Brazil và năm nước Cộng Sàn còn sót lại, phần lớn nhân loại đang bước vào thời kỳ văn minh mới, trong đó ngay cả các khái niệm dân chủ pháp trị cũng đang bị xem là lạc hậu, nếu người dân Việt Nam bằng lòng được sống bình an trong cơ chế, được xem phim ảnh dù đã được kiểm tra từng chi tiết, được hát một bài tình ca dù đã được chọn lọc kỹ càng, dân tộc này sẽ đi lùi cho đến bao sâu?

Từ nhiều năm qua, hàng loạt người Việt Nam đã ý thức các hiểm họa dân tộc lạc hậu đó và lên đường dấn thân cho một Việt Nam mới. Phần lớn còn rất trẻ. Một số hy sinh, một số đang ở trong tù, và một số còn đang tranh đấu. Tình yêu nước trong tâm hồn họ vô cùng trong sáng. Nếu ai hỏi họ tranh đấu để được gì, tôi tin, câu trả lời chắc chắn không phải được gì cho bản thân họ. Nếu muốn thăng tiến trên con đường danh lợi cho bản thân, những bạn trẻ đó có thừa điều kiện để leo nhanh lên nấc thang xã hội hơn mà nhiều người đang chen lấn để leo. Nhưng các bạn chọn con đường khác, khó khăn nhiều nhưng cũng rất vinh quang, con đường đi dựng mùa xuân dân tộc.

Mùa xuân trên quê hương ngoài ký ức mà nhiều người Việt Nam yêu nước trong đó có Trần Thị Nga, Nguyễn Văn Đài, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh... đang theo đuổi sẽ không có tù chính trị, không có đấu tranh giai cấp, không có tuổi thơ lây lất ăn xin trên các vỉa hè, không có những em bé cất tiếng khóc

chào đời trong thùng rác, không có các em học sinh mỗi ngày hai bận phải bơi qua sông đi học, không có các thiếu nữ Việt Nam trần truồng sắp hàng để được các ông Đài Loan, Hàn Quốc mua như mua thịt ngoài chợ, không có những ngư dân bị bắn chết chỉ vì đi đánh cá trên vùng biển của tổ tiên để lại.

Giòng sông quê hương trong ý thức của họ là giòng sông của tình người và tình dân tộc trong xanh dịu mát. Bài hát họ mơ học sinh Việt Nam sẽ hát mỗi ngày bắt đầu bằng lòng kính nhớ đến ơn đức tổ tiên, công ơn cha mẹ, tình thương yêu dành cho đồng bào ruột thịt và kết thúc bằng ý chí vươn lên sánh ngang vai cùng thời đại con người đang không ngừng đổi mới.

Mùa xuân trên quê hương ngoài ký ức là một Việt Nam dân chủ hiện đại với các trường đại học tiêu chuẩn quốc tế, với các hạm đội hải quân trang bị tận răng mang tên Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Hàm Tử, Bạch Đằng, Vạn Kiếp, với những binh đoàn, phi đoàn trang bị vũ khi tối tân mang tên Chi Lăng, Đống Đa, Nhật Tảo, với những công ty kỹ thuật, những nhà máy công nghiệp, nông nghiệp cao cấp cạnh tranh ngang ngửa với các công ty Nam Hàn, Đài Loan, Nhật Bản. Từ hầm mỏ cho đến ruộng đồng, từ xa lộ thênh thang đến sông dài, biển rộng, từ thôn làng xã ấp xa xôi cho đến chính phủ trung ương, tất cả nối liền nhau như những mạch sống trong cùng một cơ thể Việt Nam tự do, khỏe mạnh và cường tráng.

Con đường những người đang đi tìm một quê hương ngoài ký ức hôm nay, dù sao, còn khá ít bởi vì giai đoạn từ kiến thức chuyển sang nhận thức trước khi dẫn tới hành động cụ thể vẫn còn là những chiếc cầu dài. Ngoài ra, không ít người Việt còn đang bị cơ chế hóa và số khác không đủ can đảm tự chặt đi một cánh tay lầm lỗi của chính mình. Nhưng không giống như các bạn tù của Andy Dufresne trong phim The Shawshank Redemption, các thế hệ Việt

Nam sẽ lần lượt đứng lên như đã chứng minh nhiều lần trong suốt dòng lịch sử Việt Nam.

Nguyễn Trãi từng than "tuấn kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu" để nói lên cảnh khó khăn trong giai đoạn Lê Lợi mới dấy binh từ núi rừng Lam Sơn, Thanh Hóa. Những trận đánh đầu tiên là những lần thất bại. Từ năm 1418 đến năm 1422, quân khởi nghĩa phải ba lần phải rút lên núi Chí Linh, giết ngựa, hái rau, luột măng, đào củ chuối mà ăn. Nhiều trận đánh thua, quân tướng mỗi người mỗi ngã và có lần nhóm quân của Lê Lợi tan tác chỉ còn mỗi một mình ngài. Nhưng cũng từ đó, lớp lớp người dân, anh hùng hào kiệt từ khắp nơi về tụ hội dưới ngọn cờ chính nghĩa. Ý chí tự chủ dân tộc như ngọn lửa thiêng lại bùng cháy lên trong mỗi trái tim, trong mỗi tâm hồn Việt Nam để rồi 5 năm sau, ngày 20 tháng 9 năm 1427, chém đầu danh tướng nhà Minh là An Viễn Hầu Liễu Thăng tại Mã Yên, giành lại chủ quyền độc lập như Nguyễn Trãi khẳng định trong *Bình Ngô đại cáo*: *"Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu, muôn thuở nền thái bình vững chắc"*.

Mùa xuân trên quê hương ngoài ký ức sẽ đến nếu mỗi chúng ta biết hy sinh một ít công sức cho công cuộc vận động tự do dân chủ đang chuyển mình trên đất nước hôm nay. Như một lần kẻ viết bài này đã viết, bốn mươi hai năm là một quãng đường dài, chúng ta đã hơn một lần trễ hẹn với non sông, nhưng không phải vì thế mà không còn cơ hội nào khác. Cơ hội vẫn còn đó nếu chúng ta biết đoàn kết, thấy được hướng đi chung của dân tộc và thời đại. Chúng ta có nhiều quá khứ nhưng đất nước chỉ có một tương lai, đó là tương lai tự do, dân chủ, nhân bản và khai phóng cho những ai, sau những điêu tàn đổ vỡ, còn biết nhận ra nhau, còn biết yêu thương mảnh đất thiêng liêng, vinh quang và thống khổ Việt Nam.

BUỔI SÁNG
Ở LION PLAZA, SAN JOSE

Tháng 8 năm 2017, tôi và gia đình ghé thăm San Jose, một thành phố có đông người Việt định cư ở Bắc California. Buổi sáng trong ngày cuối trước khi về lại Boston, tôi bỗng dưng muốn ghé thăm khu thương mại Lion Plaza. Tôi đến San Jose nhiều lần nhưng chưa trở lại Lion Plaza lần nào và tự nhiên thấy nhớ.

Tôi dừng xe trên bãi đậu của Lion Plaza. Tính nhẩm trong lòng thì ra đã hai mươi lăm năm mình mới trở lại đây.

Năm 1990, tôi làm việc cho một hãng computer của Mỹ có trụ sở chính đặt ở Milpitas, gần San Jose. Dù nhóm tôi ở miền Đông Bắc, tôi vẫn thường qua đây làm việc, để được huấn luyện các chương trình hay đề án mới. Nhiều khóa huấn luyện kéo dài hai hay ba tuần lễ.

Thời điểm đó trong nước Bác sĩ Nguyễn Đan Quế vừa công bố "Lời kêu gọi của Cao trào Nhân bản". Bác sĩ bị cộng sản bỏ tù từ 1978 đến 1988 nhưng sau khi công bố lời kêu gọi đó, ông bị bắt lần nữa và bị tuyên án 20 năm tù.

Những ngày cuối tuần, một nhóm bạn trẻ ở San Jose thường đặt một chiếc bàn nhỏ bên lối đi vào Lion Plaza để phân phối lời kêu gọi của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Khi qua San Jose, cuối tuần tôi

cũng đến đó để phụ với các bạn. Có khi tôi đến một mình và đứng trước cổng chợ để phân phối lời kêu gọi của ông.

Một số người đi chợ tưởng là giấy quảng cáo hàng hạ giá nên đưa tay cầm lấy nhưng lặng lẽ ném đi khi biết đó là bản tin ngắn viết về một người trung niên đeo kính cận dày mà họ không biết là ai.

Vài đồng hương chịu khó dừng lại hỏi han. Tôi có cơ hội giải thích họ biết người trong hình là Bác sĩ Nguyễn Đan Quế đang bị tù vì gióng lên tiếng nói đòi tự do, dân chủ và nhân bản cho dân tộc Việt Nam. Họ gật đầu thông cảm nhưng rồi cũng tiếp tục đi.

Không chỉ đồng hương mà ngay cả những người trẻ chúng tôi ngày đó cũng không biết gì nhiều về bác sĩ ngoài tiểu sử vắn tắt và lời kêu gọi của ông. Nhưng chúng tôi ủng hộ, đơn giản vì ông gióng lên tiếng nói từ ngục tù cộng sản. Chúng tôi không muốn tiếng nói của ông cất lên trong cô đơn sẽ rơi vào quên lãng.

Bạn bè tôi ngày đó rồi cũng ra đi theo chọn lựa riêng của mỗi người và tôi vẫn tiếp tục kiên nhẫn làm công việc mang từng giọt nước nhỏ vào lòng sông đang trong mùa đại hạn bởi vì tôi tin chỉ có thay đổi nhận thức mới có thể thay đổi được tương lai như họa sĩ Maurizio Nannucci đã viết trong tác phẩm của ông: *"Thay đổi nơi chốn, thay đổi thời gian, thay đổi nhận thức, thay đổi tương lai"*.

Hai mươi bốn năm sau, 11 tháng 5 năm 2014, tôi được mời đến thuyết trình về các phong trào xã hội tại Việt Nam trong ngày Nhân quyền 11 tháng 5 được tổ chức hàng năm tại Washington DC. Trong dịp đó tôi nhắc lại sự kiện công bố Lời kêu gọi của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế năm 1990 rằng nếu ngày đó cộng sản đưa ông ra sau nhà giam Chí Hòa bắn chết, ngoại trừ một số rất ít trong gia đình và thân hữu, có lẽ không bao nhiêu người biết. Ông không phải là Nelson Mandela hay Desmond Tutu mà chỉ một thầy thuốc ở Bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn. Nhưng từ điểm khởi hành khiêm

nhượng đó, phong trào xã hội đã từng bước đi lên. Ngày nay, hàng trăm mạng lưới, hàng ngàn nhóm xã hội dân sự đang hoạt động.

Không có trường đại học nào dạy làm cách mạng. Cách mạng bắt đầu từ trái tim, từ lòng yêu nước, từ lý tưởng sắc son. Các thế hệ đi trước có chọn lựa thích hợp với nhận thức chính trị, điều kiện lịch sử và hoàn cảnh riêng của họ. Họ thành công và họ thất bại. Họ đi đúng và họ bước sai. Nhưng tôi luôn dặn lòng, không chỉ ngồi đó than trách hay đổ thừa những bậc cha chú đã đi qua mà hãy kính trọng họ và làm hết sức của mình.

Con đường đúng phải bắt đầu từ việc thay đổi nhận thức chính trị và lịch sử của người dân Việt nói chung và tuổi trẻ nói riêng. Vận dụng các điều kiện quốc tế là việc nên làm nhưng phục hồi và phát huy nội lực dân tộc vẫn là quan trọng nhất bởi vì chính nội lực sẽ đào thải chủ nghĩa cộng sản. Lịch sử các quốc gia Nga, Đông Âu và vùng Baltics cho thấy đó là con đường đúng và bền bỉ nhất.

Nhưng phục hồi và phát huy nội lực dân tộc cần nhiều thời gian, công sức và kiên nhẫn.

Trường hợp Việt Nam, yếu tố kiên nhẫn lại càng cần thiết hơn các nước cộng sản châu Âu bởi vì lý do lịch sử. Không giống sự hình thành các đảng Cộng sản châu Âu, quá trình hình thành và phát triển của đảng Cộng sản Việt Nam là một quá trình đầy ngộ nhận lịch sử và họ tồn tại đến nay, một phần cũng nhờ vào những ngộ nhận đó.

Năm 2005, tôi có giải thích lý do này trên talawas rằng không giống như trường hợp Tiệp Khắc, Đông Đức, Ba Lan, Bulgaria, Albania,... nơi đó các đảng cộng sản thực chất chỉ là những dây chùm gởi sống nhờ vào sức mạnh của đồng Rup, xe tăng và hỏa tiễn Liên Xô, khi cây đại thụ Liên Xô thối ruột và ngã quỵ thì cả chùm cũng khô héo theo, đảng Cộng sản Việt Nam qua chiếc bánh vẽ

"đánh đuổi thực dân giành độc lập" đã mê hoặc không chỉ một thế hệ Việt Nam trước đây mà nhiều người còn bị tẩy não đến bây giờ.

Những người này cho rằng chế độ cộng sản hư thối nhưng có lý do để tồn tại. Họ thành thật tin rằng nếu diệt được hết tình trạng tham nhũng chế độ sẽ tốt hơn và xứng đáng để lãnh đạo Việt Nam. Nhưng họ quên rằng tham nhũng có tính đảng, tức là một trong những đặc tính thuộc về bản chất của chế độ cộng sản.

Thế nào là "tính đảng"? Trong một bài viết nặng phần lý luận "Nâng cao tính Đảng của người đảng viên" đăng trên tạp chí *Cộng sản* tháng 5, 2012, tác giả định nghĩa tính đảng là "thuộc tính căn bản, cốt lõi và bản chất" được sinh ra, lớn lên và sẽ tồn tại suốt chiều dài của đảng cộng sản.

Đảng cộng sản, bằng mọi phương tiện, mọi biện pháp để đạt cho được mục tiêu xây dựng một chế độ độc tài, độc đảng, chuyên chính và toàn trị dựa trên chủ nghĩa cộng sản. Một khi quyền lực tập trung tuyệt đối đặt trong tay một đảng toàn trị sẽ dẫn tới sự lạm dụng quyền lực và hậu quả đương nhiên là tham nhũng.

Nếu tham nhũng có thể ngăn chận mà không phải xóa bỏ cơ chế thì Liên Sô đã không sụp đổ.

Mikhail Gorbachev cương quyết chống tham nhũng nhưng ông không phải là lãnh tụ cộng sản đầu tiên làm việc đó. Trước ông, chiến dịch chống tham nhũng của Yury Andropov còn quyết liệt hơn nhiều. Andropov, một hung thần cộng sản được gọi là "đồ tể của Budapest" vì vai trò của y trong vụ đàn áp cuộc nổi dậy tại Hungary 1956 và Mùa Xuân Tiệp Khắc 1968, từng là giám đốc KGB từ 1967 đến 1982, đã ra lệnh xử bắn hàng loạt cán bộ các cấp lãnh đạo đảng.

Nhưng như lịch sử đã chứng minh bịnh cơ chế chỉ có thể được chữa trị sau khi cơ chế độc tài toàn trị bị xóa bỏ.

Ngày đó tác phẩm *The Rise and Fall of Communism* của Giáo sư Archie Brown chưa ra đời. Khi tác phẩm được phát hành lần đầu năm 2009, Giáo sư Archie Brown cũng đưa ra nhận xét tương tự, các đảng Cộng sản Trung Quốc, Việt Nam còn sống đến hôm nay vì chúng bám vào lịch sử đất nước. Tháo gỡ các ngộ nhận lịch sử, vì thế, trở thành mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất trong tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Từ những ngày ở Lion Plaza đầu thập niên 1990 tới nay là một quãng thời gian khá dài nhưng cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân bản cho cả dân tộc Việt Nam không còn cô đơn như hai mươi lăm năm trước. Phong trào xã hội chưa tập hợp thành một lực lượng cách mạng nhưng rõ ràng đang đi trên con đường đúng. Nhiều người có mặt trong những năm tháng đó nay đã qua đời, im lặng hay quy ẩn dù tuổi còn khá trẻ. Nhưng không sao. Chuyến tàu lịch sử dừng lại ở mỗi ga, có người bước xuống nhưng nhiều người khác bước lên và tiếp tục hành trình.

Một ngày nào đó những giọt nước từ tâm hồn tôi sẽ cạn theo tuổi tác và tôi sẽ ra đi nhưng con đường đúng thì sẽ có những tâm hồn Việt Nam khác tiếp tục gieo mầm xanh trên quê hương. Mùa xuân sẽ đến.

HÃY NÓI TRƯỚC NGÀY CHẾT

Trong lịch sử nhân loại, không có một chủ nghĩa nào tàn bạo hơn chủ nghĩa cộng sản.

Từ khi Tuyên ngôn Đảng Cộng sản ra đời năm 1848 cho đến khi bức tường Bá Linh bị đập đổ vào năm 1989, khoảng gần 100 triệu người từ nhiều quốc gia đã bị giết. Hơn hai mươi năm qua, mặc dù ngọn lửa vô thần đã tắt trên phần lớn quả địa cầu, một góc trời phương đông lửa vẫn còn đỏ rực, nhà tù vẫn còn giam giữ nhiều người bất đồng với chế độ độc tài toàn trị và tự do vẫn là một bóng mây xa.

Người đời có thói quen kết án Stalin đã gây ra tội ác tày trời đối với nhân dân Liên Xô, Mao Trạch Đông đã giết trên 30 triệu nhân dân Trung Cộng và Pol Pot tiêu diệt một phần tư dân tộc Khmer bằng súng và cả bằng dao phay, cán cuốc. Những chuyện đó ngày nay nhân loại đều biết và tội ác của chúng không còn là vấn đề tranh cãi nữa. Tuy nhiên, làm thế nào một nông dân có gốc gác bình thường, nếu không muốn nói là hiền lành như Mao lại có thể trở thành sát nhân của mấy chục triệu dân Trung Quốc? Làm thế nào Pol Pot, con của một điền chủ giàu có, được gởi sang Pháp ăn học, được bạn bè nhớ lại như một người nhã nhặn, lịch sự và được gọi là trí thức trong xã hội Khmer còn chậm tiến lúc bấy giờ, nhưng sau khi nắm chính quyền đã giết hai triệu dân Khmer bằng búa, dao và những cách giết người tàn bạo hơn cả trong thời Trung Cổ?

Bởi vì chủ nghĩa cộng sản trang bị cho chúng một quyền lực tuyệt đối, một niềm tin cuối cùng, một lối thoát tinh thần, một chỗ dựa lý luận để giải thích cho hành động bất nhân của chúng. Nuon Chea, người đứng hàng thứ hai của chế độ Khmer Đỏ chỉ sau Pol Pot, lạnh lùng trả lời báo chí, những kẻ bị giết chỉ vì "họ là kẻ thù của nhân dân". Đơn giản vậy thôi. Chúng ăn rất ngon và ngủ rất yên dù sau một ngày ký hàng loạt bản án tử hình.

Giết một vài đối thủ thì không sao nhưng để loại bỏ hàng triệu người là chuyện khác. Stalin không thể lên tận các trại lao động khổ sai ở Siberia để bỏ đói những người chống đối y. Mao Trạch Đông không thể xuống từng trường học để tra tấn các thầy cô trong Cách mạng Văn hóa, Hồ Chí Minh không thể đích thân xử bắn bà Nguyễn Thị Năm trong Cải cách Ruộng đất. Nhưng họ có khả năng huấn luyện, đầu độc một thế hệ đao phủ thủ trẻ tuổi hăng say và cuồng tín để làm thay. Quyền lực đặt vào tay đám đao phủ thủ trẻ này chẳng khác gì con dao bén để chúng thanh toán những mối thù riêng và lập công dâng Đảng.

Tháng 10 năm 2002, nhà báo Mỹ Amanda Pike đến Campuchia để tìm hiểu nguyên nhân tội ác diệt chủng của Pol Pot đã không được làm sáng tỏ. Amanda Pike phỏng vấn bà Samrith Phum, người có chồng bị Khmer Đỏ giết. Theo lời kể của bà Samrith Phum, vào nửa đêm năm 1977 chồng bà bị một Khmer Đỏ địa phương bắt đi và giết chết vì bị cho là "gián điệp CIA". Hung thủ chẳng ai xa lạ mà là người cùng làng với bà Samrith. Hiện nay, kẻ giết người vẫn còn sống nhởn nhơ chung một làng với bà cách thủ đô Nam Vang vài dặm nhưng không một tòa án nào truy tố hay kết án.

Với chủ trương "dân tộc Khmer cần đào hố để chôn đi quá khứ", Hun Sen đã cản trở Liên Hiệp Quốc rất nhiều trong việc điều tra tội diệt chủng của chế độ Pol Pot. Hun Sen cản trở vì bản thân y cũng từng là một sĩ quan Khmer Đỏ. Hun Sen nhiệt tình với lý

tưởng cộng sản đến mức bỏ học theo Pol Pot khi còn trong tuổi thiếu niên. Nhiều chi tiết trong quãng thời gian từ 1975 đến 1979 của cuộc đời y vẫn còn trong vòng bí mật. Khi chôn quá khứ của Campuchia, Hun Sen muốn chôn đi quá khứ tội lỗi của mình.

Tình trạng kẻ sát nhân và gia đình những người bị sát hại vẫn còn sống chung làng, chung xóm, chung thành phố không chỉ phổ biến tại Campuchia nhưng cũng rất phổ biến tại Huế sau vụ Thảm sát Tết Mậu Thân 1968.

Số người bị giết trong vụ Thảm sát Tết Mậu Thân khác nhau tùy theo nguồn điều tra nhưng phần lớn công nhận số người bị giết lên đến nhiều ngàn người và "kẻ thù nhân dân" không chỉ là công chức chính quyền Việt Nam Cộng hòa mà còn rất đông sinh viên, học sinh, phụ nữ, trẻ em và ngay cả một số giáo sư ngoại quốc.

Ông Võ Văn Bằng, Nghị viên tỉnh Thừa Thiên và cũng là Trưởng Ban Truy tìm và Cải táng nạn nhân cộng sản Tết Mậu Thân kể lại: *"Các hố cách khoảng nhau. Một hố vào khoảng 10 đến 20 người. Trong các hố, người thì đứng, nào là nằm, nào là ngồi, lộn xộn. Các thi hài khi đào lên, thịt xương đã rã ra. Trên thi hài còn thấy những dây lạt trói lại, cả dây điện thoại nữa, trói thành chùm với nhau. Có lẽ, họ bị xô vào hố thành từng chùm. Một số người đầu bị vỡ hoặc bị lủng. Lủng là do bắn, vỡ là do cuốc xẻng"*.

Tài liệu liên quan đến Thảm sát Tết Mậu Thân rất nhiều, từ điều tra của các nhà nghiên cứu nước ngoài cho đến các nhân chứng sống Việt Nam. Đến nay, thành phần được nghĩ đã gây ra biến cố đầy tang thương cho dân tộc Việt Nam này là những người Huế "nhảy núi". Họ là những người bỏ trường, bỏ làng xóm, bỏ cố đô lên rừng theo cộng sản và Tết Mậu Thân đã trở lại tàn sát chính đồng bào ruột thịt của mình. Họ là những kẻ vừa được giải thoát khỏi nhà giam Thừa Phủ đưa lên núi huấn luyện vài ngày rồi trở lại giết chết những kẻ bị nghi ngờ đã bỏ tù họ.

Không giống quân đội chính quy tấn công Huế, những du kích nằm vùng, những thanh niên, sinh viên, học sinh là những người sinh ra và lớn lên ở Huế, thuộc từng tên phố tên đường, biết tên biết tuổi từng người. Họ lập danh sách và đến từng nhà lừa gạt người dân bằng cách "mời đi trình diện" rồi sẽ trả về nhà ăn Tết. Những người nhẹ dạ đi theo. Mà cho dù không nhẹ dạ cũng chẳng ai nghĩ mình sắp bị chôn sống chỉ vì làm chức liên gia trưởng của năm bảy gia đình, ấp trưởng một ngôi làng nhỏ, xã trưởng của vài trăm dân. Kết quả, từng nhóm, từng đoàn người lần lượt bị đem ra "tòa án nhân dân" và kết án tử hình.

Người "nhảy núi" nổi tiếng nhất là Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Ngày 12 tháng 7 năm 1997, Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời câu hỏi của nhà văn Thụy Khuê về sự liên quan của ông đối với vụ Thảm sát Tết Mậu Thân : "*Sự thực là tôi đã từ giã Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966 và chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu Thân 1968, tôi không có mặt ở Huế*"; và ông cũng thừa nhận Thảm sát Tết Mậu Thân là có thật chứ chẳng phải "Mỹ ngụy" nào dàn dựng: "*Điều quan trọng còn lại tôi xin ngỏ bầy ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và trở về, ấy là nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thê thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải gánh chịu, do hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng*".

Khi được hỏi ai là những người phải chịu trách nhiệm, Hoàng Phủ Ngọc Tường phát biểu: "*Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ, từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế*"; và tiếp tục nêu thêm chi tiết chính Đại tá Lê Minh, Tư lệnh Chiến dịch Huế Mậu Thân thừa nhận trong tạp chí *Sông*

Hương: "*Dù bởi lý do nào đi nữa, thì trách nhiệm vẫn thuộc về những người lãnh đạo mặt trận Mậu Thân, trước hết là trách nhiệm của tôi*".

Tóm lại, Hoàng Phủ Ngọc Tường trong buổi phỏng vấn dành cho nhà văn Thụy Khuê xác nhận ông ta không có mặt ở Huế trong suốt thời gian Huế bị cộng sản chiếm đóng và những kẻ sát hại thường dân vô tội là do các "lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế" chủ trương.

Tuy nhiên 15 năm trước đó, ngày 29 tháng 2 năm 1982, trong buổi phỏng vấn truyền hình dài 15 phút dành cho hệ thống WGBH, Hoàng Phủ Ngọc Tường thừa nhận việc dư luận đang tố cáo ông là đúng, nghĩa là chính ông đã có mặt tại Huế: "*Tôi đã đi trên những đường hẻm mà ban đêm tưởng là bùn, tôi mở ra bấm đèn lên thì toàn là máu… Nhất là những ngày cuối cùng khi chúng tôi rút ra*". Và ông cho rằng, một số người dân Huế chết thảm thương là do sự trả thù của chính người Huế với người Huế: "*Chính nhân dân đã căm thù quá lâu, đó là những người đã bị chính nó tra tấn, chính nó đã làm cho tất cả gia đình phải bị đi ở tù ra ngoài đảo... và đến khi cách mạng bùng lên họ được như là lấy lại cái thế của người mạnh thì họ đi tìm những kẻ đó để trừ như là trừ những con rắn độc mà từ lâu nay nếu còn sống thì nó sẽ tiếp tục nó gây tội ác trong chiến tranh*".

Nếu phân tích theo thời gian và diễn biến chính trị thế giới, đặc biệt sự sụp đổ của phong trào cộng sản quốc tế, câu trả lời của Hoàng Phủ Ngọc Tường vào năm 1982 là thành thật và sát với thực tế Mậu Thân nhất.

Trong giai đoạn chuyên chính vô sản vài năm sau 1975, không chỉ ông ta mà cả các lãnh đạo cộng sản Việt Nam vẫn nghĩ "con đường tất yếu" là con đường "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Không có một thế lực nào cản trở sức chảy của "ba dòng thác cách mạng".

Vào thời điểm 1982, Hoàng Phủ Ngọc Tường chẳng những không sợ gì phải che giấu mà còn xem đó như một thành tích cần được nêu ra. Xem đoạn phim, khuôn mặt Hoàng Phủ Ngọc Tường đằng đằng sát khí khi diễn tả việc giết một viên chức Việt Nam Cộng hòa: "*Chỉ lấy lại mạng sống của một người, giá đó rất nhẹ và công bằng*".

Thái độ đó hoàn toàn khác với giọng ôn tồn khi ông ta nhắc lại lời của Đại tá cộng sản Lê Minh như thay cho chính mình 15 năm sau: *"Bây giờ là những người lãnh đạo kế nhiệm ở Huế, phải thi hành chính sách minh oan cho những gia đình nạn nhân Mậu Thân, trả lại công bằng trong sáng và những quyền công dân chính đáng cho thân nhân của họ*"**.**

Thời gian đổi thay, lịch sử đổi thay và con người cũng thay đổi. Không phải chỉ Hoàng Phủ Ngọc Tường mà cả những cựu lãnh đạo cộng sản Đông Âu, một thời giết người không chút xót thương, sau 1990 cũng trả lời báo chí với giọng ngọt ngào như thế.

Nhiều bạn hữu của Hoàng Phủ Ngọc Tường như tác giả Ngô Minh viết trên talawas 2008, cho rằng Hoàng Phủ Ngọc Tường "*trong suốt những năm lên "xanh" ở A Lưới, Hoàng Phủ Ngọc Tường không được phân công về thành phố hay đồng bằng một chuyến nào cả*" mà không biết hay cố tình bỏ qua sự kiện 26 năm trước chính Hoàng Phủ Ngọc Tường đã xác nhận mình ở Huế với những tình tiết mắt thấy tai nghe của một người trong cuộc.

Hai buổi trả lời phỏng vấn hoàn toàn trái ngược chứng tỏ Hoàng Phủ Ngọc Tường phải có một khó khăn để giải thích sự liên hệ của mình đến vụ Thảm sát Mậu Thân. Lời phát biểu của ông cho thấy một điều, những người bị giết chắc chắn biết người giết mình là ai.

Không giống Hoàng Phủ Ngọc Tường mâu thuẫn, hai ông Nguyễn Đắc Xuân và Hoàng Phủ Ngọc Phan từ trên núi theo đoàn

quân cộng sản đánh vào Huế. Hai ông không từ chối điều này nhưng đều phủ nhận đã có liên hệ gì với Thảm sát Mậu Thân. Trong bài viết nhân đọc bài "Trịnh Công Sơn - Những hoạt động nằm vùng" Hoàng Phủ Ngọc Phan khẳng định: *"Còn tôi thì có theo chiến dịch về hoạt động ở Thành nội Huế nhưng tôi không hề giết ai cả, suốt gần 10 năm đi kháng chiến cũng không hề làm thiệt mạng một con thú trên rừng chứ đừng nói là con người"*.

Nhà văn Nhã Ca kết án ông Nguyễn Đắc Xuân trong *Giải khăn sô cho Huế* vì đã **"***đích tay đào một cái hố, bắt một bạn học cũ có xích mích từ trước ra đứng bên hố để xử tử"* và ông Nguyễn Đắc Xuân đáp lại trong bài "Hậu quả của 'cái chết' của tôi"**:** *"Còn tôi, một sinh viên Phật tử mới thoát ly chưa đầy một năm rưỡi, không có quyền hành gì, nếu tôi muốn làm những việc như Nhã Ca viết thì cũng không thể làm được. Không ai cho tôi làm. Nếu tôi tự ý làm, làm sao tôi có thể thoát được sự phê phán của đồng chí đồng sự của tôi, đặc biệt là những người sau nầy không còn đứng trong hàng ngũ kháng chiến nữa…"*.

Chuyện "thoát ly chưa đầy một năm rưỡi" không chứng minh được ông ta không có quyền giết người, trái lại cũng có thể giải thích ngược, càng tham gia trễ càng phải chứng tỏ nhiệt tình cách mạng cao độ, càng phải giết nhiều người, càng phải lập nhiều công. Nói thế không phải để đánh bồi thêm một người đã ngã nhưng cho thấy lời biện bạch của ông không thuyết phục.

Trong tinh thần "lợi ích của sự ngờ" (Benefit of the doubt), tạm cho những lời người khác kể về các ông chưa đủ bằng chứng kết tội, tuy nhiên, các ông Hoàng Phủ Ngọc Phan và Nguyễn Đắc Xuân, những thành viên tích cực của phong trào đấu tranh đô thị, hoạt động 26 ngày trong lòng thành phố Huế bị rơi vào tay các ông với nhiều ngàn người dân vô tội bị giết bằng những cách dã man hơn

cả bọn diệt chủng Pol Pot mà các ông nói rằng không biết gì, không thấy gì thì trẻ con ngây thơ cũng không tin được.

Và không chỉ ba ông Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Phan mà cả thế hệ "nhảy núi" ở Huế trong đó rất nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ cho đến nay vẫn không biết gì, không thấy gì, không viết gì về Thảm sát Tết Mậu Thân thì quả là chuyện lạ.

Hãy thử đặt mình trong vị trí của gia đình các nạn nhân vụ Thảm sát Huế, các ông có nghĩ rằng chính Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân hoặc đã giết hoặc biết chắc ai đã giết thân nhân các ông không? Chắc chắn là có, không thể có lời giải thích thứ ba.

Lẽ ra Thảm sát Tết Mậu Thân phải là nguồn thôi thúc cho nhiều tác phẩm văn học lớn nói lên sự đau khổ, sự chịu đựng tận cùng của đồng bào Huế nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Lẽ ra những người đang bị dư luận kết án, nếu thật sự không tham dự vào cuộc tàn sát, thay vì than mây khóc gió trong văn chương hay lao đầu vào cơm áo, nên dành phần còn lại của đời mình đi tìm cho ra cội nguồn gốc rễ để vừa giải oan cho đồng bào mà cũng minh oan cho chính mình.

Gia đình nạn nhân còn đó, nhân chứng còn đó, hầm hố còn đó, bạn bè còn đó, chứng tích còn đó, chế độ còn đó. Có thể người đọc vì sự công phẫn chưa nguôi, sẽ không tin hết các điều các ông các bà viết nhưng nếu đúng rồi lịch sử sẽ tin. Nếu không làm thế, cơ chế độc tài này chắc chắn sẽ tàn lụi nhưng tên tuổi Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Thị Đoan Trinh... mãi mãi vẫn là những dấu đen ngàn đời không phai.

Dư luận khắt khe nhưng không bất công. Suốt 42 năm, các ông các bà có rất nhiều cơ hội để làm sáng tỏ một sự kiện lịch sử mà các

ông các bà từng tham dự, nhưng ngoại trừ việc phải trả lời vài buổi phỏng vấn rải rác đó đây, các ông các bà im lặng. Kết án lại những người kết án không phải là cách trả lời mà nhân dân Việt Nam đang muốn biết.

Ông Nguyễn Đắc Xuân được gọi là "nhà Huế học" nhưng Huế không chỉ có sông Hương, núi Ngự, lăng tẩm, đền đài mà còn có Bãi Dâu, Khe Đá Mài, khu Gia Hội và hàng chục ngôi mồ tập thể khác.

Đời sống của một dân tộc không chỉ gồm những thời đẹp đẽ, vinh quang mà còn cả những giai đoạn đau buồn, tủi nhục. Tại sao ông không viết? Phải chăng những người "nhảy núi" ở Huế cũng giống như Hun Sen hay tên Khmer Đỏ giết chồng bà Samrith Phum năm 1977, đang cố chôn đi quá khứ ? Sự im lặng của các ông các bà không phải là một công án thiền mà là lời tự tố cáo lớn tiếng nhất.

Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều thời kỳ suy vi và phân hóa nhưng sự kiện một số người dã tâm tàn sát nhiều ngàn người Việt khác trong chỉ vài tuần bằng các phương tiện phi nhân chưa từng có như ở Huế là lần đầu.

Vết thương Mậu Thân sẽ không bao giờ lành một khi tội ác chưa được đưa ra ánh sáng. Nền tảng của hòa giải là công lý và sự thật chứ không phải che đậy và lãng quên.

Nhiều tác giả đã viết về Thảm sát Mậu Thân. Những dữ kiện trong bài viết này không có gì mới mà đã được nhắc đi nhắc lại. Dụng ý của kẻ viết bài này chỉ muốn nhấn mạnh một điều rằng, nhiều trong số những người "nhảy núi" còn sống ở Huế hay trong và cả ngoài nước, nhưng chắc không sống bao lâu nữa. Tuổi tác của các ông các bà đều trên dưới bảy mươi. Thời gian còn lại như tiếng chuông ngân đã quá dài. Tất cả sẽ là không. Các ông các bà ra đi không mang theo gì cả nhưng sẽ để lại rất nhiều. Vẫn biết con người khó tự kết án chính mình nhưng các ông, các bà vẫn còn nợ dân

tộc Việt Nam, nhất là các thế hệ mai sau, câu trả lời cho cái chết của nhiều ngàn dân Huế vô tội.

Ngọn nến trước khi tắt thường bật sáng, vì tương lai dân tộc, các ông các bà hãy sáng lên sự thật một lần trước ngày chết.

CỜ ĐỎ SAO VÀNG LÀ CỜ TỔ QUỐC?

Tạm gác qua các tài liệu và dẫn chứng dù khả tín nhưng còn đang được tranh luận, theo tài liệu chính thức của đảng Cộng sản Việt Nam, tác giả lá cờ nền đỏ sao vàng là ông Nguyễn Hữu Tiến làm nghề thầy giáo, tham gia đảng Cộng Sản, bị tù và vượt ngục. Năm 1935, ông được Xứ Ủy Nam Kỳ giao trách nhiệm vẽ lá cờ để sử dụng trong các cuộc đấu tranh. Ông đã vẽ lá cờ nền đỏ sao vàng.

Lá cờ này được Xứ ủy Nam Kỳ chấp thuận và xuất hiện trong các cuộc đấu tranh do đảng Cộng Sản tổ chức và lãnh đạo, trong đó có cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 23-11-1940. Ngày 28-8-1941 ông Nguyễn Hữu Tiến bị xử bắn cùng các lãnh đạo trung ương khác của đảng Cộng Sản như Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Hà Huy Tập. Hồ Chí Minh rất thích lá cờ này và thường dùng trong các hoạt động của phong trào Việt Minh, một tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản.

Cờ nền đỏ sao vàng xuất hiện không chính thức trong ngày 2-9-1945 vì đến ngày 5-9-1945, ông Hồ mới ký sắc lệnh dùng cờ của Xứ ủy Cộng sản Nam Kỳ làm cờ chính thức cho nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Sau đó lá cờ nền đỏ sao vàng được đưa sang quốc hội gồm khoảng 300 đại biểu bù nhìn của đảng Cộng sản, không

tính 70 đại biểu từ các đảng không Cộng sản thêm vào sau không bầu, thông qua.

Đảng Cộng sản với sự yểm trợ bằng máu xương và súng đạn từ hai đàn anh Cộng sản quốc tế, đã chiếm được một nửa nước Việt Nam. Nhưng mục tiêu của đảng không dừng lại ở miền bắc đất hẹp người thưa nhưng nhắm vào khu vực đông dân trù phú ở miền nam.

Ngày 20-12-1960, trung ương đảng Cộng sản Việt Nam lập thêm chi nhánh miền Nam và để che giấu dư luận quốc tế, đảng dùng cờ nửa xanh nửa đỏ làm thương hiệu cho cơ sở đảng ở miền Nam. Nhưng sau khi chiếm trọn miền Nam vào 30-4-1975, việc che đậy không còn cần thiết, đảng dùng cờ nền đỏ sao vàng cho cả nước từ đó đến nay.

Cờ đỏ sao vàng chỉ là biểu tượng của một nhà nước với ý thức hệ cộng sản, không đại diện cho tổ quốc Việt Nam.

Sự sụp đổ của phong trào Cộng sản thế giới và sự tái lập chế độ Cộng Hòa tại các nước cựu Cộng sản cho thấy, ngoại trừ các quốc gia dùng quốc kỳ đã có trước chế độ Cộng sản, các quốc kỳ ra đời trong chế độ Cộng sản đều bị thay đổi.

Một vài dẫn chứng tại châu Âu, châu Phi, châu Á:

• Tại châu Âu:

Trước 1956, "cờ tổ quốc" của Hungary gồm ba màu đỏ, trắng, xanh lá cây, ở giữa là huy hiệu sao đỏ và búa liềm của đảng Cộng sản. Quốc kỳ của Hungary, trong lúc vẫn duy trì ba màu truyền thống của dân tộc Hung như không có huy hiệu Cộng sản. Năm 1956, huy hiệu Cộng sản bị phong trào nổi dậy cắt bỏ.

Ngày đó, đường phố Budapest ngập đầy những lá "cờ Tổ quốc" bị xé nát như những xác lá cuối mùa thu. Tiến sĩ Nicholas Martin,

giáo sư ngôn ngữ học tại Pasadena City College, vào thời điểm đó là một cầu thủ Water Polo và đang đại diện cho Hungary trong Thế Vận Hội 1956 tại Melbourne, nhắc lại kỷ niệm không thể nào quên trong đời ông: "Việc đầu tiên tôi làm là xé ngay lá cờ Cộng sản Hungary trong làng Thế Vận và chúng tôi tuyên bố đại diện cho một quốc gia Hungary tự do".

Nhưng vào những ngày cuối của Thế Vận 1956 cũng là lúc đoàn xe tăng của Hồng Quân Liên Xô đang càn lên xác những người dân Hung yêu chuộng tự do được trang bị bằng gậy gộc, đội tuyển Hung gặp đội tuyển Liên Xô trong giải chung kết Water Polo. Trận đấu được báo chí tường thuật là trận đấu "máu hòa trong nước". Kết quả đội tuyển Hungary đã thắng đội tuyển Liên Xô tỉ số 4-0. Thật ra, các cầu thủ Liên Xô cũng chỉ là những cầu thủ vô tội, chẳng may phải gánh chịu các trận tấn công liên tục của các tuyển thủ Hungary đang sôi máu căm thù.

• Tại châu Á:

Mông Cổ, sau thời đại huy hoàng của Thành Cát Tư Hãn và các con ông, vào thế kỷ 14, quê hương của đại đế bị chia cắt thành hai mảnh và phân hóa trầm trọng. Vào thế kỷ 17, Mông Cổ bị đặt trong vòng cai trị của nhà Thanh và phần lớn khu Nội Mông đã trở thành đất của nhà Thanh, hiện nay là Khu tự trị Nội Mông thuộc Trung Cộng. Lợi dụng cách mạng Tân Hợi Trung Hoa 1911, các phong trào yêu nước Mông Cổ tuyên bố độc lập nhưng chưa kịp làm gì đã bị quân Trung Hoa đánh bại và chiếm đóng.

Trong lúc số phận Mông Cổ, một trong những đế quốc lừng danh trong lịch sử nhân loại sắp bị xóa tên khỏi bản đồ thế giới, quân đội Bạch Nga dưới quyền Bá Tước Ungern, bị Cộng Sản Nga đánh đuổi, tràn sang biên giới và đánh bại quân Trung Hoa. Trong cái rủi có cái may, sự xâm lược của quân Nga vô tình cứu Mông Cổ thoát khỏi nạn đồng hóa. Khi Liên Xô thắng, nước Cộng Hòa Nhân

Dân Mông Cổ, trong vùng Ngoại Mông, được thành lập. Tuy bị đặt trong vòng kiểm soát của Liên Xô, về đối ngoại Mông Cổ là một quốc gia độc lập, thành viên của Liên Hiệp Quốc và nhiều tổ chức quốc tế.

Khi Liên Xô sụp đổ, giống như các nước trong vòng ảnh hưởng của Liên Xô, Mông Cổ trở thành nước Cộng Hòa Mông Cổ. Hai chữ "nhân dân" trong tên nước bị xóa bỏ. Trong thời Cộng Sản, "cờ tổ quốc" của Mông Cổ gồm ba phần, hai bên màu đỏ, phần giữa màu xanh với dấu hiệu sao vàng của đảng Cộng Sản bên trái. Ngày 15 tháng Giêng 1992, quốc hội Cộng Hòa Mông Cổ biểu quyết xóa bỏ ngôi sao vàng Cộng sản khỏi lá cờ và thay vào đó bằng ngọn lửa biểu tượng cho tinh thần Soyombo phát triển, thịnh vượng và thành công của dân tộc Mông Cổ.

• Tại châu Phi:

Ethiopia là một trong những chiếc nôi của văn minh nhân loại nhưng trong thập niên 1980 của thế kỷ 20 quốc gia 82 triệu người này đã chịu đựng nạn nghèo đói tận cùng và ách Cộng Sản dã man. Chỉ trong vòng 5 năm, khoảng 10 phần trăm dân số bị chết trong đói khát hay chết dưới bàn tay của bạo chúa Mengistu.

Kỷ nguyên Mengistu được báo chí gọi là "khủng bố đỏ" để so sánh với "khủng bố trắng" do thực dân Âu châu gây ra cho các nước Phi châu trước đây. Sau khi thiết lập chế độ độc đảng vào năm 1987, Mengistu Haile Mariam và đảng Lao động Ethiopia do y thành lập tuy vẫn giữ ba màu đỏ, vàng và xanh lá cây truyền thống đoàn kết châu Phi nhưng ngay giữa lá cờ, Mengistu đã thêm huy hiệu nền đỏ sao vàng biểu tượng cho quyền lãnh đạo trung ương của đảng Cộng sản.

Nhiều đảng phái chống Mengistu ra đời và phối hợp hoạt động dưới danh nghĩa của Mặt Trận Dân Chủ Cách Mạng Ethiopia. Cuối

cùng chế độ khát máu Mengistu bị lật đổ vào tháng 5 năm 1991.

Ngày nay, Ethiopia vẫn còn là một nước nghèo với 40 phần trăm dân số sống bằng nông nghiệp và không có nguồn tài nguyên thiên nhiên nào lớn nhưng là một trong những quốc gia Phi châu có mức phát triển nhanh.

Con đường dân chủ hóa của Ethiopia bắt đầu từ 1994, là con đường đầy gai góc nhưng đã tiến xa so với thời bạo chúa Cộng Sản Mengistu. Sau khi được tự do khỏi xích xiềng Cộng Sản và có hiến pháp dân chủ, quốc kỳ đại diện cho quốc gia Ethiopia gồm ba màu truyền thống đỏ, vàng, xanh lá cây và tia sáng có chiều dài bằng nhau kết thành hình ngôi sao trên vòng tròn màu xanh nước biển biểu tượng cho tinh thần bình đẳng, chính thức được phê chuẩn ngày 6-2-1996.

• Tại Kampuchea láng giềng:

Trước ngày 17-4-1975, lá cờ Cộng Hòa Khmer gồm hai màu xanh đỏ với hình Angkor Wat bên góc trái và ba ngôi sao trắng bên góc phải.

Ngày 22-5-1975, lá cờ này bị thay đổi bằng cờ nền đỏ với Angkor Wat vàng của chế độ diệt chủng Pol Pot. Điều 16 trong hiến pháp "Dân chủ Kampuchea" công bố ngày 5 tháng Giêng 1976, giải thích "màu đỏ là màu cách mạng, biểu tượng cho quyết tâm của nhân dân Kampuchea để giải phóng, bảo vệ và xây dựng đất nước".

Cờ của chế độ Pol Pot không phải là cờ mới được vẽ nhưng có lịch sử gắn liền với sự ra đời của đảng Cộng Sản Kampuchea được thành lập vào 1951 sau khi đảng Cộng Sản Đông Dương "tự động giải tán" ngày 11-11-1945.

"Cờ tổ quốc" của chế độ diệt chủng Pol Pot được phác họa khá giống với "cờ tổ quốc" của đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay chỉ khác vị trí của sao vàng được thay bằng Angkor Wat vàng.

Sử gia David P. Chandler trong bài phân tích về hiến pháp Cộng Sản Kampuchea (The Constitution of Democratic Kampuchea: The Semantics of Revolutionary Change) do ký giả Đức Siegfried Ehrmann trích lại trong bài báo Lá cờ với một quá khứ đầy cực hình (A flag with a tortured past), cũng thừa nhận cờ của chế độ Pol Pot "giống như cờ của phong trào được gọi là Việt Minh trong đầu thập niên 1950".

Sau một thời gian dài đầy biến cố, quốc kỳ của Kampuchea Quân Chủ Lập Hiến hiện nay gồm hai màu xanh đỏ truyền thống như đã được dùng trong thời Cộng Hòa Khmer với biểu tượng Angkor Wat trắng được đặt ở trung tâm.

Tóm lại, từ 15 nước thuộc Liên Bang Xô Viết cho đến 8 nước Cộng sản Đông Âu, 3 nước Cộng sản vùng Baltics (Latvia, Lithuania, Estonia), Cộng sản Phi châu (Ethiopia), Cộng sản Á Châu (Kampuchea), có quốc gia thay đổi ít như Ba Lan hay quốc gia thay đổi hoàn toàn như Nga, nhưng không có một nước nào tiếp tục sử dụng lá cờ của chế độ Cộng Sản làm cờ đại diện cho quốc gia thời sau Cộng sản.

Lịch sử diễn ra trước mắt như thế, rõ ràng và dễ hiểu. Tuy nhiên, từ hai phần ba thế kỷ từ 1945 đến nay, ban tư tưởng trung ương đảng Cộng sản Việt Nam đã nhồi sọ, tẩy não các thế hệ Việt Nam để họ tin một cách tự nhiên, tin một cách chân thành rằng lá cờ nền đỏ sao vàng của Xứ ủy Cộng sản Nam Kỳ, thương hiệu đối ngoại của đảng Cộng sản Việt Nam là cờ Tổ quốc.

Thế nào là Tổ quốc?

Hiểu một cách đơn giản và gần gũi, tổ quốc là đất nước, là cội nguồn và là căn nhà chung của một giống dân có cùng một lịch sử, văn hóa, truyền thống, lãnh thổ, vùng trời, vùng biển. Ngay trong *Đại tự điển* do Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam thuộc

Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo và nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin ấn hành năm 1998 cũng định nghĩa Tổ quốc là "Đất nước, gắn liền với bao thế hệ ông cha, tổ tiên của mình: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ quốc Việt Nam của chúng ta".

Với định nghĩa đó, cờ do đảng Cộng sản Việt Nam vẽ ra không thể gọi là cờ tổ quốc và càng không nên dùng, dù là dùng như một lá chắn, để biểu dương lòng yêu nước của mình.

Hầu hết tuổi trẻ Việt Nam sinh ra và lớn lên sau 1975. Tâm hồn của các em là những tờ giấy trắng, xã hội vẽ lên đó những con đường, những tín hiệu và các em đi trên con đường đó, nhận diện cuộc đời qua các tín hiệu đó. Xã hội trong trường hợp Việt Nam là bộ máy tuyên truyền của đảng Cộng sản, một tổ chức chuyên nghiệp với trách nhiệm khống chế mọi lãnh vực, suy nghĩ và nhận thức của con người.

Dù sao, tuổi trẻ sinh ra và lớn lên khi lá cờ đỏ sao vàng đã có rồi, bị đầu độc để hiểu sai lịch sử, còn có thể thông cảm, những giáo sư, trí thức, nhà văn, nhà thơ học nhiều hiểu rộng, có dịp ra nước ngoài học tham khảo thêm nhiều tài liệu khách quan mà vẫn tin lá cờ nền đỏ sao vàng của đảng Cộng sản là cờ Tổ quốc mới là đáng trách.

Họ thích khoe khoang bằng cấp, trình độ học vấn và luôn nhấn mạnh đến tinh thần khách quan khoa học nhưng lại sống và hành động như một thói quen, cảm tính, một phản xạ sinh tồn tự nhiên, chấp nhận những hiện tượng nghịch lý, phi lý một cách dễ dàng. Điều đó cho thấy không gian giữa kiến thức và nhận thức vẫn còn là một khoảng cách khá dài.

Quốc hội Cộng sản chỉ là tấm bình phong để che mắt dư luận

Cho đến nay, lý do được viện dẫn nhiều nhất để biện minh cho tính chính thống của cờ đỏ sao vàng là căn cứ vào quốc hội khóa 1 và hiến pháp 1946.

Cả thế giới đều biết trong chế độ Cộng sản quốc hội chỉ là tấm bình phong dân chủ để che mắt dư luận, đảng mới là trung tâm quyền lực tuyệt đối điều khiển mọi hoạt động của đất nước.

Ngày 6-1-1946, ngoại trừ 70 đại biểu không bầu gọi là "đại biểu truy nhận" từ các đảng Việt Nam Cách mạng Đồng Minh Hội và Việt Nam Quốc Dân Đảng được thêm vào sau đó, hầu hết trong số 333 đại biểu là đảng viên đảng Cộng Sản hay các tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản và phải qua sự giới thiệu của Việt Minh, một tổ chức tương tự như Mặt trận Tổ quốc ngày nay.

Một vài quan điểm biện minh cho hiến pháp 1946 xem đó như là hiến pháp dân chủ, giá trị, thế nhưng giá trị của một hiến pháp không phải vì đó là một văn bản có nội dung súc tích, chứa đựng tầm nhìn xa nhưng ở chỗ thực hiện và áp dụng hiến pháp trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Hiến pháp 1946 mặc dù trên danh nghĩa được thông qua ngày 9-1-1946 nhưng chưa từng được chính thức công bố cho đến khi được thay bằng hiến pháp 1959.

Sau lần "bầu cử" 1946, đảng Cộng sản Việt Nam không thấy cần có quốc hội nên suốt 14 năm sau đó, đảng chẳng màng nghĩ đến chuyện bầu bán "cơ quan quyền lực cao nhất" này làm gì cho tốn công tốn của. Sáu mươi lăm năm dài dằng dặc từ khóa 1 đến khóa 13, đừng nói chi văn minh nhân loại đã tiến quá xa mà cả hình dạng trái đất cũng đã đổi thay nhiều nhưng số phận làm nô lệ cho chủ nghĩa Cộng sản của người dân Việt Nam vẫn không thay đổi.

Những người Việt yêu nước không chết cho lá cờ Cộng sản.

Lý do thứ hai, lá cờ nền đỏ sao vàng là cờ Tổ quốc vì đã thắm máu của nhiều người Việt Nam yêu nước trong cuộc "chiến tranh chống thực dân Pháp đầy chính nghĩa".

Từ những ngày gian truân trên núi rừng Việt Bắc cho đến khi lá

cờ này được cắm trên nóc hầm chỉ huy của tướng De Castries, và đó là một chiến thắng không thể phủ nhận.

Tạm gác qua bên vai trò then chốt của các tướng lãnh Trung Cộng trong trận Điện Biên Phủ và mục đích cuối cùng của đảng Cộng sản, máu xương của hàng triệu người Việt Nam đổ xuống không chỉ ở lòng chảo Điện Biên Phủ mà trong suốt gần một thế kỷ Pháp thuộc, phát xuất từ lòng yêu nước. Không ai chối cãi hay phủ nhận điều này.

Như tôi đã viết nhiều lần trước đây, tình yêu dành cho quê hương của họ là một tình yêu thuần khiết và trong sáng. Họ ngã xuống cho thanh bình sớm được vãn hồi trên quê hương khổ đau và bất hạnh Việt Nam. Họ là những công nhân đôi tay còn dính dầu máy, là những nông dân từ bỏ ruộng vườn, ra đi theo tiếng gọi của núi sông vang vọng từ Mê Linh, Lam Sơn, Bạch Đằng, từ bốn ngàn năm lịch sử.

Những người Việt Nam đó đã chết chỉ vì một mục đích duy nhất cho con cháu họ được sống trong thanh bình, tự do, độc lập chứ không phải sống trong xiềng xích độc tài nô lệ, và quan trọng nhất, họ không chết vì lá cờ của đảng Cộng sản Việt Nam.

Tôi thật sự tin, trong một nước Việt Nam tự do dân chủ, sự hy sinh của đồng bào trong suốt gần một trăm năm dưới ách thực dân, dù chết ở đâu và chết như thế nào, chẳng những không bị lãng quên mà còn được vinh danh xứng đáng.

Giống như trong các tổ chức khác, trong hàng ngũ đảng Cộng sản có nhiều người yêu nước nhưng bản thân đảng Cộng Sản như một tổ chức chính trị chưa bao giờ là một đảng yêu nước.

Dùng lá cờ của chế độ Cộng sản độc tài để vinh danh những người đã chết vì nguyện vọng độc lập tự do cho dân tộc là một hình thức phỉ báng họ.

Làm tôi mọi cho Liên Xô và Trung Cộng.

Lý do thứ ba, lá cờ nền đỏ sao vàng phải được gọi là cờ tổ quốc vì đã thắm máu của nhiều người Việt Nam yêu nước trong cuộc chiến "chống Mỹ xâm lược anh hùng" và cuối cùng đã cắm lên "trên đỉnh cao nhất của dinh Độc lập Sài Gòn".

Ngày nay, với hàng ngàn tài liệu được công bố, hàng trăm tác phẩm được viết ra, đã chứng minh một cách tận tường và chi tiết lịch sử hình thành và mục tiêu của đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 cho đến nay. Hàng hàng lớp lớp thanh niên Việt Nam bị xua vào cuộc chiến gọi là "chống Mỹ cứu nước" chỉ để thỏa mãn tham vọng Cộng sản hóa toàn cõi Việt Nam, và ngoài ra, để làm những tên lính đánh thuê trung thành cho Liên Xô và Trung Cộng.

Trong các thập niên 1930, 1940, một mặt hô hào đoàn kết nhưng mặt khác đảng thẳng tay tận diệt mọi thành phần yêu nước, từ các chính khách, lãnh tụ đảng phái tên tuổi như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn bị cắt cổ ở miền bắc, Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi bị giết ở miền trung, Phan Văn Hùm, Bùi Quang Chiêu, Hồ Văn Ngà, Hồ Vĩnh Ký bị giết ở miền Nam, cho đến các bậc lãnh đạo của hai tôn giáo được khai sinh ngay trong lòng dân tộc là Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, chỉ vì họ có quan điểm đấu tranh chống Pháp khác với mục tiêu xích hóa Việt Nam của đảng Cộng sản. Không khác gì các chế độ phong kiến bất nhân, chẳng những cá nhân họ bị giết mà con cái họ dù còn trong tuổi vị thành niên cũng không được tha như trường hợp năm người con của nhà cách mạng Bùi Quang Chiêu.

Hôm nay, Liên Xô đã sụp đổ nhưng mối họa Trung Cộng do đảng Cộng sản Việt Nam rước về chẳng những chưa chịu ra đi mà đang tiếp tục gặm nhấm từng phần lãnh thổ Việt Nam, tàn sát và đe dọa đời sống của ngư dân vô tội. Trung Cộng là lý do chính để Việt Nam từ một quốc gia bán đảo phì nhiêu nhìn ra biển Đông

bao la bát ngát trở thành là một nước nghèo nàn, chậm tiến, bị cô lập trong một vũng ao tù nước đọng không lối thoát ra đại dương.

Đảng Cộng sản Trung Quốc được xem là cha mẹ đỡ đầu, dành từng hạt gạo để nuôi dưỡng đảng Cộng sản Việt Nam ngay cả trong lúc hàng triệu dân Trung Cộng chết đầy đường, không phải vì một nước "cộng sản anh em", không phải vì "chủ nghĩa quốc tế vô sản", không phải vì tình cảm "sắn liền sắn khoai liền khoai" (nhái theo âm Quan Thoại bài hát *Tình Hữu Nghị Việt Nam - Trung Hoa* của Đỗ Nhuận) đậm đà tình nghĩa, nhưng chỉ vì Việt Nam là một sân sau, một vùng đệm, một vòng đai, một lãnh thổ nối dài của Trung Cộng.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger, trong tác phẩm mới nhất *Về Trung Quốc* (On China) vừa xuất bản, đã trích lại một đoạn đối thoại giữa Phạm Văn Đồng và Chu Ân Lai trong cuộc viếng thăm Trung Cộng của họ Phạm vào năm 1968. Chu Ân Lai: "Trong một thời gian dài, Trung Quốc bị Mỹ bao vây. Bây giờ Liên Xô bao vây Trung Quốc, ngoại trừ phần Việt Nam". Phạm Văn Đồng nhiệt tình đáp đúng ngay ý chủ: "Chúng tôi càng quyết tâm để đánh bại đế quốc Mỹ bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam". Chu Ân Lai: "Đó chính là lý do chúng tôi ủng hộ các đồng chí". Phạm Văn Đồng phấn khởi: "Chiến thắng của chúng tôi sẽ có ảnh hưởng tích cực tại châu Á, sẽ đem lại những thành quả chưa từng thấy". Chu Ân Lai đồng ý: "Các đồng chí nên nghĩ như thế".

Một lá cờ tắm máu bao thế hệ thanh niên Việt Nam đã chết chỉ vì phải đem thân làm tôi mọi, làm phên dậu châu Á cho chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng xứng đáng được gọi là cờ tổ quốc?

Khi sân sau Việt Nam rơi vào quỹ đạo Liên Xô, nỗi sợ hãi bị bao vây như Chu Ân Lai chia sẻ với Phạm Văn Đồng quay về ám ảnh giới lãnh đạo Trung Cộng và Đặng Tiểu Bình đã quyết định chặt đứt vòng xích bằng cách dạy cho đàn em phản trắc Cộng sản Việt Nam "một bài học".

Cuối 1978 đến đầu 1979, Đặng Tiểu Bình thực hiện chuyến đi nước ngoài dài nhất trong cuộc đời y, từ các cường quốc cựu thù Anh, Mỹ, Nhật, cho đến các nước nhỏ hay đang phát triển như Thái Lan, Mã Lai, Singapore và cả Nepal, Miến Điện chỉ với mục đích cô lập "Cu Ba phương Đông". Họ Đặng đã lấy được lòng nguyên thủ các quốc gia y thăm viếng. ASEAN lên án Việt Nam xâm lăng Kampuchea. Nhật Bản lên án Việt Nam. Tổng thống Carter đồng ý cung cấp tin tức tình báo các hoạt động của 50 sư đoàn Liên Xô trong vùng biên giới phía bắc Trung Hoa. Chưa đầy hai tuần sau khi từ Mỹ về, họ Đặng xua quân đánh Việt Nam. Thân xác của hàng vạn tuổi trẻ Việt Nam ngã xuống dọc biên giới Việt Trung chỉ vì nợ máu xương giữa hai đảng Cộng sản.

Từ đó đến nay, khi đánh khi đàm, khi vuốt ve khi đe dọa nhưng các mục tiêu của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng đối với Việt Nam vẫn không thay đổi. Trung Cộng muốn Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng về chế độ chính trị, là một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược an ninh châu Á của Trung Cộng và độc chiếm toàn bộ các quyền lợi kinh tế vùng biển Đông bao gồm cả các vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang tranh chấp. Những diễn biến chính trị kể từ sau lễ ký kết công hàm Thành Đô 1990 đến nay cho thấy, lãnh đạo Trung Cộng đã nắm giữ cả phần xác lẫn phần hồn của giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam.

Một lá cờ được làm mục tiêu tác xạ của hải quân Trung Cộng trên biển Đông, đại diện cho một đảng chỉ biết khúm núm trước kẻ thù nhưng vô cùng tàn ác với đồng bào cùng máu mủ xứng đáng được gọi là cờ tổ quốc?

Không phải ngày nay Trung Quốc mới là một nước lớn mà đã lớn trong thời Nam Hán hơn một ngàn năm trước và không phải nước sông Hồng Việt Nam mới đỏ hôm nay mà đã đỏ từ máu của quân xâm lược khi Ngô Quyền đóng cọc trong lòng sông hơn một ngàn

năm trước. Lịch sử đã chứng minh, Trung Cộng giàu mạnh nhưng không phải là một quốc gia đáng sợ. Nỗi sợ hãi lớn nhất của người Việt Nam là sợ chính mình không đủ can đảm vượt qua quá khứ bản thân, không đủ can đảm thừa nhận sự thật và sống vì sự thật.

Tôi biết, nhiều chú bác anh chị, nhất là từ miền bắc sống sót sau cuộc chiến Việt Nam, có thân nhân, đồng đội chết dưới lá cờ đỏ sao vàng. Thân xác họ được gói trong lá cờ đó và hôm nay trên mộ họ vẫn còn cắm lá cờ đó, nên dù biết cái sai của chế độ vẫn không phải dễ dàng dứt đi được vì không ai nhẫn tâm chặt đứt cánh tay mình, cắt bỏ đi một phần xương thịt của chính mình. Một chiếc áo cũ ném đi lòng còn vương vấn đừng nói chi một người thân, đồng đội, anh em, một phần đời trai trẻ.

Không, tôi không nghĩ các chú bác anh chị nên quên quá khứ hay giết chết đi kỷ niệm. Đúng ra, không ai có thể hay có quyền ra lịnh đó. Vượt qua không có nghĩa là quên đi nhưng biết đặt kỷ niệm, đặt quá khứ vào đúng chỗ trong một ngăn tủ riêng tư và đóng góp phần đời còn lại cho một tương lai tốt đẹp chung của con cháu mình, đất nước mình.

Con người có tuổi thơ, tuổi trẻ, tuổi về chiều nhưng dân tộc thì không. Dân tộc Việt Nam bốn ngàn năm nhưng vẫn còn rất trẻ. Và một ngày, các chú bác anh chị sẽ thấy mình, giống như dân tộc, trẻ lại vì khát vọng hồn nhiên của thuở tuổi hai mươi đang chảy cùng đất nước trong giai đoạn phục hưng đầy sức sống.

Lịch sử nhân loại cho thấy, không một chế độ độc tài nào tồn tại vĩnh viễn. Một ngày, dân tộc Việt Nam sẽ có một lá cờ tổ quốc, biểu tượng của ý chí vươn lên, tinh thần độc lập, khát vọng tự do đã được hun đúc, trui rèn trong lửa đỏ, vượt qua bao khốn khó gian lao trong suốt chiều dài lịch sử.

Để sớm có ngày đó, người Việt Nam, trong cũng như ngoài

nước, phải dứt khoát chọn lựa một con đường, một lối thoát cho chính mình và cho dân tộc mình. Không thể phó thác sinh mạng chín chục triệu người và tương lai dòng giống Việt cho thiểu số ăn trên ngồi trước, nắm giữ quyền lực theo kiểu cha truyền con nối và cong lưng làm tôi mọi ngoại bang. Và lối thoát duy nhất, chọn lựa duy nhất của thời đại là dân chủ.

THỂ THAO
DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

Hai mặt trong cùng một mục đích tuyên truyền của mọi chế độ cộng sản gồm (1) củng cố tính chính danh và (2) che giấu bên trong một chế độ độc tài, lạc hậu, thối nát đang dần dần rã mục.

Phương tiện hữu hiệu để nhanh chóng đạt mục đích hai mặt đó là thể thao thể dục.

Về đối nội, các hào quang chiến thắng trong các bộ môn thể thao thể dục tác động trực tiếp vào nhiệt tình của tuổi trẻ và làm cho họ tuân phục chế độ nhiều hơn. Hữu hiệu bởi vì có khả năng tạm thời xoa dịu sự phẫn uất của người dân trước các vấn nạn của đất nước do chế độ gây ra.

Về đối ngoại, các thành tựu trong thể dục thể thao là cơ hội để đánh bóng chế độ và để nhân loại có cái nhìn kính trọng về chế độ.

Chính vì hai lý do trên, các chế độ cộng sản tập trung ngân sách lớn vào việc đào tạo các tài năng trong mọi ngành thể thao thể dục.

Cộng sản Việt Nam giống như Trung Cộng và Bắc Hàn, sẽ lợi dụng các thành tựu bóng đá vừa qua để củng cố tính chính danh và nâng cao uy tín của đảng. Chiếc lưới thể thao đang được đảng giăng và không ít cá sẽ vướng vào.

Phần lớn nhân loại đã biết và ghê tởm chế độ cộng sản nhưng bất hạnh thay, một phần không nhỏ những người Việt đang bị chế độ đày đọa, bị chế độ cướp đi những quyền căn bản nhất của một con người thì lại không.

Một triệu chứng tâm lý học có thể dùng để mô tả số người Việt này là "Triệu chứng nô lệ hạnh phúc" (Happy slave syndrome).

Khái niệm hạnh phúc trong "Triệu chứng nô lệ hạnh phúc" được quy định bởi xã hội, trong trường hợp Việt Nam là cơ chế cộng sản, và đóng đinh sâu vào trong nhận thức của con người. Những người bị cơ chế hóa này vẫn cảm thấy hạnh phúc dù đang là nô lệ.

Thành phần nô lệ không hẳn chỉ là những người thiếu học nhưng còn có những người học cao, những chuyên viên trong nhiều lãnh vực, ngành nghề. Họ biết, hiểu nhưng không thể vượt qua và cuối cùng quy phục, ngoan ngoãn làm nô lệ cho đảng cộng sản.

Lịch sử các nước cựu cộng sản cho thấy, thời điểm nào thể thao thể dục được phô trương cao nhất thì thời điểm đó dân tộc bị trấn áp và đày đọa trầm trọng nhất.

Nhưng lịch sử cũng cho thấy, dù phô trương hình thức bao nhiêu, một vài thành tựu thể thao không cứu được chế độ và nuôi sống một dân tộc nghèo đói cả vật chất lẫn tinh thần.

Tại Đông Đức, năm chiếc huy chương vàng vô địch bơi lội thế giới do cô Petra Schneider đoạt được không cứu nổi chế độ Erich Honecker, và tương tự tại Romania, những huy chương vàng thể dục dụng cụ của Nadia Comaneci không cứu được mạng vợ chồng Nicolae Ceausescu lúc 4 giờ chiều ngày 25 tháng 12 năm 1989.

Năm 2005, Petra Schneider đã can đảm yêu cầu Ủy ban Thế vận xóa bỏ kỷ lục thế vận do cô lập nên trước đó. Nữ lực sĩ thể dục dụng cụ Nadia Comaneci cuối cùng đã đào thoát sang Mỹ vì không thể

tiếp tục làm chiếc bình phong cho chế độ đang đày đọa hàng ngàn em bé thiếu dinh dưỡng đang chết đói dần trong các trại mồ côi, các bịnh viện nhi đồng không ai chăm sóc.

Tình trạng Việt Nam còn trầm trọng hơn Đông Đức, Romania nhiều. Bên cạnh độc tài chính trị, băng hoại xã hội, suy đồi đạo đức, ô nhiễm môi trường, Việt Nam còn phải đối phó với chủ nghĩa Tập Cận Bình được hình thành sau đại hội đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 19 vừa qua.

Những vấn đề cả thế giới đang quan tâm không chỉ một Trung Cộng trỗi dậy trong quá khứ mà một Trung Cộng đang bành trướng hôm nay và ôm mộng sẽ là nước đứng đầu thế giới vào dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nhà nước Trung Cộng 2049.

Theo tác phẩm đang gây sóng gió *Fire and Furry* của Michael Wolff, Steve Bannon, cựu chiến lược gia của Tổng thống Donald Trunp so sánh Trung Cộng hôm nay với Đức Quốc Xã trong giai đoạn 1920, 1930. Điều này có nghĩa chỉ hơn một thập niên nữa và nếu không có một giải pháp hòa bình cho xung đột Thái Bình Dương, Việt Nam có khả năng cao sẽ là một Ba Lan trong thế chiến thứ hai.

Bao nhiêu người Việt quan tâm đến những tai họa như thế có thể sắp xảy cho đất nước Việt Nam? Chắc không nhiều.

Có người ước ao, phải chi đám đông cuồng nhiệt kia xuống đường chống Formosa, chống Trung Cộng, đòi lại Hoàng Sa, giành lại Trường Sa thì may cho đất nước biết bao nhiêu. Không, đừng kỳ vọng gì nơi họ. Lịch sử được viết bằng những người yêu nước tỉnh táo, nhìn xa, trông rộng chứ không phải bằng đám đông bị đánh bùa mê.

THÀNH PHẦN PHÊN GIẬU

Thời đại Google giúp người dân thấy cái ngu của giới cầm quyền cộng sản trong phát biểu và trong cư xử, từ một Nguyễn Minh Triết ở Cuba cho tới một Nguyễn Thị Kim Ngân ở Việt Nam. Họ dốt nát thật chứ không ai vu cáo. Nhưng họ đã, đang và sẽ tiếp tục cai trị Việt Nam nếu không bị lật đổ. Bởi vì chung quanh họ có một lớp người làm phên dậu để bao che, cung phụng, cúi đầu làm nô lệ cho đảng trong các lãnh vực chuyên môn.

Năm 1958 tại Trung Cộng, Mao Trạch Đông đưa ra chính sách "Bước tiến nhảy vọt" bằng cách nấu chảy nồi niêu xoong chảo ra làm kim khí để chế đường rầy xe lửa, cầu cống, tàu bè, nhà máy cơ khí hạng nặng.

Theo anh chàng gốc nông dân Mao Trạch Đông, tại sao phải tốn kém nhiều tiền của, công sức để khai thác thép và xây những nhà máy hiện đại trong khi có thể sản xuất dụng cụ bằng những phương pháp ít tốn kém. Một quan điểm vật lý vô cùng ấu trĩ mà một học sinh cấp tiểu học cũng biết là sai nhưng rất đông "nhà khoa học" cam phận làm bồi bút ca ngợi như là "chiếc cầu thang bước lên chủ nghĩa cộng sản".

Theo sử gia Frank Dikötter, chỉ trong vòng 4 năm từ 1958 đến 1962, đã có tới 45 triệu người Trung Hoa bị giết và chết đói trong các "công xã nhân dân". Ai là thủ phạm? Mao. Đúng nhưng chưa đủ, ngoài Mao, còn phải kể tới thành phần phên dậu tại Trung Quốc.

Gorbachev nhìn lại những thay đổi trong xã hội Liên Xô thời ông làm Tổng Bí thư đảng Cộng sản: *"Cái khuôn mẫu Soviet thất bại không chỉ ở mức độ kinh tế xã hội mà thất bại ở mức độ văn hóa. Trong xã hội Liên Xô, các tầng lớp người dân, các thành phần có học, thành phần trí thức đã từ chối một chế độ không tôn trọng quyền làm người, trấn áp người dân cả về vật chất lẫn tinh thần"*.

Ngoài một ít tiếng nói cất lên trong cô đơn lạc lõng, giới có học tại Việt Nam giống hệt như Trung Cộng và khác hẳn với Liên Xô.

Thành phần cung phụng đảng Cộng sản tại Việt Nam rất đông nhưng "thành phần trí thức đã từ chối một chế độ không tôn trọng quyền làm người" thì lại rất hiếm.

Không ít thuộc thành phần phên dậu Việt Nam tốt nghiệp chuyên môn ở các trường đại học Mỹ, Anh, Đức... nhưng mang những kiến thức khoa học đó phục vụ cho đường lối cai trị đất nước bằng nhà tù, sân bắn của đảng cộng sản.

Họ biện minh rằng mình cũng giúp nước nhưng thật ra chỉ làm kéo dài sự chịu đựng triền miên của dân tộc.

Ai là thủ phạm gây ra tình trạng sa đọa trong đạo đức, suy đồi trong văn hóa, lạc hậu trong kinh tế, ô nhiễm trong môi trường và đất biển rơi vào tay Trung Cộng? Đảng Cộng sản Việt Nam. Đúng nhưng chưa đủ, ngoài ra còn phải kể thành phần phên dậu đang cung phụng và bao che tội ác cộng sản.

Đừng vội kết án những cô gái phơi bày thân thể trần truồng trên đường phố để bày tỏ vui mừng sau một trận đá banh. Không cha mẹ Việt Nam nào dạy con làm những việc xúc phạm thuần phong mỹ tục, và cũng không phải do các cháu tự nghĩ ra những trò lố lăng như thế. Hành vi đó là kết quả của chính sách "trồng người" theo đúng quan điểm "đạo đức xã hội chủ nghĩa".

Thật vậy, cơ chế độc tài đảng trị CS đã biến con người Việt Nam vốn hiền hòa, chơn chất, yêu thương trong tinh thần "lá lành đùm lá rách", "chị ngã em nâng" thành những kẻ tham lam, hẹp hòi, kiếm tiền bằng cách đầu độc đồng bào cùng máu mủ với mình.

Thành phần phên dậu lý giải cho hành vi phản bội tổ quốc khi cho rằng dân trí Việt Nam chưa đủ cao để tiếp cận với nền dân chủ.

Thế nào là cao và thế nào là đủ?

Dân chủ là giá trị phổ quát của nhân loại chứ không phải tài sản riêng của một quốc gia nào.

Dân chủ là một tiến trình chứ không phải là thành phẩm do nước nào chế tạo. Tiến trình xây dựng và phát huy dân chủ có thể khác nhau tùy thuộc vào điều kiện của mỗi quốc gia nhưng vẫn là dân chủ.

Trước năm 1989, Mông Cổ có thể nói là quốc gia chưa bao giờ thật sự biết gì về dân chủ nhưng giờ đây đã trở thành một nước dân chủ.

Tháng 4 năm 1770, Thomas Jefferson, Tổng thống thứ ba của Mỹ, phát biểu: "*Theo định luật tự nhiên, tất cả con người sinh ra đều tự do, mọi người có mặt trên trái đất này có quyền riêng tư của chính họ*".

Hơn hai trăm năm sau, Tsakhiagiin Elbegdorj, một thanh niên Mông Cổ trở thành Thủ tướng Cộng hòa Mông Cổ xác định câu nói của Thomas Jefferson là đúng trong buổi phỏng vấn dành cho báo *New York Times* năm 2004: "*Chúng tôi muốn cho thế giới thấy rằng các giá trị thường được gọi là giá trị Tây phương không phải thuộc về Mỹ, châu Âu, Nam Hàn và Nhật Bản thôi nhưng còn thuộc về Mông Cổ*".

Điều đó cho thấy, dân chủ Mỹ hẳn nhiên khác với dân chủ Mông Cổ nhưng vẫn là dân chủ.

Vâng, và các giá trị của dân chủ đó cũng thuộc về từng người Việt Nam.

Nhưng thành phần phên dậu đừng quên, dù kéo dài sự cai trị lâu dài, khi sụp đổ, các chế độ cộng sản đều sụp rất nhanh.

Ngày 21 tháng 12 năm 1989, Nicolae Ceauşescu đọc diễn văn trước trên một trăm ngàn người dân Romania nhưng chỉ bốn ngày sau vợ chồng ông ta bị xử bắn.

Người bắn, Đại úy nhảy dù Ionel Boyeru, thuộc đơn vị ưu tú được tuyển chọn để bảo vệ các lãnh đạo Trung ương đảng cộng sản và cũng là người trước đó không lâu ký tên vào lá thư thề nguyền trung thành với Nicolae Ceauşescu.

Giống như hầu hết những kẻ độc tài sống trong hoang tưởng quyền lực, giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam không đo lường được sức mạnh của lòng công phẫn.

Giọt nước căm hờn bao nhiêu năm âm thầm chảy trong lòng người sẽ một ngày thành cơn lũ cuốn đi chế độ độc tài. Thành phần phên dậu làm giàu trên máu xương của đồng bào mình, tiếp tay với giới cai trị để đày ải đồng bào mình sẽ không có đủ thời gian tẩu tán tài sản, che đậy danh tính hay thậm chí trốn đi đâu.

Thức dậy đi nếu còn một chút lương tâm Việt Nam.

CHỈ CỘNG SẢN MỚI LẬT ĐỔ ĐƯỢC CỘNG SẢN?

Thời gian vừa qua, các phong trào xã hội, phong trào dân chủ tại Việt Nam chịu đựng sự đàn áp khốc liệt của giới cầm quyền cộng sản. Không gian bị thu hẹp. Phần lớn các lãnh đạo phong trào đều bị bắt. Một số bị xét xử với những bản án dài hạn bất nhân, một số đông còn bị giam chờ ngày lãnh án và những người chưa bị bắt sống trong tâm trạng sắp bị bắt.

Điều này làm không ít người trở nên bi quan khi nhìn viễn cảnh quá xa xôi của một đất nước Việt Nam thật sự tự do, và tự hỏi phải chăng "chỉ có cộng sản mới lật đổ được cộng sản"?

Quan điểm "chỉ cộng sản mới lật đổ được cộng sản" là một quan điểm không đúng. Không đúng cả về lý luận, lịch sử lẫn thực tế.

Nhân vật được viện dẫn nhiều nhất cho quan điểm này là Mikhail Gorbachev, người tuyên bố cáo chung chế độ cộng sản tại Liên Xô.

Không ai phủ nhận các chính sách cấp tiến, những quyết định can đảm của Gorbachev trong hai năm cuối của chế độ CS Liên Sô. Tuy nhiên, Mikhail Gorbachev chỉ thổi tắt ngọn đèn khi bình dầu đã gần như khô cạn.

Lúc bảy giờ chiều ngày 25 tháng 12 năm 1991, Mikhail Gorbachev từ chức chủ tịch Liên Xô giữa sự thờ ơ của đại đa số dân Nga. Không

một quốc gia nào trong số 15 nước "cộng hòa xã hội chủ nghĩa" trước đó thuộc Liên bang Xô Viết quan tâm. Không một tiếng vỗ tay ngoài điện Kremlin. Không có một tiếng hoan hô trên "Quảng trường Đỏ". Nhiều người dân Nga đi xe điện về nhà sau ngày dài làm việc không biết mình đang sống trong thời điểm lịch sử. Cả đất nước không biết mình đang choàng tỉnh sau 74 năm dài trong cơn mê kinh hoàng cộng sản.

Lý do như Mikhail Gorbachev phát biểu "người dân đã từ chối chế độ từ trước đó rồi".

Tại các quốc gia Baltics, những lãnh đạo của phong trào dân chủ là những trí thức, những giáo sư, nhạc sĩ và phần đông chưa hề làm chính trị. Chẳng hạn tại Estonia, khi các nhạc sĩ cất lên tiếng hát cả nước hát theo. Bài hùng ca tự do của dân tộc Estonia cũng chính là bài ai điếu đưa một chế độ phi nhân ra nghĩa trang lịch sử.

Tại các nước Đông Âu như Hungary, Tiệp Khắc, Ba Lan, các phong trào dân chủ đã hình thành, bị vùi dập dưới xích sắt của xe tăng nhưng không chết. Tinh thần cuộc Nổi dậy Hungary 1956, Mùa Xuân Tiệp Khắc 1968, Ba Lan Solidarity 1980 là những ngọn đuốc soi đường cho các cuộc cách mạng dân chủ của các quốc gia này. Họ là ai? Là những giáo sư đại học, văn nghệ sĩ, những công nhân và nông dân có quá khứ bình thường và khiêm nhượng.

Tại Romania, vợ chồng Nicolae Ceaușescus bị bắn chiều ngày 25 tháng 12 năm 1989, nhưng chế độ đã sụp đổ từ bốn ngày trước trong buổi mít-tinh tại thủ đô Bucharest do chính đảng cộng sản tổ chức. Ai đã buộc Ceaușescus, một lãnh tụ cộng sản sắt máu phải rút lui vào phòng trong, bỏ dở diễn văn đang đọc? Người dân Romania. Chính những người đầu tiên trong số hàng trăm ngàn người bình thường có mặt hôm đó đã lớn tiếng phản đối Ceaușescus. Tiếng hét của người dân là kết quả của nỗi hờn căm tích chứa suốt 44 năm.

Tiếng thét của họ không còn lẻ loi, vô vọng nữa. Những ngọn sóng nhỏ trở thành ngọn triều dâng cao và đánh sụp chế độ chỉ trong bốn ngày sau. Nicolae Ceauşescus không tiên đoán được ngày tàn của mình.

Căn bịnh ung thư di căn mà các lãnh tụ độc tài cộng sản đều có trong người là ung thư quyền lực. Bịnh ung thư quyền lực ăn sâu vào trong não bộ làm mù lương tâm và lý trí của các lãnh tụ cộng sản độc tài.

Một bằng chứng rất hài nhưng có thật.

Báo *New York Time*, phát hành ngày 26 tháng 5 năm 2000, kể lại những ngày Erich Mielke, hung thần đứng đầu tổ chức an ninh Đông Đức Stasi, còn ở trong tù sau khi nước Đức thống nhất. Erich Mielke chỉ bị kết án 6 năm vì y giả bịnh một cách khéo léo nhưng khi vào nhà tù Moabit, Erich Mielke lại bịnh thật. Một căn bịnh tinh thần khó tìm ra nguyên nhân. Ban quản đốc nhà giam bèn nghĩ ra một sáng kiến. Họ đặt trong phòng tù của Erich Mielke một chiếc điện thoại màu đỏ giống hệt như điện thoại mà ông ta dùng để ra lệnh khi còn là tổng giám đốc cơ quan an ninh Stasi. Dĩ nhiên đường dây của điện thoại chẳng nối vào đâu cả nhưng mỗi ngày Erich Mielke đều quay số và ra lệnh bỏ tù người này, hạ sát người kia như đang thật sự là tổng giám đốc của Stasi.

Tại Mông Cổ ở Á châu, Ethiopia ở Phi châu cũng tương tự, cách mạng bùng lên từ nạn đói, nỗi đau nhức, sự chịu đựng của người dân thường chứ chẳng từ một lãnh tụ cộng sản nào thương xót hay thức tỉnh.

Người viết đã có lần trình bày, tác giả Archie Brown, giáo sư chính trị học Đại học Oxford, Anh quốc, trong tác phẩm *Sự vươn lên và sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản* (The Rise And Fall Of Communism) phát hành lần đầu 2009 đã nêu ra 8 lý do khiến chủ nghĩa cộng sản

sụp đổ, trong đó lý do hàng đầu không phải là kinh tế hay quân sự mà là sự thay đổi xã hội (social change). Theo đà phát triển văn minh, người dân dần dần không những có khuynh hướng muốn tìm hiểu những gì khác hơn mà còn nghi ngờ và từ chối các kiến thức họ bị chế độ đầu độc.

Sự chuyển hóa tri thức là một tiến trình không thể bị ngăn chận bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào.

Cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ và chủ quyền của dân tộc Việt Nam cho tới nay vẫn là còn là một đấu tranh không cân sức. Tuy nhiên, chính nghĩa cuối cùng sẽ thắng. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để tại Việt Nam chỉ là vấn đề thời gian. Đảng cộng sản còn mạnh nhờ bộ máy tuyên truyền, nhờ thành phần phên dậu, nhờ nhà tù dựng khắp ba miền nhưng chính họ cũng phải biết chế độ cộng sản tại Việt Nam chỉ có tính cách tạm thời và khi sụp đổ sẽ sụp đổ rất nhanh.

ĐẶNG TIỂU BÌNH TRONG CHIẾN TRANH BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG 1979

Trong chuyến công du các quốc gia Á châu để chuẩn bị hậu thuẫn dư luận trước khi đánh Việt Nam, Đặng Tiểu Bình tuyên bố:*"Việt Nam là côn đồ, phải dạy cho Việt Nam bài học"*.

Câu "*Việt Nam là côn đồ*" được các đài truyền hình Trung Cộng phát đi và chính Dương Danh Dy, nguyên Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu, đã xem đoạn phóng sự truyền hình đó: *"Tôi không bao giờ có thể quên vẻ mặt lỗ mãng và lời nói "bạo đổ" đầy giọng tức tối của ông ta qua truyền hình trực tiếp và tiếng người phiên dịch sang tiếng Anh là "hooligan" - tức du côn, côn đồ"*.

Tại sao Đặng Tiểu Bình nói câu "lỗ mãng" đó?

Đảng Cộng sản Trung Quốc "hy sinh" quá nhiều cho đảng Cộng sản Việt Nam. Không nước nào viện trợ cho cộng sản Việt Nam nhiều hơn cộng sản Trung Quốc. Trong cuộc chiến Việt Nam, Trung Cộng không chỉ viện trợ tiền của mà còn bằng xương máu.

Trong tác phẩm *Trung Quốc lâm chiến: Một bộ bách khoa* (China at War: An Encyclopedia) tác giả Xiaobing Li liệt kê các đóng góp cụ thể của 320 ngàn quân Trung Cộng trong chiến tranh Việt Nam:

"*Trong chiến tranh Việt Nam giai đoạn năm 1964 đến năm 1973, quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã lần nữa can thiệp. Tháng 7 năm 1965, Trung Quốc bắt đầu đưa quân vào Bắc Việt, bao gồm các đơn vị hỏa tiễn địa-không (SAM), phòng không, làm đường rầy xe lửa, công binh, vét mìn, hậu cần. Quân đội Trung Quốc điều khiển các giàn hỏa tiễn phòng không, chỉ huy các đơn vị SAM, xây dựng và sửa chữa đường sá, cầu cống, đường xe lửa, nhà máy. Sự tham gia của Trung Cộng giúp cho Việt Nam có điều kiện gởi thêm gởi nhiều đơn vị Bắc Việt vào Nam đánh Mỹ. Giữa năm 1965 và năm 1968, Trung Quốc gởi sang Bắc Việt 23 sư đoàn, gồm 95 trung đoàn, tổng số lên đến 320 ngàn quân. Vào cao điểm năm 1967, có 170.000 quân Trung Quốc hiện diện*".

Trong số năm nhân vật hàng đầu lãnh đạo Trung Cộng giai đoạn 1977 đến 1980 gồm Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng và Đặng Tiểu Bình thì Đặng Tiểu Bình là người có hoạt động gần gũi nhất với phong trào Cộng sản Việt Nam. Hơn ai hết, họ Đặng đã tiếp xúc, làm việc với các lãnh đạo cộng sản Việt Nam, biết cá tính từng người và cũng biết một cách tường tận và chính xác những hy sinh của Trung Cộng dành cho đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong thập niên 1960, cộng sản Việt Nam sống bằng gạo trắng của Trung Cộng nhưng cũng ngay thời gian đó quê hương Tứ Xuyên của Đặng Tiểu Bình chết đói trên 10 triệu người.

Trong thời gian hai đảng cộng sản cơm không lành canh không ngọt, bộ máy tuyên truyền cộng sản Việt Nam ca ngợi Lê Duẩn như một nhân vật kiên quyết chống bành trướng Bắc Kinh nhưng đừng quên tháng 4 năm 1965, chính Lê Duẩn đã sang tận Bắc Kinh cầu khẩn Đặng Tiểu Bình để gởi quân trực tiếp tham chiến.

Xung đột biên giới và xô đuổi Hoa kiều

Theo báo cáo Bộ Quốc phòng Trung Cộng, các đụng độ quân sự trong khu vực biên giới giữa các lực lượng biên phòng hai nước đã gia tăng đáng kể sau 1975, gồm 752 vụ trong 1977 đến 1.100 vụ trong 1978. Không chỉ về số lượng mà cả tầm vóc của các vụ đụng độ cũng gia tăng. Dù không phải là lý do chính, những đụng độ quân sự cũng là cách gợi ý cho Bắc Kinh thấy giải pháp có thể phải chọn là giải pháp quân sự. Tháng 11 năm 1978, Phó Chủ tịch Nhà nước Uông Đông Hưng và Tướng Su Zhenghua, Chính ủy Hải quân, đề nghị đưa quân sang Cambodia và Tướng Xu Shiyou, Tư lệnh Quân Khu Quảng Châu đề nghị đánh Việt Nam từ Quảng Tây. Chính sách xô đuổi Hoa kiều vào sáu tháng đầu 1978 cũng làm Trung Cộng khó chịu về bang giao và khó khăn về kinh tế.

Đánh Việt Nam để củng cố quyền lực

Đặng Tiểu Bình được phục hồi lần chót vào tháng 7 năm 1977 với chức vụ Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng, Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Tuy nhiên, tất cả chức vụ này không đồng nghĩa với việc tóm thu quyền lực. Hoa Quốc Phong vẫn là Chủ tịch nước và Chủ tịch Đảng. Các ủy viên Bộ Chính trị khác như Uông Đông Hưng, người ủng hộ Hoa Quốc Phong, Lý Tiên Niệm, Phó Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc đều còn nhiều quyền hành. Sự đấu tranh quyền lực trong nội bộ đảng Cộng sản Trung Quốc ngày càng căng thẳng.

Ảnh hưởng của họ Đặng chỉ gia tăng sau chuyến viếng thăm Đông Nam Á và đặc biệt sau Hội nghị Công tác Trung ương từ ngày 10 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12 năm 1978 cũng như Hội nghị Trung ương Đảng kỳ III, trong đó các kế hoạch hiện đại hóa kinh

tế được đề xuất như chiến lược của Trung Cộng trong thời kỳ mới. Trong nội dung chiến lược này, Mỹ được đánh giá như nguồn cung cấp khoa học kỹ thuật tiên tiến để phục vụ các hiện đại hóa.

Nỗi sợ bị bao vây

Tuy nhiên, câu nói của họ Đặng không phải phát ra từ các lý do trên mà chính từ nỗi sợ bị bao vây. Học từ những bài học cay đắng của mấy ngàn năm lịch sử Trung Hoa, nỗi sợ lớn nhất ám ảnh thường xuyên trong đầu các thế hệ lãnh đạo cộng sản Trung Quốc là nỗi sợ bị bao vây. Tất cả chính sách đối ngoại của đảng Cộng sản Trung Quốc từ 1949 đến nay đều bị chi phối bởi nỗi lo sợ đó.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger, trong tác phẩm *Về Trung Quốc* (On China) vừa xuất bản, đã trích lại một đoạn đối thoại giữa Phạm Văn Đồng và Chu Ân Lai trong cuộc viếng thăm Trung Cộng của họ Phạm vào năm 1968.

Chu Ân Lai: "*Trong một thời gian dài, Trung Quốc bị Mỹ bao vây. Bây giờ Liên Xô bao vây Trung Quốc, ngoại trừ phần Việt Nam*". Phạm Văn Đồng nhiệt tình đáp lại: "*Chúng tôi càng quyết tâm để đánh bại đế quốc Mỹ bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam*". Chu Ân Lai: "*Đó chính là lý do chúng tôi ủng hộ các đồng chí*". Phạm Văn Đồng phấn khởi: "*Chiến thắng của chúng tôi sẽ có ảnh hưởng tích cực tại châu Á, sẽ đem lại những thành quả chưa từng thấy*". Chu Ân Lai đồng ý: "*Các đồng chí nghĩ thế là đúng*".

Chính sách của Đặng Tiểu Bình đối với Liên Xô kế thừa từ quan điểm của Mao, qua đó, sự bành trướng của Liên Xô được xem như "một đe dọa đối với hòa bình". Khi Việt Nam rơi vào quỹ đạo Liên Xô sau Hiệp ước Hữu Nghị và Hợp tác Việt-Xô được ký ngày 3 tháng 11 năm 1978, nỗi sợ hãi bị bao vây như Chu Ân Lai chia sẻ với Phạm Văn Đồng không còn là một ám ảnh đầy đe dọa mà là một thực tế đầy nguy hiểm.

Cambodia, giọt nước tràn ly

Không những Trung Cộng sợ bao vây từ phía nam, vùng biên giới Lào mà còn lo sợ bị cả khối Việt Miên Lào bao vây. Để cô lập Việt Nam và ngăn chận khối Việt Miên Lào liên minh nhau, ngay từ tháng 8 năm 1975, Đặng Tiểu Bình cũng đã chia sẻ với Khieu Samphan, nhân vật số ba trong Khmer Đỏ: "*Khi một siêu cường [Mỹ] rút đi, một siêu cường khác [Liên Xô] sẽ chụp lấy cơ hội mở rộng nanh vuốt tội ác của chúng đến Đông Nam Á*".

Họ Đặng kêu gọi đảng Cộng sản Campuchia đoàn kết với Trung Cộng trong việc ngăn chận Việt Nam bành trướng. Hoa Quốc Phong cũng lập lại những lời tương tự khi tiếp đón phái đoàn của Tổng Bí thư đảng Cộng sản Lào Kaysone Phomvihane nhân chuyến viếng thăm Trung Cộng của y vào tháng 3 năm 1976.

Tháng 6 năm 1978, Việt Nam chính thức tham gia COMECON và tháng 11 cùng năm Việt Nam ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác có bao gồm các điều khoản về quân sự với Liên Xô.

Tháng 12 năm 1978, Việt Nam xâm lăng Campuchia đánh bật tập đoàn Pol Pot vào rừng và thiết lập chế độ Heng Samrin thân Cộng sản Việt Nam. Đặng Tiểu Bình xem đó như giọt nước tràn ly và quyết định chặt đứt vòng xích bằng cách dạy cho đàn em phản trắc cộng sản Việt Nam "một bài học". Đặng Tiểu Bình chọn phương pháp quân sự để chọc thủng vòng vây.

Quyết định của Đặng Tiểu Bình

Hầu hết tài liệu đều cho thấy, mặc dầu có sự chia rẽ trong nội bộ Bộ Chính Trị đảng Cộng sản Trung Quốc, quyết định tối hậu trong việc đánh Việt Nam là quyết định của Đặng Tiểu Bình.

Tại phiên họp mở rộng ngày 31 tháng 12 năm 1978, Đặng Tiểu Bình chính thức đề nghị thông qua kế hoạch tấn công "trừng phạt"

Việt Nam. Các thành viên tham dự chẳng những đồng ý với kế hoạch đầu tiên tấn công vào Lạng Sơn, Cao Bằng và Lào Cai mà cả kế hoạch được sửa đổi trong đó có việc phối trí hai binh đoàn có thể tấn công vào Điện Biên Phủ từ Mengla và Vân Nam qua đường Lào để đe dọa trực tiếp đến Hà Nội. Cũng trong phiên họp này Đặng Tiểu Bình cử Tướng Hứa Thế Hữu, Tư lệnh cánh quân từ hướng Quảng Tây, Tướng Dương Đắc Chí, đương kiêm Tư lệnh Quân Khu Vũ Hán, chỉ huy cánh quân từ hướng Vân Nam.

Soạn kế hoạch trên giấy tờ thì dễ nhưng với một người có đầu óc thực tiễn như Đặng Tiểu Bình, y biết phải đối phó với nhiều khó khăn. Trong điều kiện kinh tế và quân sự còn rất yếu của Trung Cộng vào năm 1979, đánh Việt Nam là một quyết định vô cùng quan trọng. Đặng Tiểu Bình nắm được Bộ Chính trị cộng sản Trung Quốc nhưng về mặt đối ngoại, Đặng Tiểu Bình phải thuyết phục các quốc gia Đông Nam Á, Á châu và nhất là Mỹ.

Lên đường thuyết khách tìm đồng minh

Cuối năm 1978, Đặng Tiểu Bình, 74 tuổi, thực hiện một chuyến công du chính thức và lịch sử với tư cách lãnh đạo tối cao của Trung Cộng để vừa thúc đẩy "Bốn hiện đại hóa" và vừa dọn đường đánh Việt Nam.

Họ Đặng viếng thăm hàng loạt quốc gia châu Á như Nhật, Thái Lan, Mã Lai, Singapore, Miến Điện, Nepal. Tại mỗi quốc gia thăm viếng, họ Đặng luôn đem Thỏa ước Việt-Xô ra hù dọa các nước láng giềng như là mối đe dọa cho hòa bình và ổn định Đông Nam Á.

Đặng Tiểu Bình phát biểu tại Bangkok ngày 8 tháng 11 năm 1978:

"*Hiệp ước [Việt Xô] này không chỉ nhắm đến riêng Trung Quốc… mà là một âm mưu Xô Viết tầm thế giới. Các bạn có thể nghĩ hiệp*

ước chỉ nhằm bao vây Trung Quốc. Tôi đã trao đổi một cách thân hữu với nhiều nước rằng Trung Quốc không sợ bị bao vây. Thỏa hiệp có ý nghĩa quan trọng hơn đối với Á châu và Thái Bình Dương. An ninh và hòa bình châu Á, Thái Bình Dương và toàn thế giới bị đe dọa".

Ngoại trừ Singapore, họ Đặng nhận sự ủng hộ của hầu hết các quốc gia Đông Nam Á. ASEAN lên án Việt Nam xâm lăng Kampuchea. Nhật Bản cũng lên án Việt Nam.

Trong các chuyến công du nước ngoài, việc viếng thăm Mỹ đương nhiên là quan trọng nhất. Trong phiên họp của Bộ Chính trị Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc ngày 02 tháng 11 năm 1978, Đặng Tiểu Bình chỉ thị cho Bộ Ngoại giao Trung Cộng thông báo cho Mỹ biết ý định bình thường hóa ngoại giao.

Đầu tháng 12, Đặng báo cho các bí thư đảng ủy một số tỉnh và tư lệnh các quân khu rằng Mỹ có thể thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Cộng vào đầu năm Dương lịch 1979. Chính bản thân Đặng đàm phán trực tiếp bốn lần với Leonard Woodcock, Giám đốc Văn phòng Đại diện Mỹ tại Bắc Kinh trong hai ngày 13 và 15 tháng 11 năm 1978. Trong các buổi đàm phán, Đặng đã nhượng bộ Mỹ bằng cách không đưa vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan như một điều kiện tiên quyết để tiến tới bình thường hóa vì Đặng nóng lòng giải quyết quan hệ với Mỹ trước khi xăm lăng Việt Nam.

Chính thức viếng thăm Hoa Kỳ

Ngày 28 tháng Giêng năm 1979, Đặng Tiểu Bình lên đường chính thức viếng thăm Mỹ. Ông ta nghĩ rằng Mỹ và Trung Cộng đang tiến tới một đồng minh chiến lược chống Xô Viết trên phạm vi toàn cầu nhưng không chắc chắn Mỹ sẽ ủng hộ ra mặt trong cuộc chiến chống Việt Nam sắp tới.

Trong thời gian ở Mỹ, Đặng Tiểu Bình gặp Tổng thống Jimmy Carter ba lần. Chỉ vài giờ sau khi hạ cánh xuống Washington DC, Đặng yêu cầu được gặp riêng với Tổng thống Carter để thảo luận về vấn đề Việt Nam. Đề nghị của họ Đặng làm phía Mỹ ngạc nhiên. Chiều ngày 29 tháng Giêng, Đặng và phái đoàn gồm Ngoại trưởng Hoàng Hoa, Thứ trưởng Ngoại giao Zhang Wenjin đến gặp Tổng thống Carter tại Tòa Bạch ốc. Phía Mỹ, ngoài Tổng thống Carter còn có Phó Tổng thống Walter Mondale, Ngoại trưởng Cyrus Vance và Cố vấn An ninh Quốc gia Brzezinski. Trong buổi họp, Đặng Tiểu Bình thông báo cho Tổng thống Mỹ biết Trung Cộng đã quyết định chống lại sự bành trướng của Liên Xô bằng cách tấn công Việt Nam và cần sự ủng hộ của Mỹ. Trái với mong muốn của Đặng Tiểu Bình, Tổng thống Carter không trả lời ngay, ngoài trừ việc yêu cầu họ Đặng nên "tự chế khi đương đầu với tình trạng khó khăn".

Ngày hôm sau, Đặng Tiểu Bình nhận lá thư viết tay của Tổng thống Carter, trong đó ông có ý cản ngăn họ Đặng vì theo Tổng thống Carter dù Trung Cộng có đánh Việt Nam, Việt Nam cũng không rút quân khỏi Cambodia mà còn làm Trung Cộng sa lầy. Tổng thống Carter cũng nhắc việc xâm lăng Việt Nam có thể làm cản trở nỗ lực của Trung Cộng cổ võ cho một viễn ảnh hòa bình trên thế giới.

Tổng thống Carter viết lại trong nhật ký *Jimmy Carter, Keeping Faith, Memoirs Of A President*, Ngô Bắc dịch:

"*Sáng sớm hôm sau, họ Đặng và tôi một lần nữa hội kiến tại Văn phòng Bầu Dục, chỉ có một thông dịch viên hiện diện. Tôi đã đọc to và trao cho ông ta một bức thư viết tay tóm tắt các lý luận của tôi nhằm ngăn cản một cuộc xâm lăng của Trung Quốc vào Việt Nam. Ông ta đã nhấn mạnh rằng nếu họ quyết định chuyển động, họ sẽ triệt thoái các bộ đội Trung Quốc sau một thời gian ngắn - và các kết quả của một cuộc hành quân như thế nhiều phần có lợi và có hiệu quả lâu*

dài. Hoàn toàn khác biệt với tối hôm trước, giờ đây ông ta là một lãnh tụ cộng sản cứng rắn, quả quyết rằng dân tộc ông không xuất hiện với vẻ yếu mềm. Ông ta tuyên bố vẫn còn đang cứu xét vấn đề, nhưng ấn tượng của tôi là quyết định đã sẵn được lấy. Việt Nam sẽ bị trừng phạt".

Ngày 30 tháng Giêng, trong một buổi họp khác với Tổng thống Carter, Đặng Tiểu Bình cho biết việc đánh Việt Nam đã được quyết định và sẽ không có gì làm thay đổi. Tuy nhiên, họ Đặng cũng nhấn mạnh chiến tranh sẽ xảy ra trong vòng giới hạn.

Đặng Tiểu Bình không mua chuộc được sự ủng hộ công khai của Mỹ để đánh Việt Nam nhưng ít ra không phải về tay trắng.

Tổng thống Carter để lấy lòng "khách hàng khổng lồ" và "đồng minh chiến lược chống Liên Xô" đồng ý cung cấp tin tức tình báo các hoạt động của 50 sư đoàn Liên Xô trong vùng biên giới phía Bắc Trung Hoa. Mỹ cũng dùng vệ tinh để theo dõi trận đánh biên giới và cũng nhờ những tấm ảnh chụp từ vệ tinh mà các cơ quan truyền thông biết ai đã dạy ai bài học trong chiến tranh biên giới Việt Trung 1979. Trong buổi họp riêng với Tổng thống Carter trước khi lên máy bay, Đặng khẳng định "Trung Quốc vẫn phải trừng phạt Việt Nam".

Chuyến viếng thăm Mỹ là một thành công. Dù Mỹ không ủng hộ nhưng chắc chắc Đặng biết cũng sẽ không lên án Trung Cộng xâm lược Việt Nam. Trên đường về nước, Đặng ghé Tokyo lần nữa để vận động sự ủng hộ của Nhật.

Hai ngày sau khi trở lại Bắc Kinh, ngày 11 tháng 2 năm 1979, Đặng triệu tập phiên họp mở rộng của Bộ Chính trị và giải thích đặc điểm và mục tiêu của cuộc tấn công Việt Nam.

Ngày 17 tháng 2 năm 1979, Đặng Tiểu Bình xua khoảng từ 300 đến 500 ngàn quân, tùy theo nguồn ghi nhận, tấn công Việt Nam.

Lãnh đạo cộng sản Việt Nam ở đâu trong ngày quân Trung Cộng tràn qua biên giới?

Trong khi Đặng Tiểu Bình chuẩn bị một cách chi tiết từ đối nội đến đối ngoại cho cuộc tấn công vào Việt Nam, các lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã bị cộng sản Trung Quốc tẩy não sạch đến mức nghĩ rằng người cộng sản đàn anh dù có giận cỡ nào cũng không nỡ lòng đem quân đánh đàn em cộng sản Việt Nam.

Dương Danh Dy, nguyên Tổng Lãnh sự tại Quảng Châu nhắc lại:"*Trong tận đáy lòng chúng tôi vẫn hy vọng, có thể một cách ngây thơ rằng, Việt Nam và Trung Cộng từng quá gần gũi và hữu nghị, họ [Trung Cộng] chẳng lẽ thay đổi hoàn toàn với Việt Nam quá nhanh và quá mạnh như thế*".

Khi hàng trăm ngàn quân Trung Cộng tràn sang biên giới, Thủ tướng cộng sản Phạm Văn Đồng và Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng vẫn còn đang viếng thăm Campuchia.

Tình báo Việt Nam không theo dõi sát việc động binh ồ ạt của Trung Cộng và cũng không xác định được hướng nào là trục tiến quân chính của quân Trung Cộng. Tác giả Xiaoming Zhang viết trong *Tái đánh giá cuộc chiến Trung Việt 1979:"Rõ ràng tình báo Việt Nam thất bại để chuẩn bị cho việc Trung Quốc xâm lăng"* và *"Mặc dù Trung Quốc nhiều tháng trước đó đã có nhiều dấu hiệu chiến tranh, các lãnh đạo Việt Nam không thể nào tin "nước xã hội chủ nghĩa anh em"* có thể đánh họ.

Dù bị bất ngờ, hầu hết các nhà phân tích quân sự, kể cả nhiều tác giả người Hoa, cũng thừa nhận khả năng tác chiến của phía Việt Nam vượt xa khả năng của quân đội Trung Cộng.

Tạp chí *Time* tổng kết dựa theo các nguồn tin tình báo Mỹ, chỉ riêng trong hai ngày đầu thôi và khi các quân đoàn chính quy Việt

Nam chưa được điều động đến, dân quân Việt Nam vùng biên giới đã hạ bốn ngàn quân chủ lực Trung Cộng. Tác giả Xiaobing Li, trong bài viết "Quân đội Trung Cộng học bài học gì?" dựa theo khảo cứu *A History of the Modern Chinese Army* đã mô tả quân Trung Cộng chiến đấu tệ hại hơn cả trong chiến tranh Triều Tiên mấy chục năm trước.

Nếu ngày đó giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam không tin tưởng một cách mù quáng vào ý thức hệ cộng sản và "tình hữu nghị Việt Trung", nhiều ngàn thanh niên Việt Nam đã không chết, Lạng Sơn đã không bị san bằng, hai tiểu đoàn bảo vệ thị trấn Đồng Đăng chống cự lại hai sư đoàn Trung Cộng đã không phải hy sinh đến người lính cuối cùng.

Bài học lịch sử từ chiến tranh biên giới 1979

Từ đó đến nay, khi đánh khi đàm, khi vuốt ve khi đe dọa nhưng các mục tiêu của chủ nghĩa bành trướng Trung Cộng đối với Việt Nam từ chiến tranh biên giới 1979 đến Hội nghị Thành Đô 1990 vẫn không thay đổi. Trung Cộng bằng mọi phương tiện sẽ buộc Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Cộng về chế độ chính trị, là một phần không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược an ninh châu Á của Trung Cộng và độc chiếm toàn bộ các quyền lợi kinh tế vùng biển Đông bao gồm cả các vùng biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang tranh chấp.

Đặng Tiểu Bình trước đây và các lãnh đạo cộng sản Trung Quốc hiện nay sẵn sàng dùng bất cứ phương tiện gì để thực hiện các chủ trương đó kể cả việc xóa bỏ nước Việt Nam trong bản đồ thế giới bằng một chính sách đánh phủ đầu (preemptive policy).

Đừng quên họ Đặng đã từng chia sẻ ý định này với Tổng thống Jimmy Carter:*"Bất cứ nơi nào, Liên Xô thò ngón tay tới, chúng ta phải chặt đứt ngón tay đó đi"*.

Đặng Tiểu Bình muốn liên minh quân sự với Mỹ như kiểu NATO ở châu Âu để triệt tiêu Liên Xô tại châu Á.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger giải thích quan điểm này của họ Đặng trong tác phẩm *Về Trung Quốc (On China)* của ông:

"*Những gì Đặng Tiểu Bình đề nghị về căn bản là chính sách đánh phủ đầu, đó là một lãnh vực trong chủ thuyết quân sự ngăn chận tấn công của Trung Quốc… Nếu cần thiết, Trung Quốc sẽ chuẩn bị phát động các chiến dịch quân sự để phá vỡ kế hoạch của Liên Xô, đặc biệt tại vùng Đông Nam Á*".

"Đông Nam Á" và "ngón tay" theo ý Đặng Tiểu Bình tức là Việt Nam và liên kết quân sự theo dạng NATO không phải là để dời vài cột mốc, dở một đoạn đường rầy xe lửa, đụng độ biên giới lẻ tẻ mà là cuộc tấn công phủ đầu, triệt tiêu có tính quyết định trước khi Việt Nam có khả năng chống trả.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ bà Madeline Albright có câu nói rất hay:"*Lịch sử chưa bao giờ lập lại một cách chính xác nhưng chúng ta phải gánh lấy tai họa nếu không học từ lịch sử*". Với Chiến tranh lạnh đang diễn ra tại châu Á hiện nay và với nền kinh tế Trung Cộng phát triển nhưng không lối thoát cho bộ máy chính trị độc tài toàn trị đang được chạy bằng nhiên liệu Đại Hán cực đoan, chiến tranh sẽ khó tránh khỏi dù các bên có muốn hay không.

Việt Nam, quốc gia vùng trái độn giữa hai quyền lực thế giới, chưa bao giờ đứng trước một chọn lựa sinh tử như hôm nay. Một người có trách nhiệm với tương lai đất nước, dù cá nhân có mang một thiên kiến chính trị nào, cũng phải biết thức tỉnh, biết đặt quyền lợi dân tộc lên trên, biết chọn hướng đi thích hợp với đà tiến văn minh dân chủ của thời đại, chấm dứt việc cấy vào nhận thức của tuổi trẻ một tinh thần bạc nhược, đầu hàng.

Lịch sử đã chứng minh, Trung Cộng giàu mạnh nhưng không phải là một quốc gia đáng sợ. Nỗi sợ hãi lớn nhất của người Việt Nam là sợ chính mình không đủ can đảm vượt qua quá khứ bản thân, không đủ can đảm thừa nhận sự thật và sống vì tương lai của các thế hệ con cháu mai sau.

Tham khảo:

- Deng Xiaoping and China's Decision to go to War with Vietnam, Xiaoming Zhang, MIT Press 2010.

- China's 1979 War with Vietnam: A Reassessment, Xiaoming Zhang.

- Henry Kissinger, On China, The Penguin Press, New York, 2011.

- Graham Hutchings, Modern China, Harvard University Press, 2001.

- A Reassessment, China's 1979 War with Vietnam: A Reassessment, The China Quarterly, 2005.

- Todd West, Failed Deterrence, University of Georgia.

- Reuter, China admits 320,000 troops fought in Vietnam, May 16, 1989.

- Russell D. Howard, The Chinese People's Liberation Army: "Short Arms and Slow Legs", USAF Institute for National Security Studies, 1999.

- Vietnam tense as China war is marked, BBC, 16 February, 2009.

- Xiaobing Li,*A History of the Modern Chinese Armypp*. U. Press of Kentucky, 2007, P 255-256, 258-259.

- Jimmy Carter, cựu Tổng thống Hoa Kỳ, *Ghi nhớ về chiến tranh Trung Quốc - Việt Nam năm 1979*, Ngô Bắc dịch.

TẬP CẬN BÌNH VÀ "BẪY THUCYDIDES"

Việc Tập Cận Bình vừa công khai ý định đưa Trung Cộng trở lại thời Mao, tức một người trị muôn người, cho thấy tham vọng làm vua của y mà báo chí quốc tế phân tích sau đại hội cộng sản Trung Quốc lần thứ 19 đã thành sự thật.

Con đường đi của Tập về tham vọng không khác gì mục đích của Hitler đối với châu Âu.

Giống Hitler, họ Tập thích phô trương. Đại hội đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 19 vừa qua thu hút 3.068 phóng viên báo chí, trong số đó có 60% là báo chí quốc tế. Những vấn đề được thảo luận không chỉ các thành tựu trong quá khứ mà các nhà phân tích gọi là "sự trỗi dậy của Trung Quốc phiên bản 1" mà còn các chiến lược phát triển trong tương lai được gọi là "sự trỗi dậy của Trung Quốc phiên bản 2" hay thời đại Tập Cận Bình. Khác với "phiên bản 1" tập trung vào phát biển kinh tế, "phiên bản 2" sẽ mở rộng đến vai trò của Trung Cộng trong hệ thống thế giới đang tồn tại.

Giống Hitler trong giai đoạn đầu của thập niên 1930, họ Tập ca ngợi hòa bình và hữu nghị dù tại lục địa bộ máy tuyên truyền đang ngày đêm đun sôi lò lửa dân tộc cực đoan Đại Hán.

Hitler phát biểu trước Quốc hội Đức Quốc Xã năm 1932: *"Đức Quốc, và đặc biệt là Chính phủ Đức hiện nay không có mong muốn*

nào khác hơn là được sống trong điều kiện hòa bình và thân hữu với các nước láng giềng... Tôi muốn nhân dân Đức học hỏi để thấy những thực tế lịch sử của các quốc gia khác, trong đó một người hoang tưởng có thể muốn chúng rơi vào quên lãng, nhưng không thể bị lãng quên".

Tập Cận Bình phát biểu cùng một giọng điệu tại Liên Hiệp Quốc tháng 9 năm 2015: *"Chúng ta nên xây dựng một tinh thần hợp tác qua đó các quốc gia đối xử nhau công bằng, cam kết để tham khảo lẫn nhau và bày tỏ sự hiểu biết hỗ tương. Nguyên tắc bình đẳng chủ quyền củng cố Hiến chương Liên Hiệp Quốc. Tương lai của thế giới tùy thuộc vào sự đóng góp của mọi quốc gia. Tất cả quốc gia đều bình đẳng. Những nước lớn, mạnh, giàu không nên hiếp đáp các nước nhỏ, nghèo và yếu".*

Nhưng khác Hitler, họ Tập đi sau, khôn ngoan hơn, học kinh nghiệm thất bại của Đức Quốc Xã, có thời gian và vốn liếng để chuẩn bị các phương án chinh phục ngắn hạn cũng như lâu dài.

Trong diễn văn đọc tại Seattle tối 22 tháng 9 năm 2015, Tập Cận Bình phát biểu: *"Không có cái gì gọi là 'Bẫy Thucydides' trong thế giới cả. Nhưng nếu các cường quốc tiếp tục phạm phải các sai lầm chiến lược, họ tạo ra bẫy cho chính họ".*

Nói vậy chứng tỏ khái niệm "Bẫy Thucydides" đã in sâu vào suy nghĩ của họ Tập từ lâu.

"Bẫy Thucydides" là gì mà đã làm Tập Cận Bình quan tâm nhiều như vậy?

"Bẫy Thucydides" phát xuất từ câu nói của sử gia Thucydides (460 BC - 400 BC) rút ra ra sau khi nghiên cứu và hoàn thành bộ sử *Lịch sử Chiến tranh Peloponnesian* (History of The Peloponnesian). Nguyên văn câu nói của Thucydides: *"Sự trỗi dậy của Athens và nỗi lo lắng được lan truyền mạnh ở Sparta sẽ làm cho chiến tranh không*

thể nào tránh khỏi" (It was the rise of Athens and the fear that this inspired in Sparta that made war inevitable.)

Chiến tranh Peloponnesian mà sử gia Thucydides nhắc đến xảy giữa hai liên minh thành phố trong thời cổ Hy Lạp, một bên là Delian do Athens lãnh đạo và Peloponnesian do Sparta lãnh đạo và kéo dài 27 năm với phần thắng cuối cùng thuộc về Sparta.

Đề án "Thucydides's Trap" tại Harvard Kennedy School tổng kết 16 xung đột xảy ra trong lịch sử thế giới. Trong số đó chỉ có 3 xung đột là tránh được chiến tranh và 13 xung đột khác đã dẫn tới chiến tranh. Nói một cách dễ hiểu lãnh đạo của các quốc gia trong 13 cuộc chiến đó đã rơi vào "Bẫy Thucydides". Thế chiến thứ nhất và thế chiến thứ hai là hai trường rơi vào bẫy trầm trọng nhất.

Áp dụng vào quan hệ cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Cộng, câu nói của Thucydides có thể viết lại cho thích hợp: *"Sự trỗi dậy của Trung Cộng và nỗi lo lắng được lan truyền mạnh tại Mỹ sẽ làm chiến tranh Mỹ-Trung không thể nào tránh khỏi"*.

Hai mệnh đề mang tính điều kiện "sự trỗi dậy của Trung Cộng" và "sự lo lắng đang lan truyền mạnh tại Mỹ" đều là thực tế xảy ra trong suốt ba chục năm qua từ khi các chính sách đổi mới kinh tế của Đặng Tiểu Bình đầu thập niên 1980.

Để làm giảm "sự lo lắng đang lan truyền mạnh tại Mỹ", họ Tập dùng miếng mồi kinh tế để lấy lòng và trấn an nỗi lo của giới tư bản Mỹ.

Đảng Cộng sản Trung Quốc có thừa tiền đang đầu tư tại các ngân hàng lớn trên thế giới. Tính theo Tổng sản lượng nội địa Trung Cộng, nền kinh tế Trung Cộng năm 2016, theo ước tính từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) , được xếp vào hạng thứ hai, sau Mỹ, với trên 11 nghìn tỷ đô-la. Những phương tiện xa xỉ này Hitler không có trước thế chiến thứ hai.

Ngoài Mỹ, họ Tập cũng dùng vũ khí kinh tế để mua chuộc, đe dọa các quốc gia đối phương hay có khả năng trở thành đối phương tại Á châu.

Họ Tập biết phần lớn các quốc gia đang có chung biên giới và quan hệ kinh tế với Trung Cộng, ngoại trừ Lào, cộng sản Việt Nam và Bắc Hàn, đều là các nước dân chủ và tồn tại trên các nguyên tắc dân chủ. Khái niệm "trung lập" hay "bang giao bình đẳng", hay "hợp tác cùng có lợi" không tồn tại một khi chiến tranh khu vực hay thế giới xảy ra, nhất là các quốc gia trong vùng độn (buffer states) hay nằm trên trục chiến tranh như Việt Nam.

Theo tinh thần của diễn văn đọc trước đại hội đảng Cộng sản Trung Quốc, mục đích tối hậu của Tập Cận Bình là thống trị Á châu và ảnh hưởng thế giới. Trung Cộng vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nhà nước cộng sản, sẽ là quốc gia quan trọng nhất trên thế giới. Danh từ "cường quốc" được lập lại nhiều lần trong diễn văn của họ Tập.

Tuy nhiên, họ Tập muốn đạt đến mục đích bành trướng đó mà không phải đương đầu trong các xung đột quân sự với Mỹ và các quốc gia đồng minh Nhật, Hàn hay có khả năng trở thành đồng minh như Úc, Ấn, khối ASEAN và cả Cộng đồng châu Âu có quyền lợi tại Á châu. Cho đến nay, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông vẫn là điểm nóng nhất trong quan hệ giữa các nước trong vùng.

Nhiều nhà phân tích đồng ý, nếu biết Tập sợ vướng "Bẫy Thucydides" thì thay vì mềm dẻo, hòa hoãn với Tập Cận Bình như Neville Chamberlain đã làm đối với Adolf Hilter, lãnh đạo các quốc gia có quyền lợi bị va chạm phải tỏ ra cứng rắn và có những biện pháp trả đũa thích đáng trước mọi hành vi bành trướng dù rất nhỏ của Tập Cận Bình trên Biển Đông.

NIỀM ĐAU MADRID
NỖI NHỚ SÀI GÒN

Chuyến viếng thăm Việt Nam của Tổng thống Barack Obama năm 2016 có lẽ là chuyến viếng thăm của một nguyên thủ quốc gia để lại nhiều cảm xúc trong lòng người Việt Nam nhất, không phải chỉ thiện cảm, xúc động, hân hoan, niềm nở khi ông đặt chân xuống Sài Gòn nhưng cũng để lại ít nhiều cay đắng, ngậm ngùi, trống vắng khi cánh cửa của Air Force One từ từ khép lại.

Là một con người nặng tình cảm, Tổng thống Barack Obama hẳn đã đọc được những khao khát tự do dân chủ của người dân Việt Nam, nhất là tại Sài Gòn, qua cách chào đón họ đã dành cho ông. Và là một con người nặng tình cảm, ông đã để những cảm xúc riêng tư qua cách nói, cách cười, cách choàng vai tự nhiên, thân tình, đằm thắm lấn át vai trò của một nguyên thủ quốc gia trong nhiều nơi ông đã ghé thăm. Đừng quên, Barack Obama từng là một điều hợp viên cộng đồng với nhiều sắc dân ở Chicago lo việc dạy kèm, thuê nhà cho người nghèo nên việc ông hòa hợp dễ dàng vào giới bình dân không có gì lạ.

Tuy nhiên, xin đừng quên, dù gì đi nữa, cuối cùng, quyền lợi và chính sách lâu dài của nước Mỹ vẫn trên hết.

Lịch sử để lại vô số bài học.

Madrid tháng 8 năm 1944

Ngày 25 tháng 8 năm 1944, Paris chính thức được giải phóng. Tư lệnh Đức Tướng Dietrich von Choltitz, người từ chối lệnh của Hitler chiến đấu tới cùng cho đến khi Paris chỉ còn là đống gạch vụn, đầu hàng tại khách sạn Meurice. Trong lúc các lực lượng đồng minh tiến về phía Bắc để tấn công sang lãnh thổ Đức, một bộ phận tiếp tục giải phóng các tỉnh miền Nam nước Pháp.

Ảnh hưởng từ các cuộc nổi dậy của nhân dân Pháp tại những nơi quân đội đồng minh sắp đến vang dội sang tận Tây Ban Nha lúc đó đang chịu đựng dưới sự cai trị độc tài hà khắc của tướng Francisco Franco.

Francisco Franco (1892 - 1975) thiết lập chế độ độc tài toàn trị phát xít tại Tây Ban Nha khi phe quân phiệt của ông ta dưới danh nghĩa Bảo Hoàng với sự giúp đỡ của Hitler và Mussolini thắng cuộc Nội chiến Tây Ban Nha. Dưới chế độ hà khắc của Franco, khoảng từ 200.000 đến 400.000 người bị giết và vô số người bị đày ải trong 190 trại tập trung trên khắp Tây Ban Nha.

Mặc dù tuyên bố "trung lập" trong Thế chiến thứ hai, Franco cho phép hải quân Đức và Ý cập vào các cảng Tây Ban Nha và tình báo của phe Trục được quyền hoạt động trên đất Tây Ban Nha. Ngoài ra, Franco còn chấp thuận cho Sư đoàn Xanh (Blue Division) tình nguyện chiến đấu bên cạnh quân đội Hitler tại các mặt trận Volkhov và Leningrad.

Với hai lý do, một chế độ Franco độc tài phát xít chà đạp lên các quyền tự do của con người và đồng minh của Hitler trong Thế chiến thứ hai, không ít người dân Tây Ban Nha tin rằng sau khi giải phóng nước Pháp, quân đội của Mỹ, nước dân chủ hàng đầu thế giới, sẽ có tất cả lý do chính đáng để giải phóng Tây Ban Nha khỏi ách độc tài Francisco Franco, xây dựng một Tây Ban Nha dân chủ và sẽ là một

đồng minh thân cận, vững chắc của Mỹ bên bờ Địa Trung Hải.

Với lòng tin tưởng quân đội Đồng minh sắp giải phóng Tây Ban Nha, tại thủ đô Madrid, các phong trào sinh viên Tây Ban Nha đã tổ chức hàng loạt các cuộc biểu tình, nổi dậy, phân phối truyền đơn kêu gọi các tầng lớp nhân dân Tây Ban Nha đứng lên lật đổ độc tài Francisco Franco.

Không. Quân đội đồng minh không vượt biên giới Pháp - Tây Ban Nha và phong trào sinh viên Tây Ban Nha đã bị Franco dập tắt một cách đẫm máu.

Lý do quân Mỹ không vượt biên giới. Từ khi phần thắng của Thế chiến thứ hai nghiêng về phía Đồng minh, các lãnh đạo Đồng minh đã hình dung ra một bản đồ mới, một trật tự mới tại châu Âu. Riêng đối với trường hợp Tây Ban Nha, Stalin muốn trừng phạt Tây Ban Nha về tội "liên minh" với Đức nhưng Franklin Roosevelt và Winston Churchill từ chối. Tổng thống Mỹ và tổng thống Anh chẳng những không muốn can thiệp vào chế độ chính trị Tây Ban Nha mà còn muốn dùng Franco để chống lại Stalin sau thế chiến.

Khi Tổng thống Franklin Roosevelt qua đời ngày 12 tháng 4 năm 1945, Phó Tổng thống Harry Truman lên thay đã khai triển quan điểm bao vây Liên Xô một cách cụ thể hơn trong chủ thuyết được gọi là Chủ thuyết Truman (Truman Doctrine). Trong kế hoạch đó, ngăn chận sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản là trọng điểm và là ưu tiên cao nhất trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Mỹ o bế Franco vì biết y là người chống Liên Xô triệt để. Đáp lại, Franco cho phép Hoa Kỳ thiết lập bảy căn cứ quân sự Mỹ trên lãnh thổ Tây Ban Nha.

Sài Gòn tháng 5 năm 2016

Sài Gòn tháng 5 năm 2016, hàng trăm ngàn người thuộc nhiều thế hệ đổ ra đường chờ suốt mấy giờ để đón chào tổng thống Mỹ.

Như đã viết trong bài trước, người dân miền Nam đón chào một người đại diện cho thế giới tự do hơn là tổng thống một quốc gia. Tiếng hoan hô Tổng thống Barack Obama bằng tiếng Anh, bằng tiếng Việt vang lên trên đường phố Sài Gòn. Một lần nữa cho thấy mạch sống dân chủ trong lòng người dân miền Nam vẫn còn chảy.

Những em nhỏ sinh ra hay lớn lên ở Sài Gòn sau 1975 có thể không nhận ra nhưng dân chủ ở miền Nam là những hạt giống do Phan Chu Trinh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và rất nhiều nhà cách mạng miền Nam khác gieo xuống hàng thế kỷ trước đã mọc ra, lớn lên trong ý thức các em và đã là một phần trong máu huyết của các em. Điều đó giải thích tại sao các em cảm thấy gần gũi với lãnh đạo một quốc gia dân chủ từ xa xôi đến hơn là những "lãnh đạo đất nước" cùng dòng giống với mình.

Sau 41 năm, người dân miền Nam vẫn còn mang tâm lý sống trong vùng bị chiếm hơn là dân của một "nước Việt Nam thống nhất". Người dân Sài Gòn vẫn mang nặng trong tim một nỗi nhớ Sài Gòn, dù họ sinh ra, lớn lên hay chỉ nghe lời kể lại của ông bà, cha mẹ.

Hơn mười năm trước, trên talawas, người viết đã có dịp phân tích những bản án mà đảng cộng sản dành cho các nhà tranh đấu miền Nam bao giờ cũng nặng nề hơn, tù đày lâu hơn những người đấu tranh phát xuất từ miền Bắc:

"*Trong lúc tôi vô cùng kính trọng những tiếng nói dân chủ vọng lên từ miền Bắc, những bản án dài hạn hơn nhiều mà giới lãnh đạo đảng cộng sản đã dành cho những nhà đấu tranh cho tự do tôn giáo và nhân quyền phát xuất từ miền Nam cho thấy rằng, ba trăm năm sau, con sông Gianh cách ngăn dân tộc từ thời Trịnh Nguyễn vẫn còn chảy, không phải ở Quảng Bình mà chảy ngay giữa lòng Hà Nội, chảy trong tư duy của những người lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam.*

Tương tự, những phân chia ngăn cách Bắc Trung Nam từ thời thực dân chẳng những không được lấp lại, trái lại mỗi ngày bị đảng đào sâu thêm. Chính sách trả thù đã thể hiện không những đối với những người cầm súng, những viên chức chính quyền cũ mà còn áp dụng một cách tàn nhẫn đối với gia đình họ, con cái họ và thậm chí còn mở rộng đến nhiều triệu người dân vô tội chỉ vì họ sống bên này sông Bến Hải.

Sau 1975, trong lúc hàng trăm ngàn sĩ quan và viên chức Việt Nam Cộng Hòa bị tù đày trong rừng sâu nước độc, hàng triệu thân nhân họ cũng đã gánh chịu nhiều cực hình không kém phần độc ác. Tôi đã gặp những đứa bé miền Nam có cha mà như không cha, có mẹ mà như mất mẹ, sống lang thang đầu đường cuối chợ. Tôi đã gặp những đứa bé miền Nam thông minh nhưng không có một cơ hội đến trường, chỉ biết đứng bên ngoài cổng trường mà khóc. Đảng nói gì chưa với những mái tóc xanh kia?"

Những "mái tóc xanh" lang thang trên đường phố Sài Gòn sau 1975 bây giờ đã lớn, đã ngoài tuổi 40, nhưng ký ức của tuổi thơ hãi hùng sẽ không bao giờ phai nhạt. Sự có mặt của Tổng thống Barack Obama là cơ hội để các em bày tỏ thiện cảm dành cho tổng thống một nước dân chủ nhưng đồng thời cũng để nhà cầm quyền cộng sản thấy sự khinh bỉ của các em dành cho các lãnh đạo độc tài.

Hàng năm, các loa tuyên truyền của đảng vẫn tiếp tục lập lại bài hát "hòa giải hòa hợp dân tộc" vào mỗi dịp 30 tháng 4, nhưng 41 năm trôi qua chính sách phân biệt đối xử của đảng Cộng sản Việt Nam đối với người dân miền Nam vẫn không thay đổi.

Trước đây, con số 20 năm tù trở thành một loại tiêu chuẩn dành cho những người tranh đấu nổi tiếng ở miền Nam như Linh mục Nguyễn Văn Lý (bị kết án 20 năm tù, 1977), Bác sĩ Nguyễn Đan Quế (bị kết án 20 năm tù, 1990), Giáo sư Đoàn Viết Hoạt (bị kết án 20

năm tù, 1993) và hiện nay cũng thế, Trần Huỳnh Duy Thức (bị kết án 16 năm tù cộng với 5 năm quản chế, 2010).

Ngoài chính sách cai trị dựa trên lý lịch, quá khứ, việc kết án nặng nề dành cho các nhà tranh đấu miền Nam còn chứng tỏ đảng rất sợ dân miền Nam. Nhưng sợ hay không sợ, khao khát tự do dân chủ như ngọn lửa âm ỉ trong lòng người sẽ một ngày bùng lên thành cách mạng.

Niềm đau Madrid, nỗi nhớ Sài Gòn

Người viết đọc câu chuyện phong trào sinh viên Madrid trong một tạp chí ở Sài Gòn trước 1975. Thời gian dài trôi qua, tên tuổi đã quên, nhưng sự hy sinh của họ vẫn còn sống trong ký ức và niềm tiếc thương dành cho sự hy sinh của họ vẫn còn trĩu nặng đến bây giờ.

Dù trong sáng và cao quý bao nhiêu, số phận của các lãnh đạo phong trào dân chủ Tây Ban Nha chắc chắn đã không được nhắc tới trong các phiên họp bàn viễn ảnh về châu Âu của Anh - Mỹ. Tương tự, số phận của Trần Huỳnh Duy Thức và hàng trăm tù nhân lương tâm Việt Nam đang bị tù đày cũng không được Tổng thống Obama đặt ra như một điều kiện với lãnh đạo cộng sản Việt Nam trong chuyến viếng thăm Việt Nam. Vì thế, Tổng thống Obama đã rời Việt Nam nhưng những "đáng tiếc", "lẽ ra", "phải chi" vẫn còn nghe đây đó.

Trước mặt các nhà kiến trúc chính trị Mỹ chỉ có tấm bản đồ chứ không có tên tuổi người nào. Họ xây dựng chính sách đối ngoại với Trung Cộng từ kinh nghiệm đương đầu với Liên Xô. Liên Xô rất mạnh ở trung tâm nhưng yếu ở các vòng ngoài. Mikhail S. Gorbachev biết rõ điểm yếu đó và từng ra lệnh đàn áp cuộc nổi dậy đòi độc lập của nhân dân Lithuania năm 1989 để cứu vãn Liên Xô nhưng thất bại khi các nước vùng Baltic cùng đứng dậy.

Dĩ nhiên Mỹ phải chuẩn bị cho mọi hình thức sụp đổ của Trung Cộng nhưng dù khả năng nào, chính sách bao vây ngăn chận (containment) vẫn là bước đầu được hầu hết các tổng thống Hoa Kỳ, theo mức độ khác nhau, đã và đang theo đuổi. Cuộc "Chiến tranh lạnh" khác đã bắt đầu ở Á châu. Mỹ sẽ gia tăng áp lực, kể cả áp lực quân sự, từ bên ngoài để hy vọng Trung Cộng một ngày sẽ tan vỡ từ bên trong, giống như các Tổng thống Hoa Kỳ từ Harry Truman đến Ronald Reagan đã thực hiện và thành công đối với Liên Xô.

Thực tế chính trị quốc tế là vậy. Đừng nói chi là một phong trào dân chủ, dù Tây Ban Nha hay Việt Nam, mà ngay cả một quốc gia lớn như Tiệp Khắc còn bị Anh Pháp tặng không cho Hitler tại Hội nghị Munich trước Thế chiến thứ hai và một lần nữa bị Anh - Mỹ bỏ rơi tại Hội nghị Yalta để cuối cùng rơi vào tay Stalin sau Thế chiến thứ hai.Từ một sinh viên cho đến lãnh đạo Tiệp không ai không xót đau, thương tiếc cho hàng triệu cái chết oan uổng của các thế hệ trước, nhưng thay vì nuôi thù báo oán họ tập trung xây dựng lại đất nước thịnh vượng và tự do dân chủ cho hôm nay và cho các đời sau.

Câu nói "Vận mệnh Việt Nam nằm trong tay người Việt" của Tổng thống Obama là câu nói thành thật không phải với tư cách tổng thống Hoa Kỳ mà là một con người. Bởi vì, giá trị của một con người hay một đất nước cũng thế, không phải ở chỗ ngã xuống mà ở chỗ biết đứng lên, vượt qua và tiếp tục hành trình đi về phía trước. Không ai chết thay cho dân tộc Việt Nam ngoài dân tộc Việt Nam và cũng không ai cứu Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam.

CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG QUAN HỆ MỸ - TRUNG

Người dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, rất quan tâm đến vận nước nhưng đa số sống trong tâm trạng chờ đợi. Chờ đợi người yêu nước và nhiều khi cũng chờ đợi cả kẻ bán nước. Chờ đợi đồng minh và chờ đợi luôn kẻ thù.

Mỗi tin tức chính trị là cơ hội để những người chờ đợi bàn thảo, suy diễn theo ước muốn và quan điểm chủ quan của mình. Chuyến đi Mỹ của Nguyễn Phú Trọng năm 2015 gây nhiều bàn thảo trước khi y đi, phân tích khi y đến, dự đoán những gì sẽ xảy ra sau khi y về.

Nhưng rồi, cũng như bao nhiêu chuyến đi trước của các lãnh đạo cộng sản, sẽ không có gì thay đổi cả. Ngoài Biển Đông, máu của ngư dân Việt Nam đã đổ và sẽ tiếp tục đổ. Trong lòng biển, nguồn dầu khí Việt Nam ngày càng bị vét cạn. Trên đất liền, tài nguyên thiên nhiên bị Trung Cộng khai thác sẽ còn tiếp tục bị khai thác.

Chuyến đi của Nguyễn Phú Trọng không tạo ra nên một thay đổi cấp bách và tức khắc nào trong bang giao Việt Mỹ và Việt Trung bởi vì thay đổi mang tính cách mạng không phải là mục đích của y.

Mục đích chuyến đi của Nguyễn Phú Trọng

Một số nhà phân tích cho rằng sự kiện Trung Cộng vào ngày 01

tháng 5 năm 2014 đã đưa giàn khoan HD-981 đến cách đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa chỉ 17 hải lý và cách đảo Lý Sơn, thuộc tỉnh Quảng Ngãi 120 hải lý trong khi cách đảo Hải Nam đến 180 hải lý, là điểm vượt giới hạn (tipping point) mà cộng sản Việt Nam có thể chấp nhận. Hành động bành trướng một cách lộ liễu của Trung Cộng ít nhiều đã làm cho khuynh hướng chống Tàu gia tăng trong nội bộ lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Trung Cộng khôn ngoan tạm thời dời giàn khoan để làm dịu tình hình.

Giả thiết Trung Cộng nhận ra và dừng lại tại điểm vượt giới hạn, rồi những gì xảy ra trước sự kiện HD-981, hàng trăm vi phạm trắng trợn luật quốc tế, nghiêm cấm đánh cá, húc đụng tàu bè và tàn sát ngư dân Việt Nam của cộng sản Trung Quốc chẳng lẽ là trong giới hạn và được lãnh đạo cộng sản Việt Nam chấp nhận hay sao?

Ngày 18 tháng 7 năm 2015, Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Hà Nội: *"Về nước cũng nhận được nhiều đánh giá, gọi điện hỏi, chúc mừng, cho đây là thành công rất lớn, gọi đây là cuộc gặp gỡ lịch sử, xem ông cộng sản Việt Nam đi ra nước ngoài thế nào mà đến Phòng Bầu dục ở Nhà Trắng, đối thoại với Tổng thống Mỹ, là việc chưa từng có trong lịch sử, mà lại là hai ông cựu thù".*

Mục đích hàng đầu của Nguyễn Phú Trọng đúng là "đến Phòng Bầu dục Nhà Trắng, đối thoại với Tổng thống Mỹ".

Rất đơn giản, không có gì phức tạp như nhiều người bàn tán. Nguyễn Phú Trọng muốn chứng tỏ cho thế giới và nhất là nhân dân Việt Nam thấy Mỹ đã thừa nhận tính chính danh của đảng cộng sản. Lần đầu tiên một Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam đặt chân vô Tòa Bạch Ốc. Không lạ gì trước ngày đi, mấy trăm tờ báo và các hệ thống truyền hình, truyền thanh của đảng đều nhấn mạnh đến chuyện "thảm đỏ" theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

Tháng 4 năm 2015, Tập Cận Bình đã dành cho Nguyễn Phú

Trọng một buổi tiếp đón trịnh trọng ngoài sức tưởng tượng của y mặc dù trước đó đã từ chối tiếp y. Hình thức tiếp đón dù màu sắc bao nhiêu cũng không gây tiếng vang quốc tế nào vì cả hai đều là lãnh đạo của hai đảng cộng sản.

Như người viết đã trình bày trong những bài trước, cách Hoa Kỳ tiếp đón Nguyễn Phú Trọng cho thấy Hoa Kỳ chỉ thừa nhận yếu tố cộng sản Việt Nam trong xung đột Biển Đông chứ không phải thừa nhận tính chính danh lãnh đạo Việt Nam của đảng cộng sản.

Đối với các đảng cộng sản cầm quyền, tính chính danh vô cùng quan trọng. Tấm bình phong "giải phóng dân tộc" đã giúp cho các đảng cộng sản ở châu Á tồn tại đến nay trong khi hầu hết các đảng cộng sản châu Âu đều sụp đổ.

Sau biến cố Thiên An Môn, Đặng Tiểu Bình nhận ra rằng chỉ đề cao "tư tưởng Mác Lê" chẳng những không đủ mà còn là một đe dọa đối với chế độ. Để ngăn chặn các tư tưởng tự do dân chủ đang lan rộng trong giới trí thức trẻ, y chỉ thị phải chuyển hướng tuyên truyền từ chủ nghĩa Mác Lê sang chủ nghĩa dân tộc. Ngay cả đảng Cộng sản Trung Quốc cũng phải thay hình đổi dạng từ một đảng vô sản chuyên chính sang loại hình cộng sản dân tộc. Các lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã và đang áp dụng gần như rập khuôn phương pháp tuyên truyền của cộng sản Trung Quốc qua việc đưa vai trò của chính phủ nổi bật hơn vai trò của đảng và lừa gạt được khá nhiều người.

Trước ngày đi Mỹ, Nguyễn Phú Trọng đã vội vã sang Bắc Kinh triều kiến Tập Cận Bình và trấn an y. Bản tuyên bố chung giữa Nguyễn Phú Trọng và Tập Cận Bình ký ngày 8 tháng 4 năm 2015 mang nội dung đầu hàng, thần phục. Người đọc có cảm tưởng văn bản này ký năm 1955 khi cộng sản Việt Nam thở nhờ bình dưỡng khí Trung Cộng chứ không phải 2015.

Đọc toàn văn bản tuyên bố giữa Tập Cận Bình và Nguyễn Phú Trọng, một người có chút ít kiến thức và nhận thức chính trị căn bản không khỏi ngỡ ngàng.

Ngày nay, nhân loại đã bước đi một đoạn đường trên thiên niên kỷ thứ ba văn minh dân chủ mà Nguyễn Phú Trọng còn buông ra được những câu sặc mùi Diên An, Pác Bó như "tình hữu nghị truyền thống Việt - Trung do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng các nhà lãnh đạo tiền bối hai nước đích thân vun đắp là tài sản quý báu của hai Đảng". Y cũng không quên những lời nịnh bợ Trung Cộng một cách lạc lõng khi nhắc lại thời kỳ Mao còn mỗi đêm nã vài ngàn viên đại pháo sang các đảo Kim Môn và Mã Tổ như "ủng hộ quan hệ hai bờ eo biển Đài Loan phát triển hòa bình và sự nghiệp lớn thống nhất Trung Quốc, kiên quyết phản đối hành động chia rẽ Đài Loan độc lập dưới mọi hình thức".

Chuyến đi Mỹ và nội dung những lời phát biểu Nguyễn Phú Trọng tại Mỹ nếu không phải toàn văn thì cũng đại ý đã được trình bày với Tập Cận Bình. Do đó, mặc dù rất nhạy cảm trước các biến cố ngoại giao gây bất lợi cho Trung Cộng, lãnh đạo Trung Cộng không bày tỏ một thái độ bất bình chính thức nào trước chuyến viếng thăm Mỹ của Nguyễn Phú Trọng.

Biết thế nhưng tại sao Obama vẫn tiếp Nguyễn Phú Trọng?

Tại sao không? Các lãnh đạo Hoa Kỳ tiếp bất cứ chính trị gia, lãnh đạo đảng, nhà nước nào phục vụ cho chính sách đối ngoại, trong trường hợp này là bao vây Trung Cộng, của Mỹ. Augusto Pinochet của Chile, Manuel Noriega của Panama, Emílio G. Médici của Ba Tây, Mobutu Sese Seko của Congo, Hosni Mubarak của Ai Cập, Samuel Doe của Liberia và một danh sách dài của các lãnh đạo độc tài đã từng được các tổng thống Mỹ bắt tay hay chào đón tại Phòng Bầu Dục, Tòa Bạch Ốc.

Chưa đầy hai năm trước ngày Muammar Gaddafi và con trai của y Mutassim Gadahfi bị giết, tháng 4 năm 2009, bà Hillary Clinton đã tiếp Mutassim Gadahfi tại Washington DC và ca ngợi việc tái lập quan hệ ngoại giao với kẻ đã từng bị Tổng thống Ronald Reagan gọi là "chó điên" nhưng cũng chính Hillary Clinton đã đùa giỡn với các phụ tá "Chúng ta Đến, Chúng ta Thấy, Hắn Chết!" ("We Came, We Saw, He Died!") khi được báo tin Muammar Gaddafi bị quân cách mạng giết.

Mobutu Sese Seko, một trong những tên độc tài tàn ác nhất Phi châu, có tài sản ước lượng 5 tỉ Mỹ kim do biển thủ suốt 32 năm cai trị Congo. Sau khi thăm viếng lãnh tụ cộng sản Bắc Hàn Kim Nhật Thành về, Mobutu đã rập khuôn theo cách cai trị tàn ác của họ Kim. Y ra lệnh thay đổi tên đường, tên phố, quốc kỳ, quốc ca, và tháng 10 năm 1971 thay cả tên nước. Mobutu Sese Seko là một trong những nhà độc tài đã được đón tiếp trịnh trọng đến bốn lần (ba lần dưới thời Ronald Reagan, một lần dưới thời George H. W. Bush) tại Phòng Bầu Dục Tòa Bạch Ốc. Tuy nhiên, cũng chính phủ Mỹ năm 1993 đã từ chối cấp thông hành cho Mobutu vào Mỹ khi con cờ chống Liên Xô tại Phi châu đã không còn cần thiết.

Từ "Xoay trục Thái Bình Dương" (Pacific Pivot) đến "Tái cân bằng" (Rebalance) Á châu của Mỹ

- **Thời Tổng thống Bill Clinton.** Các nhà chiến lược Mỹ đã thấy nhu cầu xoay trục sang Á châu rất sớm. Sau Chiến tranh lạnh, quyền lợi kinh tế thương mại đã được nâng lên ngang tầm với quyền lợi về an ninh quốc gia. Bộ trưởng Thương mại Ron Brown dưới thời Bill Clinton đã tuyên bố "Quyền lợi thương mại hiện nay ngang mức với an ninh thế giới trong chính sách đối ngoại." Thượng Đỉnh của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Á châu Thái Bình Dương (APEC) vào tháng 11 năm 1993 tại Seattle tất cả thành viên của ASEAN, ngoại trừ Mã Lai, đều tham dự. Quan hệ mậu dịch hai chiều giữa Mỹ và

các nước ASEAN vào 1996 đã lên đến 109 tỉ Mỹ kim, 57% cao hơn so với Trung Cộng và cao hơn so với Nam Mỹ hay so với Phi châu. Việc Tổng thống Clinton đồng ý tái lập quan hệ ngoại giao với cộng sản Việt Nam vào tháng 7 năm 1995 cũng là phần trong chiến lược xoay trục sang Á châu của Mỹ. Tuy nhiên, suốt thời kỳ của Tổng thống Bill Clinton, chính sách Mỹ đối với Trung Cộng đặt nặng trên các yếu tố kinh tế thương mại hơn là quân sự. Theo kết quả thăm dò của Gallup năm 1999, 47 phần trăm số người được hỏi cho rằng Tổng thống Clinton đã đi quá xa trong việc duy trì một quan hệ xây dựng với Trung Cộng.

- **Thời Tổng thống George W. Bush.** Tổng thống George W. Bush thuộc đảng Cộng Hòa và bộ tham mưu của ông là những Cộng Hòa bảo thủ. Chính sách đối ngoại của Tổng thống George W. Bush đượctóm tắt bằng ba chữ ABC (Anything But Clinton) nghĩa là bất cứ chính sách nào ngoại trừ các chính sách đã được Tổng thống Bill Clinton theo đuổi. Suốt thời gian vận động ứng cử George W. Bush nhấn mạnh Trung Cộng là một đe dọa chiến lược đối với Mỹ chứ không phải là hợp tác chiến lược như Tổng thống Clinton biện hộ. Condoleezza Rice, Cố vấn An ninh Quốc gia và sau đó là Ngoại trưởng thời Tổng thống Bush tố cáo "Trung Cộng đang thay đổi cán cân quyền lực theo ý họ". Chỉ 100 ngày sau khi nhậm chức, Tổng thống George W. Bush tuyên bố "sẽ làm tối đa những gì để có thể làm để giúp Đài Loan bảo vệ chính họ" trong trường hợp bị Trung Cộng tấn công. Các tổng thống tiền nhiệm dù Cộng Hòa hay Dân Chủ đều tránh trả lời một cách dứt khoát như Tổng thống George W. Bush.

- **Trung Cộng "đục nước béo cò" sau biến cố 9/11.** Biến cố ngày 11 tháng 9 năm 2001 đã buộc chính phủ Hoa Kỳ đặt trọng tâm vào Trung Đông hơn là Á Cchâu Thái Bình Dương. Mỹ cũng cần hòa dịu với Trung Cộng vì muốn Trung Cộng nếu không ủng hộ Mỹ công

khai tại Liên Hiệp Quốc và các diễn đàn quốc tế, ít ra cũng bằng lòng ngầm khi Mỹ phát động chiến tranh tại Iraq và Afghanistan. Chiến tranh Iraq là một cơ hội để Trung Cộng bành trướng Á châu Thái Bình Dương. Yuan Peng, Giám đốc Bộ phận Mỹ thuộc Viện Trung Quốc về Quan hệ Quốc tế hiện đại thừa nhận "Chúng tôi nắm lấy cơ hội để cải thiện kinh tế, cải thiện các mối quan hệ với láng giềng và cải thiện quan hệ với Mỹ". Gọi là "cải thiện các mối quan hệ với láng giềng" nhưng thực chất là Trung Cộng gây sự với hầu hết các nước trong vùng như Nhật Bản qua vụ xung đột đảo Senkaku vào tháng 9 năm 2010, bắn vào tàu đánh cá Philippines và kiểm soát Việt Nam một cách chặt chẽ hơn. Chính phủ Mỹ nghĩ rằng dù sao Trung Cộng nên hành xử với tư cách một cường quốc có trách nhiệm và giữ đúng lời cam kết mà Hồ Cẩm Đào "không chủ trương độc quyền bá chủ" Á châu Thái Bình Dương. Thực tế đã trái ngược. Từ năm 2006, chi tiêu dành cho quốc phòng của Trung Cộng cao thứ năm trên thế giới và có mức gia tăng hàng năm cao hơn bất cứ quốc gia Tây phương nào.

- **Thời Tổng thống Barack Obama.** Các chính sách dưới thời Tổng thống Obama bao gồm thỏa hiệp tự do mậu dịch với Nam Hàn (FTA), tham gia đàm phán TTP là bước tiếp tục đã được thực hiện từ thời Tổng thống George W. Bush. Chủ trương hiện đại hóa quân sự một cách cấp bách của Trung Cộng đã đặt ra cho các nhà làm chính sách Mỹ một chọn lựa phải cứng rắn và cụ thể hơn trước sự bành trướng quân sự của Trung Cộng.

Năm 2010 tại Hà Nội, Hillary Clinton, lúc đó là Ngoại trưởng, tuyên bố mạnh mẽ Hoa Kỳ sẽ "chống lại việc bất cứ một quốc gia tranh chấp nào sử dụng vũ lực". Cùng vào thời gian đó, để đánh dấu 15 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước, Hoa Kỳ gởi hàng loạt chiến hạm viếng thăm Đà Nẵng hay trong khu vực biển Đà Nẵng như hàng không mẫu hạm USS George Washington,

khu trục hạm USS John S. McCain. Năm trước đó, khu trục hạm USS Blue Ridge USS Lassen, tàu bệnh viện USNS Mercy, hàng không mẫu hạm USS John C. Stennis và cả soái hạm của Đệ thất Hạm đội USS Blue Ridge cũng thăm viếng Việt Nam. Mùa thu 2011 đánh dấu thời điểm chính quyền Obama đặt ưu tiên sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Á châu lên hàng đầu như đã khẳng định trong diễn văn trước Quốc hội Úc tháng 11 năm 2011.

Mặc dù ngân sách quốc phòng Hoa Kỳ trong tài khóa 2011, 2012 bị cắt giảm nhưng có ảnh hưởng đến Lục quân và Thủy quân Lục chiến nhiều hơn là Hải quân. Điều đó cho thấy Á châu - Thái Bình Dương đã được đánh giá cao trong quan điểm của các nhà chiến lược quốc phòng Mỹ. Khái niệm Trận chiến Không Hải (Air-Sea Battle) gọi tắt là ASB là một khái niệm chiến tranh mới do các chiến lược gia quốc phòng Mỹ đặt ra. Khái niệm này được nhắc đến lần đầu vào năm 2010 và là một trong những điểm được các nghị sĩ và dân biểu Hoa Kỳ quan tâm nhất. Chiến lược ASB nhắm vào hai đối tượng thù địch là Trung Cộng và Iran.

Sự kiện đưa máy bay thám thính tối tân nhất của Mỹ US P8-A Poseidon bay trên khu vực Trung Cộng đang xây đảo nhân tạo trên Biển Đông và khu trục hạm chiến đấu USS Forth Worth cũng tiến vào khu vực Trung Cộng cho rằng thuộc chủ quyền của họ là một thể hiện của phối hợp chiến lược ASB. Hôm 18 tháng 7 năm 2016, đích thân Đô đốc Scott Swift, Tân Tư lệnh Đệ Thất Hạm Đội Mỹ đã bay trên phi cơ thám thính U.S. P-8A Poseidon suốt bảy giờ trong Biển Đông. Phát ngôn viên Trung Cộng phản ứng nhẹ và xem đó là một sự kiện quân sự hơn là một biến cố ngoại giao và kêu gọi Mỹ không nên chọn phe trong cuộc tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông giữa Trung Cộng và các quốc gia khác trong vùng.

Chính sách bao vây, ngăn chận (containment) của Mỹ đối với Trung Cộng

Liên Xô từng rất mạnh ở trung tâm nhưng yếu ở các vòng ngoài và đã dẫn đến tan vỡ khi các quốc gia vùng Baltic và Trung Á ly khai đòi độc lập. Các lãnh đạo cộng sản Trung Quốc luôn bị ám ảnh với các những cuộc nổi dậy như Thiên An Môn có thể xảy ra bất cứ lúc nào và bất cứ tại đâu trên lãnh thổ mênh mông và dị biệt sâu sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Và cũng giống như Liên Xô, lãnh đạo Trung Cộng buộc phải đáp ứng nhu cầu chuyển hóa tự nhiên của xã hội qua các đổi mới nhưng các lãnh đạo đảng cũng không thể biết trước giọt nước đổi mới nào sẽ làm tràn ly cách mạng dân chủ.

Các nhà chiến lược Mỹ dĩ nhiên chuẩn bị cho mọi khả năng sụp đổ của Trung Cộng nhưng dù khả năng nào, chính sách bao vây ngăn chận tham vọng bành trướng của Trung Cộng vẫn là chính sách được hầu hết các tổng thống Hoa Kỳ đã và đang theo đuổi. Trong thời gian tới, Mỹ sẽ gia tăng áp lực, kể cả áp lực quân sự, từ bên ngoài để Trung Cộng một ngày sẽ tan vỡ từ bên trong, giống như các tổng thống Hoa Kỳ từ Harry Truman đến Ronald Reagan đã thực hiện và thành công đối với Liên Xô.

Mỹ, Trung Cộng và Việt Nam là tam giác?

Vào tháng 6 năm 2015, trong bài báo "A Tipping Point in the US-China-Vietnam Triangle" trên *The Diplomat* tác giả Alexander L. Vuving cho rằng quan hệ giữa Mỹ, Trung Cộng và Việt Nam đang thay đổi sâu sắc và ở trong thế tam giác.

Đánh giá Việt Nam dưới chế độ cộng sản như là một quốc gia có tư thế độc lập không phản ảnh thực tế kinh tế chính trị của Việt Nam trong bang giao quốc tế. Cộng sản Việt Nam không có được vị trí của một chân kiềng hay chân vạc gì cả. Trung Quốc và Mỹ đều muốn làm thầy, làm chủ để sai khiến giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam thuận theo chính sách của họ hơn là một đồng minh thân cận.

Trong buổi tiếp xúc với "cử tri Hà Nội" ngày 18 tháng 7 năm 2015, Nguyễn Phú Trọng tuyên bố một cách đắc chí "Rất hay là vừa đi Mỹ về, thì Phó Thủ tướng Trung Quốc cũng sang đây". Nói vậy mà không biết mắc cỡ. Chẳng có gì hay. Việc Barack Obama tiếp Nguyễn Phú Trọng là nằm trong chiến lược chống Trung Cộng bành trướng Á châu cũng không khác gì khi Richard Nixon tiếp Sese Seko của Congo hay Ronald Reagan tiếp Samuel Doe của Liberia trong chiến lược chống Liên Xô bành trướng sang Phi châu. Tất cả chỉ là những con cờ ngắn hạn của Mỹ.

Kết luận

Việt Nam hiện trong vị trí của một quốc gia độn (buffer state). Bài học từ hai cuộc chiến Triều Tiên và Việt Nam cho thấy Trung Cộng bằng mọi cách sẽ giữ quốc gia độn Việt Nam trong vòng lệ thuộc hay ảnh hưởng. Mỹ cũng biết Trung Cộng không dễ dàng thả lỏng Việt Nam nhưng với chính sách bao vây, Mỹ tiếp tục gây áp lực kể cả áp lực quân sự để đẩy Trung Cộng đến một thời điểm chín muồi cho sự tan rã từ bên trong.

Đành rằng nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào Trung Cộng với 30% nhập cảng, 12% xuất cảng, 25% du khách viếng Việt Nam, nhưng Trung Cộng không phải là nước không phụ thuộc vào ai. Khoan nhắc đến các yếu tố tham nhũng có tính đảng, chủ nghĩa dân tộc tai họa, tình trạng nhân quyền tồi tệ, ô nhiễm hàng đầu thế giới, chỉ riêng nền kinh tế suy thoái do giảm đầu tư nước ngoài, mức xuất cảng các sản phẩm kỹ nghệ nặng xuống thấp, mất cân đối trong các ngành sản xuất là những vấn đề mà các lãnh đạo Trung Cộng phải điên đầu.

Giả thiết Việt Nam là một Nam Hàn, Singapore, Thái Lan, Mã Lai, Trung Cộng có thể vẫn tìm cách gây hấn, ăn hiếp nhưng không sai khiến các "lãnh đạo" như sai đầy tớ, muốn cho gặp thì gặp không

muốn thì thôi như Tập Cận Bình đối xử với các lãnh đạo cộng sản Việt Nam.

Ngoài Việt Nam, Trung Cộng chia sẻ biên giới với 13 quốc gia khác là Ấn Độ, Pakistan, Afghanistan, Tajikistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Mongolia, Bhutan, Nepal, Miến Điện, Nga, Bắc Hàn và Lào. Phần lớn các quốc gia này nhỏ hơn Việt Nam nhiều nhưng không có một lãnh đạo quốc gia nào phải chầu chực, hầu hạ các lãnh đạo Trung Cộng như cách các lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã và đang làm.

Lý do Trung Cộng sai khiến lãnh đạo cộng sản Việt Nam dễ dàng vì chúng biết rõ gan ruột của đàn em một lần phản trắc này xem quyền lợi của đảng lớn hơn, quan trọng hơn sự quyền lợi của đất nước. Duy trì quyền cai trị của đảng cộng sản là mục tiêu tối thượng, chi phối toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại, ngắn hạn cũng như dài hạn của đảng Cộng sản Việt Nam.

Khi phân tích về quan hệ giữa Việt - Mỹ và Việt - Trung, nhiều nhà phân tích Tây phương bỏ sót một yếu tố có tính quyết định, đó là cơ chế chính trị. Nếu đi ngược dòng lịch sử Việt Nam cận đại, các nhà phân tích đó sẽ thấy cốt tủy của mọi xung đột chính là cơ chế chính trị cộng sản.

Muốn đứng thế chân vạc, một quốc gia trước hết phải có vị trí độc lập trong tương quan về chính trị, kinh tế và quân sự quốc tế. Cộng sản Việt Nam không có được vị trí độc lập và sẽ không bao giờ có được vị trí độc lập khi nào đảng cộng sản vẫn còn độc quyền cai trị Việt Nam. Để có một vị trí độc lập trong bang giao quốc tế và để tạo thế liên minh tin cậy chiến lược, Việt Nam trước hết phải là một quốc gia dân chủ.

Tham khảo:

- Wanli, Y. (2009). *Breaking the Cycle?: Sino-US Relations under George W. Bush Administration*. The National Institute for Defense Studies.

- *Pivot to the Pacific? The Obama Administration's "Rebalancing" Toward Asia.* (2012, March 28). Congressional Research Sevice.

- Rabin, A. (2012, February 1). US-China Relations in the Bush Era – Strategic Partners or Competitors? *https://inpecmagazine.com/2012/02/01/us-china-relations-in-george-w-bush-era-hu-jintao/*

- MacKinnon, M. (2011, September 8). China's chance: How 9/11 played into Beijing's plans in Asia. *The Globe and Mail. http://www.theglobeandmail.com/news/world/chinas-chance-how-911-played-into-beijings-plans-in-asia/article593666/*

- George W. Bush on China. *http://www.ontheissues.org/George_W__Bush_China.htm*

- Kissinger, H. (2011). *On China*. The Penguin Press.

- McMahon, R. (1999, February 15). *Limits Of Empire: The United States and Southeast Asia Since World War II*. Columbia University Press.

- China's Maritime Disputes. Council on Foreign Relations. *http://www.cfr.org/asia-and-pacific/chinas-maritime-disputes/p31345#!/*

- Hillary Clinton Laughs About Killing Moammar Gaddafi. *http://www.realclearpolitics.com/video/2015/06/19/flashback_2011_hillary_clinton_laughs_about_killing_moammar_gaddafi_we_came_we_saw_he_died.html*

- Tổng Bí thư: Phía Mỹ tiếp đón "vượt mức yêu cầu." (2015, July 18). VnEconomy. *http://vneconomy.vn/thoi-su/tong-bi-thu-phia-my-tiep-don-vuot-muc-yeu-cau-20150718012512 42.htm*

- Thông cáo chung Việt Nam – Trung Quốc. (2015, September 4). Nhân Dân. *http://nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/26031902-thong-cao-chung-viet-nam-trung-quoc.html*

- Chinese State Media to Pacific Fleet: We Won't Be Pushed Around in South China Sea, (2015, July 20). *http://foreignpolicy.com/2015/07/20/chinese-state-media-to-pacific-fleet-we-wont-be-pushed-around-in-south-*

china-sea/

- Vuving, A. (2015, July 6). A Tipping Point in the US-China-Vietnam Triangle. The Diplomat. *http://thediplomat.com/2015/07/a-tipping-point-in-the-u-s-china-vietnam-triangle/*

- Pei, M. (2013, February 13). 5 Ways China Could Become a Democracy. The Diplomat. *http://thediplomat.com/2013/02/5-ways-china-could-become-a-democracy/*

VIỆT NAM
CON THUYỀN KHÔNG BẾN

Chuyến viếng thăm Việt Nam bốn ngày của hàng không mẫu hạm USS Carl Vinson và đoàn hộ tống hùng hậu đã gây nên nhiều tranh luận. Bỏ qua bên các tâm trạng xin quẻ, dâng sớ thượng nguyên, không ít ý kiến rất tích cực, thật sự thiết tha với tương lai đất nước.

Nhiều người mong USS Carl Vinson sẽ tạo nên lớp sóng phản hồi trong cuộc tranh chấp gần như thụ động, một chiều cha nói con nghe giữa Trung Cộng và cộng sản Việt Nam. Sự hiện diện của USS Carl Vinson thể hiện chính sách cứng rắn của chính phủ Mỹ trên Biển Đông bất chấp đường lưỡi bò, lưỡi trâu do Trung Cộng vẽ. Tranh chấp chủ quyền Biển Đông có khả năng cao hơn dẫn đến quốc tế hóa, và chỉ quốc tế hóa mới đem lại công bằng cho các nước nhỏ.

Do đó, yếu tố quốc tế rất cần thiết. Trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay khi sự phát triển của một quốc gia tùy thuộc rất nhiều vào sự phát triển của các quốc gia khác, yếu tố quốc tế chưa bao giờ quan trọng và hữu hiệu hơn.

Lịch sử nhân loại thời hiện đại cho thấy, yếu tố quốc tế thậm chí còn đóng vai trò quyết định trong hướng đi của dân tộc như trường hợp Ai Cập sau chiến tranh 1967, Thổ Nhĩ Kỳ sau thế chiến thứ hai và Nam Hàn sau thời Lý Thừa Vãn.

Anwar Sadat của Ai Cập là một lãnh tụ can đảm. Không ai từng chống Mỹ quyết liệt hơn cố tổng thống Anwar Sadat và là một anh hùng của toàn thế giới Á Rập. Tuy nhiên để mưu cầu một nền hòa bình và hạnh phúc cho nhân dân Ai Cập, năm 1976, ông đã bỏ đồng minh Liên Sô để bước sang phía thế giới tự do cho dù ông biết trước sự chọn lựa đó có thể trả giá bằng nhiều rủi ro như ông tiên đoán trong diễn văn đọc trước Quốc hội Israel ngày 20 tháng 11 năm 1967.

Mustafa Kemal là cha đẻ của nền cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại sau khi đế quốc Ottoman tan rã. Những cải tổ tận gốc về văn hóa, giáo dục của vị tướng tài ba này đã đưa Thổ từ một nước Hồi Giáo với 99 phần trăm dân theo đạo Hồi sống khép kín tôn giáo thành một quốc gia hiện đại. Nhưng quan trọng nhất là tầm nhìn xa. Ông rất quan tâm đến việc tạo một thế đối lực với Liên Sô luôn nuôi tham vọng độc chiếm Eo Biển ĐịaTrung Hải, mạch máu của Thổ Nhĩ Kỳ. Ông qua đời năm 1938, và người chiến hữu tin cẩn của ông là Mustafa İsmet İnönü tiếp tục hành trình để đưa Thổ Nhĩ Kỳ vào quỹ đạo của dân chủ Tây Phương. Cuối cùng Thổ đã trở thành một thành viên của Minh Ước Bắc Đại Tây Dương dù quốc gia này cách bờ phía Đông của Đại Tây Dương tới hai ngàn dặm. Stalin đành ngậm đắng nuốt cay.

Gần Việt Nam có Nam Hàn. Nhiều người biết vào năm 1950 nền cộng hòa non trẻ này sống sót là nhờ quân đội Mỹ lúc đó còn mạnh ở Thái Bình Dương đổ bộ để tái chiếm Nam Hàn và xác định lần nữa việc chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 38. Tuy nhiên, ít người để ý, quốc gia dân chủ này suýt trở thành cộng sản lần nữa không phải do Bắc Hàn tấn công mà do chủ trương khuynh tả trong thời gian đảng Dân Chủ Nam Hàn do Chang Myon làm thủ tướng. Xung đột ý thức hệ tại Nam Hàn đã diễn ra kịch liệt do các thành phần tả

khuynh chủ động. Phản ứng lại, dân chúng yêu tự do tổ chức các cuộc biểu tình chống tả khuynh tại nhiều nơi. Ngày 16 tháng 5 năm 1961, tướng Park Chung Hee (Phác Chính Hy) và quân đội đảo chánh, thiết lập một chính phủ cứng rắn và xác định một hướng đi mới: Phát triển kinh tế trước, thống nhất đất nước sau. Chính sách đó đã tạo không gian cho Nam Hàn cất cánh, từ lợi tức đầu người năm 1960 chỉ vỏn vẹn 76 đô-la lên đến 35 ngàn đô-la năm 2016.

Tuy nhiên, ba ví dụ trên cho thấy, yếu tố quốc tế có một điều kiện tiền đề: hoặc lãnh đạo sáng suốt, can đảm, thấy rõ nhu cầu của đất nước trong hướng đi dân chủ và cường thịnh thời đại, hoặc tinh thần người dân của quốc gia đó đủ mạnh để gây áp lực dẫn đến sự thay đổi quốc gia.

Việt Nam, cả đảng lẫn chống đảng đều không thỏa mãn được điều kiện tiền đề đó.

Về phía đảng cộng sản

Đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng (1) bán nước, (2) không có tính chính danh, (3) bám lấy quyền lực và (4) ngu dốt trong điều hành đất nước.

Bốn đặc điểm này của chế độ cộng sản không cần phải phân tích dài dòng, ngoại trừ những người phải chịu khuyết tật về thể xác hay tâm hồn mới không thấy và không biết.

Sự kiện một nước Việt Nam có trên ba ngàn cây số bờ biển và từ bao đời sống nhờ vào biển nay chỉ còn đủ rộng để đi câu là kết quả của sự thần phục Trung Cộng của bao thế hệ cầm quyền cộng sản.

Trước đây, ý thức hệ cộng sản làm mù lương tri Việt Nam của giới cầm quyền cộng sản, ngày nay ý thức hệ cộng sản đã chết nhưng họ vẫn tiếp tục dùng các phương pháp cộng sản dã man do Lenin,

Stalin, Mao nghĩ ra để tuyên truyền tẩy não và trấn áp người dân nhằm củng cố chiếc ghế quyền lực.

Tạm gác qua một bên chuyện đúng sai trong chiến tranh trước 1975, thử hỏi sau 43 năm đưa đất nước vào ngõ cụt của lạc hậu về kinh tế, chậm tiến về giáo dục, băng hoại về đạo đức, ung thối trong tận cùng của xã hội, họ có xứng đáng để tiếp tục cha truyền con nối cai trị trên đầu trên cổ của hơn 90 triệu người Việt hay không? Ai bầu họ ra? Ai cho phép họ sống trên xa hoa, phung phí giữa sự lầm than của đại đa số người dân Việt?

Chuyện các lãnh chúa cộng sản ngu dốt cũng cũng không phải là chụp mũ hay bôi nhọ. Nhìn cảnh một Phan Văn Khải rút trong túi ra một tờ giấy viết sẵn để đọc cho Tổng thống G.W. Bush nghe một người Việt dù chống cộng cũng không khỏi mắc cỡ giùm. Nội dung tờ giấy đó không phải là văn bản cần ký kết, cũng chẳng chứa đựng một thuật ngữ kinh tế chính trị gì dễ bị hiểu sai mà chỉ đôi lời thăm hỏi xã giao. Rồi mấy lớp cai trị khác theo sau cũng ngu ngơ không kém. Nếu không có thành phần phên dậu, thành phần xăng nhớt thì bộ máy cộng sản đã ngừng chạy từ lâu rồi.

Về phía chống đảng cộng sản

Phía những người chống đảng cũng chưa có một hướng đi chung.

Những người chống cộng sản cả trong và ngoài nước đều muốn lật đổ chế độ cộng sản và xây dựng một Việt Nam dân chủ và cường thịnh. Nhưng nếu câu hỏi tiếp là làm thế nào để "lật đổ chế độ cộng sản và xây dựng một Việt Nam dân chủ và cường thịnh" thì người viết nghĩ rằng không phải mọi người đều trả lời giống nhau.

Phải chăng câu hỏi quá khó để trả lời? Không.

Các quốc gia cựu cộng sản, rộng như Ba Lan, hẹp như Estonia,

xa xôi như Ethiopia, chậm tiến như Mông Cổ đã trở thành những nước dân chủ dù mức độ còn khác nhau bởi vì họ trả lời giống nhau câu hỏi thứ hai.

Những lãnh đạo phong trào dân chủ tại các nước này thấy rõ mục đích cần phải đạt trong từng giai đoạn của tiến trình dân chủ hóa và chỉ tập trung vào từng mục đích mà thôi.

Họ không phải là những chính trị gia chuyên nghiệp, nhà cách mạng nổi tiếng mà là những giáo sư, văn nghệ sĩ, công nhân, nông dân, sinh viên rất bình thường. Chỉ khác, họ không tham lam, không lãng phí thời gian và công sức vào những chuyện chỉ có thể giải quyết sau khi giải thể chế độ cộng sản.

Việt Nam có hầu hết các yếu tố để dẫn đến một cuộc cách mạng, tuy nhiên vẫn còn thiếu lực lượng của những người nhận thức đúng hướng đi để chèo chống con thuyền qua cơn bão tố cộng sản.

Xây dựng và phát triển tập hợp những người Việt vượt qua được mọi tiêu cực để tập trung vào việc tháo gỡ bộ máy cai trị của đảng cộng sản trở thành nhu cầu bức thiết trong giai đoạn hiện nay. Và mãi cho tới khi lực lượng dân chủ đó ra đời, Việt Nam vẫn còn là một con thuyền không bến.

KHI TIẾNG KHÓC CHÍNH LÀ LỜI TỐ CÁO

Dù dưới một quan điểm tôn giáo nào, sự có mặt của con người trên thế giới này chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Với tác giả bài viết này và có lẽ với nhiều độc giả, tiếng sóng vỗ vào thành ghe trong một đêm dông bão như vẫn còn vang vọng đâu đây nhưng đã hơn 30 năm rồi. Một triết gia đã viết, mỗi bước chân ta đi trong ngày là một bước gần hơn đến với ngôi mộ của mình.

Con người sinh ra đều trơ trụi giống nhau nhưng cuộc đời và cách chết đã làm họ khác nhau. Có những người chết đi để lại nhiều lợi lạc cho hậu thế, một cách sống đạo đức cho con cháu noi gương, nhưng cũng có những kẻ chết đi, dù được che đậy dưới lớp hào quang giả tạo rực rỡ dường nào hay bức tường thành thông tin bưng bít dày đến bao nhiêu, tội ác của họ cũng có một ngày được phanh phui để lộ nguyên hình những ác nhân thời đại. Con khủng long chết 65 triệu năm trước vẫn được tìm ra, nói chi là con người. Lịch sử là lương tri và từ sơ khai đến hiện đại lịch sử luôn phán xét công bằng, cho đến nay chưa ai tránh thoát.

Một buổi sáng tháng 9 năm 1997, trên đường phố Calcutta, hàng triệu dân Ấn đứng dọc hai bên đường để tiễn đưa một nữ tu đã dâng hiến gần trọn đời mình cho lớp người cùng khổ. Con đường đó, từ 1929, nữ tu gốc Albany thuộc dòng Loreto Sisters đặt chân

đến lần đầu khi mới 19 tuổi. Vỉa hè Calcutta là nơi nữ tu thường đến để ngồi an ủi những người đang chết. Không có ngay cả một viên thuốc, nữ tu chỉ biết cầm lấy bàn tay đầy máu mủ của bệnh nhân và xua đuổi đi bầy kiến đang bám lên vết thương đau nhức. Nhiều bệnh nhân đã đáp lại bằng cách mỉm cười thay cho lời cám ơn trước khi hắt ra hơi thở cuối cùng. Và những khu nhà ổ chuột Calcutta này là nơi chiều chiều nữ tu một tay cầm một chiếc khăn và tay kia cầm một cục xà phòng đến tắm cho trẻ em nghèo trong xóm. Nhiều năm sau, chính đám trẻ này là những người đầu tiên gọi nữ tu là mẹ. Mẹ Teresa như nhân loại biết hôm nay.

Ngày 5 tháng 9 năm 1997 mẹ không đến nữa vì hôm đó là ngày mẹ ra đi. Quan tài mẹ Teresa được phủ quốc kỳ Ấn Độ thay vì Albania, nơi mẹ chưa một lần trở lại. Ngày đi, mẹ vẫn mặc chiếc áo vải trắng viền xanh Sari trị giá 1 rupee mẹ tự sắm cho mình sau khi chính thức rời khỏi dòng tu Loreto Sisters. Đoạn đường từ quảng trường Netaji, nơi tổ chức thánh lễ, đến "căn nhà của mẹ", nơi mẹ sẽ yên nghỉ, chìm trong không khí tôn nghiêm trang trọng. Những em bé Ấn Độ tay cầm những bông hoa nhỏ vẫy chào. Tất cả đều cúi đầu khi quan tài do một chiếc xe kéo súng quân đội kéo ngang qua. Chính phủ Ấn dành cho mẹ một vinh dự đặc biệt vì chính chiếc xe kéo pháo cũ kỹ này đã kéo quan tài của Thánh Mahatma Gandhi ra nghĩa trang năm 1948.

Nhân loại tiếc thương mẹ, nhân dân Ấn Độ biết ơn mẹ, và chính những người cùng khổ ở Calcutta đang sắp hàng hai bên đường cám ơn mẹ, nhưng ngoài tiếng máy xe kéo pháo nhịp đều, không có một sự ồn ào nào khác. Trên xe, những nữ tu và người lính ngồi im lặng. Không ai khóc lớn, không ai than van, không ai lăn lộn, không ai kể lể. Niềm thương tiếc chân thành thánh thiện đã cô đọng thành ngọc bích và lắng sâu xuống tận đáy lòng. Sự ra đi của mẹ Teresa và nhiều bậc vĩ nhân khác đơn giản như họ một lần đã ghé thăm hành tinh chúng ta.

Bên cạnh những cuộc chia tay đầy ắp tình nhân loại như thế là những cái chết của các lãnh tụ cộng sản đã diễn ra như những vở kịch được biên tập tất cả đặc tính bi, hài, tò mò, chân thành, giả dối đến tận cùng.

Trước tang lễ có một không hai của Kim Nhật Thành, tang lễ Stalin được xem như một tang lễ đáng ghi nhớ nhất trong lịch sử tang lễ các lãnh tụ cộng sản. Ngày 9 tháng 3 năm 1953, hàng triệu người tập hợp tại Hồng trường để chào vĩnh biệt "đại nguyên soái" Joseph Stalin của họ. Theo chi tiết ghi lại trong trang web của báo *Pravada*, cũng như theo mô tả của Brenda Haugen trong tác phẩm *Joselp Stalin: Dictator of the Soviet Union*, khoảng 500 người chết chỉ vì chen lấn nhau để đến gần khán đài.

Tại Việt Nam vì xa xôi cách trở không tham dự được nhưng cũng "làng trên xóm dưới xôn xao" khi nghe tin "Ông mất" và ít ra cũng có Tố Hữu đã khóc đến mức "xé ruột, xé lòng" trong bài thơ *Đời đời nhớ ông* bất hủ. Cảnh khóc than thê thảm tương tự đã diễn ra tại Thiên An Môn năm 1976, Hà Nội năm 1969 với những cô công nhân mặt sưng húp vì mấy ngày đêm khóc không còn nước mắt. Nếu những tên đồ tể Nicolae Ceausescu không bị xử bắn, Pol Pot không chết trong rừng, Erich Honecker không chết trong lưu đày, tang lễ của họ hẳn cũng ngập đầy nước mắt.

Trước đây, các cơ quan truyền hình trên thế giới đồng loạt đưa tin về cái chết đột ngột của lãnh tụ Bắc Hàn Kim Chính Nhật và lồng trong các bản tin là cảnh hàng trăm ngàn người dân Bắc Hàn, từ cụ già đến em bé, từ thiếu nữ đến thanh niên đều khóc thê thảm, khóc lăn lộn, khóc đến ngất xỉu.

Theo tin chính thức của Bắc Hàn, đã có năm triệu người, tức hơn hai mươi phần trăm dân số, bằng nhiều cách bày tỏ lòng thương tiếc dành cho lãnh tụ kính yêu Kim Chính Nhật. Các cơ quan truyền thông quốc tế dành nhiều thời gian để tìm hiểu về hiện tượng khóc

rất lạ đời này. Son Jeong Hun, trước đây vượt thoát từ Bắc Hàn cho biết: "*Nếu bạn không khóc một cách công khai, bạn bị xem là có thái độ sỉ nhục lãnh tụ và có thể bị kết án chống lại nhà nước*".

Tuy nhiên, trong lúc rất nhiều người phải khóc, khóc không ra nước mắt, cũng có rất nhiều người đã khóc một cách chân thành chỉ vì các vi trùng tôn thờ cá nhân ăn sâu vào nhận thức và họ đã bị hoàn toàn tẩy não.

Tại Bắc Hàn, mỗi gia đình đều có một bức ảnh của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật. Ban kiểm tra hình lãnh tụ theo định kỳ đến khám xét từng nhà. Gia chủ sẽ bị phạt nếu hình của cha con họ Kim không được lau chùi đúng tiêu chuẩn. Bịnh tôn thờ lãnh tụ tại Bắc Hàn trầm trọng đến nỗi người dân có thể chết chỉ để bảo vệ bức ảnh của "cha già dân tộc".

Theo hồ sơ tội ác của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật do Giáo sư Grace M. Kang chuẩn bị để truy tố trước tòa án quốc tế, ngày 4 tháng 6 năm 1997 một chiếc ghe đánh cá bị sóng đánh chìm, thủy thủ trên ghe đã buộc chân dung của Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật vào phao cấp cứu để hai bức ảnh khỏi chìm trong lúc các thủy thủ đã chết đuối. Khi hai bức ảnh được hải quân Bắc Hàn tìm được, những thủy thủ bị chết đuối được tặng danh hiệu Anh hùng Cộng Hòa. Ngoài ra, tạp chí *Time* cũng đã tường thuật một trường hợp hỏa hoạn ở Bắc Hàn, chủ nhà đã lo cứu bức ảnh trước khi cứu con mình. Tháng 4 năm 2003, theo tạp chí *Economist*, một chiếc xe lửa ở Bắc Hàn không may chạy trật đường rầy và đụng vào một toà nhà lớn, cả xe lửa lẫn tòa nhà đều bốc cháy, hàng trăm khách trong xe, người trong tòa nhà vừa chết vừa bị thương. Thế nhưng khi những người dân Bắc Hàn tới cứu, họ đã cố tìm cách dập tắt ngọn lửa đang đốt cháy tấm chân dung lớn của Kim Chính Nhật treo trên tòa nhà trước khi cứu chữa những người bị thương đang sắp chết cháy trong nhà.

Người dân Bắc Hàn không có cùng một ý niệm về không gian và thời gian như phần còn lại của nhân loại. Ngày tháng và nơi chốn đã bị đổi thay sau khi Kim Nhật Thành xóa bỏ niên lịch AD và thay vào đó bằng lịch Juche, lấy năm sinh của ông ta làm chuẩn.

Ví dụ, năm 2000 là năm cuối cùng của thiên niên kỷ đối với phần lớn thế giới nhưng tại Bắc Hàn chỉ mới là năm Juche 99. Trong một bài bình luận của Rodong Sinmun, cơ quan thông tin chính thức của đảng Công nhân Triều Tiên phát hành ngày 31 tháng 8 năm 1997, viết về Kim Chính Nhật: *"Nhân dân Triều Tiên tuyệt đối tôn kính, tin tưởng và theo chân Tướng Quân như Thượng Đế. Tư tưởng quý giá này căn cứ vào sự kiện rằng họ đã cảm nhận một cách sâu sắc sự vĩ đại của Tướng Quân từ đáy lòng họ. Tướng Quân là thầy giáo vĩ đại dạy nhân dân Triều Tiên ý nghĩa thật sự của cuộc sống, là người cha đã ban cho họ đức tính liêm khiết chính trị quý giá và là một ân nhân có trái tim nồng ấm dịu dàng, đã mang đến cho nhân dân Triều Tiên niềm hạnh phúc trọn vẹn… Tướng Quân là cây trụ tinh thần và là vầng thái dương vĩnh cửu của nhân dân Triều Tiên"*.

Một số nhà phân tích tâm lý cho rằng, vấn đề không phải người dân Bắc Hàn khóc thật hay khóc giả nhưng chỉ việc khóc một cách tự nhiên và công khai trước ống kính truyền hình đã cho thấy khả năng của chế độ kiểm soát hành vi của người dân chặt chẽ đến chừng nào.

Bộ máy tuyên truyền của đảng Cộng sản Bắc Hàn đã biến toàn xã hội thành một đại gia đình trong đó Kim Nhật Thành là ông nội, Kim Chính Nhật là cha già, và Kim Chính Ân (Kim Jong Un) đang là đích tôn gia trưởng. Các bức hình trẻ em vui mừng ngồi trên đùi Kim Nhật Thành hay những cặp vợ chồng mới cưới thay vì đến nhà thờ hay chùa, đã đến trước tượng Kim Nhật Thành làm lễ ra mắt tổ tiên cho thấy mối quan hệ giữa quần chúng và lãnh tụ đã vượt qua

mối quan hệ chính trị bình thường để trở thành mối giây thiêng liêng bền bỉ rất thích hợp với văn hóa Á Đông.

Trong lúc, theo Katharina Zellweger, Giám đốc Cơ quan thiện nguyện Thụy Sĩ có văn phòng tại Nhưỡng Quang, mỗi người dân Bắc Hàn chỉ được cấp tiêu chuẩn thực phẩm 150 gram mỗi ngày và rất đông người quá đói phải ra đồng đào rễ, cắt cỏ và hái lá để ăn, gia đình Kim Chính Nhật sống như một đế vương.

Theo hồi ký *Tôi từng là đầu bếp của Kim Chính Nhật* (I Was Kim Jong Il's Cook) của đầu bếp Nhật Bản từng phục vụ Kim Chính Nhật và ký dưới tên Kenji Fujimoto, món ăn khoái khẩu của họ Kim là sushi với tôm tươi. Các thức ăn phục vụ Kim được chọn lựa theo đặc sản của mỗi nước như thịt heo Đan Mạch, đồ biển Nhật, bia Tiệp Khắc, chuối Thái Lan, đu đủ Mã Lai… Kim Chính Nhật nghiện rượu vang. Hầm rượu của y có khoảng 10.000 chai. Theo hồ sơ của BBC trong thượng đỉnh năm 2000 tiếp cựu Tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trọng, Kim Chính Nhật đã uống 10 ly rượu vang. Phòng phim của Kim Chính Nhật chứa khoảng 20.000 phim, trong đó *Rambo* và *Jame Bond* là những bộ phim y thích nhất. Gia đình họ Kim không thiếu một món giải trí nào từ sân bóng rổ đúng tiêu chuẩn NBA, xe gắn máy trượt tuyết, giàn karaoke… Cũng theo lời kể của đầu bếp Kenji Fujimoto, Kim Chính Nhật nuôi chó đầy đủ hơn nuôi dân. Trong nạn đói, những nhân viên coi chó cho y đã phải ăn trộm thức ăn của chó để ăn. Bị bắt được, toán trưởng bị đày hai năm trong trại tập trung và các đội viên mỗi người bị đày một năm.

Nhân dân Bắc Hàn không biết đời sống xa hoa và tánh tình bệnh hoạn của Kim Chính Nhật. Với đa số người dân Bắc Hàn, Kim Chính Nhật từ khi còn sống cho đến lúc qua đời là thần thoại diệu kỳ.

Cơ quan truyền hình chính thức của Bắc Hàn KCNA cho biết trước giờ họ Kim chết, đỉnh núi thánh Bạch Đầu Sơn (Paektu) được

bao phủ bằng một ánh sáng màu đỏ rực đầy huyền bí. Cũng theo KCNA, không chỉ nhân dân Triều Tiên hay loài người mà cả trời đất cũng tiếc thương trước cái chết của lãnh tụ kính yêu. Nói theo kiểu Tố Hữu của Việt Nam là *"Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa"*.

Mobutu Sese Seko trước đây được là người có những danh xưng rất độc đáo như "Nhà cứu rỗi dân tộc", "Cha già dân tộc",… nhưng so với cha con họ Kim, Mobutu chỉ đáng là học trò. Tại Bắc Hàn, Kim Chính Nhật ngoài các danh dự được gọi hàng ngày như "Lãnh tụ kính yêu'', "Đồng chí vĩ đại'', "Tư lệnh tối cao'',… còn được gọi trong tiểu sử chính thức là "Con trời", "Ngôi sao sáng của đỉnh Bạch Đầu Sơn".

Với các bằng chứng tẩy não tinh vi như vậy, việc dân Bắc Hàn khóc thật cũng chẳng phải là chuyện lạ.

Chủ nghĩa cộng sản đã tàn rụi ở châu Âu nhưng trong năm nước còn sót lại sự khổ đau, chịu đựng vẫn còn đến hôm nay và không biết đến bao giờ mới hết.

Chiến tranh lạnh đã tàn. Các nước tư bản tự do vì lý do kinh tế đã không còn giương cao ngọn cờ dân chủ như trước nữa. Họ mặc nhiên chấp nhận chế độ cộng sản như là một thực tế của mỗi quốc gia hơn là một phong trào quốc tế.

Nhân dân Bắc Hàn, Cu Ba, Việt Nam, Lào, Trung Hoa là những dân tộc chịu đựng trong cô đơn. Người dân Bắc Hàn khóc vì sợ hãi, giả dối, bắt buộc hay bị tẩy não, đều đáng thương, đáng được cảm thông hơn là đáng trách hay đáng bị cười khinh dễ. Những giọt nước mắt đó trước lương tâm nhân loại chính là những lời tố cáo hùng hồn về một chế độ phi nhân đang tồn tại ở Á châu.

CHUYỂN HÓA TRI THỨC

Nhìn ánh mắt hân hoan, bàn tay dang rộng, nụ cười miềm nở của người dân Sài Gòn khi đón chào Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama chiều 24 tháng 5 năm 2015 trừ phi lãnh đạo cộng sản Việt Nam đui mù câm điếc hết, họ phải biết chế độ độc tài toàn trị cộng sản diễn ra suốt 41 năm trên đất nước Việt Nam đang vào đoạn kết.

Ngày nào, tháng nào hay năm nào chế độ sẽ sụp có thể không ai trả lời chính xác nhưng chắc chắn bức màn tuyên truyền lừa dối sẽ bị xé nát, mọi tội ác của cộng sản Việt Nam từ năm 1930 sẽ được phơi bày ra ánh sáng, nước mắt sẽ ngừng rơi và cây tình thương dân tộc sẽ hồi sinh trên quê hương khốn khổ.

Người viết tiên đoán một cách quá lạc quan chăng? Không. Lịch sử nhân loại và lịch sử tranh đấu của nhân dân Việt Nam suốt 41 năm qua đã chứng minh điều đó một cách hùng hồn.

Đông Bá Linh đêm 19 tháng 7 năm 1988

Bruce Springsteen và E Street Band của ông được phép trình diễn một chương trình nhạc tại Đông Bá Linh.

Số người tham dự theo ước lượng của chính phủ Đông Đức là 160 ngàn người có vé và một số gần tương đương tràn vào không vé.

Thay vì dùng chương trình "Bruce Springsteen and E Street Band" như tại Hoa Kỳ hay nhiều nơi khác, chính phủ cộng sản Đông

Đức lợi dụng cơ hội để tuyên truyền nên đổi tên thành "Concert for Nicaragua" để ủng hộ chế độ cộng sản Sandinista ở Nicaragua, Nam Mỹ.

Bruce Springsteen rất giận khi nghe tin chương trình nhạc của ông bị dán chồng lên bằng một nhãn hiệu tuyên truyền cộng sản nhưng không phản ứng. Vào giữa chương trình, Springsteen bất chấp những hạn chế mà lãnh đạo cộng sản Đông Đức đưa ra trước, đã rút ra một mảnh giấy và đọc lớn bằng tiếng Đức:"*Tôi* đến đây không phải vì chính quyền hay chống chính quyền. *Tôi đến để chơi nhạc "rock and roll" tặng các bạn, với niềm hy vọng rằng một ngày mọi rào cản sẽ bị phá bỏ*". Chữ "rào cản" mà Bruce Springsteen muốn nói không gì khác hơn là Bức tường Bá Linh.

Chương trình được phép truyền hình sau vài phút kiểm duyệt nên câu nói của Springsteen bị khám phá và cắt bỏ nhưng tiếng vỗ tay của 300 ngàn khán giả, đa số là thanh niên, có mặt tại chỗ vang dội một góc trời.

Có nguồn tin cho rằng chính quyền cộng sản Đông Đức cho phép Bruce Springsteen trình diễn là để đo lường thái độ và lòng tin của người dân vào đảng cộng sản và qua đó có những biện pháp trấn áp cũng như các chính sách tuyên truyền thích nghi.

Chương trình nhạc của Bruce Springsteen là điểm báo cho lãnh đạo cộng sản Đông Đức biết chế độ sụp đổ chỉ là vấn đề thời gian. Sau những cuộc biểu tình của dân chúng, Egon Krenz lên thay thế Erich Honecker và hứa sẽ đem lại nhiều "đổi mới" từ trung ương đến địa phương nhưng những con cá gỗ "đổi mới" đã không còn lừa gạt được người dân Đông Đức. Chỉ hơn một năm sau, Bức tường Bá Linh sụp đổ.

Sài Gòn chiều 24 tháng 5 năm 2016

Hàng trăm ngàn dân Sài Gòn đứng dọc hai bên đường từ phi

trường Tân Sơn Nhất vào trung tâm thành phố để chào đón Tổng thống Barack Obama bằng mắt sáng ngời, nụ cười rạng rỡ và bàn tay vẫy gọi ân cần. Tất cả đều phát xuất từ tấm lòng trong sáng, không hận thù, không sợ hãi. Eric Schultz, phụ tá báo chí Tòa Bạch Ốc xúc động nhận xét:*"hàng trăm nghìn người tập trung trên các tuyến phố chào đón Tổng thống Hoa Kỳ"* và *"tôi chưa từng chứng kiến điều này trong 5 năm làm việc tại Tòa Bạch Ốc"*. Đoạn phim do phóng viên Pete Souza đăng lên Instagram của ông cho thấy hàng hàng lớp lớp người dân chào đón Tổng thống Obama. Ben Rhodes, Phụ tá Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ ngạc nhiên và cho biết họ sẽ không bao giờ quên sự chào đón mà người dân Sài Gòn đã dành cho họ.

Những hiện tượng đó rất hiếm thấy trong những buổi đón tiếp các lãnh đạo ngoại quốc.

Người dân Sài Gòn hiếu khách? Không đúng hẳn. Người dân Sài Gòn hiếu tự do và họ chào mừng tổng thống Hoa Kỳ nồng nhiệt bởi vì ông ta là đại diện của thế giới tự do.

"Bầu cử Quốc hội" tại Đông Đức và Việt Nam

Giống như tại Việt Nam, sau khi Bruce Springsteen đến, Đông Đức cũng có một cuộc "bầu cử quốc hội" tổ chức vào tháng 5 năm 1989. Các nhà phân tích chính trị châu Âu ngày đó cho rằng cuộc" bầu cử quốc hội" tại Đông Đức là một thất bại của đảng cộng sản vì chỉ có 98,5% "cử tri" đi bầu. Trùng hợp một cách thích thú, tháng 5 năm 2016, Việt Nam cũng có một cuộc "bầu cử quốc hội" và kết quả gần giống như Đông Đức với chỉ có 98,7% "cử tri" đi bầu. Dưới chế độ cộng sản toàn trị, một phần trăm "cử tri" không đi bầu là đã quá nhiều và là một thất bại của đảng.

Mục đích của lãnh đạo cộng sản khi tổ chức bầu cử quốc hội, Đông Đức hay cộng sản Việt Nam, không phải để bầu nên một cơ

quan lập pháp mới mà là một công việc thuần túy tuyên truyền. Chính sách tuyên truyền thay đổi theo chủ trương của đảng, bằng chứng tại Việt Nam, sau lần "bầu cử" năm 1946, đảng Cộng sản Việt Nam không thấy cần có quốc hội nên suốt 14 năm sau đó, họ chẳng màng nghĩ đến chuyện bầu bán làm gì. Nhưng chính 300 ngàn người dự chương trình nhạc của Bruce Springsteen và mấy trăm ngàn dân Sài Gòn sắp hàng chào đón Tổng thống Obama mới thật sự đã đi bầu. Sự có mặt của người dân là một hình thức bỏ phiếu công khai, cụ thể và rõ rệt nhất. Người dân hai nước đã bầu cho tự do dân chủ. Đông Đức bầu cho Bruce Springsteen và Việt Nam bầu cho Barack Obama. Hai đại biểu tự do đắc cử tại Đông Đức và Việt Nam đều là người Mỹ.

Ẩn ý của Tổng thống Obama

Trong thời gian thăm viếng Việt Nam tuy ngắn ngủi, Tổng thống Obama đã nhiều lần nhấn mạnh đến quan điểm "vận mệnh Việt Nam nằm trong tay người Việt".

Đây không phải là câu nói riêng của Tổng thống Obama và chỉ mới nghe được lần đầu. Nhiều người, quốc tế cũng như Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước quan tâm đến Việt Nam đã phát biểu tương tự. Không ai cứu được Việt Nam ngoài chính dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên có một điểm khác. Tổng thống Obama muốn nhấn mạnh rằng vai trò của Hoa Kỳ thông qua các chính sách hợp tác kinh tế và đối ngoại tại Á châu là một cách góp phần tạo ra không gian và kéo dài thời gian để người Việt Nam có thêm cơ hội chọn lựa một cơ chế chính trị cho mình.

Trong cương vị tổng thống, Tổng thống Obama không thể kêu gọi người dân Việt Nam xuống đường hay đứng lên lật đổ chế độ độc tài nhưng trong ẩn ý, ông mong muốn nhân dân Việt Nam,

bằng mọi cách thích nghi, hãy mạnh dạn chọn lựa một tương lai chính trị cho đất nước Việt Nam. Tổng thống Obama cam kết:"*Và trong khi các bạn theo đuổi tương lai mà các bạn muốn, tôi muốn các bạn biết rằng nước Mỹ sẽ ở ngay bên cạnh các bạn, nh*ư một đối tác và một người bạn".

Hơn bất cứ một quốc gia nào khác, vì lý do lương tâm (58 ngàn người Mỹ đã chết để bảo vệ tự do của miền Nam Việt Nam), chính trị (góp phần tạo dựng cơ chế chính trị đối lập với Trung Cộng) và quân sự (lấp kín nút chặn trên cả đường bộ lẫn đường biển ra Biển Đông và Nam Á châu của Trung Cộng), chính phủ Hoa Kỳ muốn thấy Việt Nam thật sự là nước tự do dân chủ, phát triển, hợp tác chiến lược với Hoa Kỳ.

Tổng thống Harry Truman đã không gởi chiến hạm lừng danh USS Missouri viếng thăm Thổ Nhĩ Kỳ năm 1946 nếu chính phủ Thổ không cam kết theo đuổi con đường dân chủ và chống lại Liên Xô. Thổ Nhĩ Kỳ dân chủ đã làm cán cân sức mạnh quân sự nghiêng hẳn về phía Tây phương và quốc gia có lợi nhất cũng chính là Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong Thông cáo chung của G7 (Canada, Pháp, Đức, Anh, Ý, Nhật và Hoa Kỳ) tại Nhật được công bố hôm 27 tháng 5, Hoa Kỳ và sáu cường quốc đồng minh khẳng định sẽ tiếp tục duy trì các nguyên tắc hàng hải phù hợp với UNCLOS (The United Nations Convention on the Law of the Sea) và xác định quyền của các quốc gia phải được dựa trên luật pháp quốc tế thay vì các hành động đơn phương.

Thông cáo chung cũng bày tỏ sự quan tâm một cách cụ thể và chi tiết của G7 về tình trạng tại Biển Đông. Đó là một cái tát vào mặt Tập Cận Bình.

Mặc dù lợi thế quân sự của Mỹ vẫn còn trên rất cao so với Trung

Cộng, với quan hệ kinh tế vô cùng phức tạp và tinh tế trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, ngoài việc tạo không gian, điều kiện và kéo dài thời gian như đang làm qua TPP hay tại hội nghị G7 vừa bế mạc, chính phủ Mỹ, trước đây, hiện nay và trong tương lai gần, sẽ không thể can thiệp trực tiếp vào nội bộ chính trị Việt Nam hay đương đầu trực tiếp với Trung Cộng về quân sự.

Chỉ có sức mạnh của người dân Việt Nam mới là yếu tố quyết định. Một Việt Nam dân chủ sẽ làm thay đổi hẳn khuôn mặt chính trị tại Á châu và giống như Thổ Nhĩ Kỳ trước đây sẽ rất có lợi cho Việt Nam.

Chuyển động xã hội làm thay đổi cơ chế chính trị

Như người viết đã trình bày trong bài "Để thắng được Trung Cộng" chính sự chuyển động đi lên của nhận thức con người là lý do chính dẫn đến sự sụp đổ của chế độ cộng sản. Sự chuyển hóa tri thức nhanh hay chậm tùy theo điều kiện mỗi nước nhưng là một tiến trình không thể bị ngăn chận bởi bất cứ một cơ chế độc tài nào.

Giáo sư Archie Brown thuộc Đại học Oxford, Anh quốc, trong tác phẩm *Sự vươn lên và sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản* (The Rise And Fall Of Communism) nêu ra 8 lý do khiến chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, trong đó lý do hàng đầu không phải là kinh tế hay quân sự mà là sự thay đổi nhận thức xã hội.

Người Việt quan tâm đến vận mệnh đất nước có lý do chính đáng để nóng lòng nhưng nếu nhìn lại sẽ thấy các phong trào xã hội, phong trào dân chủ tại Việt Nam đã lớn lên, tuy chậm nhưng không ngừng lớn lên và mở rộng.

Dây chùm gởi cộng sản Việt Nam ăn bám quá lâu và quá sâu vào thân cây Việt Nam nên phải cần nhiều thời gian hơn những nước khác để gỡ chúng ra.

CÁCH MẠNG HÁT HÙNG CA

Lịch sử thế giới cận đại đã diễn ra nhiều cuộc cách mạng dân chủ đầy màu sắc: *Cách mạng Nhung* (Velvet Revolution) do Giáo sư Rita Klimova đặt tên ở Tiệp Khắc, *Cách mạng Hoa Hồng* (Rose Revolution) ở Georgia phát xuất từ những bó hoa hồng lãnh tụ đối lập Saakashvili mang đến quốc hội, *Cách mạng Cam* (Orange Revolution) tại Ukraine dựa theo màu chiến dịch tranh cử của ứng cử viên Tổng thống Viktor Yushchenko, *Cách mạng Hoa Lài* ở Tunisian đặt tên từ loại hoa quốc gia của Tunisia nhằm lật đổ nhà độc tài Zine El Abidine Ben Ali,...

Thế nhưng, có một cuộc cách mạng đóng vai trò tiên phong mà ít được viết về là *Cách mạng Hát hùng ca* (Singing Revolution) diễn ra tại Estonia, một quốc gia vùng Baltic, trong thời gian 1987-1988.

Cách mạng Hát hùng ca thật sự đã dẫn đến sự sụp đổ của chế độ cộng sản tại Estonia và chính phủ dân chủ đầu tiên được thành lập vào ngày 20 tháng 8 năm 1991.

Estonia là một nước nhỏ có diện tích 45.226 km^2, nằm bên bờ biển Baltic trong vùng Đông Bắc Âu và có một lịch sử rất dài bắt đầu từ nhiều ngàn năm trước Công nguyên. Dân số Estonia theo thống kê năm 2014 cũng chỉ 1.200.000 người nhưng dân tộc này đã trải qua những chặng đường lịch sử đầy bi tráng.

Vì giữ vị trí chiến lược nên suốt dòng lịch sử lãnh thổ Estonia đã là bãi chiến trường giữa các nước lớn trong vùng như Đan Mạch,

Đức, Nga, Thụy Điển, Ba Lan. Estonia bị xâm lăng, chiếm đoạt và sang tay nhiều đế quốc. Đan Mạch cai trị Estonia suốt thế kỷ 13. Thế kỷ 14, Estonia trở nên một phần của Liên bang Livonia. Thế kỷ 16, Estonia rơi vào tay Thụy Điển. Thế kỷ 17, Estonia bị nhượng cho đế quốc Nga sau chiến tranh Nga-Thụy Điển. Dù chịu đựng âm mưu đồng hóa, sang nhượng, lệ thuộc, dân tộc nhỏ nhoi vùng Baltic này vẫn không mất gốc.

Estoniađộc lập

Vào thế kỷ 18, tinh thần dân tộc Estonia thức tỉnh và gần cuối Thế chiến thứ nhất, Estonia tuyên bố độc lập vào ngày 24 tháng 2 năm 1918.

Mười tháng sau, ngày 12 tháng 12 năm 1918 là ngày trọng đại đối với dân tộc Estonia sau nhiều thế kỷ bị xâm lăng. Hôm đó nhân dân Estonia chính thức được chào quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng đại diện cho Cộng hòa Estonia và hát quốc ca *Mu isamaa, mu õnn ja rõõm* (Quê hương, niềm kiêu hãnh và vui mừng). Một điểm đặc biệt, quốc ca Estonia cùng giai điệu với quốc ca Phần Lan được nhạc sĩ Fredrik Pacius phổ từ bài thơ *Đất nước tôi (Our Land)* của nhà thơ Johan Ludvig Runeberg. Vì Estonia và Phần Lan chia sẻ nhiều yếu tố văn hóa chung nên Cộng hòa Estonia khi thành lập 1918 cũng đã dùng bản nhạc này làm quốc ca.

Estoniadưới chế độ cộng sản

Độc lập hòa bình không được bao lâu. Tháng 8 năm 1939, Stalin và Hitler ký Thỏa ước Bất can thiệp Molotov-Ribbentrop Pact với những điều khoản bí mật, trong đó Hitler đồng ý để Liên Xô chiếm Estonia cùng với Lithuania và Latvia. Sau khi hiệp ước được hai tên độc tài ký kết, Stalin đưa quân đội và xe tăng chiếm đóng Estonia. Như kết quả, quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng cùng với quốc ca Cộng hòa Estonia bị nghiêm cấm. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Estonia được dựng lên ngày 21 tháng 7 năm 1940 và đặt dưới sự cai trị trực tiếp bởi đảng Cộng sản Estonia, một chư hầu của Liên Xô.

Hitler xé bỏ Hiệp ước Molotov-Ribbentrop qua việc phát động mặt trận miền Đông tấn công Liên Xô ngày 22 tháng 6 năm 1941 và chiếm đóng Estonia từ tháng 7 năm 1941.

Cuối Thế chiến thứ hai, niềm hy vọng phục hồi nền độc lập vừa sáng lên một thời gian rất ngắn đã vụt tắt khi Estonia lần nữa bị Liên Xô chiếm với sự làm ngơ của Mỹ và Anh tại hội nghị Yalta. "Cờ tổ quốc" Estonia khi trở thành một tiểu quốc trong Cộng hòa Liên bang Xô Viết được thêm một ngôi sao vàng lòng đỏ bên cạnh búa liềm có sẵn từ lá cờ dưới chế độ cộng sản Estonia 1940.

Tại sao các nước cộng sản đều dùng cờ nền đỏ?

Màu đỏ là màu máu của những người cộng sản. Nền đỏ có một lịch sử khá dài từ những thành viên cánh tả trong cách mạng Pháp 1789. Trong Cách mạng Pháp 1848, nhà thơ và nhà chính trị Pháp nổi tiếng Alphonse de Lamartine chống lại việc dùng cờ đỏ vì đó là biểu tượng của bạo động đã gây ra máu đổ trong ba năm từ 1791 đến 1793. Trong cuộc nổi dậy Công xã Paris từ 18 tháng 3 năm 1870 tới 28 tháng 5 năm 1871, lá cờ đỏ là biểu tượng của phong trào. Các đơn vị quân tình nguyện của phe Công xã dưới sự lãnh đạo của Louis Charles Delescluze dùng cờ nền đỏ để phân biệt với cờ ba màu của Cộng hòa Pháp.

Từ đó về sau, nền đỏ luôn được dùng làm màu cờ đại diện cho nhà nước cộng sản. Trung Cộng còn đi xa hơn khi đặt tên cho công ty chế tạo xe sang của họ là Cờ Đỏ (Hồng Kỳ).

Estoniahồi sinh

Trở lại với Estonia. Hai chính sách *Glasnost* (Cởi mở) và *Perestroika* (Cải tổ) do Mikhail Gorbachev giới thiệu vào năm 1985

đã tạo cơ hội cho nhân dân Estonia đứng lên đòi độc lập. Nhiều chương trình văn nghệ ngoài trời được tổ chức tại thủ đô Tallinn trong đó bài quốc ca bị cấm cũng đã được nhân dân tự động hát.

Trong cuộc biểu tình vào tháng 10 năm 1987 tại Voru, Estonia, quốc kỳ ba màu xanh đen trắng của Cộng hòa Estonia lần đầu tiên xuất hiện sau 69 năm vắng bóng. Trong chương trình văn nghệ được gọi là *Các ca khúc Estonia* quy tụ một phần tư dân số Estonia tham dự, được tổ chức ngày 11 tháng 9 năm 1988 và kéo dài 6 đêm liên tục. Nhiều nhạc phẩm yêu nước, trong có cả quốc ca của Cộng hòa Estonia đã được hát. Rừng cờ Cộng hòa Estonia ra đời 70 năm trước được giương cao. Các lãnh đạo độc lập Estonia chính thức công bố lời kêu gọi độc lập Estonia khỏi ách thống trị của Liên Xô. *Cách mạng Hát hùng ca* được phát động từ những ngày đêm lịch sử đó.

Gorbachev cố gắng xoa dịu phong trào độc lập và dân chủ Estonia bằng cách thay đổi thành phần cộng sản lãnh đạo ngoan cố, cứng rắn bằng một thành phần lãnh đạo ôn hòa nhưng đã quá trễ, *Cách mạng Hát hùng ca* đã trở thành cơn sóng lớn đánh sụp lâu đài cộng sản xây trên bờ cát phía đông biển Baltic.

Thời gian từ khi quốc kỳ ba màu xanh, đen, trắng của Cộng hòa Estonia chính thức ra đời 1918 cho đến ngày lá cờ này lần nữa được phất lên ở thủ đô Tallinn đúng 70 năm. Một đời người trôi qua. Tất cả các bậc cha ông khai sáng nền Cộng hòa và chọn lá quốc kỳ thiêng liêng đó làm đại diện đều đã chết theo tuổi già hay chết trong các cuộc chiến tranh phục hồi lá quốc kỳ đầy hy sinh gian khổ.

Hầu hết thanh niên, sinh viên, học sinh Estonia ở tuổi hai mươi trong các cuộc biểu tình vào những năm 1987, 1988 chưa bao giờ thấy lá cờ thiêng liêng của dân tộc Estonia trước đó lần nào.

Các em sinh ra và lớn lên dưới lá cờ đỏ cộng sản và bị nhồi sọ rằng lá cờ ba màu xanh, đen, trắng ngày xưa là sản phẩm của thực dân, đế quốc. Sinh viên học sinh Estonia được dạy chỉ có đảng Cộng sản Estonia mới là những người yêu nước và lãnh đạo chiến tranh chống phát xít Đức, còn tất cả đều theo chân phát xít và sau đó là đế quốc Mỹ, ám chỉ chính phủ Estonia lưu vong.

Nhưng dù mưa sa, bão tố suốt 70 năm, lá cờ Cộng hòa Estonia không chìm khuất trong góc tối lãng quên của con người và lịch sử. Khát vọng độc lập tự do mà lá cờ Cộng hòa chuyên chở như ánh mặt trời soi sáng, xua đi bóng đen dối trá và lọc lừa. Một dân tộc chỉ hơn một triệu dân đã đứng lên đương đầu với một đế quốc cộng sản Liên Xô mạnh gấp trăm lần ngay cả trước khi Bức tường Bá Linh sụp đổ, và cuối cùng đã chiến thắng.

Chiến thắng của văn hóa và lịch sử dân tộc

Nhiều sử gia đồng ý, chiến thắng của dân tộc Estonia là chiến thắng của niềm tin sâu xa vào lịch sử và văn hóa dân tộc. Chiến thắng đó là bài học vô giá cho những quốc gia nhỏ có nền văn hóa lâu đời nhưng phải chịu đựng âm mưu đồng hóa của đế quốc cùng biên giới và chủ nghĩa cộng sản độc tài.

Dòng lịch sử không phải chỉ chảy qua những năm tháng con người đang sống hôm nay nhưng đã bắt nguồn từ hàng ngàn năm trước và sẽ chảy cho hàng ngàn năm sau. Giống như Phạm Hồng Thái của Việt Nam, August Sabbe của Estonia cũng nhảy xuống sông tuẫn tiết. Không phải vì họ sợ hãi, không phải vì họ chỉ biết căm thù, cũng không phải vì họ can đảm hơn người khác mà chỉ vì họ mang một niềm tin quá lớn vào sự trường tồn của dân tộc họ.

SAM RAINSY LÀ AI?

Khái niệm chủ nghĩa dân tộc có từ thời cổ Hebrew gần hai ngàn năm trước Thiên chúa, qua đó, một tập thể người xác định họ khác với các tập thể người khác dựa trên các tiêu chuẩn chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, lịch sử. Có nhiều loại chủ nghĩa dân tộc và loại nguy hiểm nhất là chủ nghĩa dân tộc cực đoan (Extreme nationalism, Ultra-nationalism) trong đó một dân tộc tự nhận có đặc tính chủng tộc, văn hóa, lịch sử siêu việt vượt lên trên các dân tộc khác. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan cũng là môi trường để các chính trị gia cơ hội (1) dùng hận thù để khích động chiến tranh; và (2) khơi dậy mặc cảm dân tộc như một thủ đoạn chính trị để nắm lấy quyền lực. Một chính trị gia Cambode đang sử dụng cả hai phương pháp này, và ông ta tên là Sam Rainsy.

Sam Rainsy là ai?

Sam Rainsy sinh ngày 10 tháng 3 năm 1949 tại Nam Vang. Du học tại Pháp năm 1965. Tốt nghiệp nhiều bằng cấp về tài chánh. Tham gia đảng Mặt trận Đoàn kết Quốc gia vì một Cambode độc lập, trung lập, hòa bình và hợp tác, gọi tắc là Funcinpec (Front Uni National pour un Cambodge Indépendant, Neutre, Pacifique, et Coopératif) và đại diện châu Âu của đảng này.

Funcinpec được thành lập từ thời vua Norodom Sihanouk nhưng yếu dần sau khi ông hoàng xứ chùa Tháp bị tướng Lon Nol lật đổ trong vắng mặt và lưu vong. Khi Pol Pot lên cầm quyền số

đảng viên Funcinpec còn lại phần lớn bị giết. Sau khi về nước 1993, Sam Rainsy được giao chức vụ Bộ trưởng Tài chánh nhưng bị bất tín nhiệm hai năm sau đó.

Năm 1995, Sam Rainsy tự thành lập đảng riêng, đảng Quốc gia Khmer (KNP) và sau đó đổi tên thành đảng Sam Rainsy. Giữa năm 2012, đảng Sam Rainsy sáp nhập với đảng Nhân quyền do Kem Sokha lãnh đạo thành đảng Đảng Cứu nguy dân tộc Cambodia (Cambodia National Rescue Party, CNRP).

Ngày 03 tháng 02 năm 2005, Sam Rainsy tự lưu vong sau khi biết mình sắp bị truy tố với hàng loạt tội trong đó có việc tố cáo Hun Sen có can dự đến cái chết của lãnh đạo công đoàn Chea Vichea. Tuy nhiên tháng 02 năm 2006, ông ta nhận được sự khoan hồng từ vua Norodom Sihamoni theo lời yêu cầu của Hun Sen.

Sau khi trở lại Nam Vang, Sam Rainsy bị bắt vì tham gia vào việc nhổ cọc biên giới Việt - Miên.

Ngày 25 tháng 10 năm đó, Rainsy bị truy tố về tội xách động chủng tộc và hủy hoại tài sản tại tòa án tỉnh Svay Rieng. Lần nữa ông ta tự lưu vong. Tháng 9 năm 2010, Sam Rainsy bị xử vắng mặt và bị kết án 10 năm tù. Tuy nhiên tháng 7 năm 2013, vua Norodom Sihamoni, theo thỉnh cầu của Hun Sen trước áp lực quốc tế, ân xá cho Sam Rainsy và cho phép ông hồi hương.

Dòng dõi của Sam Rainsy đều hoạt động chính trị. Cha là Sam Sary trước đây là một chính trị gia và ông nội Sam Nhean, cũng thế.

Vợ của Sam Rainsy, bà Tioulong Saumura sinh ngày 09 tháng 7 năm 1950 cũng hoạt động chính trị và là lãnh đạo cao cấp của đảng Cứu nguy dân tộc Cambode. Bà được bầu vào quốc hội năm 2003. Từ 1993 đến 1995, bà từng là phụ tá Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Cambodia.

Quan điểm của Sam Rainsy đối với Trung Cộng

Sam Rainsy không phải bắt đầu là một con cờ chính trị của Trung Cộng. Tháng 5 năm 2000, Sam Rainsy đã làm Trung Cộng nổi giận khi tham dự buổi họp của Hội đồng Dân chủ Tự do Á châu (Council of Asian Liberal Democrats, CALD) tại Jakarta trong đó có đại diện đảng Dân chủ Tiến bộ Đài Loan. Vài hôm sau, ngày 20 tháng 5, Sam Rainsy đã đích thân đến Đài Bắc để tham dự lễ nhậm chức của Tổng thống Đài Loan Trần Thủy Biển mặc dù Trung Cộng đã chính thức khuyến cáo y không nên tham dự.

Các hành động này đã làm Trung Cộng tức tối, phản ứng quyết liệt và cảnh cáo Sam Rainsy rằng Trung Cộng sẽ "tiếp tục theo dõi các vi phạm của Sam Rainsy" và nhắc ông ta biết "theo đuổi các mối lợi nhỏ coi chừng sẽ mất lợi lớn".

Lời cảnh báo của Trung Cộng giúp cho Sam Rainsy hiểu rằng muốn đoạt được quyền lực từ tay Hun Sen, y cần theo đuổi chủ trương "kẻ thù của kẻ thù là bạn". Sam Rainsy chống lại mọi chính sách mà Hun Sen ủng hộ và khai thác mọi mâu thuẫn trong khu vực có lợi cho mình, đặc biệt xung đột Trung Cộng và các quốc gia Đông Nam Á.

Theo báo *The Cambodia Herald*, ngày 23 tháng 01 năm 2012, Sam Rainsy kêu gọi Quốc hội Cambodia ủng hộ quan điểm của Trung Cộng về biển Đông và thừa nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Cộng. Sam Rainsy phát biểu: "*Để bày tỏ lòng biết ơn đối với Cộng hòa Nhân nân Trung Hoa đã ủng hộ Cambodia nhiều chục năm, Cambodia phải hoàn toàn ủng hộ Trung Quốc qua chính sách Một Trung Hoa và bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia này*".

Ngày 11 tháng Giêng năm 2014 tại Siem Reap, Sam Rainsy, lãnh tụ đảng đối lập Cứu Nguy Dân Tộc Cambodia (CNRP) lần nữa

tuyên bố: "*Chúng tôi đứng về phía Trung Quốc và chúng tôi ủng hộ Trung Quốc trong việc lại chống Việt Nam về chủ quyền Biển Nam Hoa [Biển Đông]*".

Sam Rainsy đi xa hơn khi xác nhận và hãnh diện được là người Miên mang dòng dõi Hán. Ông tự nhận rằng tổ tiên ông đã di cư từ Trung Quốc sang Miên hàng 100 năm trước và cho rằng dân Miên gốc Hoa chiếm đa số trong tổng số dân Cambode.

Sam Rainsy phát biểu: "*Từ 1955, vua Norodom Sihanouk tiếp xúc lần đầu với Thủ tướng Chu Ân Lai, Cambode luôn dựa vào Trung Quốc*". Sam Rainsy cũng nhắc lại trong buổi phỏng vấn dành cho BBC: "*Chúng tôi noi gương cố Quốc vương [Norodom Sihanouk], người ngay từ những năm 1950 đã xây dựng quan hệ rất tốt với Trung Quốc. Trung Quốc là một cường quốc, không ai có thể bỏ qua. Trung Quốc là tương lai. Chúng tôi hy vọng Trung Quốc sẽ giúp Campuchia bảo vệ chủ quyền…*". Sam Rainsy lập lại câu mà Hun Sen đã dùng để nịnh Trung Cộng trước đó: "*Chúng tôi biết ơn Trung Quốc vì họ giúp chúng tôi rất nhiều mà không đòi hỏi gì ngược lại*".

Quan điểm của Sam Rainsy đối với cộng sản Việt Nam

Sam Rainsy chống cộng sản Việt Nam quyết liệt. Trên báo *Cambodia Daily*, 21 tháng 7 năm 1998, Sam Rainsy viết:"*Nếu tôi thắng cử, tôi sẽ gởi bọn bù nhìn Duôn (yuon) về nhà. Nếu đảng của Sam Rainsy thắng cử, sẽ không còn Duôn*".

Theo kết quả nghiên cứu của đề án Minorities at Risk về quan hệ Việt Miên, sự thù địch đối với người Việt trên đất Miên có từ nhiều thế kỷ nhưng bùng nổ cao điểm sau hội nghị 19 quốc gia tại Paris vào mùa hè 1989. Năm 1990, Thỏa hiệp Paris được bốn thành phần gồm chính phủ Hun Sen, Khmer Đỏ (Khieu Samphan), KPNLF (Son Sann) và nhóm Hoàng gia Sihanouk ký kết. Bốn thành phần này thành lập Hội đồng Tối cao lãnh đạo Quốc gia cho đến khi tổng tuyển cử.

Trong lúc Mỹ xác nhận tất cả lực lượng quân sự cộng sản Việt Nam đã rút khỏi Cambode, Trung Cộng và Khmer Đỏ không đồng ý và cho rằng thường dân Việt đang cư ngụ tại Miên thực ra chỉ là quân đội trá hình. Loại bỏ khối người Việt này là mục tiêu chính trong nghị trình chính trị của Sam Rainsy.

Sam Rainsy gọi người Việt nhập tịch Miên là Duôn.

Tiến sĩ David Roberts, giáo sư sử học University of Ulster, Northern Ireland tố cáo Sam Rainsy đã phân biệt chủng tộc khi gọi người Việt là Duôn (Youn). Trong một bài báo phản biện, tác giả Kenneth T. So đăng trên trang mạng của đảng Cứu nguy Dân tộc Cambodia cho rằng chữ Duôn phát âm từ chữ Yueh (Việt) mà ra.

Khieu Samphan, lãnh tụ Khmer Đỏ, là người đầu tiên dùng từ này trong văn thư gởi ông Akashi, lãnh đạo của United Nations Force tại Cambode (UNTAC).

Từ đó, Sam Rainsy tiếp tục dùng tiếng lóng này để chỉ người Việt nhập tịch Miên không chỉ trong khi nói mà cả trong các bài viết. Cứ tạm cho giải thích của Kenneth T. So là hợp lý, Sam Rainsy không thể biện hộ việc đem một cách gọi chỉ phổ biến trong dân gian vào các văn kiện quốc tế.

Trong cách nói dân gian, từ Duôn có thể không mang tính mạ lỵ, phỉ báng nặng nề nhưng khi sử dụng Duôn thay vì Việt Nam, một dân tộc mà cả thế giới đều biết và công nhận, trong các văn bản chính thức cấp chính phủ, từ Khieu Samphan cho đến Sam Rainsy đều hàm ý nhục mạ Việt Nam.

Sam Rainsy luôn tìm cách khích động các mâu thuẫn lãnh thổ và lịch sử giữa Việt Nam và Cambode.

Sam Rainsy viết trong *Cambodia Daily* tháng 10 năm 2013:"*Tất cả người dân Cambode vẫn còn nhớ số phận bi thảm của Kampuchea Krom hay dân miền Nam Cambode, gồm 21 tỉnh Khmer đã bị Việt*

Nam sáp nhập vào thế kỷ trước, với sự đồng lõa của thực dân Pháp, theo sau nhiều thập niên di dân ồ ạt. Kết quả, số người Việt đông hơn người Cambode, và theo cán cân địa lý dân số mới, như một sự kiện đã rồi, đã hợp thức hóa việc Việt Nam sáp nhập lãnh thổ Cambode. Nhân dân Cambode đang lo sợ một sự kiện đã rồi khác đang được chuẩn bị, và lần này có nghĩa là cái chết của đất mẹ Khmer".

Ba ngày trước khi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội Cambode tháng 7 năm 2013, Sam Rainsy tuyên bố:"*Tôi cảm thấy thương hại cho Khmers. Họ mất ruộng nương bởi vì Duôn luôn tràn đến và chính phủ không làm gì để bảo vệ đồng bào Khmers nhưng lại bảo vệ Duôn. Hôm nay, họ mang Duôn để bỏ phiếu cho Hun Sen, vậy thì người dân Khmers nên bỏ phiếu cho Sam Rainsy để bảo vệ lãnh thổ của chúng ta*".

Tháng 2 năm 2017, Sam Rainsy từ chức Chủ tịch đảng CNRP sau khi Hun Sen đệ trình tu chính án nghiêm cấm các người có án lãnh đạo một đảng chính trị. Sam Rainsy lần nữa lưu vong sang Pháp.

Tháng Giêng năm 2018, Sam Rainsy phát động Phong trào Cứu nguy Dân tộc (the Cambodia National Rescue Movement (CNRM)) để vận động quốc tế áp lực chế độ Hun Sen. Tháng 2, Mỹ cắt giảm một số viện trợ quân sự cho Cambode. Mặc dù trị giá tiền tệ chỉ vào khoảng 8 triệu Mỹ kim, áp lực của Mỹ đã gây tiếng vang lớn. Theo sau đó Đức cũng trì hoãn việc cấp chiếu khán nhập cảnh cho các viên chức chế độ Hun Sen.

Theo lời của Kem Ley, nhà phân tích chính trị và là Giám đốc Trung tâm Nhân quyền tại Cambode, Sam Rainsy nếu cầm quyền, cũng sẽ độc tài không kém gì Hun Sen.

CÁ NHÂN ĐỘC TÀI VÀ ĐẢNG ĐỘC TÀI

Thỉnh thoảng có một quan điểm cho rằng Việt Nam không cần dân chủ ít nhất trong vài chục năm nữa mà chỉ cần một lãnh đạo yêu nước, sáng suốt, cứng rắn có khả năng đáp ứng với nhu cầu đất nước và biến động quốc tế để tạo sự ổn định và phát triển.

Thoạt nghe, đó là một quan điểm tốt vì ổn định là cần thiết mà ổn định để phát triển đất nước lại càng cần thiết hơn. Việt Nam thật may mắn nếu có một lãnh đạo như thế để đưa đất nước tiến lên trên con đường phát triển và hiện đại hóa.

Tuy nhiên, điều kiện chính trị hiện nay cho thấy không có và không thể có một người như vậy. Việt Nam đang bị cai trị bởi một đảng độc tài toàn trị, không có một kẽ hở nào dành cho sự đóng góp đi ngược với đường lối đảng.

Tập Cận Bình cũng lý luận và chủ trương như vậy nhưng cùng lúc với phát triển kinh tế, tức cho người dân món ăn vật chất, họ Tập xóa bỏ hẳn các khao khát tinh thần mà sáu tỉ người khác ngoài lục địa Trung Quốc đang được hưởng. Con người khác con vật ở chỗ bản năng và lý trí, do đó, chủ trương của họ Tập chỉ có hiệu quả tạm thời. Biến cố Thiên An Môn bùng nổ sau mười năm Trung Cộng phát triển kinh tế vượt bực.

Trong lịch sử nhân loại có một số nhà lãnh đạo cứng rắn với mục đích tạo sự ổn định của đất nước họ trong giai đoạn rất tế nhị và chuyển tiếp như từ đế quốc sang độc lập, từ phong kiến sang cộng hòa.

Những người đó có khi trả giá rất cao cho các chính sách của họ. Nhiều người bị giết qua các cuộc đảo chính lật đổ hay ám sát như trường hợp Phác Chính Hy của Nam Hàn, Anwar Sadat của Ai Cập nhưng cũng có một số ít thành công như Sir Seretse Khama của Botswana, Lý Quang Diệu của Singapore hay Mustafa Kemal Atatürkcủa Thổ Nhĩ Kỳ.

Điểm khác căn bản đầu tiên là mục đích. Các cá nhân độc tài thường chỉ dựa vào một số chính sách ngắn hạn có tính cách mở đường thôi chứ không dựa vào một hệ thống để thực hiện mục đích muôn năm cai trị bất chấp đà phát triển của văn minh nhân loại.

Mục đích của Tổng thống Phác Chính Hy là "phát triển trước, thống nhất sau", mục đích của Tổng thống Mustafa Kemal Atatürk là "ổn định để hội nhập vào trào lưu dân chủ". Rõ ràng, mục đích của hai vị này vẫn là hướng tới dân chủ tam quyền phân lập nhưng cần một thời gian và không gian để chuẩn bị hành trang sánh vai cùng nhân loại.

Các đảng độc tài toàn trị như đảng cộng sản với các hạn chế do cơ cấu tạo ra không có và cũng không thể có một người trong đảng xứng đáng đứng ngang hàng với những nhà cải cách của Nam Hàn hay Thổ về cả lý thuyết lẫn thực tế.

Sau 1990, Trần Xuân Bách thấy được hướng đi của thế giới nhưng tiếng nói lẻ loi của ông bị cuồng phong cộng sản cuốn đi và bản thân ông bị bộ máy nghiền nát nhanh chóng. Boris Yeltsin chỉ tự do hoạt động khi ông ta rời khỏi đảng cộng sản.

Đảng độc tài cộng sản Việt Nam không phải là cá nhân mà là bộ máy, tức cơ chế chính trị. Cơ chế chính trị cộng sản Việt Nam với

mục tiêu muôn năm cai trị đã được xác định đi và khẳng định lại nhiều lần từ 1930 cho tới nay.

Mỗi khi điều kiện chính trị thế giới thay đổi và tạo nên áp lực, bộ máy chạy khác nhịp, chậm lại một chút nhưng không bao giờ ngưng chạy.

Cơ chế chính trị cộng sản giống như một động cơ có đủ các bộ phận và chức năng để bảo đảm sự hoạt động của bộ máy. Cứ thế, chỉ cần đủ xăng, đủ dầu, đủ nhớt là bộ máy chạy. Bộ máy sẽ chạy cho tới khi có một lực cản buộc nó ngừng chạy vì gây ra quá nhiều tai nạn, hay chạy cho tới khi hết xăng dầu. Trường hợp hết xăng dầu rất ít vì lúc nào cũng có một bộ phận nô dịch tình nguyện làm xăng dầu, làm phên dậu.

Các thế hệ cộng sản cai trị giống như những người được thừa hưởng đất hương hỏa của ông bà để lại, ngoại trừ làm hề và làm biếng, họ không làm gì cả, chỉ sống và thu hoạch hoa màu.

Một trong những bộ phận chính giúp bộ máy chạy từ đời này qua đời nọ là hệ thống lý luận và tuyên truyền. Đây là thanh gươm giết người không gớm tay và là bộ phận nguy hiểm nhất.

Sau 1990, ở châu Âu, nhân loại đã bừng tỉnh, các nhà sử học, các nhà thống kê có cơ hội đánh giá những thiệt hại của nền văn minh con người do ý thức hệ cộng sản gây ra. Các sử gia cũng chứng minh rằng chuyện giết người không gớm tay của các lãnh tụ cộng sản chẳng phải là tình cờ hay ngẫu nhiên, cũng chẳng phải phát xuất từ bản chất hung ác riêng của họ mà là một đặc điểm mang tính triết học trong hệ tư tưởng cộng sản và thực tế chính trị tại các quốc gia cộng sản. Lý luận cộng sản giúp cho họ ăn ngon và ngủ yên mà không bị cảm thấy lương tâm cắn rứt sau khi làm công việc giết người tập thể.

Trong thời gian qua, có người kêu gọi đảng Cộng sản Việt Nam đổi lại danh xưng cũ là đảng Lao động Việt Nam hay đặt một tên nào khác cho dễ nghe. Dù biết đó chỉ là bình mới rượu cũ nhưng đảng cũng không chấp nhận.

"Cộng sản" không chỉ là danh từ mà còn là động từ và tĩnh từ. Nó hàm chứa các đặc điểm của một cơ chế tàn bạo về hình thức lẫn nội dung, về lý luận lẫn thực tế. Giới cai trị biết rằng chỉ hai chữ "cộng sản" thôi đủ làm người dân Việt Nam mất ăn mất ngủ.

Bản thân của hai chữ "cộng sản" là một vũ khí kinh người, một mối lo sợ ám ảnh thường trực trong tâm trí người dân Việt. Do đó, việc duy trì tên đảng Cộng sản Việt Nam là cách để cảnh cáo nhân dân Việt Nam rằng nhà tù vẫn còn đó, súng đạn cũng còn đó, các biện pháp trừng phạt không thương xót, những cách trả thù ghê rợn vẫn còn đó.

Mặc dù các lãnh đạo cộng sản thuộc thế hệ 1954 còn đang cầm quyền, con cái và tay chân thân tín, trung kiên đã được đào tạo và cắt cử vào các chức vụ quan trọng trong bộ máy cai trị.

Đặc tính kế thừa trong chế độ cộng sản là một tiến trình chọn lọc hết sức tinh vi và cẩn trọng. Họ có thể tranh chấp nhau, phê bình nhau, hạ bệ và thậm chí thanh trừng nhau nhưng giữa họ vẫn có một mẫu số chung căn bản đã đồng thuận từ khi đưa tay tuyên thệ và một quyền lực phải được bảo vệ bằng mọi giá, đó là vai trò lãnh đạo tuyệt đối của đảng Cộng sản Việt Nam.

Vai trò của đảng ngày nay không chỉ đại diện cho ý thức hệ, cho quan điểm chính trị nhưng cụ thể hơn, đại diện sự giàu sang phú quý mà họ đang hưởng thụ, cho nhà cao cửa rộng mà họ đang sở hữu.

Phân tích như vậy để cùng thấy rằng, đất nước đến nay vẫn chưa có một hướng đi đích thực, hướng đi có thể dẫn đến một Việt Nam

như cường quốc kinh tế nổi bật vùng Đông Nam Á, một xã hội tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người và một nền văn hóa tươi đẹp nhờ vào các giá trị đặc thù của dân tộc đồng thời phát triển hài hòa vào dòng văn minh nhân loại.

Nói một cách khác, ngày nào cơ chế chính trị độc đảng, độc tài, độc quyền như hiện nay tại Việt Nam chưa được thay đổi ngày đó sẽ không có một hướng đi đích thực nào dành cho dân tộc Việt Nam.

Việt Nam sẽ không bao giờ trở thành hưng thịnh như Nam Hàn, Đài Loan, Mã Lai hay tương đối ổn định như Thái Lan, Philippine nếu nhân dân Việt Nam không đập vỡ được chiếc vỏ sắt đang siết chặt họ.

Đừng ngồi chờ hay hy vọng đảng cộng sản sẽ tự thay đổi. Trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế, chưa có một đảng cộng sản nào tự chuyển hóa từ độc tài toàn trị sang tam quyền phân lập để phục vụ cho quyền lợi của nhân dân.

Nhìn lại tám nước cộng sản Đông Âu, mười lăm nước "cộng hòa xã hội chủ nghĩa" thuộc Liên Xô, trong đó có ba nước vùng Baltic, cộng sản Ethiopia ở Phi châu, cộng sản Mông Cổ ở Á châu, tất cả đều sụp đổ do cách mạng dân chủ. Cách mạng có thể ôn hòa như tại Hungary, Tiệp Khắc hay đẫm máu như tại Romania, tùy thuộc vào áp lực của nhân dân hay mức độ ngoan cố của giới cầm quyền, nhưng đều là cách mạng.

Mikhail Gorbachev được xem như là người đã mang tự do dân chủ đến cho các nước "cộng hòa xã hội chủ nghĩa" thuộc Liên Xô, nhưng đừng quên ông đã áp dụng nhiều cách vẫn không cứu được đảng. Chiều ngày 25 tháng 12 năm 1991, Mikhail Gorbachev từ chức chủ tịch Liên Xô giữa sự thờ ơ của đa số dân Nga và các nước trong khối Liên Xô. Bởi vì cách mạng dân chủ đã diễn ra khi Boris Yeltsin đứng trên xe tăng trước Quốc hội Nga ngày 19 tháng 8 năm

1991. Lịch sử Nga đã sang trang từ hôm đó chứ không phải đợi tới ngày 25 tháng 12 năm 1991 khi Gorbachev từ chức.

Bắt đầu từ đâu?

Trước hết phải từ người đặt câu hỏi. Chỉ có những người yêu nước bằng một tình yêu trong sáng, một quan điểm chính trị dứt khoát mới làm được công việc tháo gỡ cơ chế cộng sản và đưa đất nước đi lên.

Thời đại nào và quốc gia nào cũng cần có một tập thể những người vượt qua được chính mình và thấy được nhu cầu đích thực của đất nước. Quần chúng đông đảo sẽ tự động đứng dậy đi theo.

Đừng nói chi là Việt Nam, nước Đức sản sinh ra nhiều thiên tài khoa học và văn hóa, nhưng đại đa số dân Đức thời đệ nhị thế chiến cũng đã bị bộ máy tuyên truyền Đức Quốc Xã vận dụng tâm lý dễ dàng.

Sử gia Richard Overy trong tác phẩm *The Dictators: Hitler's Germany and Stalin's Russia* đối chiếu tâm lý người dân Đức thời Hitler và Liên Sô thời Stalin, cho thấy Hilter được dân chúng Đức ủng hộ cao nhất khi Đức chiếm Paris và Stalin được dân chúng Liên Xô ca ngợi nhiều nhất trong thời kỳ Khủng bố Đỏ (Red Terror) 1936-1937. Cả hai hành động đều là tai họa của nhân loại nhưng không hẳn phản ảnh đúng trong nhận thức của người dân thường, những người dễ bị lung lạc và vận dụng.

Tại Việt Nam hôm nay, nếu ai đó lên các thôn làng vùng núi cao, xa xôi hẻo lánh mời người dân địa phương một bữa cơm thịnh soạn với cao lương mỹ vị từ nhiều nơi trên thế giới nhưng trong đó lại có một đĩa cá rô chiên dầm mắm tỏi ớt, chắc chắn họ sẽ ăn hết con cá rô chiên "ổn định" ngay và không dám đụng tới cao lương mỹ vị "dân chủ" xa lạ kia.

Gạt thành phần phên dậu qua một bên, trách nhiệm của một người Việt ý thức có khả năng hướng dẫn dư luận, do đó, đừng để chính mình rơi vào chiếc bẫy "ổn định" của đảng mà phải vạch ra cho người dân biết để họ từ bỏ thói quen vâng lời đảng, vươn qua cánh cửa hẹp của cuộc đời họ để tiếp xúc với những cái hay, cái đẹp, cái mới, vươn lên cùng nhân loại vì tương lai của họ và con cháu họ.

Con đường đạt đến dân chủ cho Việt Nam không ai nói sẽ dễ dàng hay sẽ đến nay mai mà có thể sẽ khó khăn và còn dài. Nhưng khó hay dài đều bắt đầu và tùy thuộc vào nỗ lực của mỗi người Việt Nam. Phương pháp của một người đang hoạt động trong vòng cơ chế sẽ khác với phương pháp của một người đấu tranh bên ngoài cơ chế, nhưng nếu họ có cùng mơ ước về một Việt Nam tự do dân chủ rồi một ngày họ sẽ gặp nhau. Hãy nỗ lực cho ngày đẹp trời đó.

CHÍNH SÁCH "ĐU DÂY" VÀ HẬU QUẢ

Theo dõi phản ứng của Trung Cộng trước mọi biến cố quốc tế liên quan trực tiếp đến Trung Cộng sẽ thấy các lãnh đạo đảng Cộng sản Trung Quốc từ Đặng Tiểu Bình đến Tập Cận Bình đều áp dụng một chính sách thỏa hiệp ngắn hạn để đạt mục đích dài hạn rất rõ nét trong bang giao quốc tế.

Có thể vì nắm được điểm đó, Tổng thống Philippines, Benigno Aquino Jr., tháng Giêng năm 2013, thách thức Trung Cộng trước tòa trọng tài quốc tế và thắng. Trung Cộng phản ứng như nhiều quan sát quốc tế tiên đoán, là thỏa hiệp thay vì dùng các biện pháp cứng rắn để trả đũa.

Tập Cận Bình tạm thời nuốt giận nhưng chắc chắn không quên.

Lịch sử bang giao quốc tế để lại vô số bài học về các phương pháp "thỏa hiệp", "đu dây" (tightrope diplomacy) và khi nào cần "thỏa hiệp", "đu dây" và khi nào phải dứt khoát.

Bài học Stalin ngậm đắng nuốt cay

Một buổi sáng tháng 4, 1946 bên bờ vịnh Istanbul, cả Tổng thống Ismet Inonu và Thủ tướng Sukru Saracoglu của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ, đều có mặt để chào đón chiến hạm USS Missouri.

Trong diễn văn chào mừng, Thủ tướng Sukru Saracoglu phát biểu: "*Nước Mỹ, người con yêu quý của thế giới cũ mà chúng ta đang*

sống, đang bước những bước can đảm, vững chắc trên con đường tạo ra một trật tự quốc tế hòa bình và một thế giới đoàn kết bằng việc cầm chắc ngọn cờ nhân đạo, công lý, tự do và văn minh". [Turkish Foreign Policy: International Relations, Legality and Global Reach, by Pınar Gözen Ercan].

Từ một con người cho đến một đất nước, tại một thời điểm nào đó trên hành trình phải chấp nhận những thách thức và hiểm nguy để thay đổi hướng đi.

Trong trường hợp của Thổ, chính phủ Thổ chấp nhận khả năng Stalin tấn công phủ đầu để độc chiếm Eo Biển Thổ (Turkish Straits).

Sau chuyến viếng thăm của USS Missouri, Stalin ra lệnh gia tăng sự hiện diện quân sự tại Hắc Hải nhưng không bắn một viên đạn nào và cuối cùng rút êm.

Stalin rút êm vì: (1) Eo biển Thổ là mạch máu của Thổ Nhĩ Kỳ và chính phủ Thổ sẽ làm mọi cách để bảo vệ dù phải chịu đựng hy sinh rất lớn, (2) Liên Xô năm 1946 vừa bắt đầu kế hoạch năm năm lần thứ tư khôi phục kinh tế để cạnh tranh với Mỹ, (3) về vũ khí nguyên tử Liên Xô chưa phải là đối thủ của Mỹ.

Nếu chính phủ Thổ cũng áp dụng chính sách "đu dây" giữa Anh Mỹ và Liên Sô, số phận của Eo Biển Thổ chưa biết ra sao nhưng Thổ Nhĩ Kỳ chắc chắn đã không là thành viên của NATO.

Trung Cộng năm 2018 cả ba điểm vừa nêu không khác gì Liên Sô năm 1946. Vị trí chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam cũng quan trọng như Eo Biển Thổ đối với Thổ Nhĩ Kỳ.

Giới cầm quyền cộng sản Việt Nam ngay cả còn không dám ra Đà Nẵng để bắt tay chào xã giao Bộ Chỉ huy USS Carl Vinson, nói chi là phát biểu hay cam kết.

So sánh giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam để thấy một điểm khác

nhau duy nhất, đó là quyết tâm của giới lãnh đạo hai quốc gia. Thổ dứt khoát "thay đổi để thích ứng với xu thế thời đại" và cộng sản Việt Nam tiếp tục bang giao theo kiểu "đu dây" giữa Mỹ và Trung Cộng để duy trì chế độ.

Hậu quả của chính sách "đu dây"

Đây không phải là lần đầu tiên. Phản ứng trước việc Trung Cộng đệ trình bản đồ chín đoạn lên Liên Hiệp Quốc năm 2009, tháng 8 năm 2010 Việt Nam đồng ý để hàng không mẫu hạm USS George Washington vào gần hải phận Đà Nẵng như một cách trả đũa.

Tám năm trôi qua, khuôn mặt của Biển Đông đổi khác rất nhiều.

Trung Cộng chẳng những không lùi bước mà còn tiếp tục xây dựng, không chỉ nhà cửa, dinh thự, trung tâm du lịch mà còn cả phi trường quân sự với phi đạo đủ dài cho các phi cơ chiến đấu; cùng lúc, từng bước xây dựng các đảo nhân tạo tại Biển Đông.

Nếu có một không ảnh chụp Biển Đông năm 1995 và Biển Đông năm 2017 sẽ thấy khác nhau rất nhiều. Chính sách chuột đồng của Trung Cộng không hề thay đổi. Họ tiếp tục gặm nhắm từng phần cho đến hết và đặt thế giới vào chuyện đã rồi.

Trong lúc đó cộng sản Việt Nam tiếp tục "đu dây".

Cộng sản Việt Nam được gì giữa hai lần thăm viếng của hai hàng không mẫu hạm Mỹ, USS George Washington 2010 và USS Carl Vison 2018, ngoài những nhún nhường và lùi dần trước những lấn áp, răn đe của Trung Cộng?

Một lãnh tụ cộng sản đã từng áp dụng chính sách đối ngoại "đu dây" trong Chiến tranh Lạnh là Josip Broz Tito của Nam Tư cũng để duy trì quyền cai trị. Các nước trong phe dân chủ Tây phương o bế Tito hơn bất cứ một lãnh đạo cộng sản nào, nhưng sau khi phong trào cộng sảnchâu Âu sụp đổ, Mỹ buông đầu dây và quốc gia này rơi

vào cuộc nội chiến mười năm đẫm máu.

Một sự kiện, ba quan điểm

Sự kiện USS Carl Vinson cho thấy có ba quan điểm nổi bật trong số những người Việt quan tâm.

Anh hay chị có thể là người ủng hộ chiến lược bao vây Trung Cộng của Mỹ, có thể là người ủng hộ chính sách của đảng cộng sản trong chủ trương "đu dây" giữa hai nước lớn, hay là người quan tâm đến nền dân chủ và thịnh vượng lâu dài cho dân tộc.

Trong ba quan điểm đó, chỉ có những ai quan tâm đến dân chủ mới là người thật sự "đặt lợi ích của người dân trong nước lên trên hết".

Bởi vì, như lịch sử các quốc gia cựu cộng sản cho thấy chỉ có dân chủ mới bảo vệ được đất nước và cũng chỉ có dân chủ mới tập trung được sức mạnh tổng hợp của dân tộc làm nền tảng cho một quốc gia dân chủ thịnh vượng lâu dài.

CUỘC ĐẤU TRANH NÀY LÀ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM!

Chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến bằng súng đạn, đã chấm dứt. Ngày nay, Việt Nam có thể vẫn là mối quan tâm cho quyền lợi của Mỹ trong vùng Thái Bình Dương, nhưng sẽ không quan trọng đến mức họ phải mang Hạm đội Thứ Bảy đến để bảo vệ hải phận Việt Nam hay chuẩn chi nhiều tỉ Mỹ kim để thay thế chế độ cộng sản độc tài đảng trị tại Việt Nam hiện nay bằng một thể chế dân chủ.

Nhiều người khi đọc tin một chiến hạm Mỹ hay hàng không mẫu hạm Mỹ đi vào khu vực tranh chấp trên Biển Đông là hồi hộp đợi chờ dường như cuộc chiến giữa Mỹ và Trung Cộng sắp bùng nổ nay mai. Họ không biết rằng trong thời đại toàn cầu hóa này không có kẻ thắng và người bại dứt khoát nào, và ngoài ra, những mâu thuẫn giữa các cường quốc chỉ mới bắt đầu còn rất lâu mới chín muồi cho xung đột võ trang.

Trong quan điểm của Mỹ, quyền tự do lưu thông trên Biển Đông và chủ quyền của các đảo đang tranh chấp là hai vấn đề chứ không phải là một. Trung Cộng biết điều đó và đã nhiều lần tuyên bố tôn trọng quyền hải hành trên Biển Đông nhưng cùng lúc lại tiếp tục quân sự hóa Hoàng Sa và các phần đã chiếm được ở Trường Sa.

Trung Cộng cũng hiểu ngoài những lời chỉ trích, đưa tàu chiến tuần tra, gởi máy bay đến chụp hình, Mỹ không thể làm gì khác hơn. Lý tưởng tự do dân chủ không phải là món quà nhân đạo mà bao giờ cũng gắn liền với quyền lợi của nước Mỹ. Dù là quốc gia đặt trên nền tảng dân chủ, lịch sử bang giao quốc tế nhiều lần cho thấy, vì quyền lợi, các chính quyền Mỹ đã bảo trợ, bao che, nuôi dưỡng những kẻ cầm quyền độc tài nhưng biết nghe lời hơn là các nhà lãnh đạo yêu nước nhưng khó bảo. Trường hợp Pinochet của Chile, Noriega của Panama, Somoza của Nicaragua, Marcos của Phi Luật Tân là vài thí dụ điển hình. Do đó, đừng ngạc nhiên khi Mỹ chấp nhận trò ngoại giao "đu dây" của cộng sản Việt Nam đến khi nào chính sách "đu dây" này còn phục vụ cho quyền lợi của Mỹ. Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Iraq dưới thời Saddam Hussein là một bằng chứng. Năm 2003, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald H. Rumsfeld là người phác họa kế hoạch tấn công Iraq nhưng năm 1983 cũng chính Donald H. Rumsfeld, với tư cách đặc sứ của Tổng thống Ronald Reagan được Saddam Hussein tiếp đón niềm nở. Hoa Kỳ nuôi dưỡng chế độ độc tài Saddam Hussein để làm đối lực với Iran cùng khối Hồi giáo cực đoan quá khích và hợp tác khai thác dầu hỏa với chế độ độc tài này. Khi bắt tay với Saddam Hussein, Donald H. Rumsfeld đã biết Iraq dùng vũ khí hóa học trong chiến tranh chống Iran và tàn sát thường dân Kurds. Hai chục năm sau, Mỹ xua quân lật đổ Saddam Hussein cũng không phải vì lòng thương xót số phận đau thương của người dân Iraq mà chỉ vì quyền lợi của nước Mỹ. Tiếng kêu trầm thống của nhân dân Tây Tạng cất lên từ hơn nửa thế kỷ qua nhưng ngoại trừ đôi lời an ủi và dăm ba lần tiếp xúc không chính thức, không một áp lực quốc tế nào cứng rắn đủ để buộc Trung Cộng ngồi vào bàn đàm phán. Tại sao? Tây Tạng nghèo khó và chẳng có tài nguyên nào để thu hút các đại công ty tư

bản. Khác với cuộc chiến trước 1975 giữa Việt Nam Cộng Hòa liên minh với khối thế giới tự do chống lại sự bành trướng của ý thức hệ cộng sản, cuộc tranh đấu ngày nay hoàn toàn là của người Việt Nam. Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam và chỉ người Việt mới biết đau khi những vùng đất của tổ tiên để lại bị Trung Cộng cướp đoạt. Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Thu Hà, Trương Minh Đức, Nguyễn Trung Tôn, Phạm Văn Trội, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Văn Túc, Trần Thị Xuân... là người Việt Nam, và chỉ người Việt mới biết đau từ vết thương của đồng bào mình đang rỉ máu trong nhà tù cộng sản. Cuộc tranh đấu mới khó khăn và cô đơn hơn nhiều so với cuộc chiến bằng súng đạn trước đây. Cuộc tranh đấu hôm nay không giới hạn bởi lằn ranh, vĩ tuyến, hiệp định; kẻ thù của nhân dân Việt Nam không phải ở bên kia sông Bến Hải mà ở bất cứ nơi nào, nhiều khi còn ở ngay trong gia đình hay thậm chí chính bản thân mình. Bên cạnh những khó khăn, cuộc tranh đấu mới có nhiều thuận lợi. Làn sóng chuyển hóa mang đặc tính thời đại đang diễn ra trên phạm vi cả nước, bắt đầu từ kinh tế và lần lượt lan sang những lãnh vực văn hóa, thông tin, giáo dục và xã hội.

Năm 1990, số người dấn thân tranh đấu còn đếm trên đầu ngón tay, hôm nay họ có mặt ở khắp ba miền. Con số có thể chưa đủ để tạo thành một lực thay đổi nhưng rõ ràng đang lớn mạnh. Giới cầm quyền cộng sản Việt Nam dùng mọi biện pháp bôi nhọ, đe dọa, bắt bớ, tù đày các thành phần dân tộc chống đối nhưng chính họ cũng phải biết không bạo lực nào ngăn chận được sự lớn mạnh âm thầm nhưng mãnh liệt của nhận thức con người. Bài học Ba Lan, Romania, Đông Đức... còn rất mới. Ngày xưa chúng ta thường tranh luận nhau, trong nước hay ngoài nước sẽ đóng vai trò chủ lực, trong nước hay ngoài nước sẽ là nhân tố chính thúc đẩy chuyến tàu dân chủ. Hôm nay, những tranh luận đó không còn cần thiết nữa.

Một vận hội mới đang mở ra, và người Việt yêu nước, dù ở đâu trên trái đất nầy cũng đều có thể đóng góp, có thể làm được hết phần mình mà không phải chen lấn nhau hay giẫm lên bước chân người khác. Con tàu phục hưng dân tộc Việt Nam còn rất rộng và đủ chỗ cho mọi người có tâm huyết, hãy bước lên để cùng đi với dân tộc và thời đại.

NHỮNG NGÀY THÁNG TỚI

Dù nói ra hay không hay dù ủng hộ ai, hầu hết người Mỹ gốc Việt khi cầm lá phiếu bầu tổng thống Mỹ đều nghĩ tới Việt Nam và hy vọng qua lá phiếu sẽ đóng góp một chút gì đó, chắc chắn là rất nhỏ, vào tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Hôm 9 tháng 11 năm 2016, người Mỹ, qua phương pháp cử tri đoàn, đã chọn Donald Trump làm tổng thống (Bà Hillary Clinton thắng phiếu phổ thông nhưng không tính). Sự kiện Donald Trump là tổng thống đã tạo ra nhiều hy vọng nơi những người ủng hộ ông ta, nhưng cùng lúc cũng tạo ra nhiều lo lắng nơi những người ủng hộ bà Hillary Clinton.

Nhắc lại, Donald Trump ứng cử với khẩu hiệu "Make America great again" (Làm cho nước Mỹ vĩ đại lần nữa). "Lần nữa" có nghĩa đã từng là một quốc gia vĩ đại trước đây nhưng hiện nay thất bại. Khẩu hiệu này mang ý nghĩa kinh tế nhiều hơn các yếu tố văn hóa, giáo dục.

Donald Trump không phải là người duy nhất dùng khẩu hiệu này mà trước đây Tổng thống Ronald Reagan cũng đã dùng để đánh bại Tổng thống Jimmy Carter khi các chính sách của ông ta đã đưa nước Mỹ vào tình trạng thất nghiệp cao, lạm phát cao, tiền lời ngân hàng cao và khủng hoảng năng lượng trầm trọng. Đó là chưa kể vấn nạn con tin còn đang bị giam giữ tại Iran.

Với hàm ý "lần nữa" cho thấy Donald Trump sẽ nghiêng về chính sách bảo vệ mậu dịch (Protectionism) như đã từng áp dụng trước Thế chiến thứ hai. Ông và các nhà kinh tế biện hộ chính sách bảo vệ mậu dịch cho rằng các cường quốc kinh tế như Trung Cộng, Nhật đã làm giàu trên sự thiệt thòi của người dân Mỹ.

Patrick Buchanan, một nhà phân tích chính trị bảo thủ nổi tiếng đã viết trong tác phẩm *Where The Right Went Wrong*: *"Sự giàu có của Trung Quốc phụ thuộc vào Mỹ. Người tiêu thụ Mỹ trách nhiệm cho 100% sự phát triển của Trung Quốc. Nếu hàng hóa Trung Quốc bị loại bỏ tại Mỹ, các nhà máy tại Trung Quốc sẽ đóng cửa, nhiều triệu người sẽ thất nghiệp, đầu tư quốc tế bị cạn kiệt và cái gọi là Trung Quốc bùng lên sẽ thành Trung Quốc xẹp xuống".*

Chính sách bảo vệ mậu dịch đặt quan hệ mậu dịch quốc tế cũng như giữa hai quốc gia trên cơ sở bình đẳng nhưng không tự do. Chính phủ dùng thuế nhập cảng để bảo vệ và kích thích kinh tế nội địa. Dĩ nhiên các nước khác cũng không để yên cho Mỹ muốn nâng thuế nhập cảng cao thấp tùy tiện mà cũng sẽ giới hạn việc đầu tư vào Mỹ và nếu thuế nhập cảng quá cao, họ sẽ phát động các cuộc chiến tranh mậu dịch (trade wars) chống lại Mỹ. Quốc gia gần nhất và sẽ dễ trở thành thù địch với Mỹ nhất là Mexico không phải vì Donald Trump đe dọa sẽ xây bức tường ngăn hai nước mà vì tổng số xe nhập cảng vào Mỹ qua ngả Mexico năm 2015 trị giá đến 74 tỉ Mỹ kim.

Còn quá sớm để hiểu các chính sách kinh tế và đối ngoại của Donald Trump, trong đó rất nhiều vấn đề ông chưa giải thích sáng tỏ. Tuy nhiên điều rõ ràng nhất ông đã đáp ứng được cơn giận của nhiều người dân Mỹ.

Giận ai? Dĩ nhiên là giận dữ trước các thất bại của chính quyền Barack Obama không phục hồi nền kinh tế Mỹ đúng mức, nhân dân Mỹ đang sống trong tình trạng bất an và hệ thống chính trị không

phục vụ cho quyền lợi đích thực của người dân mà chỉ phục vụ cho hệ thống. Donald Trump như người ngoài cuộc và người Mỹ đang cần một người ngoài cuộc lãnh đạo họ.

Một lý do tâm lý mà rất ít người dám công khai thừa nhận đó là yếu tố da màu. Bà Hillary Clinton không phải là da đen nhưng bà vẫn được xem là phe cánh của Tổng thống Barack Obama và các chính sách xã hội, giáo dục, y tế của bà chỉ là các chính sách của Tổng thống Obama nối dài, không thay đổi trong đó có đạo luật y tế nhiều tranh cãi Affordable Care Act (ACA) vẫn thường được biết qua tên Obamacare.

Do đó, không ngạc nhiên khi một Donald Trump ăn nói lung tung, không có kinh nghiệm chính trị đã đánh bại 16 ứng cử viên Cộng Hòa, trong đó có người giàu quỹ tranh cử như Jeb Bush, giàu kinh nghiệm như John Kasich hay có tài hùng biện như Marco Rubio, một cách dễ dàng trong bầu cử sơ bộ của đảng Cộng Hòa và cuối cùng đánh bại bà Hillary Clinton.

Trong ngày bầu cử tổng thống, người Mỹ biết rõ mọi thói hư tật xấu của Donald Trump nhưng vẫn bỏ phiếu cho ông ta. Bởi vì, dù nói gì đi nữa, khi đặt lên bàn cân để cân trước giờ bỏ phiếu, các quan tâm về an ninh, thuế má, phát triển kinh tế, màu da nói chung là thay đổi, đã nặng hơn cá tính và tư cách của Trump.

Việc Hillary Clinton nhắm vào tư cách hay kinh nghiệm của Donald Trump không đủ thuyết phục. Dân chủ Hoa Kỳ là một hệ thống pháp trị chứ không phải như dân Đức bầu Hitler trước Thế chiến thứ hai, muốn làm gì thì làm. Nguyên tắc đối trọng (checks and balances) giữa ba ngành được nhấn mạnh nhiều lần ngay sau khi Donald Trump đắc cử.

Trả lời báo *The Guardian*, một bà cử tri đã phát biểu: "*Tôi rời phòng phiếu trong nước mắt vì tôi không thích ông Trump chút nào.*

Tôi rất buồn vì đã bỏ phiếu cho ông ta. Tư cách, cá tính và việc thiếu kinh nghiệm của ông làm tôi lo lắng. Tôi ước gì có một chọn lựa nào khác ngoài việc ném lá phiếu vào thùng rác. Tôi biết khi đi ra nước ngoài tôi sẽ bị người ta ghét cũng do ông Trump. Tuy nhiên ông ta chỉ là bốn năm đầu tư thôi. Tôi tin tưởng nguyên tắc đối trọng (checks and balances) của quốc gia chúng tôi sẽ giúp ngăn chận các phán đoán vụng về của ông ta và không làm thiệt hại đất nước quá nhiều. Hy vọng là ông Trump sẽ không làm ảnh hưởng nhiều đến đời sống hằng ngày của tôi".

Với một tổng thống Mỹ không kinh nghiệm lãnh đạo chính quyền và đang cần phải học nhiều, chưa từng công khai bày tỏ cảm tình với lý tưởng dân chủ tại các nước độc tài như Việt Nam, nhiều người đang lo lắng những ngày tháng tới các phong trào dân chủ tại Việt Nam sẽ rất khó khăn nếu không muốn nói là sẽ bị chính giới Mỹ bỏ rơi.

Những phong trào hay tổ chức đang chuẩn bị các đề án hoạt động trong không gian và khuôn khổ của TPP (Trans-Pacific Partnership Agreement) chắc sẽ hủy bỏ vì Trump đã nói nhiều lần ông ta không đồng ý với TPP. Trung Cộng, ông tổ của chủ nghĩa cơ hội, sẽ tiếp tục bành trướng trên Biển Đông mà không bị cản trở mạnh. Cộng sản Việt Nam sẽ thẳng tay đàn áp các phong trào dân chủ nhưng sẽ không được quốc tế quan tâm can thiệp… và…

Những lo lắng đó đều chính đáng nhưng cũng chỉ là những điều lo lắng.

Theo truyền thống, chính sách đối ngoại và nhân quyền của các chính phủ Hoa Kỳ dù Cộng Hòa hay Dân Chủ chỉ thay đổi trong phương pháp áp dụng nhưng không thay đổi về nguyên tắc. Nước Mỹ không chỉ là cường quốc kinh tế mà còn là cường quốc dân chủ và các giá trị tự do nhân quyền luôn là kim chỉ nam cho các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Tổng thống Ronald Reagan cứng rắn

hơn vị tổng thống tiền nhiệm Jimmy Carter chủ trương đàm phán nhưng cả hai đều theo đuổi lý tưởng bảo vệ nền dân chủ và quyền lợi của Mỹ.

Bảo thủ không đồng nghĩa với tự cô lập để rồi tự diệt. Chính phủ Donald Trump sẽ phải áp dụng một chính sách cứng rắn và có thể còn cứng rắn hơn cả George W. Bush và Barack Obama để bảo vệ quyền lợi của Hoa Kỳ trên Biển Đông. Một số phụ tá thân cận của Trump đã phê bình Tổng thống Obama không đủ cứng rắn đối với Trung Cộng.

Các nhà phân tích cho rằng một cuộc chiến tranh mậu dịch có khả năng cao sẽ bùng nổ giữa Mỹ và Trung Cộng. Nếu điều đó xảy ra, sẽ có lợi cho các nước nhỏ trong vùng vì Trung Cộng buộc phải thỏa hiệp để tập trung cứu vãn kinh tế và đương đầu với Mỹ.

Không nên quá lo lắng những gì ngoài tầm tay với. Điều đáng lo lắng nhất là liệu những người Việt quan tâm đến tự do, dân chủ của đất nước có tầm nhìn, nhận thức và khả năng để vận dụng các chính sách của chính phủ Trump tại Á châu nói chung và đối với Trung Cộng nói riêng có lợi cho cuộc đấu tranh dân chủ tại Việt Nam.

Năm 1990, bác sĩ Nguyễn Đan Quế gieo hạt mầm dân chủ bằng «Lời Kêu gọi của Cao trào Nhân Bản" tại Sài Gòn. Khi công bố lá thư, bác sĩ Quế chắc không quan tâm tổng thống Mỹ là ai. Hai mươi sáu năm sau, qua bao nhiêu bão táp phong ba, hạt mầm đó chẳng những không chết mà đã thành cây ngày một xanh tươi và cao lớn. Hôm nay, Việt Nam có hàng trăm phong trào xã hội hoạt động rộng khắp. Ngọn đèn chính nghĩa mỗi ngày một sáng thêm và bóng tối độc tài một ngày thêm mờ nhạt. Con đường có thể còn dài nhưng mục tiêu dân chủ và nhân bản chưa bao giờ thấy rõ hơn hôm nay.

Cuộc đấu tranh của dân tộc Miến Điện là một ví dụ. Trong cùng tuần lễ này năm 2015, cuộc bầu cử Quốc hội Miến Điện được tổ

chức và đảng Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ (National League for Democracy) của bà Aung San Suu Kyi thắng lớn. Kết quả bầu cử tốt đẹp kia chính là những bông hoa được tưới bằng máu của nhiều thế hệ Miến đổ xuống trong suốt mấy mươi năm. Phần lớn trong thời gian đó, các anh hùng dân chủ Miến đấu tranh trong cô đơn, chết trong âm thầm không quốc tế nào để ý.

Việt Nam cũng thế. Dân chủ là một tiến trình chứ không phải là một sản phẩm được đóng thùng gởi từ nước Mỹ. George W. Bush, Barack Obama hay Donald Trump đều không thể mang dân chủ đến cho Việt Nam mà chỉ có người Việt Nam mới có thể tạo nên nền dân chủ cho dân tộc mình.

Bức tường độc tài chuyên chính tại Việt Nam không sụp đổ bằng những cái búa hy vọng sẽ mượn được của nước ngoài mà bằng những bàn tay nhỏ tiếp tục và kiên nhẫn xoi mòn chế độ.

MAO VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, quan điểm chính trị và quân sự của Mao Trạch Đông thay đổi nhiều lần. Từ một Mao chủ hòa sau Hiệp định Geneva 1954 trở thành một Mao chủ chiến trong giai đoạn đầu của cuộc chiến vào thập niên 1960 và lần nữa trở về với Mao chủ hòa sau Thông cáo chung Thượng Hải ngày 27 tháng 02 năm 1972.

Mao và lý luận "chiến tranh giải phóng dân tộc"

Phát xuất từ quan điểm cố hữu "lấy nông thôn bao vây thành thị" và cũng vì không đủ khả năng để trực tiếp đương đầu với Mỹ, Mao chủ trương gây khó khăn cho Mỹ, kẻ thù chính của Trung Cộng trong giai đoạn từ 1949 đến 1972, qua hình thức chiến tranh cách mạng tại bất cứ quốc gia nào Mỹ đang có quyền lợi hay có thể tạo ảnh hưởng.

Trong dịp tiếp phái đoàn báo chí Chile ngày 23 tháng 6 năm 1964, Mao tuyên bố*: "Chúng tôi chống chiến tranh, nhưng chúng tôi ủng hộ các cuộc chiến chống chủ nghĩa đế quốc do các dân tộc bị áp bức phát động*". Từ Phi châu, Nam Mỹ và Á châu, Mao tích cực yểm trợ võ khí và cơ sở lý luận cho các phong trào được gọi là "giải phóng dân tộc", chống "đế quốc thực dân". Các phong trào Maoist lan rộng khắp nơi, từ Nepal bên rặng Hy Mã Lạp Sơn ở Á châu cho đến tận những cánh đồng ở Ecuador, Nam Mỹ.

Trong mắt Mao, ba "anh hùng" được xem là những lãnh tụ tiêu biểu của phong trào "giải phóng dân tộc" là Hồ Chí Minh tại Á châu, Fidel Castro tại Nam Mỹ và Ben Bella tại Phi châu. Trong số ba "anh hùng" đó, Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam vì lý do ý thức hệ và địa lý chính trị, được Mao quan tâm nhất và bằng mọi giá phải nắm chặt trong tay.

Vào cuối thập niên 1960, hầu hết các nước thuộc địa đã được trao trả quyền độc lập hoàn toàn hay độc lập trong khuôn khổ thịnh vượng chung.

Hai trong số ba nước tiên phong gồm Algeria và Cu Ba nghiêng về phía Liên Xô, Mao chỉ còn lại một đàn em trung thành duy nhất ở Á châu là cộng sản Bắc Việt. Mao tìm mọi cách để kiểm soát cộng sản Việt Nam về mọi mặt từ giáo dục tuyên truyền, đường lối cho đến kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mao và quan điểm về chiến tranh Việt Nam

- Sau Hiệp định Geneva 1954 đến 1964:

Trung Cộng là nguồn cung cấp duy nhất cho cộng sản Bắc Việt, không chỉ từ chén cơm manh áo mà cả lý luận tư tưởng. Nói chung đời sống từ vật chất đến tinh thần của đảng Cộng sản Việt Nam lệ thuộc sâu xa vào đảng Cộng sản Trung Quốc. Khắp miền Bắc, từ công sở đến gia đình, hình ảnh của Mao được đặt trên mức linh thiêng. Hồ Chí Minh đã thi hành một cách nghiêm chỉnh hầu hết các mệnh lệnh đầy tai họa từ Mao và các chính sách phi nhân này đã dẫn đến cái chết oan uổng của nhiều trăm ngàn người dân Việt Nam vô tội qua các chiến dịch Cải cách Ruộng đất.

- Từ 1964 đến 1965:

Cuối năm 1964, Hồ Chí Minh chủ trương cân bằng ảnh hưởng giữa Liên Xô và Trung Cộng mong nhận được viện trợ của cả hai

để theo đuổi mục tiêu cộng sản hóa toàn cõi Việt Nam. Điều này làm Mao lo lắng. Mao sai Đặng Tiểu Bình, lúc đó là Tổng Bí thư đảng Cộng sản Trung Quốc, bí mật thăm Hà Nội và hứa viện trợ Hà Nội một tỉ yuan nếu Hà Nội từ chối viện trợ của Liên Xô. Ngoài ra, Mao cũng cứng rắn chống lại mọi sáng kiến chấm dứt chiến tranh Việt Nam bằng phương tiện đàm phán. Mao nói thẳng với Kosygin, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, trong chuyến viếng thăm Bắc Kinh ngày 11 tháng 02 năm 1965: *"Liên Xô không được dùng Việt Nam để mặc cả với Mỹ"*. Mao cũng từ chối đề nghị của Liên Xô về một phiên họp thượng đỉnh giữa ba đảng cộng sản để thảo luận về đường lối chiến tranh Việt Nam. Mao xem đảng Cộng sản Việt Nam chẳng khác gì một xứ bộ của đảng Cộng sản Trung Quốc.

- Từ 1965 đến 1972:

Khi chiến tranh Việt Nam gia tăng cường độ, Lê Duẩn, trưởng phái đoàn đại diện đảng Cộng sản Việt Nam, trong chuyến viếng thăm Trung Cộng tháng 4 năm 1965, đã chính thức yêu cầu Mao gởi quân sang Việt Nam. Đáp lại lời thỉnh cầu của Lê Duẩn, Mao gia tăng hàng loạt viện trợ quân sự cho cộng sản Bắc Việt. Tháng 6 năm 1965, các sư đoàn Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc tiến vào miền Bắc Việt Nam. Đến tháng 3 năm 1968, tổng số quân Trung Cộng có mặt tại miền Bắc là 320 ngàn quân với tất cả phương tiện yểm trợ và trang bị vũ khí đầy đủ.

Các cuộc dội bom ồ ạt của Mỹ lên miền Bắc gây tổn hại trầm trọng trong mọi lãnh vực kinh tế, quốc phòng của cộng sản Bắc Việt. Cùng lúc đó, Liên Xô, các nước cộng sản Đông Âu và đồng minh của Mỹ Tây Âu khuyến khích cộng sản Bắc Việt và Mỹ ngồi vào bàn hội nghị để tìm cách giải quyết chiến tranh Việt Nam. Cộng sản Bắc Việt đồng ý. Chủ trương của cộng sản Bắc Việt lúc đó là vừa đánh vừa đàm để tận dụng mọi cơ hội có lợi nhất cho mục đích tối hậu cộng sản hóa Việt Nam và đồng thời dùng bàn hội nghị để mặc

cả Mỹ giảm mức độ ném bom. Ngoài ra, Hồ Chí Minh lo ngại Mỹ sẽ tăng cường thêm 100 ngàn quân tại miền Nam như y đã trao đổi với Mao vào tháng 6 năm 1965.

Mao thì khác. Mao chống đối phương pháp thương thuyết và chủ trương kéo dài chiến tranh càng lâu càng tốt. Chủ trương kéo dài chiến tranh của Mao phát xuất từ ba lý do: (1) Mao muốn tiếp tục làm tiêu hao năng lực của Mỹ; (2) Chứng tỏ vai trò của Mao trong "thế giới thứ ba"; (3) Dùng chiêu bài "chống đế quốc xâm lược" để củng cố vai trò cai trị của Mao tại lục địa Trung Quốc.

- Thông Cáo chung Thượng Hải 1972 đến 30/4/1975:

Quan hệ giữa Trung Cộng và Liên Xô ngày càng xấu và khó có cơ hội hòa giải giữa hai nước cộng sản hàng đầu. Chỉ riêng năm 1969, đã có tới 400 vụ đụng độ dọc biên giới. Đáp lại ý định rút lui khỏi Việt Nam của Tổng thống Richard Nixon, Mao nghĩ đã đến lúc phải bắt tay với Mỹ để tránh bị bao vây cả hai mặt bằng hai kẻ thù mạnh nhất nhì trên thế giới. Sau chuyến viếng thăm Trung Cộng của Tổng thống Richard Nixon cuối tháng 02 năm 1972, tới phiên Mao cổ võ cho một giải pháp hòa bình mà trước đó không lâu ông ta đã chống lại.

Mao và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam

- Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam:

Hôm nay cả thế giới đều biết những tổ chức được gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam hay Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đều chỉ là các bộ phận thuộc đảng bộ miền Nam do Trung ương Cục miền Nam, tên mới của Xứ ủy Nam Kỳ thuộc đảng Lao động (đảng Cộng sản).

Tổ chức gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) hay thường được gọi tắt là Mặt trận Giải phóng miền Nam được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 1960 với mục

đích: *"Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ; thành lập một chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hòa bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới"*.

Bí thư Trung ương Cục đầu tiên là Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị đảng Lao động Việt Nam. Tháng 10 năm 1964, nhu cầu quân sự gia tăng, Nguyễn Chí Thanh được điều vào Nam làm Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Quân ủy Miền. Từ 1967 đến 1975, Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự kiểm soát của Phạm Hùng, Ủy viên Bộ chính trị kiêm Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam.

Đầu năm 1961, "uân Giải phóng miền Nam Việt Nam"được Trung ương Cục miền Nam thành lập. Dù chỉ trên danh nghĩa, "quân giải phóng" này lẽ ra phải trực thuộc MTDTGPMNVN, tuy nhiên, theo nội dung chỉ thị của Tổng Quân ủy cộng sản Việt Nam tháng 01 năm 1961 nhấn mạnh: *"Quân giải phóng miền Nam Việt Nam là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Đảng sáng lập và xây dựng, giáo dục và lãnh đạo"*.

Đáp ứng nhu cầu tạo thế đối trọng với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, ngày 8 tháng 6 năm 1969, Trung ương Cục thành lập thêm một tổ chức mới gọi là Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Huỳnh Tấn Phát, đảng viên cộng sản từ thời 1945, làm Chủ tịch và Nguyễn Thị Bình làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Nhân dịp đánh dấu 40 năm Hiệp định Paris 1973, các cơ quan tuyên truyền của đảng ca ngợi bà Bình là "nhà ngoại giao sáng tạo linh hoạt." Điều đó không đúng. Về nguyên tắc lãnh đạo, vai trò của

Chính phủ Lâm thời trong đó có Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Nguyễn Thị Bình chỉ là mặt nổi đối ngoại, tất cả lời ăn tiếng nói của bà đều được chỉ thị từ đảng ủy bên trong, đứng đầu là Lê Đức Thọ. Chắc bà Bình cũng phải thừa nhận, dưới sự cai trị của đảng cộng sản, mọi "sáng tạo linh hoạt" cá nhân là những điều cấm kỵ.

Dù sao, trước 1975, nhờ che đậy dưới mục đích rất nhân bản và lương thiện *"dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hoà bình, thi hành chính sách trung lập"*, MTDTGPMNVN đã thu hút khá đông "trí thức" miền Nam về phía họ và nhanh chóng làm suy yếu cơ chế chính trị dân chủ còn rất non trẻ ở miền Nam.

- Mao ve vãn hàng ngũ lãnh đạo Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam:

Không ai hiểu con bằng cha mẹ, tác giả của sách vở mà cộng sản Việt Nam dùng là của Mao và đường lối cộng sản Việt Nam dùng cũng là của Mao đã từng áp dụng tại Trung Quốc như trường hợp Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc, gọi tắt là Chính Hiệp sau 1949. Chủ tịch của các Hiệp Chính này không ai khác hơn là những lãnh đạo tối cao của đảng. Mao Trạch Đông, chủ tịch khóa I (1949 - 1954), Chu Ân Lai, khóa II, III, IV (1954 - 1976), Đặng Tiểu Bình, khóa V (1978 -1983) Đặng Dĩnh Siêu, khóa VI (1983 - 1988), Lý Tiên Niệm, khóa VII (1988 - 1992)…

Qua kinh nghiệm tại Trung Quốc, Mao biết dù sao vẫn còn tồn tại một thành phần ngây thơ trong hàng ngũ MTDTGPMNVN nên sau Thông cáo chung Thượng Hải, Mao tìm cách khai thác và ve vãn hàng ngũ này. Điều Mao dự đoán không sai nhưng không đủ thế và lực để tạo ra ảnh hưởng lớn. Sau 1975 các thành phần ngây thơ này tập trung dưới hình thức Câu Lạc bộ Kháng chiến cũ và nhiều trong số họ đã bị bắt.

Mao tiếp Nguyễn Thị Bình tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 02 năm 1972 và nói với bà Bình: *"Chúng ta thuộc vào một gia đình. Bắc Việt, Nam Việt, Đông Dương, Triều Tiên cùng một gia đình và chúng ta ủng hộ lẫn nhau. Nếu các bạn thành công tại Hội nghị Paris, không chỉ Nam Việt mà Bắc Việt cũng đạt đến mức bình thường hóa với Mỹ ở mức độ nào đó".*

Tháng 11 năm 1973, Nguyễn Hữu Thọ và phái đoàn MTDTGPMNVN thăm Bắc Kinh. Phái đoàn của y được Mao tiếp đón nồng nhiệt và hứa các khoản viện trợ không hoàn trả. Các thành viên trong phái đoàn MTDTGPMNVN ngạc nhiên trước cách đối xử khác biệt của Mao. Trương Như Tảng, Bộ trưởng Bộ Tư Pháp của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam kể lại trong vài ngày đầu thăm viếng Bắc Kinh, giới cầm quyền tại Bắc Kinh tưởng Trương Như Tảng là người của Việt Nam dân chủ cộng hòa nên tỏ ra lạnh nhạt, nhưng khi biết y là thành phần của phái đoàn Nguyễn Hữu Thọ, họ đã trở nên niềm nở.

- Mao và chủ trương hai nước cộng sản Việt Nam:

Chiều ngày 11 tháng 8 năm 1975, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc Daniel P. Moynihan, hai lần đưa tay phủ quyết đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc của cả Việt Nam dân chủ cộng hòa lẫn Cộng hòa miền Nam Việt Nam sau khi đơn gia nhập của Nam Hàn bị bác bỏ tuần trước đó.

Với cộng sản Việt Nam, việc hai cộng sản Việt Nam cùng tham gia vào Liên Hiệp Quốc chỉ là một chiến thuật đối ngoại về mặt nhà nước, nhằm "hợp thức hóa" việc cưỡng chiếm miền Nam của Việt Nam dân chủ cộng hòa và gia tăng áp lực buộc Hoa Kỳ phải viện trợ để "tái thiết Việt Nam". Về mặt đảng, chỉ một đảng Cộng sản Việt Nam mà thôi.

Mao biết khuynh hướng thân Liên Xô trong giới cầm quyền cộng sản Việt Nam và hy vọng cộng sản Việt Nam tại miền Nam hay gốc miền Nam sẽ có một khuynh hướng khác. Những ve vãn của Mao đối với MTDTGPMNVN cũng chỉ là hành động "còn nước còn tát."

Bắt được ý định đó, Hoa Kỳ đưa ra một "giải pháp trọn gói" tức cả bốn nước Đông Nam Á gồm Bắc Hàn, Nam Hàn, Bắc Việt, Nam Việt cùng vào Liên Hiệp Quốc. Trung Cộng không chấp nhận. Mao, vào thời gian đó, sức khỏe yếu dần, nhưng đã đóng vai trò quyết định trong "giải pháp trọn gói" của Mỹ.

Mao, khi ủng hộ chủ trương hai Việt Nam không phải phát xuất từ lòng thương xót Việt Nam Cộng Hòa hay người dân miền Nam mà chỉ muốn tiếp tục chi phối chính trị Việt Nam qua vai trò của Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên để trả giá cho chính sách đó bằng việc chấp nhận Nam Hàn vào Liên Hiệp Quốc, Mao cho rằng không tương xứng. Vì Mao không đồng ý "giải pháp trọn gói" tức cả bốn nước cùng vào Liên Hiệp Quốc nên chiều ngày 11 tháng 8 năm 1975, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc Daniel P. Moynihan Mỹ phủ quyết cộng sản Bắc Việt và cộng sản Nam Việt.

Tìm hiểu quan điểm của Mao qua các giai đoạn của cuộc chiến để thấy phía sau những khẩu hiệu tuyên truyền đường mật, dã tâm của Mao vẫn là khống chế Việt Nam bằng mọi cách.

Tập Cận Bình hãnh diện là truyền nhân của Mao, do đó, đọc lại Mao để có thể đo lường những bước đi tới của họ Tập. Ngoài các đặc điểm kế thừa từ Mao, Tập Cận Bình còn đi xa hơn khi tham vọng bành trướng cả Á châu. Cộng sản Việt Nam ngày nay không còn chọn lựa nào khác hơn là quy phục Trung Cộng để tiếp tục tồn tại và duy trì quyền cai trị đất nước. Chọn lựa duy nhất của các tầng lớp người Việt Nam yêu nước hiện nay là đóng góp hết sức mình vào cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam. Dân chủ hóa Việt Nam là

phương cách "thoát Trung" đúng đắn và phù hợp với sự phát triển văn minh thời đại nhất. Mục tiêu đầu tiên trong tiến trình dân chủ hóa là tháo gỡ cho được cơ chế chính trị xã hội độc tài cộng sản hiện nay.

Tham khảo:

- Discussion between Mao Zedong and Nguyen Thi Binh. (1972, December 29). *http://digitalarchive.wilsoncenter.org/document/113114.*

- Foot, R., Gaddis, J., Hurrell, A. (2003). Order and Justice in International Relations. *Oxford Scholarship Online.*

- Kuisong, Y. (2002). *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War, 1949 - 1973*. Woodrow Wilson International Center for Scholars.

- Zhai, Q. (2002). *China & The Vietnam Wars, 1950 - 1975*. University of North Carolina Press.

- Ladley, E. (2007) *Balancing Act: How Nixon Went to China and Remained a Conservative*. iUniverse Inc.

- Trương Quảng Hoa. *Hồi kí cố vấn Trung Quốc.* Diendan.org.

- Jian, C. (1995). China's Involvement in the Vietnam War, 1964-69. The China Quar.

NHÌN LẠI CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Thỉnh thoảng tôi đọc trong internet một vài lá thư có nội dung bày tỏ thái độ không đồng ý đối với một số chính sách của đảng và nhà nước, được gởi ra từ trong nước. Các tác giả của những lá thư đó tuy khác nhau ở tên họ, địa chỉ, nhưng chung dưới một tên gọi là "các cựu chiến binh lão thành".

Những lá thư như thế chắc không phải được viết bằng máy vi tính hiện đại như tôi đang sử dụng mà có lẽ bằng những cây viết có ruột cao su mềm, bơm mực bằng tay được cất giữ kỹ lưỡng từ lâu lắm. Nhìn vào tên tuổi và chức vụ, tôi biết các cụ thuộc thế hệ Điện Biên và không ít là người của thời mùa Thu 1945 còn lại. Địa chỉ của các cụ tuy khác nhau nhưng giống như lá thư tập thể, phần đông sống trong các khu nhà cũng có tên chung là Khu tập thể.

Trong suốt bảy, tám mươi năm của đời mình, các cụ sống, làm việc và được rèn luyện để thừa hành chỉ thị của cấp trên chứ không quen đặt vấn đề, các cụ tập chịu đựng đau đớn chứ không được phép rên la. Và vì thế, viết một lá thư đã là một việc khó khăn, gởi lá thư đó đến các cấp đảng và nhà nước trung ương là một can đảm chưa từng nghĩ đến và phổ biến lá thư rộng rãi ngoài quần chúng quả thật là một hành động phi thường.

So với việc ôm ngọn tầm vông vót nhọn lao vào phòng tuyến thực dân trong những ngày còn trai trẻ, hành động viết lá thư gởi lên trung ương đảng ngày nay có thể còn nguy hiểm hơn nhiều.

Những kẻ mà các cụ lo sợ sẽ trả thù, gièm pha, nghi kỵ không phải bọn thực dân mắt xanh, mũi lõ dễ phân biệt mà là những người cùng tổ chức, cùng đảng, cùng gọi nhau là đồng chí và ngay cả những kẻ còn thuộc hàng con cháu các cụ.

Tôi hình dung cái đêm các cụ tập trung nhau ở nhà một người nào đó trong nhóm để thảo lá thư, chắc phải bí mật, hồi hộp hơn cả giờ ra trận và xúc động hơn cả đêm cuối cùng bên cạnh vợ con trước ngày lên đường đi Lai Châu, Hà Nam, Hà Bắc không biết có ngày trở lại, của mấy chục năm về trước.

Các cụ lo sợ là phải.

Những kẻ mà các cụ chống đối ngày nay, không những biết rõ nơi ăn chốn ở mà còn là người quyết định các chỉ tiêu lương thực, thực phẩm, tiền hưu trí, phụ cấp nhà ở của các cụ. Những kẻ đó không những nắm quyền sinh sát cho đoạn đời ngắn ngủi còn lại của các cụ mà cũng có luôn cả quyền xóa bỏ quá khứ mà các cụ vô cùng trân quý.

Tôi nghĩ đến các cụ và thương các cụ rất nhiều. Không phải sau khi đọc những lá thư được gởi từ các khu nhà tập thể, không phải sau khi đã ra được nước ngoài mà ngay cả từ thời mới lớn tại miền Nam trước 1975, hình ảnh các cụ vẫn rất đẹp trong lòng tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ tất cả những người Việt Nam sống bên kia sông Bến Hải là cộng sản, trái lại tin rằng ẩn khuất sau đám mây đen độc tài đảng trị đó vẫn có những tấm gương sáng của lòng yêu nước chân thành.

Dân tộc nào trên thế giới cũng yêu thương và gắn bó với đất nước của họ, nhưng tôi vẫn có một niềm tin chủ quan rằng con người Việt Nam nặng lòng với quê hương đất nước nhiều hơn các giống dân khác. Bởi vì không có một đất nước nào, ở đó, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi con đường đã được gìn giữ bằng một giá

đắt như ông bà chúng ta đã phải hy sinh trong suốt dòng lịch sử.

Những ngày còn ở trung học, tôi thuộc lòng bài thơ "Nhà tôi" của Yên Thao và "Bên kia sông Đuống" của Hoàng Cầm. Cả hai bài thơ được đăng trong tạp chí *Bách khoa* ở Sài Gòn, trong đó có những câu làm tôi rơi nước mắt:

Đêm buông xuống dòng sông Đuống

- Con là ai? Con ở đâu về?

Hé một cánh liếp

- Con vào đây bốn phía tường che

Lửa đèn leo lét soi tình mẹ

Khuôn mặt bừng lên như dựng giăng

Ngậm ngùi tóc trắng đang thầm kể

Những chuyện muôn đời không nói năng.

(*Bên kia sông Đuống* - Hoàng Cầm)

hay là:

Đêm nay tôi trở về lành lạnh

Sông sâu buồn lấp lánh sao lưa thưa

Ống quần nâu đã vá mụn giang hồ

Chắp tay súng tôi mơ về Nguyễn Huệ

Làng tôi đấy bên trại thù quạnh quẽ

Nằm im lìm như một nắm mồ ma

Có còn không! Em hỡi một mẹ già?

Những người thân yêu khóc buổi tôi xa.

(*Nhà tôi* - Yên Thao)

Tôi thường tự nhủ, nếu được sinh ra cùng thời với các cụ và có đủ can đảm, con đường đẹp nhất mà tôi chọn có lẽ cũng là con đường mà các cụ đã đi:

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

(Đất nước - Nguyễn Đình Thi)

Sau 1975, nghe bài hát "Tấm áo chiến sĩ mẹ vá năm xưa" của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý viết để nhắc nhở những gian lao thời chống Pháp, tôi cũng vô cùng cảm động: "*Tấm áo ấy bấy lâu nay con quý hơn cơm gạo, người mẹ nghèo trong áo rách, áo rách nên thương, áo rách nên thương, các con ra đi đã mấy chiến trường, mang theo cả tình thương của mẹ*".

Trong hình ảnh nghèo nàn, đau xót đó đã toát lên một vẻ đẹp thiêng liêng của tình mẹ và tình đất nước.

Trong một buổi thảo luận với các bạn trẻ, tình cờ trùng hợp với thời gian Việt Nam đang kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ, một bạn đã hỏi cảm tưởng của tôi đối với những người ngã xuống trên phòng tuyến Điện Biên Phủ trên đường tấn công vào sào huyệt của tướng De Castries. Tôi đã trả lời người bạn trẻ rằng tôi rất có cảm tình và kính trọng những người chết trên đường đánh vào bộ chỉ huy của tướng De Catries.

Trả lời như vậy không phải vì tôi chưa suy nghĩ kỹ. Thật ra, từ khi biết nghĩ về đất nước, tôi đã suy nghĩ về cái chết của những người Việt Nam đó rất nhiều.

Khi nói cảm tình với những người chết khi tấn công vào Điện Biên Phủ không phải tôi không biết rằng trong thời điểm đó đã có mặt một chính phủ khác, hình thành như kết quả của Hiệp ước Hạ Long 1948 và sau đó trong hiệp ước ký kết tại điện Élysée giữa Bảo

Đại và Tổng thống Pháp Vincent Auriol năm 1949. Theo nội dung chính của cả hai hiệp ước, Pháp công nhận "nền độc lập" của Việt Nam. Thật ra, đó chỉ là chiếc bánh vẽ mà dân Việt Nam chẳng thể nào ăn được. Sử gia Phạm Văn Sơn ở miền Nam đã viết trong *Việt sử toàn thư*: "*Nhưng sau 80 năm sống dưới quyền Pháp, nhân dân Việt Nam đã hiểu rõ người Pháp quá nhiều, lại nhìn vào Bảo Đại và thành phần chính của chính phủ Bảo Đại, nhân dân cũng hết tin tưởng, vì vậy mà cây bài quốc gia tức cây bài Bảo Đại không có hiệu quả*".

Là một sĩ quan cấp đại tá, phụ trách phòng Quân sử thuộc Bộ Tổng Tham mưu quân đội Việt Nam Cộng Hòa, lẽ ra ông phải viết khác đi cho thích hợp với bối cảnh chính trị Việt Nam sau Hiệp định Geneva, nhưng không, sử gia Phạm Văn Sơn đã có một cái nhìn sáng suốt. Ông viết từ trái tim yêu nước và viết cho hàng trăm năm sau chứ không phải để thỏa mãn các nhu cầu chính trị nhất thời.

Đại tá Phạm Văn Sơn, người đã chết trong trại tù Vĩnh Phú năm 1980, đã ví các nỗ lực của thực dân nhằm tiêu diệt lòng yêu nước bền bỉ của nhân dân Việt Nam chẳng khác gì là việc "cầm dao chém nước", chẳng thể nào chẻ được lòng yêu nước của người Việt Nam.

Khi nói cảm tình với những người lính chết trên đường tấn công vào Điện Biên Phủ, không có nghĩa tôi không biết rằng ông Hồ Chí Minh là một cán bộ của Đệ tam Quốc tế Cộng sản và những người lãnh đạo phong trào Việt Minh phần lớn là đảng viên cao cấp của đảng Cộng sản Đông Dương.

Lenin đã khẳng định cuộc cách mạng chống thực dân là một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới và cũng chính Lenin cho rằng các nước thuộc địa lạc hậu có khả năng nhảy vọt lên chủ nghĩa xã hội mà không cần thông qua giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Ngay từ ngày thành lập đảng Cộng

sản Đông Dương, tư tưởng đó luôn luôn là tư tưởng chỉ đạo cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam.

Tôi kính trọng và quý mến những người đã ngã xuống, đơn giản bởi vì họ là những người yêu nước.

Tình yêu họ dành cho nơi chôn nhau cắt rốn là một tình yêu thuần khiết và vô cùng trong sáng. Lòng yêu nước của họ không nhập từ đâu cả nhưng được hun đúc bằng xương máu từ nhiều ngàn năm lịch sử, lớn lên trong lời dạy bảo của cha và lời ru của mẹ.

Trong cuộc phỏng vấn ngày 26 tháng 2 năm 2005 của đài BBC, nhà thơ Hoàng Cầm cũng đã xác nhận: "*Lúc ấy tôi còn trẻ (đỗ tú tài năm 1940), tham gia cách mạng là vì tinh thần yêu nước chứ cũng không biết gì về các chủ nghĩa. Tôi viết các vở kịch mang chất lịch sử, xuất phát từ lòng yêu nước*".

Một người như nhà thơ Hoàng Cầm, có bằng tú tài, một trình độ giáo dục được xem là cấp cao của thời bấy giờ, vẫn không biết gì về chủ nghĩa Mác - Lê thì hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu tâm hồn nông dân chơn chất Việt Nam khác làm sao hiểu được thế nào là duy vật lịch sử, duy vật biện chứng, giá trị thặng dư, thời kỳ quá độ và họ chắc cũng chẳng quan tâm đến các ông Các Mác râu xồm hay ông Lenin trán hói là ai.

Tôi tin đa số những người đã chết trong cuộc chiến chống thực dân là những người hy sinh cho độc lập, tự do đúng nghĩa. Họ ngã xuống cho thanh bình sớm được vãn hồi trên quê hương khổ đau và bất hạnh Việt Nam. Họ ngã xuống trong nụ cười, bởi vì ngay cả khi nhắm mắt lìa đời họ vẫn tin rằng họ đang chết cho tổ quốc, đang chết cho tương lai dân tộc như tổ tiên họ đã chết trên sông Bạch Đằng, trên bến Chương Dương, trong đầm Dạ Trạch, giữa núi rừng Yên Thế. Họ chết đi trong giấc mơ tuyệt đẹp về một đất nước

tương lai, một đất nước của Hùng Vương thương yêu và giàu mạnh. Tuyệt đại đa số, nếu không muốn nói rằng tất cả, đều tin như thế.

Tôi không tin một người Việt Nam nào có thể lấy thân mạng mình lấp vào ổ súng thực dân hay lấy thân mình làm đòn kê để khẩu pháo khỏi rơi xuống hố sâu chỉ để mong một ngày đất nước Việt Nam sẽ biến thành một thiên đường, ở đó con người làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu, muốn gì có nấy như đã khẳng định trong kinh điển Mác - Lê.

Không! Những nông dân Việt Nam yêu nước từ bỏ ruộng vườn ra đi theo tiếng gọi của non sông như một thời vang vọng từ Chí Linh, Lam Sơn, Bạch Đằng, từ bốn ngàn năm lịch sử. Họ đã từng ôm lấy nhau mà hát: *"Vì nước, ruộng nương anh để vợ anh cày, gian nhà tranh mặc kệ gió lung lay... Áo anh rách vai, quần tôi có hai miếng vá, miệng còn cười buốt giá chân không giày, thương nhau, ta nắm lấy bàn tay".*

Không ai gần gũi với đất nước hơn là nông dân và cũng không ai yêu đất nước hơn người nông dân. Cả đời họ gắn liền với bờ ao, ruộng lúa. Họ đánh Tây chỉ vì một lý do đơn giản, để được sống thanh bình, tự do trong căn nhà tranh, bên bờ ao thửa ruộng của họ. Ý nghĩa của quê hương trong lòng người nông dân trong sáng như thế đó.

Và cho dù những người nông dân áo vải thô đó có tham gia vào đảng cộng sản đi nữa, việc tham gia của họ cũng chủ yếu là để được tổ chức hóa nhằm mục đích hợp đồng chiến đấu, đạt đến chiến thắng dễ dàng hơn mà thôi. Nếu họ sinh ra ở Quảng Nam họ sẽ gia nhập Việt Nam Quốc dân đảng, sinh ra ở Quảng Trị họ sẽ gia nhập Đại Việt, sinh ra ở Cần Thơ, Vĩnh Long họ sẽ gia nhập Dân xã đảng. Đó là trọng điểm của các đảng phái chống Pháp trong những thập niên đầu của thế kỷ 20.

Trong ý thức đơn sơ của người dân Việt, các tổ chức chống thực dân là những chiếc phao họ bám để sang bờ độc lập. Người dân hiền lành ngày đó làm sao biết được con đường họ đi không dẫn đến độc lập, tự do, hạnh phúc mà dẫn đến nghèo nàn, lạc hậu, độc tài và làm sao biết được chiếc phao họ bám cũng là chiếc bẫy buộc chặt cuộc đời họ cho đến ngày nay.

Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam nhưng tôi nhìn lịch sử từ hướng con tim và bằng lý trí chứ không nhìn từ điện Kremlin, White House, khu Trung Nam Hải Bắc Kinh hay bằng những kiến thức và lý luận một chiều.

Tôi học để hiểu rằng cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Đó là cuộc chiến giữa dân tộc Việt Nam bị trị chống lại thực dân Pháp bóc lột và nô lệ đất nước chúng ta. Cuộc chiến đó bắt đầu khi tiếng đại bác của tướng thực dân Rigault de Genouilly bắn vào Đà Nẵng năm 1859 chính thức phát động cuộc chiến tranh xâm lược cho đến khi chúng rút ra khỏi Việt Nam vào năm 1954.

Trong gần một trăm năm đó, máu của hàng triệu người Việt Nam đã đổ xuống khắp ba miền, từ ruộng lúa Tiền Giang đến châu thổ sông Hồng, từ Côn Đảo đến Réunion, từ dải Trường Sơn trùng điệp đến núi rừng âm u Việt Bắc. Bên tai tôi như vẫn còn nghe tiếng hô "Việt Nam vạn tuế" của Nguyễn Thái Học, lời dặn dò của Phan Chu Trinh, tiếng gào thống thiết của Nguyễn An Ninh, lá thư viết bằng máu của Phan Bội Châu, giọng thơ hùng tráng của Lý Đông A, tiếng sóng Châu Giang vỗ vào thân xác của Phạm Hồng Thái.

Người yêu nước bằng tình yêu trong sáng, không đánh thuê, đánh mướn cho một chủ nghĩa, một ý thức hệ ngoại lai vong bản hay cho một quyền lợi đế quốc nào sẽ không bao giờ chết, không bao giờ bị lãng quên.

Khoảng cách giữa thương nước và hại nước không phải là một chiếc cầu dài mà trái lại rất ngắn và mỏng như sợi tóc. Chiếc cầu nhận thức đó ngắn đến nỗi nếu chỉ bước thêm một bước nữa, một người yêu nước sẽ tức khắc trở thành kẻ bán nước.

Đó là thực chất của cuộc chiến gọi là "Chống Mỹ cứu nước" sau 1954 đến 30 tháng 4 năm 1975.

Nhiều người nhìn cuộc chiến Việt Nam như nhìn vào màu nước biển. Tùy theo thời gian và chỗ đứng của mỗi người, nước biển có một màu sắc khác nhau. Nhưng màu thật sự của giọt nước không thay đổi dù sáng, trưa, chiều, tối, trong bờ hay ngoài khơi. Tương tự, cuộc chiến Việt Nam đã được gọi bằng nhiều tên gọi: nội chiến, chống đế quốc, ủy nhiệm, đánh thuê…, nhưng bản chất của cuộc chiến vẫn chỉ là một mà thôi.

Như vậy, bản chất của cuộc chiến từ 1954 đến 1975 là gì?

Trong các định nghĩa về chiến tranh, tôi vẫn đồng ý với định nghĩa của Karl von Clausewitz nhất, *"chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những phương tiện khác"* (War is the continuation of politics by other means). Và từ định nghĩa đó, nhìn lại cuộc chiến Việt Nam, thay vì đi tìm nhãn hiệu quốc gia nào trên từng vỏ đạn, trên mỗi chiến xa hay thử nghiệm DNA, màu da, chủng tộc của từng xác chết, có lẽ chúng ta phải tìm hiểu nguyên nhân và mục đích của cuộc chiến đã xảy ra trên đất nước mình, không phải trong thời chiến mà ngay cả trước và sau cuộc chiến.

Nói về mục đích chiến tranh, khoảng năm 1970, tôi có đọc một cuốn sách của Giáo sư Nguyễn Văn Trung. Tôi không nhớ chính xác tên của tác phẩm nhưng nhớ rất rõ giáo sư đã dành nguyên trang đầu để viết mỗi một câu: *"Nói cho cùng, cuộc chiến Việt Nam vẫn là cuộc chiến tranh ý thức hệ"*. Câu nói đó kích thích sự tìm hiểu

của tôi rất nhiều về bản chất và mục đích của cuộc chiến Việt Nam mà các bên tham dự đang nhắm đến.

Ở miền Nam, chúng tôi lớn lên với nhiều câu hỏi và rất ít câu trả lời, trong khi đó, thế hệ trẻ miền Bắc lớn lên có tất cả câu trả lời chờ sẵn mà không cần đợi hỏi. Nếu ai hỏi một trăm em, hay thậm chí một ngàn em học sinh Việt Nam tốt nghiệp phổ thông tại miền Bắc về lý do của cuộc chiến tranh được mệnh danh là "giải phóng miền Nam", tôi tin người hỏi sẽ nhận về những câu trả lời giống hệt nhau, đó là "chống giặc Mỹ xâm lược để thống nhất đất nước".

Giặc Mỹ xâm lược?

Phải chăng vì "giặc Mỹ xâm lược" Nam Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, Tây Đức nên ngày nay các quốc gia này mới trở nên những nước giàu có nhất nhì trên thế giới.

Thống nhất đất nước?

Vâng, không một người Việt Nam nào muốn cắt đi phần da thịt của mình hay muốn đất nước mình phải chia đôi, chia ba, nhưng nếu để đổi sự thống nhất bằng sinh mạng nhiều triệu người dân vô tội, nhiều trăm ngàn người Việt Nam vẫn còn đang mất tích, hàng vạn cô gái Trường Sơn đã đánh mất tuổi xuân trong rừng sâu núi thẳm, một nền kinh tế đi sau nhân loại hàng thế kỷ, phải chăng là một giá nên đổi?

Độc ác như Kim Nhật Thành nhưng sau cuộc thử lửa 1950 đã không còn nuôi giấc mộng xâm chiếm Nam Hàn lần nữa. Bạo chúa cỡ Erich Honecker cũng chưa bao giờ dám nghĩ chuyện phiêu lưu thống nhất nước Đức bằng con đường võ lực.

Trước 1975, tôi nghe rất nhiều về quốc gia, cộng sản nhưng ai cũng bận đánh nhau, chẳng bao nhiêu người dành thời gian nghiên cứu kỹ càng và phổ biến rộng rãi về thế nào là quốc gia và thế nào là cộng sản. Một số không ít các nhà lãnh đạo miền Nam từng là

sĩ quan trong quân đội Pháp hay đã phục vụ trong chính quyền thuộc địa Pháp nên cũng không thích nghe quá nhiều những mẩu chuyện khơi dậy lòng yêu nước chống thực dân và cũng không đặt nặng việc xây dựng một hệ ý thức quốc gia dân tộc hoàn chỉnh. Một số người được gọi là trí thức trong xã hội miền Nam thì xem việc chống chính phủ, chống Mỹ là một thời trang mặc dù nhiều trong số họ ăn lương Mỹ.

Xã hội miền Nam trước 1975 hẳn nhiên không phải là một xã hội lý tưởng. Miền Nam có tham nhũng, có cậy quyền, có lũng đoạn, có độc tài, có tham ô, có lãng phí, nói chung có đủ các biến chứng tiêu cực của một đất nước vừa thoát ra khỏi ách phong kiến và thực dân. Nhưng đồng thời miền Nam cũng có các điều kiện và nhân tố cần thiết để xây dựng một xã hội dân chủ pháp trị. Giống như việc trồng cây ăn trái, những hạt mầm dân chủ cũng phải được gieo, phân bón, tưới nước, chịu đựng nắng mưa, gió bão, trước khi đâm chồi, nẩy lộc, đơm hoa và kết trái.

Mặc dù đang chập chững trên hành trình dân chủ hóa như thế, không có nghĩa là hàng triệu người lính miền Nam chiến đấu không lý tưởng.

Một người lính nghĩa quân gác chiếc cầu ở đầu làng để mấy anh du kích khỏi về giựt sập cũng là một biểu hiện hùng hồn của lý tưởng tự do và chủ quyền. Chiếc cầu là huyết mạch kinh tế của làng, là trục giao thông chính của làng, là vẻ đẹp của làng, và bảo vệ chiếc cầu là nhiệm vụ sống còn mà người lính nghĩa quân phải làm cho bằng được. Lý tưởng tự do của một dân tộc dù thiêng liêng vĩ đại bao nhiêu cũng bắt nguồn từ những hình ảnh nhỏ nhoi nhưng đầy ý nghĩa đó.

Trong suốt 20 năm từ sau 1954, nhân dân miền Nam, không có một con đường nào khác hơn là phải chiến đấu để bảo vệ quyền được sống trong một xã hội họ đã chọn lựa.

Không ít nhà lãnh đạo miền Nam đã bắt đầu cuộc đời chính trị hay binh nghiệp trong hàng ngũ Pháp. Nhưng giống như hàng triệu người dân miền Nam khác, họ đã chung lưng nhau chiến đấu để bảo vệ quyền được nói những điều họ nghĩ, quyền được sống nơi họ muốn sống, quyền đi nhà thờ, đi chùa họ chọn, quyền được hát bài hát họ thích.

Dù quá khứ khác nhau nhưng họ đều ngã xuống như những người yêu nước. Đừng quên, những người bị gọi là "Ngụy," là "theo Tây," "theo Mỹ" kia không chỉ phải bảo vệ miền Nam mà còn phải chiến đấu trong điều kiện vô cùng khó khăn để giữ từng cù lao, từng khoảng không gian của vùng trời, từng hải lý của vùng biển Việt Nam. Hạt cát Hoàng Sa vẫn còn đỏ màu máu của họ.

Thế nhưng, số phận các quốc gia nhược tiểu thì ở đâu và thời nào cũng vậy, nếu tương hợp với quyền lợi của đế quốc thì sống và ngược lại thì chết.

Bởi vì mục đích của đảng Cộng sản Việt Nam rất tương hợp với quyền lợi của Liên Xô và Trung Quốc nên "vinh quang này thuộc về đảng Lao động Việt Nam" như Lê Duẩn nói, trong lúc nhiều cấp lãnh đạo miền Nam phải tự sát hay sắp hàng đi vào tù bởi vì quyền lợi của nhân dân miền Nam (chiến đấu để bảo vệ và xây dựng các nền móng tự do dân chủ riêng ở miền Nam) không còn tương hợp với sách lược thế giới của Tổng thống Richard Nixon.

Thật ra, không phải đợi đến khi Tổng thống Nixon thay đổi đường lối chiến tranh mới dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam, chính sách của Mỹ tại Việt Nam đã thất bại ngay từ trong trứng. Đánh nhau với ba nước tiên phong và hùng hổ nhất trong khối cộng sản quốc tế (Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô) mà chỉ nhằm bảo vệ miền Nam Việt Nam thì sự thất bại là vấn đề thời gian mà thôi.

Danh tướng Đức Erwin Rommel chẳng từng viết "phòng thủ là tự sát" đó sao. Trong chiến tranh Đại Hàn, nếu quân đội đồng minh không đổ bộ lên Incheon, giải phóng Seoul, vượt vĩ tuyến 38, chiếm cả thủ đô Bình Nhưỡng của Bắc Hàn, mà chỉ lo phòng thủ miền Nam thì số phận Nam Hàn chưa biết sẽ ra sao.

Sau 1975, chính Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đã xác định cuộc chiến từ sau 1954 đến 1975 là chiến tranh ý thức hệ giữa cộng sản và tự do.

Trong diễn văn mừng chiến thắng vào đầu tháng 5 năm 1975, Lê Duẩn không còn che giấu tham vọng nhuộm đỏ cả nước Việt Nam khi tuyên bố: "*Vinh quang này thuộc về đảng Lao động Việt Nam quang vinh, người lãnh đạo của giai cấp công nhân, giai cấp tiền phong trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*".

Câu nói "*tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc...*" đã trở thành một trong những câu khẩu hiệu phổ biến nhất trong thời kỳ đó.

Câu khẩu hiệu dài lòng thòng này đã làm tốn nhiều vải và mực nhất trong những năm sau 1975 mà người dân không có áo mặc. Ngoài ra, trong tác phẩm được xem như là kinh điển, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*, Lê Duẩn cũng nhiều lần khẳng định mục tiêu cuối cùng của cách mạng tại Việt Nam là đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội hiện đại (công nghiệp, nông nghiệp và khoa học kỹ thuật), tạo điều kiện vững chắc cho chủ nghĩa cộng sản khoa học trong tương lai.

Nói chung, đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập vào năm 1930 cho đến nay, tuy khác nhau về chiến lược của mỗi thời kỳ và hoạt động dưới nhiều tên gọi nhưng hoàn toàn nhất quán về tư tưởng và mục đích chính trị.

Người đọc sẽ thắc mắc, thế thì công sức của đảng cộng sản trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp đầy gian khổ nhưng cũng rất vinh quang đó là gì?

Xin thưa, từ nhỏ tôi được dạy rằng khi giúp đỡ ai thì đừng cầu ơn phước, vì giúp người chỉ để mưu cầu lợi lộc riêng tư thì không phải giúp người mà chỉ là một hành động đầu tư trên sự khổ đau của kẻ khác mà thôi.

Từ khi thành lập đảng Cộng sản Đông Dương cho đến 1954, một số lãnh tụ cộng sản đã chiến đấu trong hàng ngũ người Việt yêu nước, vâng, nhưng mục đích cuối cùng của họ không phải là độc lập dân tộc hay thống nhất đất nước.

Hơn bốn mươi năm, kể từ 1975, một khoảng thời gian đủ dài và một vết chém đủ đau để nhân dân Việt Nam ý thức ra rằng thống nhất đất nước chỉ là điều kiện làm tiền đề cho mục đích cộng sản hóa toàn cõi Việt Nam.

Hành động đốt sách vở một cách không phân biệt, xóa bỏ mọi tàn tích văn hóa cũ, đổi tiền năm bảy lượt, bỏ tù hàng trăm ngàn người, đày đi kinh tế mới hàng triệu đồng bào là những bằng chứng hiển nhiên đến mức không ai còn có thể chối cãi được.

Nếu chỉ đánh Mỹ để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, tại sao họ đã thi hành các biện pháp đầy đọa, trừng phạt, tẩy não vô cùng thất nhân tâm như đã làm sau 1975 đối với chính đồng bào máu mủ của mình?

Trong quan điểm đó, đảng cộng sản không có công trạng hay ơn nghĩa gì với dân tộc Việt Nam cả. Họ chỉ là những người cho vay lấy lãi nặng bằng máu xương của bao nhiêu thế hệ Việt Nam.

Hãy so sánh cách sống của những ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương đảng và cuộc đời của những người được gọi là "chủ

nhân đất nước" đang lây lất dưới gầm cầu Long Biên để thấy cái mức lãi mà dân tộc ta phải trả cho đảng Cộng sản Việt Nam cao đến bao nhiêu.

Bất cứ người Việt Nam có một chút kiến thức kinh tế, chính trị và nhìn lịch sử một cách khách quan phải công nhận rằng, nếu không có ý thức hệ cộng sản, Việt Nam không những vẫn là một dân tộc thống nhất mà còn có đời sống tự do, dân chủ, nhân bản và giàu mạnh gấp trăm, gấp nghìn lần hơn hôm nay.

Mục lục

- ***Lời giới thiệu của Giáo sư Trần Văn Thành:***

  Chính luận Trần Trung Đạo: Thông điệp gửi quê nhà Việt Nam ... 5
- Việt Nam không phải là Miến Điện 10
- Vai trò Mao trong chiến dịch tiến chiếm Hoàng Sa 1974 15
- Tham vọng và nỗi lo của Tập Cận Bình 25
- Gọi tên cuộc chiến 33
- Ai có quyền viết sử Việt Nam 41
- Từ "Thép đã tôi thế đấy" đến "Nhật ký Đặng Thùy Trâm"
  Những ước mơ bị phản bội 47
- Tâm tình cùng tuổi trẻ 61
- Tuyên truyền Đức Quốc xã và tuyên truyền cộng sản 71
- Tâm lý phản chiến 79
- Chu kỳ thù hận Việt - Trung - Miên 85
- Chủ nghĩa Thực dân Đỏ Trung Cộng tại Phi châu 105
- Cách mạng dân chủ qua kinh nghiệm Mông Cổ 121
- Tiếng hát Lộc Vàng 127
- Nguồn gốc cộng sản của ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 133

- Đừng đánh rơi tuổi trẻ 143
- Ngày cuối cùng của chế độ cộng sản Liên Xô 153
- Nước mắt Nguyễn Bảo Nguyên không chảy qua sông Potomac ..163
- Suy nghĩ bên Quảng trường Anh hùng ở Budapest 167
- Trung Cộng - Một cường quốc hèn mọn 171
- Nguồn gốc cộng sản của ngày Nhà giáo Việt Nam 179
- Nelson Mandela và tiến trình hòa giải tại Nam Phi 185
- Viện Khổng Tử 205
- Giặc Ân ngày nay không ở đâu xa 215
- Kinh nghiệm "thoát Nga" của các nước vùng Baltic và chọn lựa Việt Nam 221
- Bệnh nghiện rượu dưới chế độ cộng sản 243
- Người nông dân xứ Sierra Leone và "Trí thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" 249
- Mùa xuân trên quê hương ngoài ký ức 259
- Buổi sáng ở Lion Plaza, San Jose 267
- Hãy nói trước ngày chết 273
- Cờ đỏ sao vàng là cờ Tổ quốc? 283
- Thể thao dưới chế độ cộng sản 297
- Thành phần phên giậu 301
- Chỉ cộng sản mới lật đổ được cộng sản? 305
- Đặng Tiểu Bình trong Chiến tranh Biên giới Việt Trung 1979 ... 309
- Tập Cận Bình và "Bẫy Thucydides" 323
- Niềm đau Madrid, nỗi nhớ Sài Gòn 327

◆ Cộng sản Việt Nam trong quan hệ Mỹ - Trung 335
◆ Việt Nam con thuyền không bến 349
◆ Khi tiếng khóc chính là lời tố cáo 355
◆ Chuyển hóa tri thức 363
◆ Cách mạng hát hùng ca 369
◆ Sam Rainsy là ai? 375
◆ Cá nhân độc tài và đảng độc tài 381
◆ Chính sách "Đu dây" và hậu quả 389
◆ Cuộc đấu tranh này là của người Việt Nam 393
◆ Những ngày tháng tới 397
◆ Mao và Mặt trận Giải phóng miền Nam 403
◆ Nhìn lại chiến tranh Việt Nam 413